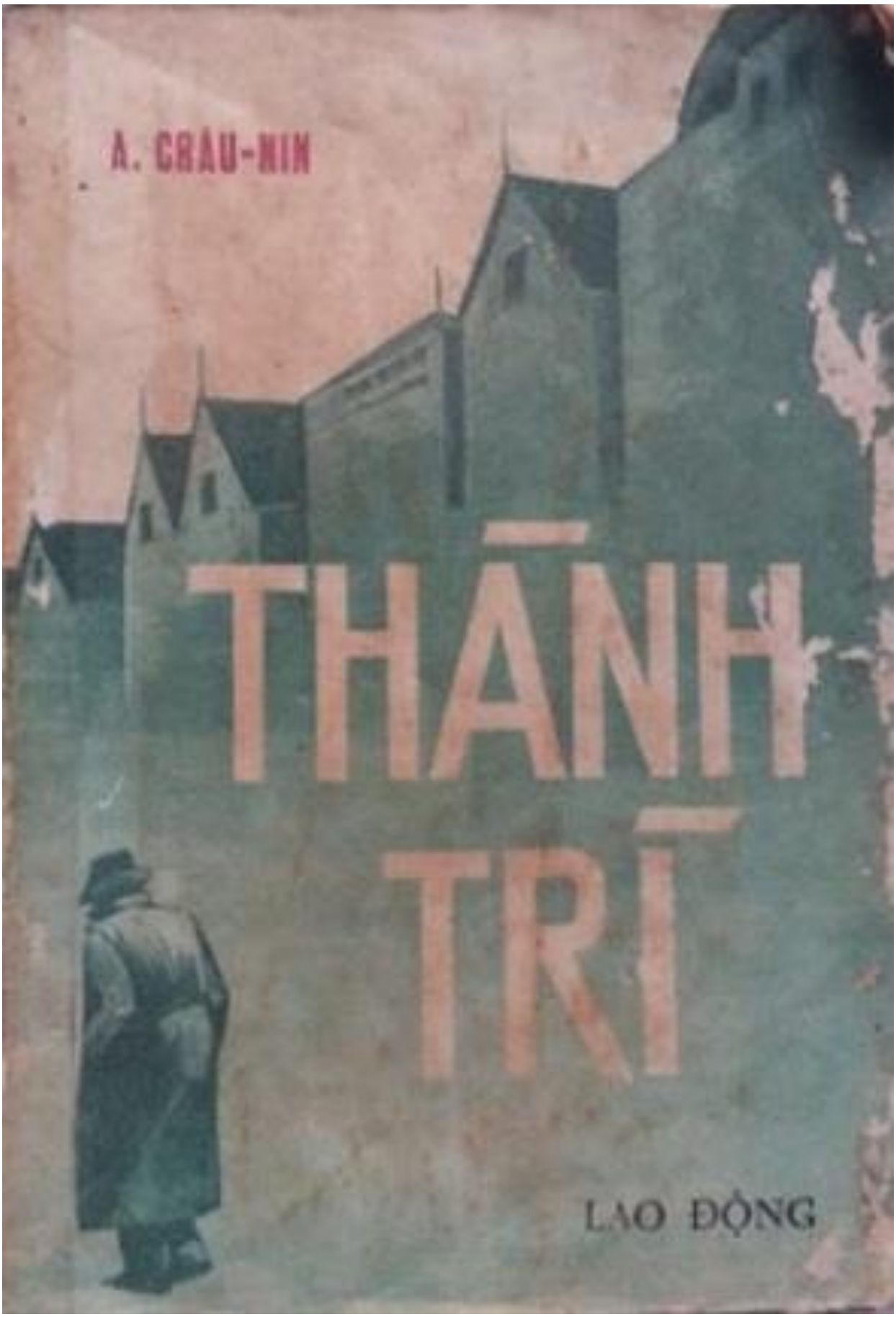
A. CRÂU-NIN
THÀNH TRÌ
LAO ĐỘNG

A. J. Cronin

THÀNH TRÌ

Tiểu thuyết

HOÀNG CƯỜNG dịch

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

HÀ NỘI – 1984

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh

“THE CITADEL”

của Nhà xuất bản Foreign Languages Publishing House
Moscow – 1955

LỜI GIỚI THIỆU

Với chủ đề nổi bật trong toàn bộ tác phẩm là đạo đức và trách nhiệm của người thầy thuốc, "Thành trì" mô tả một cách sinh động cuộc sống và đấu tranh của một bác sĩ trẻ tuổi tài năng, có lương tâm và nhiệt huyết, say mê làm việc vì khoa học và sức khỏe của người bệnh. Đây là cuộc đấu tranh chống lại sự dốt nát lạc hậu ngự trị trong ngành y và tổ chức y tế cổ hũ ở nước Anh đương thời, chống lại những lối làm ăn tắc trách, bất lương của những thầy thuốc coi rẻ tính mạng con người. Đây cũng là cuộc đấu tranh với bản thân, chống lại sự cám dỗ của tiền tài và danh vọng.

Trong cuộc vật lộn không cân sức ấy, những người xốc nổi, bồng bột, ít từng trải như bác sĩ Andrew Manson đã nhiều phen mắc phải sai lầm, nếm mùi thất bại và không tránh khỏi có lúc sa ngã. Cuốn sách mô tả những bậc thang sa sút ghê gớm về đạo đức và tinh thần của một con người mà bản chất tốt đẹp đã bị những thế lực bạo tàn của chế độ tư bản làm mai một và tiêu tan.

Tác giả Archibald Joseph Cronin là một bác sĩ trở thành nhà văn. Quãng đời bác sĩ của ông có những chặng đường giống nhân vật Andrew Manson. Tốt nghiệp đại học y khoa, ông về làm việc tại một vùng mỏ miền Nam xứ Wales rồi ra Luân Đôn ở hơn mười năm. Sau đó tình hình sức khỏe buộc ông phải từ bỏ nghề y.

Trong những năm làm bác sĩ, Cronin đã có dịp tìm hiểu cuộc sống và lao động của những người thợ mỏ, và đồng thời nhìn thấy tường tận những mặt trái của ngành ở nước Anh. Những cảm xúc và những điều tai nghe mắt thấy trong thời gian đó thôi thúc ông viết và chúng đã đem lại cho tác giả những trang sách vô cùng chân thực và sinh động. Tác phẩm đầu tay "Lâu đài người thợ mũ", ra đời năm 1931, đã đưa ngay Cronin lên một vị trí nổi bật trên văn đàn. Tiếp đó là các cuốn "Dưới các vì sao" (1935) và "Thành trì" (1937).

Các tác phẩm của Cronin đều đậm tính hiện thực, chan chứa tình cảm nhân đạo và giàu tình tiết hấp dẫn. Một nhà phê bình văn học đã gọi ông là "Dickens mới của Anh"

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

QUYỂN I

I

Vào một buổi chiều tà tháng mười năm 1921, trên con tàu vắng tanh chạy từ Swansea đang nặng nề trườn mình leo dốc ngược thung lũng Penowell, ở toa hạng ba có một người trai trẻ, quần áo xuềnh xoàng, mắt đăm đăm nhìn qua khung cửa sổ. Andrew Manson đã đi đường suốt cả ngày hôm nay từ miền Bắc, đến Carlisle và Shrewsbury thì chuyển tàu, thế mà sang chặng đường cuối cùng của cuộc hành trình buồn tẻ đưa anh đến miền Nam xứ Wales, anh còn thấy trong lòng bồn chồn háo hức hơn khi nghĩ đến công việc anh sắp nhận tại mảnh đất xa lạ, gớm ghiếc này. Đây là việc làm đầu tiên trong đời bác sĩ của anh.

Bên ngoài, trời mưa xối xả che mờ những dãy núi dựng đứng hai bên con đường sắt đơn tuyến. Ngọn núi chìm vào trong bầu trời trống rỗng nhờ nhờ xám, còn sườn núi loang lổ những miệng giếng mỏ như những vết sẹo chạy dốc xuống thành một mảnh màu đen ảm đạm, thê lương, nham nhở những bãi xỉ quặng kết sù, bên trên có vài ba con cừu bẩn thỉu vơ vẩn tìm mãi không được một ngọn cỏ. Chẳng có một lùm cây, một túp cỏ nào. Trong ánh sáng nhợt nhạt đang tối dần, những thân cây trông giống như những bóng ma khẳng khiu, còi cọc. Đến một chỗ ngoặt, ngọn lửa đỏ rực của một xưởng đúc loé lên chiếu sáng một đám thợ mình trần, lưng vươn dài, tay quai tay búa. Tuy cảnh ấy vụt biến đi ngay đằng sau những công trình hỗn độn trên mặt đất của mỏ, song nó vẫn để lại một cảm giác mãnh liệt, căng đầy sức sống. Andrew hít một hơi dài. Trước cảnh tượng ấy, anh bỗng thấy trong người trào lên một nguồn nghị lực, tràn ngập một cảm giác hân hoan nẩy sinh từ niềm hy vọng và hứa hẹn của tương lai.

Nửa giờ sau, trời tối hẳn càng làm cho cảnh vật thêm xa lạ và hoang vắng, con tàu hổn hển vào Blaenelly, thị trấn tận cùng của thung lũng và cũng là ga cuối cùng của tuyến đường. Thế là cuối

cùng anh cũng tới nơi. Tay xách va-li, Andrew nhảy xuống tàu, rảo bước đi hết ga, nhớn nhác xem có ai ra đón không. Ở cổng ga, dưới một ngọn đèn chao đi chao lại trước gió, có một ông lão mặt vàng ệch, đội chiếc mũ vuông cạnh và mặc chiếc áo mưa dài thườn thượt đang đứng đợi. Ông lão nhìn Andrew xoi mói, hỏi với giọng khó chịu:

- Ông là phụ tá mới của bác sĩ Page phải không?

- Vâng. Tên tôi là Manson, Andrew Manson.

- Hừ! Còn tôi là Thomas. "Lão Thomas", ai cũng gọi như vậy, mặc xác họ. Tôi đưa xe đến kia kìa… Lên đi… trừ khi ông muốn lội nước thì không kể.

Andrew quẳng va-li vào trong xe, rồi trèo lên chiếc xe ọp ẹp đóng một con ngựa đen đủi, cao lêu nghêu, gầy giơ xương. Lão Thomas bước lên theo, cầm lấy dây cương và thét:

- Đi nào, Taffy!

Chiếc xe lăn bánh qua thị trấn. Andrew cố giương mắt nhìn xem thị trấn này như thế nào, nhưng qua màn mưa chỉ thấy lờ mờ những dãy nhà thấp lè tè, xám xịt, nối đuôi nhau dưới chân dưới ngọn núi cao ngút lúc nào cũng sừng sững trước mắt. Lão xà ích già lặng thinh không nói một câu nào đến mươi phút, chỉ liếc đôi mắt gườm gườm từ dưới vành mũ lõng tõng mưa nhìn Andrew. Trông lão không có một vẻ gì giống người đánh xe ngựa bảnh bao của một bác sĩ làm ăn khấm khá. Lão bé loắt choắt, lôi thôi lếch thếch, người lúc nào cũng xông ra một mùi khét lèn lẹt.

Mãi sau lão mới nói:

- Vừa mới nhận bằng xong phải không?

Andrew gật đầu.

- Biết mà. – Lão Thomas nhổ nước bọt đánh toẹt một cái. Lão thấy mình đoán trúng nên ham nói chuyện hơn, giọng ồ ồ – Người

phụ tá cũ vừa mới bỏ đi cách đây hai hôm. Nói chung, chẳng ai chịu ở lại.

- Sao thế? – Tuy băn khoăn nhưng Andrew vẫn mỉm cười.

- Một là vì quá nhiều việc, chắc thế.

- Vì sao thế?

- Rồi sẽ biết!

Một lát sau, như một người hướng dẫn khách du lịch giới thiệu một nhà thờ to đẹp, lão Thomas giơ chiếc roi đánh ngựa chỉ về một phía cuối một dãy nhà, chỗ một khung cửa nhỏ có ánh đèn phả ra một đám hơi nước.

- Kia kìa, thấy không? Đấy là cửa hàng khoai rán của tôi. Bà lão nhà tôi ở đấy. Mỗi tuần rán khoai hai lần. Có cả cá nữa. – Một sự thích thú ngầm nào đó làm méo xệch chiếc môi trên dài của lão – Rồi thể nào ông cũng mò đến đó ngay mà.

Phố chính đến đây là hết. Rẽ sang một ngách phố bên cụt lủn, gồ ghề, chiếc xe lọc cọc chạy qua một bãi đất trống rồi ngoặc vào một lối đi hẹp của một ngôi nhà đứng tách biệt với những nhà bên cạnh, đằng sau ba cây thông Nam Mỹ. Ngoài cổng treo chiếc biển đề "Bryngower"

Thomas giật cương giữ ngựa lại:

- Đến rồi.

Andrew xuống xe. Ngay phút sau, khi anh hãy còn đang chuẩn bị tinh thần cho cuộc thử thách của buổi gặp gỡ đầu tiên này thì cửa trước đã bật mở, và anh bỗng thấy mình đứng trong một gian phòng đèn sáng và được một người phụ nữ trạc bốn mươi tuổi, lùn béo, tươi cười, da mặt căng bóng, hai con mắt tinh nhanh táo bạo, tiếp đón niềm nở.

- À! À! Đây hẳn là bác sĩ Manson rồi. Mời ông vào, ông bác sĩ thân mến, mời ông vào. Tôi là vợ bác sĩ Page. Mong ông đi đường

không đến nỗi mệt mỏi lắm. Ông đến, tôi mừng quá. Tôi cứ điên đầu lên từ khi cái tên quỷ tha ma bắt ấy nó bỏ chúng tôi nó đi. Giá ông được thấy hắn nhỉ. Thật chưa bao giờ tôi gặp một kẻ nào hoang tàng như nó, tôi cam đoan với ông như vậy. Ối dào! Nhưng mà thôi, không sao cả. Có ông đến đây rồi là mọi việc sẽ tốt đẹp. Mời ông đi. Tự tôi sẽ đưa ông đến phòng dành riêng cho ông.

Buồng của Andrew ở trên gác, một gian buồng bé nhỏ, kê một chiếc giường đồng, một tủ ngăn kéo đánh véc-ni vàng, một cái bàn bằng tre trên để một chậu thau và một cái sô.

Andrew đưa mắt nhìn khắp một lượt trong khi hai con mắt như hai chiếc khuy đen của bà Page nhìn soi mói vào mặt anh làm anh vội lịch sự nói:

- Trong có vẻ tiện nghi lắm, thưa bà Page.

Blodwen Page tươi cười lấy tay vỗ vai Andrew thân mật như người mẹ vỗ vai con cái trong nhà:

- Đúng thế. Ở đây ông sẽ được vừa ý, ông bác sĩ thân mến ạ. Ông tử tế với tôi và tôi tử tế lại với ông. Tôi chỉ biết nói thẳng thắn như thế với ông thôi. Còn bây giờ, không nên để phí thời gian, mời ông đến gặp bác sĩ Page – Bà ta ngưng lời, con mắt vẫn nhìn Andrew dò xét, cố lấy giọng bình thường, tự nhiên – Không biết tôi có nói trong thư không nhỉ, nhưng thực tế là bác sĩ Page dạo này không được khỏe lắm.

Andrew nhìn bà ta sửng sốt. Không để anh kịp xen vào một câu, bà Page vội nói:

- Ồ, không có gì ghê gớm lắm đâu. Bác sĩ Page phải nằm mất mấy tuần nay. Nhưng ông ấy rồi sẽ sớm bình phục. Ông có thể tin như vậy.

Bụng lấy làm lạ, Andrew đi theo bà Page đến chỗ cuối hành lang. Bà ta mở cửa một gian buồng rồi cất giọng vui vẻ:

- Mình ơi, ông Edward ơi. Đây là bác sĩ Manson, người phụ tá mới của chúng ta. Ông ấy đến chào mình đấy.

Gian phòng dài ngoẵng, đồ đạc tồi tàn, rèm che kín mít, trong lò sưởi leo lét một ngọn lửa nhỏ. Khi Andrew bước vào thì bác sĩ Edward Page từ từ trở mình trên giường có vẻ khó nhọc lắm. Ông khoảng sáu mươi tuổi, cao gầy, nét mặt rắn rỏi, đôi mắt sáng và mệt mỏi. Tất cả vẻ mặt và bộ dạng ông lộ rõ nỗi đau đớn và một tâm trạng chán chường, nhẫn nhục. Và còn có một cái gì hơn thế nữa. Ánh sáng của ngọn đèn dầu hắt lên gối cho thấy một bên mặt ông cứng đờ, bất động, như bằng sáp. Nửa người bên trái ông cũng bị liệt như vậy, và bàn tay trái đặt trên tấm chăn vá víu, co quắp như một mẩu chỉ cụt bóng nhẫy.

Nhìn thấy những dấu hiệu của một căn bệnh nghiêm trọng lâu năm này, Andrew bỗng kinh hoàng. Không khí im lặng nặng nề. Cuối cùng, bác sĩ Page cất tiếng nói, chậm chạp, khó khăn, tiếng nọ hơi nhíu với tiếng kia.

- Tôi mong rằng ở đây ông sẽ cảm thấy dễ chịu. Tôi mong rằng công việc không quá vất vả đối với ông. Ông còn trẻ lắm.

Andrew ngượng nghịu trả lời:

- Thưa ông, tôi năm nay hai mươi tư tuổi. Đây là lần đầu tiên tôi nhận việc, thưa đúng thế, nhưng tôi không ngại công việc.

Blodwen Page hớn hở:

- Đó! Mình thấy chưa, Edward! Tôi đã bảo mình là chúng ta sẽ gặp may với người phụ tá sau mà!

Mặt ông Page trông càng đờ đẫn. Ông nhìn Andrew, rồi có vẻ như không muốn để tâm đến nữa, giọng mệt mỏi nói:

- Tôi hy vọng ông sẽ ở lại đây.

- Ô hay! Nói năng lạ nhỉ! – Blodwen kêu lên, rồi quay sang Andrew cười xin lỗi – Chả là ông ấy hôm nay hơi mệt một chút, ít hôm nữa là lại dậy làm việc ngay đấy mà. Có phải thế không,

mình yêu quý? – Bà ta cúi xuống hôn chồng thắm thiết. – Tôi sẽ bảo chị Annie mang cơm tối lên buồng mình khi nào ở dưới nhà ăn xong nhé.

Ông Page không trả lời. Vẻ cứng đờ trên nửa mặt ông làm mồm ông méo xệch đi. Bàn tay còn cử động được thò ra phía quyển sách đặt trên chiếc bàn cạnh giường.

Andrew đọc nhan đề cuốn sách: "Các loài chim rừng Châu Âu". Trước khi con người bất toại đó bắt đầu đọc sách, Andrew đã cảm thấy anh được phép rút lui rồi.

Andrew bước xuống nhà ăn tối, óc rối bời những ý nghĩ. Anh nhận chân làm phụ tá bác sĩ này sau khi đọc một tin tìm người đăng trên tờ "Mũi dao chích". Trong thư từ trao đổi với bà Page đưa đến kết cục là anh nhận đến đây làm việc, không thấy đả động tý gì đến bệnh tật của bác sĩ Page. Mà bác sĩ Page thì rõ ràng bị bệnh nặng rồi. Không còn có nghi ngờ về bệnh xuất huyết não trầm trọng đã làm cho ông ta phải liệt giường liệt chiếu thế kia. Phải hàng tháng nữa ông ta mới làm việc được, nếu như vạn nhất ông ta còn có thể trở lại làm việc.

Andrew cố gạt những mối băn khoăn lo nghĩ này ra khỏi đầu. Anh còn trẻ, khoẻ mạnh, anh không ngại phải làm thêm việc vì ông Page đau ốm. Đang trong tâm trạng phấn chấn, anh chỉ những mong sao có thật nhiều người bệnh mà thôi.

Ba Page tươi tỉnh nói khi bước vào buồng ăn:

- Ông Manson thân mến, hôm nay ông gặp may đấy. Ông có thể ăn bữa tối ngay bây giờ. Không phải khám bệnh cho ai hết. Dai Jenkins giải quyết xong cả rồi.

- Dai Jenkins?

- Người dược tá của chúng ta ấy mà – Bà Page thản nhiên nói – Một anh chàng khéo tay, lại chịu khó nữa. Có người còn gọi anh ta là bác sĩ Jenkins cơ đấy, nhưng cố nhiên không thể sánh được

với bác sĩ Page rồi. Mười hôm vừa qua, toàn là anh ta mổ xẻ và khám bệnh cả.

Andrew nhìn bà Page trân trân với một nỗi lo ngại mới. Tất cả những điều anh đã được nghe nói, đã được báo trước về những lối làm việc đáng ngờ trong ngành y tại những vùng thung lũng xa xôi hẻo lánh ở xứ Wales này hiện lên trong óc anh. Andrew phải cố ghìm mình lắm mới không bật ra thành lời.

Bà Page ngồi ở đầu bàn, xoay lưng lại lò sưởi. Khi đã yên vị thoải mái trên chiếc ghế riêng có lót một lần nệm rồi, bà ta buông ra một hơi thở dài khoan khoái tưởng tượng đến những gì sắp dọn ra và rung chiếc chuông nhỏ ở trước mặt. Chị người làm mang thức ăn lên. Chị tuổi nhơ nhỡ, mặt hơi tái và rất sạch sẽ. Chị đưa mắt nhìn trộm Andrew.

- Chị Annie này. Đây là bác sĩ Manson – Bà Page nói to, phết bơ vào một khoanh mì mềm xốp rồi đưa cả vào mồm.

Annie không trả lời. Chị nín lặng dọn cho Andrew một khoanh thịt bò nguội mỏng tang và dọn cho bà Page một món thịt bò rán hành nóng hổi kèm theo một chai bia nâu con. Tay nhấc chiếc nắp đậy đĩa ăn riêng của mình và xắn khúc thịt bò mềm ngọt làm miệng bà ta chưa chi đã ứa nước miếng, bà Page giải thích:

- Tôi không ăn trưa được mấy, bác sĩ Manson ạ. Với lại, tôi phải chú ý chế độ ăn uống của tôi lắm cơ. Vì cái máu của tôi ấy mà… Tôi phải dùng tí ti bia cũng vì máu của tôi đấy.

Andrew ra sức nhai khoanh thịt dai ngoách trên dĩa của mình và kiên gan uống nước lã. Sau một giây phút căm phẫn qua nhanh, cái mà anh phải cố sức ghìm lại chính là tính hài hước, châm biếm của anh. Sự cố yếu giả tạo của bà Page lộ liễu và trơ trẽn đến nỗi anh phải gắng lắm mới khỏi cười phá lên.

Trong bữa ăn, Blodwen Page ăn nhiều, nói ít. Sau cùng, bà ta lấy bánh mì quệt hết nước thịt bò, ăn hết khúc thịt nướng, tặc lưỡi tợp nốt những giọt bia cuối cùng, ngả người vào lưng ghế, thở phì

phò, đôi má bánh đúc đỏ bóng lên. Giờ đây bà ta có vẻ muốn ngồi nán lại bàn ăn chờ đón những chuyện tâm tình, có lẽ bà ta sẽ thử tìm hiểu, theo cách táo tợn riêng của mình, xem Manson là người như thế nào.

Quan sát Andrew Manson, Blodwen Page thấy anh là một chàng trai trẻ, gầy gò, vụng về, mái tóc sẫm, nét mặt khá rắn rỏi, gò má cao, chiếc cằm thanh tú và đôi mắt xanh biếc.

Đôi mắt ấy, khi Andrew ngước lên thì nhìn thẳng vào mặt người ta với vẻ xét hỏi, mặc dầu có những nếp nhăn đăm chiêu nôn nóng trên trán. Ngồi trước mặt Blodwen Page đúng là một mẫu người Celtic mà bà ta không biết. Tuy bà ta nhận ra những nét cương nghị và thông minh sắc sảo trên khuôn mặt Andrew, nhưng bà ta hài lòng nhất là cách Andrew chấp nhận không chần chừ khoanh thịt bò nguội mỏng dính nấu từ ba hôm trước. Blodwen suy tính rằng tuy Andrew trông có vẻ đói ăn nhưng chắc anh cũng không phải là người khó nuôi.

Lấy chiếc kim cài đầu xỉa răng, Blodwen Page lại thân mật vui vẻ nói:

- Tôi tin chắc ông và tôi, chúng ta sẽ làm ăn hòa thuận với nhau. Tôi cũng phải đến lượt gặp vận may chứ – Giọng ngọt ngào, Blodwen kể cho Andrew nghe những nỗi phiền muộn của mình và nói qua về tình hình công việc ở đây – Thật là cơ cực, ông bạn thân mến ạ. Ông không thể hiểu nổi đâu. Cứ nghĩ mà xem, bác sĩ Page thì đau ốm, những người phụ tá thì tồi tệ xấu xa, không thu về được tí gì mà tiền thì cứ trôi ra như nước… Có nói ông cũng không tin! Tôi lại còn khốn khổ ve vãn ông giám đốc và các quan chức của công ty mỏ nữa chứ! Tiền công khám và điều trị bệnh nhân đều ở họ mà ra cả – cũng chẳng nhiều nhặn gì đâu – Bà ta vội nói thêm – Ông hiểu không, công việc làm ăn ở Blaenelly là như thế này: Công ty mỏ có ba bác sĩ chính ngạch, nhưng ông nên nhớ rằng bác sĩ Page là người tài giỏi nhất đám, bỏ xa những người kia. Chưa kể đến thời gian ông ấy đã sinh sống ở đây! Gần

ba mươi năm trời, nếu không phải là lâu hơn nữa, một điều đáng kể đấy nhé! Thế. Các bác sĩ muốn lấy bao nhiêu phụ tá cũng được. Bác sĩ Page thì có ông này, bác sĩ Louis thì có một gã tên là Denny,… nhưng những người phụ tá không bao giờ nằm trong danh sách chính thức của Công ty. Tóm lại, như tôi nói, Công ty khấu trừ một khoản tiền lương của tất cả các thợ mà Công ty thuê làm việc tại các mỏ và các công trường, lấy tiền đó trả cho các bác sĩ chính ngạch tùy theo một số người đăng ký ghi tên chữa bệnh ở mỗi bác sĩ.

Bà ta phải ngừng lại vì đã bắt sự ngu dốt và cái dạ dầy quá nặng của mình làm việc quá nhiều.

- Tôi thấy đã hiểu được lề lối làm việc, bà Page ạ.

Blodwen cười khanh khách:

- Thế thì ông không phải bận tâm gì đến nó nữa nhé. Ông chỉ cần nhớ là ông làm việc cho bác sĩ Page là đủ. Đó là cái chính, bác sĩ Manson ạ. Chỉ cần nhớ là ông làm việc cho bác sĩ Page và thế là giữa ông với cái thân tôi bé bỏng đáng thương này, hai ta sẽ làm ăn rất chi là hoà thuận với nhau.

Andrew lặng quan sát người đàn bà này. Anh có cảm tưởng như bà ta vừa tìm cách gợi lòng thương hại của anh, vừa ra oai với anh dưới cung cách ân cần nhẹ nhàng đó. Còn bà ta thì có lẽ cảm thấy mình đã trót quá cởi mở, dễ dãi. Đưa mắt nhìn đồng hồ, bà ta rướn thẳng người lên, cài lại chiếc kim lên mớ tóc đen nhẫy rồi đứng dậy, giọng khác hẳn, gần như ra lệnh:

- À này, nhà số 7 phố Glydar mời thăm bệnh đấy. Họ đến mời trước lúc năm giờ. Ông đến đấy ngay đi.

II

Andrew đi thăm bệnh ngay tức thì, với một cảm giác khó nói, gần như nhẹ nhõm. Anh mừng được có dịp bức ra khỏi những xúc cảm kỳ quặc ngược nhau nảy sinh từ lúc anh đặt chân tới Bryngower.

Anh đã lờ mờ đoán ra tình hình công việc và cách Blodwen dùng anh làm thay người thầy thuốc chính nay không còn khả năng làm việc nữa. Thật là một hoàn cảnh kỳ lạ, khác xa những bức tranh lãng mạn mà trí tưởng tượng của anh có thể vẽ ra. Tuy vậy, dù sao, đối với anh, công việc là cái chủ yếu, ngoài ra mọi chuyện khác đều là vụn vặt. Anh khao khát bắt tay vào việc. Bất giác anh rảo bước, lòng bồn chồn hân hoan với ý nghĩ… Đây là người bệnh đầu tiên của mình.

Trời hãy còn mưa khi Andrew bước qua bãi đất trống đen xạm, bẩn thỉu, rẽ sang phố nhà thờ, đi về phía bà Page đã chỉ một cách chung chung. Mặc dầu đi giữa đêm tối, Andrew cũng thấy được hình thù của thị trấn. Những cửa hiệu của nhà thờ – Nhà thờ của giáo phái Zion, Capel, Hebron, Bethel, Bethesda – anh đi qua dễ đến tròn một chục cái, rồi đến cửa hàng hợp tác rộng lớn và chi nhánh của ngân hàng miền tây, tất cả đều nằm trên đường phố chính ở tít dưới lòng thung lũng. Một cảm giác nặng nề đặc biệt đè lên ngực làm anh cảm thấy mình như bị vùi sâu dưới đáy khe núi này. Ngoài đường không còn mấy người đi lại. Từ phố Nhà thờ rẽ sang hai bên không xa là những dãy nhà ở của dân thợ, mái nhà xanh lam, chạy thẳng thước thợ với nhau. Và xa xa, ở tít đầu khe núi, dưới một vầng ánh sáng tỏa ra thành hình rẻ quạt trên bầu trời đùng đục là khu mỏ sắt và nhà máy luyện kim Blaenelly.

Đến số 7 phố Glydar, Andrew hổn hển gõ cửa và được đưa ngay vào gian bếp, nơi bệnh nhân đang nằm trên một cái giường, đặt sâu trong hóc tường. Bệnh nhân là một phụ nữ còn trẻ, vợ một người thợ nấu thép tên là Williams. Bước lại bên giường người bệnh, tim đập thình thình, đầu óc căng thẳng, điểm khởi đầu thực sự của cuộc đời anh. Biết bao lần anh đã nghĩ đến giờ phút này khi anh đang trong đám sinh viên nghe giáo sư Lamplough giảng bài! Bây giờ không còn có bạn bè hỗ trợ, không còn chuyện trả bài một cách thoải mái nữa. Bây giờ anh chỉ có một mình, trước một người bệnh mà anh phải chẩn đoán và điều trị, không nhờ

cậy được một ai. Bỗng nhiên, lòng đau quặn, anh nhận ra mình luống cuống, không có kinh nghiệm, hoàn toàn không được chuẩn bị gì cho nhiệm vụ này.

Andrew khám thật cẩn thận, tỉ mỉ, trong khi người chồng đứng bên cạnh trong gian phòng nền đá chật chội sáng lờ mờ. Không còn nghi ngờ gì nữa, chị phụ nữ này ốm rồi. Chị ta kêu đau đầu không chịu được. Nhiệt độ, mạch, lưỡi, đều cho thấy là có bệnh, mà bệnh nặng. Nhưng là bệnh gì? Andrew lo lắng tự đặt cho mình câu hỏi khi anh cúi xuống khám lại. Người bệnh đầu tiên của anh! Ồ, anh biết là anh quá lo! Nhưng nhỡ anh lầm, lầm lẫn ghê gớm thì sao? Tệ hơn nữa, nhỡ anh nhận ra mình không thể chẩn đoán ra bệnh gì thì sao? Anh bỏ sót một cái gì ư? Không sót một cái gì cả. Thế mà anh vẫn thấy mình đang cố tìm cho ra câu giải đáp, cố tập hợp các triệu chứng lại dưới tên một căn bệnh cụ thể nào đó mà không được. Sau cùng, hiểu rằng không thể kéo dài cuộc tìm kiếm thêm nữa, Andrew từ từ đứng thẳng người lên, gập ống nghe lại, lắp bắp:

- Chị ấy có bị lạnh không? – Andrew hỏi, mắt dán xuống sàn nhà.

- À, có ạ – Williams vội trả lời. Người chồng có vẻ hoảng khi thấy cuộc khám bệnh kéo dài – Thưa bác sĩ, tôi quả quyết là nhà tôi bị lạnh, cách đây ba bốn hôm.

Andrew gật đầu, khó nhọc tìm cách gây cho người chồng một niềm tin mà chính anh không có. Anh lí nhí:

- Mấy hôm nữa là chị ấy sẽ khỏi. Độ nửa tiếng nữa, anh đến trạm xá nhé. Tôi sẽ cấp cho anh một lọ thuốc.

Andrew cáo từ hai vợ chồng rồi trở về trạm xá, đầu cứ cúi gằm suy nghĩ miên man, tuyệt vọng. Trạm xá là một căn nhà gỗ tồi tàn ở đầu lối đi vào nhà bác sĩ Page. Thắp ngọn đèn hơi, Andrew bắt đầu đi đi lại lại bên cạnh những cái giá bụi bặm để đầy những lọ màu xanh lam, xanh lục, nặn óc suy nghĩ, mò mẫm trong tối. Không có một triệu chứng rõ rệt nào. Đúng, hẳn là cảm lạnh. Anh

lầu bầu, rối óc, kinh hãi và tức tối trước sự bất lực của mình. Anh đành phải buộc lòng cứ bỏ mặc đấy. Gặp phải những trường hợp bí, giáo sư Lamplough thường có một công thức ngắn gọn mà ông dùng rất khéo léo: sốt KRNN (sốt không rõ nguyên nhân). Vừa không liên lụy, vừa đúng, mà nghe có một âm hưởng hết sức khoa học!

Vẻ khổ sở, Andrew lấy ra một cái lọ nhỏ sáu ao-xơ [1] trong một quầy thuốc và bắt đầu pha một thứ thuốc hạ nhiệt, trán nhăn lại suy nghĩ. Kali nitrat, natri salicylate… muối natri nằm ở cái xứ nào? À, đây rồi. Andrew cố vui lên bằng cách tự nhủ đây toàn là những thứ thuốc tốt nhất, không chê vào đâu được, thể nào cũng giảm sốt, chắc chắn là có tác dụng tốt. Giáo sư Lamplough đã nhiều lần dạy rằng không có thứ thuốc nào có công hiệu chung chung bằng natri salicylate.

Andrew pha thuốc vừa xong, đang viết tên thuốc với một cảm giác khoan khoái hoàn thành công việc thì chuông trạm xá vang lên một tiếng "bình" cửa ngoài bật mở và bước vào là một người đàn ông trạc ba mươi tuổi, mập mạp, vuông vức, sức lực, mặt đỏ au, theo sau có một con chó. Không khí trầm xuống một lúc trong khi con chó loang màu mực và đỏ tía ngồi chồm hổm trên hai chân sau đầy bùn và người đàn ông nhìn Andrew từ đầu đến chân. Người khách lạ mặc một bộ đồ bằng vải nhung cũ, đi tất nâu, giày thô đóng cá, chiếc áo choàng bằng vải sơn giả da sũng nước khoác trên vai. Giọng nói anh ta, khi cất lên, có một vẻ lịch sự mỉa mai và đúng phép tắc đến khó chịu.

- Tôi qua đây thấy có ánh đèn chiếu qua cửa sổ. Tôi nghĩ nên vào chào ông một câu. Tôi là Denny, phụ tá của bác sĩ Louis đáng kính, văn bằng HDS. Nếu ông chưa gặp chữ ấy bao giờ thì tôi xin nói đó là văn bằng của hội dược sĩ, học vị cao nhất mà chúa trời và con người được biết.

[1] 1 ao-xơ (ounce) = 0,28 gr

Andrew nhìn lại, vẻ ngờ vực. Philip Denny lấy ra một bao thuốc nhầu nát, rút một điếu, châm lửa, vứt diêm xuống sàn rồi nghênh ngang đi lại. Anh ta cầm lọ thuốc, đọc tên thuốc và cách sử dụng, sau đó mở nút đưa lên mũi ngửi rồi đóng lại và đặt lọ xuống, gương mặt đỏ buồn rầu chuyển sang vẻ khen ngợi dịu dàng.

- Tuyệt vời! Ông bắt đầu những việc làm tốt đẹp rồi! Ba giờ uống một thìa! Lạy chúa! Được gặp lại những thứ thuốc thân yêu khiến người ta yên lòng. Nhưng thưa bác sĩ, tại sao lại không cho uống mỗi ngày ba lần? Bác sĩ không thấy rằng theo đúng phương pháp chính thống thì những thìa thuốc phải trôi qua thực quản mỗi ngày ba lần hay sao? – Anh ta ngừng lại, trở nên châm chọc một cách nhẹ nhàng hơn bất kỳ lúc nào với cái vẻ ân cần giả tạo – Bây giờ, bác sĩ hãy cho tôi biết trong này có những gì? Kali nitrate phải không? Ngửi mùi thì biết. Một dược liệu kỳ diệu, cái chất kali nitrate này. Kỳ diệu, thật là kỳ diệu, ông bác sĩ thân mến ạ! Lợi trung tiện này, kích thích này, lại lợi tiểu nữa này, mà có thể tọng vào bụng hàng chai. Ông còn nhớ những điều dạy trong cuốn sách nhỏ màu đỏ không? Khi do dự thì cứ cho uống kali nitrate… hay là kali iod nhỉ? Có lẽ tôi quên mất cả một số điều cơ bản rồi.

Gian phòng gỗ lại rơi vào im lặng, chỉ có tiếng mưa rơi lộp bộp trên mái tôn. Bỗng Denny bật cười, riễu cợt vẻ mặt phân vân của Andrew. Anh ta nhạo báng hỏi:

- Thưa bác sĩ, ngoài khoa học ông còn thể thỏa mãn tính tò mò của tôi một tí được không? Tại sao ông về đây?

Lần này Andrew nổi nóng. Anh cau có trả lời:

- Tôi có ý định biến Blaenelly thành một nơi dưỡng bệnh… đại loại một nơi chữa bệnh bằng nước suối trên núi, ông biết chứ.

Denny lại cười. Cái cười của anh ta là một sự lăng nhục khiến Andrew chỉ muốn đấm cho anh ta một quả.

- Dí dỏm, dí dỏm lắm, ông bác sĩ thân mến ạ. Kiểu hài hước của người Scottland chính cống. Đáng tiếc là tôi không thể khuyên

người ta lấy nước làm thứ nước suối lý tưởng của một nơi chữa bệnh bằng khoáng tuyền. Còn giới y học ở đây, thưa bác sĩ thân mến của tôi, bọn này chỉ là rác rưởi, là cặn bã của nghề nghiệp vinh quang và thực sự cao quý.

- Trong đó có cả ông?

- Đúng! – Denny gật đầu. Anh ta im lặng một lúc, mắt chăm chú nhìn Andrew dưới hàng lông mày đỏ quạch. Rồi từ bỏ thái độ nhìn mỉa mai riễu cợt, nét mặt xấu xí của anh ta trở lại buồn rầu. Giọng tuy còn cay độc nhưng nghiêm nghị – Ông Manson này! Tôi biết ông đến đây chỉ là đi trên con đường tới phố Harley [1] thôi, nhưng trong thời gian đó, có một đôi điều về cái xứ sở này mà ông cần phải biết. Ông sẽ thấy nó không phù hợp những truyền thống tốt đẹp của nghề nghiệp lãng mạn này đâu. Không bệnh viện, không xe cứu thương, không điện quang, không có gì hết. Nếu ông muốn mổ xẻ thì hãy hãy dùng cái bàn nấu bếp. Rồi ông rửa tay trong cái chậu rửa bát. Điều kiện thì khỏi phải nói. Mùa hè khô ráo mà trẻ con chết như ruồi vì tả. Ông Page, ông chủ của ông, một bác sĩ già tốt đấy, nhưng bây giờ hết thời rồi, bị con mụ Blodwen khốn khiếp nó áp chế, và sẽ chẳng bao giờ mó tay vào việc gì được nữa. Louis, chủ của tôi, là một bà đỡ lũn ca lũn cũn, bủn xỉn, chỉ biết chạy theo đồng tiền, Bramwell, biệt hiệu "Cá cháo" thì chẳng biết gì ngoài mấy lời rao hàng thống thiết và mấy bài kinh Solomon. Còn tôi, nên đón trước những chuyện rêu rao về tôi thì hơn… Tôi nát rượu như một cái hũ. À, còn Jenkins, là người pha thuốc nhu mì của ông nữa, anh ta làm ăn rất phát đạt với nghề phụ là bán những viên chì chữa bệnh phụ nữ. Có lẽ gần như hết cả rồi đấy. Ê, Hawkins, ta đi thôi – anh ta gọi con chó lại, rồi nặng nề đi về phía cửa. Ra đến đây, anh ta dừng lại, đưa mắt nhìn từ lọ thuốc trên mặt quầy đến Andrew. Giọng đều đều, hoàn toàn thản nhiên, anh ta nói:

[1] Một phố ở Luân Đôn, nơi có nhiều phòng khám bệnh của các bác sĩ có tiếng tăm.

- À này, ở vào địa vị ông, tôi nghĩ đến bệnh thương hàn, về người bệnh phố Glydar ấy. Bệnh này đôi khi có những trường hợp không hoàn toàn điển hình.

Bình! Cách cửa lại bật ra. Andrew chưa kịp trả lời thì bác sĩ Philip Denny và con chó Hawkins đã biến vào trong đêm tối ẩm ướt.

III

Đêm hôm đó, Andrew không ngủ được không phải vì tấm nệm bông vón cục mà vì anh mỗi lúc một thêm lo lắng về người bệnh phố Glydar. Có phải là thương hàn không? Câu nói cuối cùng của Denny trước khi ra về đã khơi lên những mối ngờ vực và lo âu mới trong tâm trí nghi hoặc của anh. Sợ bỏ sót một triệu chứng quan trọng nào, Andrew đã toan vùng dậy đến thăm lại người bệnh vào cái giờ kỳ quặc sáng tinh mơ này, mãi sau mới thôi. Sự thật là, trong lúc trằn trọc suốt đêm không chợp mắt, Andrew đã đi đến chỗ tự hỏi không biết quả thực anh có hiểu tí gì về y không.

Andrew Manson có một tính tình mãnh liệt khác thường. Tính tình ấy, có lẽ truyền từ mẹ anh, một người phụ nữ vùng cao nguyên, thời trẻ sống tại Ullapool đã từng theo dõi những vì sao Bắc đẩu đổi ngôi trên bầu trời băng giá. Ông John Manson cha anh là một tiểu điền chủ miền Fifeshire, tính tình cứng rắn, cần cù và điềm tĩnh. Ông cụ chưa bao giờ phát đạt trong nghề nông nên khi hy sinh tại Yeomanry trong năm cuối của cuộc chiến tranh, ông cụ chỉ để lại được một gia sản nhỏ bé lụn bại. Suốt mười hai tháng trời, bà Jessie Manson phải xoay xở trông nom trang trại, chuyển sang nuôi bò sữa, tự mình chở sữa đi bán khi thấy Andrew quá bận bịu sách vở không giúp được bà. Rồi bệnh ho mà bà không ngờ đã chịu đựng bao nhiêu năm trời trở nên trầm trọng rồi bà đột ngột qua đời vì bệnh phổi, chính căn bệnh đã cướp đi biết bao nhiêu tánh mạng trong giống người có nước da mảnh dẻ và mái tóc đen lay láy này.

Đến năm mười tám tuổi, Andrew chỉ còn một thân một mình. Lúc bấy giờ, anh đang theo học năm thứ nhất trường đại học St. Andrews, được cấp học bổng bốn mươi bảng một năm, ngoài ra không một xu dính túi. Cứu tinh của anh là Quỹ cứu trợ Glen, một tổ chức độc đáo ở Scottland. Theo cách nói của người sáng lập ra nó là Huân tước Andrew nay đã quá cố, quỹ này "mời tất cả những sinh viên nào có năng lực và ở trong hoàn cảnh khó khăn mà lại mang tên thánh là Andrew hãy xin cấp một khoản cho vay không quá năm mươi bảng một năm miễn là những sinh viên ấy sẽ chu đáo hoàn lại số tiền vay này sau khi tốt nghiệp".

Tiền của Quỹ cứu trợ Glen cộng với việc vui vẻ chịu đựng kham khổ và thiếu thốn trong cuộc sống đã giúp Andrew học hết các năm học tại trường St. Andrews rồi qua trường đại học y khoa ở thành phố Dundee. Lòng biết ơn đối với quỹ Glen, kết hợp với tính lương thiện phiền toái đã vội vã đẩy Andrew về miền nam xứ Wales (là nơi các bác sĩ tập sự mới tốt nghiệp có thể được hưởng đồng lương cao nhất) với số lương hai trăm năm mươi bảng một năm, tuy trong thâm tâm, anh muốn vào làm việc tại bệnh viện Edinburgh Royal với đồng lương chỉ bằng một phần mười số tiền kia.

Thế là bây giờ Andrew Manson đang ở Blaenelly. Lúc này, anh vừa mới ngủ dậy, đang cạo râu, mặc quần áo và đang rất hoang mang lo lắng về người bệnh đầu tiên của mình. Anh ăn vội bữa sáng, ba chân bốn cẳng chạy lên buồng, mở va-li lấy ra một chiếc hộp da nhỏ màu xanh. Anh mở nắp hộp, say đắm nhìn tấm huy chương để trong hộp, tấm huy chương vàng Hunter hàng năm tặng cho sinh viên xuất xắc nhất khoa lâm sàng của trường đại học St. Andrews. Chính anh, Andrew Manson, đã được tặng thưởng huy chương ấy. Anh quý nó hơn mọi thứ trên đời, anh coi nó như tấm bùa hộ mệnh, như nguồn cổ vũ cho tương lai. Nhưng sáng nay, anh nhìn tấm huy chương ấy không phải là niềm tự hào mà với một lời cầu khẩn lạ lùng thầm trong bụng như cố lấy lại

niềm tự tin. Sau đó, anh lao vội xuống nhà bắt đầu buổi khám bệnh sáng.

Khi anh tới nơi, Dai Jenkins đã có mặt trong gian phòng gỗ tồi tàn, đang lấy nước ở vòi vào một cái bình lớn bằng đất nung. Jenkins người thấp bé, nhanh nhẹn, má hõm mà lại có những tia máu đỏ tía, con mắt đảo đi đảo lại liên hồi. Gã mặc chiếc quần chật nhất mà Andrew được thấy từ trước đến nay, nó bó chặt lấy hai ống chân gầy gò của gã.

Jenkins khúm núm chào Andrew:

- Thưa bác sĩ, bác sĩ không cần phải xuống sớm thế. Tôi có thể chép lại những đơn thuốc cũ và viết chứng từ trước khi bác sĩ đến cũng được. Bà Page đã cho khắc chữ ký của bác sĩ Page vào một con dấu bằng cao su từ ngày ông ấy bị ốm rồi mà.

- Cám ơn. Tôi muốn tự tôi khám. – Andrew ngừng lời, tạm ngưng nỗi lo lắng khi thấy hành động của người dược tá – Anh làm thế làm gì?

Jenkins nhấp nháy con mắt trả lời:

- Nước lấy ở đây có mùi vị tốt hơn. Ai cũng biết nước lã trong lành là tốt như thế nào rồi chứ gì, có phải không, thưa bác sĩ? Nhưng con bệnh lại không biết thế cho. Với lại, trông tôi có khác gì thằng hề không nếu để cho họ nhìn thấy tôi lấy nước ở vòi đổ đầy vào các chai lọ của họ.

Tay dược tá này rõ ràng muốn chuyện trò với Andrew, nhưng ngay lúc ấy có tiếng gọi the thé từ phía cửa hậu tòa nhà, cách xa đến bốn chục thước.

- Jenkins, Jenkins, lại đây nào … nhanh lên.

Jenkins bật dậy như một con chó đã được huấn luyện quá thuần nghe thấy tiếng roi quất của chủ, run run nói:

- Xin bác sĩ thứ lỗi. Bà Page gọi tôi đấy… Tôi… tôi phải chạy lại.

May mà buổi khám bệnh sáng có ít người và kết thúc vào lúc mười rưỡi. Nhận ở Jenkins một bảng ghi tên những người cần đến khám ở nhà, Andrew liền ra xe ngựa đi cùng với lão Thomas. Nóng ruột tới cồn cào, Andrew bảo người xà ích già đưa xe đến ngay số 7 phố Glydar.

Hai mươi phút sau, Andrew ở nhà số 7 ra về, mặt tái mét, môi mím chặt, vẻ khác thường. Anh đi quá hai nhà nữa, đến số 11 có ghi trong danh sách. Sau số 11, anh sang bên kia đường vào nhà số 18. Xong số 18, anh rẽ sang phố Radnor, chỗ có hai người bệnh nữa mà Jenkins là hôm trước đã khám rồi. Trong vòng một tiếng, Andrew khám được tất cả bảy người trong cùng một khu vực. Trong số những người bệnh ấy, có năm người, kể cả phụ nữ ở số 7 phố Glydar nay đã phát bệnh một cách điển hình, rõ ràng là bị thương hàn. Từ mười hôm nay, Jenkins điều trị họ bằng nước vòi và thuốc phiện. Đêm trước thì còn phải vụng về mò mẫm, nhưng giờ đây Andrew rùng mình kinh hãi nhận ra ngay anh đã vấp phải một vụ dịch thương hàn.

Những người bệnh sau, Andrew khám vội cho xong với một tâm trạng hoảng loạn. Đến bữa trưa, trong lúc bà Page chỉ chú ý đến món thịt bê thơm phức chín vàng mà bà ta tươi tỉnh kể: "Tôi đặt làm cho bác sĩ Page nhưng xem chừng ông ấy không thích", thì Andrew lạnh lùng suy nghĩ về vấn đề kia. Anh biết rằng có hỏi bà Page cũng vô ích và chẳng được giúp đỡ gì hết nên anh quyết định phải nói thẳng với bác sĩ Page.

Lên đến buồng bác sĩ, Andrew thấy rèm cửa kéo kín mít và Edward Page đang nằm phủ phục, nhức đầu vì áp huyết lên cao, trán đỏ sẫm và hằn những vết nhăn đau đớn. Tuy ông có ra hiệu bảo người đến thăm ông ngồi lại với ông một lát, nhưng Andrew cảm thấy bắt ông phải gánh lấy mối lo ấy trong lúc này thì thật là nhẫn tâm.

Sau vài phút nán lại bên giường, khi đứng dậy cáo lui, anh chỉ dám hỏi:

- Thưa bác sĩ Page, nếu gặp phải một bệnh truyền nhiễm, tốt nhất là nên phải làm gì?

Im lặng một rồi bác sĩ Page trả lời, mắt vẫn nhắm nghiền, không cử động, như thể việc nói thành lời đã đủ làm ông đau đớn thêm rồi.

- Việc ấy xưa nay vẫn khó. Ta không có bệnh viện, chứ đừng nói đến phòng cách ly. Nếu anh vấp phải chuyện gì thật nghiêm trọng thì anh gọi điện thoại cho ông Griffiths ở Toniglan. Đi xuôi thung lũng, cách đây mười lăm dặm. Ông ấy là bác sĩ thanh tra của hạt này – Lại một lúc im lặng, dài hơn lần trước – Nhưng tôi e rằng ông ấy chẳng giúp ích được gì mấy.

Được bác sĩ Page cho biết điều đó, Andrew yên tâm hơn. Anh vội xuống phòng ngoài dưới nhà gọi dây nói đi Toniglan. Đang áp ống nghe vào tai, Andrew thấy chị người làm Annie nhìn anh qua cửa gian bếp.

- A-lô! A-lô! Có phải bác sĩ Griffiths ở Toniglan đấy không? – Cuối cùng anh cũng gọi được.

Một giọng đàn ông trả lời rất dè dặt:

- Ai hỏi đấy?

- Tôi là Manson ở Blaenelly, phụ tá của bác sĩ Page – giọng Andrew lạc đi – Tôi có năm người bị thương hàn ở đây. Tôi muốn mời bác sĩ Griffiths đến ngay.

Đầu dây đằng kia im lặng một lát rồi câu trả lời đột ngột vọng lại, xin lỗi với giọng ề à đặc biệt của xứ Wales này:

- Tôi rất tiếc, bác sĩ ạ, rất tiếc. Bác sĩ Griffiths đi Swansea rồi . Có công tác quan trọng.

- Bao giờ thì bác sĩ Griffiths về? – Andrew hét to vì đường dây xấu.

- Tôi không thể nói chắc được là bao giờ, bác sĩ ạ.

- Nhưng, này…

Đầu dây đằng kia có tiếng cạch một cái. Người nọ đã lẳng lặng đặt ống nói xuống rồi. Andrew điên người, rủa to một câu:

- Đồ khốn khiếp. Chắc chắn nó chính là Griffiths.

Anh gọi lại số dây nói ấy lần nữa, nhưng không gọi được. Bướng bỉnh, anh toan gọi thêm một lần nữa thì ngoái cổ lại, anh thấy chị Annie đã bước vào trong phòng, hai tay chắp lại trước chiếc tạp dề, điềm đạm nhìn anh. Chị khoảng bốn mươi lăm tuổi, gọn gàng, sạch sẽ, vẻ mặt nghiêm nghị, bình thản.

- Vô tình mà tôi nghe được, bác sĩ Manson ạ. Ông không bao giờ gọi được bác sĩ Griffiths ở Toniglan vào giờ này đâu. Hầu như ngày nào ông ấy cũng đi Swansea chơi gôn.

Andrew cố nuốt xuống một cái gì nghẹn ngang cổ, tức tối nói.

- Nhưng tôi dám chắc là tôi đã nói chuyện với chính ông ấy.

- Có thể… – Chị Annie thoáng mỉm cười – Tôi nghe nói là ông ấy không đi Swansea thì ông ấy cũng bảo là ông ấy đi rồi – Chị nhìn Andrew với con mắt thân mật điềm đạm trước khi quay đi – Vào địa vị ông, tôi sẽ không phí thì giờ với ông ấy làm gì.

Andrew đặt máy điện thoại xuống, căm phẫn và chán nản hơn. Nguyền rủa mấy câu, anh ra đường đi thăm lại các bệnh nhân. Lúc anh về đến nhà thì đã đến giờ khám bệnh chiều. Anh ngồi một tiếng rưỡi trong gian buồng nhỏ hẹp ở phía sau dùng làm bàn khám, đánh vật với số người đến xin khám chật ních trạm xá đến nỗi tường nhà đổ mồ hôi và gian phòng ngột ngạt hơi người ẩm ướt. Những thợ mỏ bị trẹo đầu gối, đứt tay, bị giật cầu mắt, viêm khớp mãn tính. Rồi cả vợ con họ nữa, bị ho, cảm, sai khớp… mọi thứ bệnh tật lặt vặt của giống người. Bình thường thì Andrew vui mừng thích thú được tỉ mỉ, bình tĩnh thăm khám những con người tóc đen, da xám này vì anh cảm thấy như vậy là anh đang rèn luyện tay nghề. Song bây giờ, bị vấn đề hệ trọng kia ám ảnh nên

đầu óc anh quay cuồng khi phải tiếp xúc với những bệnh tật nhỏ mọn ấy. Suốt thời gian anh viết đơn, gõ ngực, căn dặn và khuyên bảo người bệnh, lúc nào anh cũng suy nghĩ, tính xem nên quyết định như thế nào: "Chính hắn đã chỉ đường cho mình. Mình căm ghét hắn thật đấy! Đúng, mình ghét vô cùng tay quỷ sứ ấy. Nhưng không làm khác được. Mình phải đến gặp hắn thôi".

Chín giờ rưỡi, khi người bệnh cuối cùng về rồi, Andrew bước ra khỏi cái hốc, chỗ ngồi của anh, trong mắt ánh lên một quyết tâm.

- Anh Jenkins này, bác sĩ Denny ở đâu?

Người dược tá bé nhỏ cài vội cửa ngoài, sợ có ai đến chậm lách vào chăng, rồi quay nhìn Andrew với một vẻ khiếp đảm gần như hài hước:

- Ông không có chuyện gì dính dáng với tay ấy đấy chứ? Bà Page… không ưa hắn ta đâu.

Andrew hỏi giật giọng:

- Tại sao bà ấy không ưa?

- Cũng vì những lý do khiến cho mọi người không ưa hắn. Hắn thô bạo với bà hết sức. – Jenkins ngừng lời, nhưng đọc được ý định của Andrew trên nét mặt, gã miễn cưỡng nói tiếp – Thôi được, bác sĩ đã muốn biết thì tôi xin nói: bác sĩ lại nhà bà Seager, số 49 phố Nhà thờ.

Andrew lại ra phố. Anh đã đi bộ suốt ngày hôm nay, tuy nhiên dù có mệt đi nữa anh cũng không cảm thấy vì ý thức trách nhiệm, vì gánh nặng của những ca bệnh kia đang đè nặng lên anh. Anh chỉ cảm thấy người nhẹ nhõm khi đến phố Nhà thờ, anh thấy Denny còn ở nhà. Bà chủ nhà mời Andrew vào.

Ví thử Denny có ngạc nhiên khi thấy Andrew đến thì anh ta cũng không để lộ ra ngoài. Sau khi nghiêm nghị nhìn Andrew rất lâu, Denny chỉ hỏi:

- Thế nào, đã làm chết ai chưa?

Chân hãy còn đứng trên ngưỡng cửa gian phòng ấm áp bừa bộn, Andrew đã thấy máu nóng bừng lên mặt. Song anh cố ghìm cơn giận và lòng tự ái, nói bộp ngay:

- Ông nói phải: đúng là thương hàn. Tôi đáng bị đem ra bắn vì không nhận ra bệnh. Hiện nay tôi có năm người mắc phải bệnh ấy. Tôi chẳng thích gì đến đây đâu, nhưng tôi không biết lề lối làm việc ở đây. Tôi đã gọi dây nói cho bác sĩ thanh tra nhưng không được ông ta đáp lại một lời nào. Tôi đến đây để hỏi ý kiến ông.

Denny xoay nửa người trên chiếc ghế bành cạnh lò sưởi lắng tai nghe, miệng vẫn ngậm tẩu. Cuối cùng, anh ta làm một động tác bực bội:

- Ông vào hẳn trong nhà đi. – Rồi bỗng bực tức – Ơ kìa, mời ông hãy ngồi xuống cái ghế này cho tôi nhờ. Đừng có đứng thế kia như một ông mục sư sắp sửa ngăn cấm người ta lấy nhau không bằng. Làm một tớp rượu chứ? Không à? Tôi cũng đoán là ông không uống.

Tuy Andrew đã cứng nhắc làm theo lời yêu cầu ngồi xuống, thậm chí còn miễn cưỡng châm một điếu thuốc, song Denny vẫn không có vẻ gì vội vàng. Anh ta lấy mũi giày vải rách híc nhè nhẹ vào con chó Hawkins.

Sau cùng, khi Andrew hút xong điếu thuốc, Denny mới hất đầu nói:

- Mời ông nhìn vào đây một cái, nếu ông thích!

Trên mặt bàn, theo hướng tay chỉ là một cái kính hiển vi, một bộ kính hiển vi tốt của hãng Zeiss và một vài bản soi. Andrew lắp một bản và nhận ra ngay những bút vi khuẩn hình gậy.

Denny vội nói nhanh, nhạo báng, như đón trước những lời chỉ trích:

- Cẩu thả lắm, đã hẳn. Thực sự là bôi bác. Nhờ trời, tôi không phải là một kẻ mài đũng quần ở phòng thí nghiệm. Nếu tôi có được là cái thá gì thì phải là một tay mổ xẻ cơ. Nhưng trong cái tổ chức y tế đáng phỉ nhổ của chúng ta là phải biết làm táp nham đủ mọi thứ. Dù sao thì cũng không thể lầm được, ngay nhìn bằng mắt thường. Tôi đem đun nóng chúng trên giê-la-tin trong bếp lò của tôi đấy.

Andrew hỏi, rất chăm chú:

- Anh cũng gặp phải những bệnh này à?

- Bốn người! Toàn ở cùng một khu vực với ông. Vi trùng này đều ở cái giếng nước phố Glydar mà ra.

Andrew nhìn Denny, sôi nổi hẳn lên, nóng lòng muốn nêu lên hàng chục câu hỏi liền một lúc. Anh nhận ra có một cái gì chân chính trong việc làm của người đồng nghiệp nọ, và nhất là anh sung sướng được chỉ cho biết ổ gây dịch.

Denny nói tiếp, vẫn với giọng mỉa mai, lạnh lùng và chua chát:

- Ông thấy đấy. Bệnh phó thương hàn ít nhiều là một căn bệnh địa phương của nơi này. Nhưng một ngày kia, một ngày rất gần đây thôi, ta sẽ thấy bệnh rộ lên khá nhiều cho mà xem. Nguyên nhân là ở cái ống chính. Nó nứt rò ghê gớm và thấm vào một nửa số giếng nước ở những phố dưới. Tôi đã gõ đầu tên Griffiths đến mệt nhoài cả người. Hắn là một con lợn ỉ sùng tín, lười biếng, lẩn như chạch và bất tài. Lần cuối cùng tôi gọi dây nói cho hắn, tôi bảo là tôi mà gặp hắn thì tôi sẽ đập vỡ sọ hắn ra. Có lẽ vì vậy nên hôm nay, hắn lủi mất khi ông gọi đấy.

- Thật là đê tiện – Andrew thốt lên, không giữ được lời trong một lúc phẫn nộ bộc phát.

Denny nhún vai:

- Hắn không giám yêu cầu Hội đồng quản trị một tí ti gì cả, sợ nhỡ người ta cắt xén mất mấy đồng lương khốn khổ của hắn để chi vào những việc này.

Gian phòng im lặng. Andrew tha thiết muốn tiếp tục câu chuyện. Dù anh không ưa Denny nhưng anh thấy có một sự cổ vũ lạ kỳ trong thái độ bi quan, hoài nghi, trong sự cay độc lạnh lùng và chừng mực của Denny. Nhưng anh không còn có cớ gì để ở lại lâu thêm nữa. Anh đứng dậy khỏi chiếc ghế ở cạnh bàn, đi ra phía cửa, che giấu những cảm nghĩ của mình, cố bày tỏ một cách lịch thiệp lòng biết ơn và biểu lộ một vài dấu hiệu tỏ ra anh đã thấy nỗi lo vơi bớt.

- Tôi cám ơn ông về những tin ông cung cấp. Ông đã cho tôi thấy hoàn cảnh hiện nay của tôi. Tôi băn khoăn nhiều về nguồn gây bệnh. Tôi đã tưởng phải đối phó vói một người bệnh truyền dịch. Nhưng nay ông đã xác định được nguồn gây bệnh là cái giếng rồi thì vấn đề đơn giản đi nhiều. Từ nay trở đi, mỗi giọt nước ở phố Glydar đều phải được đun sôi.

Denny cũng đứng dậy, làu bàu:

- Chính ra phải đem đun sôi lão Griffiths thì có – Rồi trở lại giọng châm chọc – Còn bây giờ, thưa bác sĩ, xin đừng có những lời cảm ơn làm mủi lòng người nữa. Hai ta có lẽ còn phải giáp mặt nhau một thời gian nữa rồi cái chuyện này mới xong được. Ông hãy lại đằng tôi khi nào ông thấy quá khó chịu. Chung quanh đây, chúng ta không có mấy ai để mà giao du đâu. – Nhìn về phía con chó, Denny kết thúc bằng một câu bất nhã – Ngay quen được một vị bác sĩ Scottland cũng là đáng quí rồi. Có phải thế không, ngài John?

Ngài John Hawkins đập đuôi xuống chiếc thảm rải sàn, lè chiếc lưỡi đỏ hồng ra diễu cợt Andrew.

Dẫu vậy, trên đường về nhà qua phố Glydar, sau khi rẽ vào căn dặn thật nghiêm ngặt về vấn đề nước uống, Andrew nhận thấy anh không đến nỗi ghét Denny như trước kia anh tưởng.

IV

Andrew lao vào cuộc chiến đấu chống bệnh thương hàn với tất cả ngọn lửa hừng hực của bản tính sôi nổi và nồng nhiệt. Anh yêu thích công việc của mình và tự cho là may mắn mới sớm gặp được một cơ hội như vậy. Mấy tuần đầu, anh làm việc quần quật suốt ngày mà vẫn vui thích. Anh vẫn phải gánh lấy mọi công việc khám và điều trị thường lệ, song anh đại khái cho xong để rồi hào hứng quay sang những ca bệnh thương hàn của anh.

Có lẽ Andrew đã gặp may trong keo vật này, keo vật đầu tiên trong đời anh. Gần cuối tháng thì mấy người bị thương hàn đều khỏi và xem chừng anh đã chặn được dịch. Khi nghĩ đến biện pháp mà anh đã buộc phải thi hành chặt chẽ: đun sôi nước, tẩy trùng và cách ly, căng vải tẩm sát trùng lên từng cánh cửa, những cân vôi clo-rua mà anh lấy tiền của bà Page đặt mua, rồi đích thân đến giám sát những cống thoát nước ở phố Glydar, Andrew phấn khởi reo lên: "Kết quả thật tốt đẹp. Mình không xứng đâu, nhưng ơn Trời chính mình đã lập được thành tích đó". – Anh có một niềm vui thích ngấm ngầm và bỉ ổi khi thấy bệnh nhân của anh khỏi nhanh hơn bệnh nhân của Denny.

Denny vẫn làm cho Andrew khó hiểu và bực tức. Hai người tất nhiên gặp nhau luôn, vì bệnh nhân của họ ở gần nhau. Denny thích mỉa mai một cách hết sức cay độc công việc mà hai người đang làm. Anh ta gọi riễu Andrew và chính anh ta là những kẻ "đang chiến đấu quyết liệt với nạn dịch", và dùng đi dùng lại hình ảnh sáo mòn đó như một lời trả thù thích thú. Nhưng dù có những lời khích bác, riễu cợt như "thưa bác sĩ, xin ngài chớ nên quên rằng chúng ta đang nêu cao danh dự của nghề nghiệp thực sự vinh quang", Denny vẫn chăm sóc người bệnh hết sức chu

đáo, ngồi bên giường họ, đặt tay lên người họ, nán lại hàng giờ trong phòng họ.

Đôi lúc, Andrew đã gần đến chỗ thiện cảm với Denny vì thoáng thấy có một sự giản dị, khiêm tốn thẹn thùng ở anh ta, thì tất cả lại bị đổ nhào vì một câu nói bi quan nhạo báng của Denny. Bực mình và chán ngán, một hôm Andrew giở cuốn "Danh bạ ngành y" ra xem may ra có hiểu thêm gì về anh ta không. Andrew lấy cuốn danh bạ xuất bản đã được năm năm ở giá sách của bác sĩ Page và đọc được trong đó những điều đáng kinh ngạc. Cuốn danh bạ cho biết Philip Denny là sinh viên được học bổng danh dự tại trường đại học Cambridge và Guy, tốt nghiệp bác sĩ ngoại khoa, hồi ấy đang phụ trách một phòng phẫu thuật ở thành phố Leeborough.

Thế rồi, ngày mười tháng một, Denny bất thình lình gọi dây nói đến Andrew.

- Manson! Tôi muốn gặp anh. Anh có thể đến chỗ tôi vào ba giờ được không? Việc quan trọng.

- Được tôi sẽ đến.

Andrew vừa ăn trưa vừa suy nghĩ. Trong lúc anh ăn món thịt xay chế biến tại nhà, anh cảm thấy Blodwen Page nhìn anh chằm chặp với vẻ áp chế:

- Ai gọi dây nói cho ông thế? À, à, Denny hả? Ông không có việc gì phải đi lại với gã ấy. Hắn là một đứa vô tích sự.

Andrew lạnh lùng đương đầu với bà ta:

- Trái lại, tôi thấy ông ấy rất có ích.

- Thôi đi, ông bác sĩ! – Như mọi lần, khi nói ai nói trái ý mình là Blodwen đùng đùng lên ngay – Quái gở đến như hắn là cùng. Thường thì hắn chẳng cho thuốc men gì cả. Đây này, khi bà Megan, Rhys Morgan, suốt đời lúc nào cũng dùng thuốc, đến nhờ hắn khám bệnh thì hắn lại bảo bà ta hằng ngày nên leo núi hai

dặm và đừng có tọng đầy bụng những thứ nước rửa bát nữa. Hắn nói đúng như vậy. Sau đó, bà ấy đến khám ở nhà ta, thật thế, và được cấp cho thứ thuốc tuyệt vời của Jenkins, hết lọ này đến lọ khác, suốt từ bấy lâu nay. Úi dào ôi, hắn là một đức hèn hạ ti tiện. Nghe nói, hắn có một chị vợ ở đâu đó. Chị vợ này không ăn ở với hắn nữa. Thấy không! Lại còn lúc nào hắn cũng say bí tỉ. Này ông bác sĩ ơi, mặc xác hắn thôi, và ông nên nhớ rằng ông đang làm việc cho bác sĩ Page đấy nhé.

Khi Blodwen Page hắt vào mặt Andrew lời nhắc nhở thường lệ ấy, anh bỗng thấy cơn giận bùng lên. Anh đã làm hết sức mình để làm vừa lòng bà ta, thế nhưng những yêu sách của bà ta hình như không có giới hạn. Thái độ của bà ta, khi thì ngờ vực, khi thì tươi tỉnh, nhưng xem chừng lúc nào cũng chỉ nhằm lợi dụng anh càng nhiều bao nhiêu càng tốt, và đền đáp cho anh càng ít chừng nào hay chừng ấy. Tiền lương tháng đầu của anh đã quá hạn ba ngày rồi vẫn chưa trả. Có lẽ do bà ta nhãng quên thôi, nhưng nó làm anh rất phiền và khó chịu. Nhìn bà ta béo tốt, phốt pháp, thừa thãi sức sống, ngồi đó mà chê bai Denny, làm cho Andrew không tự chủ được nữa. Anh bỗng nổi nóng:

- Thưa bà, có lẽ tôi dễ nhớ là tôi làm việc cho bác sĩ Page hơn nếu tôi đã nhận được tiền lương tháng này.

Blodwen đỏ mặt mau đến nỗi Andrew dám chắc là trong óc bà ta đang nghĩ đến chính chuyện tiền nong này. Bà ta hất đầu một cái, vẻ thách thức:

- Rồi sẽ có. Nào ai nghĩ!

Từ lúc bấy giờ cho đến hết bữa ăn, Blodwen ngồi dằn dỗi, không nhìn sang Andrew, làm như thể anh đã sỉ nhục bà ta. Nhưng sau bữa ăn trưa, bà ta lại có thái độ ân cần, tươi cười, vui vẻ khi mời anh vào phòng khách:

- Tiền lương của anh đây, ông bác sĩ. Mời ông ngồi xuống và hữu nghị với nhau nào. Công việc không thể nào chạy được nếu chúng ta không ăn ý với nhau.

Blodwen Page ngồi trong một chiếc ghế bành bọc nhung xanh, trước cái bụng đầy ngồn ngộn của bà ta là hai mươi tờ bạc một bảng và cái ví da đen. Cầm lấy mấy tờ bạc, đếm: "Một, hai, ba, bốn!…". Gần hết xấp bạc, bà ta càng đếm chậm hơn, con mắt đen ranh rãnh nhấp nháy lấy lòng. Đếm được mười tám tờ thì bà ta dừng hẳn lại, thở dài một cái, xót xa:

- Ôi chao! Ông bác sĩ thân mến ơi! Trong thời buổi khó khăn này, thế là nhiều lắm rồi đấy! Ý kiến ông thế nào? Cho và nhận, phương châm của tôi bao giờ cũng vậy. Tôi giữ lại hai đồng lẻ này lấy may có được không?

Andrew chỉ im lặng. Tính keo bần ấy đặt anh vào cái thế không thể nào chịu nổi. Anh biết rằng việc điều trị và khám bệnh đem lại cho bà ta khá nhiều tiền.

Blodwen cứ ngồi yên như thế hết trọn một phút, dò xét nét mặt Manson. Mãi sau, không thấy trả lời mà chỉ thấy một vẻ mặt trơ như đá, bà ta ném nốt mấy tờ bạc cuối cùng với một động tác cáu kỉnh, và the thé:

- Cố mà kiếm tiền về!

Blodwen vụt dứng dậy toan bước ra khỏi phòng, nhưng Andrew đã chặn lại trước khi bà ta ra tới cửa.

- Gượm hẵng nào, bà Page. – giọng Andrew run run, nhưng cương quyết. Dù cho có bỉ ổi đi nữa, anh cũng quyết không cho bà ta, hoặc tính tham lam của bà ta, áp chế anh.

- Bà mới đưa tôi có hai mươi bảng, như vậy mỗi năm mới có hai trăm bốn mươi bảng, trong khi bà và tôi đã thỏa thuận là lương tôi hai trăm năm mươi bảng một năm. Bà hãy còn thiếu tôi mười sáu si-linh tám pen-ni nữa.

Blodwen tái người đi vì tức tối và chưng hửng. Bà ta hổn hển:

- Úi chà! Ông lại muốn để cho vấn đề tiền nong chia rẽ chúng ta à? Tôi vẫn nghe nói dân Scottland bẩn tính, bây giờ mới biết. Này đây. Cầm lấy mấy đồng si-linh, và cả mấy đồng pen-ni của ông nữa.

Bà ta lấy tiền ở chiếc ví căng phồng ra, ngón tay run run, mắt nhìn Andrew giận dữ. Rồi sau, day mặt nhìn lại anh lần cuối cùng, bà ta đùng đùng bỏ đi, đóng cửa đánh sầm lại.

Andrew ra khỏi nhà, sôi lên vì căm giận. Câu nói chế nhạo của Blodwen làm anh càng bị tổn thương vì nó không đúng. Mụ ta không hiểu được vấn đề ở đây không phải là số tiền nhỏ mọn ấy mà là nguyên tắc công bằng hay sao? Ngoài ra, hoàn toàn không kể đến khía cạnh nhân cách nói lên rất kêu, Andrew còn có một đặc tính bẩm sinh: đặc tính của người miền Bắc, chừng nào còn hơi thở là quyết không để cho bất kỳ ai coi thường mình.

Mãi cho đến khi anh tới bưu điện, mua một bì thư bảo đảm, gửi hai mươi bảng trả cho Quỹ cứu trợ Glen xong, (Anh giữ lại cho anh mấy đồng tiền lẻ để tiêu vặt) Andrew mới thấy nguôi. Đứng trên bậc thềm nhà bưu điện, Andrew nhìn thấy bác sĩ Bramwell đang đi tới nên gương mặt anh tươi tỉnh thêm.

Bramwell đi chầm chậm, hai bàn chân to bè đường bệ dậm lên hè phố, người thẳng đơ trong bộ quần áo đen đã sờn, mái tóc bạc để dài xõa xuống cổ áo nhầu bẩn, mắt chăm chăm vào quyển sách mà ông giơ thẳng tay ra phía trước. Tuy đã nhìn thấy Andrew từ lúc còn ở giữa phố, nhưng ông để đến lúc đến gần anh mới vờ nhận ra anh.

- A! Manson, anh bạn trẻ! Tôi mải mê quá, suýt nữa thì không trông thấy anh!

Andrew mỉm cười. Anh đã có quan hệ thân thiện với Bramwell. Không giống như Louis, người bác sĩ "chính ngạch" khác, ông này đã thân mật đón tiếp anh ngay hồi anh mới đến. Số thợ mỏ đăng

ký chữa bệnh tại chỗ bác sĩ không đông nên ông không được phép xa hoa thuê một người phụ tá, song ông có một phong cách bệ vệ và điệu bộ đáng mặt một người thầy thuốc lớn.

Bramwell gập cuốn sách lại, lấy ngón tay trỏ cáu bẩn cẩn thận đánh dấu trang sách, rồi thọc bàn tay để không vào trong ngực chiếc áo khoác ngoài đã bạc với một cử chỉ trang trọng. Động tác của ông trông kịch đến nỗi nó hóa ra không thực. Tuy nhiên, đích thực là Bramwell đang dứng ở giữa phố chính của Blaenelly đây. Không lấy làm lạ là Denny đã đặt tên cho ông là "cá cháo".

- Thế nào, anh bạn trẻ thân mến, anh có yêu thích thị trấn bé nhỏ của chúng tôi không? Như tôi đã nói với anh hôm anh đến thăm bà vợ thân yêu của tôi và tôi tại "Ẩn dật cư", nó không đến nỗi tồi như lúc ta mới thoạt nhìn đâu. Ở đây, chúng tôi cũng có những tài năng, có nền văn hóa của chúng tôi chứ. Bà vợ của tôi và tôi ra sức duy trì cái tài năng, văn hóa đó. Anh Manson ạ, chúng tôi giương cao ngọn đuốc, ngay cả giữa nơi sơn dã. Hôm nào, anh phải đến nhà tôi chơi một tối mới được. Anh có biết hát không?

Andrew buồn cười nôn ruột.

Ông Bramwell cứ tiếp tục với giọng trầm trầm:

- Cố nhiên chúng tôi đều đã được nghe nói đến việc anh diệt bệnh thương hàn. Thị trấn Blaenelly tự hào về anh đấy, anh bạn trẻ thân mến ạ. Chỉ tiếc là tôi không được dịp may ấy. Nếu như có việc gì cấp bách mà tôi có thể giúp được một tay thì anh cứ bảo!

Một cảm giác ân hận – anh là ai mà lại được người thầy thuốc già này quan tâm? – khiến Andrew trả lời:

- Vừa hay trong số các bệnh nhân của tôi có một trường hợp viêm trung cách mạc thứ phát rất đáng chú ý, rất hiếm có, bác sĩ Bramwell ạ. Nếu rỗi, ông đến hội chẩn cùng với tôi được không?

Nhiệt tình đã hơi giảm đôi chút, Bramwell hỏi:

- Thực à? Tôi thật không muốn làm phiền anh.

Andrew cố mời:

- Ở ngay góc phố đây thôi. Tôi còn được rảnh nửa giờ nữa rồi mới phải đến gặp bác sĩ Denny. Ta đến nơi ngay bây giờ đấy mà.

Bramwell do dự, đứng yên đến một phút dường như muốn từ chối, rồi chịu đi với một cử chỉ yếu ớt. Hai người đi về phía phố Glydar và vào thăm nhà bệnh nhân.

Như Andrew nói, đây là một trường hợp đặc biệt đáng chú ý vì là một ca tuyến ức còn sót lại muộn hiếm có. Andrew thành thực tự hào đã chẩn đoán thấy và với tấm lòng cởi mở nồng nhiệt, anh mời Bramwell đến để cùng xúc động trước sự phát hiện của mình.

Nhưng mặc cho Andrew nói, bác sĩ Bramwell có vẻ không chú ý lắm đến cơ hội này. Ông theo Andrew vào nhà không chút vội vã, mũi thở phì phò, và rón rén bước lại giường người bệnh. Đến bên giường, ông xem xét qua quít ở một khoảng cách đảm bảo an toàn. Ông cũng không muốn nán lại lâu. Ra khỏi nhà, hít một hơi dài không khí trong sạch bên ngoài rồi ông mới trở lại vẻ hoạt bát thường có ở ông. Quay sang Andrew, ông nói:

- Tôi lấy làm vui mừng đã có dịp cùng anh hội chẩn một bệnh nhân, anh bạn trẻ ạ, trước hết là bởi vì tôi cho rằng trong nghề thầy thuốc không bao giờ được lùi bước trước nguy cơ nhiễm bệnh, sau nữa là vì tôi vui mừng trước khả năng tiến bộ của khoa học. Anh có tin tôi không thì tùy, đây là trường hợp viêm tụy lý thú nhất mà tôi được thấy từ trước đến nay!

Nói xong, Bramwell liền bắt tay Andrew rồi vội vã bỏ đi, để mặc anh đứng ngây người. Tụy ư, Andrew bàng hoàng nghĩ. Không phải vì nói nhiều mà Bramwell đã phạm sai lầm tày đình này. Tất cả cách xử sự của ông với người bệnh đều lộ rõ sự dốt nát của ông. Bramwell quả thực không biết gì cả. Andrew lấy tay xoa trán. Cứ nghĩ rằng một người thầy thuốc có bằng cấp hẳn hoi, nắm trong tay tính mạng của hàng trăm người, lại không phân

biệt được tụy và tuyến ức, trong khi một cái nằm ở khoang bụng, một cái nằm ở khoang ngực, thì thực là kinh khủng.

Andrew từ từ đi lộn lại về phía nhà Denny, một lần nữa anh lại nhận thấy toàn bộ quan niệm cũ của anh về nghề y đã sụp đổ. Anh tự biết anh là người mới vào nghề, còn non nớt, chưa từng trải nhiều, hoàn toàn có thể mắc sai sót vì không có kinh nghiệm. Nhưng Bramwell thì không phải không có kinh nghiệm, và bởi vậy sự ngu dốt của ông ta lại càng không lấy gì biện bạch được. Ý nghĩ của Andrew bất giác quay sang Denny, con người lúc nào cũng giữ một giọng mỉa mai đối với ngành của họ. Ban đầu, Denny làm anh rất phật ý khi anh ta nói với giọng mệt mỏi là trong toàn nước Anh, dễ có hàng nghìn tên thầy thuốc bất tài chỉ nổi bật của sự ngu ngốc và chỉ giỏi học cách lừa bịp bệnh nhân. Bây giờ Andrew bắt đầu tự hỏi phải chăng có phần nào sự thật trong điều Denny nói ra. Andrew định bụng chiều nay nhất định sẽ bàn cãi lại vấn đề này.

Nhưng khi vào phòng Denny, Andrew thấy ngay bây giờ không phải là lúc bàn đến kiến thức. Denny tiếp Andrew trong một bầu không khí ảm đạm, trán tối dầm và con mắt buồn rầu.

Một lát Denny mới nói:

- Thằng bé John chết sáng nay rồi, lúc bảy giờ… thủng ruột. – Denny nói với giọng từ tốn, chứa đựng một cơn giận lạnh lùng, lặng lẽ – và tôi mới có thêm hai người nữa bị thương hàn, ở phố Ystrad.

Andrew nhìn xuống, thông cảm, nhưng không biết nói gì. Denny nói tiếp:

- Đừng có vẻ hý hửng thế. Anh khoái lắm đấy phỏng khi bệnh nhân của tôi nặng lên còn bệnh nhân của anh thì khỏi. Nhưng cũng không hay hớm gì đâu khi cái cống khốn kiếp kia rò rỉ về phía khu của anh.

Andrew vội nói ngay:

- Không, không đâu. Tôi thành thực rất lấy làm buồn. Ta phải làm thế nào về vấn đề này chứ. Phải viết thư lên bộ y tế.

Nén cơn giận, Denny đáp:

- Có viết đến hàng chục bức thư, rồi sáu tháng sau cũng đến chỉ có một viên thanh tra lập cà lập cập mò đến đây. Thôi! Tôi đã nghĩ kỹ rồi. Chỉ có một cách này mới bắt được chúng nó phải xây một cống mới.

- Cách nào?

- Phá sập cái cống cũ!

Trong một giây, Andrew tự hỏi không biết Denny có mất trí hay không. Sau, anh hiểu được đôi chút ý định táo tợn của Denny. Anh kinh hãi nhìn Denny. Anh cố sắp xếp lại những ý nghĩ đang xoay như chong chóng trong đầu anh, những ý nghĩ mà Denny dường như là người được số phận trao cho nhiệm vụ đạp đổ.

Andrew lẩm bẩm:

- Sẽ rắc rối to nếu bị phát hiện.

Denny ngạo nghễ ngẩng đầu:

- Anh không cần phải dây vào với tôi nếu anh không thích.

Andrew chậm rãi trả lời:

- Ồ, tôi sẽ cùng làm với anh chứ. Nhưng họa có trời biết được vì sao.

Suốt chiều hôm đó, Andrew vừa làm việc vừa bực mình tiếc lời đã hứa. Anh chàng Denny là một gã điên rồ, sớm muộn rồi cũng lôi kéo anh vào chuyện lôi thôi to. Cái việc mà anh ta đề xuất thật là dễ sợ, một việc phạm pháp, nếu bị phát hiện sẽ đưa cả hai người ra tòa, thậm chí có thể làm cho họ bị mất bằng bác sĩ như chơi. Andrew rùng mình khiếp sợ nghĩ đến sự nghiệp đẹp đẽ của anh đang trải ra rực rỡ trước mắt bỗng nhiên bị đứt đoạn, tan hoang.

Anh nguyền rủa Denny hết lời, thề trong lòng hàng chục lần là sẽ không đến với Denny.

Tuy thế, vì một lẽ kỳ quặc khó hiểu nào đó, Andrew không muốn và cũng không thể lùi lại.

Mười một giờ đêm hôm ấy, Denny và Andrew cùng với con chó lai Hawkins đi về cuối phố nhà thờ. Trời rất tối, đến góc phố những cơn gió thổi vào mặt họ những hạt mưa lất phất. Denny đã có kế hoạch và đã tính kỹ thời gian. Thợ mỏ ca đêm đã ra lò từ một tiếng trước. Một vài người còn lảng vảng ở cửa hàng cá rán của lão Thomas tận cuối phố, ngoài ra thì phố xá vắng tanh.

Hai người và con chó lặng lẽ đi. Trong túi áo khoác ngoài nặng trĩu, Denny đựng sáu thỏi thuốc nổ mà ban chiều Tom Seager, cậu con trai của bà chủ nhà đã lấy ở công trường phá đá về cho anh. Andrew mang theo sáu hộp ca cao không, nắp đã đục sẵn một lỗ, một chiếc đèn pin và một đoạn dây mồi. Tay buông thõng, cổ áo khoác bẻ gập lên, con mắt lo lắng ngoái nhìn qua vai, đầu óc rối bời những xúc cảm trái ngược, Andrew chỉ trả lời nhát gừng những câu nói ngắn gọn của Denny. Anh băn khoăn tự hỏi không biết ông Lamplough, ông giáo sư hiền lành và khuôn phép, sẽ nghĩ thế nào về anh khi biết anh dúng tay vào một cuộc phiêu lưu tội lỗi giữa đêm hôm khuya khoắt này.

Ở ngay phố Glydar, họ tìm được lỗ cửa chính xuống cống, một cái nắp sắt han rỉ gắn vào một tấm bê tông bể lỗ chỗ, và họ bắt tay vào việc. Cái nắp sứt mẻ không bị xê dịch từ bao nhiêu năm nay. Nhưng cố một lúc, họ cũng bẩy được lên. Andrew thận trọng chiếu đèn pin vào lòng cống hôi thối, trông thấy một dòng nước bẩn thỉu nhầy nhụa chảy lên lòng cống đã vỡ vụn. Denny nói:

- Đẹp nhỉ? Anh hãy nhìn những chỗ rạn nứt này, nhìn lần cuối cùng đi, Manson.

Không ai nói một lời nào nữa. Không hiểu tại sao, tâm trí Andrew bây giờ lại đổi khác. Anh thấy náo nức lạ thường, quyết tâm

không kém gì Denny. Nhiều người đã chết vì cái cống thối tha kinh tởm này mà bọn quan liêu đê tiện vẫn không làm gì cả. Bây giờ không phải là lúc dùng những cử chỉ ve vuốt người bệnh và cho những lọ thuốc cỏn con vô nghĩa lý!

Họ bắt đầu nhanh nhẹn giở những hộp ca cao sắt tây ra đút vào mỗi hộp một thỏi thuốc nổ, cắt và buột dây mồi dài ngắn chênh lệch nhau. Một que diêm bật lên trong đêm tối, soi sáng gương mặt tái và đanh lại của Denny, bàn tay run rẩy của Andrew. Sau đó, đoạn dây mồi đầu tiên cháy xè xè. Những hộp sắt tây đựng thuốc nổ được thả xuống trước. Sau cùng chiếc nắp được đậy lại như cũ và hai người ba chân bốn cẳng chạy ra xa khoảng ba mươi thước.

Họ vừa chạy đến góc phố Radnor, dừng lại nhìn xung quanh thì ầm một cái, hộp thuốc nổ đầu tiên nổ. Andrew hớn hở thì thào:

- Chao ôi! Xong rồi Denny ạ.

Andrew cảm thấy nẩy nở một tình đồng chí với người bạn đồng nghiệp, anh muốn nắm chặt lấy tay Denny và hét to lên.

Rồi liên tiếp đến những tiếng nổ khác, những tiếng bị nghẹt lại, dồn dập, tuyệt vời, hai, ba, bốn, năm và tiếng nổ tuyệt đẹp cuối cùng chắc phải vang vọng đi xa ít nhất một phần tư trong thung lũng.

- Chà! – Denny nói với giọng khàn khàn, như thể tất cả nỗi cay đắng thầm lặng trong đời anh bộc lộ ra trong cái tiếng độc nhất ấy – Thế là đi đời một chút thối tha!

Denny vừa nói dứt lời thì chung quanh bắt đầu ồn ào nhốn nháo. Cửa chính và cửa sổ các ngôi nhà bật mở, rọi ánh sáng xuống đường tối om. Người nọ, người kia ùa ra khỏi nhà. Trong nháy mắt phố xá đã đầy người. Ban đầu, người ta hô hoán là nổ dưới hầm lò. Nhưng thấy ngay là không phải, mà tiếng nổ từ phía thung lũng dội lại. Lời bàn cãi, phỏng đoán vang lên. Một đám người xách đèn đi xem sự thể ra sao. Tiếng ồn ào náo nhiệt rung

chuyển đêm tối. Nhờ bóng đêm và sự huyên náo ầm ĩ, Denny và Andrew đi vòng đường lẻn về nhà trót lọt. Máu chảy trong người Andrew rộn ràng thắng lợi.

Chưa đến tám giờ sáng hôm sau, bác sĩ Griffiths đã đi ô-tô đến. Griffiths người to béo, mặt như chàm đổ, hoảng hốt, vừa mới bị uỷ viên Ban quản trị Công ty mỏ Glyn Morgan nhiếc mắng, lôi dậy khỏi chiếc giường ngủ ấm áp. Griffiths có thể không trả lời các bác sĩ địa phương gọi dây nói, song ông ta không thể cưỡng lại mệnh lệnh giận dữ của Glyn Morgan. Mà Glyn Morgan thì có thừa lý do để nổi giận. Tòa biệt thự mới của ngài uỷ viên quản trị ở phía dưới thung lũng nửa dặm ngay trong đêm qua đã có một hào nước hôi thối hơn những hào nước thời Trung cổ bao quanh.

Suốt nửa tiếng đồng hồ, được hai phụ tá là Hamar Davis và Dean Roberts phụ họa thêm, Glyn Morgan đã bảo thẳng vào mặt viên thanh tra y tế tất cả những ý nghĩ của họ về Griffiths, bằng một giọng để cho người khác cũng nghe được.

Xong xuôi, Griffiths quệt trán, lập cập đi về phía Denny đang cùng với Andrew đứng giữa một đám người say sưa thích thú. Andrew bỗng bồn chồn khi Griffiths đến. Một đêm xáo động đã làm anh bớt phấn chấn. Trong ánh sáng lạnh lẽo của buổi sáng sớm, bối rối trước con đường cái vỡ toác ngổn ngang, Andrew cảm thấy khó chịu, nôn nao trong người.

Nhưng Griffiths đâu còn có ý nghĩ ngờ vực ai nữa. Griffiths run run nói với Philip Denny:

- Ông bạn ơi, ông bạn ơi, chúng tôi sẽ phải xây cái cống mới cho ông bạn ngay bây giờ đây.

Vẻ mặt Denny vẫn thản nhiên như không. Anh lãnh đạm nói:

- Tôi đã bảo ông từ bao nhiêu tháng nay rồi. Ông không nhớ à?

- Có, có, nhớ chứ! Nhưng tôi có ngờ đâu cái đồ khốn kiếp này lại nổ tung lên như vậy. Làm sao lại xẩy ra sự việc này, thật tôi chịu không hiểu nổi.

Denny lạnh lùng nhìn Griffiths:

- Kiến thức về y tế của ông để đâu rồi, ông bác sĩ? Ông không biết là khí trong cống rất dễ cháy hay sao?

Việc xây dựng chiếc cống mới được khởi công ngay hôm thứ hai sau.

V

Ba tháng sau, một chiều tháng ba đẹp trời. Mùa xuân sắp đến đem hương lại cho những ngọn gió nhẹ lướt qua các triền núi nay đã có những vệt xanh mờ mờ của cây cỏ chọi lại vẻ xấu xí bao trùm những đống xỉ quặng và những công trường đá. Dưới bầu trời xanh lơ trong vắt, ngay Blaenelly cũng trở nên đẹp.

Khi bước ra khỏi nhà đi thăm bệnh nhân ở số 3 phố Riskin vừa mới cho người đến mời, Andrew thấy lòng rộn ràng với ngày hôm nay. Anh đã quen dần với thị trấn kỳ quặc này, một thị trấn cổ lỗ, trơ trọi, nằm lút mình giữa những quả núi, không có lấy một nơi giải trí nào, ngay một rạp chiếu bóng cũng không, chỉ toàn những hầm lò ảm đạm, những công trường đá, lò luyện kim, chuỗi nhà thờ nhỏ và những dãy nhà tăm tối… một địa phương lạ lùng, lặng lẽ, im lìm.

Và cả con người cũng kỳ lạ. Thế mà dẫu vậy, tuy thấy họ xa lạ đối với anh song Andrew vẫn không khỏi cảm thấy có lòng yêu mến họ. Trừ những người buôn bán, các thầy tu và một vài người làm nghề mở hiệu, còn thì tất cả đều trực tiếp làm việc cho Công ty mỏ. Vào những giờ hết ca và bắt đầu ca, đường phố im ắng bỗng tỉnh dậy, vang lên tiếng giày đinh, bất ngờ sống động với những đoàn người đi bộ. Quần áo, giày ủng, bàn tay và cả mặt mũi những người làm việc dưới mỏ sắt đều đỏ bóng bụi quặng. Thợ phá đá thì mặc quần áo may bằng vải giả da có những chỗ

may độn và nịt gối. Thợ nấu gang trông phân biệt được ngay ở chiếc quần dài bằng vải chéo go xanh.

Họ ít nói và thường là nói bằng thổ ngữ xứ Wales. Với thái độ giữ gìn, xa cách, họ có vẻ là một chủng tộc cách biệt. Tuy vậy, họ là những người tử tế, tốt bụng. Những thú vui đơn giản, mộc mạc của họ thường được tổ chức trong gia đình, tại sảnh đường nhà thờ, trên sân bóng bầu dục bé tẹo ở đầu thị trấn. Niềm say mê nhất của họ có lẽ là âm nhạc, không phải những ca khúc rẻ tiền đương thời mà là âm nhạc cổ điển, đứng đắn. Không phải là hiếm đối với Andrew những khi đi bộ ban đêm ngoài phố nghe thấy tiếng đàn dương cầm vọng ra từ một trong những ngôi nhà nghèo nàn đó, một bản sonata của Beethoven hay một khúc dạo đầu của Chopin, đánh rất hay, chơi vơi trong bầu không khí lặng lẽ, vọng cao lên tận những ngọn núi bí ẩn kia rồi lan đi mãi.

Về công việc của bác sĩ Page, tình hình đối với Andrew nay đã rõ. Edward Page sẽ không bao giờ khám bệnh cho ai được nữa. Nhưng các khách bệnh của ông không muốn bỏ rơi ông, người bác sĩ đã tận tụy chữa chạy cho họ trong hơn ba mươi năm trời. Và mụ Blodwen táo tợn, vừa lừa bịp vừa ve vãn ông giám đốc khu mỏ Watkins, người đứng ra thu tiền y tế phí của thợ thuyền, nên đã giữ được tên bác sĩ Page trong biên chế của Công ty do đó vẫn có một khoản thu nhập kha khá mà mụ chỉ trả có khoảng một phần sáu cho Andrew là người làm toàn bộ công việc.

Andrew vô cùng thương hại Edward Page. Edward, một con người hiền lành, chất phác, đã cưới cô ả Blodwen lũn cũn, phốp pháp, diêm dúa và xấc xược sau khi quen nhau tại một phòng trà ở Albert Ơ-tuýt mà không biết có những gì đằng sau đôi mắt to đen láy đung đưa ấy. Giờ đây, sức lực suy tàn, liệt giường liệt chiếu, ông nằm trong tay mụ, chịu đựng một lối đối xử kết hợp những cử chỉ dịu dàng tán tỉnh với một thứ hăm dọa đùa bỡn. Không phải Blodwen không yêu chồng. Mụ ta yêu thích chồng theo một lối đặc biệt. Bác sĩ Page là vật sở hữu của mụ. Khi vào phòng mà

thấy Andrew đang ngồi bên cạnh ông già đau ốm thì mụ tiến lại, giả đò tươi cười nhưng ngấm ngầm bên trong là một nỗi ghen tị kỳ cục cho rằng mụ bị gạt ra ngoài khiến mụ kêu to lên: "Ơ này! Hai người nói chuyện gì thế?".

Không thể không yêu mến Edward Page vì ông biểu lộ rất hiển nhiên đức tính hy sinh và vị tha. Nhưng ông phải nằm đó trên giường, bất lực, hơi tàn sức cạn, chịu đựng tất cả những sự chăm chút ồn ào của người đàn bà liều lĩnh, trơ trẽn, nóng nảy, mặt khó đăm đăm, vốn là vợ ông, làm nạn nhân của lòng tham lam, của sự quấy rầy liên miên quanh năm ngày tháng và vô liêm sỉ của mụ.

Không có gì để cần phải ở lại Blaenelly nữa, Edward Page mong muốn được đến ở một nơi ấm áp, dễ chịu hơn. Có lần khi Andrew hỏi: "Ông có muốn điều gì không?", Edward đã thở dài: "Tôi muốn rời khỏi chốn này, anh bạn trẻ ạ. Tôi đã được đọc những câu chuyện nói về hòn đảo đó, đảo Capri, các loài chim". Nói xong, ông quay nghiêng mặt trên gối. Niềm ao ước trong giọng nói của ông thật buồn thảm.

Edward Page không ưa thích trẻ con. Ông không bao giờ nói đến nghề y, trừ thỉnh thoảng nói bằng một giọng thiểu não: "Tôi có thể nói là tôi chẳng hiểu biết gì nhiều. Nhưng tôi đã làm hết sức mình". Có những lúc ông nằm yên hàng giờ không hé một lời nào, lặng lẽ nhìn về phía bậu cửa sổ, nơi sáng nào chị Annie cũng nhớ để những mẩu bánh mì, những miếng mỡ con, những sợi cùi dừa. Sáng chủ nhật nào cũng có một người thợ mỏ già, cụ Enoch Davis, rất chững chạc trong bộ quần áo đen bạc phếch và ngực áo sơ-mi hồ cứng, đến ngồi chơi với bác sĩ Page. Hai người im lặng ngắm chim.

Một hôm, Andrew gặp cụ Enoch đang xuống cầu thang trong trạng thái rất kích động. Người thợ mỏ già thốt lên:

- Ôi chao! Chúng tôi vừa mới được hưởng một buổi sáng đẹp đẽ hiếm có! Hai con sơn ca đùa rỡn với nhau trên bậu cửa suốt gần một tiếng đồng hồ.

Cụ Enoch là người bạn độc nhất của bác sĩ Page. Cụ có uy tín lớn đối với thợ mỏ trong vùng. Cụ thề một cách chắc nịch rằng sẽ không có một ai rút ra khỏi danh sách của bác sĩ Page chừng nào bác sĩ còn sống. Cụ biết đâu sự thuỷ chung của cụ đối với ông bác sĩ tội nghiệp kia lại hại ông nhường ấy.

Một người khách khác, cũng hay đến thăm nhà là giám đốc ngân hàng các hạt miền tây tên là Aneurin Rees. Rees vóc người cao, khô khóc, trán hói, thoạt nhìn đã khiến Andrew phải ngờ vực. Ở đây, Rees là một người dân được rất kính nể, nhưng Rees không nhìn thẳng vào mắt ai bao giờ. Hắn đến thăm bác sĩ Page năm phút chiếu lệ, rồi vào phòng đóng kín cửa với bà vợ bác sĩ mỗi lần đến một giờ. Những buổi hội kiến ấy hoàn toàn không có gì chê trách về mặt đạo đức. Vấn đề được bàn bạc là tiền nong. Andrew đoán chừng Blodwen Page đã gởi ngân hàng rất nhiều tiền đứng tên mụ, và dưới sự chỉ bảo khôn ngoan của Aneurin Rees, mụ đã thỉnh thoảng khéo léo làm tăng số tiền gởi ấy lên. Tiền bạc trong lúc này không có nghĩa lý gì đối với Andrew. Anh đã trả nợ được đều đặn cho quỹ Glen, thế là đủ. Trong túi, anh có vài si-linh để mua thuốc lá. Ngoài ra, anh chỉ còn công việc của anh.

Bây giờ, hơn lúc nào hết, Andrew nhận thấy công việc lâm sàng của anh có ý nghĩa đối với anh thế nào. Kiến thức tồn tại như một ý thức ấm áp luôn luôn có mặt trong mình, nó khác nào một ngọn lửa sưởi ấm anh mỗi khi anh mệt mỏi, chán nản, băn khoăn. Thực vậy, thời gian gần đây ở trong anh có một mối băn khoăn kỳ lạ nẩy sinh và tác động mãnh liệt hơn trước đây. Trên phương diện y học, anh đã bắt đầu có những suy nghĩ riêng. Có lẽ Denny, với cách nhìn triệt để tiêu cực, chính là người đã gây ra tâm trạng đó. Phương châm của Denny hoàn toàn trái ngược với mọi người ta đã dạy cho Andrew. Phương châm ấy có thể cô đọng và đóng

khung lại đem treo trên đầu giường anh ta như sau: "Tôi không tin".

Được trường y khoa đào tạo theo đúng khuôn mẫu, Andrew đã nhìn về tương lai với niềm tin tưởng vững chắc ở sách vở. Anh đã được học đôi chút kiến thức hời hợt về vật lý, hoá học và sinh học – ít ra anh cũng đã được mổ và nghiên cứu con giun đất. Sau đó, anh đã được nhồi nhét một cách giáo điều những lý thuyết đã được người đời chấp nhận. Anh được biết tất cả các tật bệnh với những triệu chứng của chúng được sắp xếp lại thành từng mục, và biết các thứ thuốc điều trị của bệnh ấy. Lấy bệnh thống phong chẳng hạn. Ta có thể điều trị bằng conchicum, dược chất lấy ở cây conchicum. Anh còn như nhìn thấy giáo sư Lamplough rủ rỉ trên bục giảng: "Các bạn, Vinum colchici, rượu conchicum, liều tối thiểu từ hai mươi đến ba mươi giọt, là một thứ thuốc điều trị bệnh thống phong hết sức đặc hiệu". Có đúng thế không? Đó là câu hỏi mà bây giờ Andrew tự đặt ra cho mình. Cách đây một tháng, anh đã thử conchicum, với liều tối đa, để điều trị một ca thống phong "của người nghèo" thật đặt trưng – một ca nghiêm trọng và gây đau. Kết quả là thất bại thảm hại.

Còn một nửa, hay ba phần tư những "liều thuốc" khác trong Dược điển thì thế nào? Lần này, anh như nghe thấy giọng nói của bác sĩ Eliot giảng về "dược liệu": "Các bạn, bây giờ chúng ta chuyển sang chất elemi, một chất nhựa ở thể rắn chưa biết rõ nguồn gốc thực vật, nhưng có lẽ lấy từ loại cây trám trắng, nhập khẩu chủ yếu từ bên Manilla, dùng dưới dạng thuốc mỡ, tỉ lệ một trên năm, một chất kích thích và sát trùng tuyệt diệu đối với các chỗ đau và các vết thương". Toàn chuyện bậy bạ. Bây giờ anh đã biết, Eliot có bao giờ dùng thứ thuốc mỡ dầu trám *unguentum elemi* chưa? Anh tin chắc là chưa. Tất cả những điều thông thái này đều lấy ở một cuốn sách mà ra, cuốn sách ấy lại lấy ở một cuốn sách khác, cứ thế mà đi ngược mãi lên, có thể đến tận thời Trung cổ.

Tối hôm đầu tiên Denny đã chế riễu khi thấy anh pha một lọ thuốc. Denny bao giờ cũng chế riễu những kẻ thích pha chế thuốc cùng những kẻ thích nốc thuốc. Denny cho rằng tất cả vào loại "rác rưởi" hết. Ý kiến ấy của Denny là cái mà đêm đêm Andrew cứ phải đấu tranh, nó là ý kiến đảo lộn mà anh mới chỉ hiểu lờ mờ các chi tiết.

Suy nghĩ đến đây thì Andrew tới phố Riskin. Anh vào nhà số 3. Bệnh nhân là đứa bé chín tuổi, tên là Joey Howells, bị sởi. Bệnh không có gì hệ trọng, song do hoàn cảnh gia đình này, một gia đình nghèo khó nên nó có gây khó khăn cho mẹ Joey. Người bố, làm công nhật tại công trường đá, bị nằm liệt giường từ ba tháng nay vì viêm màng phổi mà không được một khoản tiền trợ cấp nào. Bà mẹ là một phụ nữ mảnh khảnh đã mệt nhoài vì phải trông nom người chồng ốm ngoài công việc quét dọn nhà thờ Bethesda rồi, nay còn phải chăm sóc thêm đứa con ốm nữa.

Khám xong, đứng nói chuyện với bà Howells ở ngoài cửa, Andrew phàn nàn hộ:

- Bà bận lắm thứ việc quá nhỉ. Rất tiếc là bà lại phải giữ cháu Idris ở nhà, không cho đến trường được.

Idris là em trai cậu bé Joey. Nghe Andrew nói, bà Howells vội ngẩng đầu. Bà ta là một phụ nữ bé nhỏ an phận, hai tai đỏ ửng, khớp tay sưng phồng lên vì công việc.

- Nhưng cô Barlow bảo tôi không phải giữ cháu ở nhà.

Mặc dầu thông cảm nhưng Andrew vẫn thấy bực mình. Anh hỏi:

- Thế à? Cô Barlow là ai?

Bà Howells vô tình trả lời:

- Cô Barlow là cô giáo ở trường học phố Ngân hàng. Cô ấy vừa mới lại chơi nhà sáng nay. Thấy tình cảnh nhà tôi khó khăn, cô ấy bằng lòng để cho cháu bé Idris được ở lại lớp cô ấy. Không biết tôi sẽ xoay xở ra sao nếu còn vướng thêm cháu ấy nữa.

Andrew bực mình chỉ muốn bảo ngay với bà ta là phải làm theo những điều anh căn dặn chứ không được theo ý kiến của một cô giáo thích xen vào chuyện người khác. Nhưng anh biết rõ lỗi không phải ở bà Howells. Anh không nói gì ngay, nhưng khi về, đi theo phố Riskin, anh cau mày bực bội. Andrew rất ghét thói xen ngang vào công việc của người khác, nhất là vào công việc của anh, và ghét nhất là những người phụ nữ bạ đâu cũng thích dính vào. Càng nghĩ anh càng tức. Giữ Idris ở lại trường khi anh nó bị sởi rõ ràng là trái quy tắc.

Andrew đột ngột quyết định đến gặp cái cô Barlow hiếu sự kia làm cho ra nhẽ.

Năm phút sau, anh đi ngược phố Ngân hàng, vào trường hỏi người gác cổng và đến lớp một. Anh gõ cửa rồi bước vào.

Lớp học là một gian buồng rộng, thoáng, tách biệt, có một bếp lửa đặt ở cuối lớp. Học sinh đều là trẻ em dưới bảy tuổi. Andrew đến đúng vào giờ giải lao chiều là lúc mỗi em được phát một cốc sữa. Cốc sữa ấy nằm trong chương trình trợ giúp nhà trường của chi nhánh Nghiệp đoàn thợ mỏ địa phương. Andrew nhìn thấy ngay cô giáo. Cô giáo đang viết những con số trên bảng, quay lưng lại phía anh và chưa biết ngay là có anh. Bỗng cô giáo quay người lại.

Cô giáo trông hoàn toàn khác với kiểu người đàn bà thích dính chuyện mà Andrew đã hình dung trong lúc bực tức khiến anh ngập ngừng. Hay có lẽ là vẻ ngạc nhiên trong đôi mắt nâu của nàng khiến anh cảm thấy lúng túng ngay trong phút đầu. Andrew đỏ mặt hỏi:

- Cô có phải là cô Barlow không?

- Vâng.

Cô giáo Barlow trông mảnh dẻ trong chiếc váy vải nâu, chân đi tất len và đôi giày nhỏ xoàng xỉnh. Nàng bằng tuổi anh, Andrew đoán vậy. Không, trẻ hơn – khoảng hai mươi hai tuổi. Nàng nhìn

Andrew, hơi phân vân, thoáng mỉm cười, dường như đã chán với môn số học dạy cho trẻ con nên mừng rỡ thấy có một cuộc gặp gỡ mới lạ trong ngày xuân tươi đẹp này.

- Ông là người phụ tá mới của bác sĩ Page phải không ạ?

Andrew trả lời cộc cằn:

- Không phải về việc đó, tuy đúng tôi là bác sĩ Manson. Tôi nhận thấy cô có ở đây một đứa trẻ truyền bệnh tên là Idris Howells. Cô biết là anh nó bị sởi chứ?

Gian phòng im lặng. Đôi mắt cô gái tuy bây giờ có vẻ dò xét, nhưng vẫn dịu dàng thân mật. Vuốt lại mái tóc, nàng đáp:

- Có, tôi có biết.

Thấy cô giáo không coi việc anh đến đây là chuyện nghiêm túc, Andrew lại nổi nóng.

- Cô không biết rằng giữ đứa bé ở đây là trái quy tắc à?

Nghe giọng nói ấy của Andrew, gương mặt cô gái đỏ bừng lên và không còn vẻ thân thiện khi nãy nữa. Andrew không khỏi nghĩ nước da nàng sao nuột nà tươi mát, với một nốt ruồi nhỏ màu nâu ở phía trên má phải đúng hệt màu mắt nàng. Nàng rất mảnh khảnh trong chiếc áo bờ-lu trắng và non nớt đến buồn cười. Bây giờ, nàng thở hơi gấp hơn một chút, song vẫn nói chậm rãi:

- Bà Howells không còn cách nào xoay xở nữa. Trẻ em ở đây hầu hết đã lên sởi rồi. Em nào chưa mắc chắc chắn rồi cũng sẽ mắc, không sớm thì muộn. Nếu Idris không đến trường thì em sẽ mất phần sữa, nà sữa thì rất cần cho sức khỏe của em.

Andrew ngắt lời:

- Không phải là vấn đề sữa của nó mà là vấn đề nó phải được cách ly.

Cô giáo bướng bỉnh trả lời:

- Tôi đã cách ly em ấy rồi, một hình thức cũng là cách ly. Nếu ông không tin, mời ông xem.

Andrew nhìn theo hướng mắt nàng. Chú bé Idris lên năm tuổi được ngồi xếp riêng một mình một bàn gần lò sưởi. Chú có vẻ rất vui thích với hoàn cảnh ấy, chú giương đôi mắt màu xanh lơ nhạt nhìn thao láo, mãn nguyện, qua miệng ca sữa.

Andrew thấy vậy tức điên người. Anh bật ra một tiếng cười khinh khỉnh, khích bác:

- Có thể đó là quan niệm cách ly của cô. Tôi e rằng đó lại không phải là quan niệm của tôi. Cô phải cho đứa trẻ này về nhà ngay tức khắc.

Trong mắt nàng có những chấm sáng nho nhỏ lấp lánh.

- Chẳng lẽ ông không biết tôi là cô giáo dạy lớp này sao? Có lẽ ông có quyền ra lệnh trong những giới cao quý hơn thật. Nhưng ở đây, lời nói của tôi mới quan trọng.

Andrew nhìn cô gái với vẻ nghiêm trang giận dữ:

- Cô vi phạm luật pháp. Cô không được giữ đứa bé ấy ở đây. Nếu không, tôi buộc lòng phải đi tố cáo cô.

Gian phòng lặng đi một lát. Andrew có thể nhìn thấy những ngón tay cô gái bóp chặt lấy mẩu phấn cầm trong tay. Dấu hiệu xúc động ấy càng làm tăng cơn thịnh nộ của anh đối với cô gái, và đối với cả bản thân anh nữa.

Cô gái khinh bỉ nói:

- Thế thì ông cứ đi tố cáo, hay gọi người đến bắt tôi đi. Tôi chắc rằng việc ấy làm ông vô cùng hài lòng.

Andrew điên tiết, không đáp. Anh tự cảm thấy ở vào một cái thế hết sức lố bịch. Anh cố trấn tĩnh, trừng mắt, tìm cách bắt nàng phải cụp đôi mắt nẩy lửa hiện đang lạnh lùng nhìn anh. Hai người nhìn thẳng vào mặt nhau một lúc, sát nhau đến nỗi Andrew nhìn

thấy được mạch máu ở cổ nàng đập nhè nhẹ, hàm răng nàng ánh lên giữa đôi môi hé mở. Sau đó, nàng nói:

- Không còn việc gì nữa, phải không ông? – Rồi nàng quay phắt về phía lớp học.

- Nào, các em đứng dậy và đồng thanh nói: "Chúng cháu chào bác sĩ Manson ạ. Chúng cháu cảm ơn bác sĩ đến thăm lớp". Nào.

Tiếng ghế xô lạch cạnh khi đám trẻ đứng lên nói véo von câu chào ngộ nghĩnh, mỉa mai của cô giáo. Tai anh nóng bừng khi cô giáo tiễn anh ra cửa. Anh tức điên vì bẽ mặt, ngoài ra lại có ý nghĩ khổ sở là anh đã xử sự rất dở khi nổi nóng lên trong lúc nàng vẫn bình tĩnh biết bao. Anh tìm một câu nói thật đau, một câu hăm dọa để lập lại lần cuối cùng. Nhưng nghĩ chưa ra thì cánh cửa đã lặng lẽ khép lại ngay trước mặt anh.

VI

Sau một tối giận dữ viết rồi lại xé liền ba bức thư lời lẽ rất kịch liệt gởi đến viên Thanh tra y tế, Andrew cố quên đi chuyện đã qua. Tính hài hước của anh, mất đi một lúc ở phố ngân hàng, làm anh tự nhận mình về thái độ nhỏ nhen hôm ấy. Sau một cuộc đấu tranh gay gắt với tình tự ái cứng nhắc của dân Scottland, Andrew đã đi đến kết luận là anh sai, không thể nghĩ đến chuyện đi tố cáo việc này, nhất là tố cáo với lão Griffiths khó tả kia. Tuy nhiên, dầu Andrew cố song anh vẫn không thể dễ dàng xua đuổi hình ảnh cô gái Christine Barlow ra khỏi đầu.

Thật vô lý, một cô giáo non trẻ lại choán hết tâm trí Andrew dai dẳng đến vậy và anh cứ phải băn khoăn không biết cô ấy nghĩ gì về mình. Andrew tự nhủ đây chính là một trường hợp ngu ngốc về lòng tự ái bị tổn thương. Anh biết mình rụt rè, vụng về với phụ nữ. Nhưng dù lý lẽ gì đi nữa cũng không thể làm thay đổi thực tế là hiện nay Andrew thấy bứt rứt, hơi cáu kỉnh. Những lúc tâm trí vẩn vơ như khi thiu thiu ngủ khi cảnh tượng lớp học hiện lên hết sức rõ nét, trong óc và anh thấy mình chau mày giữa ban đêm.

Anh vẫn còn nhìn thấy nàng, tay bót chặt mẩu phấn, đôi mắt nâu bừng lên giận dữ. Có ba chiếc khuy trai nhỏ ở ngực áo bờ-lu của nàng. Thân hình nàng thon thả và nhanh nhẹn, đường nét rắn chắc, gọn ghẽ bảo cho anh biết hồi nhỏ hẳn nàng rất hay chạy nhảy. Andrew không tự hỏi xem nàng có xinh không. Nàng đứng đó, mảnh mai và tươi tắn trước con mắt của anh, thế là đủ rồi. Và thế là đủ để tim anh đập rộn lên không sao nén được, và một cảm giác chưa bao giờ có là như một bàn tay nào nhẹ nhàng bóp nghẹt tim anh.

Nửa tháng sau, Andrew đang đi trên phố nhà thờ, tâm trí để tận đâu đâu làm anh suýt nữa va phải bà bác sĩ Bramwell ở góc phố ga. Không nhận ra bà ta, anh toan đi tiếp, nhưng bà Bramwell đứng ngay lại gọi anh, miệng cười tươi roi rói:

- Ơ kìa, bác sĩ Manson đúng người mà tôi đang đi tìm. Tối nay, tôi có tổ chức một buổi họp mặt thân mật nho nhỏ, như vẫn thường làm ở nhà ấy mà. Bác sĩ đến dự nhé.

Gladys Bramwell là một phụ nữ ba mươi lăm tuổi, tóc vàng màu lúa chín, ăn mặc loè loẹt, thân hình đầy đặn, đôi mắt xanh biếc như mắt trẻ sơ sinh và điệu bộ như con gái. Bà ta tự gọi mình một cách lãng mạn là "người phụ nữ chỉ biết yêu có một người". Nhưng những kẻ hay kháo chuyện ở Blaenelly thì lại nói khác. Bác sĩ Bramwell yêu vợ mê mệt, và người ta bảo rằng chỉ có sự si mê mù quáng đó mới làm ông không thấy vợ ông có những cử chỉ quá mức lẳng lơ với Gabell, người bác sĩ có nước da ngăm ngăm ở Toniglan.

Andrew vừa nhìn bà Bramwell vừa vội tìm cớ thoái thác.

- Thưa bà Bramwell, e rằng tôi không được rảnh.

- Nhưng ông vẫn cứ phải đến, ông bạn ngốc nghếch ạ. Tôi mời những người rất đáng yêu đến dự cơ đấy. Hai ông bà Watkins ở khu mỏ này – bà ta nở một nụ cười ý tứ – có bác sĩ Gabell ở

Toniglan… à suýt nữa thì quên, có cô giáo nhỏ nhắn Christine Barlow nữa.

Andrew giật mình. Anh mỉm cười ngớ ngẩn.

- Được, được, tôi sẽ đến, bà Bramwell ạ. Rất cảm ơn bà đã có lòng mời.

Anh cố tiếp chuyện với bà ta vài ba phút cho đến khi bà ta chia tay. Song từ lúc ấy đến hết ngày, anh không thể nghĩ đến chuyện gì khác ngoài cái điều anh sẽ gặp lại Christine Barlow.

Buổi "tiếp tân" của bà Bramwell bắt đầu vào lúc chín giờ tối, muộn như vậy là để chiếu cố đến các thầy thuốc có thể còn mắc bận tại phòng khám. Thực vậy, mãi đến chín giờ mười lăm, Andrew mới khám xong người cuối cùng. Anh vội vàng rửa mặt trong chậu rửa tay ở phòng khám, chải đầu bằng chiếc lược gẫy và rảo bước đến "Ẩn dật cư". Trái ngược với cái tên thơ mộng, "Ẩn dật cư" là một ngôi nhà gạch nhỏ ở giữa thị trấn. Đến nơi, Andrew nhận ra mình là người đến cuối cùng. Trách nhẹ anh một câu xong, bà Bramwell dẫn năm người khách và ông chồng sang phòng ăn.

Bữa ăn gồm những món ăn nguội bày trên chiếc bàn gỗ sồi hun khói phủ khăn trải bàn bằng giấy. Bà Bramwell hãnh diện về mặt tiếp tân của mình, bà tự coi là người đề ra phong cách ăn mặc và xã giao cho Blaenelly, ý nghĩ ấy cho phép bà dám làm cho dư luận phải choáng váng với cách "phấn son" của bà. Còn bí quyết "làm cho không khí sinh động" của bà là nói cười thật nhiều. Bà bao giờ cũng có ý muốn nói bà là người thuộc giới hết mực sang trọng trước khi lấy bác sĩ Bramwell làm chồng.

Tối nay, khi mọi người đã ngồi xuống xong xuôi, bà tươi tỉnh nói:

- Nào, mọi người đều đã có đủ các thứ cần dùng rồi chứ?

Thở hổn hển vì đi vội, thoạt đầu Andrew rất lúng túng. Dễ đến tròn mười phút, anh không dám nhìn sang Christine. Anh cứ cúi

gằm mặt nhìn xuống đất, tuy mê mẩn biết nàng đang ngồi tít tận đầu bàn kia, giữa bác sĩ Gabell – một chàng công tử ăn diện, da ngăm ngăm, chân đi ghệt, chiếc kẹp cà-vạt nạm ngọc – và ông giám đốc khu mỏ già Watkins, tóc cắt ngắn theo kiểu bàn chải, đang săn đón nàng một cách không thật ý tứ. Mãi sau, khi nghe thấy câu pha trò của ông Watkins "Cô vẫn là cô gái miền Yorkshire của tôi đấy chứ, cô Christine?", Andrew mới ghen tức ngẩng đầu lên nhìn nàng thì anh cảm thấy nàng xiết bao gần gũi thân thiết trong chiếc áo màu ghi nhạt với cổ áo và cửa tay trắng, đến nỗi anh thấy bối rối vội phải quay mặt nhìn đi chỗ khác sợ nàng đọc được tâm trạng anh trong con mắt.

Từ lúc bấy giờ, để che đậy, hầu như không biết là mình nói năng những gì, Andrew quay sang nói chuyện với người ngồi cạnh là bà Watkins, một phụ nữ lùn tịt, mang theo cả đồ đan.

Cho đến hết buổi, Andrew cứ phải chịu nỗi khắc khoải là miệng thì nói chuyện với người này còn lòng thì khao khát được nói chuyện với người khác.

Suýt nữa thì Andrew thở đánh phào một cái khi bác sĩ Bramwell, ngồi chủ trì ở đầu bàn, nhìn các đĩa thức ăn hết nhẵn với con mắt rộng lượng và thọc tay vào trong ngực áo theo kiểu Napoleon, cất tiếng:

- Mình này, có lẽ đã ăn xong cả rồi đấy. Ta chuyển sang phòng khách chứ?

Trong phòng khách, sau khi mọi người đã ngồi đâu vào đấy, mỗi người một tư thế, chủ yếu là ngồi ở bộ ghế ba chiếc gồm một đi-văng và hai ghế bành, thấy rõ là chương trình có phần âm nhạc.

Nét mặt rạng rỡ, Bramwell nhìn vợ trìu mến và cầm tay dẫn vợ ra chiếc dương cầm.

- Chúng ta sẽ hiến quý vị ở đây bài gì để mở đầu tối nay, hở mình?

Bramwell vừa giở những bài nhạc đặt trên giá vừa ngậm miệng ngâm nga nho nhỏ.

Gabell gợi ý:

- Bài "Tiếng chuông chùa". Tôi nghe bài này không biết chán, bà Bramwell ạ.

Ngồi trên chiếc ghế xoay, Gladys Bramwell vừa đánh đàn vừa hát trong khi ông chồng đứng bên cạnh giở các trang nhạc, một tay quặp sau lưng, một tay đưa ra phía trước như vẻ thuốc hút. Gladys có một giọng nữ trung khỏe khoắn, đầy đặn, hát đến những nốt trầm thì ngửa cằm lên cho tiếng hát thoát ra tròn trặn từ bộ ngực của mình. Sau bài "Tình ca", bà hát thêm bài "Thẩn thơ" và bài "Chỉ là một cô gái".

Tiếng vỗ tay nồng nhiệt. Bramwell hài lòng nói nho nhỏ, vẻ lơ đãng:

- Bà ấy tối nay được giọng.

Tiếp đến, bác sĩ Gabell được mời ra biểu diễn. Mân mê chiếc nhẫn đeo ở tay, vuốt lại mái tóc bôi đẫm dầu nhưng vẫn cứ bồng lên, chàng công tử có nước da màu ô-liu, duyên dáng nghiêng mình trước mặt bà chủ nhà chắp hai tay trước bụng, rống lên một cách chớt nhả bài "Tình yêu ở Seville ngọt ngào", rồi lại hát thêm bài "Người đấu bò rừng".

Bà Watkins tốt bụng bình phẩm:

- Ông hát những bài Tây Ban Nha này thật là sôi nổi, bác sĩ Gabell ạ.

- Có lẽ là do dòng máu Tây Ban Nha trong tôi – Gabell cười nhún nhường, và trở lại chỗ ngồi.

Andrew nhận ra vẻ tinh quái trong con mắt ông Watkins. Ông giám đốc già là người xứ Wales chính cống, am hiểu âm nhạc, mùa đông năm ngoái đã giúp thợ mỏ xây dựng một trong những vở ca kịch ít được biết đến nhất của Verdi. Bây giờ, mắt lim dim,

chiếc tẩu ngậm vào miệng, ông có vẻ thích thú ngầm với một điều gì bí ẩn không nói ra. Andrew không khỏi nghĩ Watkins chắc phải rất khoái trá khi ngắm nghía những người từ phương xa đến thị trấn quê hương, ông tưởng rằng họ đi truyền bá văn hoá với những bài ca ướt át vô giá trị ấy. Khi Christine tủm tỉm từ chối không ra biểu diễn thì Watkins ngoảnh sang nàng, nhếch miệng cười:

- Cô Christine thân mến, chắc cô cũng giống tôi hẳn thôi. Không đánh dương cầm vì quá yêu nó.

Tiếp theo sau là tiết mục nổi nhất của buổi tiếp tân. Bác sĩ Bramwell ra giữa sân khấu. Ông hắng giọng, đưa một chân lên phía trước, ngả đầu ra đằng sau, thọc một tay vào trong ngực áo với một điệu bộ sân khấu rồi giới thiệu:

- Thưa quý bà quý ông, sau đây là tiết mục: "Ngôi sao tàn tạ, độc thoại có nhạc đệm".

Ngồi trước đàn dương cầm, Gladys bắt đầu phần đệm rất tình cảm, và Bramwell bắt đầu biểu diễn.

Bài thơ đặc quánh xúc cảm này, bị rơi vào cảnh bần cùng khốn khổ, được ông ngâm với một giọng thống thiết. Khi kịch tính lên cao thì bà vợ đánh những nốt trầm. Khi nỗi bi ai lắng xuống bà bấm những nốt thanh. Đến cao trào, Bramwell ưỡn thẳng người, giọng nghẹn lại ở dòng cuối:

"Nàng nằm đó" – nghỉ một lúc – "bỏ mình giữa rãnh nước" – nghỉ một lúc lâu – "chỉ còn là một ngôi sao tàn tạ mà thôi!".

Bà Watkins bé nhỏ đánh rơi cả đồ đan xuống đất, ngước đôi mắt đẫm lệ về phía Bramwell:

- Tội nghiệp! Người đàn bà tội nghiệp! Bác sĩ Bramwell! Ông ngâm bài này bao giờ cũng mê ly quá!

Rượu vang đỏ được mang ra làm phân tán sự chú ý của mọi người. Đã quá mười một giờ khuya. Ngầm hiểu rằng sau tiết mục

của Bramwell thì mọi tiết mục khác sẽ không còn được ai chú ý nữa, mọi người chuẩn bị ra về. Tiếng cười nói, những lời cảm tạ lịch sự và mọi người ra dần phòng ngoài. Khoác áo ngoài lên người, Andrew đau khổ nghĩ rằng suốt buổi tối nay, anh không nói được một câu nào với Christine.

Ra khỏi nhà, Andrew đứng lại ở cổng. Anh cảm thấy anh nhất thiết phải nói với nàng. Lòng anh nặng trĩu khi nghĩ anh đã bỏ lỡ cả một buổi tối dài mà anh đã tưởng là một dịp làm lành với nàng thật dễ dàng và êm ái. Tuy nàng tuồng như không nhìn anh, nhưng vẫn là có mặt ở đây, ngay gần anh, trong cùng một gian phòng, thế mà anh cứ đần độn nhìn mũi giày mình. Andrew khổ sở nghĩ: "Ôi trời! Mình còn khốn khổ hơn cả ngôi sao tàn tạ. Tốt nhất là nên về nhà ngủ quách đi cho xong".

Nhưng Andrew không về. Anh vẫn đứng đấy, tim đập thình thình khi thấy Christine một mình đang bước xuống mấy bậc cửa, đi về phía anh.

Andrew cố lấy can đảm, lắp bắp:

- Cô Barlow, tôi xin đưa cô về nhà, có được không?

- Rất tiếc, – nàng ngừng một lúc – Tôi đã hẹn chờ ông bà Watkins rồi.

Anh ỉu xìu, muốn bỏ đi như một con chó bị đánh đập xua đuổi. Nhưng có cái gì giữ anh lại. Mặt anh tái hẳn nhưng chiếc cằm vẫn cương nghị. Những câu nói tự tuôn ra, tiếng nọ vấp vào tiếng kia:

- Tôi chỉ muốn nói, tôi lấy làm tiếc về chuyện chú bé Howells. Tôi đến khoe quyền một cách lố bịch quá. Tôi thật đáng bị đập cho một trận, một trận nên thân. Cách cô giải quyết về đứa bé là rất tốt, làm tôi phải khâm phục cô. Vả lại, nên tôn trọng tinh thần hơn là câu chữ của luật pháp. Tôi xin lỗi đã làm phiền cô về chuyện này, nhưng tôi cần phải nói. Xin chào cô!

Anh không thấy được gương mặt nàng. Anh cũng không chờ nàng trả lời. Anh quay người đi về cuối phố. Lần đầu tiên từ bao nhiêu hôm nay, anh cảm thấy hạnh phúc.

VII

Văn phòng Công ty mỏ vừa gửi đến tiền công nửa năm khám và điều trị bệnh nhân. Số tiền ấy khiến Blodwen Page phải suy nghĩ và là thêm một đề tài nữa để mụ và viên giám đốc ngân hàng địa phương Aneurin Rees bàn bạc với nhau. Từ mười tám tháng nay, đây là lần đầu tiên số tiền thù lao tăng vọt hẳn lên. Danh sách những người đăng ký khám bệnh và điều trị chỗ bác sĩ Page tăng thêm bảy mươi người so với trước ngày Andrew đến làm việc.

Tuy mừng rỡ khi nhận được một ngân phiếu lớn hơn nhưng Blodwen Page bụng vẫn lo ngại. Trong bữa ăn, nhiều khi Andrew bất chợt thấy mụ nhìn anh chằm chằm với con mắt dò xét, ngờ vực.

Đến hôm thứ tư liền sau buổi tiếp tân tại nhà Bramwell, Blodwen hớn hở bước vào phòng ăn, tỏ ra hết sức vui vẻ. Mụ nói:

- Ông này, tôi vừa mới nảy ra một ý nghĩ. Ông ở đây đã được gần bốn tháng rồi. Ông làm việc không đến nỗi tồi. Tôi không có gì phải phàn nàn. Nhưng chắc ông cũng biết, không được bằng như chính bác sĩ Page đâu. Ồ, không đâu. Vừa mới hôm kia thôi, ông Watkins có nói với tôi là mọi người đều mong bác sĩ Page trở lại làm việc. "Phải nói là bác sĩ Page rất giỏi, chúng tôi không bao giờ muốn ai thay ông ta". Ông Watkins nói với tôi thế.

Mụ ta ra sức mô tả tài năng phi thường của bác sĩ Page với những chi tiết thật đặc sắc. Mắt trợn tròn, mụ the thé:

- Ông không thể tưởng tượng nổi không có việc gì mà bác sĩ Page không làm được hoặc chưa làm. Mổ xẻ ư? Có chứng kiến mới thấy. Này, ông này, tôi xin nói với ông có lần bác sĩ Page lấy hẳn bộ óc ra khỏi đầu rồi lại đặt vào như cũ. Đúng thế. Ông muốn nhìn gì tôi thì cứ nhìn, bác sĩ Page đã lấy óc ra rồi lại đặt vào đấy.

Mụ ngả lưng vào thành ghế rồi nhìn Andrew chòng chọc, cố xem lời nói của mụ ta có tác dụng như thế nào. Rồi mụ cười, tin tưởng.

- Ở Blaenelly, người ta sẽ mừng rỡ phải biết khi bác sĩ Page trở lại làm việc. Cũng sẽ không lâu đâu. Mùa hè này thôi, tôi đã bảo với ông Watkins là đến mùa hè này, bác sĩ Page sẽ lại làm việc.

Cuối tuần ấy, sau lượt đi thăm bệnh nhân buổi chiều về, Andrew sửng sốt thấy bác sĩ Page ngồi co quắp trong chiếc ghế bành ở gần cổng ra vào, mặc quần áo chỉnh tề, một cái chăn phủ trên gối, chiếc mũ đội xiêu vẹo trên đầu ông nghiêng đi ngả lại. Một cơn gió thổi giật, còn ánh nắng tháng tư trùm lên thân hình thảm thương ấy thì nhợt nhạt và lạnh giá.

Blodwen đi từ cổng về phía Andrew nói to, đắc thắng:

- Đó nào! Ông thấy rồi, có phải không? Bác sĩ Page đã dậy rồi nhá! Tôi vừa mới gọi điện thoại cho ông Watkins báo tin bác sĩ Page đã khá hơn rồi. Chỉ ít bữa nữa thôi là ông ấy sẽ lại làm việc, có đúng thế không, mình yêu?

Andrew thấy máu dồn lên mặt:

- Ai đưa ông ấy xuống đây?

Blodwen trả lời, giọng thách thức:

- Tôi đấy. Sao lại không? Ông ấy là chồng tôi, với lại ông ấy khoẻ rồi.

Andrew hạ thấp giọng, nói thẳng vào mặt mụ:

- Ông ấy ở trong tình trạng không ngồi được, và bà đã biết như vậy. Bà hãy làm theo lời tôi. Giúp tôi đưa ông ấy về giường ngay lập tức.

Edward Page nói thì thào:

- Đúng, đúng đấy… Cho tôi về giường… Tôi lạnh lắm. Tôi không được khỏe… Tôi… tôi cảm thấy khó chịu.

Andrew đau lòng khi thấy ông già đau ốm bắt đầu rên hừ hừ.

Blodwen tức thì đến cạnh ông, nước mắt tuôn ra như mưa. Mụ quỳ xụp xuống, tay quàng lấy người ông, hối hận, sướt mướt:

- Thôi, thôi nào, mình yêu quý. Mình sẽ về giường, con cừu non tội nghiệp của tôi. Blodwen sẽ lo công việc cho mình. Blodwen yêu quý mình, mình thân yêu.

Mụ đặt những cái hôn rất kêu và ẩm ướt lên chiếc má cứng đờ của ông.

Nửa giờ sau, khi ông Page đã được đưa lên gác và cảm thấy dễ chịu, Andrew đi xuống bếp, cơn giận bừng bừng.

Chị Annie bây giờ đã là bạn thật sự của anh. Tại gian bếp này, hai người đã nhiều lần trò truyện tâm sự với nhau, và những hôm bữa ăn quá đạm bạc sơ sài, người đàn bà hơi đứng tuổi, nhẫn nhục, thầm lặng ấy đã nhiều lần lấy ở chạn ăn dúi cho Andrew khi thì quả táo, khi thì một cái bánh nướng nhân quả lý. Đôi lúc, không còn cách nào khác, chị đành chạy ra cửa hiệu lão Thomas mua hai xuất cá rán và hai người vào tiệc như vậy với nhau dưới ánh nến tại ngay bàn nhà bếp.

Chị Annie đã làm việc cho gia đình bác sĩ Page gần hai mươi năm nay. Chị quen biết nhiều người ở Blaenelly, toàn là những người khá giả. Lý do duy nhất khiến chị ở lại làm việc lâu như vậy là chị quý mến bác sĩ Page.

- Chị dọn cho tôi uống trà tại đây, chị Annie ạ – Andrew nói – trong lúc này tôi không thể chịu đựng nổi mụ Blodwen thêm tí nào nữa.

Andrew bước vào hẳn trong bếp mới nhận ra chị Annie đang có khách: Olwen, em gái chị, với chồng là Emlyn Hughes. Andrew đã gặp họ nhiều lần. Emlyn là thợ chôn thuốc nổ trên những tầng đất cao ở Blaenelly – Một người trai tráng lực lưỡng, hiền lành, nước da mai mái và dáng chắc nịch.

Thấy họ, Andrew còn ngập ngừng thì Olwen, một phụ nữ trẻ, mắt đen lanh lợi, đã nhanh nhẩu nói:

- Bác sĩ đừng ngại có chúng tôi ở đây. Bác sĩ cứ uống trà đi. Chúng tôi đang nói đến bác sĩ thì bác sĩ vào đây.

- Thật không?

Thật chứ – Olwen liếc nhìn chị – Chị Annie, chị không việc gì phải nhìn em. Em nghĩ trong bụng thế nào thì em nói ra thế. Bác sĩ Manson ạ, mọi người nói từ bao nhiêu năm nay chưa bao giờ có một bác sĩ trẻ tuổi nào mà lại tốt như ông, khám bệnh cho họ cẩn thận, và còn bao nhiêu chuyện khác nữa. Ông không tin thì cứ hỏi anh Emlyn em mà xem. Mọi người tức ghê lắm về những hành động của mụ Page. Họ bảo rằng bác sĩ Manson phải được là bác sĩ chính thức. Vì nghe thấy thế mà chiều nay mụ đi dựng ông Page già nua khốn khổ dậy… Mụ bảo rằng ông Page đã khoẻ, thật thế… Rõ khổ thân ông Page!

Uống trà xong, Andrew cáo lui. Những lời nói thẳng thắn của Olwen làm anh cảm thấy không thoải mái. Tuy nhiên, Andrew cũng hãnh diện khi biết người dân Blaenelly yêu mến anh. Mấy hôm sau, khi John Morgan, một đốc công đội khoan ở mỏ sắt đi cùng với vợ đến thăm anh, Andrew coi đó là một biểu thị đặc biệt của những tình cảm nồng hậu đó.

Hai vợ chồng Morgan cùng ở vào tuổi trung niên, không giàu có gì, nhưng là những người được quý trọng ở hạt này. Hai người lấy nhau đã gần hai mươi năm. Andrew nghe nói họ sắp đi Nam phi, được mời sang làm việc tại khu mỏ Johannesburg. Những tay thợ khoan giỏi bị lôi cuốn đến các mỏ vàng ở miền Rand không phải là hiếm. Công việc khoan ở đấy cũng như ở đây, nhưng lương lại cao hơn nhiều.

Không ai ngạc nhiên hơn Andrew khi thấy Morgan ngồi cùng với vợ tại trạm xá bé nhỏ, ngượng nghịu giải thích mục đích đến thăm của họ hôm nay.

- Bác sĩ Manson ạ, cuối cùng chúng tôi đã đạt được kết quả, có lẽ thế. Bà nhà tôi sắp có cháu bé. Sau mười chín năm lấy nhau cơ đấy. Chúng tôi vô cùng sung sướng, bác sĩ ạ, và chúng tôi quyết định lùi ngày lên đường cho đến sau việc này. Vì chúng tôi có nghĩ đến cái khoản sinh nở, và chúng tôi đi đến kết luận chính ông là người chúng tôi cần nhờ giải quyết việc ấy. Nó rất quan trọng đối với chúng tôi, bác sĩ ạ. Chắc sẽ khá vất vả. Bà nhà tôi đây đã bốn mươi ba tuổi rồi. Đúng vậy. Nhưng chúng tôi biết rằng được ông giúp, chúng tôi không có gì phải lo ngại.

Andrew nhận lời trông nom việc sinh nở đó với một cảm nghĩ ấm áp về niềm vinh dự dành cho anh. Đó là một xúc cảm kỳ lạ, khó hiểu, rõ rệt mà không có nguồn gốc cụ thể, nó làm khuây khỏa anh rất nhiều trong tâm trạng hiện nay. Mới gần đây, anh còn cảm thấy chán nản, phiền muộn vô cùng. Có những dòng điện lạ lùng chạy giần giật trong người làm anh lo lắng và đau khổ. Có lúc anh cảm thấy một cơn đau âm ỉ kỳ quặc trong tim, một cái đau mà với tư cách là một bác sĩ y khoa, từ trước đến nay anh tưởng chừng không thể có được.

Trước đây, chưa bao giờ anh thực sự nghĩ đến tình yêu ở trường đại học, Andrew quá nghèo, ăn mặc tồi tàn và quá lo học hành để thi cho đỗ nên không tiếp xúc gì mấy với nữ giới. Ở trường St. Andrews, phải là một tay ăn diện như Freddie Hamson, người bạn học cùng lớp, thì mới dám gia nhập giới hay khiêu vũ hội hè và khoe dáng ăn chơi. Tất cả những thứ đó, Andrew Manson đều không được hưởng. Ngoài tình bạn với Hamson, Andrew thực sự thuộc đám phàm phu tục tử chỉ biết có lộn cổ áo khoác ngoài lên mà học gạo, hút thuốc, và thỉnh thoảng có giải trí thì không phải là đến Câu lạc bộ sinh viên mà kéo đến một phòng đánh bida dưới phố.

Trước kia, quả thực Andrew không phải không có những hình ảnh lãng mạn trong óc. Nhưng vì anh nghèo nên nhưng hình ảnh ấy thường được vẽ trên một cái nền cực kỳ giàu sang. Còn bây giờ, ở

Blaenelly này, qua cửa sổ trạm xá ọp ẹp, đôi mắt rầu rầu đăm đăm nhìn đống xỉ quặng do nhà máy luyện kim thải ra, anh lại ao ước bằng tất cả tấm lòng mình một cô giáo tiểu học trường huyện xoàng xĩnh. Ước vọng tầm thường ấy làm anh muốn bật cười.

Xưa nay, Andrew vẫn tự hào là có đầu óc thực tế, có trong mình đậm nét tính thận trọng của người dân quê anh. Vì lợi ích của bản thân mà anh đã hiểu rõ, Andrew ra sức tìm những lý lẽ để bứt mình ra khỏi tâm trạng này. Bằng con mắt lạnh lùng và lý luận, anh cố vạch ra những nhược điểm của nàng. Nàng không đẹp, thân hình nàng quá nhỏ, mảnh khảnh. Nàng có một nốt ruồi trên má và một nếp nhăn nhỏ ở môi trên khi cười. Ngoài ra, có lẽ nàng ghét anh cũng nên.

Andrew bực mình tự nhủ rằng yếu đuối ngả theo tình cảm như vậy thật là hoàn toàn sai lầm. Anh đã nguyện dồn tâm trí vào công việc cơ mà. Hiện nay, anh vẫn mới chỉ là một bác sĩ phụ tá. Anh là hạng bác sĩ nào mà ngay từ buổi đầu của sự nghiệp lại quàng vào mình một sợi dây gắn bó nó nhất định sẽ làm hại đến tương lai nàng và ngay trong lúc này đang làm vướng nhiều đến công việc của anh.

Cố bình tâm lại, Andrew tìm những lối thoát để quên đi. Nghĩ bụng mình bây giờ đâm nhớ các bạn học cũ ở trường St. Andrews, anh viết một bức thư dài cho Freddie Hamson gần đây vừa mới được vào làm tại một bệnh viện ở Luân Đôn. Anh quay lại sốt sắng bắt thân với Denny. Nhưng Denny tuy đôi khi thân thiện, song nhiều lúc lại lạnh nhạt, ngờ vực, trong thái độ có cái vẻ cay đắng của một người đã bị đau thương trong cuộc đời.

Cố thì cố, Andrew vẫn không bứt được Christine ra khỏi tâm trí, không dẹp được nỗi ao ước nhớ nhung nó dày vò lòng anh. Anh chưa được gặp lại nàng sau lần thổ lộ đột ngột ở trước "Ẩn dật cư". Nàng nghĩ gì về anh? Liệu nàng có bao giờ nghĩ đến anh không? Đã quá lâu rồi anh chưa gặp nàng tuy lần nào đi qua phố

Nhà thờ anh cũng nhớn nhác nhìn khắp phố, đến nỗi anh nản lòng tưởng sẽ không bao giờ gặp lại nàng nữa.

Thế rồi, vào một chiều thứ bảy hai nhăm tháng năm, khi hầu như đã hết hy vọng thì anh nhận được một bức thư ngắn viết như sau:

Bác sĩ Manson thân mến,
Tối mai, chủ nhật, hai ông bà Watkins sẽ đến chơi nhà tôi và dùng bữa tối. Nếu không có việc gì bận, ông có thể vui lòng đến dự cùng được không? Vào lúc bảy rưỡi.
Chào thân ái,
Christine Barlow

Andrew kêu lên một tiếng làm cho chị Annie ở dưới bếp phải chạy lên. Chị trách:

- Ồ, bác sĩ, lắm khi ông đến buồn cười.

- Có lẽ thế, chị Annie ạ – Andrew trả lời, chưa hết bàng hoàng – Nhưng hình như đã qua rồi. Này, chị Annie thân mến, chị là giúp tôi cái quần dài nhé, đến mai tôi cần. Tối nay tôi sẽ móc ở cánh cửa trước khi đi ngủ.

Hôm sau là chủ nhật nên không có buổi khám tối. Andrew bồi hồi, phấp phỏng bước vào nhà bà Herbert nơi Christine trọ, gần Học viện. Anh đến thế là sớm, anh biết, nhưng anh không thể chờ thêm nữa.

Chính Christine ra mở cửa, nét mặt hân hoan tươi cười với anh.

Đúng, nàng mỉm cười, một nụ cười thực sự. Thế mà anh lại tưởng nàng ghét anh! Andrew mê mẩn, gần như không biết nói năng ra sao. Đi theo nàng vào phòng khách, anh lí nhí:

- Hôm nay, trời đẹp quá, cô nhỉ.

- Trời rất đẹp. Tôi vừa mới có một buổi dạo chơi tuyệt diệu chiều nay. Sang mãi tận bên kia Pandy. Tôi hái được mấy bông hoa anh túc.

Hai người ngồi xuống ghế. Lúng túng, Andrew đã toan hỏi nàng có thích đi chơi bộ không, nhưng anh đã kịp ghìm lại câu hỏi ngớ ngẩn đó. Nàng cho biết:

- Bà Watkins vừa mới cho người đến báo hai ông bà sẽ đến hơi muộn một chút. Ông ấy phải rẽ qua sở. Ông đợi họ vài phút, có phiền gì không?

Có phiền gì không! Vài phút! Anh chỉ muốn cười to vì mừng rỡ. Giá nàng biết anh đã chờ đợi buổi hôm nay từ bao nhiêu lâu, giá mà nàng biết rằng được ngồi đây với nàng là một điều thần tiên biết bao đối với anh. Andrew kín đáo đưa mắt nhìn xung quanh. Phòng khách kê đồ đạc của nàng; nó không giống bất kỳ một phòng khách nào ở Blaenelly mà anh đã đặt chân tới. Không rải thảm, không lót nhung xù hay vải lông ngựa, và cũng không có những chiếc đệm bọc sa-tanh bóng như những chiếc đệm trang trí lòe loẹt ở phòng khách nhà bà Bramwell. Sàn gỗ được nhuộm màu và đánh véc-ni, trước lò sưởi dải một tấm thảm nâu trơn. Đồ đạc đơn sơ đến nỗi làm Andrew hầu như không để ý đến. Trên bàn đã đặt sẵn bát đĩa, giữa bàn có một chiếc đĩa trắng bình thường đựng nước và nổi trên mặt nước như những đám bèo nhỏ xíu là những bông anh túc, nàng vừa hái ban chiều. Khung cảnh mộc mạc mà đẹp đẽ. Trên bậu cửa sổ, trong một hộp kẹo bằng đồ gỗ đổ đầy đất đang nhú lên những mầm cây con xanh rờn, mảnh mai. Phía trên lò sưởi treo một bức tranh đặc biệt, vẽ độc một chiếc ghế gỗ nhỏ của trẻ con, sơn đỏ, mà Andrew cho là vẽ rất dở.

Chắc Christine để ý thấy nét mặt ngạc nhiên của Andrew khi nhìn bức tranh. Nàng mỉm cười với một vẻ vui thích dễ lan sang người khác.

- Tôi mong rằng ông không nghĩ đây là tác phẩm gốc.

Andrew lúng túng không biết nói gì. Anh bối rối khi nhận thấy tính cách nàng được biểu lộ qua gian phòng này, khi tin rằng

nàng hiểu biết nhiều hơn anh. Nhưng quá chăm chú đến nỗi quên mất sự vụng về của mình, anh đã tránh được những câu nói nhạt nhẽo ngớ ngẩn về thời tiết, Andrew bắt đầu hỏi chuyện về nàng.

Christine trả lời đơn giản. Quê nàng ở Yorkshire. Mẹ nàng qua đời khi nàng mới mười lăm tuổi. Cha nàng lúc bấy giờ làm phó giám đốc một trong những mỏ than lớn của Công ty than Bramwell. Nàng có một người anh độc nhất tên là John, được đào tạo thành kỹ sư mỏ cũng tại mỏ than này. Năm năm sau, nàng mười chín tuổi và học xong lớp sư phạm thì cha nàng được cử làm giám đốc mỏ than Porth Pit ở phía dưới thung lũng, cách Blaenelly hai mươi dặm. Nàng và anh nàng đến miền nam xứ Wales này cùng với bố, nàng trông nom cửa nhà, còn anh nàng phụ tá cho bố. Mấy cha con làm việc được sáu tháng thì xảy ra một vụ nổ ở mỏ Porth Pit. John đang làm việc dưới hầm lò, chết ngay tức khắc. Nghe tin xảy ra tai nạn, cha nàng vội xuống ngay dưới lò xem sao thì bị một luồng khí mỏ thổi thốc tới. Một tuần sau, thi hài ông và con trai ông cùng được đưa lên mặt đất.

Christine kể xong, cả hai cùng im lặng. Mãi sau, Andrew mới nói, giọng thương cảm:

- Tôi xin chia buồn.

- Mọi người đều tốt với tôi, nhất là ông bà Watkins. Tôi được nhận vào dạy học tại đây… – Nàng lặng yên hồi lâu, gương mặt lại sáng lên – Tuy nhiên, cũng như ông, ở đây, tôi vẫn là người lạ. Phải một thời gian dài mới quen được với thung lũng này.

Andrew nhìn nàng, tìm một câu nói có thể bộc lộ, dù chỉ rất yếu ớt, những tình cảm của anh với nàng, một đôi lời có thể khéo léo xóa nhòa quá khứ và mở ra tương lai đầy hy vọng.

- Ở đây dễ cảm thấy trơ trọi, đơn độc. Tôi biết. Tôi cũng thế luôn. Tôi nhiều lúc ước ao có người để nói chuyện.

Nàng mỉm cười:

- Ông thích nói chuyện gì?

Andrew đỏ mặt, cảm thấy nàng đã dồn anh vào chỗ bí:

- À, nói chuyện vè công việc của tôi, có lẽ thế. – Anh dừng lời, thấy cần phải bộc lộ tâm sự – Tôi thấy đúng là mình đang mò mẫm, hết vấp phải vấn đề này lại vấp phải vấn đề khác.

- Ông muốn nói là ông vấp phải những trường hợp gay go ư?

- Không phải… – Andrew ngập ngừng, rồi tiếp lời – Tôi đến đây, trong đầu đầy những công thức, những điều mà ai nấy đều tin hoặc giả tảng tin. Khớp xương sưng lên tức là thấp khớp… Thấp khớp là dùng salicylate. Cô biết đấy, những lời dạy chính cống! Thế nhưng, tôi hiện nay đang nhận ra một số những nguyên tắc ấy sai toét cả. Thuốc men cũng vậy… Tôi thấy hình như có những thứ thuốc có hại hơn là có lợi. Thói quen mà. Bệnh nhân đến phòng khám. Họ chỉ mong được cấp một "lọ thuốc". Thế là được một lọ, dù rằng có khi chỉ là đường sao vàng lên, natri bicarbonate và nước lã. Ấy, chính vì lẽ đó mà đơn thuốc phải viết bằng chữ la tinh để người bệnh không hiểu được. Như vậy là không tốt, không khoa học. Lại còn cái này nữa: tôi thấy hình như có quá nhiều thấy thuốc chữa bệnh theo chủ nghĩa kinh nghiệm, có nghĩa là họ xem xét các triệu chứng một cách riêng lẻ, tách biệt. Họ không chịu mất công kết hợp những triệu chứng ấy lại trong óc để trên cơ sở đó mà chẩn đoán bệnh. Họ nói – nói liến thoắng, vì thường bao giờ họ cũng vội – "À, đau đầu à, uống thử mấy viên thuốc này", hay "Ông bị thiếu máu đấy nhé, cần có chất sắt". Lẽ ra phải tìm hiểu xem nguyên nhân gì đã gây ra bệnh đau đầu hay thiếu máu ấy… – Andrew bỗng ngừng lời – Ấy chết! Xin lỗi cô! Tôi làm rườm tai cô quá!

Christine nhanh nhẩu:

- Không, không đâu, rất hay đấy chứ.

Andrew sôi nổi nói tiếp, lòng rộn ràng khi thấy nàng chăm chú lắng nghe:

- Tôi mới bắt đầu, hãy còn đang dọ dẫm con đường của tôi. Nhưng chỉ qua những điều tôi đã thấy, tôi thực bụng nghĩ rằng những sách vở mà tôi đã học chứa đựng quá nhiều ý kiến cổ hũ, lỗi thời. Những cách điều trị vô tác dụng, những triệu chứng được một ai đó nêu lên từ thời Trung cổ. Người ta có thể bảo rằng đối với một bác sĩ đa khoa bình thường thì điều đó không quan trọng. Nhưng tại sao người thầy thuốc đa khoa lại không cần giỏi gì hơn một anh bán thuốc sao? Nay đã đến lúc khoa học phải được đưa lên hàng đầu. Nhiều người cho rằng khoa học nằm ở đáy ống nghiệm. Tôi không nghĩ như vậy. Tôi cho rằng các thầy thuốc đa khoa thông thường đi khám ngoài là những người có đủ mọi cơ hội để xem xét các tật bệnh và càng có nhiều dịp quan sát những triệu chứng đầu tiên của một căn bệnh mới, hơn ở bất kỳ một bệnh viện nào.

Christine sắp mau miệng trả lời thì có tiếng chuông reo. Nàng đứng dậy, ghìm ý định nói lại, hơi mỉm cười và nói thay bằng câu khác:

- Ông đừng quên là đã hứa sẽ nói lại câu chuyện này vào một lần khác đấy nhé.

Hai ông bà Watkins bước vào và xin lỗi đã đến muộn, rồi liền ngay sau đó cả mấy người ngồi vào bàn ăn.

Bữa hôm nay khác hẳn với bữa tiệc nguội mấy người cùng dự cách đây ít lâu. Có món thịt bê hầm khoai tây với bơ, sau đến bánh bột đại hoàng phết kem, rồi pho-mát và cà phê. Tuy đơn giản nhưng món nào cũng ngon và nhiều.

Sau những bữa đạm bạc mà mụ Blodwen cho anh ăn, Andrew rất khoan khoái được thưởng thức những món nóng hổi ngon lành trước mặt.

Còn ông giám đốc mỏ thì cười nói ầm ĩ, hồ hởi. Ông đã thay đổi hoàn toàn, khác hẳn con người lầm lì đã dũng cảm chịu đựng những tiết mục biểu diễn tại nhà bà Bramwell. Không kiểu cách,

xuề hòa dễ mến, ông Watkins ăn uống ra chiều thích thú, chặc lưỡi khi ăn bánh, đặt cả khuỷu tay lên bàn và kể chuyện vui cho họ cười.

Buổi tối trôi đi nhanh chóng. Nhìn đồng hồ, Andrew ngạc nhiên thấy đã gần mười một giờ. Mà anh thì đã hẹn đến thăm một bệnh nhân ở phố Blaina trước mười rưỡi.

Khi Andrew luyến tiếc đứng dậy chào ra về, Christine tiễn anh ra tận cửa. Ở lối đi hẹp, tay anh chạm phải người nàng. Anh rùng mình với một cảm giác êm dịu. Với vẻ trầm lặng, dáng mảnh mai và đôi mắt đen thông minh, nàng khác biết bao tất cả các phụ nữ khác mà anh biết. Cầu Trời tha thứ cho anh đã dám nghĩ nàng là một con người xoành xĩnh, hèn kém.

Hơi thở dồn dập, Andrew lí nhí:

- Được mời đến ăn bữa tối nay, tôi thực không biết nói sao để đủ tỏ lòng cám ơn cô. Không biết cô có vui lòng cho tôi được gặp lại không? Không phải lúc nào tôi cũng nói chuyện nghề nghiệp đâu. Cô Christine, cô có bằng lòng, một hôm nào đó, cho tôi được mời cô đi xem chiếu bóng ở Toniglan không?

Nàng ngước đôi mắt cười cười nhìn anh, lần đầu tiên hơi có vẻ trêu chọc:

- Ông cứ thử mời em đi.

Một phút im lặng dài trên bậc thềm, dưới bầu trời sao lồng lộng… Không khí thoảng hơi sương mát rượi trên đôi mắt nóng bỏng của Andrew. Hơi thở dịu dàng của nàng mơn trớn da anh. Andrew ao ước được đặt một cái hôn lên môi nàng. Song anh lại chỉ vụng về siết chặt tay nàng, rồi quay người lại, bước đi lập cập. Trên đường về nhà, trong óc xôn xao những ý nghĩ, người như lơ lửng bước trên con đường rung rinh đã từng có hàng triệu người đi qua bao nhiêu lần mà vẫn cứ tưởng trên đời chỉ có mình là kẻ duy nhất được qua, Andrew sung sướng, mê mẩn nghĩ đây là chuyện tiền định, nó sẽ đem lại hạnh phúc suốt đời cho anh. Chao ôi, nàng

thực là một cô gái tuyệt vời! Nàng đã hiểu ý nghĩ của anh sâu sắc biết bao khi anh nói đến những khó khăn trong nghề nghiệp. Nàng thực là thông minh, thông minh hơn anh nhiều. Lại là một người nấu nướng tuyệt diệu nữa! Và anh đã gọi nàng bằng cái tên thân mật Christine!

VIII

Tuy hiện nay Christine đang chiếm lĩnh tâm trí Andrew hơn bao giờ hết nhưng tâm trạng anh đã thay đổi. Anh không còn cảm thấy chán nản nữa, anh phấn khởi, sung sướng, chứa chan hy vọng. Sự thay đổi này được phản ánh ngay trong công việc. Anh hãy còn khá trẻ trung để lúc nào cũng có thể tưởng tượng trong óc là có Christine đang theo dõi anh những khi anh đến thăm bệnh nhân, theo dõi các phương pháp điều trị cẩn thận, cách khám bệnh tỉ mỉ của anh, khen ngợi sự chăm chú tìm tòi của anh khi chẩn đoán. Khi nào anh toan khám qua quít, vội vã kết luận trong khi chưa nghe ngực người bệnh thì lập tức có một ý nghĩ chặn anh lại: "Chết! Nàng sẽ nghĩ như thế nào nếu mình làm như vậy?".

Andrew đã nhiều lần bắt gặp con mắt riễu cợt của Denny nhìn anh chừng như đã hiểu chuyện. Nhưng Andrew mặc kệ. Một cách nồng nhiệt và duy tâm, anh gắn Christine với các tham vọng của anh làm nàng vô tình trở thành một nguồn cổ vũ mới cho cuộc tiến công lớn lao vào những điều anh chưa am hiểu.

Trong thâm tâm, Andrew phải thừa nhận anh thực ra chưa biết gì cả. Tuy nhiên, anh vẫn tự luyện cho mình có những suy nghĩ riêng, nhìn thấy suốt mặt trái của những điều hiển nhiên đập ngay vào mắt người ta để cố tìm ra nguyên nhân trực tiếp. Từ trước đến nay, anh chưa bao giờ thấy mình bị lý tưởng khoa học thu hút mãnh liệt đến thế. Anh thiết tha mong rằng anh chớ bao giờ trở thành một kẻ cẩu thả hay vụ lợi, chớ bao giờ kết luận quá vội vàng, và chớ bao giờ hạ bút ghi những chữ "theo đơn cũ". Anh

khao khát tìm tòi, muốn công việc của mình có tính chất khoa học để xứng đáng với Christine.

Trước niềm say mê thơ ngây ấy, thật đáng tiếc là việc khám bệnh và điều trị của Andrew ở đây bỗng nhiên trở nên tẻ nhạt đơn điệu. Anh chỉ muốn đọ sức với núi cao. Thế mà mấy tuần qua, anh chỉ toàn gặp những cái gò thấp lè tè. Anh phải chữa chạy những chứng bệnh vặt vãnh, không mảy may hứng thú, những ca tầm thường như sái chân, đứt tay, nhức đầu, sổ mũi. Trường hợp khó khăn nhất là lần anh được mời đi xa hai dặm đến phía dưới thung lũng khám bệnh cho một bà cụ già mặt vàng khè thò đầu ra khỏi chiếc khăn quàng trùm kín nhờ anh cắt hộ chai chân.

Andrew cảm thấy tù túng, bực mình thấy không có những cơ hội đương đầu với giông tố, bão táp.

Anh bắt đầu hoài nghi niềm tin tưởng của bản thân mình, tự hỏi rằng ở nơi khỉ ho cò gáy này thì người thầy thuốc liệu có khả năng thực sự trở thành một cái gì hơn một kẻ làm mướn tầm thường không. Nhưng đến lúc bế tắc nhất ấy thì xẩy ra một sự kiện làm chiếc nhiệt kế đo niềm tin của anh một lần nữa lại nhảy vọt lên trời xanh…

Gần hết tuần cuối cùng tháng sáu, Andrew đang đi trên chiếc cầu gần ga thì gặp bác sĩ Bramwell. Ông vừa mới ở cửa sau quán "Đường sắt" lẻn ra, len lén lấy mu bàn tay quệt mồm. Bramwell có thói quen, mỗi khi bà vợ diện quần áo, tươi tỉnh đi Toniglan với những chuyện "mua sắm" bí ẩn của bà thì ông lại kín đáo tự an ủi bằng một hai cốc bia vại.

Hơi lúng túng khi bị Andrew bắt gặp, Bramwell vẫn làm chủ được tình thế và nói với giọng phớt tỉnh:

- A, anh Manson. Gặp anh rất mừng. Tôi vừa mới phải đến khám bệnh cho Pritchard xong.

Pritchard là chủ quán rượu "Đường sắt". Andrew vừa mới gặp ông này dẫn chó đi chơi cách đây năm phút. Tuy vậy, anh không đả

động gì. Anh quí mến Bramwell, con người có cách ăn nói khoa trương và điệu bộ huênh hoang hài hước, nhưng lại rụt rè, anh mến những lỗ thủng ở tất ông mà bà vợ ham vui quên không díu lại.

Sánh vai nhau đi trên phố, hai người bắt đầu nói chuyện nghề nghiệp. Bramwell xưa nay bao giờ cũng sẵn sàng kể về các bệnh nhân của ông. Lần này, với một vẻ nghiêm trang, ông kể với Andrew là Emlyn Hughes, người em rể Annie, chị giúp việc ở nhà anh, đang được ông điều trị. Bramwell nói Emlyn dạo này có thái độ rất kỳ quặc, xuống hầm lò thì bồn chồn lo lắng, đầu óc không còn nhớ gì cả. Anh ta trở nên bẳn tính, hay cãi cọ, và hung bạo.

Bramwell gật gà gật gù, nghiêm giọng:

- Tôi thấy cần phải chú ý, anh Manson ạ. Trước đây, tôi đã từng gặp nhiều trường hợp rối loạn tâm thần, và trường hợp này giống đáo để.

Andrew chăm chú lắng nghe. Từ trước đến nay, anh vẫn coi Hughes là một chàng trai cục mịch nhưng dễ mến. Anh nhớ lại gần đây Annie có vẻ lo lắng. Anh hỏi thì chị chỉ nói xa xôi là chị lo về người em rể, vì tính tình Annie rất hay chuyện trò nhưng chị lại không thích nói về gia đình. Khi chia tay với Bramwell, Andrew nói mấy câu tỏ ý mong bệnh nhân của ông chóng bình phục.

Nhưng đến thứ sáu, mới sáu giờ sáng Andrew đã bị tiếng gõ cửa gọi dậy. Người gõ cửa là Annie, mắt đỏ hoe, quần áo đã mặc xong xuôi. Chị đưa cho Andrew một bức thư.

Andrew xé phong bì. Đó là thư của bác sĩ Bramwell:

"Mời anh lại tôi ngay. Tôi nhờ anh ký vào giấy chứng thực một bệnh điên nguy hiểm".

Chị Annie cố cầm nước mắt:

- Về chuyện Emlyn đấy, bác sĩ ạ, kinh khủng quá. Bác sĩ lại ngay đi.

Trong ba phút, Andrew mặc xong quần áo. Cùng đi với Andrew ngoài phố, chị Annie kể cho anh nghe tất cả những gì chị biết về Emlyn. Ba tuần nay, anh ta ốm, người khác hẳn, nhưng đến đêm qua thì anh ta trở nên hung dữ, rõ ràng là mất trí. Anh ta đã cầm con dao cắt bánh mì dọa vợ. Olwen chỉ vừa kịp chạy ra đường, còn mặc cả quần áo ngủ. Theo lời kể nghẹn ngào của chị Annie chạy lon ton bên cạnh anh trong ánh sáng nhờ nhờ lúc sáng sớm thì câu chuyện giật gân ấy kể cũng bi đát. Andrew chẳng biết nói gì thêm để làm yên lòng chị. Tới nhà Hughes, Andrew gặp bác sĩ Bramwell đang ngồi ở bàn tại phòng ngoài, tay đang cầm bút, vẻ mặt nghiêm trang, râu không cạo, áo sơ mi không kịp cài khuy cổ và thắt cà vạt. Trước mặt Bramwell là một tờ giấy xanh nhạt, viết được một nửa.

- A, anh Manson đây rồi! Anh đến nhanh thế là tốt lắm. Một việc đáng buồn đây. Nhưng không làm anh mất nhiều thời giờ đâu.

- Có gì đấy, ông Bramwell?

- Hughes bị điên. Hình như tuần trước tôi có nói với anh tôi đã ngờ như vậy rồi thì phải. Tôi nói đúng mà. Điên khùng – chứng điên khùng, đi đến chỗ giết người. Ta phải đưa cậu ấy đến ngay Pontynewdd. Muốn vậy phải có hai chữ ký trên tờ giấy chứng thực: Chữ ký của anh và của tôi. Gia đình ấy muốn tôi mời anh lại. Anh biết thủ tục rồi chứ?

Andrew gật đầu:

- Đã. Ông có thấy bằng chứng gì?

Bramwell hắng giọng, đọc những dòng chữ ông đã viết trên tờ khai, kể lại đầy đủ, trôi chảy, một số hành vi của Emlyn Hughes trong tuần trước, tất cả đều đưa đến kết luận là anh ta loạn trí. Đọc xong, Bramwell ngẩng đầu lên:

- Theo tôi thì bằng chứng thế là rõ ràng!

Andrew từ tốn trả lời:

- Có vẻ khá nghiêm trọng thật. Được! Ông để tôi xem anh ta một tí.

- Cảm ơn, anh Manson. Khi nào anh xong, anh ra đây gặp tôi – Rồi ông viết thêm những chi tiết khác vào tờ chứng thực.

Emlyn đang nằm trên giường, ngồi cạnh anh có hai người bạn cùng làm ngoài mỏ để phòng khi cần phải giữ anh ta lại. Đứng ở chân giường là Olwen, vợ Emlyn, mặt tái xanh, mọi khi tươi vui nhanh nhẹn mà bây giờ thì đầm đìa nước mắt. Olwen trông thật thiểu não và không khí gian phòng thật nặng nề ảm đạm đến nỗi trong giây lát Andrew thấy rùng mình, gần như kinh sợ.

Andrew bước lại gần, anh thoạt tưởng như không nhận ra Emlyn nữa. Không phải đã thay đổi hoàn toàn, vẫn là Emlyn thôi, nhưng là một Emlyn biến dạng, khác trước. Khéo để ý thì thấy có những nét trở nên thô lỗ. Mặt anh ta hình như bị sưng lên, cánh mũi đầy ra, nước da bệch như sáp, trừ một mảng đo đỏ chạy qua sống mũi. Nhìn chung, anh ta có vẻ nặng nề, đờ đẫn. Andrew hỏi chuyện, anh ta trả lời lý nhí, nghe không rõ. Sau đó anh ta nắm tay lại và tuôn ra một tràng những câu hung hăng vô nghĩa. Cách trả lời ấy, kết hợp với những lời kể lại của Bramwell, càng cho thấy rõ phải đưa anh ta vào nhà thương điên.

Sau một lúc im lặng, Andrew cảm thấy anh buộc lòng phải công nhận đúng là Emlyn mất trí. Tuy nhiên, không giải thích vì sao, anh vẫn thấy có gì không ổn. Andrew tự hỏi: Tại sao, tại sao Emlyn lại nói năng như vậy? Xưa nay anh ta vẫn là người vui vẻ cơ mà, không có chuyện gì lo lắng, sống thoải mái, dễ được mọi người ưa mến. Thế thì tại sao anh ta thay đổi như thế này mà không có nguyên nhân rõ rệt gì?

Phải có nguyên nhân nào đó, Andrew bướng bỉnh suy nghĩ. Các triệu chứng không thể tự nhiên mà có được. Nhìn chằm chằm vào những nét sưng phù ở trước mặt, nặn óc suy nghĩ tìm câu trả lời cho bài toán hóc búa, Andrew vô tình đưa tay sờ vào bộ mặt sưng

và trong tiềm thức, anh nhận thấy tay anh ấn xuống không để lại vết lõm trên cặp má bị phù kia.

Một suy nghĩ bỗng vụt loé lên trong óc anh như một tia điện. Tại sao chỗ sưng lại không lõm xuống khi anh ấn tay vào? Bởi vì – bây giờ chính là tim anh nẩy tung lên! – bởi vì đây không phải thực sự là phù thủng mà là phù niêm. Anh hiểu ra rồi, ơn trời, anh đã hiểu ra rồi. Không, anh không được vội vã hấp tấp. Anh trấn tĩnh lại hẳn. Anh không được vội đi đến kết luận. Anh phải xúc tiến một cách thận trọng, từ tốn, chắc chắn!

Andrew cúi xuống, nâng bàn tay Emlyn lên. Đúng rồi, da khô và nhám, ngón tay hơi dầy lên ở đầu. Nhiệt độ… dưới bình thường. Anh tiếp tục khám một cách có phương pháp cho đến khi xong, nén lại niềm phấn khởi như những đợt sóng nối tiếp nhau dâng lên trong lòng. Mọi kết luận, mọi triệu chứng đều hoàn toàn ăn khớp với nhau như những mảnh gỗ trong trò chơi xếp hình được ghép lại với nhau. Nói năng chệch choạc, da khô, ngón tay chuối mắn, da mặt sưng phồng không co giãn, hỏng trí nhớ, suy nghĩ chậm chạp, những cơn nóng nảy mà tột đỉnh là hành động hung bạo định giết người. Ôi! Bức tranh đầy đủ đó là một thành công tuyệt vời.

Andrew đứng bật dậy, ra phòng khách. Bác sĩ Bramwell, đứng trên tấm thảm rải trước lò sưởi, lưng quay lại ngọn lửa, hỏi Andrew:

- Thế nào? Thỏa mãn chứ? Bút ở trên bàn ấy.

Andrew đưa mắt nhìn đi chỗ khác, cố không để cho sự đắc thắng lộ ra trong giọng nói:

- Này ông Bramwell ạ. Tôi cho rằng chúng ta không cần phải viết tờ chứng thực bệnh điên cho Hughes đâu.

- Hử? Tại sao? Gương mặt Bramwell dần dần mất vẻ bình thản. Ông kêu lên với nỗi kinh ngạc của người bị mếch lòng. – Nhưng cậu ta hoàn toàn mất trí rồi mà!

- Tôi không nghĩ như vậy – Andrew đáp lại bằng một giọng đều đều, vẫn phải cố nén niềm phấn khởi, hân hoan. Chẩn đoán được căn bệnh chưa phải đã xong. Anh còn phải đối xử khéo léo với Bramwell, cố không đối lập với ý kiến của ông ta – Theo tôi, Hughes đau ốm về tinh thần chỉ vì anh ta đau ốm về thể xác. Tôi cho rằng Hughes bị thiểu năng tuyến giáp trạng: đây là một trường hợp phù niêm hết sức rõ ràng.

Bramwell nhìn Andrew với con mắt đờ đẫn. Bây giờ ông thực sự bàng hoàng. Ông cố nói câu gì, nhưng chỉ thốt ra được những âm thanh kỳ quặc, như tiếng tuyết rơi trên mái nhà.

Andrew nói tiếp để thuyết phục Bramwell, mắt nhìn xuống tấm thảm:

- Vả lại, Pontynewdd như một nấm mồ ấy. Hughes mà vào đấy thì không bao giờ có cơ ra nữa. Nếu có thoát ra được thì cũng mang vết tích suốt đời. Hay ta thử tăng cường tuyến giáp trạng cho anh ta xem sao đã?

Bramwell lắp bắp:

- Sao, anh nói thế nào? Tôi không có gì…

Andrew vội cắt ngang:

- Ông hãy nghĩ đến công lao của ông nếu ông chữa được cho anh ta khỏi. Ông không thấy đáng công ư? Nào, tôi đi gọi chị ấy lên đây. Chị ta đã khóc hết nước mắt vì tưởng chồng sẽ bị giải đi nhà thương điên. Ông hãy giải thích là chúng ta sẽ thử áp dụng một cách điều trị mới.

Bramwell chưa kịp đáp, Andrew đã ra khỏi phòng. Mấy phút sau, khi anh trở lại cùng với Olwen, Bramwell đã hoàn hồn. Đứng giạng chân giữa tấm thảm, ông oai vệ bảo cho Olwen biết là "có thể còn có một tia hy vọng". Đằng sau lưng ông, Andrew vo viên tờ chứng thực vứt vào lò sưởi. Rồi anh ra điện thoại gọi đi Cardiff xin cấp hoóc-môn tuyến giáp trạng.

Mất một thời gian bồn chồn lo lắng, và sau vài ba ngày phấp phỏng căng thẳng, Emlyn mới bắt đầu cho thấy hiệu quả của sự điều trị. Nhưng một khi đã bắt đầu xuất hiện thì hiệu quả ấy thật kỳ diệu. Trong có nửa tháng, Emlyn đã dậy được, và sau hai tháng thì trở lại làm việc. Một buổi tối, Emlyn cùng với cô vợ Olwen tươi tỉnh đến trạm xá Bryngower, rắn rỏi và nhanh nhẹn. Emlyn nói với Andrew anh ta chưa bao giờ khỏe khoắn như bây giờ.

Olwen nói:

- Bác sĩ Manson ạ, chúng em chịu ơn ông rất nhiều, chúng em muốn từ bỏ ông Bramwell, chuyển sang chỗ ông. Anh Emlyn nhà em ở trong danh sách khách bệnh của ông ta trước khi em lấy nhà em. Ông ta thật chỉ là một cụ già đần độn. Suýt nữa thì ông ta cho anh Emlyn nhà em vào… ông biết đấy… nếu không có ông và tất cả những gì ông đã làm cho chúng em…

- Chị không được thay đổi bác sĩ, chị Olwen ạ. Làm thế thì rắc rối to – Andrew bỏ giọng nghề nghiệp nghiêm trang, nói đùa – Chị mà làm thế thì tôi sẽ cầm con dao cắt bánh này đuổi theo chị đấy.

Khi gặp Andrew ngoài phố, Bramwell vui vẻ nói với anh:

- Chào anh Manson. Anh đã thấy cậu Hughes đi lại rồi chứ? Cả hai vợ chồng đều cảm ơn lắm. Tôi lấy làm hãnh diện vì chưa có lần nào việc điều trị của tôi có kết quả bằng lần này.

Còn chị Annie thì nói:

- Lão Bramwell ấy, huênh hoang ngoài phố như ông tướng. Lão ấy chẳng biết gì sất. Còn bà vợ nữa, úi dào! Mụ ấy không bao giờ giữ được một người giúp việc ở lâu trong nhà.

Blodwen Page thì dặn dò:

- Ông Manson này, ông chớ nên quên rằng ông làm việc cho bác sĩ Page đấy nhé.

Còn lời bình phẩm của Denny là:

- Manson! Dạo này anh thay đổi nhiều quá, không ai dám chơi với anh nữa. Chẳng mấy chốc anh sẽ lừng danh… một ngày rất gần đây thôi.

Nhưng Andrew chạy vội đến chỗ Christine với niềm hân hoan về sự thành công của phương pháp khoa học, dành riêng cho nàng tất cả những gì anh muốn nói ra thành lời.

IX

Tháng bảy năm ấy, hội nghị thường niên của Tổng hội y khoa được tổ chức tại Cardiff. Như lời giáo sư Lamplough thường dặn dò các sinh viên trong bài giảng cuối cùng của ông, mọi thầy thuốc danh giá đều phải nằm trong Hội này. Và Hội đã nổi tiếng về các hội nghị hàng năm của nó. Được tổ chức rất chu đáo, những hội nghị ấy tạo điều kiện cho các thầy thuốc hội viên và những gia đình họ được tham dự các cuộc vui chơi giải trí, các hoạt động thể thao, các buổi họp mặt liên hoan, các cuộc gặp gỡ bàn luận khoa học. Họ còn được giảm tiền trọ tại những khách sạn tốt nhất, được đi tham quan các di tích lịch sử, các tu viện trong vùng bằng xe hơi không mất tiền, được biếu không một cuốn sổ tay nghệ thuật, những quyển niên giám kỷ niệm của các hãng chế tạo dụng cụ phẫu thuật và các viện bào chế lớn nhất, được bố trí chỗ ở thuận tiện tại những địa điểm có suối nước nóng gần nhất. Năm ngoái, đến cuối tuần liên hoan, mỗi bác sĩ và vợ còn được biếu những hộp bánh quy chống béo to tướng làm hàng mẫu chiêu khách.

Andrew không có chân trong Hội vì số tiền gia nhập Hội năm ghi-ni vẫn vượt quá khả năng hiện nay của anh, nhưng từ xa anh vẫn theo dõi hội nghị với đôi chút ghen tị. Hội nghị này làm anh cảm thấy trơ trọi, lẻ loi tại Blaenelly. Báo chí địa phương đăng những bức ảnh chụp một dãy bác sĩ đang được chào đón bằng những bài diễn văn trên một lễ đài rợp cờ xí, hay đang chen chúc trên một

chuyến tàu biển đi thăm Weston-super-Mare. Những bức ảnh ấy càng làm cho Andrew cảm thấy anh bị đứng ngoài rìa.

Nhưng đến giữa tuần, Andrew nhận được một bức thư ghi địa chỉ người gửi là một trong những khách sạn ở Cardiff khiến anh cảm thấy vui hơn. Đó là thư của người bạn học cũ Freddie Hamson. Hamson đang dự hội nghị đúng như anh dự đoán. Anh ta mời Andrew ra chơi và ăn cơm vào thứ bảy.

Andrew đưa thư cho Christine xem. Bây giờ có chuyện gì riêng tư anh cũng đem nói với Christine. Từ tối hôm ấy, sau bữa tối ở nhà nàng cách đây gần hai tháng, mối tình của anh ngày càng nồng nàn. Giờ đây, anh có thể gặp nàng luôn, và khi thấy rõ nàng cũng vui mừng được gặp anh, Andrew cảm thấy hạnh phúc chưa từng có. Có lẽ chính Christine đã làm cho anh có được tâm trạng ổn định thăng bằng này. Christine là một phụ nữ nhỏ nhắn, rất thực tế, tính rất thẳng thắn, và tuyệt nhiên không có những điệu bộ kiểu cách, kênh kiệu. Nhiều khi, lúc đến với nàng thì Andrew lo âu hoặc bực bội, nhưng khi ra về thì những nỗi lo lắng, bực tức đã được dịu đi và lòng anh thanh thản hơn. Nàng biết cách yên lặng lắng nghe những điều anh muốn nói rồi thường là nàng nói vài ba lời thích hợp hoặc vài câu bông đùa dí dỏm. Nàng nhanh trí và hóm hỉnh. Và không bao giờ nàng tâng bốc anh.

Tuy tính tình nàng bình tĩnh dịu dàng, nhưng thỉnh thoảng hai người cũng tranh luận với nhau rất hăng, vì nàng có những ý kiến riêng. Nàng mỉm cười kể rằng tính thích tranh cãi ấy nàng thừa hưởng của bà nội, người Scottland. Có lẽ tính ưa thích độc lập của nàng từ nguồn gốc ấy mà ra. Nhiều khi anh thấy nàng rất cam đảm khiến anh phải mủi lòng và chỉ mong được che chở, bảo vệ nàng. Nàng thực sự chỉ còn có một thân một mình, ngoài người cô tàn tật sống ở Bridlington.

Chiều thứ bảy hay chủ nhật, khi trời đẹp, hai người đi dạo chơi rất xa, theo con đường Pandy. Có lần họ cùng đi xem chiếu bóng, xem Chaplin đóng phim "Cuộc đổ xô đi tìm vàng", và một lần

theo ý kiến nàng, họ đi nghe hòa nhạc cũng tại Toniglan. Nhưng Andrew thích nhất là những tối bà Watkins đến thăm nàng để anh có dịp gần gũi nàng trong khung cảnh thân thiết của phòng khách nhà nàng. Đó là những lúc diễn ra hầu hết các cuộc tranh luận giữa hai người, trong khi bà Watkins thản nhiên ngồi đan len, nhưng cố tình kéo dài cuộn len cho hết buổi tối để làm một khu đệm đáng kính giữa hai người.

Bây giờ, với cuộc đi chơi Cardiff đặt ra trước mắt, Andrew rất muốn Christine cùng đi với anh. Trường học phố Ngân hàng đến cuối tuần thì nghỉ hè và nàng sẽ về nghỉ với bà cô ở Bridlington. Andrew thấy cần phải tổ chức một cái gì đặc biệt trước khi nàng lên đường.

Đợi Christine đọc xong thư, Andrew sôi nổi nói:

- Em đi với anh nhé. Đi tàu mất có một tiếng rưỡi thôi. – Anh sẽ bắt mụ Blodwen phải cởi xiềng cho anh tối thứ bảy. May ra chúng mình có thể xem được đôi chút gì đó ở hội nghị. Với lại, anh muốn giới thiệu em với Hamson.

Nàng gật đầu:

- Em cũng thích đi, anh ạ.

Được Christine nhận lời, Andrew hớn hở, anh không đời nào để cho Blodwen ngăn trở mình. Trước khi đến gặp mụ để nói chuyện này, anh đã treo ngoài cửa trạm xá một cái biển đập ngay vào mắt mọi người:

Không khám bệnh tối thứ bảy.

Rồi anh vui vẻ bước vào nhà.

- Bà Page. Theo quy định về công việc đổ mồ hôi sôi nước mắt của các bác sĩ phụ tá mà tôi đã được đọc thì mỗi năm tôi có quyền nghỉ năm ngày. Tôi sẽ nghỉ nửa ngày của tôi vào thứ bảy này. Tôi đi Cardiff đây.

- Gượm hãy nào, ông bác sĩ!

Nghe thấy yêu cầu của Andrew, Blodwen như xù lông lên, tưởng rằng anh làm mình làm mẩy. Mụ nhìn anh với con mắt ngờ vực rồi lầu bầu: "Được, ông cứ đi". Rồi bỗng mụ nảy ra một ý nghĩ. Mắt mụ sáng lên. Mụ chặc lưỡi: "Tôi nhờ ông thể nào cũng mua hộ tôi một ít bánh ngọt ở hiệu Parry nhé. Tôi không thích gì bằng bánh ngọt của hiệu Parry".

Bốn rưỡi chiều thứ bảy, Christine và Andrew đáp tàu đi Cardiff. Andrew rất vui, cười nói ầm ĩ, cậu cậu tớ tớ với người ngồi ở ghế trước mặt. Chiếc áo và váy màu xanh nước biển càng làm tăng dáng thanh nhã, gọn gàng hàng ngày của nàng. Nàng đi đôi giày đen rất xinh xắn. Đôi mắt nàng, cũng như tất cả vẻ mặt và dáng người, cho thấy nàng rất thích chuyến đi này. Đôi mắt ấy long lanh ngời sáng.

Nhìn nàng ngồi đó, Andrew cảm thấy một niềm trìu mến và một nỗi khát vọng mãnh liệt trào lên như một ngọn sóng trong lòng. Anh nghĩ, tình bạn giữa hai người thật hết sức tốt đẹp. Nhưng anh muốn hơn thế. Anh khao khát được ghì nàng trong đôi tay, được cảm thấy nàng bên anh, ấm áp nồng nàn, hơi thở dồn dập.

Andrew buột miệng:

- Anh sẽ không sống nổi nếu không có em – khi em đi xa hè năm nay.

Nàng hơi đỏ mặt, nhìn ra cửa sổ. Andrew sôi nổi:

- Có lẽ anh không nên nói như thế nhỉ?

Nàng trả lời, không quay đầu lại:

- Dù sao, em cũng mừng là anh đã nói.

Andrew chỉ muốn nói hẳn ra là anh yêu nàng, hỏi nàng có bằng lòng xây dựng cuộc đời với anh không dù rằng hoàn cảnh của anh hiện nay còn quá bấp bênh. Với con mắt bỗng trở nên sáng suốt, anh thấy đó là giải pháp duy nhất và tất yếu đối với hai người. Nhưng có một cái gì, một linh cảm là bây giờ chưa đúng lúc, đã

ghìm anh lại. Andrew định bụng sẽ ngỏ lời với nàng trên chuyến tàu về.

Trong lúc chờ đợi, anh nói liền một mạch, không kịp thở:

- Tối nay, chắc phải vui lắm. Hamson là người bạn tốt. Hồi ở trường, anh ấy bừa bãi lắm, nhưng anh ấy có tài. Anh nhớ có lần – mắt Andrew mơ màng trở về quá khứ – ở Dundee tổ chức một buổi biểu diễn lấy tiền trợ giúp các bệnh viện. Tất cả các ngôi sao sáng của trường, những nghệ sĩ chính cống, đều lên sân khấu. Hamson thì khỏi phải nói: anh ấy trình bày một tiết mục đặc sắc vừa hát vừa múa, tiết mục ấy được cả hội trường vỗ tay như sấm.

- Thế thì anh ấy giống một diễn viên sân khấu nhiều hơn một bác sĩ à? – Christine nhoẻn miệng cười.

- Đừng chê anh ấy, Chris. Rồi em sẽ thấy mến Freddie cho mà xem.

Tàu đến Cardiff vào lúc sáu giờ mười lăm. Andrew và Christine đến thẳng khách sạn Palace. Hamson đã hẹn gặp họ tại khách sạn này vào sáu rưỡi, nhưng Andrew và Christine vào phòng khách thì chưa thấy Hamson đến.

Hai người đứng bên nhau nhìn cảnh tượng trong phòng. Gian phòng đông nghịt các bác sĩ và vợ họ đang cười nói, trò chuyện và mời mọc nhau hết sức thân mật.

- Này, bác sĩ Smith! Tối nay, hai anh chị phải ngồi cạnh chúng tôi đấy nhé!

- Ơ kìa, bác sĩ! Còn mấy chiếc vé xem kịch thì sao?

Người đi qua đi lại rất nhộn nhịp, có những ông sang trọng đeo phù hiệu đỏ ở ve áo, tay cầm những xấp giấy tờ trịnh trọng đi ngang qua gian phòng lát đá hoa. Ở đầu hành lang trước mặt, một nhân viên nói oang oang bằng một giọng đơn điệu. "Khu tai và họng, xin mời đi lối này". Ở phía trên lối đi sang khu nhà phụ

có treo tấm biển: "Triển lãm y học". Ngoài ra còn có cả những cây cọ và một dàn nhạc dây nữa.

Andrew cảm thấy hai người hơi bị lạc lõng giữa cảnh vui vẻ nhộn nhạo của mọi người. Anh nhận xét:

- Khá lịch sự đấy chứ em?… Còn Freddie thì vẫn muộn giờ như mọi khi, anh chàng chết tiệt ấy! Chúng mình đi xem qua khu triển lãm đi!

Hai người chăm chú đi khắp khu triển lãm. Chẳng mấy chốc, trong tay Andrew có một xấp đầy giấy tờ đẹp đẽ. Anh mỉm cười đưa cho Christine xem một tờ: "Ngài bác sĩ! Phòng khám của ngài vắng bệnh nhân chăng? Chúng tôi có thể bày cách cho ngài có đông bệnh nhân". Trong xấp ấy còn mười chín tờ quảng cáo nữa, mỗi tờ một khác, giới thiệu những thứ thuốc an thần và giảm đau. Andrew cau mày, nhận xét:

- Cứ như thể cái mới nhất trong y học là ma túy ấy!

Đến gian cuối cùng, lúc họ sắp quay ra thì có một người trẻ tuổi bước đến lịch sự bắt chuyện. Gã chìa ra một cái dụng cụ nhỏ sáng bóng giống như một cái đồng hồ.

- Thưa bác sĩ! Tôi chắc ngài sẽ chú ý đến chiếc chỉ số kế mới của chúng tôi. Dụng cụ này có nhiều công dụng, rất hiện đại, gây ấn tượng rất tốt cho bệnh nhân, và giá tiền chỉ có hai ghi-ni. Tôi xin phép giới thiệu với ngài. Ở mặt ngoài chỉ số chỉ các thời kỳ nung bệnh. Ngài chỉ quay mặt số là tìm được thời kỳ nhiễm bệnh. Bên trong – gã mở đáy hộp đánh tách một cái – ngài có một bảng chỉ số màu huyết cầu, rồi ở mặt đáy, dưới dạng bảng tóm tắt là…

Andrew cắt ngang lời gã:

- Ông nội tôi cũng có một cái như thế này, nhưng ông tôi đã vứt đi rồi.

Christine tủm tỉm cười khi hai người trở ra hành lang. Nàng nói:

- Khốn khổ anh ta. Trước đây chắc chưa ai dám chê cười cái máy xinh xắn đó của anh ta!

Lúc họ trở lại phòng lớn của khách sạn thì vừa vặn Freddie Hamson tới. Anh ta nhảy từ trên xe tắc xi xuống và đi vào khách sạn, đằng sau có một chú hầu nhỏ cầm gậy đánh "gôn" cho anh ta. Hamson nhìn thấy ngay Andrew và Christine, anh ta đi về phía họ toác miệng cười đắc thắng.

- Xin chào! Xin chào! Các bạn đã tới rồi nhỉ. Mình xin lỗi đến muộn. Mình phải đánh lại trận đấu hoà trong giải Lister. Mình chưa bao giờ thấy có tay nào gặp may như tay ấy. Chà, chà! Rất vui mừng gặp lại cậu, Andrew ạ. Vẫn anh chàng Manson xưa kia. Ha! Ha! Tại sao cậu không mua lấy một cái mũ mới mà đội? – Hamson vỗ lưng Andrew một cách thân mật, suồng sã, con mắt cười cười nhìn chung cả Christine – Giới thiệu mình đi nào, của khỉ! Mơ màng gì nữa?

Ba người ngồi xung quanh một cái bàn tròn. Hamson quyết định cả bọn đều phải uống một chút rượu. Anh ta bật ngón tay đánh tách một cái, ra hiệu người hầu bàn. Rồi vừa nhấp ly rượu hương mộc, Hamson vừa kể cho Andrew và Christine nghe mọi tình tiết trong trận đấu "gôn" vừa rồi. Anh ta đã sắp thắng đến nơi thì đối thủ của anh bắt đầu đánh cú nào cũng trúng lỗ.

Da trắng, tóc vàng bôi đẫm sáp, bộ quần áo mặc rất hợp khổ người, khuy tay áo đính đá mắt mèo sẫm để thò ra ngoài, Freddie Hamson là một anh chàng đỏm dáng chứ không phải đẹp trai – nét mặt rất thường – nhưng được cái tính tử tế, ăn diện. Trông anh ta có lẽ cũng hơi kiêu ngạo, nhưng những khi có dụng ý thì anh ta cũng có những cử chỉ và lời ăn tiếng nói dễ mến. Hamson bắt thân rất dễ dàng, thế mà tại trường đại học, bác sĩ Muir, một nhà bệnh lý học hay nhạo báng, đã có lần cáu kỉnh bảo thẳng vào mặt anh ta trước cả lớp: "Anh Hamson! Anh chẳng hiểu biết gì cả. Đầu óc anh như quả bóng, chỉ chứa đầy một thứ hơi vị kỷ. Nhưng được cái anh không bao giờ để cho mình bị mắc vào thế bí. Nếu

anh vượt qua được những trò trẻ con mà ở đây người ta gọi là kỳ thi sát hạch thì tôi tiên đoán anh sẽ có một tương lai rực rỡ, sáng chói".

Ba người vào phòng ăn sát bếp để ăn tối vì không ai mặc lễ phục. Dẫu vậy, Hamson cũng báo cho Andrew và Christine biết chốc nữa anh ta sẽ phải mặc áo đuôi tôm. Chả là đến khuya có tổ chức khiêu vũ, một việc khổ sai chán ngắt, nhưng anh ta buộc lòng phải có mặt.

Sau khi nhìn vào bảng thực đơn với những tên gọi sặc mùi y học (súp Pasteur, cá bơn nấu kiểu bà Curie, thịt quay Hội nghị y học…) và uể oải gọi các món ăn, Freddie bắt đầu gợi lại quá khứ một cách say sưa. Anh ta lắc đầu, kết thúc:

- Hồi ấy, mình không giờ nghĩ rằng ông bạn già Manson lại đi vùi xác ở vùng miền Nam xứ Wales!

Christine hỏi lại, nụ cười có phần gượng gạo:

- Thế anh bây giờ có cho rằng anh Manson đã bị vùi hẳn không?

Mọi người im lặng, Hamson đưa mắt nhìn gian phòng chật chội, cười nhăn nhở, hỏi Andrew:

- Cậu nghĩ thế nào về hội nghị này?

Andrew trả lời do dự:

- Mình cho rằng đây là một cách rất tốt giúp người ta theo kịp thời đại.

- Theo kịp thời đại! Thôi đi, ông bạn già của tôi, cả tuần này, mình không hề dự một cuộc họp nhóm chết tiệt nào của họ. Không, không đâu, ông bạn ạ. Cái quan trọng là tiếp xúc, là làm quen, là gặp gỡ người này người nọ. Cậu không thể tưởng tượng được trong tuần này mình đã được tiếp xúc với những người có thế lực như thế nào. Có thế mình mới đến đây chứ. Khi nào về đến nhà, mình sẽ gọi điện thoại cho họ, đi đánh "gôn" với họ. Rồi sau – cậu hãy nhớ lấy những lời mình nói – mới đến công việc.

- Mình không hiểu hết ý cậu.

- Ồ, dễ hiểu như hai với hai là bốn. Hiện nay mình đã có một chỗ làm việc rồi, nhưng mình đang để mắt đến một căn buồng nhỏ xinh xắn ở khu Tây Luân Đôn, nếu cắm được ở ngoài cửa một tấm biển đồng nho nhỏ đề chữ "bác sĩ Freddie Hamson" thì trông thật là tuyệt. Khi tấm biển ấy được trương lên thì mấy thằng cha kia, mấy chỗ cánh hẩu với mình ấy, sẽ gởi bệnh nhân đến cho mình. Diễn ra như thế nào thì cậu biết đấy: có đi có lại mà. Đằng ấy gãi lưng cho tớ, tớ sẽ gãi lại cho đằng ấy. – Hamson từ từ nhấp một tợp rượu rồi nói tiếp – Ngoài ra, ăn cánh với bọn bác sĩ lèm nhèm ở ngoại ô cũng có lợi. Thỉnh thoảng bọn ấy có thể gởi bệnh nhân đến cho mình. Thế nào, cậu, một hai năm nữa, cậu gởi bệnh nhân từ chỗ cậu, cái tổ cú Blaenel… gì ấy nhỉ, lên Luân Đôn cho mình chứ?

Christine liếc nhìn Hamson, toan nói, nhưng lại thôi. Nàng dán chặt mắt xuống đĩa ăn.

- Và bây giờ, cậu cả Manson, cậu kể cho mình nghe về cậu đi. Tình hình cậu thế nào – Hamson nói tiếp miệng cười cợt.

- À, không có gì đặc biệt. Mình khám bệnh tại một gian phòng gỗ, mỗi ngày trung bình ba mươi người, hầu hết là thợ mỏ và vợ con họ.

Hamson lắc đầu vẻ thông cảm:

- Có lẽ không thú lắm nhỉ.

Andrew nhẹ nhàng:

- Làm việc ở đấy mình lại thấy thích.

Christine nói xen:

- Và có công việc thực sự để làm.

- Đúng thế. Gần đây, mình có gặp một trường hợp khá lý thú – Andrew suy nghĩ giây lát – Mình mới viết một bài gởi cho "tạp chí".

Andrew kể vắn tắt cho Hamson nghe trường hợp Emlyn Hughes. Tuy tỏ ra chăm chú nghe, nhưng mắt Hamson cứ đảo đi đảo lại khắp phòng. Manson kể xong, anh ta nói:

- Khá đấy, mình cứ tưởng người ta bị bướu cổ ở Thụy Sĩ hay ở đâu kia. Dù sao, chắc cậu cũng nặn được khá nhiều tiền về vụ này. À này, câu chuyện đó làm mình nhớ có một thằng bạn hôm nay bảo mình cách đối xử khôn khéo nhất về vấn đề tiền thù lao…

Hamson tiếp tục thao thao nói về cái mánh khoé mà kẻ nào đó đã mách nước cho anh ta để được bệnh nhân trả ngay tiền công. Bữa ăn đã xong mà Hamson vẫn còn nói. Anh ta đứng dậy, ném khăn ăn xuống:

- Ra ngoài uống cà phê đi. Ta sẽ nói chuyện nốt tại phòng khách.

Đến mười giờ kém mười lăm, điếu xì gà đã hút hết, kho chuyện tạm thời đã cạn, Hamson khẽ ngáp một cái và nhìn vào chiếc đồng hồ bạch kim đeo trên tay.

Nhưng Christine đã đoán trước được ý định của anh ta. Nàng nhìn Andrew, mắt long lanh, ngồi thẳng người lên và nói:

- Đến giờ tàu chạy rồi phải không anh?

Andrew toan bảo là hãy còn nửa giờ nữa thì Hamson đã bảo:

- Còn mình thì có lẽ cũng phải chuẩn bị cho buổi khiêu vũ chán ngắt sắp tới. Mình không thể bỏ rơi những người cùng đi với mình đến đây.

Hamson tiễn Andrew và Christine ra đến chỗ cửa quay, chia tay rất lâu và rất thắm thiết với cả hai người. Anh ta bắt tay lần cuối cùng, thân mật vỗ vai Andrew, thì thầm:

- Này cậu, khi mình trương được cái biển con ở khu tây Luân Đôn, thể nào mình cũng gởi cho cậu một tờ danh thiếp.

Ra khỏi khách sạn, trong không khí ấm áp buổi tối, Andrew và Christine im lặng đi bộ bên nhau dọc đường công viên. Anh lờ mờ cảm thấy buổi tối nay không đẹp như anh dự kiến, ít nhất thì nó cũng không đáp ứng được những điều chờ đợi của Christine. Anh đợi nàng nói, nhưng nàng không nói gì. Mãi sau, Andrew mới rụt rè:

- Có lẽ những chuyện bệnh viện con cà con kê vừa rồi làm em phát chán, phải không?

- Không, em không thấy chán tí nào.

Hai người cùng lặng thinh, sau Andrew hỏi:

- Em không thích Hamson hả?

- Không thích lắm, – Christine quay người lại, không kiềm chế mình được nữa, mắt long lên, thực sự phẫn nộ – Anh ta lạ thật cơ, ngồi suốt buổi tối, với mớ tóc bết những sáp và nụ cười rẻ tiền, lên mặt kẻ cả với anh.

Andrew sửng sốt nhắc lại:

- Lên mặt kẻ cả với anh à?

Christine nóng nẩy gật đầu:

- Không thể chịu được! "Một thằng bạn vừa mới bảo cho mình cách đối xử khôn khéo nhất về vấn đề tiền thù lao!" Mà nói như vậy ngay sau khi anh kể cho anh ta nghe thành công tuyệt vời của anh. Lại còn gọi đó là bệnh bướu cổ nữa chứ? Đến như em cũng biết là trái ngược hẳn. Rồi còn bảo anh gởi bệnh nhân đến cho anh ta! – Môi nàng bĩu ra – Thật không chê vào đâu được. – Nàng giận dữ nói nốt – Hừ, em khó mà chịu nổi cái cách anh ta tự coi mình là bề trên đối với anh như thế.

Andrew lúng túng cãi lại:

- Anh không nghĩ là anh ấy tự coi mình là bề trên đối với anh đâu.

Andrew im lặng một lúc rồi nói tiếp:

- Anh công nhận là tối nay anh ấy có vẻ hơi kiêu ngạo. Có thể đó chỉ là một tính khí bất thường thoáng qua thôi. Anh ấy là người bạn tốt nhất có thể tìm được. Ở trường, anh với anh ấy thân với nhau. Hai người cùng nghiền bài với nhau.

Christine nói với giọng gay gắt ít thấy ở nàng:

- Có lẽ lúc bấy giờ anh ta thấy anh có ích cho anh ta, đỡ đầu anh ta được trong học hành.

Andrew không vui, phản đối:

- Chris, đừng nhỏ nhen thế, em.

Cơn giận của nàng bùng lên, những giọt nước mắt tức tối long lanh trong khoé mắt.

- Lỗi ở anh đấy. Mắt anh để ở đâu đấy thì mới không nhận ra anh ta là loại người như thế nào. Anh ta làm hỏng cả buổi đi chơi hôm nay của chúng mình. Đang đẹp đẽ thì anh ta đến và bắt đầu kể về anh ta. Tối nay ở hội trường Victoria có buổi hòa nhạc thật tuyệt, lẽ ra chúng mình có thể đi nghe. Nhưng lỡ mất rồi. Bây giờ muộn quá, chúng mình chẳng đi đâu được nữa, tuy rằng đối với anh ta thì vừa kịp cái buổi khiêu vũ ngu xuẩn của anh ta!

Hai người lê bước về phía nhà ga, cách đấy một quãng đường. Đây là lần đầu tiên Andrew thấy Christine tức giận. Cả Andrew cũng thấy tức giận, tức giận với chính mình, với Hamson, và với cả Christine nữa. Tuy nhiên, nàng nói đúng khi bảo rằng buổi tối nay mất vui. Thực tế, bây giờ kín đáo nhìn gương mặt tai tái, gượng gạo của Christine, anh cảm thấy cuộc đi chơi đúng là hỏng toét rồi.

Hai người vào ga. Lúc họ bước lên sân ga, Andrew bất chợt thấy có hai bóng người bên kia đường tàu, anh nhận ra ngay bà Bramwell và bác sĩ Gabell. Vừa lúc đó chuyến tàu xuôi vào ga,

chuyến tàu địa phương chạy đến bờ biển Porthcawl. Gabell và bà Bramwell cùng lên tàu, cười mỉm với nhau. Con tàu rú còi chuyển bánh.

Andrew bỗng có cảm giác chán chường. Anh liếc vội sang Christine, mong nàng không nhìn thấy. Mới sáng nay, gặp Bramwell, ông ta còn khen hôm nay trời đẹp rồi vui vẻ xoa hai bàn tay xương xẩu với nhau cho biết bà vợ ông ta vừa mới về nghỉ cuối tuần với mẹ đẻ ở Shrewsbury.

Andrew đứng im lặng, đầu cúi gằm. Anh đang yêu tha thiết nên cái cảnh anh vừa mới chứng kiến cùng tất cả những gì bao hàm trong đó gần như gây cho anh một nỗi đau đớn về thể xác. Anh cảm thấy nao nao như ốm. Chỉ còn thiếu đúng câu chuyện này nữa là làm cho ngày hôm nay hoàn toàn chán ngán. Tâm trạng anh dường như bị đảo lộn. Một bóng đen đã phủ lên niềm vui của anh. Bằng tất cả tâm hồn, anh tha thiết muốn có một buổi nói chuyện dài yên tĩnh với Christine để ngỏ nỗi lòng với nàng, xóa bỏ cái sự xích mích ngu ngốc nhỏ này giữa hai người. Điều anh ao ước hơn hết là được hoàn toàn một mình với nàng. Thế nhưng chuyến tàu ngược lại chật ních. Họ đành phải ngồi vào một toa đông nghịt thợ mỏ bàn tán ầm ĩ về trận đấu bóng trên tỉnh.

Tàu về đến Blaenelly thì đã khuya và Christine có vẻ rất mệt. Andrew tin chắc nàng đã nhìn thấy vợ Bramwell đi cùng với Gabell. Anh không thể ngỏ chuyện với nàng trong lúc này được. Chỉ còn có cách đưa nàng về nhà và buồn bã chúc nàng ngủ ngon.

X

Về đến Bryngower đã gần nửa đêm, thế mà Andrew thấy John Morgan vẫn còn đợi anh. Bác ta đang bước những bước ngắn đi đi lại lại giữa phòng điều trị đóng cửa với cổng ngoài. Nhìn thấy anh, gương mặt vạm vỡ của người thợ khoan nhẹ nhõm hẳn đi.

- Bác sĩ Manson, gặp được anh tôi mừng quá. Tôi đợi ở đây đến một tiếng đồng hồ rồi. Bà nhà tôi cầu cứu đến anh… mà lại chưa đủ tháng.

Bứt ra ngay khỏi những nỗi niềm riêng mà anh đang miên man suy nghĩ, Andrew bảo Morgan chờ anh vào trong nhà lấy túi dụng cụ. Sau đó, hai người cùng đi về nhà số 12 bãi Blaina. Không khí ban đêm mát lạnh và sâu thẳm như chứa đựng một điều bí hiểm thầm lặng. Thường ngày vẫn rất nhạy cảm với thiên nhiên nhưng hôm nay Andrew cảm thấy buồn bã dửng dưng. Anh không linh cảm được buổi thăm bệnh nhân hôm nay có gì khác thường, càng không thể ngờ được nó sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ tương lai của anh ở Blaenelly.

Hai người đi im lặng cho đến khi tới cửa nhà số 12 thì John đứng sững ngay lại. Bác ta nói, giọng lộ vẻ xúc động:

- Tôi không vào nhà đâu, nhưng tôi tin rằng bác sĩ sẽ giúp cho nhà tôi được mẹ tròn con vuông.

Trong nhà, một chiếc cầu thang hẹp dẫn đến một gian buồng ngủ nhỏ sạch sẽ nhưng chẳng có mấy đồ đạc và chỉ thấy có độc một ngọn đèn dầu. Mẹ đẻ bác Morgan gái, một bà cụ gần bảy mươi tuổi, vóc người cao lớn, tóc xam xám, và một bà đỡ phốp pháp có tuổi, đang ngồi cạnh giường sản phụ. Hai người đàn bà theo dõi nét mặt Andrew trong khi anh đi lại trong phòng. Được một lát, bà cụ nhanh nhẩu nói:

- Tôi xuống pha chén trà cho bác sĩ nhé.

Andrew hơi mỉm cười. Anh hiểu bà cụ nhiều kinh nghiệm biết phải đợi lâu nên sợ anh sẽ bỏ về và nói sẽ quay lại sau.

- Cụ đừng ngại, cụ ạ. Cháu sẽ không bỏ về đâu.

Andrew xuống bếp, uống tách nước trà bà cụ pha. Anh biết rằng giả sử anh có về nhà thì mệt rã rời như hiện nay, anh cũng không thể nào chợp mắt được, dù chỉ một tiếng đồng hồ; anh cũng biết

rằng ca đẻ này đòi hỏi anh phải tập trung hết tâm trí. Anh bỗng thấy người thẫn thờ, mê muội lạ lùng. Anh quyết ở lại cho đến khi xong xuôi.

Một giờ sau, Andrew lên gác, nhận thấy cơn đau đẻ đã tiến triển, rồi anh lại xuống dưới nhà ngồi bên bếp lửa. Không gian im lặng, chỉ có tiếng than nổ lép bép trong lò sưởi và tiếng đồng hồ treo tường kêu tích tắc chậm chạp. Không, còn một thứ tiếng khác, tiếng chân Morgan đi lại ngoài phố. Bà cụ già mặc áo đen ngồi không nhúc nhích trước mặt anh, cặp mắt tinh nhanh lạ lùng dò xét nét mặt Andrew không phút nào rời.

Đầu óc anh rối bời với những suy nghĩ nặng nề. Cảnh tượng anh thấy ở ga Cardiff vẫn còn ám ảnh anh một cách không lành mạnh. Anh nghĩ đến Bramwell điên rồ thờ phụng một người phụ nữ đã lừa dối mình một cách hèn hạ, đến Edward Page bị trói buộc vào mụ Blodwen đanh đá, đến Denny sống khổ sở trong cảnh xa vợ. Lý trí bảo anh rằng tất cả các cuộc hôn nhân này đều chẳng có một tí ti gì tốt đẹp. Trong tâm trạng anh hiện nay, đó là một kết luận khiến anh phải rùng mình kinh sợ. Anh muốn coi hôn nhân là một cuộc sống thơ mộng. Đúng vậy, với hình ảnh Christine trước mắt, anh không thể coi hôn nhân là khác được. Đôi mắt nàng long lanh nhìn anh, không chấp nhận một kết luận nào khác. Chính sự xung đột giữa đầu óc thực tế, hoài nghi và trái tim tràn ngập tình yêu khiến anh thấy bực bội và rối bời. Anh gục đầu, tì cằm vào ngực, duỗi dài chân, đăm chiêu nhìn ngọn lửa. Anh cứ ngồi mãi như vậy, miên man suy nghĩ về Christine đến nỗi anh phải giật mình khi bà cụ đột ngột nói với anh. Suy tư của bà cụ lại đi theo một chiều hướng khác.

- Em Susan nó bảo đừng bôi chloroform nếu có hại cho đứa bé, bác sĩ ạ. Nó rất lo lắng về đứa bé này.

Mắt bà cụ sáng lên như bỗng nghĩ đến điều gì. Bà cụ nói thêm, hạ thấp giọng:

- Có lẽ chúng tôi ai nấy đều thấy lo cả.

Andrew cố gắng trấn tĩnh, dịu dàng nói:

- Thuốc gây tê không có hại gì đâu, cụ ạ. Mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp.

Đến đây có tiếng bà đỡ gọi ở đầu cầu thang trên gác. Nhìn đồng hồ, Andrew thấy đã ba giờ rưỡi đêm. Anh đứng dậy, lên phòng sản phụ và nhận thấy bây giờ đã có thể bắt tay vào việc.

Một tiếng đồng hồ trôi qua. Một cuộc cật lộn gay go kéo dài. Khi những vệt sáng đầu tiên của bình minh khi lọt qua những bản gỗ gãy ở cánh cửa chớp thì đứa bé ra đời, không hơi sống.

Trân trân nhìn cái hình thù bất động, toàn thân Andrew rùng mình kinh hãi! Sau tất cả những gì anh đã hứa hẹn! Mắt anh vừa nãy nóng lên vì vận động nhiều nay lạnh toát. Anh phân vân, bị giằng xé giữa một bên là ý định cố hồi sinh đứa bé và một bên là nhiệm vụ đối với người mẹ lúc bấy giờ cũng ở trong tình trạng nguy kịch. Hoàn cảnh khó xử này đặt ra cấp bách đến nỗi anh không thể quyết định tỉnh táo. Mù quáng, hoàn toàn theo bản năng, anh đưa đứa trẻ cho bà đỡ rồi tập trung chăm sóc sản phụ hiện đang mê man nằm nghiêng về một bên, mạch hầu như mất hẳn và hãy còn chịu ảnh hưởng của ê-te. Anh vội vàng đến tuyệt vọng, điên cuồng chạy đua với sức lực đang tàn lụi dần của sản phụ. Loáng một cái Andrew bẻ xong ống thuốc và tiêm một mũi pituitrin. Quăng ống tiêm sang một bên, anh ra sức hồi sinh người đàn bà đang lả đi. Sau vài phút nỗ lực ghê gớm, tim sản phụ đập mạnh lên, anh thấy có thể an toàn để mặc người phụ nữ này ở đấy. Ống tay áo xắn cao, tóc bết vào trán ướt đẫm, anh xoay người hỏi:

- Đứa bé đâu?

Bà đỡ có một cử chỉ khiếp sợ. Bà ấy đã đặt đứa bé dưới gầm giường.

Nhanh như chớp, Andrew quỳ gối xuống đất, mò trong đám giấy báo cũ sũng nước dưới gầm giường lôi ra được đứa bé: một đứa con trai, cơ thể đầy đủ. Thân hình ẻo lả nhưng còn ấm của đứa bé trắng bệch và mềm nhũn như sáp. Cuống rốn cắt vội lòng thòng như một cọng lá gãy. Nước da mượt mà, mịn màng. Đầu nghẹo sang một bên trên chiếc cổ mảnh khảnh. Chân tay như không có xương.

Vẫn quỳ dưới sàn, Andrew nhìn đứa bé với con mắt ngơ ngác, lo lắng. Màu da tái xám ấy chỉ có nghĩa là bị ngạt thở. Trí óc căng thẳng tột độ, anh vụt nhớ đến một trường hợp mà anh đã được chứng kiến ở Samaritan và đến cách chữa chạy đã được áp dụng ở đó. Anh đứng ngay người lên, quát bà đỡ:

- Đem hai chậu nước nóng và nước lạnh lại đây. Nhanh lên! Nhanh lên!

Nhìn vào thân hình xám ngoét của đứa trẻ sơ sinh, bà ta ấp úng:

- Nhưng, thưa bác sĩ…

- Nhanh lên! – Andrew hét.

Vơ vội lấy một cái chăn, Andrew đặt đứa bé lên trên và bắt đầu làm hô hấp nhân tạo. Chậu, sô, và một cái nồi sắt to tướng được đem đến. Andrew đổ nước lạnh vào một chậu, ở chậu kia, anh pha nước nóng đến mức dúng tay vào được. Rồi như một diễn viên tung hứng mất trí, anh hết dúng đứa trẻ vào chậu nước lạnh buốt rồi lại nhấc ra dúng vào chậu nước nóng bốc hơi, cứ thế chuyển đi chuyển lại giữa hai chậu nước.

Andrew làm như vậy được mười lăm phút. Mồ hôi trên trán chảy xuống làm mắt anh mờ đi không nhìn thấy gì nữa, một tay áo thõng xuống, ướt sũng. Anh thở hổn hển, nhưng không có hơi thở nào hắt ra từ thân hình mềm nhũn của đứa bé.

Một cảm giác tuyệt vọng là thất bại bóp nghẹt lấy Andrew. Người anh như cuống lên, không còn biết xoay xở cách nào nữa. Anh

cảm thấy bà đỡ đang bàng hoàng nhìn anh, bà cụ già vẫn đứng dựa vào tường suốt từ nãy đến giờ, tay ôm lấy cổ, không thốt ra một lời nào, con mắt nóng bỏng dán chặt vào anh. Anh nhớ bà cụ đã tha thiết muốn có một đứa cháu không kém gì con gái cụ đã tha thiết muốn có một đứa con. Tất cả những ao ước bây giờ tan vỡ hết. Uổng công vô ích, không phương cứu vãn…

Sàn nhà lúc nãy bừa bãi, ngổng ngang, nhớp nháp. Vấp phải một cái khăn mặt ướt sũng, Andrew suýt đánh rơi đứa bé trên tay, nó ướt nhẫy và trơn tuột như một con cá trắng kỳ quặc.

Bà đỡ rên rỉ:

- Lạy trời, nó đã chết từ trong bụng mẹ rồi, bác sĩ ơi.

Andrew không để ý đến bà ta. Chán nản và thất vọng sau nửa giờ cực nhọc vô ích, anh vẫn còn gắng thêm một lần cuối. Anh lấy một chiếc khăn tay thô chà sát đứa bé, hai tay anh ép cái lồng ngực nhỏ xíu lại rồi thả ra, cố hà một hơi thở vào cái thân hình bất động.

Bỗng nhiên, như nhờ một sự kỳ diệu nào, cái lồng ngực tý hon nằm trong tay Andrew bỗng nâng giật lên một cái nhẹ, rồi lại cái thứ hai, thứ ba. Andrew lảo đảo cả người. Cảm thấy sự sống trồi lên dưới những ngón tay của mình, sau biết bao nhiêu nỗ lực thất bại là một cảm giác mê ly khiến anh choáng váng, suýt nữa ngất lịm đi. Anh sôi nổi cố gắng gấp bội. Đứa bé bây giờ đã há miệng thở được, thở sâu hơn một chút. Một giọt mủ tươi vui, lấp lánh ứa ra ở một lỗ mũi nhỏ xíu. Chân tay đứa bé không còn mềm nhũn nữa… Sau cùng, ôi tuyệt diệu, đứa bé khóc lên một tiếng.

Bà đỡ nức nở như mất trí:

- Lạy Cha chúng tôi ở trên trời… Nó sống rồi, nó sống rồi.

Andrew trao đứa bé cho bà đỡ. Anh cảm thấy sức yếu, mắt hoa. Xung quanh anh, gian phòng bừa bãi không thể tưởng tượng: chăn, khăn mặt, chậu, dụng cụ bẩn, kim tiêm cắm mũi vào vải

sơn lót nền nhà, chiếc sô bị lật úp, nồi nước nằm lỏng chỏng giữa một vũng nước. Trên chiếc giường ngổn ngang, người mẹ vẫn còn nằm mơ màng yên lặng vì thuốc mê. Bà cụ vẫn đứng sát tường. Nhưng bây giờ thì hai tay cụ chắp lại với nhau, môi động đậy không thành tiếng. Cụ đang cầu kinh.

Như một cái máy, Andrew thả tay áo xuống, mặc áo vét tông vào.

- Tôi sẽ lại lấy túi đồ của tôi sau, bà đỡ nhé.

Anh xuống cầu thang, đi qua gian bếp, vào phòng ăn. Miệng khô, anh uống một cốc nước đầy rồi với tay lấy mũ và áo khoác.

Ra đến đường, Andrew gặp bác Morgan trai đang đứng trên vỉa hè, nét mặt căng thẳng chờ đợi. Anh nói khó nhọc:

- Tốt đẹp cả, bác John ạ. Mẹ tròn con vuông.

Trời đã sáng rõ. Gần năm giờ. Ngoài phố đã có vài ba người thợ mỏ: những người đầu tiên tan ca đêm đang về nhà. Đi cùng với họ, bước chân nặng nề chậm chạp, tiếng chân của anh vang vọng giữa tiếng chân của những người thợ mỏ dưới bầu trời ban mai. Anh miên man suy nghĩ, quên hết tất cả những việc mà anh đã làm được từ trước đến nay ở Blaenelly: "Mình đã thành công được một việc! Ơn Trời! Cuối cùng, mình đã thành công được một việc đáng kể".

XI

Cạo râu và tắm xong – nhờ có chị Annie, thùng nước nóng bao giờ cũng đầy – Andrew đỡ mệt. Nhưng thấy giường anh không có người ngủ nên đến bữa ăn sáng, Blodwen thốt ra những câu rất mỉa mai, nhất là khi thấy anh cứ lặng thinh trước những lời châm chọc của mụ.

- A! Sáng nay, ông có vẻ hơi ỉu xìu đấy, ông bác sĩ ạ. Mắt hơi quầng nữa. Ở Swansea mới về sáng nay hả? Lại quên bánh hiệu Parry cho tôi nữa rồi. Mải chơi bời quá chứ gì, ông bạn? A ha! Ông

không thể dối tôi được đâu. Tôi cứ tưởng ông ngoan ngoãn, không có chuyện đó. Té ra, các ông phụ tá, ông nào cũng như ông nào. Tôi chưa hề thấy ông nào mà không uống rượu hoặc không làm chuyện bậy bạ bao giờ!

Sau buổi khám bệnh tại trạm xá và đi thăm các bệnh nhân, Andrew trở lại thăm bác Morgan. Anh đến phố Blaina vào khoảng hơn mười hai rưỡi. Mấy bà phụ nữ đứng tụm năm túm ba nói chuyện bên cạnh khoang cửa để ngỏ. Khi Andrew đi qua, họ không nói nữa, chỉ mỉm cười thân mật chào anh. Gần đến số nhà 12, anh thoáng nhìn thấy có một khuôn mặt ở cửa sổ. Đúng, họ đang chờ anh. Andrew vừa mới đặt chân lên bậc cửa trát đất sét trắng thì cách cửa đã mở ra và bà cụ ra mời anh vào nhà, gương mặt răn reo của cụ hớn hở không thể tả.

Cụ nóng lòng cảm ơn Andrew đến nỗi nói mãi mới thành lời. Cụ mời anh trước hết hẵng ra phòng khách uống nước đã. Khi Andrew từ chối, cụ khe khẽ nói:

- Thôi được, thôi được, tùy ý bác sĩ. Nhưng trước khi về, thể nào bác sĩ cũng có thì giờ uống một chút rượu hương mộc và ăn một miếng bánh chứ.

Với bàn tay run rẩy, cụ đưa Andrew lên gác. Anh vào phòng ngủ. Gian phòng nhỏ đêm qua còn nhớp nháp bừa bãi, bây giờ đã được lau chùi sạch bóng. Tất cả các dụng cụ của anh đều được xếp gọn gàng bóng loáng trên mặt bàn véc-ni. Túi đồ của anh đã được đánh bóng cẩn thận bằng mỡ ngỗng, khóa được đánh bằng thuốc đánh đồng trông sáng như bạc. Giường đã được thay khăn mới. Trên giường, người mẹ nhìn Andrew, gương mặt trung niên hiền lành ngây dại vì sung sướng, trong khi đứa bé nằm yên ấm áp bên cạnh bú bầu vú đầy đặn của người mẹ.

Đang ngồi cạnh giường, bà đỡ phốp pháp vội đứng dậy, cười mãi không thôi:

- Ôi chao! Hai mẹ con trông khỏe mạnh cả, bác sĩ nhỉ? Họ không biết là họ đã làm cho chúng ta lao đao thế nào. Cả mẹ lẫn con đều chẳng biết gì cả, có đúng không nào?

Đưa lưỡi liếm môi, con mắt dịu dàng long lanh ấm áp, bác Susan Morgan cố lắp bắp tỏ lòng biết ơn.

- Ừ, chị biết ơn là phải lắm – bà đỡ nói, cố kể cho hết công lao của việc đỡ đẻ – Và chị đừng quên ở tuổi chị, chị sẽ không bao giờ có con được nữa đâu nhé. Lần này, hoặc không bao giờ có nữa, chị ấy.

Bà cụ ở ngoài cửa hiểu ý nói xen vào:

- Chúng tôi biết, bác John ạ. Chúng tôi biết là chúng tôi chịu ơn bác sĩ vô cùng.

Người mẹ rụt rè nói:

- Bác sĩ Manson, nhà tôi đã gặp bác sĩ chưa? Chưa à? Thế nào ông ấy cũng đến nhà bác sĩ đấy. Ông ấy sung sướng lắm. Duy có điều ông ấy nói rằng rất tiếc là chúng tôi sang Nam Phi không được bác sĩ trông nom cho nữa.

Ra về, sau khi đã ăn no bánh nhân mứt và rượu hương mộc nấu lấy tại nhà (anh sẽ làm bà cụ mủi lòng nếu không uống chén rượu mừng cho đứa cháu trai cụ), Andrew tiếp tục buổi đi thăm bệnh, lòng ấm áp lạ thường. Anh hãnh diện nghĩ: "Giá mình có là vua nước Anh thì họ cũng chỉ tiếp đón đến thế mà thôi. Việc này như một chất giải độc đối với cảnh tượng anh thấy ở sân ga Cardiff. Hôn nhân và thú vui gia đình là những điều đáng mong muốn một khi nó đem lại hạnh phúc như niềm hạnh phúc tràn ngập ngôi nhà hai vợ chồng bác Morgan.

Sau đó nửa tháng, khi Andrew đã lại thăm lần cuối số 12 phố Blaina, bác John Morgan đến gặp anh, dáng điệu trịnh trọng. Loay hoay tìm chữ mãi, bác ta sôi nổi nói:

- Bác sĩ bỏ quá đi cho, tôi không giỏi về khoa ăn nói. Không thể lấy tiền bạc ra mà đền đáp những gì bác sĩ đã giúp chúng tôi. Nhưng dù sao, bà nhà tôi và tôi muốn tặng bác sĩ chút quà nhỏ này.

Bác ta dúi vào tay Andrew một mảnh giấy. Đó là một tờ ngân phiếu trị giá năm ghi-ni, lĩnh tại Ngân hàng xây dựng.

Andrew nhìn tờ ngân phiếu. Gia đình bác Morgan, theo lối nói địa phương, là dân có của ăn của để. Nhưng họ cũng chẳng phải giàu có gì cho lắm. Sát ngày lên đường với bao nhiêu thứ phải chi tiêu cho cuộc hành trình dài, số tiền này đối với họ hẳn là một sự hy sinh rất lớn, một tấm lòng rộng rãi đẹp đẽ.

Andrew xúc động trả lời:

- Tôi không thể nhận, bác John ạ.

John Morgan nằng nặc nói, giọng nghiêm trang, hai bàn tay bác ta nắm chặt hai bàn tay Andrew:

- Bác sĩ phải nhận, nếu không thì làm nhà tôi và tôi mếch lòng lắm đấy. Đây là tặng riêng bác sĩ chứ không phải là tặng bác sĩ Page. Ông Page lấy tiền của chúng tôi từ bao nhiêu năm nay, nhưng chưa bao giờ chúng tôi nhờ đến ông ấy, trừ có lần này. Ông ta được trả tiền như thế là hậu lắm rồi. Đây là quà tặng riêng bác sĩ, bác sĩ hiểu cho.

- Tôi hiểu, bác John ạ, tôi hiểu – Andrew gật đầu, mỉm cười.

Anh gập tờ ngân phiếu lại, đút vào trong túi áo ngực, và liền mấy ngày sau không nghĩ đến nó. Thứ ba tuần sau, nhân lúc đi ngang qua Ngân hàng miền Tây, Andrew đứng lại, suy nghĩ giây lát rồi bước vào, Blodwen Page bao giờ cũng trả lương anh bằng tiền mặt, tiền đó anh lại đem gửi ngay bằng thư bảo đảm cho quỹ cứu trợ Glen cho nên anh chưa bao giờ có dịp tiếp xúc với các ngân hàng. Nhưng lần này, khoan khoái nghĩ đến số tiền riêng của

mình, anh quyết định mở một tài khoản cho mình với món quà tặng của bác John.

Ở quầy giao dịch, anh ký tên lĩnh tiền, điền chữ vào mấy bản khai làm thủ tục rồi đưa cả cho người nhân viên ngân hàng trẻ tuổi, miệng mỉm cười, nói:

- Không có nhiều, dù sao, đây mới là bắt đầu.

Trong khi đó, Andrew để ý thấy Aneurin Rees lảng vảng ở phía sau theo dõi anh. Khi Andrew sắp sửa ra về thì viên giám đốc đầu dài như quả dưa tiến đến quầy giao dịch. Lão cầm trong tay tờ khai của anh. Tay vuốt nhẹ tờ giấy, lão nhìn chéo qua đôi kính trắng về phía Andrew.

- Chào bác sĩ Manson, ông mạnh khỏe chứ? – lão dừng lại, hít một hơi thở qua hàm răng vàng khè – À, ông muốn gửi số tiền này tài khoản mới của ông phải không?

Andrew trả lời, hơi ngạc nhiên:

- Phải. Số tiền ấy không đủ để mở tài khoản hay sao?

- À, không. Không đâu, bác sĩ Manson ạ. Không phải là số tiền không đủ. Chúng tôi rất vui mừng có ông làm khách hàng. – Rees ngập ngừng, nhìn kỹ tờ khai, rồi ngước hai con mắt ti hí ngờ vực nhìn vào mặt Andrew – A! Ông muốn đứng tên ông à?

- Nhất định rồi.

- Được, được, bác sĩ Manson ạ. – Nét mặt lão bỗng chuyển thành một nụ cười mơn trớn – Tôi chỉ muốn hỏi… tôi chỉ muốn biết cho rõ thôi. Thời tiết năm nay đẹp quá, ông nhỉ. Chào ông, bác sĩ Manson. Xin chào ông nhé.

Ở ngân hàng ra về, Andrew băn khoăn, thắc mắc không hiểu cái lão già sói trán bí hiểm này muốn gì. Mấy hôm sau, anh mới tìm ra câu trả lời cho câu hỏi ấy.

XII

Christine đã đi nghỉ hè từ hơn một tuần nay. Andrew bận bịu với việc sinh nở của bác Morgan đến nỗi hôm Christine lên đường, anh chỉ gặp mặt được có một lát. Anh chưa nói gì với nàng. Bây giờ nàng đã đi xa rồi thì anh lại càng mong ước nàng.

Mùa hè ở thị trấn rất cực. Màu xanh còn rơi rớt lại của mùa xuân đã khô héo từ lâu và biến thành một màu vàng bẩn. Trên núi, không khí rất nóng bức. Hàng ngày tiếng mìn nổ ở khu mỏ và khu công trường đá vang vọng trong không gian âm thanh bóng loáng. Thợ mỏ dưới lò chui lên mặt mũi lem luốc bụi quặng vàng như rỉ sắt. Trẻ con chơi đùa uể oải. Thomas, lão đánh xe già, mắc bệnh vàng da nên Andrew phải đi bộ thăm bệnh nhân. Những lúc lê chân qua những dãy phố bức ngốt người như trong lò, Andrew lại nghĩ đến Christine. Nàng hiện đang làm gì? Nàng có nghĩ đến anh không? Có lẽ một chút chăng? Tương lai sẽ ra sao? Ý nàng như thế nào? Hai người có khả năng chung sống hạnh phúc với nhau không?

Bỗng một hôm, hoàn toàn bất ngờ, Andrew nhận được một bức thư của ông Watkins mời anh đến văn phòng Công ty mỏ.

Ông giám đốc mỏ tiếp anh niềm nở, mời anh ngồi rồi đẩy bao thuốc trên bàn về phía anh. Ông thân mật:

- Bác sĩ Manson này, từ lâu tôi muốn nói chuyện với anh, và ta cũng nên giải quyết vấn đề này cho xong trước khi tôi làm báo cáo hàng năm của tôi. – Ông ngừng lại, lấy ra một sợi thuốc lá vàng dính vào lưỡi – Ở chỗ tôi, có một số thợ, đầu trò là Emlyn Hughes và Edward Williams, đến yêu cầu tôi đưa anh vào biên chế chính thức của công ty.

Andrew ngồi thẳng người trên ghế, một cảm giác vui mừng, sung sướng lan nhanh khắp người.

- Phải chăng ông định đưa tôi lên thay bác sĩ Page?

- À, không hẳn như vậy, anh Manson ạ. Tế nhị đấy, anh hiểu không. Tôi phải thận trọng trong cách giải quyết vấn đề nhân lực

ở đây. Tôi không thể gạt bác sĩ Page ra ngoài biên chế được. Sẽ có nhiều người không chịu. Ý tôi, hoàn toàn có lợi cho anh, là hết sức nhẹ nhàng đưa anh vào biên chế của Công ty. Rồi sau, những ai muốn rời bác sĩ Page chuyển sang chữa bệnh ở chỗ anh thì chuyển.

Vẻ háo hức biến mất trên gương mặt Andrew. Anh cau mày, người vẫn ngay đơ.

- Chắc ông biết tôi không thể làm như vậy. Tôi đến đây với tư cách là phụ tá cho bác sĩ Page. Nếu tôi đứng ra tranh khách… không một người bác sĩ trung thực nào có thể làm chuyện ấy.

- Không có cách nào khác.

- Sao không thể để cho tôi đảm nhiệm lấy số khách của ông Page. Tôi sẵn sàng trả tiền cho bác sĩ Page, lấy ở tiền công của tôi. Đó cũng là một cách khác đấy. – Andrew nói một cách háo hức.

Watkins lắc đầu:

- Blodwen không nghe. Tôi đã nêu vấn đề với bà ấy rồi. Bà ta biết cái thế của bà ta vững vàng. Hầu như tất cả cánh thợ già ở đây, ví dụ như cụ Enoch Davis chẳng hạn, đều đứng về phía bác sĩ Page. Họ tưởng rằng rồi ông ấy sẽ trở lại làm việc. Tôi mà gạt ông ấy ra thì sẽ vấp phải chuyện bãi công ngay… Anh Manson ạ. – Ông ta dừng lại rồi tiếp – Anh cứ suy nghĩ kỹ cho đến mai. Mai là tôi phải gởi bản biên chế mới lên ban tổng giám đốc ở Swansea. Một khi bản danh sách đã gởi đi rồi, chúng ta không thể làm gì được nữa trong mười hai tháng.

Andrew cúi đầu nhìn xuống đất một lúc, rồi lắc đầu từ chối. Hy vọng của anh, vừa mới đây còn nóng hổi, bây giờ hoàn toàn tắt ngấm.

- Phỏng có ích gì? Tôi không thể làm như vậy… dù có suy nghĩ hàng tuần đi nữa.

Trước mối thiện cảm của ông Watkins với anh, Andrew rất đau lòng phải đi đến quyết định ấy. Tuy nhiên không sao tránh được thực tế là anh đã đến Blaenelly trong cương vị phụ tá cho bác sĩ Page. Đứng ra cạnh tranh với người mà mình phụ tá, dù trong tình huống đặc biệt nào cũng không thể chấp nhận được. Giả sử bác sĩ Page may mắn trở lại làm việc được thì lúc bấy giờ anh sẽ ra sao, tranh giành bệnh nhân với người chủ cũ của mình à! Không, không, anh không thể và cũng không muốn chấp nhận.

Dẫu vậy, suốt ngày hôm đó, Andrew buồn bã, ỉu xìu, bực tức với sự bóc lột trâng tráo của mụ Blodwen, biết rằng mình bị mắc vào một cái thế không thể xoay sở cách nào khác và nghĩ rằng giá Watkins đừng có đưa ra đề nghị ấy với anh thì hay hơn.

Bởi vậy, về đến nhà khi bước qua cổng ngoài và treo mũ lên mắc, anh đâu phải ở trong tâm trạng vui lòng nghe Blodwen réo:

- Bác sĩ Manson đấy à? Bác sĩ, tôi cần gặp ông.

Andrew lờ đi, giả tảng không nghe thấy. Anh quay lưng, định lên buồng mình trên gác. Nhưng anh vừa mới để tay lên thành cầu thang thì tiếng Blodwen lại vang lên to hơn, the thé hơn:

- Bác sĩ Manson, tôi cần gặp ông.

Andrew quay lại vừa lúc Blodwen chạy xô ở phòng khách ra, mặt tái đi khác thường, hai con mắt đen rực lên vì xúc động dữ dội. Mụ tiến lại chỗ Andrew.

- Ông điếc hay sao? Ông không nghe thấy tôi bảo tôi cần gặp ông à?

Andrew bực dọc đáp:

- Có việc gì, bà Page?

- Có việc gì à? Có hẳn đi chứ lị! – Mụ thở không ra hơi – Ghê thật, ông lại còn hỏi tôi. Chính tôi đây mới cần hỏi ông, ông bác sĩ Manson quý hóa của tôi.

- Gì nào? – Andrew gắt.

Cử chỉ cộc lốc của anh hình như làm cho mụ sôi người lên, không chịu nổi.

- Có cái này đây này! Đúng, ông bạn trẻ trung đẹp đẽ của tôi ạ! Xin ông vui lòng cắt nghĩa cho tôi nào.

Blodwen lấy trong bộ ngực đồ sộ của mụ ra một mẩu giấy, cầm dứ dứ vào mặt Andrew. Anh nhận ra đó là tờ ngân phiếu của bác Morgan. Ngẩng đầu lên, Andrew thấy đằng sau Blodwen, lão Rees đang lẩn sau ngưỡng cửa phòng khách. Blodwen nói tiếp:

- À, ông cứ nhìn đi! Tôi thấy là ông đã nhận ra rồi. Ông nên nói ngay cho chúng tôi biết tại sao ông lại mang tiền này đi gửi ngân hàng đứng tên ông trong khi ông biết rằng đó là tiền của bác sĩ Page.

Andrew thấy máu bốc lên mặt.

- Đây là tiền của tôi. Ông Morgan biếu tôi.

- Biếu à? Ô hô! Hay đấy nhỉ. Ông ta không còn ở đây để bác lại nữa.

Andrew nghiến răng trả lời:

- Bà không tin thì cứ việc viết thư hỏi ông ấy.

- Tôi có nhiều việc cần làm hơn là viết thư đi khắp nơi. – Không kềm chế được nữa, mụ xỉa xói – Tôi không tin lời ông. Ông tưởng ông láu cá lắm đấy hả? Ùi chà! Đến đây rồi nghĩ là có thể nắm được bệnh nhân vào riêng tay mình trong khi lẽ ra phải làm việc cho bác sĩ Page. Điều đó chứng tỏ ông là người như thế nào. Đúng thế! Ông là một thằng ăn cắp. Ông đúng là như vậy, một thằng ăn cắp tầm thường.

Mụ Blodwen phun vào mặt anh lời lăng mạ đó rồi quay nửa người lại tìm kiếm sự hậu thuẫn của lão Rees lúc bấy giờ đang đứng ở ngưỡng cửa, lí nhí trong họng những tiếng chê trách gì đó, mặt

càng tái xanh tái xám hơn thường ngày. Andrew thấy rõ lão Rees là kẻ gây ra tất cả chuyện này. Lão ta do dự mất mấy ngày rồi lon ton kể lại với mụ Blodwen. Andrew nắm chặt tay lại, bước xuống hai bậc thang cuối cùng, tiến về phía hai người, con mắt dữ dội nhìn trừng trừng vào đôi môi mỏng dính xám ngoét của lão Rees. Anh tái nhợt đi vì tức giận và chỉ muốn đánh nhau. Anh nói, giọng nặng nhọc:

- Này bà Page. Bà đã lăng nhục tôi. Nếu trong hai phút nữa, bà không rút lại ý kiến và xin lỗi, tôi sẽ kiện bà, đòi bồi thường về tội phỉ báng. Người cung cấp tin tức cho bà cũng sẽ bị tố giác trước Tòa. Tôi tin chắc Hội đồng quản trị của ông Rees sẽ rất thích thú được biết ông ta đã tiết lộ công việc của khách hàng như thế nào.

- Tôi… tôi chỉ làm nhiệm vụ của tôi – Viên giám đốc chi nhánh ngân hàng lắp bắp, mặt càng tái hơn.

Andrew nói thẳng một mạch, nhanh đến nghẹn lời:

- Tôi chờ bà xin lỗi, bà Page. Nếu bà không nói nhanh, tôi sẽ cho ông giám đốc của bà một trận nên thân mà ông ta chưa được nếm bao giờ.

Blodwen biết mụ đã quá lời… đã nói quá… quá nhiều cái ý mụ định nói. Lời hăm dọa của Manson, thái độ chẳng lành của anh làm mụ phát hoảng. Hầu như có thể nhìn thấy được sự suy tính chớp nhoáng của mụ: Bồi thường! Bồi thường nặng. Ôi chao ôi, họ có thể lấy mất của mụ nhiều tiền!

Mụ tắc họng, nuốt nước bọt, lắp bắp:

- Tôi… tôi rút lại ý kiến. Tôi xin lỗi.

Mụ đàn bà lũn cũn, phục phịch này chịu khuất phục đột ngột và bất ngờ như vậy, thật gần như một chuyện hài hước. Nhưng Andrew không thấy có gì đáng cười. Hết sức chua chát, anh bỗng nhận ra anh chịu đựng đến thế này là cùng cực rồi. Anh không thể chịu đựng thêm nữa mụ đàn bà hay sách nhiễu, quấy rầy ấy.

Anh hít một hơi dài. Anh quên hết mọi thứ, chỉ còn thấy ghê tởm mụ. Anh cảm thấy một niềm vui man dại khi được nói hết những điều chất chứa trong lòng:

- Bà Page, tôi có một đôi điều muốn nói với bà. Trước hết, tôi biết bà mỗi năm thu về một nghìn năm trăm bảng nhờ việc tôi làm cho bà ở đây. Trong số tiền đó, bà trả tôi một khoản nhỏ mọn là hai trăm năm mươi bảng. Ngoài ra, bà đã làm hết sức để cho tôi chết đói. Có lẽ tưởng cũng nên để bà biết rằng tuần trước, một đoàn đại biểu công nhân mỏ đã kiến nghị lên ông giám đốc, và ông giám đốc đã bảo với tôi là sẽ ghi tên tôi vào danh sách biên chế của Công ty. Có lẽ tưởng cũng nên để bà biết thêm rằng, xuất phát từ những lý do đạo lý mà có lẽ bà không mảy may hiểu nổi, tôi đã dứt khoát từ chối. Và bây giờ, bà Page, tôi đã chán ngấy bà hết sức rồi, tôi không ở lại đây nữa. Bà là một con vật đê tiện, tham lam, vụ lợi. Thực ra, bà cũng là một ca bệnh lý đấy. Tôi báo trước để bà biết một tháng nữa tôi thôi việc.

Mụ ta há hốc mồm nhìn Andrew, hai con mắt như hai viên bi đen bật ra khỏi đầu.

Bỗng nhiên mụ Rees lên:

- Không, không phải. Không phải, nói láo. Ông không thể nào vào biên chế Công ty được. Ông bị đuổi cổ đi thì có. Trong đời tôi, chưa có đứa phụ tá báo thôi việc với tôi bao giờ. Xấc láo, hỗn xược thật, nói với tôi như thế à. Tôi nói rồi, ông bị đuổi cổ đi thì có, đúng thế, bị đuổi cổ, đuổi cổ…

Mụ thét lên ầm ĩ, điên dại, đê tiện. Tiếng lu loa lên đến tột độ thì bỗng ngắc lại. Trên đầu cầu thang, cánh cửa buồng bác sĩ Page mở ra chầm chậm, và một lát sau, ông Page hiện ra, thân hình gầy gò hốc hác kỳ dị, hai cẳng chân khẳng khiu thò ra dưới chiếc áo ngủ.

Sự xuất hiện kỳ quái ấy bất ngờ đến nỗi mụ Blodwen đang nói nửa chừng phải im bặt. Đứng ở dưới nhà, mụ ngửa cổ nhìn lên

gác, cả lão Rees và Andrew cũng vậy, trong khi ông già ốm yếu đau đớn chậm chạp lết bên chân liệt đến đầu cầu thang. Giọng ông tuy bị kích động nhưng nghiêm khắc:

- Không để tôi yên được một phút à? Có chuyện gì thế?

Mụ Blodwen lại há hốc mồm ra lần nữa rồi sụt sịt sỉ vả Manson và kết luận: Thế là… thế là tôi cho ông ấy thôi việc.

Andrew không bác lại cách mụ trình bày sự việc.

Toàn thân run lên cầm cập vì xúc động và vì gắng sức đứng cho vững, bác sĩ Page hỏi:

- Bà bảo là ông ấy sắp thôi à?

Mụ ta khụt khịt:

- Đúng thế, mình ạ. Với lại, mình sắp trở lại làm việc rồi.

Tất cả im lặng một lúc. Bác sĩ Page gác bỏ tất cả những điều ông định nói. Con mắt ông dừng lại lâu ở Andrew thầm xin lỗi, rồi nhìn sang lão Rees, xong chuyển nhanh sang bà vợ, cuối cùng buồn bã nhìn vào khoảng không. Bộ mặt cứng đờ của ông đượm vẻ tuyệt vọng nhưng vẫn trang nghiêm. Sau cùng ông nói:

- Không. Tôi sẽ không bao giờ trở lại làm việc. Các người đã biết thế rồi, biết cả rồi.

Ông không nói gì nữa. Chậm chạp quay người lại, tựa tay vào tường, ông lê bước trở về buồng. Cánh cửa đóng lại không một tiếng động.

XIII

Nhớ lại niềm vui sướng, niềm tự hào trong sáng đã nẩy nở trong anh sau ngày trông nom cho bác Morgan gái được mẹ tròn con vuông mà mấy lời đê tiện của mụ Blodwen sau đó biến thành một việc nhơ nhuốc, lòng Andrew sôi lên căm giận. Anh tự hỏi xem anh có nên đẩy sự việc đi xa hơn nữa không, viết thư cho bác John Morgan, rồi đòi một cái gì hơn chỉ là những lời xin lỗi đơn

thuần. Nhưng anh gạt bỏ ý nghĩ ấy vì nó xứng với mụ Blodwen hơn là với anh.

Cuối cùng, Andrew chọn một hội từ thiện vô dụng nhất trong vùng, và với một tâm trạng vô cùng cay đắng, anh gửi số tiền năm ghi-ni đến hội ấy, bảo họ gửi giấy lĩnh tiền đến chỗ Aneurin Rees. Sau đấy, Andrew thấy khoan khoái hơn. Anh chỉ muốn nhìn thấy mặt Rees khi lão ta nhận được tờ giấy lĩnh tiền kia.

Hiểu rằng đến cuối tháng là anh nghỉ việc ở Blaenelly, Andrew tức khắc đi tìm một chỗ khác. Anh xem đi xem lại các trang cuối của tờ "Mũi dao chích", nộp đơn xin làm bất cứ việc gì xem ra có vẻ thích hợp. Có nhiều nơi đăng báo "tìm người phụ tá". Andrew gởi đơn đến hết, kèm theo bản sao văn bằng, giấy chứng nhận, và cả ảnh nữa như nhiều nơi yêu cầu. Nhưng hết một tuần, rồi hai tuần mà vẫn chưa có nơi nào trả lời. Anh thất vọng và kinh ngạc.

Sau Denny giải thích cho Andrew biết bằng một câu ngắn gọn: "Vì anh đã ở Blaenelly".

Andrew hoảng sợ, chợt hiểu rằng anh đã bị mang tội mang nợ vì đã làm việc tại thị trấn nhỏ hẻo lánh ở xứ Wales này. Không một nơi nào muốn nhận những người "ở vùng thung lũng" về làm phụ tá: họ chắc mang tiếng xấu cả rồi.

Qua mười lăm ngày, Andrew bắt đầu thực sự lo ngại. Anh làm gì bây giờ? Anh hãy còn nợ Quỹ Glen hơn năm mươi bảng. Cố nhiên, họ sẵn sàng cho anh chịu thêm một thời gian nữa. Nhưng ngoài ra, nếu anh không tìm được việc nào khác thì anh sẽ sống bằng gì? Túi anh chỉ có khoảng hai, ba bảng. Anh không có đồ đạc, không có tiền dành dụm. Từ ngày đặt chân đến Blaenelly đến nay, ngay quần áo mới anh cũng chưa mua được tuy quần áo anh đã sờn cả rồi. Đôi lúc, Andrew kinh hoàng khi hình dung anh bị sa vào cảnh khốn cùng.

Trong cuộc sống vô định, tràn ngập khó khăn, Andrew thấy thiếu Christine. Thư từ không ích gì, có viết được gì thì chắc chắn cũng

diễn đạt sai ý của mình mất thôi. Thế mà đến tuần đầu tháng chín nàng mới về. Andrew ngước mắt buồn phiền mong nhớ nhìn quyển lịch, tính xem còn bao nhiêu ngày nữa. Còn mười hai ngày. Mỗi lúc một chán nản hơn, anh nghĩ mười hai ngày ấy chẳng khác gì đã trôi qua rồi vì cũng không thể chờ đợi gì ở chúng.

Tối hôm ba mươi tháng tám, ba tuần sau ngày anh báo tin thôi việc với mụ Blodwen, đúng vào lúc cùng quẫn anh toan xin làm một chân dược tá, đang buồn bã bước chân trên phố Nhà thờ thì anh gặp Denny. Thời gian gần đây, hai người cư xử với nhau một cách xã giao hơi gượng gạo cho nên Andrew ngạc nhiên khi Denny giữ anh lại nói chuyện.

Gõ tẩu thuốc vào đế giày, Denny ngắm nghía mãi chiếc tẩu như thể có cái gì đáng để anh ta chú ý lắm, rồi cuối cùng nói:

- Anh Manson, tôi rất tiếc là anh bỏ đi. Có anh ở đây, tình hình khác đi nhiều. – Denny ngập ngừng – Chiều nay, tôi nghe nói Hội y tế Aberalaw đang cần một bác sĩ phụ tá. Aberalaw cách đây có ba mươi dặm, ở phía bên kia thung lũng. Hội này rất đứng đắn, ấy là so với mức đứng đắn của các hội cùng loại. Tôi cho rằng viên bác sĩ trưởng ở đấy, tên là Llewellyn, là một tay làm ăn được. Vì thị trấn ấy cũng nằm trong thung lũng nên họ khó có lý do cự tuyệt một kẻ từ thung lũng đến. Anh thử hỏi xem sao.

Andrew nhìn Denny ngờ vực. Những hy vọng của anh gần đây được vẽ ra rất đỗi đẹp đẽ nhưng rồi lại tan ra như bong bóng đến nỗi anh mất hết niềm tin ở khả năng thành công của mình. Andrew từ tốn gật đầu.

- Thôi được, nếu đúng thế, tôi cứ thử xem sao.

Mấy phút sau, Andrew về nhà dưới làn mưa lúc này đã nặng hạt, và viết đơn xin việc.

Ngày sáu tháng chín có phiên họp toàn thể của Hội đồng quản trị Hội y tế Aberalaw để chọn người thay chân bác sĩ Leslie vừa mới

xin thôi để đến làm tại một đồn điền cao su ở Mã Lai. Có bảy người xin và cả bảy người đều được mời đến.

Một buổi chiều mùa hè đẹp đẽ, chiếc đồng hồ lớn ở Cửa hàng hợp tác chỉ gần bốn giờ. Andrew đi đi lại lại trên vỉa hè trước trụ sở Hội tại quảng trường Aberalaw, lo lắng liếc nhìn sáu người khác cùng đến xin việc, nóng lòng chờ tiếng chuông đầu tiên điểm giờ của chiếc đồng hồ. Nay đã thấy những điều linh cảm của mình là không đúng và bây giờ anh đã có mặt ở đây, thực sự sắp được xét chọn, nên Andrew hết lòng mong trúng tuyển.

Qua những điều đã thấy thì anh ưa thích Aberalaw. Nằm ở cuối cùng thung lũng Ghethly, thị trấn này không thụt dưới lòng hẽm, mà là ở phía trên hẽm núi. Cao ráo, không khí trong sạch, rộng lớn hơn Blaenelly nhiều – Andrew ước tính có đến gần hai vạn dân – đường phố và các cửa hiệu đẹp đẽ, có hai rạp chiếu bóng, thị trấn này gây cho người ta cảm giác thoáng đãng nhờ ở những cánh đồng xanh rờn chung quanh. Sau không khí ngột ngạt ở khe Penelly, Andrew coi Aberalaw thực sự là một thiên đường.

Andrew đi tới rồi lại đi lui, suy nghĩ: "Nhưng mình sẽ không bao giờ được nhận vào đâu". Không bao giờ, không bao giờ. Anh không thể nào có cái may ấy. Tất cả những người kia đều có vẻ dễ được nhận vào làm hơn anh nhiều, họ trông tốt mã hơn, tự tin hơn. Nhất là người bác sĩ tên là Edward thì lộ rõ niềm tự tin khiến Andrew đâm phát ghét người trung niên béo lùn phì nộn ấy. Trong câu chuyện giữa mọi người cách đây mấy phút ở ngoài cửa, ông này đã công khai kể ông ta vừa mới nhường lại chỗ làm việc cũ ở dưới thung lũng để "xin" vào đây. Andrew bực dọc nghĩ bụng: Thằng cha khốn kiếp kia đã chẳng từ bỏ một nơi chắc chắn nếu chưa nắm chắc chỗ này!

Andrew cứ đi đi lại lại mãi, đầu cúi gằm, tay thọc trong túi. Christine sẽ nghĩ thế nào về anh nếu anh không được nhận. Nàng sẽ trở về Blaenelly hôm nay hoặc ngày mai. Trong thư nàng không nói chắc ngày nào. Trường học phố Ngân hàng sẽ khai

giảng thứ hai tới. Tuy Andrew chưa viết thư kể cho Christine biết anh xin vào đây, nhưng không được nhận có nghĩa là anh sẽ đến gặp nàng với vẻ ỉu xìu, chán nản, hoặc tệ hơn nữa, với vẻ vui vẻ giả tạo, đúng vào lúc anh mong mỏi hơn mọi thứ trên đời được đứng thoải mái bên nàng, được đón nhận nụ cười điềm đạm, thân thiết của nàng, nụ cười làm xao xuyến lòng anh.

Sau cùng, đã đến bốn giờ. Andrew đang đi về phía trụ sở Hội thì một chiếc xe hơi xinh đẹp lướt qua quảng trường êm như ru và đỗ ngay trước cổng. Ở ghế sau bước xuống là một người đàn ông thâm thấp, bảnh bao, sang trọng, miệng mỉm cười niềm nở với những người đến xin việc nhưng vẫn có một vẻ nghênh ngang dửng dưng. Trước khi bước lên bậc cửa, ông ta nhận ra Edward và gật đầu chào.

- Thế nào, Edward? – Rồi nói riêng – Chắc là tốt cả thôi.

Edward thì thào, hết sức kính cẩn:

- Cảm ơn bác sĩ Llewellyn, vô cùng cảm ơn ông.

Andrew cay đắng nghĩ thầm: "Đâu vào đấy cả rồi".

Ở tầng trên, phòng đợi là một gian phòng nhỏ, trơ trọi, bí hơi, nằm ở cuối một hành lang ngắn dẫn đến phòng của Hội đồng Hội y tế. Andrew là người thứ ba được mời vào xét hỏi. Anh bước vào gian phòng rộng trong lòng bồn chồn nhưng bề ngoài cố giữ vẻ cứng cỏi. Nếu họ đã dành trước chỗ này cho người khác rồi thì anh sẽ không việc gì phải quỵ lụy cầu xin. Anh ngồi xuống chiếc ghế được mời, không để lộ vẻ gì trên nét mặt.

Trong phòng có khoảng ba mươi người thợ mỏ, người nào cũng đang hút thuốc, chăm chú nhìn Andrew với một vẻ tò mò lấc cấc, nhưng không phải không có thiện cảm. Ngồi ở chiếc bàn nhỏ kê về một bên là một người điềm tĩnh, da mai mái, gương mặt thông minh tinh nhanh. Với nước da hơi xạm, người ấy như có vẻ đã từng làm thợ dưới hầm lò. Đó là Owen, thư ký Hội. Bác sĩ

Llewellyn thì đang uể oải tì người lên cạnh bàn, miệng mỉm cười ân cần với Andrew.

Cuộc xét hỏi bắt đầu. Bằng một giọng từ tốn, Owen giải thích về điều kiện làm việc nếu được tuyển dụng.

- Tình hình ở đây như thế này, bác sĩ Manson ạ. Theo cách tổ chức của chúng tôi, công nhân ở Aberalaw giải thích về điều kiện làm việc nếu được tuyển dụng.

- Tình hình ở đây như thế này, bác sĩ Manson ạ. Theo cách tổ chức của chúng tôi, công nhân ở Aberalaw – trong quận có hai mỏ than anthracit, một nhà máy thép và một mỏ than đá – góp một số tiền cho Hội chúng tôi, trích từ tiền lương hàng tuần của họ. Với số tiền ấy, Hội chúng tôi tổ chức ra những bộ phận y tế cần thiết, xây một bệnh viện nho nhỏ xinh xắn và những bệnh xá, mua thuốc men, y cụ, vân vân… Ngoài ra, Hội còn tuyển dụng các bác sĩ. Có bác sĩ Llewellyn là bác sĩ trưởng kiêm bác sĩ ngoại khoa, cùng với bốn bác sĩ phụ tá và một nha sĩ. Hội trả lương cho các bác sĩ theo đầu người, tức là tùy theo số người đăng ký chữa bệnh ở từng bác sĩ mà trả lương nhiều hay ít. Theo tôi biết, trước khi rời đây, bác sĩ Leslie hình như mỗi năm được năm trăm bảng thì phải… Nhìn chung, chúng tôi thấy cách tổ chức đó là tốt. – Ba mươi thành viên của Hội đồng xì xào tỏ ý tán thành. Owen ngẩng đầu lên nhìn họ và hỏi – Bây giờ, thưa các vị, các vị có cần hỏi gì không?

Họ bắt đầu hỏi Andrew dồn dập. Anh cố trả lời bình tĩnh, trung thực, không khoác loác. Có một lần, anh châm chọc một câu.

- Ông có nói được thổ ngữ Wales không? – Câu hỏi ấy là của một người thợ mỏ còn trẻ tên là Chenkin, thích hỏi nhiều.

- Không, tôi được nuôi dạy bằng tiếng Xen-tơ [1].

- Thế thì ở đây khá thuận lợi đấy!

[1] Thổ ngữ của người Xen-tơ sống ở Ireland và cao nguyên Scottland.

- Tôi thấy thuận lợi ở chỗ có thể dùng nó để rủa bệnh nhân. – Andrew lạnh lùng trả lời, và mọi người cười mũi Chenkin.

Cuối cùng, cuộc xét hỏi kết thúc, Owen nói: "Rất cảm ơn ông, bác sĩ Manson", Andrew trở lại gian phòng đợi bé nhỏ, hôi hám, cảm thấy như mình vừa mới bị những cơn sóng lớn trên mặt biển xô đẩy, và nhìn những người khác lần lượt vào.

Người vào cuối cùng là Edward. Ông ta ngồi lại rất lâu. Khi trở ra, ông ta ngoác miệng như nói thẳng với mọi người: "Rất tiếc cho các bạn, nó nằm gọn trong túi tôi rồi".

Tiếp theo sau là những giây phút chờ đợi dài dằng dặc. Sau cùng, cánh cửa phòng Hội đồng lại mở, và từ trong màn khói thuốc dầy đặc, Owen bước ra, tay cầm một tờ giấy. Ông ta đưa mắt tìm kiếm, cuối cùng dừng lại ở Andrew, vẻ thân thiện thực sự:

- Bác sĩ Manson, mời ông vào đây thêm mấy phút nữa. Hội đồng muốn gặp ông thêm.

Môi tái nhợt, ngực đập thình thịch, Andrew theo chân Owen vào phòng Hội đồng. Chẳng lẽ, – không, không có lý, chẳng lẽ họ lại để ý đến anh.

Lại ngồi vào chiếc ghế bị cáo, Andrew nhận thấy có những nụ cười và những cái gật đầu khích lệ đối với anh. Nhưng bác sĩ Llewellyn thì không nhìn gì đến Andrew.

Người phát ngôn của cuộc họp là Owen bắt đầu:

- Bác sĩ Manson, chúng tôi xin nói thẳng với ông, Hội đồng có phần nào lưỡng lự. Thực tế là, theo lời khuyên của bác sĩ Llewellyn, Hội đồng ngả nhiều về một người dự tuyển khác nhiều kinh nghiệm trong việc thực hành nghề y tại thung lũng Gethly này.

Một ủy viên Hội đồng có mái tóc hoa râm ở phía dưới nói xen vào:

- Ông Edward ấy bụng phệ quá. Giá mà được nhìn ông ấy leo dốc đến thăm các gia đình trên đồi Mardy nhỉ!

Đầu óc quá căng thẳng, Andrew mỉm cười không nổi. Anh hồi hộp chờ đợi Owen nói tiếp:

- Nhưng hôm nay, tôi phải nói là Hội đồng rất ưng ý ông. Như bác sĩ Tom Kettles vừa mới nói văn hoa cách đây một phút, Hội đồng muốn có những người trai trẻ, xông xáo.

Có những tiếng cười, tiếng reo: "Hoan hô", "Bác Tom khá đấy".

- Ngoài ra, bác sĩ Manson ạ – Owen tiếp lời – tôi phải nói với ông rằng Hội đồng đã có ấn tượng rất mạnh trước lời giới thiệu của hai người…, có thể là hai lời giới thiệu mà bản thân ông không dẫn ra khiến cho Hội đồng coi những lời giới thiệu ấy càng có giá trị. Hai bức thư giới thiệu ấy vừa mới được bưu điện chuyển đến chúng tôi sáng nay, mà người giới thiệu là hai vị bác sĩ ở ngay thị trấn của ông, tôi muốn nói là ở Blaenelly. Một người là bác sĩ Denny, có bằng bác sĩ ngoại khoa, một học vị rất cao quý như bác sĩ Llewellyn đây đã công nhận. Lời giới thiệu thứ hai, gửi đến cùng một lúc với lời giới thiệu của bác sĩ Denny là của bác sĩ Page, người mà ông hiện nay hình như phụ tá. Bác sĩ Manson, Hội đồng chúng tôi đã có kinh nghiệm về những lời giới thiệu. Và hai người giới thiệu này đã nói rất tốt về ông bằng những lời nồng nhiệt khiến Hội đồng có ấn tượng rất mạnh.

Andrew cắn môi, mắt nhìn xuống đất. Bây giờ anh mới biết đến việc làm cao cả này của Denny đối với anh.

- Chỉ có mỗi một khó khăn thôi. – Owen dừng lời, ngập ngừng, lấy tay đẩy chiếc thước kẻ trên bàn – Tuy Hội đồng hiện nay nhất trí chọn ông, nhưng công việc này, với những trách nhiệm của nó, có thể nói là phải đòi hỏi một người bác sĩ có gia đình. Chắc ông cũng hiểu, ngoài một điều là mọi người muốn có một vị bác sĩ đã có vợ để đến trông nom chữa chạy gia đình họ được tiện còn có một điều là vị bác sĩ ấy sẽ được sắp xếp ở một ngôi nhà riêng biệt, một ngôi nhà đẹp… Cái đó không… đúng thế, cái đó không thích hợp với một người sống độc thân.

Một sự im lặng xôn xao. Andrew nín một hơi dài, hình ảnh Christine bỗng hiện lên sáng rực trong suy nghĩ của anh. Mọi người, cả bác sĩ Llewellyn nữa, đều nhìn anh, chờ câu trả lời. Andrew nói, không nghĩ ngợi, hoàn toàn không điều khiển nổi trí óc mình nữa. Anh nghe thấy tiếng anh trả lời bình tĩnh:

- Thưa các vị, thực tế là tôi đã đính hôn với một cô gái ở Blaenelly. Tôi… tôi chỉ đợi có một nơi làm việc thích hợp, như ở đây, làm lễ cưới.

Owen đập chiếc thước kẻ xuống mặt bàn, hài lòng. Những người khác cũng bằng lòng, thể hiện bằng tiếng gõ giày thình thình trên sàn.

Và bác Kettles bộc trực nói oang oang ngay: "Tốt đấy, anh bạn trẻ ạ, Aberalaw là một nơi đẹp đẽ hiếm có để hưởng tuần trăng mật".

Owen nói to, át tiếng ồn ào:

- Tôi coi như vậy là các vị đã đồng ý cả. Bác sĩ Manson đã được nhất trí tuyển chọn, có phải không ạ?

Tiếng xì xào tán thành nổi lên mạnh mẽ. Andrew cảm thấy một niềm say sưa thắng lợi.

- Bao giờ ông có thể bắt đầu làm việc, bác sĩ Manson? Đối với Hội đồng thì càng sớm thì tốt.

- Tôi có thể bắt tay vào việc đầu tuần sau. – Andrew trả lời. Rồi anh lạnh toát người khi nghĩ: "Nhỡ Christine không bằng lòng mình thì sao? Nhỡ mình mất cả nàng, mất luôn cả chỗ làm tuyệt vời này thì sao?".

- Thế là đã giải quyết xong xuôi cả. Bác sĩ Manson, cảm ơn ông. Tôi tin chắc Hội đồng sẽ chúc ông… và bà Manson tương lai… thu được mọi kết quả thật tốt đẹp trong công việc mới.

Tiếng vỗ tay. Các uỷ viên Hội đồng, Llewellyn, Owen, tất cả mọi người giờ đây đều chúc mừng Andrew. Riêng Owen còn thân thiết

ôm ghì lấy anh. Sau đó, Andrew ra phòng ngoài cố không để lộ vẻ hân hoan, làm như không để ý đến bộ mặt tiu nghỉu, ngơ ngác của Edward.

Nhưng anh kìm mình không được, hoàn toàn không được. Lúc đi bộ từ quảng trường đến nhà ga, ngực anh căng lên vì niềm vui thắng lợi. Anh bước thoăn thoắt, như nhảy nhót. Ở bên phải đồi thoai thoải anh đang đi là một vườn hoa công cộng nhỏ có vòi phun nước và lầu hòa nhạc. Thấy không! Một lầu hòa nhạc nhé, còn trang điểm cho cho phong cảnh ở Blaenelly thì chỉ có những bãi xỉ quặng. Lại còn rạp chiếu bóng đằng kia nữa, những cửa hàng to đẹp, đường bằng phẳng dễ đi, chứ không phải là đường mòn trên núi lổn nhổn sỏi đá. Owen hình như lại còn nói về một bệnh viện nữa, một bệnh viện "nhỏ nhắn xinh xắn" thì phải. Chà! Nghĩ đến tác dụng của một bệnh viện đối với công việc của anh, Andrew hít một hơi dài ngây ngất. Anh nhảy vội lên một toa vắng tanh của chuyến tàu Cardiff, và lòng vui hớn hở trong khi tàu đưa anh về Blaenelly.

XIV

Tuy khoảng cách không xa theo đường chim bay, nhưng con đường xe lửa từ Aberalaw về Blaenelly phải chạy vòng vèo qua nhiều dãy núi, và đến ga nào tàu cũng phải đỗ. Đến Cardiff, Andrew chuyển sang tàu đi thung lũng Penelly, con tàu này thì chạy chậm rì rì, chậm quá thể. Tâm trạng Andrew bây giờ cũng đổi khác. Thu mình vào một góc, lòng nôn nao chỉ mong chóng về tới nhà, đầu óc rối bời.

Lần đầu tiên, Andrew nhận ra rằng từ mấy tháng nay anh chỉ biết nghĩ về mình, chỉ xem xét tình hình trên phương diện của mình. Nỗi phấp phỏng về việc cưới xin, sự do dự trong việc ngỏ lời với Christine, tất cả chỉ tập trung vào tình cảm của bản thân anh và mặc nhiên coi như nàng sẽ chấp thuận. Giả sử anh đã tính nhầm một cách đáng sợ thì sao? Giả sử Christine không yêu anh thì sao? Andrew hình dung ra anh bị cự tuyệt, đau lòng viết thư báo

cho Hội đồng biết là "do những tình huống mà tôi không định đoạt nổi", anh không thể nhận công việc ấy.

Trong lúc này, Andrew tưởng như nhìn thấy Christine đang đứng trước mặt. Anh đã hiểu nàng sâu sắc biết bao: miệng hơi nhoẻn cười như hỏi han, thói quen lấy tay chống cằm, vẻ trung thực điềm đạm trong đôi mắt nâu. Anh thấy lòng quặn lại vì ao ước. Christine thân yêu! Nếu phải mất nàng thì dù có điều gì xảy ra với anh nữa cũng chẳng đáng kể gì.

Đến chín giờ tối, con tàu bò từ từ vào Blaenelly. Nhanh như cắt, Andrew nhảy xuống sân ga, đi dọc phố Ga. Tuy chắc sáng mai Christine mới về nhưng cũng có khi may ra nàng đã về đến nhà rồi chăng. Phố Nhà thờ… rồi qua Học viện… Ánh đèn ở phòng ngoài nhà nàng làm anh nhói lên một nỗi đau hy vọng phấp phỏng. Anh tự nhủ phải bình tĩnh, có thể đó chỉ là bà chủ trọ dọn phòng hộ nàng thôi, rồi anh lao vào trong nhà, đẩy cửa phòng khách.

Đúng rồi! Đúng là Christine. Nàng đang quỳ gối trên mấy quyển sách ở góc buồng, xếp sách vào ngăn dưới cùng của cái giá. Xếp xong, nàng thu dọn mấy mẩu giấy gói vướng trên sàn cạnh nàng. Chiếc va-li để trên ghế, áo ngoài và mũ nàng đặt lên trên. Andrew hiểu là nàng vừa mới về đến nhà xong.

- Christine, em!

Nàng quay người lại, đầu gối vẫn còn quỳ dưới đất, mớ tóc xõa trên trán. Nàng khẽ reo lên vì ngạc nhiên và mừng rỡ rồi đứng dậy.

- Anh Andrew! Anh đến, thật ân cần với em quá!

Christine bước lại phía anh, gương mặt rạng rỡ, chìa tay ra với anh. Nhưng Andrew lại cầm cả hai bàn tay nàng trong hai bàn tay anh siết chặt. Anh nhìn nàng. Anh đặc biệt yêu nàng trong chiếc váy và chiếc áo nàng đang mặc, nó tôn dáng mảnh mai, vẻ dịu dàng non trẻ của nàng. Ngực anh lại đập rộn rã.

- Chris! Anh có câu chuyện này muốn nói với em quá!

Mắt nàng đượm vẻ lo ngại. Nàng chăm chú nhìn gương mặt xanh tái đầy bụi bặm đường trường của anh và thực sự lo lắng. Nàng hỏi ngay:

- Sao đấy anh? Lại có chuyện rắc rối với bà Page phải không? Anh bỏ đi ư?

Andrew lắc đầu, giữ chặt hơn nữa hai bàn tay bé nhỏ của Christine. Rồi anh nói liền một hơi:

- Em! Anh mới xin được việc làm, một nơi tuyệt diệu, tại Aberalaw. Anh vừa mới đến gặp Hội đồng hôm nay. Năm trăm bảng một năm, lại có nhà nữa. Cả một tòa nhà, em nhé! Em yêu quý, ôi, Christine, em của anh, em có thể,… em có bằng lòng làm vợ anh không?

Mặt nàng tái đi. Đôi mắt long lanh trên gương mặt tái nhợt. Hơi thở dường như bị nghẹn lại trong ngực. Nàng nói yếu ớt:

- Em tưởng… là anh đem đến cho em tin chẳng lành.

Andrew sôi nổi:

- Không, không đâu. Đây là tin tuyệt vời nhất, em ạ. Ôi, giá mà em được nhìn thấy nơi đó. Rộng rãi, sạch sẽ, với những cánh đồng xanh rờn, những cửa hiệu đàng hoàng, đường sá đẹp đẽ và một vườn hoa và ôi chao! Christine ạ, một bệnh viện thực sự nữa! Chỉ cần em bằng lòng làm vợ anh, em yêu của anh, là chúng ta có thể rời đây đi ngay tức khắc.

Đôi tay nàng mềm ra, run rẩy.

Nhưng đôi mắt nàng thì cười với Andrew, long lanh một ánh kỳ lạ.

- Vì Aberalaw, hay vì em hở anh?

- Vì em chứ, Chris! Ôi, nếu em biết anh yêu em đến nhường nào. nhưng này, hay có lẽ em không yêu anh chăng?

Nàng khẽ kêu lên một tiếng gì nhỏ trong cổ và áp đầu vào ngực anh.

Trong khi Andrew quàng tay ôm lấy nàng thì Christine nghẹn ngào:

- Anh, anh thân yêu của em! Em đã đem lòng yêu anh ngay từ – nàng nhoẻn cười qua những giọt nước mắt sung sướng –… ôi ngay từ lúc em nhìn thấy anh bước vào cái lớp học tẻ ngắt ấy.

QUYỂN II

I

Chiếc xe tải ọp ẹp của Gwilliam John Lossin phì phò leo núi. Đằng sau xe, một miếng vải bạt cũ thả thõng xuống mảnh ván hậu gãy nát, tấm biển số han gỉ và ngọn đèn không bao giờ được thắp lên, quệt một vạch mờ mờ trên lớp bụi đường. Hai bên xe, hai vạt cánh gà không buộc chặt đập phần phật và kêu lạch cạch theo nhịp chạy của chiếc xe cổ lỗ. Và đằng trước, ở ghế người lái có hai vợ chồng bác sĩ Manson cùng với bác tài Gwilliam John vui vẻ ngồi áp sát bên nhau.

Andrew và Christine vừa mới làm lễ cưới hồi sáng xong. Đây là vài ba thứ đồ đạc ít ỏi của cặp vợ chồng mới cưới, một cái bàn nấu bếp mua lại hai mươi si-linh ở Blaenelly, mấy cái nồi xoong mới và mấy chiếc va-li của hai người. Không sĩ diện nên họ nghĩ rằng cách tốt nhất, rẻ tiền nhất để đưa toàn bộ số của cải vật chất đồ sộ ấy cùng với bản thân họ đến Aberalaw là thuê cái cửa hàng tạp hóa lưu động này của Gwilliam John.

Trời đẹp, một làn gió mát thổi nhẹ làm sáng bầu trời xanh lơ. Đôi vợ chồng trẻ khúc khích đùa với bác Gwilliam John khiến bác thỉnh thoảng phải đáp lại bằng tiếng còi ô-tô theo điệu nhạc "Chậm rãi" của Handel. Họ đỗ lại ở một quán hàng lẻ loi trên núi, bên đèo Ruthin, để Gwilliam John có dịp nâng cốc bia Rhymney mừng hạnh phúc của họ. Đầu hơi hâm hấp, mắt lại hiếng, Gwilliam John mấy lần nâng cốc bia lên chúc mừng hai vợ chồng rồi lại tợp một ly rượu để mừng cho bản thân mình. Sau đó thì chiếc xe lao như tên bắn trên đoạn đường dốc bên kia đèo Ruthin với hai chỗ đường vòng chữ U ven một cái vực sâu gần năm trăm bộ.

Vượt qua ngọn núi cuối cùng, chiếc xe lượn theo con đường chạy xuống Aberalaw. Đây là những giây phút khoan khoái mê ly. Thị trấn Aberalaw trải ra trước mắt họ với những mái nhà dài uốn

lượn như sóng theo địa hình lên xuống của thung lũng, những cửa hiệu, nhà thờ, công sở, xúm xít lại với nhau ở phía trên thị trấn, còn ở phía dưới là các giếng mỏ và nhà máy luyện kim với những cột khói liên tục phun lên, cỗ máy tụ vuông vức phả ra những đám hơi nước… tất cả đều ánh lên một màu vàng óng ả dưới ánh nắng ban trưa.

Siết chặt cánh tay Christine, với tất cả sự hăm hở của người thuộc lối dẫn đường Andrew thì thầm:

- Chris, em thấy đấy! Một nơi khá đẹp, có phải không em? Quảng trường ở chỗ kia kìa. Chúng mình đến đó bằng đường phía sau. Đây nữa, em này. Không phải thắp đèn dầu đâu, em nhé. Nhà máy đốt hơi kia kìa. Không biết ngôi nhà của chúng mình đâu nhỉ?

Họ hỏi thăm một người thợ mỏ qua đường và được biết "Sơn cốc" – cái tên mà Hội đồng Hội y tế Aberalaw đặt cho ngôi nhà của họ – nằm chính trên con đường này, bên rìa thị trấn. Mấy phút sau, chiếc xe của họ đã tới nơi. Christine reo:

- Ôi! Nó… đẹp đấy chứ, phải không anh?

- Ờ… ờ, nó trông… trông có vẻ là một ngôi nhà đáng yêu.

- Cha mẹ ơi! – Gwilliam hất chiếc mũ ra sau gáy, thốt lên. – Một cái nhà kỳ quái làm sao!

"Sơn cốc" quả là một ngôi nhà khác thường. Thoạt nhìn, nửa như một ngôi nhà gỗ Thụy Sĩ, nửa như một cái chòi của những người đi săn trên cao nguyên, với rất nhiều đầu hồi nhỏ xíu, tất cả đều trát vữa, đứng giữa một khu vườn hoang vắng tiêu điều rộng nửa ây-cơ mọc đầy cỏ dại và tầm ma; vườn có một con suối chảy qua, lòng suối ngổn ngang vỏ đồ hộp đủ loại, và vắt qua con suối ở khúc giữa là một chiếc cầu thô kệch đổ nát. "Sơn cốc" chính là cơ hội đầu tiên giới thiệu với họ quyền lực đa dạng và sự có mặt ở khắp nơi của Hội đồng mà lúc bấy giờ họ chưa biết. Năm 1919, năm thu được nhiều tiền góp nhất, các uỷ viên Hội đồng đã hào

phóng tuyên bố sẽ xây ngôi nhà thật đẹp để làm vẻ vang cho Hội đồng, ngôi nhà đó phải là một công trình có sắc thái, một ngôi nhà kiểu mẫu. Vị uỷ viên nào cũng có ý kiến của mình về ngôi nhà kiểu mẫu ấy. Có tất cả ba mươi ủy viên, và kết quả là ngôi nhà "Sơn cốc" này.

Tuy nhiên, dù cho nhìn bên ngoài họ có cảm tưởng thế nào đi nữa, những người chủ mới đã nhanh chóng yên lòng khi vào thăm nhà. Nhà hãy còn chắc chắn, sàn còn tốt, tường dán giấy còn sạch sẽ. Nhưng số buồng thật đáng ngại. Tuy không nói ra, cả hai vợ chồng đều nhận thấy ngay là mấy thứ đồ đạc ít ỏi của Christine chỉ vừa để đủ bày biện được có hai buồng.

Xem nháo nhào qua một lần rồi về đứng ở gian phòng lớn ngay cạnh cửa ngoài, Christine đếm nhẩm trên đầu ngón tay:

- Em tính thử xem, anh nhé. Ở dưới nhà là một phòng ăn này, một phòng khách này, một phòng để tủ sách… hay là phòng làm việc, chúng mình muốn gọi nó là gì cũng được. Và trên gác là năm buồng ngủ.

- Đúng, em ạ – Andrew cười. Thảo nào họ chả muốn một người đã có vợ. – Nụ cười của Andrew biến thành vẻ ân hận. – Christine, thực ra anh cảm thấy hổ thẹn đấy, em ạ. Anh không có một xu nào trong túi mà giờ đây lại dùng những đồ đạc xinh xắn của em thì khác nào anh bòn rút em. Ai lại cứ làm như mọi việc đã ổn thỏa cả, rồi lôi em đến đây, chẳng để cho em kịp nghĩ phút nào… Và cũng chỉ để cho họ vừa đủ thời gian tìm người khác dạy thay em ở trường. Anh thật là một kẻ ích kỷ. Lẽ ra anh phải đến đây trước, sắp đặt chỗ ở cho đâu vào đấy rồi mới để em đến.

- Anh Manson! Anh dám để em lại một mình à?

- Dù sao, anh cũng phải làm một cái gì đó về phương diện này – Andrew nghiêm sắc mặt, tiếp tục ý nghĩ riêng – Em nghe này, Chris…

Nàng cắt ngang với một nụ cười.

- Em thấy việc cần làm bây giờ là đi tráng cho anh một quả trứng, theo cách tráng của bà Poulard. Hay ít ra theo cách chỉ dẫn trong sách nấu ăn.

Bị chặn lời ngay khi định bắt đầu nói một thôi dài, Andrew há hốc mồm nhìn Christine. Vẻ nghiêm trang dịu dần, miệng lại mỉm cười, anh theo vợ xuống bếp. Để Christine xa anh, anh không chịu nổi. Tiếng chân hai người vang lên trong ngôi nhà trống như trong một nhà thờ lớn.

Họ nhờ bác tài Gwilliam John đi mua hộ trứng rồi mới để cho bác đánh xe về Blaenelly. Món trứng lấy ở chảo ra vàng ngậy, nóng hổi và thơm phức. Hai người ngồi ngay lên mép bàn ăn. Andrew reo:

- Mẹ kiếp!… Ấy chết, anh xin lỗi, anh quên mất là đã có vợ. Ôi chao! Em nấu bếp giỏi quá! Cái quyển lịch họ bỏ lại trên tường kia trông cũng không đến nỗi tồi, làm cho bức tường đẹp hẳn ra. Anh thích cái ảnh trên lịch… những bông hồng ấy. Trứng còn không em? Bà Poulard là bà nào thế, nghe như tên một con gà mái. Cám ơn, Chris. Chà, em không thể tưởng tượng nổi anh nóng lòng bắt tay vào việc đến thế nào. Ở đây chắc là có nhiều cơ hội tốt để làm việc. Những cơ hội lớn đấy! – Andrew bỗng im bặt, mắt nhìn vào một cái hộp gỗ đánh véc-ni đặt ở cạnh đống hành lý của họ ở góc phòng. – Ơ này, Chris, cái gì kia thế em?

Christine trả lời, giọng thản nhiên:

- À, một món quà cưới đấy mà, của anh Denny!

- Denny à?

Andrew đổi sắc mặt. Denny đã tỏ ra cộc cằn khi Andrew chạy đến nhà cảm ơn anh ta về việc giúp anh vào làm ở đây, và nhân thể báo tin anh lấy Christine. Sáng nay, Denny cũng chẳng thèm đến tiễn chân hai người. Andrew thấy mếch lòng, anh cảm thấy Denny quá phức tạp, quá khó hiểu để tiếp tục làm bạn mình. Andrew bước từ từ lại chỗ để cái hộp, trong bụng nghi hoặc, nghĩ

rằng bên trong chắc lại đựng một chiếc giày rách cũ… một kiểu đùa cợt của Denny. Anh mở nắp hộp ra và reo lên một tiếng mừng rỡ.

Trong hộp là bộ kính hiển vi của Denny, bộ kính Đức hảo hạng của hãng Zeiss, kèm theo mấy chữ: "Tôi thật sự không cần đến cái này. Tôi đã nói với anh tôi là một tay mổ xẻ mà. Chúc anh may mắn".

Không có gì để nói. Đăm chiêu, im lặng, Andrew ăn nốt miếng trứng, mắt cứ nhìn bộ kính hiển vi. Sau đó, anh cẩn thận bê nó lên, sang gian buồng đằng sau phòng ăn, Christine bước theo sau. Anh trịnh trọng đặt bộ kính hiển vi giữa sàn nhà trơ trụi.

- Đây không phải là phòng đọc sách, phòng khách hay phòng làm việc gì sất, em ạ. Nhờ người bạn tốt của chúng mình, anh Philip Denny, anh đặt tên cho phòng này là phòng thí nghiệm.

Andrew vừa mới đặt một cái hôn lên môi Christine để đánh dấu buổi lễ đặt tên xong thì có tiếng chuông điện thoại, tiếng chuông lanh lảnh kéo dài, vang lên từ phòng ngoài trống rỗng làm cho hai người giật mình sửng sốt. Họ nhìn nhau thắc mắc thầm hỏi không biết là ai.

- Có lẽ là một người đến khám bệnh, Chris ạ. Em tưởng tượng xem! Người bệnh đầu tiên của anh ở Aberalaw!

Andrew lao người ra phòng ngoài.

Không phải là một người bệnh mà là bác sĩ Llewellyn, từ nhà ông ở tít đầu bên kia thị trấn gọi dây nói đến chúc mừng. Giọng ông qua đường dây rành rọt và tao nhã, đến ngay Christine đứng kiễng chân ghé đầu bên vai Andrew cũng nghe rõ được hết câu chuyện.

- A-lô! Chào anh Manson. Anh có khỏe không? Đừng lo, bây giờ không phải là giờ làm việc đâu. Tôi chỉ muốn được là người đầu tiên chúc mừng anh chị tại Aberalaw này thôi.

- Cảm ơn ông, bác sĩ Llewellyn, xin rất cảm ơn. Ông có lòng tốt với chúng tôi vô cùng. Tuy nhiên, nếu có việc làm thì cũng không sao.

- Ta-ta-ta. Đừng nghĩ đến công việc vội, khi nào anh ổn định xong xuôi rồi hẵng hay – Llewellyn nói liền một thôi – Này, anh Manson, nếu tối nay anh không bận gì, mời anh đến chơi dùng bữa tối với chúng tôi, cả hai anh chị, đến chơi thân mật thôi, vào bảy rưỡi. Chúng tôi rất vui mừng được tiếp đón hai anh chị. Chúng ta sẽ có dịp chuyện trò với nhau. Đồng ý chứ? Thôi nhé, chào anh, sẽ gặp tối nay nhé.

Andrew đặt máy nói xuống, vô cùng hớn hở.

- Ông ấy tử tế đấy chứ, em nhỉ? Thăm hỏi chúng mình ngay. Mà ông ấy lại là bác sĩ trưởng đấy nhé. Một người có nhiều bằng cấp cao lắm. Anh đã tìm tên ông ấy trong quyển danh bạ ngành y rồi: bằng bác sĩ y khoa cao cấp, đã từng làm bác sĩ điều trị tại bệnh viện Luân Đôn, bác sĩ chính ngạch của Bộ Y tế, hội viên Hội phẫu thuật Hoàng gia Anh. Em phải biết toàn là những chức vị, học vị loại cao cả đấy. Thế mà ông ấy ăn nói thân mật quá. Cam đoan với em ở đây chúng mình sẽ rất dễ chịu.

Andrew quàng tay ôm lấy Christine và vui sướng kéo nàng nhảy qua một điệu van-xơ vòng quanh gian phòng.

II

Bảy giờ tối hôm đó, hai người đến cư xá "Glynmawr", tên ngôi nhà của bác sĩ Llewellyn. Chặng đường đi bộ qua những dãy phố nhộn nhịp sầm uất làm họ rất phấn chấn. Andrew nồng nhiệt nhìn những người mà anh sắp bắt đầu chung sống trong cùng một thị trấn.

- Em nhìn cái ông đang đi đến kia kìa, Christine. Nhanh! Cái ông đang ho sù sụ ấy.

- Vâng, em thấy rồi. Làm sao cơ?

- À, không sao cả đâu. – Andrew nói tiếp, giọng thản nhiên, – có lẽ ông ấy sẽ là bệnh nhân của anh đấy.

Họ tìm được cư xá "Glynmawr" không khó khăn, vì có chiếc xe hơi lộng lẫy của bác sĩ Llewellyn đậu ngoài cửa, và ngoài hàng rào chấn song sắt có treo tấm biển bóng loáng, đẹp đẽ, để tên bác sĩ Llewellyn, kèm theo đủ các chức vị, học vị ghi bằng chữ nhỏ. Đó là một tòa biệt thự uy nghi, vườn tược xung quanh được chăm sóc cẩn thận. Hai người bỗng thấy ngại ngùng trước sự cao sang đó. Họ bấm chuông, rồi có người ra mở cửa mời vào.

Bác sĩ Llewellyn từ phòng khách bước ra đón hai vợ chồng. Ông trông bảnh bao hơn bao giờ hết trong chiếc áo đuôi tôm, cổ tay áo hồ cứng, khuy vàng, gương mặt tươi cười thân mật.

- Chà, chà, thật là tuyệt! Rất vui mừng được gặp chị, chị Manson ạ. Mong chị sẽ yêu mến Aberalaw này. Nó không đến nỗi tồi lắm đâu, tôi xin cam đoan với chị. Ta vào đây. Nhà tôi sẽ xuống ngay bây giờ.

Bà Llewellyn ra chào khách ngay, tươi tỉnh không kém gì chồng. Bà khoảng bốn mươi nhăm tuổi, tóc hung hung, mặt tàn hương hơi tai tái. Chào Andrew xong, bà quay sang Christine, reo lên âu yếm.

- Ôi, cô em thân yêu, cô em bé nhỏ đáng yêu! Tôi xin nói ngay là tôi đã mê cô rồi đấy. Tôi phải ôm hôn cô em mới được. Phải ôm hôn chứ, có được không cô em?

Nói xong, bà ôm ghì lấy Christine, duỗi thẳng hai tay đỡ người nàng, nhìn nàng rất nồng nàn. Một tiếng cồng vang lên ở cuối phòng ngoài và mọi người sang phòng ăn.

Bữa ăn rất ngon: súp cà chua, gà quay nhồi thịt băm và xúc xích, bánh pút-đinh nhân nho khô. Hai ông bà Llewellyn nói chuyện với khách rất vui.

- Anh sẽ nắm được tình hình ở đây ngay ấy mà, anh Manson ạ. Đúng thế. Chắc chắn là tôi sẽ hết sức giúp đỡ anh. Nhân tiện, tôi xin nói cho anh mừng là tay Edward ấy không được tuyển. Tôi sẽ không hậu thuẫn hắn ta bằng bất kỳ giá nào, tuy tôi đã nửa như hứa hẹn là sẽ nói vài lời ủng hộ hắn. Tôi đang nói gì ấy nhỉ. Ừ, à quên. Anh sẽ làm việc tại trạm xá khu tây, khu của anh đấy, cùng với bác sĩ Urquhart, một ông già khéo chân khéo tay, và người dược tá tên là Gadge. Tại trạm xá ở khu đông ở đây, có bác sĩ Medley và bác sĩ Oxborrow. Toàn là những người tốt cả. Anh sẽ thấy yêu mến họ. Anh có chơi gôn không nhỉ? Nếu có thì thỉnh thoảng chúng ta có thể kéo nhau đến bãi Fernley, đi xuôi thung lũng độ chín dặm. Đương nhiên là tôi ở đây lắm việc lắm. Đúng thế. Bản thân tôi thì không phải bận tâm đến các trạm xá. Nhưng tôi phải trông nom bệnh viện, phải giám định các trường hợp mà công ty phải trợ cấp, tôi lại còn là thanh tra y tế của thị trấn, thầy thuốc điều trị của xí nghiệp hơi đốt, bác sĩ phẫu thuật của Viện tế bần, rồi lại còn trưởng ban tiêm chủng nữa. Tôi phải gánh lấy tất cả các trường hợp kiểm tra do Hội yêu cầu và làm khá nhiều việc cho Tòa án khu. À, lại còn làm bác sĩ khám tử nữa. Ngoài ra – vào những lúc rỗi rãi, tôi còn trông nom cho khá nhiều bệnh nhân tư.

- Thật là đủ thứ mọi việc.

Llewellyn tươi tỉnh:

- Cũng phải lo liệu để đủ ăn đủ tiêu chứ, anh Manson. Chiếc xe nhỏ mà anh thấy ngoài kia mất khoảng một nghìn hai trăm bảng rồi. Còn… à thôi. Không vì lẽ gì mà anh lại không được đàng hoàng ở đây. Cứ tạm nói là khoảng ba bốn trăm bảng về phần anh đi, miễn là anh chịu khó làm việc và chú ý đừng gây ra chuyện lôi thôi. – Llewellyn dừng lại giây lát, giọng tâm sự, ngọt ngào chân thành. – Có một điều tôi thấy cần phải nói để anh hay. Mọi người đều thỏa thuận, tức là đã nhất trí giữa các bác sĩ phụ tá với nhau là mỗi người đóng cho tôi một phần năm số lương của

mình. – Rồi ông nhanh nhẩu nói tiếp, chân thật – Ấy là vì tôi coi bệnh nhân cho họ. Khi gặp khó khăn gì, họ nhờ đến tôi. Như vậy rất tiện cho họ, cam đoan với anh thế.

Andrew ngẩng đầu lên, không khỏi có phần nào ngạc nhiên.

- Điều đó có quy định trong các tổ chức của Hội không?

Llewellyn cau mày trả lời:

- À, không hẳn thế. Đó là điều đã được dàn xếp và thỏa thuận giữa các bác sĩ với nhau lâu rồi.

- Thế nhưng…?

- Bác sĩ Manson! – Bà Llewellyn từ đầu bàn đằng kia dịu dàng gọi anh – Tôi vừa mới nói với người vợ xinh xắn thân yêu của anh là ta phải đi lại thăm viếng nhau nhiều vào. Cô ấy phải thỉnh thoảng đến đây uống trà với tôi. Anh dành cô ấy cho tôi một tí chút có được không, anh Manson? Rồi, dăm ba bữa, nửa tháng một lần, cô ấy phải đi cùng với tôi ra Cardiff bằng xe hơi nữa. Sẽ rất vui, có phải không, cô em thân mến?

- Dĩ nhiên, như thế có lợi cho anh – Llewellyn giải thích – Leslie, cái gã ở đây trước anh, là một tay phất phơ, dốt đặc, tồi chẳng kém gì lão Edward. Hắn không biết gây mê cho ra hồn. À, anh Manson, chắc anh biết gây mê chứ? Khi tôi phải tiến hành những ca mổ quan trọng, nhất lại là bệnh nhân tư của tôi, tôi cần có một người gây mê giỏi. Nhưng thôi, lạy Chúa, ta không nên nói đến chuyện ấy bây giờ. Anh vừa mới đến đây xong. Quấy rầy anh với những chuyện ấy ngay bây giờ là không phải.

- Idris, mình này! – Bà Llewellyn gọi chồng, thú vị được báo một tin vui giật gân – Hai vợ chồng vừa mới lấy nhau sáng nay xong, thế có chết không chứ! Cô Manson vừa mới nói với tôi. Cô dâu mới bé bỏng của tôi! Nào ai ngờ, các bạn trẻ mến thương!

- Hay nhỉ, hay, hay nhỉ! – Llewellyn tươi cười, hể hả.

Bà Llewellyn vuốt ve bàn tay Christine.

- Cô em bé nhỏ tội nghiệp của tôi! Biết bao nhiêu việc phải làm mới ổn định xong chỗ ăn ở tại cái cư xá "Sơn cốc" quái quỷ ấy! Hôm nào tôi phải đến giúp cô một tay mới được.

Hơi đỏ mặt, Andrew cố trấn tĩnh. Anh cảm thấy cả Christine lẫn anh hình như bị biến thành một quả bóng mềm mềm nho nhỏ mà ông bác sĩ Llewellyn và bà vợ ông ta khéo léo chuyền tay nhau.

Sau đó, bốn người sang uống cà phê ở phòng khách. Cà phê rót ra trong những chiếc tách "vẽ hoa bằng tay" như bà Llewellyn giới thiệu. Ông Llewellyn chìa hộp thuốc lá bằng vàng ra mời.

- Bác sĩ Manson, anh nhìn này. Rồi anh cũng sẽ được tặng những món quà như thế. Người bệnh hàm ơn mà. Nặng đấy chứ. Cầm chắc được hai mươi bảng.

Gần đến mười giờ, bác sĩ Llewellyn nhìn đồng hồ, nói cho đúng hơn là ông say sưa ngắm nghía chiếc đồng hồ thể thao sang trọng của ông, bởi vì ông này có thể say sưa ngắm cả những vật vô tri vô giác, với một vẻ trìu mến dịu dàng riêng mình ông có, nhất là khi những vật ấy thuộc về ông. Andrew đã tưởng ông sẽ lại kể lể về chiếc đồng hồ. Nhưng không, ông nói:

- Tôi phải đến bệnh viện bây giờ đây. Một ca loét dạ dày và hành tá tràng, tôi vừa mới mổ sáng nay. Anh có muốn đi xe hơi với tôi đến xem một chút không?

Andrew hăm hở ngồi ngay dậy.

- Có chứ, tôi rất muốn, thưa bác sĩ Llewellyn.

Cả Christine cũng được mời nên cả hai vợ chồng anh chào bà Llewellyn rồi bước lên chiếc xe hơi đang chờ sẵn. Bà Llewellyn đứng ở cổng ngoài vẫy tay từ biệt rất lưu luyến. Chiếc xe sang trọng chạy êm như ru qua phố chính rồi rẽ trái theo con đường dốc lên đồi.

Llewellyn bật đèn pha lên cho họ xem và nói:

- Pha khỏe đấy chứ? Pha Luxite đấy. Tôi mua thêm ngoài, lắp vào cho đặc biệt.

Christine bỗng nhiên lên tiếng, giọng êm ái:

- Luxite à? Chắc phải đắt lắm, phải không bác sĩ Llewellyn?

Llewellyn gật đầu, khoái chí về câu hỏi đó.

- Nhất định là đắt rồi. Mất ba mươi bảng đấy.

Andrew co mình lại, không dám nhìn vào mắt vợ.

Hai phút sau, Llewellyn nói:

- Đến nơi rồi. Đây là nơi ở tinh thần của tôi.

Bệnh viện là một tòa nhà kiểu đẹp, xây bằng gạch đỏ, lối đi rải sỏi, hai bên trồng nguyệt quế. Ngay khi mới bước vào trong nhà, mắt Andrew đã sáng lên. Tuy nhỏ nhưng bệnh viện được trang bị hiện đại và đầy đủ. Trong lúc Llewellyn dẫn họ đi thăm lần lượt phòng mổ, phòng điện quang, phòng băng bó, hai phòng bệnh nhân đẹp đẽ, thoáng đãng, Andrew luôn luôn hào hứng suy nghĩ! Thật là tuyệt vời. Khác hẳn Blaenelly. Trời! Mình sẵn sàng gửi bệnh nhân của mình đến đây.

Trong lúc đi xem họ gặp người quản lý bệnh viện, một người đàn bà cao lớn, xương xương. Bà ta không thèm nhìn gì đến Christine, thờ ơ chào Andrew một câu rồi khúm núm thưa gửi với Llewellyn. Ông ta nói:

- Ở đây, chúng cần gì là có, mà là những thứ khá tốt, có phải không, bà quản lý? Chúng tôi chỉ cần báo một câu với Hội đồng. Đúng thế, nói chung họ không phải là những tay tồi. Ca cắt dạ dày và thông ruột của tôi thế nào rồi, bà quản lý?

- Thưa bác sĩ Llewellyn, rất tốt ạ.

- Được, tôi đến xem ngay bây giờ.

Ông đưa Andrew và Christine trở lại phòng ngoài.

- Đúng thế, anh Manson. Tôi phải thừa nhận là tôi khá kiêu hãnh về tòa nhà này. Tôi coi nó như của riêng tôi. Cũng chẳng trách gì tôi được. Hai anh chị biết đường về nhà chứ? À này, đến thứ tư, nghỉ xong, anh gọi điện thoại cho tôi nhé. Tôi cần anh gây mê cho một ca mổ.

Đi bộ bên nhau trên đường phố, hai người lặng thinh một lúc rồi Christine níu tay Andrew, hỏi:

- Thế nào anh?

Andrew có thể nhận thấy nàng mỉm cười trong tối. Anh nói nhanh:

- Anh thích ông ấy. Khá thích. Em có để ý đến mụ quản lý không, tưởng như mụ ấy sắp sửa hôn gấu quần ông ta. Mẹ kiếp! Một bệnh viện xinh xắn tuyệt vời! Họ cho chúng mình ăn một bữa ngon đấy chứ! Họ không phải là những người keo kiệt đâu. Duy có điều, anh không hiểu, nhưng tại sao mình lại phải nộp cho ông ấy một phần năm tiền lương của mình nhỉ? Có cái gì không công bằng, không hợp đạo lý ở chỗ này. Lại còn, anh hơi cảm thấy là anh được vuốt ve, chiều chuộng và được nhắn nhủ là phải ngoan ngoãn thì phải.

- Anh đã chẳng rất ngoan không hỏi xin nghỉ hai ngày đấy sao? Nhưng này anh… chúng mình làm thế nào? Chúng mình làm gì có tiền mua đồ đạc… chúng mình đã có tiền đâu?

- Rồi em sẽ thấy – Andrew trả lời với vẻ bí ẩn.

Ánh sáng của thị trấn bây giờ đã lùi lại đằng sau, và giữa hai vợ chồng có một sự im lặng kỳ lạ khi họ gần tới nhà. Bàn tay Christine đặt lên cánh tay anh, quý báu vô ngàn đối với anh. Tình yêu như một sóng lớn đang dâng lên trong lòng anh. Anh nghĩ đến nàng, bị cưới xin đột ngột tại một thị trấn mỏ, rồi bị lôi đi qua đồi này núi nọ trên một chiếc xe ọp ẹp, bị đẩy vào một ngôi nhà hầu như trống rỗng với giường tân hôn chính là giường cá nhân của nàng, chịu đựng tất cả những nỗi gian truân và tạm bợ ấy với

một thái độ dũng cảm và dịu dàng tươi cười. Christine yêu anh, trao thân gửi phận cho anh, tin cậy anh. Một quyết tâm sắt đá đúc lại trong anh. Anh nhất định sẽ đền đáp lại nàng; bằng lao động của mình anh sẽ để nàng thấy nàng tin ở anh là phải.

Hai người đi qua chiếc cầu gỗ. Tiếng suối rì rầm êm đềm, hai bờ suối rậm cỏ chìm trong màn đêm êm dịu. Andrew tìm chìa khóa trong túi, chiếc chìa khóa ngôi nhà của hai vợ chồng và tra vào ổ khóa.

Phòng ngoài tối đen. Anh đóng cửa lại rồi đi về phía nàng đang đứng đợi. Gương mặt nàng sáng lờ mờ, tấm thân thon thả của nàng chờ đợi, phó thác cho anh. Andrew nhẹ nhàng quàng tay qua người nàng, thì thào câu hỏi kỳ khôi này:

- Em tên là gì, em yêu?

- Christine – Nàng trả lời, ngạc nhiên.

- Christine gì nữa?

- Christine Manson – Hơi thở nàng dồn dập, dồn dập và nóng hổi trên môi anh.

III

Sau Luân Đôn, ngọn gió hây hây ở Aberalaw thật mát rượi. Sáng thứ năm, đi bộ từ nhà đến nơi làm, Andrew cảm thấy làn gió lành lạnh ấy tạt vào má làm anh sảng khoái, hồ hởi. Anh hình dung công việc sắp tới của anh ở đây, nó sẽ được hoàn thành chu đáo, tốt đẹp và bao giờ cũng theo đúng phương pháp khoa học, một nguyên tắc mà anh tự đề ra cho mình.

Trạm xá khu tây, ở cách nhà anh chưa đến bốn trăm thước, là một tòa nhà cao, mái vòm lợp ngói trắng, hơi có dáng dấp một nhà an dưỡng. Phần chính ở giữa là phòng đợi. Phía cuối, ngăn cách với phòng đợi bằng một cánh cửa lùa là phòng pha chế thuốc. Ở đằng đầu là hai phòng khám, một phòng đề tên bác sĩ

Urquhart và một phòng mới sơn lại, đề một cái tên không hiểu vì sao bắt người ta phải chú ý: bác sĩ Manson.

Andrew sung sướng thấy tên anh đã được đề ngoài phòng khám của anh. Gian phòng tuy không rộng nhưng có một cái bàn đàng hoàng và một chiếc giường rất tốt bọc da để khám bệnh. Anh cũng hãnh diện khi thấy có đông người đợi anh, rất đông là đằng khác, khiến anh thấy nên bắt tay ngay vào việc hơn là sang tự giới thiệu với bác sĩ Urquhart và người dược tá Gadge như anh đã định.

Ngồi xuống ghế, anh ra hiệu cho người đầu tiên vào. Người này chỉ cần xin giấy nghỉ lao động. Anh ta nói, như vừa mới bật nghĩ ra, là anh ta đau đầu gối. Andrew khám thấy anh ta bị sai khớp gối và chứng nhận cho anh ta được nghỉ.

Người thứ hai vào. Người này cũng xin giấy miễn lao động vì bị giật nhãn cầu. Người thứ ba cũng xin nghỉ: bị viêm phế quản; người thứ tư, vẫn xin nghỉ: sai khủy tay.

Andrew đứng dậy muốn xem tình hình thế nào. Việc khám cấp giấy nghỉ này mất rất nhiều thời giờ.

Anh ra cửa hỏi:

- Những ai xin giấy nghỉ việc, mời đứng dậy.

Có khoảng bốn mươi người đợi ở ngoài. Tất cả đều đứng dậy. Andrew suy nghĩ rất nhanh. Muốn khám cẩn thận tất cả thì phải mất cả nửa ngày. Không thể được. Anh đành quyết định để đến khi khác sẽ khám kỹ hơn.

Dẫu vậy, mãi đến mười rưỡi anh mới khám xong người cuối cùng. Lúc bấy giờ, ngẩng đầu lên, anh thấy đứng trong phòng một người tầm thước, có tuổi, mặt đỏ như gạch với bộ ria mép xam xám ngạo mạn. Ông ta hơi gù khiến đầu hơi chúc về phía trước thành ra có vẻ hay gây gổ. Ông ta đi ghệt, mặc quần nhung kẻ, áo vét-tông đen, hai túi nhét tẩu thuốc, mùi soa, cả một quả táo

và một ống dò bằng cao su, căng phồng đến rách miệng túi. Quanh người phảng phất một mùi thuốc tây, thuốc sát trùng và thuốc lá nặng. Ông ta chưa nói, Andrew đã biết ngay là bác sĩ Urquhart.

Chẳng bắt tay mà cũng chẳng có một lời tự giới thiệu, ông ta nói luôn:

- Quỷ tha ma bắt anh đi đâu mấy hôm nay, anh bạn? Tôi phải ôm lấy việc của anh. Thôi, không sao, không sao cả, ta không đả động đến nữa. Ơn Trời, anh đã về đến đây, chân tay đầu óc lành lặn cả là được rồi. Anh có hút tẩu không?

- Có.

- Ơn Trời cả điều đó nữa. Có chơi được vĩ cầm không?

- Không.

- Tôi cũng không, nhưng tôi có thể làm ra những chiếc vĩ cầm đẹp ra trò. Tôi sưu tầm cả đồ sứ nữa. Người ta có nói đến tôi trong một cuốn sách đấy. Hôm nào tôi sẽ cho anh xem khi anh đến chơi đằng tôi. Nhà tôi ở ngay cạnh trạm xá. Chắc anh đã trông thấy rồi. Bây giờ, anh ra đây gặp Gadge đi. Một thằng cha chẳng ra gì đâu nhưng cũng biết những thứ thuốc nào là những thứ công nhau không pha được với nhau.

Andrew đi theo Urquhart qua phòng đợi, sang phòng pha chế. Gadge ở đó, gật đầu buồn bã chào anh. Gadge cao, gầy giơ xương, đầu hói còn vài sợi tóc đen vắt qua đỉnh đầu, và bộ ria cụp cũng đen. Ông ta mặc một cái áo vét-tông ngắn bằng vải ba-ga, xanh lè vì cũ và vì các vệt thuốc pha chế dây vào, cổ tay khẳng khiu thò ra ngoài và xương bả vai đâm ra nhọn hoắt. Ông ta có một vẻ ấu trĩ, cáu bẳn, mệt mỏi, thái độ của con người chán chường nhất thế giới. Lúc Andrew đến, Gadge đang phục vụ người bệnh cuối cùng: ông ta quẳng qua chấn song một hộp thuốc như thể đó là một gói bả chuột và dường như bảo với người bệnh:

- Muốn uống hay vứt đi thì tùy, đằng nào cũng đi đứt.

- Thế là anh đã làm quen với Gadge rồi, tức là làm quen với cái tệ nhất. – Urquhart nhanh nhẩu nói sau khi làm xong việc giới thiệu. – Tôi báo cho anh biết ông ta không hề tin vào một cái gì, có lẽ chỉ trừ dầu thầu dầu và Charles Bradlaugh [1]. Bây giờ, còn có điều gì tôi có thể cung cấp cho anh được nữa không?

- Tôi băn khoăn về số giấy cho nghỉ làm việc mà tôi phải cấp. Sáng nay, có mấy người trai trẻ tôi trông có vẻ hoàn toàn đủ sức lao động.

- Úi dà, thế ra Leslie cứ để họ kéo đến đầy chỗ ông ta. Cách khám bệnh của ông ta là bắt mạch đúng năm giây đồng hồ. Ông ta cóc cần gì hết.

Andrew trả lời ngay:

- Người ta sẽ nghĩ gì về một bác sĩ phát giấy nghỉ như phát tem mua thuốc lá?

Urquhart đưa mắt nhìn Andrew, nói thẳng thừng:

- Hãy cẩn thận đến cách cư xử của anh đấy. Nếu anh không cấp cho họ giấy nghỉ, họ có thể sẽ không ưa lối làm việc của anh đâu.

Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng trong buổi sáng hôm đó, Gadge buông ra một câu buồn bã:

- Bởi vì trong bọn họ dễ đến một nửa không có bệnh tật gì cả. Toàn là những đứa khỏe như vâm chỉ tìm cách trốn việc thôi.

Suốt ngày hôm ấy, lúc đi thăm các bệnh nhân tại nhà, Andrew cứ băn khoăn về việc cấp giấy nghỉ này. Buổi đi thăm bệnh của anh không dễ dàng vì anh chưa quen đường đi lối lại, hay nhầm phố, nhiều lần phải quay ngược lại và có khi đi một đoạn phố đến hai, ba lần. Hơn nữa, khu của anh, hay ít ra là phần lớn khu mà anh

[1] Charles Bradlaugh (1833-1891): nhà hoạt động chính trị cấp tiến Anh.

phụ trách lại nằm trên sườn đồi Mardy mà bác Tom Kettles đã nói đến, tức là đi đâu cũng phải leo dốc.

Quá trưa, những suy nghĩ của anh buộc anh phải đi đến một quyết định không vui thích gì. Dù thế nào đi nữa, anh cũng không thể cấp giấy nghỉ bừa bãi, một cách không căn cứ. Anh bắt đầu buổi khám chiều với một nếp nhăn lo âu nhưng kiên quyết giữa hai hàng lông mày.

Số người đến khám buổi chiều còn đông hơn hồi sáng. Người đầu tiên bước vào là một người to lớn, phì nộn, sặc mùi bia, trông như thể suốt đời chưa bao giờ làm việc được đầy đủ một ngày. Khoảng năm mươi tuổi, mắt ti hí như mắt lợn hấp háy nhìn Andrew, người đó nói toạc móng heo, không cần giữ ý:

- Xin nghỉ.

- Vì sao?

- … nhãn cầu. Tên là Chenkin. Ben Chenkin.

Nói xong, Chenkin chìa tay ra.

Riêng giọng nói đã khiến cho Andrew thấy không ưa ngay. Chỉ nhìn qua anh đã biết là ông ta không bị chứng giật nhãn cầu. Chưa kể đến lời nhận xét của Gadge, Andrew đã biết rõ là có một số thợ mỏ già "giả vờ bị bệnh giật nhãn cầu" để lĩnh tiền trợ cấp thương tật lao động từ bao nhiêu năm nay mà lẽ ra họ không có quyền được hưởng. Nhưng chiều nay, Andrew đã đem theo kính soi mắt, anh sẽ biết rõ thực hư ngay. Anh đứng dậy khỏi ghế.

- Ông cởi quần áo ra.

Bây giờ đến lượt Chenkin hỏi:

- Để làm gì?

- Tôi sẽ khám cho ông.

Ben Chenkin há hốc mồm. Theo trí nhớ của ông ta thì trong suốt bảy năm qua, ông ta chưa bị bác sĩ Leslie khám lần nào. Miễn

cưỡng, Chenkin dằn dỗi cởi áo ngoài, cởi cả chiếc sơ-mi sọc đỏ và xanh, phô tấm mình trần béo nung núc đầy lông lá.

Andrew khám rất lâu và kỹ, đặc biệt là mắt, anh dùng chiếc bóng đèn nhỏ xíu của anh soi thật cẩn thận võng mạc của cả hai mắt.

Rồi anh nói một cách cộc lốc "ông mặc quần áo vào" và ngồi xuống cầm bút bắt đầu viết một tờ giấy chứng nhận.

Lão Ben già cười khẩy:

- A ha! Tôi biết là ông sẽ cấp mà.

- Người sau, mời vào. – Andrew gọi to.

Chenkin gần như giật lấy tờ giấy màu hồng khỏi tay Andrew rồi vênh vang ra khỏi phòng khám.

Năm phút sau, lão quay lại lách giữa những người đang ngồi đợi trên ghế dài, mặt tái, mồm oang oang như bò rống:

- Xem hắn viết cho tớ này! Tớ phải vào nói cho hắn biết. Thế này là nghĩa lý gì?

Chenkin vung tờ giấy chứng nhận trước mặt Andrew.

Andrew giả vờ đọc. Trên giấy anh viết:

Tôi chứng nhận là Ben Chenkin bị chứng bệnh bê tha rượu chè, song hoàn toàn có khả năng lao động.

Ký tên: Bác Sĩ Manson

- Sao? – Andrew hỏi.

- … "Nhãn cầu" cơ mà! – Chenkin hét lên – Giấy chứng nhận… "nhãn cầu"! Đừng có đem đẳng này ra làm trò cười. Mười lăm năm nay bị… nhãn cầu rồi.

- Nhưng bây giờ thì ông không bị.

Đám người xúm lại ngoài cửa để ngỏ. Andrew nhận thấy Urquhart tò mò thò đầu ra khỏi phòng bên và Gadge thích thú theo dõi câu chuyện ồn ào này qua chấn song cửa phòng pha thuốc.

Chenkin gầm lên:

- Lần cuối cùng… ông có định cấp giấy chứng nhận… "nhãn cầu" cho tôi không thì bảo?

Andrew nổi nóng. Anh hét lại:

- Không, tôi không cấp. Ông đi khỏi đây ngay nếu không muốn tôi tống cổ ông ra.

Ngực Ben Chenkin nhô lên. Dường như lão sắp sửa cho Andrew ngã sõng soài xuống sàn nhà. Song, lão lại cụp mắt, quay đi, lẩm bẩm những lời hăm dọa tục tĩu và ra khỏi phòng khám.

Ben Chenkin vừa đi khỏi thì Gadge ở bên phòng pha thuốc bước sang chỗ Andrew, xoa hai tay vào nhau với vẻ vui thích vẫn rầu rầu:

- Ông có biết ông vừa mới đuổi cổ ai không? Ben Chenkin. Con trai lão ta là một tay có thần thế trong Hội đồng lắm đấy.

IV

Vụ Chenkin gây chấn động rất lớn, loáng một cái đã lan khắp khu Andrew. Một số người bảo đó là "một việc làm tốt", một vài người còn nói là "rất tốt", khi thấy trò bịp của lão Ben đã bị phơi trần và lão bị ghi là đủ sức lao động. Nhưng đa số thì ủng hộ Ben. Tất cả những người hưởng phụ cấp mất sức lao động đều hết sức căm tức người bác sĩ mới. Những buổi đi thăm bệnh nhân, Andrew nhận thấy có những con mắt hằn học nhìn anh. Rồi đến tối, tại phòng khám, anh lại còn gặp phải sự việc cay đắng hơn cho thấy rõ anh đã mất uy tín.

Trên danh nghĩa, mỗi bác sĩ phụ tá được phân công phụ trách một khu, nhưng thợ trong khu vẫn có quyền tự do chọn bác sĩ nào mà họ thích. Mỗi người thợ có một tấm thẻ. Nếu họ xin lại tấm thẻ đó mang đến chỗ bác sĩ khác tức là họ đã chuyển sang đăng ký chữa bệnh ở bác sĩ ấy. Chính sự tủi nhục này bây giờ bắt đầu diễn ra với Andrew. Trong tuần lễ ấy, tối nào cũng có những

người thợ mà anh chưa gặp mặt bao giờ kéo đến phòng khám của anh – một số người không muốn tự mình đến, bảo vợ đến thay – và nói, mắt không nhìn anh:

- Thưa bác sĩ, nếu không có gì trở ngại thì ông cho tôi xin lại tấm thẻ của tôi.

Phải đứng dậy ra rút ở chiếc hộp trên bàn những tấm thẻ đó là một nỗi khổ sở nhục nhã không chịu nổi. Và mỗi tấm thẻ trả lại là lương anh bị trừ đi mất mười si-linh.

Tối thứ bảy, Urquhart mời anh sang nhà ông chơi. Suốt tuần qua, ông bác sĩ già này có vẻ muốn bù lại thái độ bực bội của ông hôm đầu. Bắt đầu, ông giới thiệu với anh những báu vật đã thu nhập được qua bốn mươi lăm năm làm bác sĩ của ông. Ông có khoảng hai chục chiếc vĩ cầm màu vàng treo trên tường, tất cả đều do ông tự làm ra. Nhưng số vĩ cầm ấy chưa thấm vào đâu so với những đồ sứ cổ chọn lọc của Anh mà ông đã dày công sưu tầm.

Một bộ sưu tập vô cùng giá trị: các loại sứ Spode, Wedgwood, Crown Derby và quý nhất là đồ sứ cổ của Swansea, tất cả đều có hết. Bát, đĩa, cốc to, cốc nhỏ, bình, vại… chứa đầy các phòng, tràn sang tận phòng tắm để ông có thể vừa rửa mặt, vừa kiêu hãnh ngắm nghía một bộ tách uống trà có hình cây liễu.

Chơi đồ sứ thực sự là niềm say mê nhất trên đời của Urquhart, và ông ta là một kẻ khôn ngoan bậc thầy trong nghệ thuật tế nhị thu về tay mình những thứ quý giá này. Nhìn thấy ở nhà bệnh nhân nào có một "món đẹp" – theo cách nói của ông ta – là Urquhart cứ đến xem đi xem lại mãi không biết mệt biết chán, cứ dán mắt vào cái đồ vật thèm muốn đó với một vẻ khao khát dai dẳng cho đến khi bà chủ nhà thấy thế mãi không chịu được nữa đành phải kêu lên: "Thưa bác sĩ, ông có vẻ thích cái vật này quá đi mất. Tôi không còn cách nào khác là để ông mang nó về nhà".

Nghe thấy vậy, Urquhart phản đối chiếu lệ một câu, rồi lấy tờ báo cũ bọc vật mới chiếm đoạt được ấy đắc thắng vừa đi vừa nhảy về nhà và trìu mến đặt nó lên giá.

Ở thị trấn này, ông già đó được coi là một người độc đáo. Ông bảo ông sáu mươi tuổi, nhưng có lẽ ông đã quá bảy mươi, có khi gần tám mươi cũng nên. Dẻo dai như sừng cá voi, đi đâu cũng chỉ đi bộ, mà có thể đi rất xa khó ai mà tưởng tượng nổi, hay rủa bệnh nhân như một ông thầy mo, nhưng lại biết tỏ ra dịu dàng như một người đàn bà. Ông sống có một thân một mình từ ngày vợ ông mất đi cách đây mười một năm, và ăn uống hầu như chỉ toàn là súp hộp.

Tối hôm ấy, sau khi kiêu hãnh khoe những đồ sưu tầm của mình, ông bỗng nói với Andrew, vẻ khó chịu:

- Mẹ kiếp, anh bạn! Tôi không muốn nhận thêm bệnh nhân của anh nữa đâu. Riêng bệnh nhân của tôi cũng đã đủ rồi. Nhưng làm thế nào được khi họ cứ đến mè nheo tôi? Họ không thể đến trạm xá khu đông vì xa quá.

Đỏ bừng mặt, Andrew không biết nói gì. Urquhart đổi giọng nói tiếp:

- Anh bạn này, anh cần thận trọng hơn một tí. Ồ, tôi biết, tôi biết, anh muốn phá đổ những bức tường của thành Babylon chứ gì? Trước kia, tôi cũng đã từng có thời trẻ trung. Nhưng dù sao, cũng nên đi từ từ, nhẹ nhàng, nhìn trước rồi hãng nhảy! Thôi, chào anh nhé! Cho tôi gửi lời chào vợ anh nữa!

Với lời Urquhart văng vẳng bên tai, Andrew cố hết sức thận trọng. Dẫu vậy, anh lại bị sa ngay vào một tai họa còn lớn hơn thế.

Thứ hai tuần sau, Andrew đến nhà Thomas Evans, phố Cefan. Evans làm thợ lò ở mỏ than Aberalaw. Anh ta đánh đổ một nồi nước sôi vào cánh tay trái, bị bỏng nặng trên một diện rộng, nặng nhất là vùng khuỷu tay. Đến nơi anh thấy người nữ y tá của khu,

có mặt lúc xảy ra tai nạn, đã băng chỗ bỏng với dầu gai rồi tiếp tục cuộc đi tua của chị.

Xem xét cánh tay, Andrew cố không để lộ ra vẻ khiếp sợ khi nhìn chỗ băng bó bẩn thỉu. Anh liếc mắt nhìn chai dầu gai, nút bằng một mẩu giấy vo lại, bên trong chứa một chất lỏng bẩn thỉu, trắng nhờ nhờ, trong đó anh tưởng chừng có thể thấy vi khuẩn lúc nhúc hàng đống.

- Chị y tá Lloyd băng tốt đấy chứ, bác sĩ? – Evans nói, vẻ băn khoăn. Evans là một thanh niên vạm vỡ, mắt đen. Vợ anh đứng cạnh chăm chú theo dõi Andrew; chị cũng có vẻ bồn chồn và trông bề ngoài không khác gì chồng.

Andrew nói với giọng cố tỏ ra phấn khởi:

- Băng đẹp lắm. Tôi ít thấy một vết thương nào được băng gọn hơn. Cố nhiên đây chỉ là băng tạm thôi. Bây giờ ta thử bôi thêm một ít axit picric.

Andrew biết rằng nếu anh không mau dùng thuốc sát trùng thì hầu như chắc chắn cánh tay này sẽ bị nhiễm trùng. Đến lúc đó – anh nghĩ – có Trời mới cứu được khớp khuỷu ấy.

Hai vợ chồng Evans nhìn Andrew e ngại và ngờ vực trong khi anh cẩn thận, nhẹ nhàng rửa sạch cánh tay và đắp lên một miếng gạc tẩm axit picric. Andrew hỏi:

- Thế là xong. Anh có thấy dễ chịu hơn không?

- Tôi không biết thế nào. Bác sĩ tin chắc là tốt chứ?

Andrew mỉm cười để anh ta yên lòng.

- Tốt chứ. Anh cứ để mặc nó cho chị y tá và tôi.

Trước khi ra về, Andrew viết lại mấy chữ cho chị y tá khu; anh hết sức chú ý nói sao thật khéo léo và tỏ ra tôn trọng ý kiến chị ta. Anh cảm ơn chị ta đã giải quyết rất tốt đẹp trường hợp cấp bách này và yêu cầu chị xem có thể tiếp tục băng bó với gạc tẩm

a-xít picric được không, coi đó là một biện pháp phòng tránh bệnh nhiễm trùng máu. Anh dán phong bì lại cẩn thận.

Sáng hôm sau, Andrew lại vào nhà Evans thì thấy tấm băng có a-xít picric của anh bị vứt vào bếp và cánh tay Evans lại được bôi dầu gai. Còn chị y tá Lloyd thì đang đứng chờ anh, sẵn sàng khiêu chiến.

- Thế là thế nào, xin nói cho tôi hay? Việc tôi làm, theo ông là chưa tốt hay sao?

Chị Lloyd là một phụ nữ to béo, tuổi nhờ nhỡ, mái tóc xám rối lòa xòa, nét mặt mệt mỏi và bị kích động mạnh. Chị thở hổn hển, khó khăn lắm mới nói thành lời.

Andrew choáng váng nhưng anh cố trấn tĩnh và gượng mỉm cười.

- Gượm nào, chị Lloyd, đừng hiểu nhầm tôi. Hay là ta ra phòng ngoài nói chuyện với nhau nhỉ.

Chị y tá vênh mặt lên, nhìn về phía Evans và vợ đang chăm chú nghe mắt tròn xoe lo lắng, đứa con gái lên ba quấn lấy váy.

- Không, cứ ở đây mà nói chuyện. Tôi không có gì phải giấu giếm. Lương tâm tôi trong sạch. Tôi sinh ra và lớn lên ở Aberalaw, đi học ở đây, lấy chồng ở đây, đẻ con đây, rồi cũng mất chồng ở đây và làm y tá khu phố ở đây hai mươi năm nay rồi. Chưa bao giờ có ai bảo tôi là không được bôi dầu gai lên chỗ bỏng hoặc chỗ loét.

- Chị Lloyd ơi, chị hãy nghe tôi nói này. – Andrew khẩn khoản – Dầu gai bản thân nó có lẽ rất tốt đấy. Nhưng ở trường hợp này, có nhiều nguy cơ khuỷu tay sẽ bị co cứng. – Anh cứng khuỷu tay lại để minh họa – Bởi vậy, tôi muốn chị thử băng theo cách của tôi.

- Tôi chưa hề nghe nói đến thứ thuốc ấy bao giờ. Ông bác sĩ già Urquhart cũng không dùng đến nó. Tôi đã bảo với anh Evans như vậy. Tôi không nghe theo những ý kiến non choẹt của một người mới đến đây chưa được một tuần.

Andrew thấy khô miệng. Lòng anh hoang mang lo lắng nghĩ khéo anh vấp phải một chuyện rắc rối mới và sẽ phải chịu đựng mọi hậu quả của cái cảnh này. Bởi vì y tá là người đi hết nhà này đến nhà khác, muốn nói gì cũng được, cho nên cãi nhau với chị ta là rất nguy hiểm. Nhưng anh không thể và không dám phó mặc bệnh nhân của mình cho cách băng bó cổ hủ kia. Anh nói nhỏ:

- Chị Lloyd ạ, nếu chị không muốn băng thì hàng ngày, sáng và chiều, tôi tự đến băng lấy vậy.

- Thì ông cứ việc làm, không can gì đến tôi. – Chị ta nói, mắt hơi ươn ướt. – Mong rằng anh Tom Evans sẽ sống qua được.

Phút sau, chị ta vùng vằng bỏ ra khỏi nhà.

Tối hôm ấy, khi Andrew đến trạm xá thì người đầu tiên bước vào là chị Evans, mặt trắng bệch, con mắt đen e ngại tránh mắt anh. Chị lí nhí:

- Thưa bác sĩ, tôi rất tiếc, tôi không muốn làm phiền ông, nhưng tôi có thể xin lại tấm thẻ của anh Tom nhà tôi được không ạ?

Một nỗi tuyệt vọng tràn ngập lòng Andrew. Anh đứng dậy, không nói không rằng, tìm tấm thẻ của Tom Evans đưa cho chị ta.

- Ông hiểu cho ông bác sĩ ạ… ông không cần phải lại nhà nữa.

- Tôi hiểu, chị Evans ạ. – Andrew run run nói. Khi chị Evans ra đến cửa, anh hỏi thêm – anh không thể không hỏi câu này: "Bôi lại dầu gai phải không?"

Chị Evans gật đầu rồi ra về.

Thường ngày, sau buổi khám, Andrew chạy thật nhanh về nhà, nhưng hôm nay anh lê bước nặng nhọc trên con đường về. Anh cay đắng suy nghĩ: thắng lợi của phương pháp khoa học là thế! Với lại, có phải là mình trung thực, hay mình chỉ là vụng về? Vụng về và ngu ngốc… ngu ngốc và vụng về?

Trong bữa tối, Andrew không nói một câu nào. Nhưng sau đấy, ở phòng khách nay đã có đầy đủ đồ đạc, khi hai vợ chồng ngồi với nhau trên chiếc đi-văng trước ngọn lửa reo vui, anh tựa đầu vào bộ ngực êm ái của Christine, rền rĩ than thở:

- Ôi, em ơi! Anh đã làm hỏng những ngày đầu của chúng mình ở đây rồi!

Khi nàng vỗ về an ủi, nhẹ nhàng xoa trán anh, Andrew cảm thấy đôi mắt anh nhòe lệ.

V

Mùa đông đến sớm và bất ngờ với một trận mưa tuyết lớn. Tuy mới giữa tháng mười, nhưng Aberalaw ở cao đến nỗi những đợt lạnh tê tái đã ập đến thị trấn này mà cây cối hầu như chưa kịp trút hết lá. Những bông tuyết bồng bềnh lặng lẽ rơi suốt đêm, Christine và Andrew dậy đã thấy trắng xóa một màu chói chang. Một đàn ngựa núi đã chui qua chỗ hàng rào bị gãy ở mé nhà, tụm lại quanh cửa sau. Trên những dải đất rậm cỏ bao quanh Aberalaw, loài thú rừng nhỏ bé đen sẫm này lang thang từng đàn lớn và bỏ chạy khi có con người đến gần. Nhưng đến mùa tuyết, cái đói xua chúng mon men xuống tận rìa thị trấn.

Christine cho những con ngựa rừng ấy ăn suốt mùa đông. Ban đầu, chúng thấy nàng thì bỏ chạy, rụt rè và hoảng hốt, nhưng về sau, chúng đến ăn ngay trên tay nàng. Đặc biệt có một con trở thành bạn nàng: con nhỏ nhất, bờm đen rậm, đôi mắt láu lỉnh, không cao hơn giống ngựa đảo Shetland bao nhiêu. Hai người đặt tên cho nó là con Darkie.

Những chú ngựa này ăn cái gì cũng được, ăn cả vụn bánh mì, vỏ khoai, vỏ táo, cả vỏ cam nữa. Có một lần, Andrew nghịch cho con Darkie ăn vỏ hộp diêm, nó cũng nhai rồi liếm lưỡi như một kẻ phàm ăn thưởng thức món thịt băm.

Tuy còn nghèo, còn phải chịu đựng nhiều thứ, nhưng Christine và Andrew đã được biết đến hạnh phúc. Andrew chỉ có loảng xoảng

mấy đồng pen-ni trong túi nhưng món nợ của Quỹ Glen đã trả gần xong, và tiền mua đồ chịu đồ đạc hàng tháng được trả đều đặn. Christine mảnh khảnh và có vẻ chưa từng trải, song nàng có đặc tính vốn có của người phụ nữ Yorkshire là biết làm một người nội trợ. Nàng trông nom cửa nhà rất tinh tươm, chỉ cần một cô gái nhỏ, con một người thợ mỏ ở phố bên kia hàng ngày đến giúp với tiền công mỗi tuần vài ba si-linh. Tuy còn bốn gian phòng vẫn chưa có đồ đạc gì, cửa hãy còn đóng im ỉm, nhưng nàng đã làm cho cư xá "Sơn cốc" này trở thành một tổ ấm. Những lúc Andrew về nhà, mệt mỏi gần như rã rời sau một ngày làm việc dài là nàng dọn ra những món ăn ngon lành nóng hổi khiến anh tỉnh táo lại ngay.

Công việc ở trạm xá vô cùng vất vả, nhưng tiếc rằng vất vả không phải vì có nhiều người bệnh, mà vì tuyết rơi, vì phải nhọc nhằn leo đến những dãy phố cao và vì người bệnh ở rất xa nhau. Mùa tuyết tan, lòng đường thành một đám bùn loãng, đến đêm đông cứng lại như đá, đi lại thật khó khăn cực nhọc. Andrew thường về nhà với hai ống quần sũng nước khiến Christine phải mua cho anh một đôi ủng để đi ngoài giày. Tối tối, khi anh mệt lử gieo mình xuống ghế, nàng quỳ xuống rút ủng, cởi đôi giày nặng nề cho anh rồi sỏ vào chân anh đôi giày vải mỏng. Đây không phải là một việc phục dịch, mà là một cử chỉ yêu thương.

Người dân địa phương vẫn cứ giữ thái độ ngờ vực, khó gần. Toàn thể họ hàng Chenkin, hợp thành một khối cừu địch với Andrew, mà họ Chenkin thì rất đông vì ở thung lũng này hôn nhân trong họ gần là chuyện thường. Chị y tá Lloyd là kẻ thù công khai và quyết liệt của anh, chị ta hết lời mạt sát anh những lúc chị ta ngồi uống trà tại các gia đình chị ta đến trông nom, và những lời mạt sát ấy được các bà phụ nữ hàng xóm láng giềng chăm chú nghe.

Ngoài ra, Andrew còn phải ghìm lại một nỗi bực tức ngày càng day dứt. Bác sĩ Llewellyn nhờ anh gây mê nhiều quá cái mức theo anh là vừa phải. Andrew rất ghét làm việc gây mê. Đó là một thứ

công việc máy móc, đòi hỏi một tâm tính đặc biệt, một tính tình từ tốn, khoan thai mà Andrew chắc chắn không có. Nếu phục vụ cho bệnh nhân của anh thì đã đi một nhẽ. Nhưng đằng này, mỗi tuần anh lại mất ba ngày về những người bệnh mà anh đi đỡ gánh nặng cho người khác. Thế nhưng anh không dám lên tiếng vì sợ mất việc.

Tuy nhiên, một hôm vào tháng mười một, Christine nhận thấy có chuyện gì khác thường làm Andrew khó chịu. Tối hôm ấy, về đến nhà Andrew không vui vẻ gọi nàng như mọi hôm. Tuy anh cố giữ vẻ bình thản, nhưng lòng yêu thương nồng nàn làm Christine không khỏi nhận thấy, qua nếp nhăn hằn sâu giữa đôi mắt và nhiều dấu hiệu nhỏ khác, là anh đã bất ngờ vấp phải một chuyện gì.

Trong bữa tối, Christine không đả động một lời nào. Ăn xong, nàng đem đồ khâu vá ra ngồi cạnh lò sưởi. Andrew đến ngồi cạnh nàng, miệng nhai cán tẩu, rồi đột nhiên anh bật ra:

- Anh không thích ta thán, em ạ! Và anh cũng không muốn làm rầy em. Có Trời chứng giám, anh đã cố giữ chuyện này cho riêng mình anh mà không xong…

Thái độ kể ra rất lạ, vì thường ngày, tối nào Andrew cũng kể hết mọi chuyện phiền muộn của anh cho nàng nghe. Nhưng Christine không mỉm cười khi anh nói tiếp:

- Em biết bệnh viện rồi chứ. Em còn nhớ chúng mình đã đến thăm ngay đêm đầu tiên không? Em còn nhớ anh mê cái bệnh viện ấy đến thế nào và sung sướng nghĩ đến những cơ hội và dịp may được làm việc này việc nọ ở đấy chứ? Anh đã nghĩ nhiều về nó, có đúng thế không em? Anh đã có những dự kiến lớn lao về cái bệnh viện Aberalaw xinh xắn của chúng ta, phải không em?

- Có, em có biết.

Giọng Andrew lạnh lùng:

- Lẽ ra anh không nên tự lừa mình như thế. Đấy không là bệnh viện của Aberalaw mà là bệnh viện của Llewellyn.

Christine im lặng, đôi mắt lo ngại chờ đợi Andrew giải thích.

- Sáng nay, anh đã có một người bệnh, em ạ. – Giờ đây, Andrew nói thật nhanh, tâm trí căng thẳng. – Em chú ý là anh nói "đã có" nhé. Một trường hợp sưng đỉnh phổi chính cống, mà lại rơi đúng vào một thợ khoan giếng than. Anh đã chẳng hay nói với em là anh rất thích theo dõi thể trạng phổi của loại công nhân này là gì. Anh biết chắc đó là một lĩnh vực nghiên cứu rất lớn. Anh tự nhủ: "Đây là người bệnh đầu tiên của mình gửi đến bệnh viện, đúng là một dịp để theo dõi và nghiên cứu khoa học". Anh gọi dây nói cho Llewellyn, mời ông ra cùng anh hội chẩn để anh có thể cho người ấy vào viện.

Andrew dừng lại hít nhanh một hơi thở rồi dồn dập nói tiếp:

- Thế là Llewellyn đi xe hơi đến. Tươi tỉnh hết sức, và khám rất cẩn thận. Lão ta thành thạo lắm, phải nói như vậy. Lão đúng là một tay rất cừ. Sau khi vạch ra một đôi chỗ anh còn bỏ sót, lão xác nhận sự sự chẩn đoán của anh là đúng và hoàn toàn đồng ý đưa người bệnh ấy vào bệnh viện. Anh bắt đầu cảm ơn lão, anh nói anh vui mừng biết bao được đến bệnh viện sử dụng những phương tiện hiện đại cho ca bệnh đặc biệt này. – Andrew lại dừng lời, bặm môi. – Llewellyn quay lại nhìn anh, em ạ, nhìn rất thân mật và vui vẻ. Lão ấy bảo: "Anh Manson, anh không phải nhọc công đến nữa. Kể từ nay trở đi, tôi sẽ chăm sóc người bệnh đó, chúng tôi không thể để cho các bác sĩ phụ tá các anh loẹt quoẹt ở các phòng bệnh nhân với những đôi ủng đóng cá như ủng của anh". Lão nhìn xuống chân anh. – Giọng Andrew nghẹn lại – Thôi, cần gì phải nhắc lại lời lão nữa. Tóm lại là thế này: anh có thể sục vào bếp của những người thợ mỏ trong chiếc áo mưa sũng nước và đôi ủng đầy bùn, khám bệnh cho họ dưới ánh đèn tù mù, chữa bệnh cho họ trong những điều kiện tồi tệ, nhưng còn bệnh viện thì… ôi, ở đấy người ta chỉ cần đến anh để gây mê thôi!

Tiếng chuông điện thoại cắt ngang lời Andrew. Christine trìu mến nhìn anh, đoạn đứng dậy ra trả lời điện thoại. Andrew nghe được tiếng nàng nói ở phòng khách. Sau đó, nàng trở lại, chân bước ngập ngừng.

- Bác sĩ Llewellyn hỏi anh đấy. Em không biết nói sao cả, anh ạ. Ông ấy cần đến anh vào mười một giờ sáng mai – để gây mê.

Andrew không trả lời, ngồi không nhúc nhích, đầu gục xuống chán nản giữa hai bàn tay nắm chặt. Christine lo lắng hỏi nhỏ nhẹ:

- Em phải trả lời ông ấy thế nào, hở anh?

- Bảo lão ấy xéo đi! – Andrew quát. Nhưng rồi, hai tay ôm lấy trán, anh nói luôn – Thôi, thôi. Bảo lão ấy là anh sẽ đến vào mười một giờ. – Anh nhếch miệng cười chua chát – Đúng mười một giờ.

Khi Christine quay lại, nàng đem cho Andrew một tách cà phê nóng. Đó là một trong những phương thức hiệu nghiệm nàng dùng để xua tan nỗi bực của anh.

- Sống với em ở đây, anh vô cùng hạnh phúc, em ạ. Giá mà mọi việc đều trôi chảy, tốt đẹp. Chặc! Phải chịu rằng Llewellyn không để cho anh đặt chân đến bệnh viện là điều không có gì đặc biệt hoặc trái lẽ thường. Ở Luân Đôn cũng thế, và ở tất cả các bệnh viện khác cũng vậy cả thôi. Chế độ chung là như vậy. Nhưng tại sao lại như thế, hở em? Tại sao, người bác sĩ lại bị giằng ra khỏi người bệnh của mình khi người bệnh vào viện? Người bác sĩ thế là mất hẳn bệnh nhân của mình như thể bệnh nhân đó chết rồi. Đó là do cái chế độ chuyên khoa – đa khoa khốn kiếp ở nước ta, và chế độ đó là sai, sai toét. Trời! Anh nói với em chuyện này làm gì! Làm như những chuyện lo riêng của chúng mình chưa đủ hay sao! Khi nghĩ lại hồi anh mới bắt tay vào việc ở đây, có biết bao nhiêu việc anh dự định làm! Bây giờ trái lại, hết chuyện này đến chuyện khác… đều hỏng bét cả!

Nhưng đến cuối tuần, Andrew có một người khách đến chơi bất ngờ. Đã rất khuya, Andrew và Christine sắp lên gác thì chuông cửa reo. Khách là Owen, thư ký Hội đồng.

Andrew tái mặt. Anh coi cuộc viếng thăm của viên thư ký Hội đồng là sự việc có nhiều điềm gở nhất, là đỉnh cao của mấy tháng va chạm tai hại này. Hội đồng muốn anh thôi việc chăng? Anh sẽ bị đuổi cổ, bị hất ra đường cùng với Christine như một kẻ bất tài khốn khổ chăng? Tim anh thắt lại khi anh nhìn vào gương mặt xương xương, rụt rè của Owen, rồi nó bỗng nở ra nhẹ nhõm vui mừng khi Owen rút ra tấm thẻ vàng.

- Tôi xin lỗi, tôi đến quá muộn, anh Manson ạ, vì tôi mắc bận quá lâu ở văn phòng. Tôi không có thì giờ đến trạm xá. Không biết anh có bằng lòng nhận tấm thẻ đăng ký chữa bệnh của tôi không? Trên một phương diện nào đó, kể cũng lạ là tôi, làm thư ký của Hội, mà chưa bao giờ quyết định dứt khoát về việc gởi thẻ của tôi cho ai. Lần tôi đi khám bệnh gần đây nhất là lần ở Cardiff. Còn bây giờ, nếu anh vui lòng nhận thì tôi rất vui mừng được đăng ký chữa bệnh ở chỗ anh.

Andrew gần như nghẹn lời. Anh đã phải trả lại những tấm thẻ này quá nhiều, mỗi lần trả là một lần đau xót, đến nỗi bây giờ được nhận vào một tấm, mà là tấm thẻ của chính ông thư ký Hội khiến anh bàng hoàng:

- Xin cảm ơn, ông Owen. Tôi rất sung sướng được có ông trong danh sách của tôi.

Đứng ở phòng trong, Christine nhanh nhẩu nói:

- Ông Owen, xin mời ông vào chơi trong nhà.

Tuy khước từ, viện cớ sợ làm phiền hai vợ chồng, song Owen hình như cũng muốn được mời vào chơi. Ngồi trên chiếc ghế tựa, con mắt trầm ngâm nhìn ngọn lửa, Owen có một dáng dấp điềm đạm đặc biệt. Tuy quần áo và lời ăn tiếng nói của ông xem chừng không khác gì mấy người lao động bình thường, nhưng ông có vẻ

suy tư yên lặng và diện mạo gần như trong sáng của người khổ hạnh. Hình như Owen sắp xếp lại những ý nghĩ của ông trong một giây lát rồi nói:

- Anh Manson ạ, tôi vui mừng có dịp nói chuyện với anh. Anh đừng nản chí, nếu như lúc đầu có vấp phải đôi chút thất bại! Người dân ở đây hơi cộc cằn một chút, nhưng trong thâm tâm, họ rất tốt. Rồi họ sẽ trở lại, độ ít lâu nữa là họ sẽ trở lại thôi!

Andrew chưa kịp nói câu nào, Owen đã nói tiếp:

- Anh chưa biết chuyện Tom Evans phải không? Cánh tay cậu ấy nguy rồi. Ấy đấy, cái thứ thuốc mà anh đã nhắc họ đừng dùng đã gây ra chính cái điều mà anh đã e sợ. Khuỷu tay cậu ấy cứng đờ ra rồi, cẳng tay quắp lại không cử động được nữa, vì vậy bị mất việc. Không làm được ở mỏ nữa, cậu ấy bị bỏng ở nhà cho nên chẳng được một xu trợ cấp nào hết.

Andrew lẩm bẩm tỏ ý làm tiếc. Anh không thù oán gì Evans, anh chỉ cảm thấy buồn là một trường hợp đơn giản như vậy mà để đi đến một hậu quả tai hại cực kỳ vô lý.

Owen lại im lặng một lúc, rồi bằng một giọng điềm đạm ông bắt đầu kể với hai vợ chồng Andrew về buổi ban đầu vất vả của ông, hồi ông còn là một chú bé mười bốn tuổi phải làm việc dưới hầm lò, theo học các lớp buổi tối rồi dần dần tự nâng cao trình độ của mình, học đánh máy chữ, học tốc ký, và cuối cùng thì giữ chức thư ký Hội.

Andrew có thể thấy được Owen đã dành toàn bộ cuộc đời ông cho việc cải thiện đời sống công nhân. Ông yêu thích công việc của ông trong Hội, vì nó phù hợp với lý tưởng của ông. Nhưng ông không muốn chỉ có những hoạt động y tế. Ông còn muốn làm cho nơi ăn chốn ở của thợ thuyền được khang trang hơn, vệ sinh hơn, điều kiện sinh sống của họ tốt đẹp và an toàn hơn, và không những cho họ mà cho cả vợ con gia đình họ nữa. Ông dẫn ra tỉ lệ

tử vong khi sinh đẻ của những người vợ thợ mỏ, tỷ lệ trẻ tử sản. Ông thuộc lòng tất cả số liệu, tất cả các sự việc.

Nhưng Owen không chỉ nói chuyện mà còn biết nghe chuyện. Ông tủm tỉm cười khi Andrew kể lại câu chuyện cái cống trong vụ dịch thương hàn ở Blaenelly. Ông rất chăm chú đến ý kiến nói rằng công nhân khấu than dễ mắc bệnh phổi hơn các loại công nhân khác cùng làm việc dưới hầm lò.

Sự có mặt của Owen làm cho Andrew háo hức, anh nói về vấn đề này rất hăng say. Qua nhiều lần vất vả nghiên cứu xem xét tỉ mỉ, Andrew đã kinh ngạc thấy số người mắc những hình thức ác tính của bệnh phổi chiếm tỉ lệ rất cao trong công nhân mỏ than. Ở Blaenelly, nhiều thợ khoan đều kêu với anh họ ho hoặc "viêm tấy phế quản" thực ra đã bị sơ nhiễm lao hoặc lao nặng rồi. Ở đây, anh cũng thấy tình hình như vậy. Anh đã đi đến chỗ đặt dấu hỏi phải chăng có một mối liên quan trực tiếp giữa nghề nghiệp ấy và căn bệnh này. Andrew sôi nổi trình bày:

- Ông hiểu ý tôi chứ? Những người thợ này làm việc suốt ngày giữa bụi, mà ở những mạch cứng là một thứ bụi đá ác hiểm, vì vậy hai lá phổi của họ bị ngột ngạt vì bụi. Tôi nghĩ rằng thứ bụi ấy có thể gây tổn thương được lắm. Thợ khoan vỉ chẳng hạn, loại thợ hít phải thứ bụi đó nhiều nhất, xem ra mắc bệnh này nhiều hơn so với thợ chuyển quặng chẳng hạn. Ấy, có thể hướng đi của tôi là sai. Nhưng tôi thì không nghĩ là sai. Sở dĩ tôi say mê đến vậy, là vì đấy là một hướng nghiên cứu chưa có ai đi. Trong bản danh sách của Bộ lao động quy định những loại bệnh công nghiệp được hưởng tiền trợ cấp, không ghi một thứ bệnh nào thuộc loại này. Cho nên, khi những người thợ mỏ ấy phải nghỉ việc thì họ sẽ không được nhận một xu trợ cấp nào!

Thấy hấp dẫn, Owen nhô hẳn người về phía trước, một vẻ linh hoạt trên gương mặt mai mái:

- Chà, bác sĩ Manson! Anh nói rất đúng. Từ bao lâu nay, tôi chưa được nghe một điều nào hệ trọng đến vậy.

Hai người say sưa thảo luận vấn đề này. Khi ông thư ký Hội đứng dậy cáo từ ra về thì trời đã khuya. Owen xin lỗi đã ở chơi quá lâu. Ông tha thiết thúc giục Andrew phải tiếp tục công cuộc nghiên cứu của anh và hứa sẽ hết sức giúp đỡ bằng mọi khả năng của mình.

Khi cánh cửa ngoài khép lại sau lưng ông, Owen đã để lại một ấn tượng ấm áp về một con người chân thành. Và như tại cuộc họp của Hội đồng lần anh được xét nhận vào làm. Andrew nghĩ bụng: "Người này là bạn mình".

VI

Tin ông thư ký Hội gửi thẻ y tế ở chỗ Andrew lan nhanh khắp khu và có phần nào chặn bớt được đà mất uy tín của người bác sĩ mới.

Ngoài tác dụng vật chất ấy, cả Christine lẫn Andrew còn cảm thấy tinh thần dễ chịu hơn nhờ có buổi đến thăm của Owen. Cho đến nay, hai vợ chồng hoàn toàn bị đứng ngoài sinh hoạt xã hội ở thị trấn. Tuy Christine không bao giờ nói đến, nhưng đã có những lúc khi Andrew thăm bệnh vắng nhà lâu, nàng cảm thấy rất cô đơn, lẻ loi. Vợ các viên chức cao cấp của Công ty thì có ý thức quá rõ về cấp bậc của họ để có thể hạ cố đến chơi với vợ chồng bác sĩ phụ tá. Bà vợ bác sĩ Llewellyn hứa hẹn những tình cảm thân thiết, những chuyến đi chơi nho nhỏ kỳ thú bằng xe hơi ra Cardiff, nhưng cho đến nay mới chỉ gửi lại tấm danh thiếp của bà vào một hôm Christine đi vắng, rồi không bao giờ thấy ló mặt đến nữa. Còn vợ hai bác sĩ Medley và Oxborrow ở trạm xá khu đông thì thật là tẻ ngắt: bà Medley là một phụ nữ tàn tạ, trông như một con thỏ trắng, còn bà Oxborrow là một người đàn bà dài ngoẵng, sồn sồn, có thể ngồi nói suốt một giờ về những chuyến công cán ở miền Tây Phi bên cạnh chiếc đồng hồ treo tường mua lại kiểu thời Nhiếp chính. Giữa các bác sĩ phụ tá với nhau hay giữa các bà

vợ họ, thực sự xem ra không có gì là cùng chí hướng và cũng không có một sự giao tiếp xã hội nào. Họ sống thờ ơ, cam chịu, và thậm chí còn có một thái độ nhịn nhục đối với thị trấn này.

Một chiều tháng chạp, Andrew đang về nhà bằng con đường tắt chạy dọc theo đỉnh đồi, anh nhận thấy có một người đàn ông trẻ trạc tuổi anh, cao dong dỏng và hơi xương xương, đi về phía anh. Andrew nhận ra ngay Richard Vaughen. Phản ứng đầu tiên của anh là chuyển sang bên kia đường lánh mặt, nhưng rồi anh lại bực dọc nghĩ: "Tại sao ta phải tránh mặt? Hắn có là ông gì đi nữa thì cũng mặc".

Andrew nhìn đi chỗ khác khi sắp sửa đi ngang qua Vaughen thì anh bỗng kinh ngạc nghe thấy tiếng gọi tên mình với một giọng thân mật, hơi đùa cợt.

- Chào anh! Thế nào, có phải đúng anh là người đã đẩy Ben Chenkin phải trở lại làm việc đấy không?

Andrew dừng bước, dè dặt ngẩng đầu lên nhìn dường như muốn bảo: "Thì sao? Tôi làm việc ấy không phải vì ông đâu". Tuy anh trả lời khá lịch thiệp, song anh tự nhủ sẽ không để cho ai lên mặt với mình, dù cho người đó là con trai Edwin Vaughan. Gia đình Vaughan thực tế là chủ Công ty mỏ Aberalaw. Họ được hưởng toàn bộ lợi tức của các giếng mỏ trong vùng, họ rất giàu có, chiếm một địa vị riêng biệt, không ai có thể đến gần. Ông bố là Edwin nay đã về nghỉ tại một gia trang gần Brecon nên người con trai duy nhất của ông là Richard nắm quyền quản lý Công ty. Richard mới cưới vợ được ít lâu và đã xây cho mình một tòa nhà lớn tân kỳ trên một khu đất cao nhìn xuống thị trấn.

Mắt nhìn Andrew, tay giật giật hàng ria thưa thớt, Richard Vaughan nói:

- Bộ mặt lão Ben trông chắc tức cười lắm.

- Tôi không thấy có gì đặc biệt đáng buồn cười.

Vaughan lấy tay che miệng, giấu một cái bĩu môi trước sự kiêu ngạo cứng nhắc của người Scottland này, rồi nhẹ nhàng nói:

- Hóa ra anh lại là láng giềng gần nhất của vợ chồng tôi đấy. Hai anh chị bây giờ đã ổn định chỗ ăn ở rồi, cô vợ tôi thế nào cũng sẽ lại thăm hai anh chị. Mấy tuần nay, cô ấy còn đang ở Thụy Sĩ.

- Cảm ơn! – Andrew cộc lốc đáp và bước tiếp.

Đến tối, ngồi uống trà với nhau, Andrew kể lại chuyện này cho Christine nghe với giọng giễu cợt:

- Hắn có ý định gì thế, em thử nói anh nghe nào? Anh thấy hắn chỉ thèm khẽ gật đầu khi qua mặt Llewellyn ngoài phố. Hay hắn định bụng sẽ xúi bẩy anh đẩy thêm mấy người nữa trở lại làm việc tại các mỏ than khốn kiếp của hắn chăng?

- Anh đừng nghĩ thế, anh Andrew, – Christine bác lại – Đó là một cái sai của anh đấy. Anh hay ngờ vực người khác lắm, ngờ vực đến khiếp đi được.

- Anh mà ngờ vực được hắn à? Một kẻ quyền cao chức trọng, tiền bạc như nước, bộ quần áo rõ là con nhà nòi ăn học ở những trường nổi tiếng. "Cô vợ tôi hiện đang nhởn nhơ chơi trên vùng núi Alps trong khi các anh chen chúc nhau ở ven đồi Mardy, cô ấy sẽ đến thăm hai anh chị đấy nhé". Hừ, anh đã có thể hình dung ra chị ta dẫn xác đến chỗ chúng mình rồi đấy, em ạ. Mà này, nếu chị ta có đến – Andrew bỗng lớn tiếng – phải chú ý đừng để cho chị ta giở lối kẻ cả ra với em nhé.

Christine trả lời với một giọng đanh lại mà Andrew chưa hề bao giờ thấy trong mấy tháng đầu chung sống vừa qua đầy dịu dàng âu yếm:

- Em nghĩ em biết cách cư xử, anh ạ.

Trái với những điều tiên đoán của Andrew, vợ Richard Vaughan có đến thăm Christine và hình như đã ở lại chơi lâu hơn thời gian mà phép xã giao thông thường đòi hỏi. Tối hôm ấy, về nhà, Andrew

thấy Christine tươi tỉnh, má ửng hồng, với mọi biểu hiện cho thấy nàng vui. Christine không chịu trả lời nhiều những câu dò hỏi mỉa mai của Andrew song nàng nhận rằng buổi gặp gỡ rất kết quả. Andrew giễu vợ:

- Anh đoán chừng em phải bày hết các loại bát dĩa bằng bạc, các loại cốc chén thếp vàng của nhà ra. Ái chà! Lại còn bánh ngọt mua ở hiệu Parry nữa chứ.

- Không. – Nàng từ tốn – Em và khách dùng bánh mì và pha trà bằng ấm đất men nâu.

Andrew nhớn lông mày châm chọc:

- Thế mà chị ta cũng thích thú à?

- Em chắc chị ấy thích.

Sau chuyện này, Andrew cảm thấy trong người có một cái gì lạ lùng, một cảm xúc mà dù anh có cố đi nữa cũng không phân tích nổi. Mười hôm sau, khi vợ Richard Vaughan gọi dây nói mời Christine và Andrew đến ăn tối thì anh sững sờ. Lúc bấy giờ Christine đang nướng bánh dưới bếp nên Andrew đã ra trả lời điện thoại.

- Tôi rất tiếc. Tôi e không đến được. Tối nào tôi cũng phải đi khám bệnh đến chín giờ mới xong.

- Nhưng chủ nhật thì chắc chắn không bận chứ? – Người vợ của Richard Vaughan có giọng nói êm nhẹ đáng yêu – Thế thì mời hai anh chị đến chơi tối chủ nhật tới vậy. Ổn thỏa rồi nhé. Chúng tôi chờ hai anh chị đấy nhé.

Andrew chạy bổ xuống gặp Christine.

- Những người bạn quý hóa của em mời chúng mình đến ăn tối. Chúng mình không đi được đâu. Anh nắm chắc là tối chủ nhật này anh sẽ có một ca đỡ đẻ.

Đôi mắt Christine sáng lên khi nghe nói đến lời mời, tuy nhiên nàng nghiêm nghị lên lớp cho Andrew:

- Nghe em nào, anh Manson. Anh phải bỏ cái thói ngốc nghếch ấy đi. Chúng mình nghèo, ai cũng biết. Điều đó có sao đâu. Anh là bác sĩ, mà là một bác sĩ giỏi, còn em là vợ anh. – Vẻ mặt nàng dịu xuống trong chốc lát – Anh nghe em nói đấy chứ? Đúng, điều này có thể làm anh ngạc nhiên, nhưng em đã cất kỹ tờ giá thú của em trong ngăn kéo cuối cùng ở tủ em. Hai vợ chồng họ Vaughan rất giàu, nhưng đó chỉ là một chi tiết nhỏ bên cạnh cái điều họ là những người tử tế, ý nhị và thông minh. Anh yêu, hai chúng mình ở đây thật hạnh phúc, nhưng chúng mình cũng phải có bạn bè chứ. Tại sao chúng mình không bắt thân với họ nếu họ muốn? Anh đừng có hổ thẹn về cái nghèo của chúng mình. Đừng nghĩ đến tiền bạc, địa vị và đủ mọi thứ chuyện nữa, và hãy tập nhìn con người đúng với thực chất của họ.

- Được thôi, được thôi. – Andrew lầu bầu.

Chủ nhật, dưới bề ngoài có vẻ nhu mì, Andrew ngượng nghịu đi cùng với Christine đến nhà vợ chồng Vaughan. Chỉ đến khi hai người bước vào một lối đi được chăm sửa đẹp đẽ chạy ven một sân quần vợt đất nện, anh mới khẽ nhấp nháy một bên miệng: "Có lẽ họ không để cho chúng mình vào nhà khi thấy anh không mặc áo đuôi tôm".

Trái với dự đoán của Andrew, hai vợ chồng được tiếp đón rất niềm nở. Gương mặt xương xương, xấu xí của Vaughan nở nụ cười vồn vã. Tay Vaughan đang cầm một cái lọ bằng bạc mà chẳng hiểu vì lý do gì lắc lắc thật mạnh. Người vợ đón họ một cách mộc mạc, tự nhiên. Có hai người khách khác nữa là giáo sư Challis và vợ, đến ở chơi cuối tuần với gia đình Vaughan.

Tay cầm cốc rượu pha đầu tiên trong đời, Andrew nhẩm tính những đồ đạc trong căn phòng trải thảm dài bằng da thú và bày biện những đồ gỗ đẹp kỳ lạ với rất nhiều hoa và sách. Christine

thì vui vẻ chuyện trò với hai vợ chồng Vaughan và bà Challis, một phụ nữ có tuổi, đuôi mắt có những vết nhăn chân chim hóm hỉnh. Cảm thấy lẻ loi và dễ bị mọi người chú ý, Andrew vụng về nhích lại gần Challis. Mặc dầu có bộ râu trắng dài rậm, vị giáo sư này đã hể hả nốc cạn đến lần thứ ba ly rượu của mình rồi. Ông tủm tỉm cười nói với Andrew:

- Liệu một vị bác sĩ trẻ tuổi tài năng có chịu vui lòng nghiên cứu xem dầu ô-liu có tác dụng cụ thể gì trong rượu Martini không? Cẩn thận đấy nhé. Tôi xin báo trước là tôi đã có những điều ngờ vực riêng của tôi. Nhưng anh nghĩ thế nào, anh bác sĩ?

- Thế nào à?… – Andrew ấp úng. – Tôi cũng không biết thế nào…

- Ý kiến của tôi là thế này. – Challis đem lòng thương hại Andrew, – Đây là một sự thông đồng giữa các chủ quán rượu và những người không mến khách như anh bạn Vaughan của chúng ta đây. Họ lợi dụng định luật Archimedes. – Challis nhấp nháy con mắt dưới hàng lông mày đen rậm. – Họ định dùng tác dụng của sự chuyển dịch để mong tiết kiệm được rượu mạnh!

Andrew tự thấy vụng về đến nỗi anh không nhếch nổi miệng cười. Anh không biết cách xã giao và cả đời chưa bao giờ được đặt chân vào một tòa nhà lộng lẫy như thế này. Anh không biết làm gì với cốc rượu đã cạn của mình, với đám tàn ở đầu điếu thuốc, và… thực sự với cả hai bàn tay anh nữa. Anh vui mừng khi mọi người chuyển sang bàn ăn. Nhưng cả ở đây, anh vẫn cảm thấy lúng túng.

Bữa ăn đơn giản nhưng được dọn rất khéo: thoạt đầu là bát nước dùng thật nóng, tiếp đến là món thịt gà với rau trộn dầu giấm, toàn là nõn rau sà lách trắng toát với một hương vị thơm ngon là lạ.

Andrew ngồi cạnh bà chủ nhà. “Bác sĩ Manson ạ, chị ấy thật có duyên”. Bà Vaughan nhẹ nhàng nói với anh khi hai người cùng ngồi vào ghế. Bà ta là một phụ nữ sang trọng, cao, mảnh dẻ,

dáng rất thanh tao, hoàn toàn không xinh đẹp tí nào nhưng có đôi mắt to thông minh và cử chỉ rất tao nhã, tự nhiên. Miệng bà ta hơi xếch ở hai bên và linh hoạt khiến cho nó có một vẻ hóm hỉnh lịch sự.

Bà Vaughan bắt đầu nói chuyện với Andrew về công việc của anh và cho biết chồng bà đã được nghe nói nhiều đến tính cẩn trọng của anh. Bà ta ân cần ép anh kể chuyện về mình, chăm chú hỏi xem anh thấy có thể nâng cao hơn chất lượng công việc khám và chữa bệnh ở trong vùng bằng cách nào không.

- Thật ra, tôi không biết nữa. – Andrew loay hoay thế nào làm rớt cả ra ngoài một ít canh – Tôi cho rằng… tôi mong muốn các phương pháp khoa học được áp dụng nhiều hơn.

Không nói được lời nào về vấn đề anh vốn say mê nhất, vấn đề mà anh đã từng hấp dẫn Christine hàng giờ, Andrew ngồi ngay như phỗng dán mắt xuống đĩa thức ăn cho đến khi bà Vaughan quay sang nói chuyện với giáo sư Challis ngồi ở phía bên kia bà ta, Andrew mới thấy nhẹ người.

Andrew được biết Challis là giáo sư luyện kim ở Cardiff, giảng viên cũng về môn này tại trường đại học Luân Đôn và là ủy viên Ban lao động hầm mỏ nổi tiếng. Ông là một người hoạt bát, dí dỏm, nói chuyện bằng cả cơ thể, cả hai bàn tay lẫn bộ râu của ông. Ông biện luận và cười nói oang oang, ầm ĩ, liến thoắng, đồng thời tọng đầy vào bụng không biết bao nhiêu là đồ ăn thức uống, như người lái xe lửa cuống cuồng xúc than đổ vào đầu máy để tăng hơi. Nhưng cách nói chuyện của ông lại rất đậm đà, nó làm cho mọi người ngồi nghe xem chừng rất thích thú.

Tuy vậy, Andrew không chịu thừa nhận là buổi chuyện trò có ý nghĩa. Anh cau có khi câu chuyện chuyển sang vấn đề âm nhạc, nói đến giá trị soạn nhạc Bach, và khi Challis nhảy vọt sang văn học Nga. Anh bực tức khi nghe bàn đến các tác giả như Tolstoy, Tchekov, Turgenev, Pushkin.

Nhảm nhí cả – Andrew giận dữ nghĩ bụng – toàn là những chuyện nhảm nhí vô tích sự. Ông già râu xồm này tưởng mình oai lắm phỏng. Cứ thử để cho ông ta tiến hành một phẫu thuật, ví dụ như mở thanh quản trong một gian bếp nhỏ ở phố Cefan xem nào. Chắc ông ta sẽ không giở Pushkin của ông ta ra ở đấy.

Nhưng Christine lại rất vui. Liếc mắt, Andrew thấy nàng mỉm cười với Challis, và tham gia câu chuyện chung. Nàng không kênh kiệu, không làm điệu làm bộ mà hết sức tự nhiên. Đôi lần, nàng nói đến hội đồng nhà trường của nàng ở phố Ngân hàng tại Blaenelly. Andrew sửng sốt khi thấy nàng đối đáp với giáo sư kia mới giỏi làm sao, đưa ra những ý kiến của nàng một cách mau lẹ và tự nhiên làm sao. Lần đầu tiên Andrew bắt đầu hiểu vợ ở khía cạnh mới và khác lạ. Anh làu bàu trong bụng: xem ra nàng biết sâu về mấy tay bợm Nga này đấy nhỉ. Kể cũng lạ là nàng không bao giờ nói chuyện với mình về họ! Mấy phút sau, khi thấy Challis vỗ nhẹ lên tay Christine biểu đồng tình, Andrew lại lẩm bẩm một mình: "Lão già này không giữ yên tay được sao? Lão chẳng đã có vợ của lão ngồi kia là gì?".

Một hai lần, Andrew bắt gặp con mắt của Christine loáng nhìn sang anh để lập một cái cầu truyền cảm thân thiết giữa hai người, và nhiều lần nàng hướng câu chuyện về phía Andrew:

- Thưa giáo sư, nhà tôi rất chú ý đến điều kiện làm việc của công nhân các mỏ than. Anh ấy đã bắt đầu tiến hành một công trình nghiên cứu về vấn đề bụi than.

- Thế à, thế à! – Challis ngoảnh sang nhìn Andrew chăm chú.

- Có đúng không anh? – Christine khích lệ – Tối hôm kia anh vừa mới kể cho em nghe mà.

- Hừm, không biết. – Andrew càu nhàu. – Có lẽ chẳng có gì nghiêm chỉnh đâu. Tôi chưa có đủ số liệu. Cái bệnh lao phổi này có lẽ cũng chẳng phải do bụi gây ra.

Andrew tự nhiên nổi khùng với chính mình. Biết đâu ông Challis này lại chẳng có thể giúp đỡ anh được; tuy không phải anh muốn nhờ vả gì ông ta, nhưng việc ông ta có quan hệ với Ban lao động hầm mỏ có thể là một cơ hội tốt lắm chứ. Rồi, không hiểu vì sao, cơn khùng của anh quay sang chĩa vào Christine.

Đến khuya, khi hai vợ chồng đi bộ về nhà, Andrew ghen tức không nói một lời nào. rồi, vẫn lặng thinh, anh đi trước nàng vào buồng ngủ.

Lúc hai vợ chồng thay quần áo thường là lúc nói chuyện cởi mở thân mật với nhau, là lúc, dải quần lòng thòng, tay cầm bàn chải đánh răng, anh dốc hết trong lòng ra những chuyện vặt vãnh trong ngày. Nhưng hôm nay anh lại cố tình tránh mắt nàng.

Khi Christine hỏi: "Hôm nay vui đấy chứ, anh?" thì Andrew trả lời rất lịch sự: "Hừ, rất vui!". Lên giường, Andrew nằm thật sát mép giường, cách xa Christine, và khi cảm thấy động tác nhè nhẹ của nàng xoay sang phía anh thì anh cưỡng lại bằng tiếng ngáy khò khò kéo dài.

Sáng hôm sau, giữa hai người vẫn còn cảm giác khó chịu ấy. Andrew đi làm với vẻ hờn dỗi, ngớ ngẩn, vốn không có ở anh. Khoảng năm giờ chiều, lúc hai vợ chồng cùng ngồi uống trà với nhau thì có tiếng bấm chuông ngoài cửa. Đó là người lái xe của vợ chồng Vaughan mang đến một chồng sách và một bó hoa thủy tiên.

- Bà Vaughan bảo đem đến gửi bà. – Người lái xe mỉm cười, đưa tay lên vành mũ chào rồi ra về.

Christine hớn hở, lễ mễ bê chồng sách vào phòng khách. Nàng mừng rỡ reo:

- Anh xem nào, thật quá tử tế, phải không anh? Bà Vaughan cho em mượn toàn bộ các tác phẩm của Trollope. Xưa nay, em vẫn ao ước được đọc hết các cuốn sách của tác giả này. Rồi lại còn hoa nữa, những bông hoa đẹp làm sao!

Đứng yên không nhúc nhích, Andrew cười khẩy:

- Đẹp nhỉ! Sách và hoa của bà lớn trên lâu đài! Anh nghĩ có lẽ phải có sách mới giúp em chịu đựng được cuộc sống với anh! Anh quá tẻ nhạt đối với em. Anh không phải là người giỏi nói chuyện như những người xem chừng đã làm cho em vui thích tối qua. Một chữ Nga cắn đôi anh cũng không biết. Anh chỉ là một tay bác sĩ phụ tá quèn thôi.

Mặt Christine tái nhợt hẳn đi.

- Anh Andrew! Sao anh lại nói thế được?

- Không đúng thế là gì? Tôi đã nhìn thấy rõ trong lúc tôi giơ mặt đần ra tại bữa ăn khốn kiếp ấy rồi. Tôi có mắt để nhìn chứ. Cô đã chán tôi rồi. Tôi chỉ hợp với việc lội bì bõm trong bùn, lật những tấm khăn bẩn thỉu và tha rận về nhà thôi. Tôi quá cục mịch thô lỗ không xứng với cô bây giờ.

Đôi mắt Christine tối sầm lại một cách đáng thương trên gương mặt nhợt nhạt nhưng nàng vẫn bình tĩnh nói:

- Sao anh lại có thể nói vậy được? Chính bởi vì anh là anh nên em mới yêu anh. Em sẽ không bao giờ yêu được một ai khác.

- Có thể là như thế lắm. – Andrew càu nhàu qua kẽ răng rồi bước ra ngoài, đóng sầm cửa lại.

Andrew dằn dỗi trong bếp năm phút, nện chân đi đi lại lại, cắn môi. Rồi, độp một cái, anh chạy như lao về phòng khách, chỗ Christine đang đứng, đầu gục xuống đau khổ nhìn chằm chằm ngọn lửa trong lò sưởi. Anh quàng tay ghì chặt nàng và lòng đầy hối hận kêu van:

- Chris, em yêu của anh! Em, em của anh. Anh biết lỗi rồi. Tha lỗi cho anh, em nhé. Anh có biết nghĩ gì đâu. Anh chỉ là một thằng điên, một đứa ghen tuông ngu ngốc. Anh tôn thờ em mà!

Hai người điên dại ôm ghì lấy nhau. Hương thơm thủy tiên ngào ngạt gian phòng.

- Anh không biết sao, – Christine nức nở – không có anh thì em có thể chết được.

Một lúc sau, có Christine ngồi sát bên cạnh, má nàng ấp vào má anh, Andrew với tay lấy một quyển sách, bẽn lẽn hỏi:

- Trollope là ai? Em nói cho anh biết với. Anh dốt quá!

VII

Mùa đông trôi qua, Andrew bây giờ đã có thêm một nguồn động viên trong công cuộc nghiên cứu về bụi mà anh đã bắt đầu kế hoạch khám một cách hệ thống tất cả các công nhân mỏ than trong danh sách khách bệnh của anh. Những buổi tối bên nhau bây giờ còn hạnh phúc hơn cả trước kia. Christine chép lại giúp anh những ghi chép của anh khi anh ở trạm xá về muộn. Christine ngồi làm việc cạnh một bếp than đỏ hồng: một thuận lợi ở khu này là họ không bao giờ thiếu than giá rẻ. Nhiều khi hai vợ chồng chuyện trò với nhau rất lâu và Andrew đã phải kinh ngạc trước sự hiểu biết rộng rãi của nàng tuy nàng không bao giờ lên mặt tỏ ra thông thái, và anh không ngờ là nàng đã đọc nhiều sách vở đến thế. Ngoài ra, Andrew còn bắt đầu nhận thấy ở nàng một sự linh cảm tế nhị, một thứ trực giác khiến nàng có những nhận xét, những sự đánh giá chính xác kỳ lạ về văn học, âm nhạc, và nhất là về con người.

- Quái nhỉ – Andrew trêu nàng – Bây giờ mình mới bắt đầu hiểu vợ. Khi nào em đã nhồi nhét quá nhiều vào trong cái đầu này thì ta phải nghỉ nửa giờ để đánh pi-kê, và anh nhất định sẽ thắng em. – Andrew và Christine học được môn chơi này ở nhà Vaughen.

Ngày dần dần dài ra, Christine bắt tay vào sửa sang khu vườn bỏ hoang mà không bảo cho Andrew biết. Một người ông họ xa của chị giúp việc vốn là một thợ mỏ già về hưu bằng lòng đến giúp Christine với tiền công mười pen-ni một giờ. Một chiều tháng ba,

lúc đi qua chiếc cầu ọp ẹp, Andrew thấy mấy người đang dọn dẹp bãi vỏ đồ hộp rỉ cạnh con suối. Anh gọi to:

- Ê này, mấy người kia! Làm gì thế? Định không cho tôi câu cá nữa chắc?

Christine tinh nghịch đáp lại câu nói đùa của chồng:

- Anh cứ chờ đấy rồi sẽ biết.

Mấy tuần sau nàng đã nhổ hết cỏ dại và dọn sạch các lối đi. Lòng suối sạch sẽ, bờ suối được xén đắp gọn ghẽ. Một hòn núi giả làm bằng những tảng đá vương vãi mọc lên ở cuối thung lũng. John Robert, người làm vườn của gia đình Vaughan, vẫn đến thường xuyên khi thì mang hạt cây, khi thì những gốc cây chiết cành. Christine hân hoan khoác tay Andrew dẫn anh đi xem những bông thủy tiên vàng đầu tiên.

Một ngày chủ nhật cuối tháng ba, Denny đến thăm hai vợ chồng Andrew mà không báo trước. Hai người chạy xô ra vồn vập đón Denny, túi bụi trút lên người Denny nỗi vui mừng của họ. Gặp lại vóc người mập mạp, gương mặt đỏ sậm màu nâu này là một niềm vui sướng hiếm có đối với Andrew.

Hai vợ chồng dẫn Denny đi xem khắp nơi trong nhà, dọn ra những thức ăn ngon nhất, đẩy Denny ngồi vào chiếc ghế êm nhất, rồi háo hức hỏi chuyện. Denny kể:

- Ông Page không còn nữa. Ông cụ tội nghiệp mất cách đây một tháng. Lại bị xuất huyết. Thế mà tốt, – Denny rít mấy hơi thuốc, vẻ nhạo báng quen thuộc ánh lên trong con mắt, – Mụ Blodwen và ông bạn Rees của anh xem chừng đã quyết định ăn ở với nhau.

- Một đám cưới vàng ngay từ đầu. – Andrew nói với giọng chua chát ít thấy – Tội nghiệp cho ông Edward.

- Ông Page là một người tốt, một bác sĩ đa khoa già và giỏi. – Denny trầm ngâm – Anh đã biết là tôi vô cùng căm ghét cái danh

hiệu bác sĩ đa khoa và tất cả những gì mà nó tượng trưng. Nhưng ông Page thì rất xứng đáng với danh hiệu ấy.

Họ im lặng nghĩ đến Edward Page, người bác sĩ già đã mơ ước đến miền Capri nắng vàng rực rỡ và ríu rít các loài chim trong suốt những năm dài lăn lộn vất vả giữa những bãi xỉ than cứt sắt ở Blaenelly.

- Còn anh thì sao, Philip?

- Ồ, tôi không biết nữa! Tôi không thể ngồi yên được một chỗ – Denny nhếch miệng cười cay đắng. – Blaenelly không còn như trước từ ngày hai anh chị ra đi. Có lẽ tôi phải đi một chuyến ra nước ngoài, đến bất kỳ một nơi nào đó, làm thầy thuốc trên tàu biển, có thể lắm, nếu có một tàu chở hàng tồi tàn nào đó bằng lòng nhận tôi.

Andrew không nói gì, lại một lần nữa anh đau lòng khi nghĩ đến con người thông minh này, một người bác sĩ phẫu thuật thực sự có tài năng, đang cố tình làm hỏng đời mình, như thể cố ý tự dày vò mình. Nhưng có thực là Denny tự làm hỏng đời anh không? Christine và Andrew đã nói chuyện với nhau về Denny, cố tìm hiểu điều bí ẩn trong cuộc đời anh. Hai người được biết lờ mờ là Denny đã kết hôn với một người phụ nữ có một vị trí xã hội cao hơn anh, người ấy đã cố bắt ép anh phải tuân theo những lề thói và những đòi hỏi của những khách bệnh ở một vùng nông thôn, một nơi không hy vọng gì làm việc đủ bốn ngày một tuần nếu ba ngày kia không bỏ vào rừng đi săn. Sau năm năm cố gắng của Denny, người đàn bà kia đã đền công anh bằng cách nhẹ nhàng bỏ rơi anh để đi với một người khác. Không có gì lạ là Denny tìm đến những nới heo hút, khinh bỉ các thói đời và căm ghét nếp sống chính thống của xã hội. Có thể một ngày nào đó rồi anh cũng sẽ trở lại với cuộc sống văn minh.

Chủ khách hàn huyên suốt chiều, và Denny nán lại mãi đến chuyến tàu cuối cùng trong ngày mới ra về. Denny rất chăm chú

nghe Andrew kể về điều kiện làm việc của các bác sĩ tại Aberalaw. Khi Andrew căm phẫn kể đến chuyện Llewellyn đòi các bác sĩ phụ tá phải trích phần lương của mình nộp cho ông ta thì Denny nói với một nụ cười kỳ quặc:

- Tôi thấy anh không thể trú chân ở đây được lâu đâu!

Denny đi rồi, theo ngày tháng Andrew dần dần nhận thấy có một lỗ hổng, một sự trống rỗng thế nào đấy trong công việc của mình. Ở Blaenelly, có Denny bên cạnh, Andrew bao giờ cũng cảm thấy có một sự gắn bó chung giữa hai người, có một mục đích rõ rệt mà hai người cùng theo đuổi. Nhưng ở Aberalaw, Andrew không thấy có sự gắn bó ấy, không thấy các bác sĩ đồng nghiệp của anh theo đuổi một mục đích như anh.

Bác sĩ Urquhart cùng làm việc với Andrew tại trạm xá khu tây, tuy tính tình nóng nảy, nhưng là một người tử tế. Chỉ phải cái ông đã già rồi, ông làm việc có phần nào như cái máy quen theo nếp cũ và hoàn toàn không có sáng tạo. Tuy kinh nghiệm lâu năm khiến ông có thể, như lời ông nói, đánh hơi thấy bệnh viêm phổi ngay khi "thò mũi" vào phòng người bệnh, tuy ông buộc nẹp xương hoặc bó bột rất khéo tay, tuy ông là người có áp dụng cách điều trị nhọt đầu đinh theo kiểu chéo góc và thỉnh thoảng thích thú tỏ ra mình cũng có thể tiến hành vài phẫu thuật nhỏ đấy, song trên nhiều phương diện ông vô cùng lạc hậu. Dưới con mắt Andrew, ông hoàn toàn đúng kiểu bác sĩ gia đình già trung hậu, như lời Denny nói, một kiểu bác sĩ khôn ngoan, cần cù, từng trải, đa cảm đối với bệnh nhân cũng như đối với mọi người, hai mươi năm nay chưa hề giở một quyển sách y học ra và vì lạc hậu mà gần trở thành nguy hiểm. Andrew bao giờ cũng muốn khơi chuyện tranh luận với Urquhart, nhưng ông bác sĩ già không có mấy thời giờ nói chuyện nghề nghiệp. Xong công việc hàng ngày, ông húp bát súp đóng hộp – súp cà chua là thứ ông thích nhất – lấy giấy ráp đánh bóng cây đàn vĩ cầm mới làm, ngắm nghía mấy thứ đồ sứ cổ, rồi vù ra câu lạc bộ Tam điểm chơi vài ván cờ và hút thuốc.

Hai bác sĩ phụ tá ở trạm xá khu đông cũng chẳng hơn gì. Người nhiều tuổi nhất là bác sĩ Medley, tuổi khoảng gần năm mươi, gương mặt thông minh nhạy cảm nhưng phải cái gần như điếc đặc. Không bị bệnh điếc đó thì Charles Medley lẽ ra có thể tiến xa hơn nhiều chứ không phải chỉ làm bác sĩ phụ tá ở vùng mỏ này. Giống Andrew, Medley chủ yếu là bác sĩ nội khoa. Ông chẩn đoán rất giỏi. Nhưng khi người bệnh kể bệnh với ông thì ông chẳng nghe được câu gì. Cố nhiên, ông phải nhìn môi người ta mà đoán ý. Nhưng ông lại rụt rè, vì nhiều khi ông phạm phải những sai lầm tức cười. Thật là đau lòng khi nhìn đôi mắt ông lo lắng dán chặt vào đôi môi mấp máy của người tiếp chuyện ông với một vẻ dò hỏi tuyệt vọng. Vì ông sợ mắc phải một sự nhầm lẫn nghiêm trọng nên cho thứ thuốc nào bao giờ ông cũng chỉ kê liều lượng tối thiểu. Cuộc sống của ông không được dư dật vì ông phải lo toan tốn kém nhiều với một gia đình đông con. Giống người vợ đã tàn tạ của ông, bác sĩ Medley trở thành một người khép nép, vẻ bi đát lạ lùng, lúc nào cũng sợ Llewellyn, sợ Hội đồng và luôn luôn phấp phỏng sợ bị đột ngột sa thải.

Người phụ tá thứ hai là bác sĩ Oxborrow, tính tình khác hẳn Medley và Andrew không ưa cho lắm. Oxborrow là một gã to bệu, ngón tay như quả chuối mắn và thân mật một cách ầm ĩ. Andrew nhiều khi nghĩ rằng nếu có thêm một ít nghị lực thì Oxborrow có thể trở thành một tay viết sách kiếm tiền cừ khôi. Nhưng chính lại là gã Oxborrow ấy đi cùng với vợ chơi đàn hơi, hàng tuần cứ đến chiều thứ bảy là kéo nhau sang thị trấn Fernley bên cạnh – sự giao tiếp xã hội không cho phép Oxborrow xuất đầu lộ diện ở Aberalaw – đến đó, Oxborrow dựng lên ngoài chợ một cái bục nhỏ dải thảm và tổ chức một buổi giảng đạo ngoài trời. Oxborrow làm người truyền giáo. Là người duy tâm, là người tin có một sức mạnh tối cao an bài mọi việc trong cuộc sống, Andrew có thể đã khâm phục sự nhiệt thành này. Nhưng than ôi, Oxborrow lại đa sầu đa cảm đáng sợ. Gã có thể bỗng dưng òa khóc và cầu kinh

vào những lúc khó ai ngờ tới. Có lần, gặp phải một ca đẻ khó, cố gắng hết sức mà vẫn không xong, Oxborrow bèn quỳ sụp xuống cạnh giường sản phụ lầm rầm cầu Chúa ban phép màu cho người đàn bà khốn khổ nọ. Vốn ghét Oxborrow, Urquhart đã kể lại cho Andrew nghe câu chuyện đó bởi vì chính Urquhart là người tình cờ đi qua đã vội vã đi cả giày nhảy lên giường dùng cái cặp thai lấy thai nhi ra.

Cứ nghĩ đến các bác sĩ đồng nghiệp của mình và cái chế độ trong đó họ làm việc, Andrew càng muốn kéo họ lại với nhau. Hiện nay, giữa những người ấy không có tình đoàn kết, không có ý thức hợp tác, và chẳng có mấy tình bằng hữu. Họ thực sự chống đối nhau theo lề thói cạnh tranh thông thường ở khắp nơi trong nghề nghiệp này, mỗi người cố dành cho mình được càng nhiều khách bệnh bao nhiêu càng tốt. Kết quả thường là ngờ vực nhau, hiềm khích với nhau. Chẳng hạn, một hôm Andrew thấy có một bệnh nhân của Oxborrow chuyển thẻ y tế sang chỗ Urquhart, ông này cầm lấy lọ thuốc uống dở từ tay người bệnh, mở nút đưa lên mũi ngửi khinh bỉ rồi oang oang:

- A, đây là cái thứ mà Oxborrow đã cho ông uống đấy phải không? Bỏ mẹ thật, hắn ta từ từ đầu độc ông đấy!

Trong khi đó, trước cảnh khích bác thù ghét nhau này, bác sĩ Llewellyn cứ thản nhiên thu về mình một phần tiền lương hàng tháng của mỗi bác sĩ phụ tá. Andrew rất căm tức, anh muốn lập ra một nề nếp khác hẳn, muốn xây dựng một mối thông cảm mới tốt hơn làm cho các bác sĩ phụ tá sát cánh lại với nhau và không chịu nộp tiền cho Llewellyn nữa. Nhưng những khó khăn mắc mớ của chính anh, ý thức tự biết mình còn là kẻ mới lạ ở nơi này và nhất là những sai lầm anh đã phạm phải hồi đầu tại khu anh khiến Andrew phải dè dặt.

Mãi cho đến khi Andrew có dịp quen với Con Boland anh mới quyết định tiến hành mưu đồ lớn ấy.

VIII

Một ngày đầu tháng tư, Andrew phát hiện thấy anh có một chiếc răng hàm sâu, nên một buổi chiều tuần sau, anh tìm đến người nha sĩ của Hội. Anh chưa gặp Boland bao giờ nên không biết giờ giấc khám bệnh của anh ta. Đến dãy phố có phòng nha khoa nhỏ bé của Boland, Andrew thấy cửa đóng im ỉm, bên ngoài treo một tấm bảng viết bằng mực đỏ: "Bận đi nhổ răng. Trường hợp khẩn cấp, đến tìm tại nhà".

Suy nghĩ giây lát, Andrew quyết định là đã đến đây rồi thì ít ra anh cũng có thể đến nhà anh ta để hẹn chữa, vì vậy anh hỏi thăm đường một đứa trong đám trẻ con lảng vảng ngoài cửa hiệu kem của thung lũng rồi tìm đến nhà Boland.

Nhà Boland là một ngôi nhà nhỏ, đứng hơi tách biệt, ở phía trên rìa khu đông của thị trấn. Andrew bước vào lối đi bẩn thỉu dẫn đến cửa ngoài đã nghe thấy tiếng búa nện chan chát. Nhìn qua chiếc cửa mở rộng toang của một túp nhà gỗ xiêu vẹo nằm về một mé khu nhà, Andrew thấy một người cao lớn khỏe mạnh, tóc hung, tay áo sắn cao, đang dùng búa nện vào thân hình một chiếc xe hơi tơi tả. Cùng lúc ấy, người kia nhìn thấy Andrew và nói:

- Chào ông!

- Chào ông. – Andrew đáp lại, hơi dè dặt.

- Ông cần gì?

- Tôi muốn gặp ông nha sĩ. Tôi là bác sĩ Manson.

- Mời vào. – Người kia vung vẩy chiếc búa mời.

Người ấy là Con Boland.

Andrew bước vào gian nhà gỗ, dưới đất ngổn ngang những mảnh tháo rời của một xe hơi cổ lỗ không thể tưởng tượng được. Ở giữa, đặt trên mấy thùng gỗ đựng trứng là khung xe rõ ràng đã bị cưa làm đôi.

- Thế này là nhổ răng à?

- Đúng. – Boland gật đầu – Khi tôi chán ở phòng nha khoa thì tôi nhảy về nhà xe của tôi làm việc tí chút cho chiếc xe hơi của tôi.

Ngoài giọng địa phương nặng chình chịch, Boland dùng từ "nhà xe" để chỉ túp nhà xiêu vẹo và "xe hơi" để chỉ chiếc xe đã nát vụn này với giọng kiêu hãnh rõ rệt. Boland nói tiếp:

- Đố ông tưởng tượng nổi tôi hiện đang làm gì trừ phi ông có khiếu về cơ khí như tôi. Tôi kiếm được chiếc xe xinh xinh này cách đây năm năm, và khi tôi mang nó về, nó đã sống được ba năm rồi. Nhìn nó trần trụi thế này, ông không tin đâu, nhưng đúng là nó chạy nhanh như thỏ. Chỉ phải chiếc xe bé quá, ông Manson ạ, nó bé quá so với gia đình tôi hiện nay. Vì vậy, tôi đang kéo dài nó ra. Ông thấy đấy, tôi cưa nó làm hai, đúng ở giữa, rồi tôi nối vào chỗ đó một đoạn dài trên hai bệ. Ông Manson ạ, khi nào xong xuôi ông sẽ thấy – Boland với tay lấy chiếc áo. – Nó sẽ đủ dài để có thể chở cả một trung đoàn. Thôi bây giờ, ông lại phòng khám với tôi, tôi sẽ gắn lại cho ông.

Phòng nha khoa bừa bãi gần như nhà xe, và phải thú nhận là bẩn cũng không kém. Con Boland thì vừa bịt chỗ sâu ở răng Andrew, vừa nói chuyện luôn miệng. Boland nói nhiều và nói hăng đến nỗi đám râu xồm xoàm hung hung của anh ta luôn lấm tấm nước bọt. Mớ tóc màu hạt dẻ của Boland đáng phải cắt từ lâu rồi, lòa xòa cả vào mắt Andrew khi Boland cúi xuống nhét vào răng anh cái hợp chất keo mà Boland chẳng thèm đi rửa tay: đối với anh ta, đó không phải là điều quan trọng.

Con Boland là một người vô tâm vô tính, bừa bãi, sôi nổi, tốt bụng và hào hiệp. Càng hiểu Boland Andrew càng bị tính tình hài hước, hóm hỉnh, mộc mạc chân thành, sôi nổi và hoang tàn của Boland lôi cuốn. Boland đến Aberalaw đã được sáu năm, nhưng anh chưa để dành được một đồng xu nào. Thế nhưng Boland được hưởng nhiều cái khoái của cuộc đời. Anh say mê máy móc, lúc

nào cũng loay hoay chế tạo cái này cái khác và sùng bái chiếc xe hơi của mình. Riêng cái việc Boland có một chiếc xe hơi cũng đã là một trò cười rồi. Nhưng Boland lại thích các trò cười, ngay cả những khi trò cười ấy lấy chính anh ra mà riễu. Boland kể với Andrew là một hôm, anh được mời đến nhổ một cái răng hàm sâu của một nhân vật quan trọng trong Hội đồng, Boland đến nhà bệnh nhân tưởng đã đem theo trong túi chiếc kìm nhổ răng. Đến khi vào việc anh mới nhận ra mình đang nhổ răng bằng một cái mỏ lết sáu inch.

Răng hàn xong, Boland vứt dụng cụ vào một lọ mứt đựng thuốc sát trùng lysol – Boland quan niệm một cách nhẹ nhàng sát trùng là như vậy – rồi mời Andrew về nhà uống trà với mình. Boland niềm nở lôi kéo:

- Mời anh đến chỗ tôi. Anh phải làm quen với gia đình tôi, làm quen vào giờ này là đúng lúc đấy. Năm giờ…

Hai người về đến nơi thì quả đúng vào lúc gia đình Boland đang dùng trà, nhưng có lẽ là cả nhà đã quá quen với những thói kỳ quặc của Boland rồi nên không ai lấy làm ngạc nhiên khi thấy anh dẫn về một người khách lạ. Trong gian phòng ấm áp và bừa bãi, vợ Boland ngồi ở đầu bàn đang cho con bú. Bên cạnh là cô con gái lớn Mary, mười lăm tuổi, trầm lặng và rụt rè. Boland giới thiệu cô là người độc nhất trong nhà có mái tóc đen và là đứa con cưng của bố. Làm công cho Joe Larkins, người viết sách dưới phố, cô đã kiếm được một đồng lương kha khá. Bên cạnh Mary là Terence, mười hai tuổi, rồi đến ba đứa trẻ nữa, ngồi bò ngổn ngang và kêu gào ầm ĩ để bố chúng để mắt đến.

Có lẽ chỉ trừ có cô Mary là rụt rè, nghiêm nghị, còn thì trong gia đình là cả một bầu không khí vui nhộn làm Andrew rất thích. Bản thân gian phòng cũng mang một màu sắc rực rỡ. Phía trên lò sưởi, dưới bức ảnh màu giáo hoàng Pius X có vẽ một cành cọ, là những mảnh tã lót đang phơi. Lồng chim bạch yến không được cọ rửa nhưng ríu rít tiếng chim hót, được đặt trên chạn bát, cạnh cái

nịt ngực của chị Boland và một túi bánh quy cho trẻ con bóc dở. Trên mặt tủ ngăn kéo là sáu chai bia nâu vừa mua về và cả chiếc áo của Terence nữa. Ở góc nhà chất đống những đồ chơi gãy hỏng, giày cũ, một chiếc giày trượt han rỉ, một cái dù Nhật Bản, hai quyển kinh rách bươm và một số tạp chí ảnh cho trẻ em.

Nhưng khi ngồi uống trà, người thu hút sự chú ý của Andrew nhiều nhất lại là vợ Boland. Xanh xao, vẻ mơ màng, thản nhiên như không, chỉ ngồi lặng lẽ, uống hết chén này đến chén khác một thứ trà nóng rất đặc trong khi mấy đứa con nhơ nhỡ cãi cọ nhau ầm ĩ ở xung quanh còn đứa bé nhất thì đang đàng hoàng bòn rút chất dinh dưỡng từ một nguồn cung cấp dồi dào. Chị cười tủm tỉm và gật gật đầu, cắt bánh mì cho bọn trẻ, tự rót trà rồi uống và cho con bú, hoàn toàn với một vẻ lơ đãng, bình thản như thể bao nhiêu năm trời trong cảnh ồn ào, bụi bậm và tồi tàn cuối cùng đã đưa chị vào một cõi sống tưởng tượng cao siêu làm một chỗ cách biệt cho chị ẩn náu.

Andrew suýt nữa thì đánh đổ chén trà khi chị gọi tên anh mà mắt vẫn nhìn đi đâu đâu qua đầu Andrew, giọng dịu dàng xin lỗi:

- Anh Manson, tôi đã định mấy lần đến thăm chị nhà, nhưng bận quá.

Con Boland cười ré:

- Lạy Chúa! Bận gì đâu! Vì không có quần áo mới đấy thôi. Ý nhà tôi định nói thế. Tôi đã để dành được đủ tiền rồi, nhưng quái quỷ làm sao, không con Terence thì một thằng nhóc nào đó lại cần có giày. Thôi được, mẹ nó ạ, đợi tôi kéo dài xong chiếc xe đã, tôi sẽ đưa nó đi chơi đàng hoàng. Anh Manson ạ, tiền nong của chúng tôi chỉ vừa xoẳn chi tiêu. Nhờ Trời, chúng tôi có khá đủ thứ nhồi nhét vào bụng, nhưng về khoản ăn mặc đôi khi cũng phải tiết kiệm. Những tay ở Hội đồng không hào phóng gì cho lắm, với lại đương nhiên ông chánh còn lấy phần của ông ấy nữa.

- Ai cơ – Andrew kinh ngạc hỏi.

- Llewellyn chứ còn ai nữa. Lão ta lấy của tôi một phần năm lương, cũng như anh thôi.

- Ông ấy lấy vì cớ gì mới được chứ?

- Úi dào! Thỉnh thoảng lão ta khám cho tôi một, hai người bệnh. Trong sáu năm qua lão ta cắt bỏ hộ tôi được hai cái nang chân răng. Rồi lão ta lại làm chuyên viên X quang khi cần chiếu điện. Thật là chó má. – Bọn trẻ đã chạy cả xuống bếp chơi rồi nên Boland có thể nói năng thoải mái – cả lão ta lẫn cái phòng khách lớn hào nhoáng của lão. Tôi xin kể cho anh nghe chuyện này, anh Manson ạ: một hôm, tôi đang leo dốc Mardy trên chiếc xe nhỏ xíu của tôi theo sau chiếc xe của lão, tôi bỗng nảy ra ý nghĩ dận thêm ga. Cha chả! Giá mà anh được thấy bộ mặt của lão khi tôi cho lão ăn bụi!

- Này, anh Boland – Andrew nổi cơn bực – cái chuyện Llewellyn khấu tiền là một thứ thuế chướng lắm. Tại sao ta không chống lại?

- Hả?

- Tại sao ta không chống lại? – Andrew nhắc lại, giọng to hơn. Anh đã thấy máu bừng lên mặt – Thật là hết sức bất công. Chúng ta ở đây phải vất vả, nhọc nhằn kiếm sống… Này, anh Boland, anh chính là người tôi đang muốn tìm. Anh có ủng hộ tôi trong việc này không? Chúng ta sẽ bắt liên lạc với các bác sĩ phụ tá khác. Hợp sức lại với nhau thành một hành động thống nhất mạnh mẽ…

Mắt Boland dần dần sáng lên.

- Anh muốn nói là anh định chống lại Llewellyn hả?

- Đúng.

Con Boland xúc động chìa tay ra với Andrew, trịnh trọng:

- Manson, bạn ơi. Hai ta nhất trí với nhau ngay từ đầu.

Andrew chạy bổ về nhà gặp Christine, lòng háo hức và khao khát đấu tranh.

- Chris, em. Anh gặp được một người bạn rất quý. Một nha sĩ, tóc đỏ quạch, điên rồ hết chỗ nói… ừ, đúng thế, giống hệt anh, anh biết trước là em sẽ bảo vậy. Nhưng hãy nghe này, em của anh, các anh sẽ bắt đầu một cuộc cách mạng. Mẹ kiếp, giá mà lão già Llewellyn biết được chuyện gì sẽ đến với lão!

Andrew không đợi Christine nhắc nhở mới hành động thận trọng. Anh quyết định việc gì cũng phải cân nhắc tính toán trước sau. Vì vậy, hôm sau, anh bắt đầu bằng cách gọi dây nói đến Owen.

Ông thư ký Hội tỏ ra quan tâm đến vấn đề này và có ý kiến dứt khoát. Ông bảo với Andrew đây là một sự thỏa thuận tự nguyện giữa bác sĩ trưởng với các bác sĩ phụ tá. Vì vậy, vấn đề này hoàn toàn nằm ngoài thẩm quyền quyết định của Hội đồng.

- Bác sĩ Manson, anh hiểu chứ? Bác sĩ Llewellyn là một người rất tài giỏi. Chúng tôi mừng có được ông ấy. Nhưng ông ta đã được Hội trả lương rất khá để làm bác sĩ trưởng cho Hội chúng tôi rồi. Nếu các bác sĩ phụ tá cho rằng ông ta cần được hưởng thêm thì…

- Có cho khối đi ấy. – Andrew nghĩ.

Hài lòng, Andrew gọi dây nói cho Oxborrow và Medley. Cả hai người này cùng nhận lời đến nhà anh ngay tối hôm nay. Urquhart và Boland cũng hứa sẽ đến. Qua những lần nói chuyện trước, Andrew biết trong tất cả bảy người ấy người nào cũng tức khi bị mất đi một phần năm tiền lương. Tập hợp được họ lại cả với nhau thì việc này coi như nắm chắc trong tay.

Bước kế tiếp là đến nói với Llewellyn. Andrew tính rằng không báo trước cho ông ta biết thì có vẻ là mình làm lén lút. Chiều hôm ấy, Andrew có mặt tại bệnh viện để gây mê. Nhìn Llewellyn hoàn thành một ca mổ ruột thừa dài và phức tạp, Andrew không khỏi khâm phục. Nhận xét của Owen hoàn toàn đúng. Llewellyn khéo tay vô cùng. Không những khéo tay mà còn tài giỏi nhiều mặt.

Trường hợp ngoại lệ này, trường hợp có một không hai này, càng chứng tỏ nhận định chung là đúng – Denny sẽ nói như vậy. Không có gì làm ông ta lúng túng, không có gì làm ông ta bất ngờ. Từ mọi vấn đề hành chính về y tế, mọi điều lệ mà ông thuộc lòng đến những kỹ thuật điện quang mới mẻ nhất, và tất cả các loại nhiệm vụ nhiều mặt nhiều vẻ của ông, Llewellyn bao giờ cũng thành thạo, sẵn sàng và bình tĩnh.

Ca mổ xong, trong lúc Llewellyn rửa tay, Andrew tiến lại gần ông, nhẹ nhàng cởi áo bỏ áo choàng của mình.

- Bác sĩ Llewellyn, xin ông miễn thứ, tôi không khỏi có nhận xét về cách ông cắt bỏ chỗ viêm vừa rồi, thật tuyệt đẹp.

Nước da xỉn của Llewellyn ửng đỏ hài lòng. Mặt nở nang, ông niềm nở:

- Rất sung sướng được anh cho nhận xét như vậy, anh Manson ạ. Nhân đây cũng phải nói là anh tiến bộ rất nhiều trong việc gây mê.

- Đâu có, đâu có, tôi sẽ không bao giờ giỏi việc ấy đâu.

Hai người cùng lặng thinh một lúc, Llewellyn tiếp tục lặng lẽ sát xà phòng vào tay. Andrew đứng cạnh lúng túng hắng giọng. Bây giờ đến lúc nói ra thì anh hầu như nghẹn lời. Mãi sau, anh mới cố nói được.

- Bác sĩ Llewellyn. Tôi thấy nên nói trước để ông hay. Tất cả các bác sĩ phụ tá chúng tôi đều cho rằng nộp một phần tiền lương của chúng tôi cho ông là không phải. Đây là một vấn đề khó nói, nhưng tôi… tôi xin đề nghị bãi bỏ việc ấy. Chúng tôi sẽ họp với nhau ở nhà tôi tối nay. Tôi muốn báo để ông biết trước ngay từ bây giờ hơn là để sau này mới nói… Tôi… tôi muốn ông nghĩ rằng ít ra tôi cũng đã xử sự chính trực trong vấn đề này.

Không để cho Llewellyn kịp trả lời, và cũng không nhìn vào mặt ông ta, Andrew quay người bỏ đi ngay. Anh nói thật vụng về!

Nhưng dù sao mặc lòng, thế là đã nói rồi. Khi họ gửi tối hậu thư đến ông ta, Llewellyn sẽ không thể gán cho anh là đánh trộm ông ta được.

Cuộc họp ở nhà Andrew được ấn định vào chín giờ tối. Andrew đem ra mấy chai bia và bảo Christine chẩn bị một ít bánh mì cặp thịt. Sửa soạn xong, Christine mặc áo đến chơi nhà vợ chồng Vaughan độ một tiếng. Một lát sau các bác sĩ kia lục tục đến. Đầu tiên là Boland, sau đến Urquhart; Oxborrow và Medley đến cùng với nhau.

Trong phòng khách, vừa rót bia vừa mời bánh mì thịt, Andrew cố tìm cách tạo ra một không khí thân mật. Vì hầu như có ác cảm với Oxborrow nên Andrew nói với ông này trước nhất:

- Xin mời, ông Oxborrow! Dưới hầm còn nhiều lắm.

Giọng nhà truyền giáo lạnh như tiền:

- Cảm ơn, bác sĩ Manson. Tôi không đụng đến rượu dưới bất kỳ hình thức nào. Nó trái với các nguyên tắc của tôi.

- Lạy Chúa! – Boland thốt lên, râu dính đầy bọt bia.

Ngay từ đầu đã có triệu chứng không tốt lành. Medley nhai bánh, mắt lơ láo cảnh giác, gương mặt đượm vẻ lo lắng của người điếc. Bia đã làm tăng bản tính ngù ngờ và hung hăng của Urquhart lên rồi. Nhìn chằm chằm vào Oxborrow mấy phút, Urquhart bỗng bật nói:

- Nay có dịp gặp mặt ông, thưa bác sĩ Oxborrow, có lẽ ông có thể vui lòng giải thích cho biết tại sao Tudor Evans ở số 7 phố Glyn lại chuyển từ danh sách của tôi sang danh sách của ông.

- Tôi không nhớ, – Oxborrow chụm các đầu ngón tay lại với nhau, giữ vẻ lơ đãng.

- Nhưng tôi thì tôi nhớ – Urquhart hùng hổ – Đó là một trong những trường hợp ngài nẫng tay trên của tôi đấy ạ, thưa ngài giáo sĩ y khoa! Hơn nữa…

Andrew hoảng hốt kêu lên:

- Nào các vị. Xin các vị nào. Làm sao chúng ta có thể làm được việc gì nếu chúng ta cứ cãi cọ với nhau thế này. Xin các vị nhớ đến mục đích cuộc họp mặt hôm nay ở đây cho.

- Chúng ta đến đây làm gì nhỉ? – Oxborrow hỏi, giọng yếu ớt – Lẽ ra bây giờ là lúc tôi phải đến thăm một người bệnh.

Đứng trước lò sưởi, vẻ nghiêm trang và căng thẳng, Andrew đi ngay vào vấn đề đang có nguy cơ hỏng bét. Anh hít một hơi dài rồi nói:

- Thưa các vị, vấn đề là thế này. Tôi là người ít tuổi nhất ở đây và tôi vào nghề y chưa được bao lâu, mong các vị miễn chấp cho. Có lẽ, chính vì là kẻ mới đến nên tôi nhìn các sự việc với con mắt mới, những sự việc mà các vị đã để vậy quá lâu rồi. Trước hết, tôi thấy tổ chức của chúng ta ở đây tồi tệ hết sức. Chúng ta loay hoay, vất vả đi theo những phương pháp cổ lỗ chẳng khác gì những thầy thuốc tầm thường quê mùa đánh lộn nhau chứ không phải là những thành viên trong cùng một đoàn thể y học có những điều kiện tuyệt vời để làm việc cùng với nhau. Tôi gặp người bác sĩ nào cũng thấy người ấy nguyền rủa cái nghề này như thân trâu ngựa. Ai cũng bảo mình phải làm quần quật suốt ngày, lúc nào cũng phải co cẳng lên mà chạy, không được một phút nào riêng cho mình, không có thì giờ để ăn bữa, lúc nào cũng bị gọi đến bên người bệnh. Tại sao vậy? Đó là vì người ta không tìm cách tổ chức lại nghề nghiệp của chúng ta. Tôi chỉ xin dẫn ra một ví dụ về điều tôi muốn nói, tuy tôi có thể cung cấp cho các vị hàng chục ví dụ. Thăm bệnh ban đêm chẳng hạn! Các vị đều biết rằng, tối đến, lên giường ngủ là chúng ta nơm nớp sợ bị đánh thức dậy để đi thăm bệnh giữa ban đêm. Chúng ta ngủ không ngon vì phấp phỏng mình có thể bị gọi dậy đi thăm bệnh. Giả sử chúng ta biết chắc là chúng ta sẽ không bị ai gọi dậy nữa. Giả sử chúng ta bước đầu lập ra một chế độ hợp tác cho việc thăm bệnh ban đêm xem nào. Mỗi bác sĩ chịu trách nhiệm về mọi trường hợp

cần thăm bệnh đêm trong một tuần, rồi đến lượt người khác, và mình sẽ được miễn khám bệnh đêm trong mấy tuần còn lại của tháng đó. Thế có phải là hay không? Các vị nghĩ xem, các vị sẽ được tỉnh táo trong cả ngày làm việc…

Andrew dừng lại, quan sát vẻ mặt nhớn nhác của họ.

Urquhart cắt ngang:

- Không được đâu. Mẹ kiếp! Tôi thà thức đêm cho cả tháng còn hơn giao một người bệnh của tôi cho lão Oxborrow. Hề! Hề! Khi lão ấy mượn rồi thì lão ấy sẽ không trả đâu.

Andrew vội xen vào:

- Thế thì chúng ta hãy gác chuyện ấy lại… dù sao thì cũng gác đến một cuộc họp khác vậy, vì thấy rằng chúng ta chưa nhất trí về điểm đó. Nhưng có một điều mà chúng ta nhất trí. Chính vấn đề ấy mà chúng ta họp mặt ở đây hôm nay: đó là cái khoản phần trăm tiền lương mà chúng ta phải nộp cho Llewellyn. – Andrew dừng lại. Bây giờ mọi người đều nhìn anh chăm chú, vì vấn đề đụng đến túi tiền họ – Tất cả chúng ta đều cho rằng như thế là không đúng. Tôi đã nói với Owen rồi. Ông ấy bảo việc này không dính dáng gì đến Hội đồng mà chỉ là vấn đề dàn xếp giữa các bác sĩ với nhau.

- Đúng. – Urquhart tiếp lời – Tôi còn nhớ thời gian việc này được đặt ra. Cách đây trên dưới chín năm rồi. Hồi đó có hai phụ tá cà khổ. Một ở trạm xá khu Đông, một ở chỗ tôi. Hai gã ấy làm cho Llewellyn vất vả với các bệnh nhân của họ. Vì vậy, một hôm Llewellyn mời họp tất cả chúng tôi lại nói rằng không thể tiếp tục như thế được nếu chúng tôi không chịu có lời dàn xếp với ông ta. Bắt đầu là như vậy, rồi cứ thế tiếp diễn.

- Nhưng tiền lương mà Hội đồng trả cho ông ấy đã gộp tất cả mọi công việc của ông ấy ở trong Hội rồi cơ mà. Ông ấy lại còn đi vơ tiền về các khoản khác nữa. Ông ấy thật là ngồi trên tiền.

- Tôi biết, tôi biết – Urquhart cáu kỉnh. – Nhưng này, anh Manson, cẩn thận đấy, ông ấy rất cần đối với chúng ta, chính cái ông Llewellyn ấy. Ông ta cũng biết thế. Nếu ông ta định tâm phá bĩnh thì chúng ta khá mệt.

Andrew vẫn hỏi vặn:

- Vì lẽ gì chúng ta phải nộp tiền cho ông ta?

- Hoan hô! Đúng thế! – Con Boland nói oang oang, tay rót thêm bia vào cốc.

Oxborrow liếc nhìn người nha sĩ một cái:

- Tôi xin được phép nói một câu… Tôi đồng ý với bác sĩ Manson, chúng ta bị khấu đi mất một phần tiền lương là không đúng. Nhưng thực tế, bác sĩ Llewellyn là một người có địa vị cao, có bằng cấp cao, ông ta làm cho Hội đồng được danh giá. Với lại, ông ta sẵn sàng bỏ sức ra gánh hộ chúng ta những trường hợp nguy kịch.

Andrew day mặt lại nhìn người vừa nói:

- Có phải là ông muốn người khác gánh hộ cho ông những trường hợp nguy kịch hay không?

- Cố nhiên rồi – Oxborrow xẵng giọng – Ai mà không muốn.

- Tôi thì không – Andrew nói to – tôi muốn giữ họ lại, theo dõi bệnh tật của họ đến cùng.

Medley bất ngờ nói khe khẽ:

- Oxborrow nói đúng. Đấy là nguyên tắc thứ nhất trong nghề y, ông Manson ạ. Ông sẽ hiểu ra khi nhiều tuổi hơn. Hãy rũ tay ra khỏi những trường hợp nguy kịch, hãy rủ bỏ đi.

- Rủ bỏ thế quái nào được. – Andrew bừng bừng phản đối.

Cuộc thảo luận tiếp diễn trong bốn mươi nhăm phút, dẫm chân tại chỗ.

Sau thời gian đó, Andrew nóng nảy vô tình thốt ra:

- Chúng ta phải chấm dứt cho xong chuyện này. Các vị nghe tôi chứ. Thực sự phải chấm dứt cho xong. Llewellyn đã biết chúng ta chống lại ông ấy. Tôi đã bảo cho ông ấy biết hồi chiều.

- Hả? – Oxborrow, Urquhart và cả Medley cùng kêu lên.

Oxborrow nhô hẳn người lên, sửng sốt:

- Này, bác sĩ Manson, có phải ông muốn nói là ông đã bảo với bác sĩ Llewellyn rồi không?

- Tất nhiên là tôi đã bảo rồi. Thể nào ông ta cũng sẽ biết. Ông há không thấy là chỉ cần chúng ta sát cánh với nhau, lập thành một mặt trận thống nhất là chúng ta nhất định thắng à?

Urquhart tái người.

- Bỏ mẹ! Ông tợn thật. Ông không biết là Llewellyn có uy tín thế nào à? Đâu đâu cũng có bàn tay của ông ta! Chúng ta không bị tống cổ hết cả bọn là may. Thử nghĩ xem, đến tuổi tôi mà còn phải đi tìm một chỗ làm ăn thì trông như thế nào. – Urquhart ì ạch đi ra phía cửa – Anh là một anh bạn tốt bụng, anh Manson ạ. Nhưng phải cái anh còn trẻ người non dạ. Xin chào.

Medley cũng vội vã đứng dậy. Ánh mắt Medley cho thấy rõ ông ta sẽ về ngay nhà gọi điện thoại xin lỗi Llewellyn và nói rằng Llewellyn là một bác sĩ tuyệt vời, còn mình, tức Medley ấy, hoàn toàn hợp với ông ta. Oxborrow cũng theo gót Medley ra về. Hai phút sau, gian phòng vắng tanh chỉ còn có Con Boland, Andrew và chỗ bia còn lại.

Hai người lặng lẽ ngồi uống nốt bia. Andrew nhớ còn sáu chai nữa ở trong chạn. Họ uống hết sáu chai này, rồi nói chuyện với nhau. Họ nói về những chuyện liên quan đến gốc gác, gia đình, tính tình của Oxborrow, Medley và Urquhart. Họ đặc biệt nói về Oxborrow và chiếc đàn hơi của ông ta. Họ không để ý thấy Christine đã về

và lên gác. Hai người ngỏ nỗi lòng với nhau như hai anh em bị người ngoài phản bội ê chề.

Sáng hôm sau, Andrew đi thăm bệnh nhân mà đầu nhức như búa bổ và mặt mày cau có. Ra đến phố, anh gặp Llewellyn đi xe hơi lướt qua mặt. Khi Andrew nhấc mũ chào với vẻ thách thức ngượng ngùng thì Llewellyn toác miệng cười với anh.

IX

Andrew hậm hực và ủ rũ vì thất bại suốt một tuần. Đến sáng chủ nhật, thường là thời gian nghỉ ngơi dài yên tĩnh, anh bỗng trút hết nỗi lòng.

- Chris, không phải là vấn đề tiền nong, em ạ. Mà là vấn đề nguyên tắc. Cứ nghĩ đến là anh lại điên lên. Tại sao anh không để mặc chuyện ấy được? Tại sao anh không ưa thích Llewellyn? Ít ra thì cũng tại sao anh lại yêu thích ông ta một phút đầu rồi căm ghét ông ta ngay phút sau? Chris, em hãy thành thực nói cho anh hay. Tại sao anh không phủ phục dưới chân ông ta? Có phải là anh ghen tị không? Nó là cái gì?

Câu trả lời của nàng làm Andrew choáng váng:

- Vâng, em cho là anh ghen tị!

- Hả?

- Đừng làm em inh tai, anh. Anh đã bảo em nói thành thực cho anh biết mà. Anh ghen tị, ghen kinh khủng. Sao lại không ghen? Em không muốn lấy ông chồng là một vị thánh sống đâu. Dọn dẹp trong nhà này cũng khá nhiều việc rồi, không cần anh đội thêm cái vầng hào quang của ông thánh nữa.

- Cứ nói đi – Andrew làu bàu – Đã nói thì nói cho hết các khuyết điểm của anh đi nào. Đa nghi này. Ghen tuông này. Em đã trách móc anh từ trước rồi cơ mà. Anh lại còn trẻ người non dạ nữa, có phải không? Ông già Urquhart hôm nọ đã nói thẳng vào mặt anh như vậy đấy!

Andrew dừng lại chờ vợ tranh luận tiếp. Rồi tức mình:

- Tại sao anh lại phải ghen tuông với lão Llewellyn?

- Bởi vì ông ấy rất giỏi chuyên môn, hiểu biết nhiều và, vâng… chủ yếu bởi vì ông ấy có đủ mọi bằng cấp cao quý.

- Còn anh thì chỉ có một cái bằng bác sĩ y khoa quèn ở trường đại học Scottland! Trời đất! Bây giờ anh mới hiểu em thực sự nghĩ về anh như thế nào. – Giận dữ, Andrew nhảy ra khỏi giường, mặc nguyên quần áo ngủ đi lồng lộn trong gian phòng. – Bằng cấp thì ra cái quái gì. Chỉ là trò bịp bợm hết. Cái quan trọng là phương pháp làm việc, là năng lực của người thầy thuốc. Tôi không tin gì ở tất cả những điều nhảm nhí viết ra trong các sách giáo khoa. Tôi chỉ tin ở những gì nghe được ở đầu ống nghe của tôi. Nếu bà không biết thì tôi xin nói là tôi đã biết được rất nhiều qua ống nghe đó. Tôi đã bắt đầu phát hiện được những điều hệ trọng trong công cuộc nghiên cứu bụi than của tôi. Có lẽ, đến một ngày nào đó, tôi sẽ làm cho bà phải giật mình, thưa bà. Mẹ kiếp! Thật là đẹp mặt khi một sáng chủ nhật thức dậy được bảo cho biết là mình dốt đặc cán mai.

Ngồi nhỏm dậy trên giường, Christine lấy bộ đồ sửa móng tay ra sửa, đợi cho Andrew nói xong.

- Em hoàn toàn không nói thế đâu, anh Andrew ạ. – Giọng nói biết điều của nàng làm Andrew càng thêm tức. – Anh yêu, em chỉ nói không phải là suốt đời anh sẽ chỉ là một bác sĩ phụ tá. Anh muốn mọi người lắng tai nghe anh nói, chú ý đến việc anh làm, đến những ý kiến của anh… ôi, anh hiểu ý em chứ. Nếu anh có một cái bằng thật cao như tiến sĩ y khoa, hoặc danh hiệu hội viên Hội bác sĩ Hoàng gia thì nó sẽ có lợi cho anh rất nhiều.

- Hội bác sĩ Hoàng gia! Andrew ngây người nhắc lại – À ra cô ấy đã thui thủi một mình nghĩ đến chuyện này. Hội viên Hội bác sĩ hoàng gia, hừm, từ chân bác sĩ khu mỏ mà định ngoi lên len vào tổ chức đó cơ à. – Lời mỉa mai ấy của Andrew có thể làm khổ

Christine nếu Christine nghe được – Em không biết rằng người ta chỉ trao danh hiệu đó cho những tay vương bá ở châu Âu thôi ư?

Andrew đóng sầm cửa rồi vào phòng tắm cạo râu. Năm phút sau, anh trở lại, một nửa cằm đã cạo, một nửa kia còn bôi xà phòng. Anh hối hận và ở trong tâm trạng bị kích động.

- Em có cho rằng anh sẽ giành được danh hiệu đó không, Chris? Em nói rất đúng. Phải có một vài dòng chữ gì trang điểm cho cái bảng đề tên mình thì mình mới ngẩng đầu lên được! Nhưng thi vào được Hội bác sĩ Hoàng gia là… cuộc thi gay go nhất trong y học đấy… Mệt… mệt chết người đi được. Dù sao… anh nghĩ… đợi anh sẽ xem thêm chi tiết cụ thể đã…

Andrew nhào xuống nhà dưới, tìm cuốn sách "Chỉ dẫn y khoa". Anh cầm cuốn sách ấy lên gác với bộ mặt tiu nghỉu và thất vọng. Anh ủ rũ lẩm bẩm:

- Không ăn thua gì đâu. Quẳng đi thôi. Anh đã bảo với em là không thể nào thi nổi đâu. Thi loại vòng đầu là thi ngoại ngữ: bốn thứ tiếng, La-tinh, Pháp, Hy Lạp, Đức, trong đó có hai thứ tiếng bắt buộc. Qua rồi mới được vào kỳ thi chính. Mà anh thì chẳng biết một ngoại ngữ nào sất. Tiếng la-tinh thì chỉ biết được mấy chữ bập bẹ: *mist alba – mitte decam*.[1] Còn tiếng Pháp thì…

Christine không trả lời. Cả hai người cùng im lặng trong khi Andrew đứng tựa vào thành cửa sổ buồn bã nhìn lơ đãng ra ngoài. Cuối cùng, anh quay lại, nhăn mặt cau mày, rứt ra không nổi chuyện này.

- Mẹ kiếp, cớ sao lại không được, Chris? Anh mà lại không học nổi mấy thứ tiếng đó để đi thi hay sao?

Christine đang ngồi ở giường nhảy chồm lên bá cổ Andrew làm mấy thứ đồ sửa móng tay rơi lung tung xuống sàn nhà.

[1] Chữ ghi liều lượng dùng thuốc

- Ôi, anh yêu của em! Em mong chờ mãi anh nói ra câu đó. Đây mới chính thực là anh. Em có thể… có lẽ em có thể giúp anh được phần nào. Anh đừng quên người vợ già của anh là một cô giáo về hưu nhé.

Hai vợ chồng sôi nổi đặt kế hoạch suốt cả ngày. Họ xếp các tác phẩm của Trollope, Tchekov và Dostoevsky vào phòng ngủ bỏ không. Họ dọn dẹp phòng khách làm nơi chiến đấu. Rồi ngay tối hôm đó, Andrew đến trường với vợ. Cả tối hôm sau, và hôm sau nữa…

Ngày mười lăm tháng mười, Andrew một mình đi Luân Đôn. Christine ra ga tiễn anh. Nay đã sát đến lúc thử thách thực sự, Andrew lại bình tĩnh lạ thường. Những cuộc vật lộn, những nỗ lực ghê gớm, những lúc nóng nảy gần như điên cuồng của anh bây giờ tưởng chừng như đã lùi xa lắm rồi. Trí óc của anh không hoạt động nữa, nó như ngây dại. Anh cảm thấy như không hiểu biết gì cả.

Nhưng hôm sau, khi bước vào cuộc thi viết tổ chức tại trường đại học y khoa, Andrew thấy mình trả lời các câu hỏi như một cái máy mù quáng. Anh viết lia lịa kín hết trang giấy này đến trang giấy khác, không hề nhìn đồng hồ, cho đến khi đầu óc anh quay cuồng.

Andrew thuê một phòng tại khách sạn Museum, nơi anh đã đến ở cùng với Christine trong lần đầu tiên đến thăm Luân Đôn. Tiền thuê buồng rất rẻ, nhưng bữa ăn lại tồi, nó làm cho sự tiêu hóa đã bị đảo lộn của anh bị giáng thêm chùy cuối cùng khiến anh bị đầy bụng anh ách. Anh đành chỉ uống sữa mạch nha nóng. Bữa ăn trưa của anh là một cốc sữa đầy ở quán trà A.B.C. tại quảng trường Strand. Trong khoảng thời gian giữa các bài làm, Andrew như bị mê mụ. Anh không thể nào nghĩ đến việc đi chơi giải trí. Anh hầu như chẳng nhìn thấy ai ngoài phố. Đôi lần, cho đầu óc bớt mụ mẫm, anh đi một vòng xe buýt, ngồi ở tầng trên.

Sau phần thi viết, đến phần thực hành và vấn đáp. Andrew bỗng thấy mình lo sợ phần này hơn tất cả các môn thi đã qua. Ngoài Andrew còn có khoảng hai mươi thí sinh nữa, tất cả đều nhiều tuổi hơn Andrew và đều rõ ràng có một vẻ tự tin nhờ địa vị của họ. Thí sinh ngồi cạnh anh chẳng hạn – một người tên là Harrison mà anh đã một hai lần hỏi chuyện – đã tốt nghiệp bác sĩ ngoại khoa tại trường đại học Oxford, hiện là bác sĩ điều trị bệnh nhân ngoại trú của bệnh viện St. John và có phòng khám riêng tại đường Brook. Khi so sánh phong cách duyên dáng và địa vị chững chạc của Harrison với cử chỉ vụng về tỉnh lẻ của mình, Andrew cảm thấy anh chẳng có mấy khả năng gây ấn tượng tốt với những người hỏi thi.

Bài thi thực hành của anh tại bệnh viện khu Nam Luân Đôn theo anh là khá tốt. Người bệnh của anh là một thiếu niên mười bốn tuổi, mắc bệnh dãn phế quản. Thế là anh gặp may vì anh vốn thành thạo về phổi. Anh cho rằng mình viết được một bản tường trình tốt. Nhưng đến phần vấn đáp thì vận may của anh xem chừng hoàn toàn không còn nữa. Thể thức thi vấn đáp tại trường Đại học y khoa Luân Đôn có những đặc điểm riêng của nó: mỗi thí sinh bị hai người hỏi thi thay nhau hỏi trong hai ngày liền. Hết ngày thứ nhất, thí sinh nào bị coi là không đủ trình độ thì nhận được một mẩu giấy với những lời lịch sự báo cho anh ta biết không phải đến dự thi ngày thứ hai nữa. Phấp phỏng sợ nhận phải tờ giấy báo tai hại ấy, Andrew kinh hoàng khi rút thăm phải người hỏi thi thứ nhất là một người mà Harrison đã nói đến một cách khiếp sợ: bác sĩ Maurice Gadsby.

Gadsby là một người gầy gò nhỏ bé, hàm râu đen lồm xồm, mắt ti hí. Vừa mới được bầu vào ban giám khảo, ông tuyệt nhiên không có thái độ khoan dung của những người hỏi thi khác lâu năm hơn, trái lại hình như ông lại cố tình đáng trượt những thí sinh nào rơi vào tay ông. Gadsby nheo mắt nhìn Andrew rồi đặt trước mặt anh sáu miếng vi phẫu. Andrew đọc đúng tên năm

miếng, còn miếng thứ sáu không đọc tên được thì Gadsby lại tập trung hỏi. Trong năm phút, ông ta dồn dập hỏi Andrew về miếng vi phẫu ấy, hình như là vi phẫu trứng một ký sinh trùng Tây Phi không mấy ai biết đến. Sau đó, với vẻ thờ ơ lơ đãng, Gadsby chuyển Andrew sang người hỏi thi kế tiếp là Huân tước Robert Abbey.

Andrew đứng dậy đi qua gian phòng, mặt tái mét, ngực đập thình thình. Mọi sự mệt mỏi đờ đẫn hồi đầu tuần nay đã biến mất. Andrew chỉ còn có nỗi ao ước tha thiết là thi đỗ. Nhưng anh tin chắc rằng Gadsby sẽ đánh hỏng anh. Ngước mắt lên, Andrew thấy Robert Abbey đang chăm chú nhìn anh, miệng mỉm cười thân mật, hơi hóm hỉnh. Abbey bất ngờ hỏi:

- Có chuyện gì thế?

- Thưa ngài không ạ. – Andrew ấp úng – Tôi sợ rằng có lẽ tôi đã bị đánh hỏng ở bác sĩ Gadsby rồi, thưa có thế thôi ạ.

- Đừng ngại. Anh hãy xem các tiêu bản này rồi cho tôi biết ý kiến của anh.

Abbey tủm tỉm cười khích lệ. Ông khoảng sáu mươi nhăm tuổi, râu cạo nhẵn, da hồng hào, trán cao, môi trên dài hóm hỉnh. Tuy có lẽ hiện nay ông là vị bác sĩ nổi tiếng hàng thứ ba ở châu Âu nhưng thời trẻ, ông đã phải trải qua nhiều thử thách và khó khăn gian khổ khi ông từ thành phố quê hương Leeds đến Luân Đôn, chỉ có mỗi cái tiếng là người tỉnh lẻ để nâng đỡ ông đương đầu với biết bao nhiêu thành kiến và sự đố kỵ. Abbey chăm chú nhìn Andrew mà không ra vẻ quan sát. Để ý đến bộ quần áo cắt vụng của anh, chiếc áo sơ-mi cổ mềm, chiếc cà-vạt rẻ tiền không biết thắt, và nhất là những xúc cảm căng thẳng mãnh liệt trên gương mặt nghiêm trang của anh, ông bỗng nhớ lại thời thanh niên của ông ở tỉnh nhỏ. Bất giác ông đâm ra có thiện cảm với người thí sinh khác thường này. Lướt mắt nhìn qua bảng danh sách đặt

trước mặt, ông hài lòng nhận thấy số điểm của Andrew, nhất là trong môn thực hành vừa qua, vượt quá điểm bắt buộc.

Trong khi đó, mắt dán vào những bình thủy tinh ở trước mặt, Andrew lúng túng, trình bày một cách vấp váp ý kiến của anh về những tiêu bản này.

- Thôi được rồi. – Abbey đột nhiên nói. Rồi cầm lấy một bình tiêu bản đựng một đoạn phình thành mạch của động mạch chủ, ông bắt đầu hỏi Andrew với vẻ thân ái. Những câu hỏi của ông thoạt đầu thì đơn giản, dần dần mở rộng ra, đi sâu thêm, cuối cùng đề cập đến điều trị đặc hiệu mới đối với bệnh sốt rét, vững lòng trước cử chỉ thiện cảm của Abbey, Andrew trả lời trôi chảy.

Sau cùng, đặt bình tiêu bản xuống, Abbey hỏi:

- Anh có biết gì về lịch sử bệnh phình động mạch không?

- Ambrose Paré được coi là người đầu tiên phát hiện bệnh này.

Thoạt nghe, Abbey gật đầu tán thưởng, sau gương mặt ông lộ vẻ ngạc nhiên:

- Bác sĩ Manson, tại sao lại "được coi". Paré đích thực là người đã phát hiện ra bệnh phình động mạch chứ?

Andrew đỏ mặt, rồi lại tái đi khi anh tiếp tục nói:

- Thưa ngài, đó là điều mà các sách giáo khoa đều nói. Có thể đọc được ở bất kỳ quyển sách nào. Bản thân tôi đã bỏ công kiểm tra thì thấy ý kiến ấy được nói đến trong sáu quyển – Andrew hít vội một hơi thở – Nhưng khi tôi vô tình đọc trước tác phẩm của Celsus để ôn lại tiếng La-tinh – thưa ngài, tôi cần phải ôn lại ạ – thì tôi bất chợt gặp chữ "aneurismus". Hóa ra Celsus đã biết đến chứng bệnh ấy khoảng mười ba thế kỷ trước Paré!

Không khí lặng xuống. Andrew ngước mắt nhìn lên, chờ đợi một câu phê phán nhẹ nhàng. Nhưng Abbey lại nhìn anh với một vẻ khó hiểu trên gương mặt hồng hào của ông. Sau cùng, ông nói:

- Bác sĩ Manson này, anh là thí sinh đầu tiên trong phòng thi này nói ra với tôi một điều độc đáo, một điều xác thực, và là một điều mà tôi không biết. Tôi có lời khen ngợi anh.

Mặt Andrew đỏ lự.

- Anh hãy trả lời tôi thêm một câu nữa – đây chỉ là để thỏa mãn tính tò mò cá nhân của tôi thôi – Anh coi điều gì là nguyên tắc chủ yếu… là tư tưởng cơ bản mà anh luôn luôn tuân theo khi làm nghề y này?

Lại một lúc im lặng nữa trong khi Andrew cuống cuồng suy nghĩ. Sau cùng, cảm thấy mình đang phá hỏng hết cả ấn tượng tốt đẹp đã gây được, Andrew buột ra:

- Tôi cho rằng… tôi cho rằng tôi phải luôn luôn tự nhắc nhở là không bao giờ coi bất cứ điều gì là tuyệt đối chắc chắn.

- Cảm ơn anh, bác sĩ Manson.

Trong lúc Andrew rời khỏi gian phòng, Abbey đưa tay với bút. Ông cảm thấy trẻ lại, đa cảm ghê gớm. Ông nghĩ: "Nếu anh ta nói với mình là anh ta sẽ ra sức chữa bệnh cho mọi người, ra sức làm vơi bớt nỗi đau khổ của nhân loại thì ta sẽ vì thất vọng mà đánh trượt anh ta mất". Thực tế là, cạnh tên Andrew Manson, Abbey ghi số điểm cao nhất chưa hề có ai cho bao giờ: 100 điểm. Thậm chí, ví thử ông có quyền tha hồ cho bao nhiêu điểm thì cho thì số điểm ấy có lẽ phải tăng gấp đôi.

Mấy phút sau, Andrew xuống dưới nhà cùng với các thí sinh khác. Ở chân cầu thang, đứng cạnh chòi gác của mình, người gác cổng mặc chế phục cầm ở tay một xấp phong bì. Mặt biến sắc, Harrison gượng cười và bình tĩnh nói: "Hình như người ta không cần đến tôi ngày mai nữa. Còn anh?". Ngón tay Andrew run bần bật. Anh không đọc ra chữ gì. Bàng hoàng, anh nghe thấy Harrison chúc mừng anh. Thế là anh vẫn còn hy vọng. Anh đi bộ đến tiệm A.B.C. tự đãi mình một cốc sữa mạch nha. Đầu óc căng

thẳng, anh nghĩ: "Đã được như thế rồi mà lần này không qua được thì mình phải đâm đầu vào xe buýt cho xong đời".

Ngày hôm sau trôi qua nặng nề. Chỉ còn có một nửa số thí sinh ban đầu vào thi, và có tin đồn trong số này sẽ còn bị loại một nửa nữa. Andrew không biết mình có trả lời tốt hay không. Anh chỉ biết anh nhức đầu ghê gớm, chân lạnh cóng và bụng trống rỗng.

Cuối cùng, xong hết cả. Đến khoảng bốn giờ chiều, ở phòng gửi áo đi ra, người mệt lử, mặt rầu rĩ, Andrew choàng chiếc áo khoác ngoài lên người. Vừa vặn lúc đó, anh chợt thấy ông Abbey đứng trước lò sưởi lớn ở tiền sảnh. Andrew định đi thẳng. Nhưng vì lẽ gì đó, ông Abbey lại giơ tay vẫy anh lại, tủm tỉm cười, nói chuyện với anh và báo cho anh biết là… anh đã được lấy đỗ.

Trời ơi, anh đã đỗ! Anh đã thành công. Andrew như sống hẳn lại, rạng rỡ, hết cả đau đầu, hết cả mệt nhọc. Anh chạy ra trạm bưu điện gần nhất, tim nện thình thịch. Anh đã đỗ! Anh đã vượt qua cuộc thi tuyển này, không phải từ khu Tây Luân Đôn mà từ một thị trấn mỏ nhỏ bé, xa xôi, khuất nẻo. Người anh nôn nao như có một cái gì đang trỗi dậy, cuộn trào. Dẫu sao, không phải là uổng công vô ích những đêm thức dài, những buổi phóng như lao đi Cardiff, những giờ nghiền mài cực nhọc trong đống sách vở. Andrew cứ thế lao người chạy, xuyên qua đám đông, xô người này, đụng người khác, né tránh bánh xe tắc-xi và xe buýt; anh cứ thế chạy… chạy đi đánh điện về cho Christine biết tin tuyệt vời này.

X

Xe lửa chậm mất nửa giờ, về đến ga thì đã gần nửa đêm. Suốt con đường ngược thung lũng, con tàu chạy ngược gió. Về đến Aberalaw, khi Andrew bước xuống sân ga thì cơn lốc thổi mạnh đến nỗi làm anh suýt ngã. Nhà ga vắng tanh. Hàng cây bạch dương non trồng ở cổng ga bị uốn cong như cánh cung, kêu rít

lên và run rẩy với mỗi cơn gió giật. Trên trời, sao lung linh không bợn một vệt mây.

Andrew đi dọc phố Ga, ngực ưỡn ra phía trước. Gió tạp vào người làm anh cảm thấy tâm hồn sảng khoái. Say sưa với thắng lợi và với việc tiếp xúc với tầng lớp cao sang trong giới y học, tai còn văng vẳng những lời ca ngợi của Huân tước Robert Abbey, Andrew rảo bước đến đâu cũng thấy chưa đủ nhanh để mau chóng về gặp Christine và sung sướng kể cho nàng nghe tất cả mọi chuyện. Bức điện của anh chắc đã báo cho nàng biết tin vui, song bây giờ anh muốn kể lại tỉ mỉ toàn bộ câu chuyện hào hứng này.

Khi rẽ vào phố Talgarth, đầu chúi xuống, anh bỗng để ý thấy có tiếng chân người chạy. Người ấy đang từ phía sau anh chạy đến, bước chân nặng nề, tiếng giày nện trên hè đường bị chìm đi trong tiếng gió gào thét tưởng chừng như một bóng ma. Andrew bất giác dừng lại. Khi người kia đến gần, anh nhận ra là Frank Davis, một người trong tổ cứu thương của lò số 3 đã theo học lớp cứu thương do anh giảng dạy mùa xuân năm ngoái. Davis cũng đồng thời nhận ra Andrew.

- Tôi đang đi tìm bác sĩ. Đã toan chạy lại nhà bác sĩ. Gió làm đứt hết dây điện thoại – Một cơn gió cuốn đi mất những lời nói sau của anh ta.

Andrew hét to:

- Có chuyện gì thế?

- Sập lò số 3. – Davis chụm tay nói sát vào tai Andrew. – Một thợ lò bị vùi, gần như bị vùi kín. Hình như không kéo được anh ta ra. Sam Bevan ấy mà. Anh ấy nằm trong danh sách của bác sĩ đấy. Bác sĩ đến cứu anh ấy nhanh lên.

Andrew đi cùng với Davis được vài bước bỗng một ý nghĩ làm anh đứng dừng ngay lại. Anh gào vào tai Davis:

- Tôi cần cái túi đồ cấp cứu. Anh chạy về nhà lấy hộ tôi. Tôi sẽ đến thẳng cửa lò số 3 – Rồi anh nói thêm – Này, Frank, anh bảo cho nhà tôi biết chỗ tôi đến nhé.

Đi tắt qua con đường sắt phụ rồi đi dọc con hẻm Roath xuôi theo chiều gió, bốn phút sau Andrew đã tới cửa lò số 3. Ông phó giám đốc khu mỏ cùng với ba thợ mỏ đang đợi anh ở phòng cấp cứu. Thấy Andrew đến, vẻ lo lắng của ông phó giám đốc vơi bớt đôi chút.

- Rất mừng là bác sĩ đã đến. Cơn bão làm cho chúng tôi tan hoang cả. Lại cộng thêm một số vụ sập lò tai hại nữa. May mà không có ai chết, nhưng có một thợ mỏ bị mắc kẹt một cánh tay. Không xê dịch cậu ta đi được một ly nào, mà mái lò thì đã ruỗng.

Tốp người cùng đến chỗ đầu tời ở miệng lò, hai người khiêng một cái cáng cuộn lại với mấy cái nẹp, người thứ ba mang chiếc hòm gỗ đựng đồ cấp cứu. Khi họ bước vào buồng thang xuống lò thì có một bóng người nữa chạy đến. Đó là Davis hổn ha hổn hển với cái túi y tế.

Davis nói không ra hơi, chỉ gật gật đầu. Một tiếng kêu đánh cạch một cái, im lặng một lát rồi buồng thang hạ vút xuống, chạm đến đáy giếng. Mọi người ra khỏi buồng thang và đi hàng một, đi đầu là ông phó giám đốc mỏ rồi đến Andrew, Davis tay vẫn xách túi y tế, và ba thợ mỏ kia.

Trước đây, Andrew đã từng xuống lò. Anh đã quen với những vòm hang cao rộng Blaenelly, những vòm hang đen kịt âm vang, tít sâu trong lòng đất nơi người ta đào khoét các vỉa sắt để lấy quặng. Nhưng lò than số 3 này là một cái lò cũ, có một đoạn lò vận chuyển dài ngòng ngoèo dẫn đến lò chợ. Đường lò chở than không phải là một cái hành lang mà chỉ là một hang thấp lè tè, nhớp nháp, nước chảy nhỏ giọt, phải bò mất gần nửa dặm, nhiều khi phải bò bằng tay và đầu gối. Bỗng cái đèn mà ông phó giám

đốc mỏ cầm ở tay đứng sững ngay lại trước mặt Andrew, anh biết là đã tới nơi.

Từ từ, Andrew trườn mình lên phía trước. Có ba người, bụng áp sát xuống đất ở một đầu hang cụt, đang ra sức làm hồi tỉnh một thợ mỏ nằm không ra một kiểu gì, người nghiêng về một bên, một bên vai nhô ra phía sau như thể bị chìm lẫn vào trong đám đất đá sụt xuống ở xung quanh. Dụng cụ để bừa bãi đằng sau mấy người thợ mỏ cùng với hai chiếc sô lật sấp và những chiếc áo khoác ngoài mà họ vừa mới cởi ra. Ông phó giám đốc hỏi khe khẽ:

- Thế nào, các cậu?

- Không làm cách nào xê dịch anh ấy được. Chúng tôi đã thử hết cách rồi. – Người thợ mỏ nói ra câu ấy quay bộ mặt đẫm mồ hôi lại.

Ông phó giám đốc liếc vội lên nóc lò, nói:

- Đừng thử nữa. Bác sĩ đến đây này. Các cậu lùi lại một chút để lấy chỗ cho chúng tôi nào. Tôi là các cậu thì tôi lùi ra thật xa.

Ba người thợ mỏ rút ra khỏi chỗ lò cụt. Đợi họ lách qua anh đi rồi, Andrew nhích người lên. Trong giây phút lóe lên trong óc anh những ký ức về cuộc thi vừa qua với những tiến bộ của ngành sinh hóa, những thuật ngữ rõ kêu và những công thức khoa học. Nhưng cuộc thi ấy đã không đề cập đến những tình huống như thế này.

Sam Bevan rất tỉnh nhưng nét mặt phờ phạc, hốc hác dưới lớp bụi. Anh ta yếu ớt nhếch miệng cười với Andrew.

- Đây có lẽ cũng là một dịp để thực tập cấp cứu nhỉ! – Bevan cũng là một người theo học lớp cấp cứu của Andrew và đã nhiều lần được gọi ra thực hành băng bó.

Andrew nhích lại gần. Dưới ánh sáng chiếc đèn của ông phó giám đốc chiếu qua vai anh, Andrew đưa tay sờ nắn người bị thương.

Toàn bộ thân thể Bevan không việc gì, trừ có cánh tay trái bị vùi dưới đống đất đá sụt lở, bị sức nặng của cả đống đất đá khổng lồ ấy đè chặt lên trên khiến Bevan bị mắc kẹt ở đấy không tài nào xê dịch được.

Andrew thấy ngay cách duy nhất để cứu Bevan là phải cưa bỏ cánh tay. Căng đôi mắt nhăn nhó vì đau đớn, Bevan đã đọc được ý nghĩ đó đúng vào lúc Andrew quyết định. Anh ta nói khe khẽ:

- Bác sĩ cứ tiến hành. Cốt làm sao nhanh chóng đưa được tôi ra khỏi đây là được.

- Đừng lo, anh Sam ạ. Tôi sẽ làm cho anh ngủ thiếp đi bây giờ. Khi tỉnh dậy thì anh đã nằm lên giường rồi.

Nằm dài trong vũng bùn, ở một đường hầm cao có hai bộ, Andrew cởi bỏ áo ngoài rồi gấp lại đút xuống dưới đầu Bevan. Anh xắn tay áo lên và hỏi túi đồ cứu thương. Ông phó giám đốc vừa đưa túi đồ cấp cứu cho Andrew vừa thì thào vào tai anh:

- Lạy Chúa, nhanh tay lên, bác sĩ ạ. Mái lò này sẽ sụt xuống đầu chúng ta ngay bây giờ, không để cho chúng ta kịp kêu lên tiếng nào đâu.

Andrew mở túi cứu thương. Anh ngửi ngay thấy mùi chloroform. Chưa cho tay vào trong miệng túi tối đen để sờ thấy miệng lọ vỡ nham nhở, Andrew đã hiểu ngay là xảy ra điều gì rồi: trong lúc chạy vội vã ra khu mỏ, Frank Davis đã đánh rơi túi cứu thương. Lọ chloroform bị vỡ và thuốc đổ hết ra ngoài. Andrew rùng mình. Anh không còn thời gian bảo người lên mặt đất lấy thuốc khác, mà ở đây thì anh không còn giọt thuốc gây mê nào nữa.

Andrew đờ người ra có lẽ đến khoảng ba mươi giây. Rồi như cái máy, anh tìm ống tiêm dưới da, lấy thuốc tiêm cho Bevan một liều morphine tối đa. Anh không thể đợi đến lúc thuốc tác hiệu đầy đủ. Nghiêng miệng túi để tay dễ lấy dụng cụ, anh lại cúi đầu xuống Bevan, vừa nói vừa buộc chặt ga-rô.

- Nhắm mắt lại, Sam!

Ánh sáng leo lét và bóng người di động nhấp nháy. Khi mũi dao đầu tiên ấn vào thịt, Bevan khẽ rên lên một tiếng nữa. May thay, đến khi mũi dao chạm đến xương thì Bevan đã mê đi rồi.

Trán Andrew đẫm mồ hôi khi chiếc kẹp động mạch của anh kẹp vào mảng thịt nát bét tứa máu. Andrew không nhìn thấy những động tác của mình. Nằm dài giữa vũng bùn trong cái hang chuột sâu tít trong lòng đất này, anh cảm thấy ngạt thở. Không thuốc mê, không bàn mổ, không có hàng dãy y tá đứng phụ. Mà anh lại không phải là một bác sĩ ngoại khoa. Andrew mò mẫm một cách tuyệt vọng. Anh sẽ không bao giờ mổ xong được – anh nghĩ – mái hầm sẽ sụt xuống đầu họ cả mất thôi.

Đằng sau Andrew là hơi thở dồn dập của ông phó giám đốc… Những giọt nước mát lạnh giá rơi chầm chậm vào cổ anh… Ngón tay anh làm việc ráo riết, dính đầy máu và nóng lên… Tiếng cưa kêu kèn kẹt… Tiếng Huân tước Robert Abbey văng vẳng xa xa: "Cơ hội để thực hành phương pháp khoa học…" Trời ơi! Liệu có bao giờ xong được không?

Xong rồi! Andrew suýt nữa nấc lên vì thấy nhẹ hẳn người. Anh lấy một miếng gạc đắp vào đoạn tay cụt đẫm máu, loạng choạng nhỏm người lên trên đầu gối, Andrew bảo: "Đưa anh ta ra".

Cách chỗ cũ năm mươi thước, ở một đoạn đường chở than rộng ra, có đủ không gian để đứng thẳng người và chiếu bốn ngọn đèn xung quanh, Andrew hoàn thành nốt ca mổ. Ở đây làm có dễ dàng hơn. Anh lau sạch vết thương, thắt các mạch máu lại và đổ thuốc sát trùng vào. Sau đó, anh đặt ống hút rồi khâu vài mũi. Bevan vẫn bất tỉnh. Nhưng mạch đập của anh ta vẫn đều, tuy có yếu. Andrew lấy tay vuốt trán. Hoàn thành rồi!

- Khiêng cáng nhẹ nhàng nhé. Đắp chăn kín xung quanh anh ta. Lên đến mặt đất là cần có ngay chai nước nóng ủ ấm.

Đi chầm chậm, cúi gập người làm đôi ở những chỗ thấp, đoàn người bắt đầu vòng vào lò vận chuyển để lên phía trên. Họ đi chưa được sáu mươi bước thì vọng lại từ khoảng không đen kịt đằng sau họ một tiếng ầm ầm đùng đục, giống như tiếng ì ầm nghèn nghẹt cuối cùng của con tàu khi chạy vào đường hầm. Ông phó giám đốc mỏ không quay mặt lại. Ông chỉ nói với Andrew bằng một giọng điềm tĩnh, buồn thảm:

- Xong rồi đấy, chỗ mái lò còn lại.

Chặng đường đi lên mặt đất mất gần một giờ. Ở những đoạn khó đi, họ phải cầm nghiêng cáng. Andrew không tính được anh đã ở trong lòng đất bao nhiêu lâu. Nhưng cuối cùng họ cũng tới được đáy giếng.

Họ lên dần, lên dần khỏi vực thẳm. Gió quật mạnh vào người khi họ ở buồng thang bước ra. Andrew hít một hơi thở dài, sảng khoái.

Andrew đứng ở chân bậc thang, dựa vào hàng tay vịn. Trời vẫn còn tối, nhưng ở sân mỏ đã treo một ngọn đèn khí mỏ lớn, ngọn lửa nhảy nhót ríu rít. Xung quanh ngọn đèn, Andrew thấy có một tốp người đứng đợi, trong đó có những phụ nữ đầu trùm khăn.

Khi chiếc cáng được khiêng chầm chậm qua đám người đó, Andrew bỗng nghe có tiếng hớt hải gọi tên anh, rồi loáng một cái, hai cánh tay của Christine đã quàng vào cổ anh. Nàng níu chặt lấy anh, người rung lên nức nở. Đầu không khăn, chỉ mặc có một chiếc áo khoác phủ ra ngoài bộ đồ ngủ, chân trần sỏ trong đôi giầy da, nàng như một kẻ đi ăn xin giữa đêm tối với tiếng gió gào thét.

- Sao em? – Andrew hỏi, sững sờ, cố gỡ tay nàng ra để nhìn mặt nàng.

Nhưng nàng không buông anh. Điên dại bíu chặt lấy anh như một người sắp chết đuối, nàng nghẹn ngào:

- Người ta bảo lò sụt mất rồi… anh… anh không ra được nữa.

Người nàng tím ngắt, hai hàm răng va lập cập vào nhau vì rét. Đưa nàng lại bên lò sưởi ở phòng cứu thương, Andrew ngượng nghịu vô cùng xúc động. Có ca-cao nóng trong phòng. Hai người cùng uống một tách ca-cao nóng bỏng. Mãi sau họ mới nhớ đến danh hiệu cao quý mới của Andrew.

XI

Việc cứu Sam Bevan là chuyện thường tình ở một thị trấn từng trải qua những giờ phút khủng khiếp, khắc khoải trong những tai nạn hầm mỏ lớn. Nhưng trong khu vực điều trị của Andrew thì việc đó có ảnh hưởng rất tốt với anh. Nếu như anh về đến nhà, đem theo độc có thắng lợi của anh trong cuộc thi cử ở Luân Đôn thì anh sẽ chỉ nhận được thêm một tiếng cười khẩy về "cái của dớ dẩn vô tích sự" ấy. Nhưng bây giờ thì anh được cả những người trước đây không thèm nhìn mặt anh gật đầu chào và thậm chí còn cười với anh nữa. Uy tín thực sự của một bác sĩ ở Aberalaw phải được đánh giá lúc anh ta ra phố. Những nơi trước đây Andrew chỉ gặp một dãy cửa đóng kín thì bây giờ anh thấy các cánh cửa rộng mở, những người thợ mỏ nghỉ ca mặc sơ-mi ngồi hút thuốc sẵn sàng trò chuyện với anh một đôi câu, các bà phụ nữ vui lòng "mời anh vào nhà chơi" khi anh đi qua và trẻ con nhoẻn miệng cười chào gọi tên anh.

Cụ Gus Parry, thợ khoan trưởng lò số 2 và là người cao tuổi nhất ở khu Tây, đã nói lên sự đánh giá chung của mọi người khi cụ nhìn theo bóng Andrew đi xa dần, bảo:

- Này, các chú ạ. Anh này là một tay thích sách vở, đúng thế. Nhưng khi cần thì anh ta cũng biết làm ăn ra trò.

Các tấm thẻ y tế bắt đầu trở về với Andrew, ban đầu dần dần từng ít một, sau đến tới tấp khi họ thấy Andrew không oán giận gì những người trước đây đã bỏ anh đi. Owen vui mừng thấy danh sách khách bệnh của Andrew tăng lên. Một hôm, gặp Andrew

ngoài quảng trường, Owen cười tủm tỉm: "Thế nào, tôi đã bảo anh mà!".

Llewellyn làm ra vẻ hân hoan trước kết quả thi cử của Andrew. Ông vồn vã chúc mừng anh qua điện thoại rồi nhẹ nhàng mời anh đến phòng mổ gây mê giúp ông hai ca mổ.

Sau một buổi làm việc dài, sặc mùi ê-te, Llewellyn tươi tỉnh:

- À này, thế anh có nói với ban giám khảo là anh làm bác sĩ phụ tá trong một tổ chức y tế không?

Andrew nhã nhặn:

- Tôi nói với họ tính danh ông, bác sĩ Llewellyn ạ. Và câu nói đó gây ấn tượng mạnh lắm.

Oxborrow và Medley ở trạm xá khu Đông không chú ý gì đến việc đỗ đạt của Andrew. Nhưng Urquhart thì thật bụng vui mừng, tuy lời chúc của ông được bày tỏ bằng một câu trách móc ầm ĩ:

- Mẹ kiếp! Manson, anh định làm gì thế? Chèn chân tôi chắc?

Coi như là một cách ca ngợi người đồng nghiệp xuất sắc của mình, Urquhart mời Andrew đến khám cho một người mắc bệnh phổi mà ông đang điều trị, rồi hỏi ý kiến tiên lượng của Andrew.

- Bà ấy sẽ bình phục. – Andrew bảo, và anh dẫn ra những lý lẽ khoa học.

Urquhart ngờ vực, lắc cái đầu già của ông:

- Tôi chưa bao giờ được nghe nói đến các loại huyết thanh đa trị, các loại kháng thể hay đơn vị quốc tế gì gì của anh. Song chị này khi còn con gái là người trong gia đình Powel. Khi một người trong dòng họ Powel mắc bệnh phổi mà lại bị chướng bụng thì nội trong tám ngày thế nào cũng chết. Tôi đã biết gia đình này từ lâu. Thế mà bây giờ bụng chị ta chướng lên, có phải không?

Ông bác sĩ già biểu lộ một thái độ đắc thắng buồn rầu với phương pháp khoa học khi bệnh nhân ấy đến ngày thứ bảy thì chết.

Denny hiện đang sống ở nước ngoài, không biết gì về danh vị mới của Andrew. Nhưng lời chúc mừng bất ngờ cuối cùng là một bức thư dài của Freddie Hamson. Đọc được kết quả cuộc thi trên tờ "Mũi dao chích", Freddie viết thư la rầy Andrew về thắng lợi của anh, mời Andrew đến Luân Đôn chơi và mô tả tỉ mỉ những thành đạt của bản thân mình ở đường Hoàng hậu Anne, nơi hiện nay đã có treo một tấm biển bằng đồng bóng loáng đề tên bác sĩ Freddie Hamson đúng như lời anh ta đã nói trước đêm hôm nào tại Cardiff.

Andrew nói với Christine:

- Chúng mình lờ Freddie thật đáng ngượng. Anh phải năng viết thư hơn cho anh ấy mới được. Anh linh cảm là chúng mình sẽ còn gặp lại anh ấy. Bức thư tử tế đấy chứ?

- Vâng, rất tử tế – Christine đáp cộc lốc – Nhưng hình như phần lớn bức thư là nói về bản thân anh ta thì phải.

Gần đến ngày Chúa giáng sinh, thời tiết chuyển lạnh, ngày thì rét căm căm và đêm thì êm ả, sao đầy trời. Mặt đường rắn đanh lại như thép, kêu vang vang dưới chân Andrew. Không khí trong vắt như một thứ rượu làm say lòng người. Andrew đã hình dung trong óc bước đi kế tiếp trong cuộc tiến công lớn vào bệnh bụi phổi. Những điều anh đã phát hiện được ở các bệnh nhân của anh đem lại cho anh nhiều hy vọng, và bây giờ anh đã được Vaughan cho phép mở rộng địa hạt nghiên cứu bằng cách tiến hành một cuộc kiểm tra có hệ thống tất cả các thợ mỏ ở ba lò anthracite. Đây là một cơ hội tuyệt diệu. Andrew dự định lấy thợ đi lò và thợ làm việc trên mặt đất làm đối chứng, và anh sẽ bắt tay vào việc khi bước sang năm mới.

Đêm Nô-en, ở trạm xá về nhà, Andrew có một cảm giác lạ thường, cảm giác chờ đợi trong tâm trí và dễ chịu về thể xác. Lúc leo con đường dốc, anh không khỏi không nhận thấy những dấu hiệu của ngày hội sắp tới. Thợ mỏ ở đây rất coi trọng lễ Nô-en.

Trong suốt tuần qua, ở nhà nào cũng vậy, phòng ngoài được chăng những dây hoa giấy và đóng kín cửa không cho trẻ con vào. Đồ chơi được cất giấu trong ngăn kéo, và trên bàn bày rất nhiều thức ăn ngon như bánh ngọt, cam, bánh quy đường, tất cả đều mua bằng tiền của Quỹ tương tế được chia cho các gia đình vào dịp này trong năm.

Vui sướng đón chờ ngày lễ, Christine đã trang trí nhà bằng cành cây nhựa ruồi và tầm gửi. Nhưng tối nay, về nhà, Andrew nhận thấy ngay có một niềm hân hoan khác thường trên gương mặt nàng. Chìa tay ra với Andrew, Christine vội nói ngay:

- Anh đừng nói vội! Đừng nói một lời nào nhé. Chỉ nhắm mắt lại và đi theo em!

Andrew để nàng dắt anh vào gian bếp. Trên bàn là một chồng những gói nhỏ, buộc vụng về, có cái chỉ gói bằng giấy báo, nhưng gói nào cũng đính một mẩu giấy con ghi mấy chữ. Andrew hiểu ngay đó là quà của bệnh nhân gửi tặng anh. Có thứ không gói ghém gì cả.

Christine reo:

- Anh nhìn xem này. Một con ngỗng và hai con vịt. Lại còn một chiếc bánh kem thơm phức! Một chai rượu nữa. Họ tốt quá, anh nhỉ. Họ đem tặng anh những thứ này chẳng là quý anh lắm sao?

Andrew thực sự không nói được thành lời. Anh nghẹn ngào trước bằng chứng về những tấm lòng tốt đẹp, nó cho thấy người dân ở khu anh cuối cùng đã bắt đầu quý mến anh. Anh đọc những mẩu giấy trong khi Christine ghé mắt nhìn qua vai anh, những dòng chữ nắn nót của những người kém học, có chữ viết ngoằn ngoèo bằng bút chì trên một phong bì lộn lại. "Người bệnh chịu ơn của bác sĩ ở số 3 phố Cefan". "Xin gửi biếu bác sĩ với lời cảm ơn chân thành – Bà Williams"; những dòng chữ xiêu vẹo của anh Sam Bevan: "Xin cảm ơn bác sĩ đã giúp tôi được bình phục vào dịp lễ Nô-en này", vân vân.

Christine thì thầm:

- Phải giữ lại, anh ạ. Em sẽ cất tất cả những mẩu giấy này lên trên gác.

Khi Andrew trở lại nói năng như bình thường – cũng là nhờ có một chén rượu ngâm quả do Christine tự ngâm lấy – anh đi ngang đi dọc gian bếp trong khi Christine nhồi ngỗng. Anh say sưa nói:

- Trả công phải như thế mới đúng, em ạ. Không phải bằng tiền, không phải bằng những tờ giấy bạc đáng ghét, không phải bằng đồng lương tính theo đầu người đăng ký chữa bệnh, mà là trả bằng hiện vật. Em hiểu chứ, em yêu? Anh chữa cho người ta khỏi bệnh, người ta sẽ gửi đến cho anh một thứ gì đó mà họ sản xuất được, làm ra được. Than đá chẳng hạn, hay một túi khoai tây đào ở vườn, hay là trứng gà nếu họ nuôi gà. Em hiểu ý kiến của anh chứ. Đạo đức lý tưởng là thế đấy. Nhân đây, anh kể cho em nghe về bà Williams nhé, người gửi con vịt đến cho chúng mình ấy. Leslie bắt bà ta uống nào thuốc viên nào thuốc nước trong suốt năm năm trời. Đến lượt anh, anh chữa cho bà ấy khỏi bệnh loét dạ dày bằng một chế độ ăn uống trong năm tuần lễ. Anh đang nói gì nhỉ. À, phải rồi. Em thấy không? Nếu người bác sĩ nào cũng loại bỏ được ý nghĩ kiếm tiền, làm giàu, thì toàn bộ ngành y sẽ trong sạch hơn…

- Vâng, anh ạ. Nào, anh đưa cho em gói nho khô, ở ngăn trên cùng tủ bát đĩa ấy.

- Khỉ gió. Sao em không nghe anh nói. Úi chà, món ngỗng nhồi thịt này hẳn phải ngon lắm đây.

Hôm sau là ngày Chúa giáng sinh, trời sáng đẹp. Ngọn đèn pha Tallyn nổi lên trên nền trời xanh xa xa như một hạt ngọc phủ một lớp tuyết óng ánh. Khám xong mấy người trong buổi sáng, Andrew bắt đầu đi thăm những người bệnh đã hẹn, vui thích nghĩ tối nay không phải ra trạm xá. Số người phải đến thăm hôm nay ít. Tại tất cả các căn nhà bé nhỏ kia, người ta đang sửa soạn buổi

tối, và bữa ăn tối của gia đình anh cũng đang được nấu nướng ở nhà. Qua các phố Andrew luôn mồm không biết mệt chúc mừng và nhận lời chúc mừng của mọi người nhân ngày Chúa giáng sinh. Anh không khỏi so sánh niềm vui sướng của anh hôm nay với vẻ tiu nghỉu của anh khi đi qua những phố này mới ngày nào cách đây một năm.

Có lẽ chính ý nghĩ ấy làm Andrew dừng chân trước ngôi nhà số 18 phố Cefan, trong mắt có một ánh do dự, e ngại khác thường. Trong số tất cả các bệnh nhân của anh, trừ Chenkin là người mà anh không cần, có độc một người không trở lại với anh là Tom Evans. Hôm nay, trong lòng dào dạt một tình hữu ái giữa con người với con người, Andrew bỗng thấy muốn lại thăm Evans chúc Evans một ngày Nô-en vui vẻ.

Gõ cửa xong, Andrew mở cửa ngoài, đi thẳng xuống bếp. Đến đây, anh đứng lại sững sờ. Gian bếp trống trơn, gần như trần trụi, trong bếp lò chỉ có một ngọn lửa leo lét. Tom Evans ngồi trước bếp lò, trên một chiếc ghế gãy lưng tựa, cánh tay cụt trồi ra như một cái cánh. Đôi vai Evans rũ xuống trong một tư thế chán chường, tuyệt vọng. Trên gối Evans là đứa con gái lên bốn. Hai bố con lặng lẽ ngồi nhìn một cành thông cắm trong một cái sô cũ. Trên cái cây thông Nô-en nhỏ xíu này mà Evans đã phải đi kiếm trên núi cách xa hai dặm đem về cắm hai cây nến bé tí, chưa thắp. Phía dưới là bữa tiệc Nô-en của cả gia đình: ba quả cam con.

Evans đột ngột quay lại và nhận ra Andrew. Anh ta giật mình, mặt dần dần đỏ lên vì hổ thẹn và hối hận. Andrew hiểu rõ nỗi đau khổ của Evans trong lúc này – mất việc, tàn tật, một nửa đồ đạc trong nhà bị cầm bán, gặp lại người bác sĩ mà anh ta không chịu nghe lời khuyên bảo.

Andrew cố nhiên có biết Evans gặp nhiều chuyện không may, nhưng anh không ngờ tình cảnh của Evans đáng thương đến thế. Andrew sững sờ, lúng túng, muốn trở gót quay ra. Vừa vặn lúc

đó, chị Evans ở ngoài về; chị đi cửa sau vào bếp, một cái túi giấy cặp dưới nách. Thấy Andrew, chị giật mình đánh rơi cái túi giấy xuống nền đá. Chiếc túi bung miệng ra cho thấy bên trong có hai khúc lòng bò, thứ rẻ tiền nhất ở Aberalaw. Nhìn vẻ mặt mẹ nó, đứa bé bỗng òa khóc.

Chị Evans cuối cùng đánh bạo hỏi, một tay chống nẹ:

- Có gì đấy, ông? Anh Tom nhà tôi có chuyện gì đâu?

Andrew cắn răng. Anh xúc động và kinh ngạc trước cảnh tượng anh tình cờ bắt gặp đến nỗi chỉ có một cách có thể làm anh trở lại thư thái. Mắt nhìn xuống đất, Andrew nói:

- Chị Evans này… tôi biết là có một chút hiểu lầm giữa anh Tom của chị và tôi. Nhưng hôm nay là ngày Chúa giáng sinh và,… tức là, tôi muốn… tôi muốn nói là tôi sẽ rất vui mừng nếu hai anh chị và cháu đến chơi nhà chúng tôi, ăn giúp chúng tôi bữa cơm Nô-en.

- Nhưng, bác sĩ… – Chị Evans ấp úng.

- Nhà nó, im đi nào – Evans cộc cằn ngắt lời vợ – Chúng tôi không đi đâu ăn gì sất. Nếu chúng tôi tất cả chỉ có chỗ lòng bò này thì chúng tôi chỉ có thế thôi. Chúng tôi không muốn ai thương xót chúng tôi.

- Sao anh lại nói thế – Andrew hốt hoảng – Tôi mời anh với tư cách bạn bè cơ mà.

- Dào ôi, các ông cùng một giuộc cả – Evans thiểu não đáp – Khi các ông đã dìm ai xuống rồi, các ông chỉ biết có quẳng đi một tí thức ăn vào mặt người ta thôi. Ông giữ lấy bữa cơm chết tiệt của ông. Chúng tôi không thèm.

- Anh Tom này – chị Evans gạt đi yếu ớt.

Bối rối nhưng vẫn kiên quyết thực hiện bằng được ý định của mình, Andrew quay sang phía chị Evans:

- Chị Evans, chị hãy thuyết phục anh ấy. Tôi thực sự đau lòng nếu anh chị và cháu không đến. Vào lúc một rưỡi, chị nhé. Chúng tôi chờ anh chị đấy.

Không để cho hai vợ chồng Evans kịp nói thêm một lời nào, Andrew đẩy cửa ra về.

Christine không nói gì khi Andrew kể lại sự việc vừa rồi. Hai vợ chồng Vaughan có lẽ sẽ đến chơi hôm nay trừ phi họ đã đi Thụy Sĩ trượt tuyết rồi thì không kể. Thế mà bây giờ anh lại đi mời một người thợ mỏ thất nghiệp với vợ con anh ta. Andrew nghĩ thầm như vậy khi anh quay lưng lại lò sưởi nhìn Christine bày thêm bát đĩa. Sau cùng anh hỏi:

- Em giận à, Chris?

- Em tưởng em lấy chồng là bác sĩ Manson, chứ không phải là bác sĩ Barnardo [1] – nàng hơi xẵng giọng – quả thực anh là một người đa sầu đa cảm không thể tưởng tượng được.

Gia đình Evans đến rất đúng giờ, mặt mũi sạch sẽ, quần áo phẳng phiu, hết sức ngượng nghịu, vừa hãnh diện vừa lo sợ. Lúng túng cố gắng tiếp khách cho niềm nở, Andrew có một linh cảm đáng sợ là đúng như Christine nói, buổi tiếp khách hôm nay sẽ thất bại thảm hại. Nhìn Andrew với một con mắt kỳ quặc, Evans tỏ ra vụng về trong bữa ăn vì một bên tay cụt. Vợ anh ta phải cắt bánh mì và phết bơ hộ. Rồi xảy ra một chuyện may là khi Andrew rắc hồ tiêu, nắp lọ hồ tiêu rơi ra và cả nửa lạng hồ tiêu trắng đổ ụp vào bát súp của Andrew. Gian phòng lặng đi. Cái Agnes, đứa con gái nhỏ của vợ chồng Evans bỗng rúc rích cười. Người mẹ phát hoảng cúi xuống định mắng con, nhưng nhìn thấy vẻ mặt của Andrew chị lại thôi. Lát sau, tất cả mọi người đều cười như nắc nẻ.

Không còn lo sợ người ta lên mặt kẻ cả với mình, Evans tỏ ra anh cũng là một người bình thường như mọi người khác, say xem đấu

[1] Người sáng lập ra cô nhi viện đầu tiên ở Anh

bóng bầu dục và rất yêu thích âm nhạc. Cách đây ba năm, Evans đã đi Cardigan biểu diễn tại ngày Hội khuyến nhạc ở đây. Tự hào bày tỏ sự hiểu biết của mình, Evans bàn luận với Christine về những khúc oratorios của Elgar trong khi Agnes chơi pháo tét với Andrew.

Ít phút sau, Christine kéo chị Evans và cái Agnes sang phòng bên. Khi còn lại hai người, một không khí im lặng lạ lùng bao phủ lấy Andrew và Evans. Hai người cùng nghĩ đến một chuyện nhưng không ai biết nên đề cập như thế nào.

Rốt cuộc, Andrew thấy không còn cách nào khác bèn nói:

- Anh Tom ạ, tôi đau lòng về cánh tay của anh. Tôi biết anh đã mất việc làm dưới lò vì một chuyện xảy ra trên mặt đất. Anh đừng nghĩ tôi vui mừng về chuyện ấy hay có thái độ gì gần như vậy đâu. Tôi thực hết sức đau lòng.

- Tôi cũng không kém.

Im lặng một lúc rồi Andrew nói tiếp:

- Không biết anh có bằng lòng để tôi nói với ông Vaughan hộ anh không. Anh hãy ngăn tôi lại nếu anh cho rằng như thế là tôi dính vào chuyện không liên can đến tôi. Chả là tôi có đôi chút ảnh hưởng với ông ta nên tôi tin chắc có thể kiếm được cho anh một việc làm trên mặt đất trông nom về giờ giấc chẳng hạn, hay một việc gì tương tự.

Andrew dừng lời, không dám nhìn vào mặt Evans. Lần này, không khí im lặng kéo dài. Mãi sau, Andrew ngước mắt lên nhưng lại vội nhìn ngay xuống. Mặt Evans dàn dụa nước mắt, cả người Evans rung lên vì cố ghìm cơn xúc động. Nhưng vô ích. Evans đặt cánh tay còn lành lên bàn và gục đầu lên tay.

Andrew đứng dậy đi ra cửa đứng mấy phút. Hết khoảng thời gian ấy, Evans đã bình tĩnh lại. Anh ta không nói gì, không một lời

nào, mắt anh ta tránh nhìn vào mắt Andrew với một sự im lặng nhiều ý nghĩa hơn cả lời nói.

Đến ba rưỡi, gia đình Evans ra về tươi tỉnh, khác hẳn với thái độ ngượng nghịu khi đến. Christine và Andrew chuyển sang phòng khách, Andrew bắt đầu triết lý:

- Chris, em biết không. Tai họa xảy ra với anh chàng tội nghiệp này – anh muốn nói đến cái khuỷu tay sưng tấy cứng đờ của Evans – không phải do lỗi của anh ta. Anh ta không tin tưởng anh vì anh là kẻ mới đến. Không thể bắt anh ta phải biết gì về thứ dầu gai khốn kiếp ấy, nhưng ông bạn Oxborrow, người đã nhận chiếc thẻ y tế của Evans thì phải biết chứ lị. Ngu dốt, thực sự ngu dốt, ngu dốt cùng cực. Cần có một đạo luật ràng buộc các bác sĩ phải hiểu biết những phương pháp tiên tiến. Tất cả đều là do cái tổ chức y tế thối nát của chúng ta. Cần phải có những lớp bổ túc bắt buộc để cho các bác sĩ sau khi tốt nghiệp cứ năm năm một lần phải theo học.

Ngồi ở đi-văng, Christine tủm tỉm cãi:

- Anh của em! Em đã chịu đựng tính thương người của anh suốt ngày hôm nay rồi đấy. Em cứ để ý xem anh có mọc cánh như những thượng đẳng thần không. Đừng bắt em phải nghe thêm một bài diễn văn triết lý dài dòng nữa. Anh lại đây ngồi với em. Em có lý do thực sự quan trọng cần ngồi riêng với anh hôm nay.

- Thực à? – Andrew ngờ vực hỏi – Rồi phẫn khích – Anh mong em đừng có càu nhàu nữa đấy nhé. Anh nghĩ hôm nay anh cư xử như thế là rất đúng. Vả lại, ngày Nô-en mà lại…

Christine cười lặng lẽ:

- Ôi anh! Anh đáng yêu quá! Một lát nữa sẽ nổi lên một cơn bão tuyết, anh sẽ kéo thánh Bernards mặc áo choàng trùm kín đến tận cằm lên núi dẫn về nhà một người khách lạc đường giữa đêm hôm khuya khoắt này cho mà xem.

Andrew chọc lại:

- Anh có biết người giữa đêm hôm khuya khoắt mò đến giếng than số 3, mà người lại không choàng áo cho kín.

Christine duỗi dài tay về phía Andrew:

- Anh ngồi đây… Em có cái này muốn nói với anh.

Andrew đang bước lại ngồi gần vợ thì bỗng có tiếng còi ô-tô to mà khàn khàn từ ngoài vọng vào.

"Krr-krr-krr-ki-ki-krr".

- Quỷ sứ – Christine thốt lên – Ở Aberalaw này chỉ có độc một chiếc còi kêu như vậy là chiếc còi ô-tô của Con Boland.

- Em không muốn tiếp à? – Andrew hỏi, hơi ngạc nhiên – Boland đã hẹn đến chơi uống trà vào giờ này rồi mà.

- Thôi được! – Christine nói và đứng dậy cùng với chồng ra cổng.

Gia đình Con Boland ngồi cả trong chiếc xe hơi mới lắp ráp lại, đỗ đối diện ngay với cổng chính. Con ngồi ở ghế tay lái, đầu đội mũ quả dưa, tay đi đôi găng to tướng, bên cạnh là Mary và Terence. Ở ghế sau, ba đứa trẻ khác bâu chặt xung quanh chị Boland đang ẵm trên tay đứa bé nhất. Mặc dầu chiếc xe đã được kéo dài ra rồi mà người ngồi trên xe vẫn bị chật cứng như cá hộp.

Bỗng nhiên, chiếc còi lại gầm lên: Kri-krr-krr-krr. Khi ngắt điện, Boland vô ý ấn phải nút còi và bây giờ chiếc nút ấy bị mắc kẹt vào trong không bật ra được. Còi vẫn cứ rống lên "krr-krr-krr" mãi trong khi Con Boland mò mẫm và nguyền rủa. Cửa sổ các nhà ở dãy trước mặt bật mở cả ra nhưng chị Boland vẫn bình thản ngồi yên, tâm trí như để ở đâu đâu, tay ẵm đứa bé với vẻ mơ màng. Bộ râu tua tủa nhấp nhoáng trước cái chắn bùn, Con quát ầm lên:

- Mẹ kiếp! Phí cả xăng! Sao thế không biết. Bị đoạn mạch hay sao?

- Cái nút đấy, bố ạ. – Mary điềm đạm nói với bố. Cô gái lấy móng tay út gảy cho cái nút bật lên và tiếng kêu inh ỏi chấm dứt.

- À, ổn rồi – Con Boland thở dài – Chào anh Manson. Anh xem chiếc xe tàng của tôi bây giờ thế nào? Tôi kéo dài nó ra dễ được đến hai bộ. Trông có choáng không? Phải công nhận là hộp số hãy còn hơi trục trặc tí chút. Đúng là nó chưa leo quả đồi này được thẳng một mạch.

- Xe chỉ bị dừng lại có vài ba phút thôi đấy chứ bố. – Mary nói xen.

- Không sao. Sẽ sửa lại ổn ngay khi tôi tháo nó ra lần nữa. Chào chị Manson. Cả gia đình chúng tôi đến chúc mừng anh chị và uống trà với anh chị nhân ngày Chúa giáng sinh đây.

- Mời anh vào nhà, anh Boland – Christine mỉm cười – Chà, đôi găng đẹp quá.

- Quà Nô-en của bà vợ đấy – Con trả lời, ngắm nghía đôi găng dài thườn thượt. – Hàng thừa của quân đội. Chị có cho là người ta bây giờ vẫn còn sản xuất loại găng này nữa không. À, à! Cái cửa này làm sao rồi?

Không mở được cửa xe, Boland vươn đôi chân dài qua cánh cửa, nhảy ra ngoài rồi đến đỡ vợ và mấy đứa con ở đằng sau xuống. Sau đó, anh lại đứng ngắm nghía chiếc xe, trìu mến bửa một mảng bùn bám ở kính che gió, rồi mới đành bứt mình khỏi vật sở hữu thân thương này theo chân những người khác vào trong nhà.

Bữa uống trà rất vui. Con Boland rất hào hứng, anh lúc nào cũng chỉ nói đến tác phẩm của mình: "Anh sẽ không nhận ra nó khi nó được một nước sơn". Chị Boland, vẻ lơ đãng, uống hết sáu tách cà phê đặc. Bọn trẻ con bắt đầu bằng những chiếc bánh sô-cô-la và kết thúc bằng một trận ẩu đả tranh nhau mẩu bánh mì cuối cùng. Tất cả các món ăn trên bàn đều hết nhẵn.

Sau bữa trà, trong khi Mary đi rửa bát đĩa – bảo rằng Christine trông có vẻ mệt mỏi, cô bé đòi rửa cho bằng được – Andrew đỡ lấy đứa bé trên tay chị Boland và đùa với nó trên tấm thảm dải trước lò sưởi. Anh chưa bao giờ thấy một đứa bé bụ bẫm đến vậy: đúng là một đứa bé trong tranh của Rubens, đôi mắt to nghiêm nghị, tay chân có ngấn. Đứa bé cứ định chọc ngón tay vào mắt Andrew. Mỗi lần nó chọc không trúng, mặt nó lại đượm một vẻ ngạc nhiên trang nghiêm. Hai tay đặt trên đầu gối, Christine ngồi nhìn chồng đùa với đứa bé.

Nhưng Con và gia đình anh không ở chơi được lâu. Bên ngoài trời tối dần. Con không những lo ngại cho chỗ xăng trong xe mà còn có những điều ngờ vực khác anh thấy không tiện nói ra, đó là không biết đèn của xe có chịu sáng lên cho không.

Lúc cả nhà đứng dậy ra về, Con Boland ngỏ lời mời:

- Mời anh chị ra cổng xem chúng tôi nổ máy.

Andrew và Christine lại ra đứng cạnh cổng trong khi Con chất con cái lên xe. Quay ma-ni-ven được mấy cái thì động cơ nổ. Gật đầu đắc thắng với hai vợ chồng Andrew, Con xỏ găng, kéo lệch chiếc mũ thêm tí nữa, rồi kiêu hãnh nhảy vào ngồi ở ghế tay lái.

Đúng lúc ấy thì mối hàn của Con bửa ra, chiếc xe rên lên một tiếng rồi xẹp gí. Mang toàn bộ gia đình Boland trên mình, chiếc xe bị kéo dài ra quá mức từ từ võng sệt xuống đất như một con ngựa tải đồ kiệt sức ngã khuỵu. Trước con mắt kinh hoàng của Andrew và Christine, mấy bánh xe tuột cả ra ngoài. Các bộ phận của xe rơi loảng xoảng, kìm, lắc-lê ở hòm đồ vãi ra tung tóe. Rồi thân xe đứng sững lại, rời xa thành từng mảnh ngay giữa phố. Một phút trước còn là chiếc xe, một phút sau đã như cái bục rạp xiếc. Ở phần trước là Con Boland, tay đang cầm tay lái, ở phần sau là vợ anh, ẵm đứa con. Chị Boland há hốc mồm, con mắt mơ màng nhìn vào khoảng xa xăm. Vẻ sửng sốt trên gương mặt Con

Boland khi chiếc xe xẹp gí xuống đất làm không ai có thể nhịn được cười.

Andrew và Christine cười ré lên. Đã cười rồi, họ không nín được nữa. Hai người cười cho đến khi không còn sức mà cười nữa mới thôi.

- Chết cha! – Con thốt lên và đứng dậy, vò đầu bứt tai. Thấy con cái không đứa nào việc gì, bà vợ mặt tái đi nhưng vẫn còn ngồi ở ghế sau, Boland quay sang nhìn cái xác xe với vẻ đăm chiêu, choáng váng.

Nhìn lên dãy cửa sổ trước mặt, trong óc lóe lên một cách giải thích, Boland rốt cuộc nói:

- Có kẻ phá hoại đây mà. Chắc là mấy thằng nhóc ở mấy nhà trong phố đã sục sạo vào đây.

Rồi, nét mặt tươi lên, Boland kéo tay Andrew, tự hào và buồn rầu chỉ vào đầu xe nhăn nhúm mà động cơ ở dưới hãy còn yếu ớt rung rung mấy cái:

- Manson, anh thấy không? Nó hãy còn chạy đấy!

Mấy người ì ạch kéo cái xác xe vào trong sân sau nhà Andrew. Cố nhiên gia đình Boland đi bộ về nhà.

- Một ngày hiếm có! – Andrew thốt lên khi cuối cùng hai vợ chồng được ngồi yên tĩnh bên nhau. – Suốt đời anh không bao giờ quên được vẻ mặt khi nảy của Boland.

Hai người im lặng một giây lát, rồi Andrew quay sang Christine hỏi:

- Ngày Nô-en hôm nay, em có vui không?

Không hiểu sao, nàng lại trả lời:

- Em vui khi thấy anh đùa với cháu bé nhất của anh Boland.

Andrew nhìn vợ:

- Sao em?

Christine không nhìn sang chồng.

- Cả ngày hôm nay, em định nói anh câu này. Ôi, anh yêu, anh không đoán được sao. Em nghĩ thực ra anh cũng chẳng phải là một thầy thuốc tinh lắm đấy.

XII

Lại một mùa xuân… Rồi vào hè… Khu vườn của hai vợ chồng Andrew là những mảng màu dìu dịu mà thợ mỏ đi làm ca về nhiều khi dừng chân ngắm nhìn. Những màu này chủ yếu là màu những bụi cây đang nở hoa mà Christine đã trồng từ mùa thu trước. Bây giờ thì Andrew không để cho nàng làm một việc gì nặng nhọc. Andrew nói với vợ như ra lệnh:

- Em đã xây dựng tổ ấm của chúng mình rồi. Bây giờ em hãy ngồi yên trong cái tổ đó.

Chỗ Christine thích ngồi nhất là ở cuối vạt thung lũng hẹp, bên cạnh một mảng ao nhỏ, nơi nàng có thể nghe được tiếng rì rào êm ái của dòng suối. Một cây liễu rũ lá che khuất con mắt của dãy nhà phía trên. Cái nhược điểm của những chỗ khác trong vườn là, chỉ cần hai vợ chồng ra trước cửa ngồi với nhau là y như rằng cửa sổ của dãy nhà trước mặt đầy người với tiếng xì xào từ cửa sổ này sang cửa sổ khác: "Này, trông đẹp không! Fanee ơi, ra mà xem này. Bác sĩ và vợ ra ngồi hóng nắng, có đúng không nào!". Thậm chí có lần, hồi mới đầu, khi Andrew quàng tay qua lưng Christine lúc hai người nằm dài bên suối, anh chợt thấy ở phòng khách ông già Glyn Joseph lấp lánh chiếc ống nhòm. Anh hiểu ra ngay "Khỉ gió, lão già kia chĩa ống nhòm sang chỗ chúng mình".

Nhưng ở dưới gốc liễu thì họ được hoàn toàn che khuất, cho nên đây là chỗ Andrew thường nói ra những ý kiến của anh.

- Chris, em hiểu chứ. – Andrew bồn chồn mân mê chiếc nhiệt kế. Trong một lúc quá thận trọng, anh vừa mới có ý nghĩ định đo nhiệt độ của vợ – chúng mình phải bình tĩnh. Chúng mình không thể giống như những người bình thường được. Dù sao, em cũng là vợ một bác sĩ và anh… anh là một bác sĩ. Anh đã từng chứng kiến chuyện này hàng trăm lần, ít ra thì cũng vài chục lần rồi. Đây là một việc rất bình thường. một hiện tượng tự nhiên, vì sự tồn tại của nòi giống, đại loại như vậy, em hiểu chứ. Đừng hiểu nhầm anh, em nhé, đương nhiên, việc này đối với chúng mình là tuyệt diệu. Thực ra, anh bắt đầu tự hỏi không biết em có quá mảnh khảnh, còn quá con trẻ đối với việc… ôi, anh thật sung sướng. Nhưng chúng mình không được ủy mị. Anh muốn nói là không được mềm yếu. Không, không, hãy dành chuyện đó cho ông Ngô và bà Nghê. Đối với anh, một bác sĩ mà lại thẫn thờ trước những thứ lặt vặt, nhỏ xíu mà em đang đan, đang móc, hay làm gì đó, thì thật là lố bịch, có phải không em? Không, anh chỉ nhìn vào những thứ ấy và lẩm bẩm: "Miễn đủ ấm là được rồi". Còn mọi chuyện táp nham như mắt thằng cu hay cái gái sẽ là màu gì, chúng mình sẽ xây dựng cho nó một tương lai tươi sáng như thế nào, thì đều không phải lối! – Andrew dừng lời, băn khoăn rồi dần dần một nụ cười đăm chiêu nở trên gương mặt anh. – Này em, dù sao mặc lòng, anh không biết liệu có phải là con gái không em?

Christine cười đến dàn dụa nước mắt. Nàng cười mãi đến nỗi Andrew lo ngại phải ngồi nhỏm dậy.

- Thôi đi nào, em! Chris! Khéo không lại nhỡ xảy ra chuyện gì bây giờ.

Nàng lấy tay quệt nước mắt:

- Anh của em, khi anh là một người mơ mộng đa cảm thì anh thật đáng yêu. Còn khi anh giễu cợt với giọng lạnh lùng sắt đá thì em không muốn có anh ở trong nhà nữa.

Andrew không hiểu Christine định nói gì. Nhưng anh biết là anh có một thái độ khoa học và ý tứ. Chiều chiều, khi Andrew cảm thấy Christine cần vận động đôi chút thì anh dẫn nàng đi dạo chơi trong công viên, vì leo đồi núi là điều tuyệt đối cấm. Trong công viên, hai vợ chồng đi vơ vẩn hay đứng nghe nhạc và nhìn con cái thợ mỏ mang những chai nước quả và kẹo hoa quả đến đây cắm trại.

Một buổi sáng sớm thứ năm, hai người nằm trên giường, Andrew nhận thấy có một cái gì động đậy rất nhẹ lúc anh còn đang mơ màng. Anh tỉnh hẳn dậy và nhận ra cái đạp đạp nhè nhẹ, đó là động tác đầu tiên của đứa trẻ trong bụng Christine. Anh nằm yên, không nhúc nhích, hầu như không dám tin là có thật và gần như ngạt thở vì những cảm xúc đê mê trào lên trong người. Ít phút sau, anh nghĩ: "Chết không! Mình hóa ra cũng giống như những ông Ngô ông Nghê mất thôi. Có lẽ vì vậy mà nguyên tắc đề ra là bác sĩ không được đỡ đẻ cho vợ mình".

Tuần sau, Andrew cho rằng đã đến lúc ngỏ lời với bác sĩ Llewellyn, người mà ngay từ đầu hai vợ chồng đã quyết định nhờ trông nom việc sinh nở của Christine. Nghe Andrew nói qua điện thoại, Llewellyn hài lòng và hãnh diện. Ông đến ngay tức khắc, thăm thai sơ qua rồi ra nói chuyện với Andrew ở phòng khách.

- Tôi rất vui mừng được giúp anh, anh Manson ạ – ông nhận một điếu thuốc – Tôi cứ tưởng anh không ưa tôi lắm nên sẽ không yêu cầu tôi việc này. Cứ tin ở tôi, anh Manson, tôi sẽ làm hết sức mình. Mà này, bây giờ ở Aberalaw khá nóng, anh có thấy nên đưa chị ấy đi đổi gió một chút trong lúc chị ấy còn đi được không?

Khi Llewellyn về rồi, Andrew tự hỏi:

- Mình thế nào ấy nhỉ. Mình đâm ra yêu mến con người này. Ông ta lịch sự, vô cùng lịch sự, ân cần, tế nhị. Về công việc thì không ai bì được. Thế mà cách đây mười hai tháng, mình lại tìm cách

chẹt cổ ông ta. Mình thật chỉ là một con dê con vùng núi, bướng bỉnh, ghen tị và vụng về.

Christine không muốn đi, nhưng Andrew cứ ép khéo.

- Anh biết là em không muốn xa anh, Chris ạ. Nhưng đi thì tốt hơn. Chúng mình phải nghĩ đến… à, à… phải nghĩ đến mọi thứ chứ! Hay em thích ra biển hơn. Hay lên miền bắc ở với cô em. Ngại gì em, anh có khả năng để đưa em đi nghỉ mà. Chúng mình bây giờ khấm khá rồi.

Họ đã trả xong tiền chịu của Quỹ cứu trợ Glen và tiền mua chịu đồ gỗ, lại còn có gần một trăm bảng gửi ngân hàng. Nhưng Christine không nghĩ đến điều đó khi nàng siết chặt tay Andrew, từ tốn trả lời.

- Vâng! chúng mình đã khá rồi, anh nhỉ.

Vì cần phải đi nên nàng chọn đến ở với bà cô tại Bridlington. Tuần sau, Andrew đưa nàng ra ga trên, anh ôm nàng thật lâu rồi đưa nàng lên tàu cùng với một làn hoa quả để ăn dọc đường cho khỏe.

Andrew nhớ Christine quá sức anh tưởng. Mối dây tình cảm giữa hai người đã trở thành một phần cuộc sống của anh. Những buổi chuyện trò bàn bạc với nhau, những lúc chí chóe với nhau, cả những lúc yên lặng bên nhau nữa, và thói quen của anh mỗi khi về đến nhà thì… gọi nàng rồi dỏng tai chờ tiếng nàng reo vui đáp lại… nay anh mới nhận thấy tất cả ý nghĩa của những cái đó đối với anh. Không có nàng, phòng ngủ của hai vợ chồng trở thành một gian phòng xa lạ ở một khách sạn. Các bữa ăn mà chị Jenny nấu nướng theo đúng những lời dặn dò tỉ mỉ của Christine chỉ là những lúc ngồi nhai vô vị với một quyển sách mở trước mặt.

Đi vơ vẩn trong khu vườn mà nàng đã bỏ công sang sửa, Andrew bỗng sửng sốt khi thấy chiếc cầu bị xiêu vẹo. Tình trạng ấy làm anh khó chịu, nó xúc phạm đến Christine của anh hiện không có mặt ở đây. Anh đã nhiều lần nêu vấn đề này với Hội đồng, bảo

với họ là chiếc cầu sắp đổ đến nơi, nhưng họ bao giờ cũng lề mề trong việc sửa chữa nhà ở cho các bác sĩ phụ tá. Bây giờ, trong một lúc kích động, Andrew gọi dây nói thẳng đến trụ sở Hội nhấn mạnh đến việc này. Owen nghỉ phép từ mấy hôm nay. Nhân viên ở đấy báo lại với Andrew là Hội đồng đã quyết định cho sửa rồi và đã chuyển việc đó sang người chịu trách nhiệm xây dựng là Richard. Chỉ vì Richard còn đang mắc vào một hợp đồng khác nên công việc chưa được xúc tiến mà thôi.

Chiều chiều, Andrew thường đến chơi nhà Boland. Anh đã hai lần đến chơi nhà vợ chồng Vaughan và được họ giữ lại đánh bài bridge. Có một lần, Andrew chơi gôn với Llewellyn, điều đó làm chính anh rất ngạc nhiên. Anh viết thư cho Hamson và cho Denny hiện đang trên đường đi Tampico làm bác sĩ phẫu thuật trên một tàu chở dầu. Những bức thư của Andrew gửi cho Christine là mẫu mực về những lời khuyên sáng suốt trong cách giữ gìn sức khỏe. Nhưng Andrew tìm sự khuây khỏa chủ yếu trong công việc.

Công việc nghiên cứu của anh tại các giếng than dạo này tiến triển tốt. Anh không thể đi vội vàng được, vì ngoài việc bận bịu với bệnh nhân của anh, anh chỉ có dịp khám các thợ mỏ vào lúc họ đi tắm sau ca làm, và anh không thể giữ họ ở lại lâu khi họ muốn vội về nhà ăn uống nghỉ ngơi. Trung bình, mỗi ngày anh khám được hai người. Tuy vậy, kết quả thu được làm anh càng thêm phấn khởi. Chưa vội rút ra ngay một kết luận, song anh đã thấy rằng tỷ lệ người mắc bệnh phổi trong loại thợ khấu than là rõ rệt cao hơn tỷ lệ các loại thợ khác cùng làm việc trong lò.

Tuy rằng, với ý thức tự vệ, anh không tin vào sách vở vì không muốn về sau nhận ra mình chỉ đi theo vết chân của người khác, nhưng anh vẫn đọc các tài liệu xung quanh vấn đề này. Anh kinh ngạc thấy các tài liệu ấy quá nghèo nàn. Xem ra không có mấy nhà nghiên cứu quan tâm nhiều đến các loại bệnh phổi nghề nghiệp. Zenker đã tạo ra một tên gọi rất kêu là "bệnh bụi phổi" bao gồm ba dạng xơ hóa phổi vì nhiễm bụi. Cố nhiên, bệnh bụi

than, tức là bệnh đen phổi bắt gặp trong thợ mỏ than, đã được biết đến từ lâu, và được Goldman ở Đức và Trotter ở Anh coi là vô hại. Có một vài bản luận án nói về tình trạng phổ biến của bệnh phổi trong thợ làm cối đá, nhất là ở Pháp, thợ mài dao – được gọi là "bệnh thối phổi của thợ mài" – và thợ xẻ đá. Có những dẫn chứng, hầu hết là trái ngược nhau, viết từ Nam Phi nói đến những lá phổi đó trong đám phụ thợ ở miền Rand và thợ mỏ vàng bị lao, những lá phổi ấy chắc chắn là do nhiễm bụi. Cũng có những tài liệu nói rằng thợ ở các ngành sợi lanh và sợi bông, và thợ vận chuyển hạt lanh hạt bông dễ mắc phải những chứng bệnh về phổi. Nhưng, ngoài những điều ấy ra thì không có gì cả.

Đọc các tài liệu ấy xong, mắt anh long lanh, háo hức. Anh cảm thấy mình đang đi vào một lĩnh vực hoàn toàn chưa có ai khai phá. Anh nghĩ đến biết bao nhiêu công nhân làm việc dưới hầm lò trong các mỏ than lớn, đến những thiếu sót trong các quy định về tình huống mất sức lao động của họ, đến tầm quan trọng lớn lao về mặt xã hội của hướng nghiên cứu này. Một sự may mắn làm sao! Anh toát mồ hôi khi đột ngột nghĩ nhỡ có ai đi trước anh. Nhưng anh xua đuổi nỗi lo ngại ấy. Đã quá nửa đêm từ lâu, đi đi lại lại trong phòng khách trước lò sưởi đã tắt ngấm, Andrew bỗng cầm lấy bức ảnh của Christine trên lò sưởi:

- Chris, em. Anh thực sự tin rằng anh sẽ làm được một việc to tát!

Andrew bắt đầu cẩn thận sắp xếp các kết quả khảo sát của anh vào một cái hộp đựng các phích nghiên cứu mà anh đã mua để dùng vào việc đó. Tuy Andrew không hề bao giờ chú ý đến điều này nhưng quả thực kinh nghiệm lâm sàng của anh bây giờ rất phong phú. Trong phòng thay quần áo, trước mặt anh là những thợ mỏ mình trần. Bằng ngón tay, bằng ống nghe của anh, Andrew phát hiện một cách kỳ lạ những căn bệnh ẩn náu trong những lá phổi sống ấy: đây là một chỗ bị xơ hóa, kia là chỗ phù thũng, rồi kia là viêm phế quản mãn tính mà người bệnh một mực

bảo rằng họ "chỉ hơi ho một tí". Andrew cẩn thận đánh dấu những chỗ bị tổn thương lên sơ đồ in sau mặt các tấm thẻ.

Đồng thời, Andrew lấy mẫu đờm của từng người, đem xét nghiệm trên kính hiển vi của Denny đến tận hai ba giờ sáng và ghi lại kết quả lên thẻ. Anh phát hiện thấy rằng những mẫu nhầy lẫn mủ này, mà người dân ở đây thường gọi là "đờm trắng", hầu hết chứa đựng những mảnh silica sáng nhỏ, sắc cạnh. Anh kinh ngạc trước số lượng tế bào phế nang có trong đó, kinh ngạc thấy anh gặp phải trực khuẩn lao luôn.

Nhưng cái tập trung sự chú ý của Andrew chính là sự có mặt hầu như thường xuyên của các tinh thể silica trong các tế bào phế nang, của các hiện tượng thực bào bắt gặp ở khắp nơi. Anh không khỏi có ý nghĩ hồi hộp là những biến đổi diễn ra ở phổi, có thể là cả những hiện tượng viêm nhiễm đồng sinh nữa, về cơ bản phụ thuộc vào nhân tố này.

Công trình nghiên cứu của Andrew tiến được tới đấy thì Christine trở về vào cuối tháng sáu. Nàng quàng tay bá cổ Andrew.

- Về nhà thật là sung sướng! Em ở trên ấy cũng vui… song, ôi em không biết… sao anh xanh thế, anh? Em không nghĩ là Jenny lại cho anh ăn uống tồi đến thế kia.

Những ngày nghỉ ngơi ấy đã có tác dụng tốt. Christine khỏe hơn, má hồng hào. Nhưng Christine lại lo lắng về chồng khi nàng thấy Andrew ăn không ngon, lúc nào cũng tìm thuốc lá.

Nàng nghiêm trang hỏi:

- Công việc đặc biệt này còn mất bao lâu nữa, hở anh?

Đó là hôm sau Christine về nhà được một ngày, một hôm trời mưa, và Andrew tự nhiên cáu kỉnh:

- Không biết. Có thể mất một năm, có thể mất trăm năm.

- Này, anh ạ. Em không có ý gì bảo ban anh đâu, trong gia đình có một người bảo ban là đủ rồi. Nhưng anh có thấy là công việc

kéo dài đến vậy thì anh cần phải làm việc một cách có phương pháp, giờ giấc phải giữ cho đều đặn, chứ không được thức quá khuya đến nỗi hại người, không anh?

- Anh có làm sao đâu.

Nhưng đối với một số việc, Christine đặc biệt kiên quyết. Nàng bảo Jenny cọ rửa sàn phòng thí nghiệm, đem đến một chiếc ghế bành và dải một tấm thảm. Những đêm nóng nực này, gian phòng ấy mát mẻ, sàn gỗ thông tỏa ra một mùi thơm hòa lẫn mùi ê-te hăng hắc của những chất phản ứng mà Andrew dùng. Christine đến ngồi ở chiếc ghế ấy, khâu vá, đan lát, trong lúc Andrew ngồi làm việc ở bàn. Cúi mình trên chiếc kính hiển vi, anh quên hẳn nàng, nhưng nàng vẫn ngồi đó, và đêm nào, cứ đến mười một giờ thì nàng đứng dậy.

- Đến giờ đi ngủ rồi, anh!

Đôi mắt Andrew chớp chớp như người cận thị khi anh ngẩng đầu lên khỏi kính hiển vi nhìn Christine.

- Này em! Cứ lên gác trước đi, anh lên theo ngay bây giờ đây.

- Anh Andrew Manson, trong hoàn cảnh em thế này mà anh định để em lên giường ngủ một mình sao?

Câu nói này đã trở thành một câu đùa trong nhà. Cả hai người cùng dùng đến mấy chữ ấy "trong hoàn cảnh em", dùng một cách bừa bãi, đùa cợt, những khi cần tăng thêm sức thuyết phục cho lý lẽ của mình. Andrew không cưỡng lại được. Anh cười xòa rồi đứng dậy, vươn vai, xoay bản lề kính hiển vi và cất những mảnh xét nghiệm đi.

Đến cuối tháng bảy, một vụ dịch thủy đậu lớn làm Andrew rất bận. Ngày mồng ba tháng tám, anh đặc biệt phải đi thăm rất nhiều người bệnh, suốt từ sau buổi khám bệnh sáng đến quá ba giờ chiều. Trên đường về nhà, mệt nhọc, bụng đói, bữa trưa chưa

ăn gì đành đợi ăn gộp làm một bữa trà sắp tới, Andrew thấy chiếc ô tô của bác sĩ Llewellyn đỗ trước cửa.

Chiếc xe đậu ở đấy có một ý nghĩa làm anh bỗng giật mình, anh chạy vội về nhà, tim đập mạnh không hiểu có chuyện gì. Anh nhảy mấy bậc tam cấp, đẩy mạnh cửa và gặp ngay Llewellyn ở phòng ngoài dưới nhà.

Nhìn Llewellyn với con mắt nhớn nhác và lo lắng, Andrew ấp úng:

- Chào bác sĩ Llewellyn, tôi… tôi không ngờ ông lại đến sớm thế.

- Không ngờ thật.

Andrew mỉm cười: "Tốt chứ?". Trong cơn xúc động, anh không tìm được chữ nào hơn, nhưng câu hỏi đọc được trên nét mặt náo nức của anh thì khá rõ.

Llewellyn không cười. Sau mấy giây, ông nói:

- Anh Manson thân mến, anh vào đây một tí. – Ông kéo Andrew vào phòng khách

– Chúng tôi đã cố tìm anh suốt sáng nay ở nhà các bệnh nhân của anh…

Cử chỉ của Llewellyn, dáng điệu ngập ngừng của ông, giọng thương cảm kỳ quặc của ông khiến Andrew rùng mình. Anh yếu ớt:

- Có gì chẳng lành không ông?

Llewellyn nhìn ra cửa sổ, về phía cái cầu, như tìm cách giải thích thế nào cho ổn nhất. Andrew không chịu nổi lâu thêm nữa. Anh khó thở, ngực anh quặn lại vì hồi hộp, lo lắng. Tiếng Llewellyn dịu dàng:

- Anh Manson ạ. Sáng nay, chị ấy đi qua cầu… thì một thanh gỗ mục gãy. Chị ấy bây giờ tốt rồi, rất tốt rồi, nhưng tôi e rằng…

Andrew đã hiểu ngay trước khi Llewellyn nói xong. Một nỗi đau đớn vò xé lòng anh.

Llewellyn tiếp lời, giọng ôn tồn, thương cảm:

- Xin để anh biết… chúng tôi đã làm đủ mọi việc… Tôi đến ngay tức khắc, đem theo y tá trưởng của bệnh viện. Chúng tôi ở đây suốt cả ngày.

Một bầu không khí yên lặng nặng nề. Một tiếng nấc bật ra từ cổ Andrew, một tiếng nữa, rồi một tiếng nữa. Anh lấy tay ôm mặt.

- Anh Manson thân mến, – Llewellyn nói thêm – Ai có thể tránh được một tai nạn như vậy. Tôi khuyên anh nên lên gác an ủi chị ấy.

Đầu gục xuống ngực, tay bíu lấy thành cầu thang, Andrew bước lên gác. Ngoài cửa phòng ngủ, anh dừng lại hầu như ngạt thở rồi lảo đảo bước vào phòng.

XIII

Đến năm 1927, bác sĩ Manson ở Aberalaw đã có một tiếng tăm hiếm có. Số người đăng ký chữa bệnh ở chỗ anh không thật đông, danh sách bệnh nhân của anh không tăng thêm nhiều kể từ những ngày đầu gian nan khi anh mới đến thị trấn. Song tất cả các khách bệnh của anh đều tin tưởng tuyệt đối ở anh. Đơn thuốc anh cho không ghi nhiều thứ thuốc – đúng vậy, anh có một cái nếp không ai tưởng tượng nổi là khuyên người bệnh tránh dùng thuốc men, nhưng khi cần đến thuốc thì anh lại cho liều lượng rất cao. Không phải là hiếm cái cảnh người dược tá Gadge bước qua phòng đợi, cắm cúi nhìn đơn thuốc ở tay:

- Thế này là thế nào, bác sĩ Manson? Sáu mươi grain [1] ka-li brô-mua cho Evans John à? Trong dược điển chỉ ghi có năm.

- "Sách đoán mộng của cô Kate" ghi như vậy đó, cứ pha sáu mươi grain đi, bác Gadge ạ. Đánh quỵ được Evans John thì bác thích lắm cơ chứ.

[1] Đơn vị trọng lượng Anh = 0,0648 gram

Nhưng bệnh nhân động kinh Evans John không bị quỵ. Trái lại, một tuần sau, những cơn động kinh của ông ta bớt đi và người ta thấy Evans John đi chơi trong công viên.

Hội đồng lẽ ra phải quý bác sĩ Manson lắm thì mới phải bởi vì mặc dầu có những đơn thuốc cho liều cao nhưng liều thuốc mà anh cấp cho bệnh nhân nói chung không bằng một nửa so với bất kỳ một bác sĩ phụ tá nào khác. Nhưng than ôi, Andrew lại làm cho Hội đồng tốn về các khoản khác gấp ba lần tiền thuốc, và nhiều khi làm nổ ra những vụ tranh cãi về chuyện này. Ví dụ, Andrew dùng nhiều đến các loại thuốc tiêm chủng và huyết thanh, những thứ thuốc tốn tiền mà như lời Ed Chenkin nóng nảy nói, trong Hội đồng không một ai được nghe nói đến bao giờ. Owen bênh vực Manson, ông dẫn ra ví dụ: trong một tháng đông nọ, anh dùng thuốc tiêm chủng của Bordet và Gengou chặn được một trận dịch ho gà ác liệt ở khu anh, trong khi tất cả các khu khác, trẻ em mắc bệnh ấy la liệt. Nghe thấy vậy, Ed Chenkin bác lại: "Làm sao có thể biết được đó là do tác dụng của thứ thuốc mới ấy. Này ông, khi tôi hỏi chính anh ta thì anh ta bảo là không ai có thể dám nói chắc".

Andrew có nhiều bạn bè tốt, nhưng anh cũng có nhiều kẻ thù. Ở Hội đồng, có những người không bao giờ tha thứ hẳn cho anh về cơn giận và những câu nói đốp chát của anh trong chuyện cái cầu khi Hội đồng họp phiên toàn thể ba năm về trước. Cố nhiên, họ có bày tỏ nỗi thương cảm với hai vợ chồng Andrew về sự mất mát ấy, song họ không thể tự nhận họ là kẻ chịu trách nhiệm. Hội đồng không bao giờ làm một việc gì hấp tấp. Owen lúc bấy giờ đang nghỉ. Len Richard được giao làm việc ấy thì lúc bấy giờ đang mắc vào việc xây dựng dãy nhà mới ở phố Powis. Trách cứ họ là vô lý.

Với thời gian, xảy ra nhiều chuyện va chạm giữa Andrew với Hội đồng bởi vì anh cứ cứng đầu cứng cổ hành động theo hướng đi riêng của anh mà Hội đồng không thích. Ngoài ra, người ta lại còn

có đôi chút thành kiến tôn giáo đối với Andrew. Christine thì thường xuyên đi lễ nhưng người ta không thấy anh đến nhà thờ bao giờ – bác sĩ Oxborrow là người đầu tiên nêu lên nhận xét ấy – và nghe nói anh đã cười giễu thuyết rửa tội toàn thân. Thêm vào đó, anh đã gây cho mình một kẻ thâm thù trong giới giáo sĩ, đó chẳng phải là ai khác ngoài mục sư giáo phái Sinai, Edwal Parry.

Mùa xuân năm 1926, một hôm vào lúc đã khuya, lão Edwal đức hạnh, vừa mới cưới vợ xong, lẻn đến phòng khám bệnh của Andrew với một vẻ rất ngoan đạo như người vẫn đượm một phong thái đỏm dáng trần tục.

- Chào bác sĩ Manson! Tiện qua đây tôi rẽ vào chơi thăm bác sĩ. Theo nguyên tắc thì tôi là khách bệnh của bác sĩ Oxborrow; ông ấy là một con chiên trong giáo khu tôi và trạm xá khu Tây của ông ấy lại gần nhà tôi. Nhưng bác sĩ Manson ạ, ông là một người rất tiên tiến về mọi phương diện, ông tinh tường tất cả những điều mới mẻ. Cho nên tôi rất vui mừng nếu ông có thể chỉ bảo cho tôi chút việc này – cố nhiên tôi sẽ trả tiền công kha khá. – Edwal che giấu một đôi chút ngượng ngịu của thầy tu dưới một vẻ thành thực trần tục – Bác sĩ ạ, nhà tôi và tôi chưa muốn có con ngay vì khoản thu nhập của tôi hiện nay, cứ như hiện nay là…

Andrew nhìn lão mục sư với con mắt lạnh lùng, ghê tởm. Anh điềm đạm nói:

- Ông không biết rằng có những người đồng lương chỉ bằng một nửa số thu nhập của ông mà họ sẵn sàng chịu mất đi hẳn một bàn tay để có một đứa con à? Ông lấy vợ để làm gì? – Andrew bỗng tái người giận dữ – Mời ông ra khỏi đây, mau lên, con chiên ghẻ của Chúa.

Mặt méo xệch đi một cách kỳ quặc, Parry chuồn thẳng. Manson nói có lẽ quá nặng. Song đó là vì sau lần ngã tai hại ấy, Christine không bao giờ sinh nở được nữa, mà hai người thì vô cùng ao ước có con.

Ngày 15 tháng 5 năm 1927, trên đường về nhà sau buổi đi thăm bệnh, Andrew tự hỏi vì cớ gì anh và Christine còn ở lại Aberalaw từ ngày đứa con của hai người không sống được. Câu trả lời khá đơn giản: vì công trình nghiên cứu bệnh nhiễm bụi của anh, nó thu hút anh, lôi cuốn anh, gắn chặt anh với hầm mỏ.

Điểm lại những gì đã làm được, xét đến những khó khăn mà anh đã phải khắc phục, Andrew ngạc nhiên sao anh đã không phải mất thêm nhiều thời gian hơn để hoàn thành những tìm tòi của anh. Những nghiên cứu ban đầu của anh, bây giờ sao chúng có vẻ xa xưa về thời gian và cả về kỹ thuật đến thế.

Sau khi xét nghiệm lâm sàng đầy đủ thể trạng phổi của tất cả các loại thợ trong khu và xếp loại kết quả, Manson đã có bằng chứng rõ ràng là bệnh phổi phổ biến hơn rõ rệt trong thợ khai thác than. Chẳng hạn, anh nhận thấy chín mươi phần trăm trường hợp phổi bị xơ hóa là ở các mỏ anthracit. Anh còn thấy tỉ lệ tử vong vì bệnh phổi trong giới thợ già đã làm việc tại các mỏ than anthracit cao gần gấp ba tỷ lệ tử vong của thợ các mỏ than đá nói chung. Anh kẻ một loạt biểu đồ cho thấy tỷ lệ mắc bệnh phổi trong các loại thợ khác nhau ở các mỏ than anthracit.

Tiếp đến, anh bắt tay vào việc chứng minh rằng bụi silica mà anh đã phát hiện thấy trong đờm thực tế có mặt tại các lò chợ. Anh không những đã chứng minh thành công sự có mặt đó mà bằng cách đặt các tấm kính xét nghiệm có bôi một chất nhựa trong suốt tại những khu vực khác nhau trong mỏ than vào những thời điểm khác nhau, anh còn ghi được những con số khác nhau về mật độ bụi. Những con số này tăng vọt lên trong thời gian đục vỉa khấu than.

Bây giờ anh đã có một loạt phương trình lý thú liên hệ giữa mật độ bụi silica quá cao trong không khí với tỉ lệ quá cao về số người mắc bệnh phổi. Nhưng thế chưa đủ. Anh còn thực tế chứng minh rằng bụi này có hại, nó phá hủy các mô phổi chứ không phải nó chỉ có một hiệu ứng phụ vô hại về sau. Anh thấy cần phải một

loạt cuộc xét nghiệm bệnh lý ở chuột lang để nghiên cứu ảnh hưởng của bụi silica đối với phổi của chúng.

Trong vấn đề này, càng làm việc anh càng say sưa. Tuy nhiên anh lại bắt đầu vấp phải những khó khăn thực sự. Anh đã có một gian phòng bỏ không làm phòng thí nghiệm. Chuột lang rất dễ kiếm, và dụng cụ thí nghiệm cũng đơn giản. Tuy Andrew rất giàu óc sáng tạo, nhưng anh không phải là một nhà bệnh lý học và sẽ không bao giờ trở thành một nhà bệnh lý học được. Anh bực bội khi nhận ra điều đó, nhưng anh lại càng quyết tâm hơn bao giờ hết. Anh nguyền rủa cái tổ chức y tế nó buộc anh phải làm việc đơn độc. Anh phải nhờ Christine đỡ anh, dạy nàng cách cắt và chuẩn bị các thiết đồ, những động tác máy móc mà chẳng bao lâu nàng đã làm giỏi hơn anh.

Tiếp đến, Andrew xây dựng một cách rất đơn giản một phòng bụi, trong đó anh đặt những con vật thí nghiệm vào từng giờ nhất định trong ngày và giữ riêng những con vật khác tại một nơi khác làm vật đối chứng. Đây là một việc dễ làm người ta nóng nảy bực tức, nó đòi hỏi một sự kiên nhẫn quá sức anh. Chiếc quạt máy nhỏ để quạt bụi bị hỏng hai lần. Đến giai đoạn then chốt trong cuộc thí nghiệm thì anh lại xáo trộn mất hệ thống đối chứng nên phải làm lại từ đầu. Nhưng mặc dầu có những chậm trễ và sai sót, Andrew cũng đã thu được những tiêu phẩm chứng tỏ sự hư hại của phổi và hiện tượng xơ hóa phổi vì bụi qua từng giai đoạn tiến triển.

Đến lúc bấy giờ Andrew mới hít một hơi dài hài lòng, không rầy la Christine nữa và sống dễ chịu được mấy ngày. Nhưng rồi anh lại nảy ra một ý kiến mới và lại hùng hổ lao vào.

Mọi việc nghiên cứu tìm kiếm của anh đều tiến hành với giả thuyết cho rằng phổi bị hư hại là do sự tàn phá cơ học của những hành tinh thể silica sắc cạnh hít phải gây ra. Nhưng đến bây giờ, Andrew lại bất ngờ nảy ra câu hỏi không biết còn có thêm một sự tác động hóa học nào nữa ngoài sự kích thích vật lý của các hạt

bụi không. Anh không phải là một nhà hóa học, nhưng đến lúc này, anh đã đi vào việc quá sâu rồi, không thể cho phép mình chịu thất bại được nữa. Anh vạch ra một loạt thí nghiệm mới.

Anh lấy silica ở dạng keo đem tiêm dưới da cho một con vật thí nghiệm, kết quả là chỗ đó bị áp-xe. Anh nhận thấy cũng sinh ra những áp-xe tương tự khi tiêm dịch silica không kết tinh vốn không phải là một chất kích thích về mặt vật lý. Mặt khác, anh lại thấy tiêm một chất có kích thích về cơ học như những hạt bụi các-bon thì hoàn toàn không gây áp-xe. Từ đó, anh đi đến kết luận: bụi silica có hoạt tính hóa học.

Đầu óc Andrew quay cuồng vì mừng rỡ phấn khởi. Anh đã thu được kết quả cao hơn mức đề ra. Anh sốt sắng tập hợp các dữ kiện, sắp xếp lại những kết quả thu được trong ba năm lao động. Mấy tháng trước, anh đã quyết định không những sẽ công bố công cuộc nghiên cứu của anh mà còn lấy nó làm luận án thi tiến sĩ y khoa. Khi nhận được từ Cardiff gửi về tập luận án đánh máy, đóng gọn ghẽ, bìa xanh nhạt, Andrew say sưa đọc rồi kéo Christine cùng đi gửi bưu điện. Nhưng sau đó anh lại rơi vào tâm trạng chán nản.

Andrew cảm thấy mệt lử, kiệt sức. Anh nhận thức rõ hơn bao giờ hết anh không phải là một người thích hợp với công việc xét nghiệm, và phần giá trị nhất, phần hay nhất trong công trình của anh là giai đoạn nghiên cứu lâm sàng ban đầu. Anh đau khổ vì ân hận khi nhớ lại anh đã hay nóng nảy tức giận với người vợ tội nghiệp của anh như thế nào. Có nhiều hôm liền, anh sống lờ phờ, mất hết nhuệ khí. Dẫu vậy, vẫn có những lúc tươi sáng trong đó anh biết rằng dù sao anh đã hoàn thành được một công việc có giá trị.

XIV

Buổi chiều tháng năm ấy, lúc về đến nhà, tâm trạng ưu phiền vật vờ kỳ quặc kéo dài từ ngày gửi bản luận án đi làm Andrew không

để ý thấy vẻ lo lắng trên gương mặt Christine. Anh lơ đãng hỏi han nàng và lên gác rửa mặt rồi xuống nhà uống trà.

Nhưng sau bữa trà, đang hút thuốc, anh bỗng nhận ra vẻ băn khoăn của vợ. Với tay lấy tờ báo buổi chiều, anh hỏi:

- Có chuyện gì hả em?

Trong một lát, Christine dường như cứ nhìn vào cái thìa con:

- Hôm nay, chúng mình có mấy người khách; hay nói cho đúng hơn là chiều nay, trong lúc anh đi vắng, em có mấy người khách

- À, ai thế em?

- Một phái đoàn của Hội đồng, năm người cả thảy trong đó có Ed Chenkin, đi cùng với Parry – anh còn nhớ không, ông mục sư giáo phái Sinai ấy, – và một người tên là Davis.

Gian phòng lặng đi khác thường. Andrew hít một hơi thuốc dài rồi bỏ tờ báo xuống, nhìn Christine:

- Họ muốn gì?

Lần đầu tiên, Christine nhìn lại, nàng nhìn thẳng vào mắt Andrew, biểu lộ rõ sự bực tức và nỗi lo lắng trong con mắt. Nàng hấp tấp nói:

- Họ đến vào khoảng bốn giờ chiều. Họ hỏi anh. Em nói anh đi vắng thì Parry bảo không sao, họ muốn vào nhà. Cố nhiên, em hoàn toàn không hiểu có chuyện gì. Em không biết họ định chờ anh hay định làm gì. Lúc ấy, Chenkin nói ngôi nhà này là của Hội đồng mà họ là những người đại diện cho Hội đồng nên nhân danh Hội đồng họ có quyền vào nhà, và họ sẽ vào. – Nàng dừng lại lấy hơi – Em không nhích chân tí nào. Em tức lắm… và em bối rối. Nhưng em vẫn hỏi họ vì cớ gì họ muốn vào nhà. Nghe thấy vậy, Parry đỡ lời. Hắn bảo người ta đã nói đến tai hắn, đến tai Hội đồng và thực tế cả thị trấn này đều bàn tán là anh tiến hành thí nghiệm trên súc vật… làm giải phẫu sinh thể, hắn dám cả gan gọi

như vậy. Do đó, họ đến để kiểm tra phòng thí nghiệm của anh và đem theo ông Davis, đại diện Hội bảo vệ súc vật.

Andrew không nhúc nhích, mắt vẫn không rời mặt Christine. Anh bình thản bảo:

- Em kể tiếp đi.

- Lúc bấy giờ, em cố cản họ, nhưng không được. Họ gạt em để đi qua, bảy người tất cả, vào phòng ngoài rồi vào phòng thí nghiệm. Khi nhìn thấy mấy con chuột lang, lão Parry rú lên: "Ôi những con vật bé bỏng đáng thương"! và Chenkin chỉ vào vết bẩn trên sàn, chỗ em đánh đổ chai thuốc đỏ, anh nhớ chứ, rồi kêu tướng lên: "Nhìn này, máu!" Họ sục sạo khắp nơi, sục vào những thiết đồ đẹp đẽ của chúng mình, con dao cắt vi thể, đủ mọi thứ. Sau đó, Parry nói: "Tôi sẽ không để mặc mấy con vật đau khổ tội nghiệp này ở đây để người ta hành hạ chúng thêm nữa. Tôi giúp chúng chấm dứt nỗi đau đớn của chúng đi thì hơn". Hắn cầm lấy cái bị mà Davis mang theo và nhét tất cả mấy con chuột lang ấy vào. Em cố giải thích cho hắn hiểu rằng không có chuyện đau đớn, giải phẫu sinh thể hoặc những chuyện bậy bạ tương tự. Và dù thế nào đi nữa thì năm con chuột lang này sẽ không dùng vào cuộc thí nghiệm nào cả, mà chúng mình sẽ đem đi cho mấy đứa con anh Boland và cháu Agnes Evans để chơi. Nhưng họ không chịu nghe gì hết. Thế rồi họ… họ bỏ đi.

Gian phòng lại lặng xuống. Mặt Andrew bây giờ đỏ bừng bừng. Anh ngồi thẳng dậy.

- Trong đời, anh chưa từng bao giờ thấy một hành động nào láo xược như vậy. Thật khổ cho em ở nhà đã phải chịu đựng. Nhưng anh sẽ bắt họ phải đền tội.

Andrew suy nghĩ một phút rồi đứng dậy ra phòng ngoài gọi dây nói. Đúng vào lúc anh sắp sửa cầm lấy máy nói thì chuông điện thoại reo. Anh nhấc mạnh máy nói lên.

- A-lô – Andrew hầm hầm, sau giọng hơi dịu xuống. Đầu dây đằng kia là Owen – Vâng, Manson đây. Ông Owen này…

- Tôi biết, tôi biết rồi, bác sĩ Manson ạ – Owen nhanh nhẩu nhắt lời Andrew. – Suốt chiều nay, tôi cố gọi dây nói cho anh. Anh nghe này. Ấy, đừng ngắt lời tôi. Trong chuyện này, ta phải bình tĩnh mới được. Ta vấp phải một chuyện khá rầy rà đấy, bác sĩ Manson ạ. Đừng nói gì qua điện thoại. Tôi đến gặp anh ngay bây giờ.

Quay lại chỗ Christine, anh kể lại cho nàng nghe câu chuyện với Owen và bực bội nói:

- Ông ấy nói như vậy là thế nào? Làm như thể chúng mình có lỗi không bằng.

Hai vợ chồng đợi Owen, Andrew thì lồng lộn đi đi lại lại, bồn chồn và căm phẫn, Christine thì ngồi khâu với con mắt lo âu.

Owen đến, nhưng vẻ mặt ông không có gì làm yên lòng. Andrew chưa kịp nói Owen đã hỏi:

- Anh có giấy phép không, bác sĩ Manson?

- Giấy gì? – Andrew trân trân nhìn Owen – Giấy phép gì? Vẻ mặt Owen càng lo hơn.

- Phải có giấy phép của Bộ Nội vụ mới được thí nghiệm trên súc vật. Tưởng anh biết rồi chứ?

- Phép tắc quái gì! Andrew nóng nảy đáp – Tôi không phải là một nhà bệnh lý học. Tôi sẽ không bao giờ làm một nhà bệnh lý học. Mà tôi cũng không có phòng thí nghiệm cơ mà. Tôi chỉ muốn có vài thể nghiệm nhỏ để hoàn chỉnh công việc nghiên cứu lâm sàng của tôi thôi. Chúng tôi ở đây tổng cộng có không quá mười hai con chuột lang, có đúng không em, Chris?

Owen nhìn đi chỗ khác.

- Lẽ ra phải có giấy phép, anh Manson ạ. Có một bộ phận trong Hội đồng đang tìm cách cho anh một vố về vấn đề này đấy. – Owen nói nhanh – Bác sĩ Manson, anh thấy không, một người như anh, tìm tòi nghiên cứu, trung thực dám nói thẳng ý nghĩ của mình ra, người đó phải… thôi được, dù sao thì anh cũng nên biết là có một số người muốn thọc một mũi dao vào sườn anh. Nhưng mọi việc sẽ ổn, anh ạ. Hội đồng sẽ om sòm lên. Anh sẽ bị gọi ra chất vấn. Nhưng trước đây, anh đã từng có chuyện rắc rối với họ rồi cơ mà. Rồi anh sẽ lại vượt qua được thôi.

Andrew hầm hầm:

- Tôi sẽ phản tố. Tôi sẽ kiện họ về việc xâm phạm nhà ở trái phép. Không, mẹ kiếp, tôi sẽ kiện họ là ăn cắp chuột lang của tôi. Dù sao tôi cũng phải lấy lại mấy con vật ấy.

Owen nhếch miệng cười.

- Anh không lấy lại được đâu, bác sĩ Manson ạ. Mục sư Parry và Ed Chenkin đi lu loa là họ phải chấm dứt nỗi thống khổ của mấy con vật ấy. Thay mặt nhân loại, họ đã tự tay dìm chúng xuống sông rồi.

Owen buồn rầu ra về. Tối hôm sau, Andrew nhận được giấy gọi một tuần sau phải ra trước Hội đồng.

Trong thời gian đó, vụ này bùng lên to như một thùng xăng bốc cháy. Kể từ ngày luật sư Trevor Day bị nghi là đã đầu độc vợ bằng thạch tín, chưa có một sự kiện nào giật gân, gây cấn, sặc mùi yêu thuật, làm sôi động Aberalaw đến vậy. Người thì tán thành, người thì lên án, hợp thành những phe phái kình địch nhau quyết liệt. Trên bục giảng đạo của nhà thờ giáo phái Sinai, Edwal Parry giọng nạt nộ đến những sự trừng phạt trong thế giới này và thế giới mai sau đối với kẻ nào hành hạ súc vật và trẻ con. Đầu đằng kia thị trấn, David Walpole, vị mục sư phì nộn của Nhà thờ Thanh giáo, coi Parry không khác gì một con lợn đối với một tín

đồ hồi giáo ngoan đạo, thì lè nhè về sự tiến bộ của xã hội và mối bất hoà giữa Giáo hội tự do và khoa học.

Sau cùng hết một tuần, đến chiều thứ bảy, Hội đồng họp lại để bàn về cái mà chương trình nghị sự ghi là việc "xem xét kỷ luật" đối với bác sĩ Manson. Trong phòng Hội đồng không còn lấy một ghế trống, và ngoài phố người ta tụ tập thành từng nhóm đông khi Andrew vào trụ sở, bước lên cầu thang hẹp. Anh cảm thấy tim anh đập mạnh. Anh đã tự nhủ phải bình tĩnh, vững vàng. Thế mà khi ngồi vào chỗ, đúng cái ghế anh đã ngồi năm năm về trước khi anh đến đây để được xét tuyển, anh bồn chồn, không tự nhiên, miệng khô đắng.

Cuộc họp bắt đầu. Không phải bằng một bài kinh cầu như người ta tưởng lẽ ra phải có qua cung cách sùng tín của chiến dịch chống Andrew – mà bằng một bài diễn văn nẩy lửa của Ed Chenkin.

- Tôi xin trình bày lại toàn bộ sự việc trước các bạn đồng nghiệp trong Hội đồng. – Chenkin đứng dậy nói. Anh ta lớn tiếng kể ra mọi tội lỗi – Bác sĩ Manson không có quyền làm những việc ấy. Những việc ấy đã được làm trong thời gian thuộc về Hội đồng, làm bằng thời gian mà bác sĩ Manson đã được trả tiền để làm việc cho Hội đồng, và tiến hành bằng các dụng cụ, tài sản của Hội đồng. Hơn nữa, đây lại là một việc giải phẫu sinh thể, hoặc tương tự như vậy, mà tiến hành không có giấy phép cần có, đó một tội rất nghiêm trọng dưới con mắt pháp luật!

Owen nói xen vào ngay:

- Về điểm cuối cùng, tôi thấy phải lưu ý với Hội đồng là nếu Hội đồng tố cáo bác sĩ Manson không có giấy phép thì những việc tố tụng sau này có thể liên lụy đến toàn thể Hội chúng ta mất.

- Ông nói sao? – Chenkin hỏi.

- Vì bác sĩ Manson là bác sĩ phụ tá làm việc cho chúng ta nên về mặt pháp luật chúng ta phải chịu trách nhiệm về ông ấy.

Có tiếng xì xào tán thành, và tiếng nói to: "Owen nói đúng. Ta không nên gây chuyện phiền phức cho Hội. Dàn xếp trong nội bộ thì hơn". Chenkin vẫn đứng, nói oang oang:

- Không cần đến cái mục giấy phép nữa. Những tội khác cũng đủ nặng rồi.

- Đúng, đúng đấy! – Có ai hét lên ở phía sau. – Lại còn những lần ông ta cưỡi mô-tô lao đi Cardiff vào mùa hè cách đây ba năm nữa.

- Ông ta không chịu cấp thuốc gì cả – Tiếng Len Richard – Đợi cả một giờ ngoài phòng khám mà chẳng được đầy lọ thuốc.

- Trật tự nào, trật tự nào! – Chenkin kêu to. Ổn định xong trật tự, Chenkin bắt đầu bài diễn thuyết cuối cùng.

- Tất cả những điều sai trái ấy đều khá nghiêm trọng. Chúng chứng tỏ rằng bác sĩ Manson chưa bao giờ là một người phục vụ đắc lực cho Hội chúng ta. Ngoài ra, tôi xin nói thêm là ông ta không chịu cấp những giấy tờ chứng nhận cần thiết cho thợ mỏ. Nhưng thôi, ta hãy đi vào vấn đề chính. Chúng ta có ở đây một người bác sĩ phụ tá mà toàn thị trấn phản đối về những việc lẽ ra phải đem ra xét xử tại tòa án, một kẻ đã biến tài sản của chúng ta thành một nơi sát hại sinh linh … thấy có máu dây ra trên sàn nhà, … một kẻ chẳng qua chỉ là một tay thích thí nghiệm bừa phứa và là một tay lập dị không hơn không kém … Tôi xin hỏi các bạn, ta có thể để mãi như thế được không? Không, phải nói là không được, ý kiến của tôi và ý kiến của các bạn cũng vậy... Thưa các bạn, tôi biết các bạn đều nhất trí với tôi khi tôi tuyên bố, ngay bây giờ đây, chúng ta yêu cầu bác sĩ Manson nghỉ việc.

Chenkin nhìn quanh các bạn bè anh ta một lượt rồi ngồi xuống giữa tiếng vỗ tay ầm ầm.

- Có lẽ ta hãy để cho bác sĩ Manson trình bày vấn đề của ông ta. – Owen yếu ớt nói và quay sang Andrew.

Gian phòng lặng xuống. Andrew ngồi không nhúc nhích đến một lúc. Tình hình xấu hơn anh tưởng. Chớ có đặt lòng tin vào các loại Hội đồng – anh cay đắng nghĩ. Đây có phải vẫn là những người đã niềm nở mỉm cười với anh khi họ nhận anh vào làm việc hay không? Lòng anh quặn đau. Anh sẽ không thôi việc, nhất định không chịu thôi việc. Anh đứng lên. Anh biết anh không có tài nói. Nhưng giờ đây, một nỗi giận hờn đã nổi lên trong anh, sự bồn chồn lo lắng đã nhường chỗ cho một cơn giận mỗi lúc một mạnh hơn trước sự ngu dốt, sự cố chấp ngu ngốc trong lời buộc tội của Chenkin và tiếng hoan hô của những người khác đối với lời buộc tội ấy.

Andrew bắt đầu:

- Hình như không có vị nào nói về những con vật mà Ed Chenkin đã dìm chết. Người ta có thể coi đó là một sự tàn nhẫn, một sự tàn nhẫn không mục đích. Việc tôi làm thì không như vậy. Tại sao thợ mỏ lại đem theo xuống hầm lò chuột bạch và chim bạch yến? Để kiểm tra xem có khí mỏ không? Các vị đều hiểu rõ điều đó. Khi chuột bạch bị ngạt khí mỏ mà chết, các vị có gọi đó là tàn nhẫn không? Không. Các vị hiểu rằng những con vật ấy đã được dùng để cứu tính mạng con người, có khi là tính mạng của chính các vị nữa cũng nên.

Đó chính là công việc mà tôi đang ra sức làm vì lợi ích của các vị. Tôi đã nghiên cứu những loại bệnh phổi mà các vị mắc phải do nhiễm bụi ở những nơi khai thác than. Các vị chắc hẳn đều biết rằng các vị rất dễ mắc bệnh phổi, mà khi mắc phải bệnh này thì lại không được trợ cấp. Trong ba năm qua, rảnh tay được một chút nào là tôi dành cả cho vấn đề nhiễm bụi này. Tôi đã đi đến những kết quả khả dĩ cải thiện điều kiện lao động cho các vị, giúp các vị được đối xử công bằng hơn, bảo vệ sức khỏe của các vị… một cách hữu hiệu hơn cái lọ thuốc nồng nặc mà Len Richard nói. Ví thử tôi có dùng một chục con chuột lang thì có sao? Các vị cho là không đáng à?

Có thể các vị không tin lời tôi nói. Các vị đã có thành kiến với tôi khá sâu khiến các vị có thể nghĩ là tôi nói dối. Có thể các vị vẫn còn nghĩ rằng tôi đã lãng phí thời giờ của tôi, thời giờ của các vị như lời các vị nói, vào những việc thí nghiệm lập dị, quái gở. – Andrew nổi nóng lên đến nỗi quên phắt ý định của mình là kiên quyết không tỏ ra xúc động. Thọc tay vào túi áo trên, anh rút ra bức thư mà anh vừa mới nhận được trong tuần. – Nhưng có cái này sẽ giúp cho các vị thấy người khác, những người có đủ tư cách để đánh giá, nghĩ về công việc của tôi như thế nào.

Andrew bước lại phía Owen trao cho ông bức thư. Đó là tờ thông báo của Thư ký Hội đồng khoa học trường đại học St. Andrews cho biết Andrew đã được trao tặng học vị tiến sĩ y khoa về bản luận án nghiên cứu vấn đề nhiễm bụi.

Owen bỗng tươi tỉnh hẳn lên khi đọc bức thư đánh máy chữ xanh có in tiêu đề. Sau đó, bức thư được từ từ truyền tay từ người nọ sang người kia.

Andrew rầu lòng nhận thấy tác dụng của tờ thông báo. Tuy anh vô cùng mong mỏi biện bạch cho mình song anh hầu như hối tiếc đã nóng vội đưa tờ thông báo ấy ra. Nếu như họ không thể tin anh trên lời nói không cần đến một sự chứng nhận nào của giới chức trách thì hẳn họ đã có thành kiến rất nặng đối với anh rồi. Anh buồn rầu cảm thấy rằng, có bức thư kia hay không thì họ cũng quyết dùng trường hợp của anh làm gương.

Andrew nhẹ người khi nghe thấy Owen trình bày thêm vài ý kiến nữa rồi nói:

- Bác sĩ Manson, ông vui lòng ra ngoài một chút để chúng tôi hội ý với nhau.

Đứng bên ngoài chờ Hội đồng biểu quyết về trường hợp mình, Andrew nện mạnh gót chân xuống sàn, tức điên người. Một nhóm công nhân điều khiển các hoạt động y tế phục vụ cả một cộng đồng đông đảo, đó chẳng phải là một điều lý tưởng tốt đẹp hay

sao. Nhưng đó mới chỉ là một điều lý tưởng. Họ còn quá nhiều thành kiến, quá tối dạ, không thể bao giờ cai quản tổ chức này với ý thức tiến bộ được. Owen sẽ phải suốt đời vất vả để lôi kéo họ theo con đường của ông. Và Andrew tin chắc rằng lần này thì thiện chí của Owen cũng sẽ không cứu được anh.

Nhưng khi Andrew trở lại phòng họp thì Owen đang xoa hai tay với nhau tươi cười. Những ủy viên khác trong Hội đồng nhìn anh thân thiện hơn, ít ra thì bây giờ họ cũng đã bớt vẻ hằn học.

Owen đứng ngay dậy nói:

- Bác sĩ Manson, tôi vui mừng báo tin, thậm chí có thể nói là bản thân tôi sung sướng báo tin với ông là Hội đồng đã quyết định theo đa số giữ ông ở lại làm việc với chúng tôi.

Thế là anh đã thắng, anh đã lôi kéo được họ về phía anh. Nhưng chỉ sau một giây phút rộn ràng vì hài lòng, ý nghĩ ấy không còn làm anh sung sướng nữa. Không khí lặng xuống. Họ rõ ràng chờ anh bày tỏ nỗi vui mừng, niềm biết ơn. Nhưng Andrew không làm như vậy được. Anh cảm thấy chán chường, một nỗi chán chường đối với toàn bộ vụ vu khống này, Hội đồng này, thị trấn Aberalaw này, đối với cái nghề y của anh, đối với bụi silica, bầy chuột lang và cả bản thân anh nữa.

Sau cùng, anh nói:

- Xin cảm ơn ông Owen. Sau tất cả những gì tôi đã gắng công thực hiện ở đây, tôi vui mừng thấy Hội đồng không muốn để tôi đi. Nhưng rất tiếc, tôi không thể ở lại Aberalaw được nữa. Tôi xin báo trước với Hội đồng là một tháng nữa tôi sẽ thôi việc.

Andrew nói với giọng điềm đạm, bình thản, rồi anh quay người ra khỏi phòng.

Không khí im lặng nặng nề. Ed Chenkin là người đầu tiên trấn tĩnh lại và nói với giọng mừng rỡ ngượng gạo: “Nhẹ nợ”.

Lúc bấy giờ, Owen làm cho tất cả mọi người phải kinh ngạc khi lần đầu tiên từ trước đến nay ông bày tỏ sự giận dữ của mình trong phòng Hội đồng.

- Ed Chenkin, câm cái miệng ngu ngốc của anh đi. – Ông đập mạnh thước kẻ xuống bàn – Thế là chúng ta đã mất đi người bác sĩ giỏi nhất từ trước đến nay!

XV

Nửa đêm hôm đó, tỉnh giấc, Andrew rền rĩ:

- Anh có phải là một thằng ngu không, hở Chris? Sổ toẹt cả cuộc sống của chúng mình… bỏ một nơi làm ăn tốt đẹp. Dù sao, gần đây, anh cũng đã có một số bệnh nhân riêng rồi. Llewellyn lại đối xử khá tốt nữa. Anh đã kể với em chưa nhỉ? Ông ta đã gần như hứa để anh đến thăm bệnh nhân tại bệnh viện. Còn Hội đồng… trừ có nhóm Ed Chenkin, còn thì họ đâu phải là những người tồi. Anh tin rằng, sau này khi Llewellyn về hưu, có thể họ sẽ cử anh làm bác sĩ trưởng thay ông ta chưa biết chừng.

Nằm cạnh chồng trong tối, Christine an ủi anh bằng những lời ôn tồn, có lý lẽ.

- Thực ra anh cũng không muốn chúng mình cứ suốt đời ở mãi một khu mỏ xứ Wales cơ mà. Chúng mình ở đây có sung sướng, song cũng đến lúc nên rời đi chỗ khác.

- Nhưng em này, Chris – Andrew lo lắng – Chúng mình chưa có đủ tiền mở một phòng khám bệnh tư. Lẽ ra phải dành dụm thêm được một ít tiền nữa rồi mới xin thôi việc thì phải.

Giọng buồn ngủ, Christine đáp:

- Tiền nong có dính dáng gì? Với lại, có thể để dành được bao nhiêu, chúng mình cũng sẽ tiêu hết, hay gần hết, cho một kỳ đi nghỉ thực sự sắp tới, anh ạ. Anh không thấy là gần bốn năm nay, anh hầu như không bước chân ra khỏi mấy cái mỏ than cổ lỗ này à?

Nghị lực của Christine truyền sang anh. Sáng hôm sau, thế giới dường như đã trở thành một nơi vui sống không có gì phải lo ngại.

Trong bữa sáng rất ngon miệng, Andrew nói với Christine:

- Em quả không phải là một cô gái tồi. Đáng lẽ em phải cong cớn gắt với anh là em tưởng anh bây giờ sẽ làm ăn ra trò ra trống, là đã đến lúc anh phải thi thố tài năng giành lấy một địa vị trong xã hội, thì em lại chỉ…

Nàng không nghe anh nói mà chuyển hẳn sang vấn đề khác:

- Ơ kìa, anh. Đừng vò nát tờ báo đi anh. Em tưởng chỉ có phụ nữ mới làm như vậy. Em làm thế nào đọc được mục dạy làm vườn của em bây giờ?

- Thôi đừng đọc nữa – Đi về phía cửa, qua chỗ nàng anh đặt một cái hôn rồi tủm tỉm: – Hãy nghĩ đến anh.

Andrew cảm thấy táo bạo, dám sẵn sàng thử vận may của mình với đời. Ngoài ra, cái phần rụt rè trong con người anh không khỏi nhìn sang cái mặt thuận lợi của anh. Anh là hội viên Hội y học Hoàng gia, có học vị tiến sĩ y khoa, ngoài ra lại còn ba trăm bảng gửi ngân hàng. Có những thứ ấy, chắc chắn hai vợ chồng sẽ không bị chết đói.

Cũng may là hai người giữ vững quyết tâm. Thái độ của thị trấn sau đó đã xoay ngược hẳn. Nay Andrew tự ý xin đi thì mọi người lại mong anh trở lại.

Đỉnh cao của tình hình là lúc, sau cuộc họp của Hội đồng đó một tuần, Owen dẫn đầu một phái đoàn đến nhà Andrew đề nghị anh thay đổi quyết định, nhưng không có kết quả. Sau đó, sự tức giận của dân chúng đối với Ed Chenkin bùng lên dữ dội. Chenkin bị la ó ngoài phố. Hai lần, những tiếng huýt sáo bám riết lấy Chenkin từ mỏ về đến nhà.

So với những tác động địa phương ấy, kể cũng lạ là bản luận án của anh cũng chẳng làm xao động thế giới bên ngoài bao nhiêu. Nó đem lại cho anh học vị tiến sĩ y khoa. Nó được đăng trên tạp chí "Vệ sinh công nghiệp" ở Anh và được Hội vệ sinh Mỹ in thành tập riêng. Ngoài ra, nó chỉ đem lại cho Andrew đúng có ba bức thư.

Bức thứ nhất là của một viện bào chế ở Brick Lane, khu Đông – Trung tâm Luân Đôn, báo cho Andrew biết họ đang gửi đến chỗ anh mẫu hàng của loại xi-rô bổ phổi do họ sản xuất, một thứ thuốc chuyên trị về phổi mà họ đã nhận được hàng trăm ý kiến khen ngợi, trong đó có những ý kiến của một số bác sĩ tên tuổi, chứng thực tác dụng của nó. Họ mong Andrew sẽ giới thiệu thứ xi-rô bổ phổi này với thợ mỏ ở chỗ anh. Họ còn nói thêm thứ xi-rô bổ phổi này chữa được cả bệnh thấp khớp.

Bức thứ hai là của giáo sư Challis với những lời chúc mừng và khen ngợi nhiệt tình. Cuối thư, Challis hỏi Andrew liệu có thể đến chơi Học viện Cardiff vào một ngày nào đó trong tuần được không. Challis còn ghi thêm: cố đến vào thứ năm. Nhưng trong mấy ngày vội vã này, Andrew không đi được. Thậm chí, anh còn để lạc đâu mất bức thư và trước mắt anh quên cả trả lời.

Bức thư ba làm Andrew cảm kích đến nỗi anh trả lời ngay tức khắc. Nó là một bản thông báo hiếm có, từ bang Oregon bên kia Đại tây dương gửi đến. Andrew đọc đi đọc lại những trang giấy đánh máy rồi xúc động đem lại cho Christine xem.

- Chris ơi, có một cái này rất hay, em ạ. Một bức thư gửi từ Mỹ, của một người tên là Stillman, Robert Stillman, ở bang Oregon. Em có lẽ chưa bao giờ nghe nói đến ông ta, nhưng anh thì đã biết tiếng. Đây là sự đánh giá chính xác nhất công trình nghiên cứu của anh về bụi. Hơn sự đánh giá của giáo sư Challis nhiều… Anh phải viết thư trả lời mới được! Ông này đã hiểu đầy đủ mục đích theo đuổi của anh, ông ấy lại còn hiệu chỉnh cho anh một hai chỗ. Thành phần có hoạt tính gây hại trong silica hình như là chất

serecite thì phải. Anh không đủ giỏi về hóa học để tìm ra chất ấy. Thật tuyệt: thư khen ngợi anh, mà là thư của Stillman!

Christine ngước mắt hỏi:

- Thế hả anh? Ông ấy là một bác sĩ ở bên Mỹ à?

- Không phải. Đó mới là một điều đáng ngạc nhiên. Ông ấy là một nhà vật lý. Nhưng ông ấy lại mở một bệnh viện chữa bệnh phổi ở gần thành phố Portland, bang Oregon. Em xem này, địa chỉ ghi trên thư ấy. Một số đồng nghiệp của ông ta chưa công nhận ông ta, nhưng thực ra ông ta lớn lao không kém gì Spahlinger theo cách riêng của mình. Khi nào rỗi, anh sẽ kể cho em nghe về Stillman.

Andrew cho thấy anh đánh giá bức thư quan trọng đến thế nào bằng cách ngồi ngay vào bàn viết thư trả lời.

Hai vợ chồng bây giờ bận tíu tít vì những việc chuẩn bị cho kỳ đi nghỉ; họ thu xếp gửi đồ đạc về Cardiff, nơi gửi thuận tiện nhất, và lại bận cả vì những buổi chia tay đau lòng. Lần trước, họ rời Blaenelly một cách đột ngột. Một cuộc ra đi anh hùng. Nhưng ở đây, họ có nhiều tình cảm lưu luyến. Vợ chồng Vaughan, vợ chồng Boland và cả vợ chồng Llewellyn nữa mời cơm tiễn họ. Andrew đâm ra mắc phải chứng "khó tiêu khi chia tay", một chứng bệnh đặc thù do những bữa tiệc tiễn đưa này gây nên. Đến ngày lên đường, nước mắt rơm rớm, Jenny báo cho hai vợ chồng Andrew biết – và làm cho họ phát hoảng lên – là mọi người sẽ ra tận ga tiễn họ.

Cộng thêm vào cái tin đáng ngại ấy, đến phút cuối cùng, lại thấy Vaughan hấp tấp đến:

- Xin lỗi lại đến quấy rầy hai anh chị lần nữa, nhưng này, anh Manson, anh đã bỏ bùa gì cho Challis thế? Tôi vừa mới nhận được thư của ông bạn già ấy. Công trình nghiên cứu của anh làm ông ấy mê mẩn cả người và hình như, ít ra là theo tôi hiểu, cả Ủy ban lao động hầm mỏ nữa. Tóm lại, Challis yêu cầu tôi đến nói với

anh là ông ta rất muốn gặp anh ở Luân Đôn. Ông ta bảo là hết sức quan trọng đấy.

Andrew ngúng nguẩy trả lời:

- Kìa anh Vaughan, chúng tôi đi nghỉ cơ mà. Kỳ nghỉ đầu tiên của hai vợ chồng chúng tôi từ bao năm nay. Làm sao tôi đi gặp ông ấy được?

- Anh cho tôi địa chỉ của anh vậy. Ông ấy rõ ràng muốn viết thư cho anh.

Andrew ngập ngừng nhìn Christine. Hai người có ý định giữ kín nơi họ đến nghỉ để tránh hết mọi sự phiền phức, mọi thư từ quấy rầy. Dẫu vậy, Andrew cũng ghi địa chỉ cho Vaughan.

Sau đó, hai người vội vã ra ga. Họ bị hút ngay vào đám người cùng khu ra tiễn họ. Mọi người bắt tay hai vợ chồng, vỗ lưng, ôm hôn, hoan hô và cuối cùng đẩy họ lên toa tàu đã bắt đầu chuyển bánh. Khi con tàu xa dần, bạn bè họ tụ tập trên sân ga bắt đầu hát to bài "Người Harlech".

- Trời! Đến thế là cùng. – Xoa những ngón tay tê cóng với nhau, Andrew thốt lên, nhưng mắt anh sáng long lanh, và một phút sau, anh nói tiếp – Này em, đánh đổi những tình cảm ấy lấy gì gì đi nữa, anh cũng không nghe. Thật là không nghe. Thật là những người tốt bụng vô cùng! Có ai dám bảo rằng cách đấy một tháng, một nửa thị trấn chỉ muốn anh chết đi cho rồi. Khó hiểu thật, cuộc đời thật là kỳ lạ. – Anh chằm chằm nhìn Christine riễu cợt khi nàng ngồi xuống cạnh anh – Thưa bà Manson, tuy bà đã là một bà già rồi, nhưng đây sẽ là tuần trăng mật thứ hai của bà đấy ạ.

Họ đến Southampton vào lúc tối và qua biển Manche bằng tàu thủy. Sáng hôm sau, họ đã thấy mặt trời mọc sau thành phố St. Malo và một giờ sau, miền Brittany nước Pháp đã tiếp đón họ.

Lúa mì đang độ chín vàng, những cây dâu trĩu quả, đàn dê thơ thẩn trên đồng cỏ nở hoa.

Chính là theo ý kiến của Christine mà họ đến đây để làm quen một nước Pháp thật sự chứ không phải để tiếp xúc với những viện bảo tàng và cung điện, những di tích lịch sử, những đài kỉ niệm – những gì mà các cuốn sách du lịch khuyên người ta nhất thiết phải đến thăm.

Hai vợ chồng đến Val André. Ở quán trọ nhỏ bé của họ, họ có thể nghe tiếng sóng biển rì rào và ngửi hương thơm đồng nội. Phòng ngủ của họ là một gian phòng sàn gỗ lau bóng, và sáng sáng họ uống cà phê nóng bỏng trong những cái tách gốm dầy men lam. Hai vợ chồng chơi vơ vẩn suốt ngày.

Andrew luôn miệng nói:

- Chao ôi tuyệt diệu, em nhỉ. Anh không bao giờ muốn nhìn lại một bệnh viêm phổi thùy nữa.

Họ uống rượu táo, ăn tôm hùm, tôm he, bánh ngọt và anh đào. Tối tối, Andrew chơi bida với chủ quán trên chiếc bàn hình bát giác. Đôi khi anh chỉ thua với số điểm 50/100.

Thật là thích thú, mê ly, tuyệt vời, đó là những tính từ mà Andrew đánh giá. Chỉ thiếu có mỗi thuốc lá – anh nói thêm.

Một tháng hạnh phúc trôi qua. Đến bây giờ, với mối băn khoăn ám ảnh, Andrew bắt đầu hay nắn nắn bức thư chưa mở vẫn nằm trong túi áo ngực suốt nửa tháng qua và đã bị hoen ố vì dây nhựa dâu và sô-cô-la. Sau cùng, một buổi sáng, Christine phải bảo:

- Thôi, anh bóc thư đi. Chúng mình giữ lời hứa như vậy là đủ rồi.

Andrew thận trọng xé phong bì. Anh nằm ngửa người ngoài nắng đọc thư, rồi từ từ nhỏm dậy, đọc lại lần nữa. Sau đó, anh lặng lẽ đưa bức thư cho Christine.

Người gửi là giáo sư Challis. Bức thư cho biết, do kết quả trực tiếp của công trình nghiên cứu vấn đề nhiễm bụi của Andrew, Ủy ban

lao động hầm mỏ đã quyết định xem xét toàn bộ vấn đề này để trình bày với Ban lao động của Nghị viện. Do đó, Ủy ban cần có một bác sĩ thanh tra chính thức. Xét đến những cuộc nghiên cứu gần đây của Manson, Ủy ban đã nhất trí và không do dự mời anh nhận chức bác sĩ thanh tra đó.

Đọc thư xong, Christine sung sướng nhìn Andrew nhoẻn miệng cười:

- Em đã bảo là thế nào vận may cũng sẽ đến mà. Tuyệt, anh nhỉ?

Andrew bồn chồn nhặt mấy cục đá ném mạnh vào một cái hố tôm hùm trên bờ biển. Anh nói thành tiếng điều đang nghĩ trong óc.

- Một công việc lâm sàng đây… Không thể nào khác. Họ biết mình là một thầy thuốc lâm sàng mà.

Christine ngắm nhìn chồng, một nụ cười lưu lại mãi trên môi nàng:

- Này anh, anh còn nhớ sự thỏa thuận giữa anh và em không: ở đây tối thiểu sáu tuần, không làm một việc gì cả, nằm yên một chỗ. Anh không để cho những ngày nghỉ của chúng mình bị gián đoạn chứ?

- Không, không đâu, – Andrew nhìn đồng hồ – Chúng mình sẽ nghỉ nốt, nhưng dù sao – anh vụt đứng dậy và vui vẻ kéo nàng đứng lên – chạy vù một tí ra bưu điện đánh điện chắc không có hại gì. Không biết… không biết ở đấy có bảng giờ tàu không.

QUYỂN III

I

Ủy ban bảo hiểm lao động tại các mỏ than và mỏ sắt, được gọi tắt là Ủy ban lao động hầm mỏ, đặt trụ sở tại một tòa nhà đồ sộ xây bằng đá xám trên bờ sông Thames không xa công viên Westminster bao nhiêu, gần cả Bộ thương mại lẫn Bộ Hầm mỏ. Cả hai bộ ấy đều lần lượt hết bỏ rơi lại tranh giành nhau quyền phụ trách Ủy ban này.

Ngày 10 tháng 8, một buổi sáng trong trẻo mát mẻ, Andrew khỏe khoắn và hớn hở bước lên mấy bậc thềm của tòa nhà đồ sộ đó với ánh mắt của một người sắp đi chinh phục Luân Đôn. Anh nói với người gác cổng mặc đồng phục nhân viên Cục bảo vệ công sở:

- Tôi là bác sĩ thanh tra mới.

- Vâng, vâng. – Người gác cổng đáp lại với giọng hiền lành. Andrew hài lòng thấy hình như người ta chờ đón anh thì phải. – Chắc ông cần gặp ông Gill của chúng tôi! Jones ! Đưa ông bác sĩ mới lên phòng ông Gill.

Buồng thang máy lên từ từ, cho khách thấy những hành lang lát gạch men xanh và rất nhiều tầng, tầng nào cũng có những bộ đồng phục của Cục bảo vệ công sở đi lại khoan thai. Sau đó Andrew được đưa vào một gian phòng rộng, ngập nắng. Ông Gill đang ngồi ở bàn giấy. Ông đặt tờ "Thời báo" đang xem xuống, đứng dậy bắt tay Andrew.

Anh mạnh dạn nói:

- Tôi đến hơi muộn một chút. Xin ông thứ lỗi. Chúng tôi vừa mới ở Pháp về hôm qua. Nhưng tôi sẵn sàng bắt tay vào việc ngay.

- Tốt quá!

Gill là một người nhỏ nhắn, vui tính, đeo kính trắng gọng vàng, mặc một bộ đồ xanh sẫm với cổ áo gần giống cổ áo tu sĩ, chiếc

ca-vát cũng xanh sẫm và chiếc kẹp ca-vát bằng vàng. Ông ta nhìn Andrew với một vẻ nghiêm nghị ưng ý.

- Mời ông ngồi. Ông dùng trà hay sữa nóng? Tôi có thói quen dùng trà vào lúc mười một giờ trưa. A, mà đã gần đến giờ ấy rồi…

- Thưa vâng. – Andrew ngập ngừng, rồi đánh bạo hỏi: – Có lẽ xin ông cho biết về công việc của tôi sắp tới trong khi…

Năm phút sau, một nhân viên mặc đồng phục của Cục Bảo vệ công sở đem đến một tách trà và một cốc sữa nóng.

- Thưa ông Gill, chắc ông sẽ vừa ý. Thưa ông, tôi đã đun nóng rồi.

- Cám ơn Stevens nhé.

Khi Stevens đã ra ngoài, Gill quay sang Andrew tươi cười:

- Cậu này được việc lắm, rồi ông sẽ thấy. Cậu ta biết làm món bánh mì nướng phết bơ bóng ròn ngon tuyệt. Tìm được những tay chạy giấy thực sự được việc, khó lắm. Ở đây toàn là người tứ phương tập hợp lại: Bộ Nội vụ, Bộ Hầm mỏ, Bộ Thương mại… còn tôi – Gill hắng giọng, pha một chút hãnh diện, – tôi ở bên hải quân sang.

Trong khi Andrew hớp mấy ngụm sữa nóng và băn khoăn muốn biết về công việc của mình thì Gill vui vẻ nói chuyện về thời tiết, về miền Brittany, về đề án tiền hưu trí và hiệu quả của việc khử trùng cho sữa. Sau đó, Gill đứng dậy, đưa Andrew sang phòng của anh.

Đây cũng là một gian phòng yên tĩnh, sáng sủa, dải thảm dầy, có cửa sổ trông ra sông cảnh rất đẹp. Một con nhặng to tướng bay húc đầu vào cửa kính kêu thành một tiếng vè vè ru ngủ. Gill ân cần bảo:

- Tôi chọn cho ông gian phòng này. Cần dọn dẹp lại một chút. Có một lò sưởi than, mùa đông rất tiện lợi, rồi ông sẽ thấy. Tôi mong nó sẽ vừa ý ông.

- Chà! Gian phòng thật là tuyệt, nhưng…

- Bây giờ tôi sẽ giới thiệu ông với người nữ thư ký của ông là cô Mason.

Gill gõ cửa mấy cái rồi đẩy cánh cửa thông sang phòng bên, ở đó cô Mason, một cô gái sắp về già, chững chạc, gọn ghẽ và điềm đạm, đang ngồi trước một chiếc bàn nhỏ. Cô Mason đứng dậy, đặt tờ "Thời báo" xuống bàn.

- Chào cô Mason.

- Chào ông Gill.

- Cô Mason, tôi xin giới thiệu với cô đây là bác sĩ Manson.

- Chào ông Manson.

Andrew hơi bàng hoàng trước những câu chào hỏi này nhưng anh cố trấn tĩnh và tham gia câu chuyện.

Năm phút sau, khi Gill vui vẻ cáo lui, ông nói với Andrew, giọng khích lệ:

- Tôi sẽ bảo đem các hồ sơ tài liệu đến cho ông.

Hồ sơ tài liệu được Stevens đem đến với một vẻ trìu mến. Ngoài tài nướng bánh và pha sữa, Stevens còn là người đưa công văn giỏi nhất sở này. Cứ một giờ một, anh ta vào phòng làm việc của Andrew mang theo một chồng công văn mà anh ta âu yếm đặt xuống cái khay sơn mài đề chữ "công văn đến" ở trên bàn, trong khi con mắt anh ta náo nức nhìn sang cái khay đề chữ "công văn đi" xem có gì không. Khi khay ấy không có gì thì Stevens thật sự khổ tâm. Trong tình huống đáng buồn ấy, Stevens tiu nghỉu len lén bỏ đi.

Lạc lõng, hoang mang, bực bội, Andrew lướt mắt nhanh qua đống hồ sơ. Đó là biên bản các cuộc họp trước của Ủy ban Lao động hầm mỏ, nhạt nhẽo, nặng nề, vô vị. Anh bèn sang hỏi cô Mason, nhưng cô thư ký này chỉ là một nguồn cung cấp tin tức rất nghèo

nàn, vì như lời cô giải thích, cô mới ở bên Cục Kiểm tra thịt ướp của Bộ Nội vụ chuyển sang. Cô thông báo cho Andrew biết giờ làm việc ở đây là từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều. Cô kể cho Andrew nghe về đội khúc côn cầu của văn phòng – "cố nhiên là đội nữ, bác sĩ Manson ạ." – mà cô làm phó lãnh đội. Cô hỏi Andrew có muốn mượn tờ "Thời báo" của cô không. Cái nhìn của cô Mason như khuyên nhủ Andrew hãy bình tĩnh.

Nhưng Andrew không bình tĩnh được. Vừa mới đi nghỉ về, khao khát làm việc, anh bắt đầu vạch ra một kế hoạch trên tấm thảm phòng anh. Anh cau có nhìn cảnh náo nhiệt trên sông, những tàu kéo xình xịch chạy đi chạy lại và những dãy xà lan chở than dài xẻ nước ngược dòng. Anh bèn xuống hỏi Gill:

- Bao giờ thì tôi mới bắt đầu?

Gill giật thót người trước câu hỏi sỗ sàng.

- Ông bạn thân mến, ông làm tôi thực sự kinh ngạc. Tôi tưởng đã đưa ông tài liệu đủ để ông đọc trong một tháng rồi cơ mà. – Ông ta nhìn đồng hồ – Thôi ta đi nào, đến giờ ăn trưa rồi.

Vừa ăn đĩa cá bơn nóng hổi, Gill vừa khéo léo cắt nghĩa cho Andrew đang loay hoay với một miếng sườn cừu hiểu rằng cuộc họp sắp tới của Ủy ban đã được ấn định vào ngày 18 tháng 9 và cũng không thể được triệu tập trước ngày đó. Giáo sư Challis hiện đang ở Na-Uy, bác sĩ Maurice Gadsby đang ở Scottland, Huân tước Williams Dewar, chủ tịch Ủy ban, thì đang ở bên Đức còn thủ trưởng trực tiếp của Andrew là ông Blades hiện đang ở Frinton cùng gia đình.

Tối hôm ấy, Andrew về nhà với Christine, trong bụng rất hoang mang. Đồ đạc của hai vợ chồng vẫn còn ký gửi. Để có thời giờ tìm một căn nhà thích hợp, hai vợ chồng thuê một căn nhà có sẵn đồ đạc tại khu Earl's Court trong một tháng.

- Em có thể tưởng tượng được không, ngay đến cả giao việc cho anh, họ cũng chưa sẵn sàng. Anh đã được cho cả một tháng để

nốc sữa, đọc báo, ký tên vào hồ sơ, ôi dào lại còn một buổi chuyện trò thân mật dài về khúc côn cầu với cô gái già Mason nữa.

- Nếu anh không thấy phiền, thì xin anh hãy chỉ chuyện trò với cô vợ già của anh thôi nhé. Này, anh ạ, sau Aberalaw, đến đây thấy dễ chịu quá. Chiều nay em có đến Chelsea một lát. Em tìm được ngôi nhà của Carlyle và viện bào tàng Tate. Ôi chao, em đã dự định cho chúng mình nhiều việc rất thú. Ta có thể đi tàu thủy đến Kew chỉ mất có một pen-ni. Lại còn khu công viên nữa anh ạ. Tháng sau thì Kreisler sẽ biểu diễn tại Hội trường Albert. Ấy, chúng mình lại phải đến tham quan Đài kỷ niệm nữa chứ, để hiểu tại sao ai cũng cười riễu nó. Lại còn có một vở diễn của đoàn kịch New York. Và một hôm nào đó, em được đi ăn hiệu với anh thì thú vị quá. – Christine duỗi dài về phía anh bàn tay nhỏ nhắn run rẩy. Anh ít khi thấy nàng xúc động đến nhường ấy. – Anh yêu, chúng mình sẽ đi ăn hiệu chứ? Có một hiệu ăn Nga ở phố này. Trông có vẻ khá lắm. Nếu anh không mệt thì chúng mình có thể…

- Ơ kìa! – Andrew phản đối khi nàng kéo tay anh ra cửa – Anh cứ tưởng em được coi là người có đầu óc thiết thực trong nhà này. Nhưng thôi, em ạ, sau ngày làm việc "vất vả" đầu tiên, anh cũng đáng được hưởng một tối vui vẻ.

Sáng hôm sau, đọc hết sạch đống hồ sơ trên bàn và ký tên vào từng tờ, đến 11 giờ Andrew lại lồng lộn đi lại trong phòng làm việc. Chẳng mấy chốc cái lồng đó trở nên quá nhỏ hẹp không giữ nổi chân anh nữa, anh hùng hổ bỏ ra ngoài đi thăm thú tòa nhà. Anh thấy tòa nhà này chán ngán như một cái nhà xác không có xác chết, cho đến khi leo đến tới tầng chót, anh bỗng bước vào một gian phòng dài, trang bị gần giống một phòng thí nghiệm, ở đó, ngồi trên một cái hòm trước dùng để đựng lưu huỳnh có một người trẻ tuổi mặc áo bờ-lu trắng dài bẩn thỉu đang buồn bả cắt móng tay trong khi điếu thuốc lá làm vàng thêm màu ni-cô-tin trên môi anh ta.

- Chào anh! – Andrew nói.

Im lặng một lát rồi người kia thủng thỉnh đáp:

- Nếu ông lạc lối thì cầu thang máy ở cửa thứ ba về bên phải.

Andrew tựa người vào bàn thí nghiệm, rút một điếu thuốc và hỏi:

- Anh không dùng trà ở đây à?

Lần đầu tiên, người trẻ tuổi ngẩng đầu lên, mái tóc anh ta đen nhánh, bóng mượt, tương phản đặc biệt với cổ áo bẻ cong lên của chiếc áo bờ-lu nhầu bẩn trên người. Anh ta hứng thú trả lời:

- Chỉ dành riêng cho loài chuột trắng dùng thôi. Lá chè đối với loài vật ấy là một thức ăn đặc biệt nhiều chất dinh dưỡng.

Andrew cười phá lên, có lẽ bởi vì người có câu nói đùa ấy còn kém anh chừng năm tuổi. Anh tự giới thiệu.

- Tên tôi là Manson.

- Tôi cũng đã đoán ra. Thế là ông đã đến gia nhập đám người bị bỏ quên rồi đấy. – Ngừng một chút – Tôi là bác sĩ Hope. Ít ra, tôi nghĩ trước đây tôi là Hope, còn bây giờ tôi chỉ là "Hope tan vỡ" [1] mà thôi.

- Anh làm gì ở đây?

- Có Trời biết, hay họa là có "Billy thừa khuy" tức là Dewar biết! Một phần thời gian tôi ngồi ở đây và suy nghĩ. Nhưng phần lớn thời gian, tôi chỉ ngồi không. Thỉnh thoảng, người ta đem đến cho tôi những mảnh xác thợ mỏ đã bị phân hủy và hỏi tôi nguyên nhân gì đã gây ra vụ nổ dưới lò.

- Thế anh bảo cho họ biết chứ – Andrew hỏi.

- Không – Hope thô lỗ đáp – Tôi mà có thừa hơi nói với họ thì thà đánh bủm một cái còn hơn.

[1] "Hope" vừa là tên riêng vừa có nghĩa là "hy vọng"

Sau cái chữ hết sức thô tục ấy, hai người cảm thấy thân thiện với nhau hơn và cùng đi ăn trưa. Bác sĩ Hope giải thích rằng đi ăn trưa là công việc duy nhất trong ngày cho phép anh ta lấy lại lý trí. Hope kể nhiều chuyện khác nữa cho Andrew nghe. Anh là nghiên cứu sinh được học bổng Backhouse học tại trường đại học Cambridge; anh đã qua trường Birmingham, điều đó có lẽ – anh cười khẩy – là nguồn gốc của những câu nói bất nhã thường hay có ở anh. Vì giáo sư Dewar cứ nằn nì xin anh nên Hope bị đem cho Ủy ban Lao động hầm mỏ mượn. Nhiệm vụ của anh chỉ là làm những việc thuần túy máy móc, có thể giao cho bất kỳ một nhân viên phụ tá phòng thí nghiệm nào. Hope nói anh chắc chắn sẽ phát điên mất vì sự nhàn rỗi và lối làm việc trì trệ ở Ủy ban này mà anh bây giờ đặt cho cái tên ngắn gọn là "Cái khoái của kẻ rồ". Đó là nét điển hình của hầu hết các cơ quan nghiên cứu ở Anh: những cơ quan này đặt dưới sự cai quản của một nhóm người ngốc nghếch nhưng có tiếng tăm, họ quá mê mải với những lý thuyết riêng của họ và quá bận cãi vã nhau nên không đưa nổi con thuyền theo một hướng đi nhất định. Hope hết bị kéo theo chiều này lại bị lôi theo chiều khác, anh bị người ta bắt phải làm việc này việc nọ chứ không được tự ý làm những công việc anh muốn làm, mà công việc lại luôn luôn bị gián đoạn đến nỗi không bao giờ anh được làm liền một việc trong sáu tháng.

Hope vẽ ra cho Andrew những bức tranh châm biếm sinh động về cái Ủy ban này. Huân tước Williams Dewar, vị chủ tịch ngoài chín mươi tuổi, đi đứng thì lập cà lập cập nhưng tính tình thì ngang bướng bất trị, được Hope đặt cho cái tên là ngài "Billy thừa khuy" này là chủ tịch của hầu hết các ủy ban khoa học ở Anh. Ngoài ra, chính cụ là người giữ tiết mục "Câu chuyện khoa học dành cho trẻ em" trên đài phát thanh được khắp nơi say mê theo dõi.

Rồi có giáo sư Whinney, được các sinh viên của ông gọi bằng một cái tên rất hợp là "nghẽo còm"; có Challis, một người không đến

nỗi tồi cho lắm khi nào ông quên đề cao mình là Rabelais Pasteur Challis; và có bác sĩ Maurice Gadsby.

- Anh có biết Gadsby không? – Hope hỏi.

- Tôi đã gặp ông ta. – Andrew kể lại kỳ thi của anh.

- Đúng, đúng là ông Maurice của chúng tôi đấy – Hope chua chát nói – Đâu đâu ông ta cũng thích sục vào. Một ngày nào, ông ấy sẽ len vào được cả Hội dược học Hoàng gia cho mà xem. Gadsby là một kẻ rất mực khôn khéo, nhưng ông ta lại không chú trọng đến nghiên cứu. Ông ta chỉ chú trọng đến bản thân mình. – Hope bỗng cười phá lên – Robert Abbey có một chuyện rất hay về Gadsby. Gadsby muốn gia nhập câu lạc bộ "Mông bò", một trong những hội ăn uống thường có ở Luân Đôn, mà đây hình như là một hội khá lịch sự. Thế là Abbey, một tay có thần thế và hay thích giúp đỡ, hứa sẽ hết sức vận động cho Gadsby được vào hội, nào ai biết được vì lẽ gì. Một tuần sau, gặp Abbey, Gadsby hỏi: "Tôi được vào hội rồi chứ?" Abbey đáp: "Không, ông không được vào". Gadsby nổi nóng: "Bú dù! Ông không muốn nói là tôi bị tẩy chay đấy chứ?" Abbey bảo: "Đúng là bị tẩy chay. Này Gadsby, ông đã bao giờ được nhìn một đĩa trứng cá muối chưa?" – Hope ngả người ra đằng sau cười sặc sụa. Một lát sau, anh nói thêm – Abbey cũng là một người trong Ủy ban ta. Ông ta là một người thẳng thắn. Nhưng ông ta thừa thông minh để không mấy khi ló mặt đến Ủy ban này.

Đây là bữa tiệc đầu tiên của nhiều bữa trưa mà Andrew và Hope ăn cùng với nhau. Mặc dầu vẫn còn giữ lối châm chọc của tuổi sinh viên và bản tính cợt nhả, suồng sã, nhưng Hope rất thông minh. Những lời xấc xược của anh có một âm điệu lành mạnh, thành thật, Andrew cảm thấy một ngày kia Hope sẽ làm được những việc to tát, đáng kể. Thực vậy, những lúc nói chuyện nghiêm túc, Hope nhiều khi tỏ ra khao khát trở lại công việc chân chính mà anh đã tự đề ra cho mình là phân lập men dạ dày.

Thỉnh thoảng Gill đến ăn trưa cùng với họ. Hope đánh giá Gill bằng một câu đặc sắc: "một tay nhỏ người tốt bụng!" Gill đã từ một nhân viên cạo giấy phấn đấu leo tới chức chủ sự, và đằng sau cái vỏ bề ngoài do ba mươi năm làm việc trong ngành hành chính tạo nên, ông là một con người tử tế. Ở sở, Gill làm việc như một cái máy nhỏ trơn dầu, dễ sử dụng. Ông đáp xe lửa từ Sunbury đến nơi làm việc, sáng nào cũng đúng chuyến tàu ấy, và tối nào cũng về nhà bằng con tàu ấy, trừ phi bị "mắc bận". Ở Sunbury, Gill sống với vợ và ba cô con gái; nhà có một mảnh vườn nhỏ trồng hồng. Bề ngoài, Gill trông rất đúng loại người mà ông có thể được coi là kiểu mẫu hoàn hảo: người ngoại ô đỏm dáng. Tuy nhiên, bên trong là một ông Gill thực, một ông Gill yêu mến cảnh vật mùa đông ở Yarmouth và tháng chạp năm nào cũng về đấy nghỉ, là người có một quyển kinh thánh kỳ lạ đã gần như thuộc lòng đó là một quyển sách nhan đề "Hadji Baba"; là người trong suốt mười lăm năm làm việc ở Ủy ban này vẫn say mê một cách ngốc nghếch những con chim cánh cụt trong vườn nhà.

Một lần, bàn ăn có thêm người thứ tư là Christine. Gill tỏ ra niềm nở ân cần hơn hẳn mọi ngày. Ngay Hope cũng giữ một thái độ hòa nhã đáng khen. Hope thổ lộ với Andrew là ngày gặp bà Andrew, Hope không còn kiên quyết sống mãi cuộc sống độc thân như trước nữa.

Ngày tháng trôi nhanh. Trong thời gian chờ đợi kỳ họp của Ủy ban, Andrew cùng với Christine đi tìm hiểu Luân Đôn. Hai người đi chơi bằng tàu thủy đến Richmond. Họ vào xem thử một rạp hát tên là "Già Vích". Họ được biết nhiều cảnh đồi lộng gió ở Hampstead, được hưởng cái thú uống cà phê ngoài quán giữa nửa đêm. Họ đi bộ dạo chơi trên xa lộ Row và bơi thuyền trên hồ Serpentine. Họ đã hiểu thế nào là khu Soho [1]. Khi họ không cần phải giở bản đồ ra xem trước khi bước xuống các ga xe điện

[1] "Soho" nằm ở khu Tây Luân Đôn, nổi tiếng về các quán ăn, và dân ở đây hầu hết là người nước ngoài.

ngầm nữa thì họ đã có thể bắt đầu cảm thấy họ là người Luân Đôn.

II

Chiều ngày mười tám tháng chín đã tập hợp được các vị ủy viên Ủy ban lao động hầm mỏ lại và là một dịp để Andrew cuối cùng làm quen với họ. Ngồi giữa Gill và Hope, cảm thấy con mắt cợt nhả của Hope chĩa vào mình, Andrew chăm chú theo dõi các vị ủy viên bước vào phòng họp dài, gờ tường thếp vàng của Ủy ban: Whinney, bác sĩ Lancelot Dodd-Canterbury, Challis, Huân tước Robert Abbey, Gadsby và cuối cùng là chính ngài "Billy thừa khuy" Dewar.

Trước lúc Dewar vào, Abbey và Challis đã đến chúc mừng Andrew được bổ nhiệm vào chức vụ mới của anh. Abbey nói từ tốn vài lời, giáo sư Challis tuôn ra một tràng những câu chào hỏi ân cần sáo rỗng. Còn Dewar, vừa bước vào phòng, đã quay sang phía Gill hỏi với giọng the thé đặc biệt của lão:

- Ông bác sĩ thanh tra mới của chúng ta đâu rồi, ông Gill? Bác sĩ Manson đâu?

Andrew đứng dậy, anh kinh ngạc trước diện mạo của Dewar, nó vượt xa cả sự miêu tả của Hope. Billy người thấp bé, lòng còng, mà râu tóc, lông lá nhiều. Quần áo cũ kỹ, gi-lê hoen ố nhiều chỗ, chiếc măng-tô màu xanh nhờ nhờ phồng lên đầy những giấy tờ, báo cáo và biên bản của dễ đến một chục hội khác nhau. Không thể viện cớ gì biện bạch cho sự luộm thuộm đó được: lão nhiều tiền và nhiều con gái, một cô lại lấy một vị khanh tướng triệu phú trong triều, thế mà bây giờ, và bao giờ cũng thế, trông lão như một con bú dù già lôi thôi lếch thếch.

- Năm 1880, tôi có quen một ông Manson tại Queens – Lão niềm nở nói như rít lên thay cho lời chào.

Hope không giữ được mồm, khẽ nói:

- Chính ông này đấy, thưa ngài.

Dewar nghe được. Lão liếc mắt một cách lịch sự qua chiếc kính vành thép kẹp ở đầu mũi:

- Làm sao ông biết được, bác sĩ Hope? Lúc bấy giờ, ông còn chưa mặc quần thủng đít cơ mà. Hí! Hí! Hí! Hí!

Cười khúc khích, Dewar về chỗ ngồi của lão ở đầu bàn. Trong số các đồng nghiệp của lão đã ngồi yên chỗ, không một ai chú ý đến lão. Một cái nếp của Ủy ban này là thái độ dửng dưng kênh kiệu đối với người lân cận. Nhưng điều đó không hề làm cho Dewar lúng túng. Rút ở túi ra một xấp giấy tờ, lão uống một ngụm nước ở bình nước, cầm lấy chiếc búa nhỏ đặt ở trước mặt rồi nên mạnh xuống bàn đánh cạch một cái.

- Thưa các vị, thưa các vị! Bây giờ ông Gill sẽ đọc biên bản.

Giữ chức thư ký Ủy ban, Gill nhanh nhẩu cất cao giọng đọc biên bản kỳ họp trước khi đó, không mảy may để tâm gì đến những lời trầm bổng ấy, Dewar hết sục sạo đống giấy tờ của lão lại nhấp nháy con mắt ân cần về phía Andrew ngồi ở cuối bàn mà lão vẫn còn lờ mờ liên tưởng đến cái ông Manson ở Queens năm 1880.

Gill đọc xong, Dewar đã vung ngay chiếc búa.

- Thưa các vị! Chúng ta đặc biệt vui mừng vì có vị bác sĩ thanh tra mới của chúng ta cùng dự họp hôm nay. Tôi còn nhớ, mới hồi năm 1904, tôi đã nhấn mạnh đến yêu cầu phải có thường xuyên một thầy thuốc lâm sàng bên cạnh Ủy ban làm người trợ thủ vững vàng cho các bệnh lý học mà chúng ta thỉnh thoảng nẫng của bên khoa nghiên cứu Backhouse. Tôi nói lên điểm này một cách tôn trọng ông bạn trẻ của chúng ta là ông Hope mà nhân đức… hí hí, mà chúng ta chịu ơn nhiều. Tôi lại còn nhớ mới hồi năm 1889…

Huân tước Robert Abbey xen ngang:

- Thưa ngài, tôi tin rằng các thành viên khác trong Ủy ban thành thực mong được cùng ngài gửi lời chúc mừng đến bác sĩ Manson về bản luận án của bác sĩ về bệnh nhiễm bụi silica. Tôi xin mạn phép nói rằng tôi coi đó là một công trình nghiên cứu lâm sàng đặc biệt kiên trì và độc đáo, một công trình, như Ủy ban ta biết rõ, có thể có những tác động hết sức sâu rộng đến các quy định của chúng ta về bệnh nghề nghiệp.

- Rất đúng, rất đúng! – Challis oang oang ủng hộ người được ông bênh vực.

- Đấy chính là điều mà tôi định nói, Robert ạ. – Giọng Billy Dewar bực bội. Đối với lão thì Abbey còn là một người trai trẻ, gần như còn là một cậu sinh viên mà những lời chen ngang cần phải được khiển trách nhẹ nhàng. – Tại kỳ họp trước, khi chúng ta quyết định công việc điều tra này cần được tiếp tục thì tên tuổi bác sĩ Manson đã được gợi lên ngay trong óc tôi. Bác sĩ Manson đã mở ra vấn đề này thì ông ta phải được tạo mọi điều kiện tiếp tục nó. Thưa các vị, chúng ta mong rằng bác sĩ Manson – đây là một ân huệ đối với Andrew nên lão nhấp nháy con mắt dưới hàng lông mày rậm với anh qua mặt bàn dài – sẽ được dịp đi thăm thú tất cả các mỏ nói chung. Chúng ta cũng mong rằng bác sĩ Manson sẽ có đủ mọi cơ hội thuận tiện để khám lâm sàng các thợ mỏ. Chúng ta sẽ dành cho bác sĩ Manson mọi phương tiện, trong đó có cả những hiểu biết sâu sắc về vi khuẩn học của bác sĩ Hope, người bạn trẻ của chúng ta. Thưa các vị, nói tóm lại, chúng ta sẽ không từ một việc gì để bảo đảm cho vị bác sĩ thanh tra mới của chúng ta có khả năng đưa nhanh vấn đề nhiễm bụi này đến chỗ mỹ mãn trên phương diện khoa học và hành chính.

Andrew kín đáo hít vội một hơi thở dài. Thật là tốt đẹp, tuyệt diệu, tốt đẹp hơn anh hy vọng. Họ sẽ cho anh được toàn quyền tự do làm việc, hỗ trợ anh với quyền lực rộng lớn của họ, để cho anh được tha hồ lao vào việc nghiên cứu lâm sàng. Họ thật là những

đấng thiên thần, không trừ một ai, và Billy Dewar chính là thượng đẳng thần Gabriel.

- Thưa các vị! – Dewar bỗng rít lên the thé, rút từ túi áo ra một đống giấy tờ – trước khi bác sĩ Manson bắt tay vào việc, trước khi chúng ta có thể cảm thấy được tự do để bác sĩ Manson tập trung nỗ lực lao vào vấn đề nói trên, có một việc khác bức thiết hơn mà tôi thấy ông ta cần gánh vác.

Im lặng. Andrew thấy tim mình thắt lại và dần dần xịu xuống khi Dewar nói tiếp:

- Bác sĩ Bigsby bên Bộ thương mại đã nêu lên với tôi tình trạng sai quy cách đáng ngại của các trang bị cấp cứu trong công nghiệp. Đương nhiên, điều luật hiện hành đã có mục quy định, nhưng quy định ấy co giãn và không thỏa đáng. Chẳng hạn, không có tiêu chẩn cụ thể về kích thước và chất liệu của băng, về chiều dài và chất liệu của các loại nẹp bó xương gãy. Thế mà, thưa các vị, đây là một vấn đề quan trọng liên quan trực tiếp đến Ủy ban chúng ta. Tôi dứt khoát cho rằng vị bác sĩ thanh tra của chúng ta cần phải tiến hành một cuộc điều tra sâu rộng và sẽ trình một báo cáo về vấn đề này trước khi bắt đầu vấn đề hít bụi.

Im lặng. Andrew cuống cuồng đưa mắt nhìn khắp bàn. Dodd-Canterbury duỗi dài chân, ngửa cổ nhìn lên trần. Gadsby đang vẽ ngoằn ngoèo trên tờ giấy thấm. Whinney thì cau mày còn Challis ưỡn ngực hít hơi chẩn bị lên tiếng.

Nhưng người phát biểu lại là Abbey:

- Thưa ngài Williams Dewar, đây rõ ràng là một vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ thương mại hoặc Bộ Hầm mỏ chứ.

- Chúng ta trực thuộc cả hai bộ ấy – Tiếng Dewar rin rít – Chúng ta, hí, hí, là đứa con côi của cả hai.

- Đúng, tôi biết. Nhưng dù sao, vấn đề bông băng này tương đối nhỏ mọn, và bác sĩ Manson…

- Ông Robert, tôi xin quả quyết với ông là hoàn toàn không nhỏ mọn đâu. Vấn đề này sẽ được nêu lên tại Nghị viện nay mai. Tôi được Huân tước Ungar cho biết mới hôm qua đây thôi.

- Á à. Nếu Ungar đã có ý kiến thì chúng ta không có cách nào khác. – Gadsby dỏng tai lên, nói xen vào. Gadsby có thể xu nịnh một cách sống sượng đến khó chịu và Ungar là người mà Gadsby đặc biệt muốn chiều lòng.

Andrew thấy không thể không có ý kiến. Anh lúng túng:

- Thưa ngài Williams, xin thứ lỗi cho tôi… Tôi tưởng ở đây tôi sẽ làm công tác lâm sàng. Một tháng nay, tôi ngồi không ở bàn giấy, và bây giờ, nếu như tôi sẽ…

Andrew im bặt nhìn quanh. Chính Abbey là người đỡ lời cho anh:

- Ý kiến của bác sĩ Manson rất đúng. Trong bốn năm, bác sĩ Manson đã kiên nhẫn đi vào đề tài của mình và bây giờ, sau khi đem lại cho ông ta mọi điều kiện thuận lợi để mở rộng đề tài ấy thì chúng ta lại định cử ông ta đi đếm các mảnh băng.

- Ông Robert ạ, nếu bác sĩ Manson đã kiên nhẫn được bốn năm – Dewar the thé, thì ông ta có thể kiên nhẫn thêm chút ít nữa. Hí hí!

- Đúng, đúng thế – Challis oang oang – Rồi sau ông ta sẽ được tự do nghiên cứu bệnh nhiễm bụi silica.

Whinney hắng giọng. "Này, con nghẽo còm sắp hí lên đây này" – Hope thì thầm với Andrew.

- Thưa các vị – Whinney nói – từ lâu tôi đã yêu cầu Ủy ban ta nghiên cứu vấn đề mỏi cơ do sức nóng của hơi nước, một vấn đề mà tôi quan tâm sâu sắc, như các vị biết, và tôi có thể dám nói là cho đến nay các vị chưa dành cho nó một sự quan tâm thích đáng. Tôi thấy rằng nếu yêu cầu bác sĩ Manson chuyển hướng khỏi vấn đề nhiễm bụi, thì đây là một cơ hội tốt để đi vào vấn đề cực kỳ quan trọng là sự mỏi cơ…

Gadsby nhìn đồng hồ:

- Tôi có một cuộc hẹn ở đường Harley đúng ba mươi nhăm phút nữa.

Whinney tức giận quay người về phía Gadsby. Giáo sư đồng nghiệp Challis hậu thuẫn ông ta bằng một câu nóng nảy: "Xấc xược không chịu được".

Sự huyên náo xem chừng sắp bùng ra. Nhưng bộ mặt vàng ệch của Dewar vẫn lịch sự tao nhã đằng sau hai hàng tóc mai dài chằm chằm nhìn vào đám người ngồi họp. Dewar không mảy may lúng túng. Lão đã điều khiển những cuộc họp như vậy từ bốn mươi năm nay rồi. Lão biết người ta ghét lão và muốn lão rút lui, những lão không chịu rút lui, lão sẽ không bao giờ rút lui. Cái sọ to tướng của lão chứa đầy những vấn đề, những dữ kiện, những dự án, những phương trình, công thức bí hiểm, chứa đầy những sinh lý học và hóa học, những công trình nghiên cứu có thật và tưởng tượng: nó là một ngôi mộ cổ mái vòm huyền bí, nơi lảng vảng những bóng ma của những con mèo mất đầu, được chiếu sáng bằng những tia phân cực và rực hồng một kỷ niệm lớn là hồi lão còn là một đứa trẻ con, lão đã được Lister xoa đầu.

Williams Dewar tuyên bố với vẻ chân thật:

- Thưa các vị, tôi phải thưa với các vị rằng tôi đã gần như hứa hẹn với Huân tước Ungar và bác sĩ Bigsby là chúng ta sẽ hỗ trợ hai vị ấy trong vấn đề khó khăn này. Sáu tháng là đủ, bác sĩ Manson ạ. Có thể lâu hơn một tí. Công việc ấy không phải là không hấp dẫn. Nó sẽ đưa ông đến tiếp xúc với những con người và những sự việc, ông bạn trẻ ạ! Ông còn nhớ câu nói của Lavoisier về giọt nước chứ? Hí hí! Và bây giờ, về việc nghiên cứu bệnh lý những mẫu phẩm từ mỏ than Wendover gửi đến do bác sĩ Hope tiến hành trong tháng bảy vừa qua…

Đến bốn giờ họp xong, Andrew nhìn lại vấn đề với Gill và Hope tại phòng làm việc của Gill. Tác dụng của Ủy ban này, và có lẽ của

cái tuổi ngày một cao của nó, là tạo ra ở Andrew bước đầu của sự kềm chế. Andrew không say sưa và cũng không nổi nóng nữa, anh đành bằng lòng ngồi nắn nót vẽ chơi với một cái bút của nhà nước trên bàn làm việc của nhà nước.

Gill an ủi anh:

- Không đến nỗi tệ lắm đâu. Có nghĩa là đi khắp đất nước, tôi biết, nhưng cũng có thể khá vui đấy. Ông có thể đưa cả bà nhà đi cùng. Đây là Buxton này, trung tâm của toàn khu mỏ Derbyshire. Và hết sáu tháng là ông có thể bắt đầu công việc của ông về bụi than được rồi.

Hope cười hềnh hệch:

- Ông ta sẽ không bao giờ có cơ hội ấy đâu… ông ta sẽ làm người đếm băng… suốt đời mất thôi.

Andrew cầm lấy mũ.

- Cái phiền ở anh, Hope ạ, là anh còn trẻ người non dạ.

Andrew về gặp Christine. Vì nàng nhất định không chịu bỏ lỡ cuộc hành trình nên thứ hai tuần sau, hai người mua lại một chiếc xe Maurice với giá sáu mươi bảng và cùng nhau lên đường tiến hành cuộc điều tra lớn về dụng cụ cấp cứu. Phải nói rằng họ thấy vui vui khi chiếc xe lao vùn vụt trên con đường đi lên miền Bắc. Bắt chước điệu bộ của lão "Billy thừa khuy" lái xe bằng chân, Andrew nói:

- Kệ cho Lavoisier năm 1832 muốn nói gì về giọt nước thì nói, chúng mình ở bên nhau là được rồi.

Công việc thật là ngu ngốc: kiểm tra các dụng cụ cấp cứu ở các mỏ than: nẹp, băng, bông, thuốc sát trùng, ga-rô, vân vân. Mỏ than nào khá thì trang bị đủ. Mỏ than nào tồi thì trang bị tồi. Đi kiểm tra dưới hầm lò không phải là việc mới đối với Andrew. Anh đã xuống hầm lò kiểm tra hàng trăm lần, anh đã bò hàng dặm

đường trong lò tới nơi khấu than chỉ để nhìn một hộp băng đã được cẩn thận đặt ở đấy trước đó nửa giờ.

Tại những giếng lò nhỏ ở miền Yorkshire cực nhọc, Andrew loáng thoáng nghe được các đốc công thì thầm với nhau:

- Geordie này, chạy nhanh đến báo Alex ra ngay hiệu thuốc… – rồi quay sang nói với anh – Mời bác sĩ ngồi, một phút nữa chúng tôi sẵn sàng tiếp bác sĩ!

Tại Nottingham, nói chuyện với các nhân viên cấp cứu buộc phải kiêng rượu, Andrew an ủi họ rằng trà lạnh là chất kích thích tốt hơn rượu mạnh. Ở nơi khác thì anh lại cứ một mực khuyên uống rượu uýt-ki. Nhưng thường thường anh làm việc với một sự chuyên cần đáng ngại. Andrew và Christine tìm được một chỗ ở thuận tiện tại một khu trung tâm. Sau đó, anh dùng xe hơi đi khắp vùng. Trong lúc Andrew kiểm tra thì Christine ngồi đan ở hơi xa một tí. Họ có nhiều cuộc gặp gỡ, hầu hết là với các bà chủ đất. Họ đánh bạc với các thanh tra hầm mỏ. Andrew không ngạc nhiên khi thấy việc làm của anh khiến cho những con người dầy dạn, lăn lộn nhiều đó phải phì cười. Có điều đáng tiếc là anh cũng cười với họ.

Đến tháng ba thì hai vợ chồng trẻ về Luân Đôn. Họ bán lại xe – bị thiệt có mười bảng – rồi Andrew bắt tay vào viết báo cáo. Anh quyết định cung cấp cho Ủy ban những kết quả xứng đáng với đồng tiền của họ, cho họ hàng chồng thống kê, hàng trang biểu đồ, hình vẽ về từng khu vực với những đường biểu diễn chỉ các loại băng lượn lên khi những đường biểu diễn chỉ các loại nẹp gỗ lượn xuống. Anh nói với Christine là anh sẽ cho họ thấy anh đã hoàn thành công việc này đầy đủ đến thế nào và tất cả bọn họ đã lãng phí thời gian của họ đến nhường nào.

Đến cuối tháng, khi đã gửi vội một bản dự thảo báo cáo đến Gill, Andrew ngạc nhiên nhận được giấy của bác sĩ Bigsby mời anh lại Bộ Thương mại.

Đi cùng với Andrew dọc Whitehall, Gill hớn hở nói:

- Ông ta rất hào hứng với báo cáo của anh. Lẽ ra tôi không được để lộ cho anh biết. Nhưng thôi cứ nói: đây là một bước mở đầu may mắn cho anh đấy, anh bạn thân mến ạ. Anh chưa biết Bigsby quan trọng đến chừng nào đâu. Ông ta nắm trong tay toàn bộ guồng máy quản trị trong công nghiệp.

Hai người mất khá nhiều thời giờ mới đến được bác sĩ Bigsby. Họ phải cầm mũ đứng chờ tại hai tiền sảnh rồi mới được dẫn vào phòng chính. Dù sao, cuối cùng thì cũng gặp được Bigsby – một con người bệ vệ mà thân mật, mặc bộ quần áo màu xám sẫm và đôi ghệt màu sẫm hơn, áo vét-tông cài chéo, vẻ bận rộn và quyền thế.

- Mời các ông ngồi. Ông Manson, tôi đã đọc bản dự thảo báo cáo của ông. Tuy nói ra bây giờ là sớm song tôi phải nói tôi bằng lòng lắm. Rất khoa học. Biểu đồ rất đầy đủ. Đó là điều mà chúng tôi muốn có tại bộ này. Vì chúng ta sẽ phải tiến hành tiêu chẩn hóa các loại trang bị tại các nhà máy và hầm mỏ cho nên ông cần phải biết ý kiến của tôi. Trước hết, tôi thấy ông đề nghị lấy loại băng rộng bản nhất là loại băng ba inch. Nhưng tôi lại muốn là loại hai inch rưỡi. Ông sẽ đồng ý với tôi chứ, phải không?

Andrew cảm thấy bực mình, có thể là do đôi ghệt.

- Cá nhân tôi, nói về các mỏ, tôi nghĩ băng càng rộng bản bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Dẫu vậy tôi cho rằng rộng hẹp thì cũng không có gì khác nhau nhiều cho lắm.

Bigsby đỏ gáy:

- Sao hở? Không khác nhau à?

- Không khác nhau mảy may.

- Thế ông không thấy, ông không nhận thức được rằng đây là một vấn đề đụng chạm đến toàn bộ nguyên tắc tiêu chẩn hóa à? Nếu

chúng tôi đề xuất ý kiến hai inch rưỡi mà ông lại đề nghị ba inch thì sẽ rắc rối to.

- Vậy thì tôi đề nghị ba inch – Andrew lạnh lùng đáp.

Bigsby nổi cáu, có thể thực sự nhìn thấy cái cáu ấy nổi lên:

- Thái độ của ông thật khó hiểu. Bao nhiêu năm nay chúng tôi đã cố gắng để tiến tới loại băng hai inch rưỡi. sao…, ông không thấy tầm quan trọng của vấn đề này lớn đến thế nào à?

Andrew cũng nổi nóng không kém.

- Có, tôi có thấy! Ngài đã xuống dưới lò bao giờ chưa? Tôi thì tôi đã xuống rồi đấy. Tôi đã tiến hành ngay dưới lò một ca mổ kinh khủng, tôi phải nằm dài, dán bụng xuống một vũng nước, chỉ có mỗi một ngọn đèn an toàn đi lò, không có phòng mổ, bàn mổ gì cả. Tôi xin nói thẳng với ngài rằng một sự chênh lệch cầu kỳ nửa inch về bề rộng của băng không có mảy may ý nghĩa gì hết.

Andrew ra khỏi công sở này nhanh hơn lúc vào, đi sau anh là Gill, vặn vẹo hai bàn tay với nhau và phàn nàn về chuyện to tiếng vừa qua suốt đường về tới trụ sở Ủy ban.

Về tới nơi, đứng trong phòng làm việc của mình, Andrew nghiêm trang nhìn xuống tàu bè đi lại trên sông, nhìn xuống đường phố náo nhiệt, nhộn nhịp, xe hơi, xe buýt, tàu điện chạy leng keng qua cầu, người qua kẻ lại, tất cả mạch đập sôi động của cuộc sống.

Andrew nôn nao nghĩ bụng:

- Mình không quen với guồng máy ở đây. Mình phải ở ngoài kia cơ… chỗ của mình là phải ở ngoài kia.

Abbey không đến dự các phiên họp của Ủy ban nữa. Challis đã làm cho Andrew nản lòng, thậm chí hoảng hốt khi ông ta đưa Andrew đi ăn trưa cách đây một tuần và báo trước cho anh biết Whinney đang ráo riết vận động để kéo anh sang cuộc nghiên cứu sự mỏi cơ của ông trước khi xúc tiến vấn đề nhiễm bụi silica.

Andrew suy nghĩ và tuyệt vọng, anh cố nhìn tình hình với con mắt hài hước:

- Nếu đến nước ấy, cộng thêm vào chuyện bông băng đã qua, thì mình có lẽ đến phải xin một cái thẻ độc giả tại Viện bảo tàng Anh mất thôi.

Trên đường từ sở về nhà, Andrew bỗng nhận ra anh đang thèm thuồng ngắm nghía những tấm biển đồng gắn ngoài hàng rào sắt trước cửa nhà các bác sĩ mở phòng khám tư. Đứng lại, anh để mắt theo dõi một bệnh nhân bước lên mấy bậc cửa, bấm chuông rồi được mời vào trong nhà. Sau đó, vừa đi vừa trầm ngâm suy nghĩ, Andrew hình dung trong óc những cảnh tiếp theo: những câu hỏi han, chiếc ống nghe được may mắn đem ra, rồi tất cả khoa chẩn đoán say mê hấp dẫn. Anh chẳng phải cũng là một bác sĩ đấy ư? Ít ra, trước kia, đã từng có thời…

Khoảng cuối tháng năm, trong tâm trạng ấy, Andrew đang đi bộ trên đường Oakley vào lúc năm giờ chiều thì bỗng thấy một đám đông, xúm xít chung quanh một người nằm sõng sượt trên vỉa hè. Ở rãnh cống, bên cạnh là chiếc xe đạp cong queo, và gần như đè hẳn lên chiếc xe đạp là một chiếc xe hơi với người lái say rượu.

Năm giây sau, Andrew đã len vào giữa đám đông và thấy người bị nạn đang được một nhân viên cảnh sát quỳ gối đỡ lên. người bị nạn chảy máu rất nhiều từ một vết thương ở sâu trong bẹn.

- Để tôi xem nào. Tôi là bác sĩ.

Cố buộc ga-rô để ngừng máu mà không được, viên cảnh sát ngẩng gương mặt lo lắng lên nhìn Andrew.

- Tôi không làm ngừng máu được, bác sĩ ạ. Vết thương ở cao quá.

Andrew thấy không thể nào đặt được ga-rô. Động mạch hông bị vỡ ở chỗ quá cao, người bị nạn sẽ mất hết máu và chết mất. Anh bảo viên cảnh sát.

- Ông đỡ ông ấy dậy và đặt nằm ngửa cho tôi.

Duỗi thẳng cánh tay phải, Andrew cúi người thọc thật mạnh nắm tay vào bụng người bị nạn, ở phía trên động mạch chủ xuống. Toàn bộ sức nặng của cơ thể Andrew đè lên động mạch lớn ấy làm máu ngừng ngay. Viên cảnh sát nhấc mũ sắt quệt mồ hôi trán. Năm phút sau xe cứu thương đến và Andrew lên xe cùng với người bị nạn.

Sáng hôm sau, Andrew gọi dây nói đến bệnh viện. Người bác sĩ trực ban trả lời cộc lốc theo thói quen:

- Có, có, nạn nhân khá rồi. Ông là ai đối với nạn nhân hả?

- Ờ, không là ai cả – Andrew ấp úng trả lời tại phòng điện thoại công cộng.

Đúng như vậy, Andrew cay đắng nghĩ, anh chẳng là ai cả, chỉ là một người vô dụng, không làm nên trò trống gì, không đạt được tới một cái gì. Andrew chịu đựng tâm trạng ấy đến cuối tuần, rồi lặng lẽ, không ầm ĩ, anh gửi giấy xin thôi việc đến Gill nhờ ông ta chuyển hộ cho Ủy ban.

Gill sửng sốt, tuy ông ta thừa nhận ông ta đã linh cảm tới sự thể đáng buồn này. Gill đọc một bài diễn văn ngắn gọn kết thúc như sau:

- Vả chăng, anh bạn thân mến ạ, tôi đã nhận ra rằng vị trí của anh… à, tôi xin mượn một câu so sánh trong thời chiến… không phải ở hậu phương mà ở tiền tuyến… với những người chiến đấu.

Hope bảo:

- Đừng có nghe cái ông chim cút và thích trồng hồng ấy. Anh may đấy. Tôi cũng sẽ theo chân anh nếu tôi còn đủ lý trí khi hết thời hạn ba năm của tôi.

Andrew không được nghe nói gì đến các hoạt động của Ủy ban lao động hầm mỏ về vấn đề nhiễm bụi cho đến một hôm, sau đó nhiều tháng, Huân tước Ungar nêu lên vấn đề này một cách vang

dội tại Nghị viện, dẫn ra rất nhiều bằng chứng y học do bác sĩ Maurice Gadsby cung cấp.

Gadsby được báo chí ca ngợi là một thầy thuốc nhân đạo và vĩ đại. Và năm ấy, bệnh nhân nhiễm bụi silica được coi là một bệnh nghề nghiệp.

QUYỂN IV

I

Họ bắt đầu đi tìm nơi mở phòng khám bệnh. Đây là một việc nhiều lúc thăng trầm: có những lúc chứa chan hy vọng tiếp theo đến là những lúc bi quan đen tối. Sau ba lần thất bại liên tiếp – Andrew coi những lần rời khỏi Blaenelly, Aberalaw và Ủy ban Lao động hầm mỏ ít ra là những thất bại – Andrew khao khát phục thù. Nhưng toàn bộ vốn liếng của hai vợ chồng, có tăng lên chút đỉnh nhờ chi tiêu chắt bóp trong mấy tháng cuối của thời kỳ có lương đều đặn, cũng không quá sáu trăm bảng [1]. Họ sục đến các hội y tế, và đọc kỹ mục quảng cáo trên tờ "Mũi dao chính" xem có cơ hội nào là lao đến liền, nhưng áng chừng số tiền ấy khó đủ để thuê lại một phòng khám bệnh ở Luân Đôn.

Họ không bao giờ quên được lần giao dịch đầu tiên. Bác sĩ Brent ở Cadogan Gardens sắp về nghỉ tuổi già nên nhượng lại một số khách bệnh khá giả đông đảo, thích hợp với một bác sĩ có bằng cấp cao. Nhìn bề ngoài có vẻ là một dịp may hiếm có. Một cuốc xe tắc-xi hoang phí – vì sợ có người khác nhanh chân tranh mất – đưa hai vợ chồng đến chỗ bác sĩ Brent.

Người bé nhỏ, tóc bạc, nói năng hoà nhã, gần như khiêm nhường, bác sĩ Brent nhũn nhặn giới thiệu:

- Vâng, đây là một chỗ khá tốt. Nhà cũng đẹp nữa, tôi chỉ xin tiền thuê có bảy nghìn bảng. Hợp đồng thuê còn giá trị bốn năm nữa, và tiền thuê đất chỉ có ba trăm bảng một năm. Còn về tiền nhượng lại số khách bệnh, tôi nghĩ là cứ theo giá thông thường, trả ngay số thu nhập bình quân hai năm … ờ, có được không ạ, thưa bác sĩ Manson?

Andrew nghiêm trang gật đầu:

[1] Đơn vị tiền tệ Anh. 1 bảng = 20 si-linh = 240 pen-ni

- Được lắm. Rồi ông sẽ giới thiệu tôi chu đáo với các khách bệnh chứ? Xin cảm ơn, bác sĩ Brent, chúng tôi sẽ suy nghĩ xem.

Hai người suy nghĩ về chuyện mua bán này bên cạnh chén trà ba pen-ni ở quán Lyons đường Brompton.

- Bảy nghìn bảng tiền thuê nhà! – Andrew bật một tiếng cười nhỏ. Hất chiếc mũ ra phía sau để lộ mấy nếp nhăn trên trán, anh tì khuỷu tay lên mặt bàn đá. – Thật ghê tởm cho cái kiểu mấy ông bạn đồng nghiệp già cố cắn răng bám giữ lấy chỗ của họ! Không thể nào bẩy họ đi được nếu không có tiền. Đó há chẳng phải là một bản cáo trạng về chế độ y tế của chúng ta hay sao? Nhưng dù nó có thối nát đến vậy, anh cũng chấp nhận nó. Rồi em xem, từ nay trở đi, anh sẽ chú trọng đến chuyện làm giàu.

Christine cười tủm tỉm.

- Đừng anh ạ. Không có tiền, chúng mình đã khá hạnh phúc rồi.

Andrew càu nhàu:

- Em sẽ chẳng nói được thế khi chúng mình bắt đầu phải đi hát rong ngoài phố… Này cô, xin tính tiền cho.

Đã có bằng tiến sĩ y khoa, lại là hội viên Hội y học Hoàng gia, Andrew muốn có một số khách bệnh độc lập, không nằm trong hệ thống bảo hiểm y tế địa phương và anh không phải vừa khám bệnh vừa cấp thuốc. Anh muốn thoát khỏi chế độ thẻ đăng ký chữa bệnh. Nhưng hết tuần này lại tuần khác trôi qua, Andrew sau cùng đành bằng lòng với bất kỳ cái gì miễn là nó đem lại cho anh phương tiện sinh sống. Anh đến thăm dò các phòng bệnh ở Tulse Hill, Islington và Brixton, và một phòng khám khác ở Camden Town, mái nhà bị thủng một lỗ. Anh đã phải đi đến chỗ bàn với Hope cứ hú họa thuê lấy một ngôi nhà rồi treo cái biển đề tên mình lên, nhưng Hope bảo rằng với số vốn liếng của Andrew, như thế có khác nào tự tử.

Mãi hai tháng sau, khi họ hết hẳn hy vọng rồi thì trời thương anh, để cho ông bác sĩ Foy già lặng lẽ chết đi một cách không đớn đau tại Paddington. Tin cáo phó này, vẻn vẹn có bốn dòng đăng trên tạp chí "Y học", đã đập vào mắt Andrew. Tuy đã hết nhiệt tình, nhưng hai vợ chồng vẫn cứ đến số 9 phố Chesborough. Họ thấy ngôi nhà như một cái hầm mộ cao, xam xám màu chì, phòng khám ở về một mé và nhà xe xây gạch ở phía sau. Họ giở xem quyển kế toán thấy bác sĩ Foy thu nhập bình quân mỗi năm khoảng năm trăm bảng, chủ yếu là khám bệnh cấp thuốc với giá ba si-linh sáu pen-ni một người. Họ gặp bà quả phụ Foy và được bà rụt rè quả quyết là số khách bệnh của người bác sĩ quá cố này khá đông, có thời kỳ rất đông nữa kia, trong đó có nhiều "bệnh nhân khá giả" đến khám bệnh "đằng cửa chính". Andrew và Christine cảm ơn bà Foy rồi ra về, không lấy gì làm hào hứng.

Anh băn khoăn:

- Dù sao, cũng không biết thế nào. Có nhiều nhược điểm. Anh ghét phải kiêm cấp thuốc. Địa điểm cũng không thuận lợi cho lắm. Em có để ý thấy mấy nhà trọ bên cạnh đều ọp ẹp cả không? Nhưng nó lại gần một khu phố khá giả. Nó lại ở ngay góc phố, giáp một phố chính. Và cũng xấp xỉ số tiền của chúng mình. Mua trả dần trong một năm rưỡi. Kể ra bà ta cũng tốt – để lại tất cả đồ đạc của phòng khám lẫn phòng pha thuốc. Mà ta lại có thể đến ở ngay tức khắc: đó là cái ưu điểm của chỗ trống do người chết để lại. Em nghĩ sao, Chris? Nếu không lấy ngay, thì chẳng bao giờ lại có dịp như vậy nữa đâu. Hay ta thử liều một phen?

Christine nhìn Andrew một lát, trong lòng hoang mang không biết nên thế nào. Đối với nàng, vẻ quyến rũ mới mẻ của Luân Đôn đã hết rồi. Nàng yêu thích nông thôn, và trong khung cảnh xám xịt này nàng càng mong được về sống ở thôn quê. Nhưng Andrew lại ao ước tha thiết có phòng khám bệnh tại Luân Đôn đến nỗi nàng không thể, dù chỉ là thử, thuyết phục anh từ bỏ ý định đó đi.

Nàng gật đầu chậm rãi:

- Anh Andrew ạ, nếu anh muốn …

Hôm sau, Andrew đến gặp người đại diện của bà Foy và trả giá sáu trăm bảng, tuy bà Foy hôm trước đòi những bảy trăm năm mươi bảng. Giá ấy được chấp nhận và ngân phiếu được viết luôn. Hôm thứ bảy mồng mười tháng mười, Andrew và Christine chuyển đồ đạc từ nơi ký gởi đến và tiếp quản ngôi nhà mới của hai vợ chồng.

Hết chủ nhật họ mới giải quyết xong những đống rơm và bao gói chất đầy nhà rồi run run tự hỏi bây giờ họ sẽ sống làm sao đây. Andrew tranh thủ giờ phút này để đọc một bài thuyết giáo hiếm có và bỉ ổi, nó làm anh chẳng khác nào một tay trợ tế tại một nhà thờ cỏn con của giáo phái ly khai.

- Tình hình chúng mình là gay đấy, em ạ. Chúng mình đã dốc cạn túi rồi. Bây giờ phải sống bằng đồng tiền kiếm ra hàng ngày thôi. Có Trời biết sẽ ra sao. Nhưng phải cố mà sống. Em phải cố mà xoay sở, Chris ạ, phải tằn tiện …

Andrew hoảng hồn khi thấy Christine òa khóc. Xanh xao đứng giữa phòng ngoài rộng lớn tối lù mù, trần nhà nhem nhuốc, sàn không trải thảm, nàng nức nở:

- Trời ơi! Xin anh đừng nói nữa. Tằn tiện. Em bao giờ mà chả tằn tiện cho anh. Em có tiêu tốn gì của anh đâu?

- Chris! – Andrew thốt lên kinh hãi.

Nàng điên cuồng níu lấy anh:

- Chỉ tại cái nhà này. Hôm trước, em chưa biết rõ… Cái tầng hầm này, cái cầu thang, rồi rác rưởi…

- Mặc xác nó chứ! Khách chữa bệnh mới là cái chính.

- Lẽ ra chúng mình có thể mở một phòng khám bệnh nho nhỏ ở nông thôn.

- Ừ, với những bông hồng hai bên cửa nhà. Mẹ kiếp …

Sau cùng, Andrew xin lỗi vợ về bài thuyết giáo của anh. Rồi, tay anh quàng lưng nàng, hai người xuống rán trứng ở cái tầng hầm đáng nguyền rủa ấy. Andrew cố làm cho Christine vui lên, anh nói đùa đây không phải là một tầng hầm mà chính là một khúc đường hầm Paddington bất kỳ lúc nào cũng có thể có xe lửa chạy qua mà không biết. Christine uể oải mỉm cười nghe Andrew cố pha trò, nhưng kỳ thực nàng đang nhìn vào cái bể rửa bát đã bị rạn vỡ.

Sáng hôm sau, đúng chín giờ, Andrew mở cửa phòng khám. – Anh tính không nên làm việc quá sớm kẻo người ta lại cho là anh quá háo hức – Anh rạo rực mong đợi, rạo rực hơn rất nhiều so với buổi sáng hôm nào anh tiếp nhận phòng khám bệnh đầu tiên trong đời anh ở Blaenelly mà nay anh gần như đã quên.

Chín giờ rưỡi … Andrew lo lắng đợi. Phòng khám nhỏ này dùng để tiếp các bệnh nhân vừa khám bệnh vừa xin thuốc, có cửa riêng mở ra phố bên và thông sang ngôi nhà chính qua một hành lang ngắn cho nên Andrew có thể đồng thời quan sát được cả phòng khám chính dành cho những "bệnh nhân khá giả" vào bằng cửa trước. Phòng khám cửa trước là gian phòng chính ở tầng dưới của ngôi nhà, được trang hoàng không đến nỗi tồi với chiếc bàn làm việc của bác sĩ Foy, một bàn khám bệnh và một chiếc giường nằm. Như vậy, trên thực tế Andrew chăng ra hai cái bẫy. Tâm trí căng thẳng như người đánh cá, Andrew chờ đợi xem hai mẻ lưới đem lại cho anh những gì.

Thế nhưng nó chẳng đem lại gì, tuyệt nhiên chẳng có gì! Gần mười một giờ rồi mà vẫn chưa có bệnh nhân nào đến. Mấy tay lái xe tắc-xi đứng cạnh dãy xe của họ ở bên kia vẫn thản nhiên nói chuyện gẫu với nhau. Tấm biển đề tên Andrew bóng lộn, treo ngoài cửa dưới tấm biển đen xỉn của bác sĩ Foy.

Bỗng nhiên, khi Andrew hầu như đã hết hy vọng thì chuông phòng khám nhỏ reo lanh canh và một người phụ nữ già choàng khăn bước vào. Viêm phế quản mãn tính. Bà ta chưa kịp nói,

Andrew đã thấy ngay qua hơi thở khò khè của bà ta. Với cử chỉ dịu dàng, rất dịu dàng, anh mời bà ta ngồi để anh khám. Bà này là một bệnh nhân lâu năm của bác sĩ Foy. Anh chuyện trò với bà ta. Anh vào pha thuốc cho bà ta trong phòng thuốc cỏn con – một cái hốc nhỏ xíu nằm lưng chừng hành lang từ phòng khám nhỏ đến phòng khám chính. Anh mang thuốc ra. Khi anh sắp sửa run run hỏi tiền thì không nói năng gì bà ta đã đưa luôn cho anh ba si-linh sáu pen-ni.

Không thể tưởng tượng nổi niềm xúc động trong giây phút ấy, niềm vui sướng, tâm trạng nhẹ nhõm khi cầm mấy đồng tiền đó trong lòng bàn tay; anh cảm thấy như thể đây là những đồng tiền đầu tiên anh kiếm được trong đời. Đóng cửa phòng khám lại, anh chạy đến chỗ Christine ném mấy đồng tiền vào lòng nàng.

- Người bệnh đầu tiên, em ạ. Có lẽ khách ở đây thực ra không đến nỗi ít lắm đâu. Dù sao đây cũng đủ bữa trưa cho chúng mình rồi!

Andrew không có ai hẹn đến thăm bệnh tại nhà, vì ông bác sĩ già qua đời đến nay được ba tuần mà không có ai tạm thời thay thế trong khoảng thời gian đó. Anh phải chờ người ta đến mời anh. Trong thời gian chờ đợi này, qua thái độ của Christine anh biết rằng nàng muốn một mình giải quyết những công việc bận rộn trong nhà cho nên anh bỏ nốt buổi sáng đi bộ quanh khu anh mới đến ở, thăm thú, nhìn ngó những ngôi nhà ọp ẹp, dãy quán trọ dài tồi tàn, những quảng trường cỏn con cây cối khẳng khiu, ám khói, những chuồng ngựa biến thành nhà xe, rồi sau ngã tư quặt sang phố Bắc đột ngột hiện ra một dãy nhà ổ chuột như một vết bẩn nhơ nhớp gồm nào là cửa hàng cầm đồ, nào là xe cút kít của những người bán hàng rong, nào là quán rượu, cửa hàng tạp hóa bày những thứ thuốc có giấy phép sản xuất bên cạnh những đồ chơi bằng cao su quét màu sặc sỡ.

Andrew nghĩ bụng cho rằng khu phố này đã tiều tụy đi nhiều sau một thời kỳ đã từng có những dãy xe ngựa đỗ dài trước những

cánh cổng sơn son thếp vàng. Bây giờ nó bẩn thỉu, tồi tàn. Tuy nhiên, đã có những dấu hiệu của một cuộc sống mới đang trỗi dậy giữa đống bùn lầy nước đọng này: một khối nhà mới đang mọc lên, đã có một vài cửa hiệu và văn phòng sang trọng, và ở cuối phố Gladstone là cửa hàng Laurier nổi tiếng. Ngay đến Andrew là người không biết tí gì về thời trang phụ nữ cũng đã được nghe tiếng cửa hàng Laurier, và không cần đến những dãy xe hơi choáng lộn đậu dài bên ngoài tòa nhà xây bằng đá trắng toát, không có cửa sổ hoặc tủ kính trông ra đường, anh cũng tin rằng mấy điều ít ỏi mà anh biết được về sự trang trọng của nó là có thực. Anh cảm thấy có điều kỳ quặc là cửa hàng Laurier lại mọc lên giữa những nếp nhà thấp lè tè tồi tàn này. Tuy vậy, nó vẫn sừng sững đứng đó, không ai có thể hoài nghi sự tồn tại của nó cũng như sự tồn tại của người cảnh sát đứng gác ở bên kia đường.

Buổi chiều, Andrew hoàn thành chuyến đi thăm mở đầu bằng việc đến thăm các bác sĩ ở quanh vùng. Anh đến thăm tám người cả thảy, nhưng chỉ có ba người là gây đôi chút ấn tượng với anh. Đó là bác sĩ Ince còn trẻ ở phố Gladstone, bác sĩ Reeder ở cuối phố Alexandra, và ở góc phố Royal là một bác sĩ già người Scottland tên là McLean.

Những người ấy, gặp anh ai cũng nói: "À, chính ông là người nhận lại khách của ông già Foy tội nghiệp đấy à?" Câu hỏi ấy có phần nào làm anh chưng hửng. Tại sao "nhận lại", anh nghĩ, hơi bực mình. Anh tự nhủ: sáu tháng nữa, họ sẽ phải thay đổi thái độ cho mà xem. Tuy anh năm nay đã ba mươi tuổi và biết rằng giữ gìn ý tứ là có lợi như thế nào, song anh vẫn kỵ nhất thái độ bề trên kẻ cả như mèo kỵ nước.

Tối hôm ấy, ở phòng khám nhỏ có ba bệnh nhân, hai người trả anh theo giá cố định ba si-linh sáu pen-ni. Người thứ ba hẹn sẽ trở lại và trả tiền vào thứ bảy. Như vậy, trong ngày đầu, Andrew đã kiếm được mười si-linh sáu pen-ni.

Nhưng hôm sau, anh chẳng thu được đồng nào. Ngày hôm sau nữa, chỉ có bảy si-linh. Thứ năm thì khá. Thứ sáu gần như không được gì và thứ bảy, sau buổi sáng không có ai, buổi tối anh kiếm được mười bảy si-linh sáu pen-ni tuy người bệnh mà anh cho chịu hôm thứ hai không trở lại trả tiền như đã hẹn.

Chủ nhật, không nói với Christine, anh lo lắng ngồi điểm lại cả tuần. Phải chăng anh đã sai lầm ghê gớm khi nhận lại đám khách bệnh vô thừa nhận này, khi dốc hết cả số tiền tiết kiệm của hai vợ chồng vào ngôi nhà như nấm mồ này? Anh kém cỏi ở mặt nào? Năm nay, anh đã ba mươi tuổi, đúng ra là hơn ba mươi. Anh có bằng tiến sĩ y khoa, là hội viên Hội Y học Hoàng gia. Anh có khả năng về lâm sàng và đã hoàn thành một công trình nghiên cứu lâm sàng giá trị. Thế mà anh vẫn kiếm không đủ tiền nuôi miệng với đám khách ba si-linh sáu pen-ni. Anh căm giận nghĩ: chỉ tại cách tổ chức hiện thời, nó già cỗi lắm rồi. Cần phải có một cách tổ chức tốt hơn, đem lại cơ hội cho mọi người, chẳng hạn như, ờ, chẳng hạn như sự kiểm soát của nhà nước. Nhưng Andrew lại lầu bầu khi nghĩ đến bác sĩ Bigsby và cái Ủy ban Lao động hầm mỏ. Không, mẹ kiếp, không hy vọng gì … bộ máy quan liêu bóp nghẹt hết thảy mọi nỗ lực cá nhân, nó sẽ làm mình ngạt thở mất. Mặc xác nó chứ! Ta phải giàu sang bằng được, nhất định ta phải giàu sang.

Chưa bao giờ khía cạnh tiền tài của nghề y lại ám ảnh Andrew đến thế …

Khoảng một trăm thước về phía dưới đi theo đường xe buýt lớn có một cửa hiệu thực phẩm nhỏ. Chủ hiệu là một phụ nữ thấp béo, người gốc Đức nhập quốc tịch Anh, tự nhận tên là Smith, nhưng cứ theo cách nói tiếng Anh tồi và giọng có nhiều chỗ rít lên "sơ, sơ" thì rõ ràng bà ta phải mang tên Đức Schmidt. Cửa hiệu của "Fraud Schmidt" này có vẻ đặc sắc của Châu âu lục địa, với quầy tính tiền bằng cẩm thạch, bên trên chất đầy những cá mòi muối, ô-liu đóng bình, dưa bắp Đức, xúc xích đủ loại, bánh ngọt, dồi Ý

và loại phó-mát Liptauer ngon có tiếng. Ngoài ra lại còn có ưu điểm là rất rẻ. Vì đồng tiền ở nhà số 9 phố Chesborough là thứ khá hiếm, và bếp lò lại là một cái bếp cũ nát, nghẹt khói, nên Andrew và Christine rất hay đến cửa hiệu Fraud Schmidt. Những ngày khấm khá, họ mua xúc xích Frankfurt nóng hổi và bánh nhân táo. Những ngày vắng khách thì bữa ăn trưa của họ chỉ có cá mòi muối và khoai tây nấu. Nhiều tối, sau khi ngắm kỹ những thứ bày biện trong tủ kính bốc hơi của hiệu Fraud Schmidt và chọn trước bằng mắt, họ thường rẽ vào mua một vài thứ ngon miệng đem về nhà trong chiếc túi lưới.

Fraud Schmidt chẳng bao lâu quen biết hai vợ chồng Andrew. Bà đặc biệt mến Christine. Khuôn mặt béo tròn căng bóng nhăn lại làm con mắt bà hầu như nhắm tít dưới mái tóc vàng óng bồng cao, Fraud Schmidt mỉm cười gật đầu với Andrew.

- Rồi anh sẽ khấm khá, sẽ ăn nên làm ra. Anh có một người vợ tốt lắm. Chị ấy nhỏ người, như tôi, nhưng chị ấy đảm đang. Ít lâu nữa, tôi sẽ giới thiệu bệnh nhân đến chỗ anh cho anh.

Mùa đông ập tới gần như đột ngột, sương mù giăng đầy các phố ngày một dày đặc thêm hình như vì khói của nhà ga xe lửa lớn gần đây. Hai vợ chồng chịu đựng cuộc sống ấy một cách nhẹ nhàng, coi việc phải vật lộn để sống như vậy là vui, nhưng thực ra trong suốt cả thời gian ở Aberalaw họ chưa bao giờ phải nếm mùi đau khổ đến như bây giờ.

Christine ra sức sửa sang ngôi nhà lạnh giá của hai vợ chồng. Nàng quét trần nhà bằng vôi trắng, may rèm mới cho phòng đợi, dán lại giấy tường phòng ngủ. Sơn lại cánh cửa với hai màu đen và vàng, nàng đã biến đổi hẳn bộ cửa gập cổ lỗ trước kia đã làm xấu cả phòng khách ở tầng trên.

Khách mời đến thăm bệnh tại nhà không có mấy, phần lớn là ở các nhà trọ lân cận. Khó lòng lấy được tiền công của những người bệnh ấy. Họ phần lớn túng thiếu, thậm chí còn là những phần tử

đáng ngờ, giỏi nghề quịt nợ. Andrew cố làm vừa lòng những bà chủ trọ gầy ngoẵng này. Chuyện trò với họ tại các hành lang lù mù, anh thường bảo: "Ấy tôi tưởng không đến nỗi lạnh như thế này. Biết vậy thì mặc thêm chiếc măng-tô" hoặc "Đường sá đi lại khó khăn quá. Tôi phải để xe hơi ở nhà".

Andrew kết bạn với người cảnh sát thường làm nhiệm vụ tại ngã tư đông xe cộ trước cửa hiệu Fraud Schmidt. Người cảnh sát ấy tên là Donald Struthers. Ngay từ đầu, hai người đã rất thân thiết với nhau vì cũng như Andrew, Struthers quê ở Fife. Struthers hứa hẹn sẽ làm tất cả những gì mà khả năng anh ta có thể làm được để giúp đỡ người đồng hương của mình, và anh ta đùa gở: "Nếu có ai bị chẹt chết ở đây, thế nào tôi cũng đến mời bác sĩ".

Một buổi chiều, khoảng một tháng sau ngày hai vợ chồng dọn đến, Andrew đến thăm người dược sĩ cùng khu anh. Anh giả vờ vui vẻ hỏi mua một ống tiêm đặc biệt 10 cc nhãn hiệu Voss mà mình biết chắc họ không có, rồi như tình cờ tự giới thiệu mình là thầy thuốc mới, còn khỏe mạnh, ở số 9 phố Chesborough. Về đến nhà, nhìn vẻ Christine, anh biết là có chuyện gì hấp dẫn. Nàng thì thào với anh:

- Có một người bệnh trong phòng khám lớn, anh ạ. Bà ta vào đằng cửa trước.

Gương mặt Andrew sáng lên. Đây là người bệnh "khá giả" đầu tiên của anh. Có thể đây là bước mở đầu cho một thời kỳ sáng sủa hơn. Lấy lại bình tĩnh, Andrew nhanh nhẹn bước vào phòng khám chính.

- Chào bà! Tôi có thể giúp bà được gì?

- Chào bác sĩ! Bà Smith mách tôi đến đây.

Người khách đứng dậy bắt tay anh. Khách trông mũm mĩm hồn nhiên, dáng nặng nề, mặc một chiếc măng-tô lông thú ngắn, tay cầm một cái ví to. Andrew nhận ra ngay đây là một trong số những cô gái làng chơi vẫn hay lãng vãng trong khu.

- Sao đấy? – Andrew hỏi, nhiệt tình giảm đi chút đỉnh.

Ả ta mỉm cười, ngượng ngập:

- Ồ, thưa bác sĩ, ông bạn tôi vừa mới tặng tôi một đôi hoa tai vàng rất đẹp … Bà Smith, tôi chả là khách quen ở hiệu ấy … bà ấy bảo bác sĩ sẽ vui lòng đục lỗ tai cho tôi, có phải không ạ? Ông bạn tôi, ông ấy rất sợ tôi sẽ chọc bằng một cái kim bẩn hay bằng một vật gì đó, bác sĩ ạ.

Andrew hít một hơi dài để trấn tĩnh. Chẳng lẽ anh đã đến nước này hay sao? Anh bảo:

- Được, tôi sẽ đục lỗ cho tai bà.

Andrew làm cẩn thận: anh vô trùng hóa kim châm, phun ethyl chloride vào thùy tai, sau lại còn lắp hai chiếc vòng vàng vào tai cho ả.

Ả nhìn vào chiếc gương trong ví:

- Ôi, đẹp quá thưa bác sĩ. Mà tôi không cảm thấy đau một tí nào. Ông bạn tôi sẽ vui lòng lắm. Bao nhiêu hả bác sĩ?

Giá cố định đối với bệnh nhân "khá giả" của bác sĩ Foy là bảy si-linh sáu pen-ni dù cho tung tích của họ có bí hiểm đi chăng nữa. Anh nói cái giá đó.

Ả rút trong ví ra một tờ giấy bạc mười si-linh. Ả thấy Andrew là người rất tử tế, đứng đắn và đẹp trai – ả xưa nay vẫn thích các chàng trai tóc đen – và khi nhận tiền lẻ trả lại, ả còn nghĩ bụng trông anh này có vẻ đói ăn.

Khi ả ta đi rồi, Andrew không nện gót giày làm thủng thảm giải sàn – nếu như trước kia thì anh đã làm như vậy, đã giận điên lên cho rằng cả anh nữa cũng đã bán rẻ thân mình bằng cái việc hèn mọn vừa rồi. Bây giờ anh cảm thấy anh có một sự nhịn nhục lạ lùng. Vò nhàu tờ giấy bạc trong tay, Andrew đến bên cửa sổ nhìn ả ta đi xa dần, vừa đi vừa đu đưa cặp mông, vung vẩy chiếc ví, hãnh diện với đôi vòng tai mới.

II

Trong cuộc vật lộn gian khổ hiện nay, Andrew khao khát tình bạn cùng nghề. Anh đã đến dự một cuộc họp của nhóm bác sĩ trong khu anh mà chẳng thấy thích thú bao nhiêu. Denny vẫn ở nước ngoài. Thấy Tempico hợp, Denny ở lại đấy, nhận làm một chân phẫu thuật cho Công ty Dầu mỏ Tân thế kỷ. Ít nhất trong thời gian này, Andrew bị mất Denny. Còn Hope, đi công cán tại Cumberland, thì đang đếm các hạt tiểu thể cho "Cái khoái của kẻ rồ" – như câu anh ta viết trên một bưu ảnh màu sắc sặc sỡ.

Nhiều lần, Andrew muốn bắt liên lạc với Freddie Hamson nhưng lần nào cũng vậy, nhiều khi anh đã cầm lấy quyển danh bạ điện thoại lên rồi nhưng lại nghĩ là mình chưa công thành danh toại, chưa ổn định đàng hoàng, nên anh lại thôi. Freddie vẫn ở phố Hoàng hậu Anne nhưng đã dọn sang nhà khác. Andrew thấy ngày càng muốn biết Freddie bây giờ đã tiến đến đâu, rồi anh lại nhớ lại những chuyện cũ với nhau hồi hai người còn là sinh viên, cho đến một hôm không ghìm được nữa anh bèn gọi dây nói cho Hamson.

Gần như sẵn sàng đón nhận một thái độ lạnh nhạt, Andrew lầu bầu:

- Chắc cậu đã quên khuấy mình rồi. Mình là Manson đây. Andrew Manson. Mình hiện mở phòng khám bệnh ở đây đấy, tại Paddington.

Giọng Freddie Hamson ở đầu dây đằng kia thân mật, tình cảm:

- Manson đấy à? Quên thế nào được, ông bạn già! Tại sao đến bây giờ cậu mới gọi dây nói cho mình?

Vững tâm trước thái độ sốt sắng của Hamson, Andrew mỉm cười vào máy nói:

- À, chúng mình mới tạm ổn định nơi ăn chốn ở. Còn khi trước, lúc làm việc tại Ủy ban, chúng mình phải đi khắp nước Anh. Mình đã lập gia đình rồi chắc cậu đã biết.

- Mình cũng vậy. Này, ông bạn, chúng mình phải gặp lại nhau. Mà gặp sớm! Mình không tưởng tượng được đấy, cậu ở tại đây, ngay Luân Đôn này. Hay thật! Sổ tay của mình đâu rồi. Này, thứ năm tuần sau có gì bận không? Đến ăn tối với mình được chứ? Được rồi, được rồi nhé. Hay lắm. Đến ngày đó gặp nhau nhé, ông bạn vàng. Mình sẽ bảo cô vợ mình viết mấy chữ cho vợ cậu mới được.

Christine xem chừng không có vẻ hào hứng khi Andrew kể lại chuyện mời mọc này. Sau mấy phút im lặng, nàng nói:

- Anh đi một mình, anh ạ.

- Ồ, sao em nghĩ lạ vậy! Freddie muốn em gặp vợ anh ấy. Anh biết là em không thích gì anh ấy, nhưng sẽ còn gặp những người khác nữa, có lẽ toàn là bác sĩ cả. Chúng mình có thể sẽ tìm được một hướng đi mới, em ạ. Với lại, ít lâu nay, em và anh chẳng có gì vui chơi. Tiệc mặc lễ phục "nơ" đen đấy nhé, Freddie bảo thế. Cũng may là anh đã mua được một bộ lễ phục hồi đi các mỏ ở Newcastle. Nhưng còn em, Chris? Em cần có cái áo gì mặc chứ?

Nàng đáp lại, hơi xẵng:

- Em cần một cái bếp hơi mới thì có.

Mấy tuần vừa qua đã làm cho Christine phờ phạc. Nàng đã mất đi đôi chút cái vẻ tươi tắn xưa nay vốn là nét đáng yêu ở nàng. Và đôi khi như trong lúc này, nàng có giọng nói nhát gừng, mệt mỏi.

Nhưng đến tối thứ năm, trên đường đến phố Hoàng hậu Anne, Andrew không khỏi nhận thấy Christine vô cùng dịu dàng, duyên dáng trong chiếc áo… ừ, đúng là chiếc áo trắng nàng đã mua để mặc trong bữa tiệc ở Newcastle, được sửa lại nên trông có vẻ mới hơn, sang hơn. Nàng cũng làm đầu kiểu mới, tóc ép sát vào đầu, ôm lấy vầng trán mai mái thành một vành tối sẫm. Andrew nhận

thấy thế khi nàng thắt ca-vát cho anh. Anh định nói một câu khen nàng đẹp nhưng rồi quên khuấy đi mất, vì anh bỗng sợ hai người khéo lại đến muộn.

Thế nhưng hai người đến không muộn mà là sớm, sớm đến nỗi họ phải đứng lúng túng dễ đến ba phút Freddie Hamson mới ở trong nhà vui vẻ đi ra, hai tay giang rộng, vừa xin lỗi vừa chào hỏi họ liền một mạch. Hamson nói anh ta vừa mới ở bệnh viện về, vợ anh ta cũng độ một giây nữa sẽ xuống chào, rồi anh ta rót rượu, vỗ vỗ vào lưng Andrew và mời họ ngồi. Hamson béo ra so với buổi tuổi hôm nào ở Cardiff, ngấn thịt hồng hồng ở gáy là một dấu hiệu nặng nề cho thấy sự làm ăn phát đạt của anh ta, nhưng đôi mắt ti hí vẫn long lanh và mái tóc vàng bôi bi-ăng-tin bóng mượt vẫn không có một sợi tóc nào lòa xòa. Hamson ăn mặc chải chuốt đến nỗi trông người anh ta thực sự bóng lên.

Hamson nâng cốc:

- Không nói đùa chứ, gặp lại nhau thật vui mừng hết sức. Lần này thì phải giữ liên lạc với nhau luôn. Cậu thấy nhà mình thế nào? Mình đã chả bảo với cậu tối hôm ấy – chà một bữa tiệc mới đáng nhớ làm sao, chắc hôm nay sẽ khá hơn – là mình rồi sẽ phất là gì? Mình ở toàn bộ tòa nhà, chứ không phải vài ba buồng đâu. Mua năm ngoái. Tốn khá tiền, – Hamson nắn lại ca-vát với vẻ mãn nguyện – Dĩ nhiên mình chẳng đi quảng cáo với ai là mình ăn nên làm ra, nhưng với cậu, ông bạn cũ của mình thì không sao.

Đồ đạc bày biện trong nhà cho thấy rõ một cuộc sống xa hoa: bàn ghế đóng theo kiểu hiện đại, nhẵn bóng, lò sưởi bề thế, rộng và sâu, một chiếc dương cầm tự động nhỏ, bên trên đặt một chiếc bình lớn màu trắng, cắm những bông hoa mộc giả làm bằng xà cừ.

Andrew sắp sửa tỏ lời thán phục thì vợ Hamson bước ra: một người đàn bà cao, lạnh lùng, mái tóc đen rẽ giữa và ăn mặc khác hẳn Christine.

- Mình lại đây.

Freddie Hamson đon đả nói với vợ một cách âu yếm, thậm chí kính nể nữa, và vội đi rót cho vợ một cốc rượu nho. Chị vợ vừa mới chểnh mảng xua tay từ chối cốc rượu thì người làm vào báo các tân khách khác đã tới: "ông Charles Ivory và vợ, bác sĩ Paul Deedman và vợ". Tiếp đến là những lời giới thiệu với những tiếng cười và tiếng trò chuyện ồn ào giữa các cặp vợ chồng Ivory, Deedman và Hamson. Sau đó, không phải là quá sớm, họ chuyển sang phòng ăn.

Đồ dùng ăn uống trên bàn cực kỳ sang trọng và tinh xảo, trông rất giống bộ đồ ăn uống rất đắt tiền cộng thêm cây đèn nến mà Andrew thấy bày trong tủ kính cửa hàng vàng bạc "Labin và Benn" nổi tiếng tại phố Nhiếp chính. Thức ăn không thể nhận ra được thịt hay cá nhưng rất ngon. Lại có rượu sâm banh nữa. Uống được hai cốc, Andrew cảm thấy tự tin hơn. Anh bắt đầu nói chuyện với vợ Ivory, ngồi ở bên trái anh, một phụ nữ thon thả, mặc đồ đen với rất nhiều vàng bạc châu báu đeo quanh cổ, đôi mắt xanh to lồi lồi thỉnh thoảng lại nhìn sang Andrew với vẻ gần như con trẻ.

Chồng bà ta là Charles Ivory, nhà phẫu thuật. Bà ta bật cười khi nghe Andrew hỏi, bà ta nghĩ rằng ai mà chẳng biết Charles. Hai vợ chồng Ivory ở phố New Cavendish, quá góc phố đây một tí thôi – cả toà nhà là của họ. Ở gần hai vợ chồng Freddie thật rất thú vị. Charles, Freddie và Paul Deedman là bạn rất thân với nhau, cùng có chân trong câu lạc bộ Sackville. Bà ta ngạc nhiên khi Andrew thú nhận là anh chưa phải là hội viên câu lạc bộ này. Bà ta cứ tưởng ai cũng phải là hội viên câu lạc bộ Sackville.

Khi bà Ivory không nói chuyện với Andrew nữa, anh quay sang vợ Deedman ngồi ở bên phải. Anh thấy vợ Deedman dịu dàng hơn, ân cần hơn, nước da tươi tắn hồng hào gần như nước da người phương Đông. Andrew cũng khích lệ bà này nói về chồng. Anh nhủ thầm: "Mình muốn biết về mấy gã này, họ giàu có sang trọng ghê quá".

Paul – vợ Deedman kể – là bác sĩ nội khoa. Hai vợ chồng có một căn nhà ở góc phố Portland nhưng phòng khám bệnh của Paul lại ở phố Harley. Các khách bệnh của Paul thật tuyệt diệu – giọng bà ta thành thực quá, khó có thể là nói khoác – phần lớn là những người ở tại khách sạn Plaza. Ông hẳn biết khách sạn Plaza chứ, một khách sạn đồ sộ nhìn ra công viên. Ô hay ông không biết sao, đến giờ ăn trưa thì phòng ăn Grill Room của nó chật ních những người tên tuổi, danh tiếng. Paul hầu như là bác sĩ chính thức của khách sạn này. Biết bao nhiêu là người Mỹ giàu có và các ngôi sao màn bạc – bà ta ngừng lời, mỉm cười – ôi chao, mọi người ai cũng đến khách sạn Plaza, thật là tuyệt cho Paul.

Andrew có thiện cảm với vợ Deedman. Andrew cứ để cho bà này nói cho đến khi vợ Hamson đứng lên thì Andrew mới đứng bật dậy, lịch sự kéo lùi ghế cho bà ta.

Khi các bà vợ đã chuyển sang phòng bên, Hamson hỏi Andrew với vẻ thông thạo:

- Cậu hút xì gà chứ, Manson? Xì gà này khá lắm. Và mình khuyên cậu chớ bỏ qua thứ rượu lâu năm này. 1894 đấy. Không chê vào đâu được.

Với điếu xì gà đã châm lửa và chiếc cốc phình bụng đầy rượu trước mặt, Andrew nhích ghế lại gần mấy người kia. Đây chính là dịp mà anh đã thực sự ao ước, một buổi chuyện trò thân mật, sôi nổi, giữa những người cùng ngành y với nhau, hoàn toàn nói chuyện nghề nghiệp, không nói gì khác. Andrew hy vọng Hamson và các bạn bè anh ta sẽ nói chuyện nhiều, và quả là họ có nói.

Hamson nói:

- À này, hôm nay mình vừa mới đặt mua tại hiệu Glickert loại đèn bức xạ mới ra đấy. Đắt ra trò, trên dưới tám mươi ghi-ni [1] một ngọn. Nhưng cũng đáng đồng tiền.

- Đáng chứ. Nó đem lời về đáng với cái giá của nó. – Deedman trầm ngâm nói. Deedman người nhỏ nhắn, mắt đen, có bộ mặt khôn ngoan của người Do Thái.

Cầm xì gà ra tay, Andrew nói lên lập luận của mình:

- Các bạn ạ, tôi không đánh giá cao loại đèn này. Các bạn có đọc bài báo của Abbey trên tạp chí "Y học" về cái gọi là liệu pháp nhật quang không nhỉ? Các loại đèn bức xạ này hoàn toàn không cho ta tia hồng ngoại.

Hamson giương mắt nhìn đăm đăm một giây lát rồi cười phá:

- Nhưng nó cho ta nhiều đồng ghi-ni ra phết. Hơn nữa, nó lại còn làm đen da khá nhiều.

Deedman nói chen vào:

- Cậu thế nào chứ, Freddie, còn mình thì không chủ trương dùng các loại dụng cụ đắt tiền. Phải bỏ tiền ra trước rồi sau mới được lời. Với lại, nó lạc hậu rất nhanh, chẳng mấy chốc là không thịnh hành nữa. Thành thực mà nói, cậu ạ, không có gì hơn được cái bơm tiêm dưới da cổ lỗ mà lại giá trị.

- Chắc chắn là cậu dùng đến nó rồi. – Hamson nói.

Ivory cũng góp chuyện. Ivory to béo, nhiều tuổi hơn mấy người kia, mày râu nhẵn nhụi, nước da tai tái, dáng điệu thoải mái của người lịch thiệp.

- Nhân đây mình kể một chuyện: hôm nay mình vừa mới thu tiền về một đợt tiêm. Mười hai mũi cả thảy. Chất mangan ấy mà. Kể cho các cậu nghe cách mình làm nhé. Mình cho rằng làm như vậy

[1] Ghi-ni (guinea): đơn vị tiền tệ Anh bằng 21 si-linh

ở thời buổi này là ăn tiền. Mình bảo bệnh nhân như sau: Này, ông là một nhà kinh doanh. Đợt tiêm này, ông sẽ phải trả tất cả là năm mươi ghi-ni. Nếu ông bằng lòng trả tiền tôi ngay bây giờ để sau không phải trả nữa thì tôi chỉ tính ông có bốn mươi nhăm ghi-ni thôi. Thế là hắn viết ngân phiếu cho mình liền.

Hamson chê trách:

- Chà, bợm thật. Mình tưởng cậu là nhà phẫu thuật cơ mà.

Ivory gật đầu:

- Thì đúng mình là một nhà phẫu thuật đấy chứ. Mai lại có một ca nạo thai ở Sherrington.

- Lao động yêu đương uổng phí. – Deedman lẩm bẩm, lơ đãng với điếu xì gà trên môi. Rồi trở lại ý nghĩ ban đầu – Dù sao, cũng không có cách làm nào khác. Về cơ bản cũng khá lý thú. Đối với khách thuộc tầng lớp khá giả, cho thuốc uống dứt khoát là một cách điều trị lạc hậu. Ở khách sạn Plaza nếu mình cấp… cấp thuốc bột veripon chẳng hạn thì không đáng giá một ghi-ni. Nhưng nếu ta cũng cho thứ thuốc ấy mà tiêm dưới da – ta lau chỗ da sẽ tiêm rồi làm vô trùng dụng cụ và mọi động tác chuẩn bị lỉnh kỉnh khác thì người bệnh phải nghĩ ta nhất định là loại cha bố trên phương diện khoa học.

Hamson cao giọng:

- Thật phúc cho nghề y là việc cho thuốc uống đã bị loại trừ ở khu Tây Luân Đôn. Lấy ví dụ trường hợp người bệnh của Ivory chẳng hạn. Giả sử cậu ấy cho mangan hay mangan và sắt, loại thuốc chai cổ lỗ ấy mà, đối với người bệnh thì tác dụng không kém gì đâu, nhưng cậu ta có moi đến đâu cũng chỉ được ba ghi-ni. Nhưng nếu cậu ấy chia liều thuốc ra làm mười hai ống tiêm, thì sẽ được năm mươi ghi-ni, xin lỗi, Charles ạ, tôi muốn nói là bốn mươi nhăm ghi-ni.

Deedman nhỏ nhẹ thêm vào:

- Trừ đi mười hai si-linh tiền ống tiêm.

Andrew thấy đầu choáng váng. Đây là một lý lẽ bác bỏ các loại thuốc chai mà anh lấy làm kinh ngạc trước khía cạnh mới mẻ của nó. Anh uống thêm một ngụm rượu để lấy lại bình tĩnh.

Deedman trầm ngâm tiếp lời:

- Còn một điểm khác nữa là bệnh nhân không biết những ống thuốc nho nhỏ ấy chẳng đáng giá bao nhiêu. Khi người bệnh nhìn thấy một dãy ống tiêm trên bàn là bà ta bất giác nghĩ thầm: "Chết chửa! Thế này thì khá tốn tiền đây".

Hamson nhấm nháy với Andrew:

- Các cậu có để ý gì không, khi nói về các bệnh nhân khá giả là Deedman thường gọi bằng "bà"! À này, Paul ạ, hôm kia mình vừa mới được nghe nói đến kế hoạch ấy. Dummett định đứng ra lập một hội nếu cậu, Charles và mình bằng lòng gia nhập.

Trong mười phút sau, họ nói với nhau về chuyện săn bắn, đánh gôn – chơi tại nhiều bãi gôn đắt tiền ở ngoại ô Luân Đôn – chuyện xe hơi – Ivory đang đặt làm cho mình một chiếc xe Rex mới loại ba lít rưỡi với kiểu vỏ xe riêng. Trong khi đó, Andrew ngồi lắng tai nghe, miệng hút xì gà và uống rượu. Cả mấy người đều uống khá nhiều rượu. Hơi chuyếch choáng, Andrew, cảm thấy những người bạn này đều là những người tử tế. Họ không gạt anh ra khỏi câu chuyện của họ mà bao giờ họ cũng cố gắng bằng một lời nói hay một ánh mắt làm cho anh cảm thấy anh cùng một bọn với họ. Họ đã phần nào làm cho Andrew quên rằng anh đã ăn bữa trưa hôm nay với cá mòi muối. Khi tất cả đứng dậy, Ivory vỗ vai Andrew:

- Mình sẽ phải gửi danh thiếp của mình đến cậu, Manson ạ. Thật rất vui nếu cùng với cậu hội chẩn một con bệnh vào một ngày nào đó…

Trở lại phòng khách, trái ngược hẳn, bầu không khí có vẻ ngượng nghịu. Nhưng đang lúc Hamson rất vui, bóng lộn hơn bao giờ hết,

hai tay đút túi, quần áo sạch bong, anh ta bảo bây giờ hãy còn sớm, và tất cả phải ra hiệu Embassy chơi hết tối nay.

Christine đưa mắt rụt rè nhìn sang Andrew:

- Tôi e rằng… chúng tôi phải về.

Andrew mỉm cười yêu đời:

- Hay chửa, em! Chúng mình không thể nghĩ đến chuyện bỏ bạn bè mà về được.

Ở hiệu Embassy, Hamson rõ ràng được rất trọng vọng. Hamson cùng cả đoàn được người hầu bàn cúi đầu chào đón và tươi cười đưa đến một cái bàn cạnh tường. Lại rượu sâm banh, rồi khiêu vũ. Mấy tay này sống sướng thật – Andrew nghĩ thầm, đầu óc mụ mẫm và lòng thích cởi mở, chan hoà.

- Ồ, họ… họ chơi một điệu nhạc hay ghê. Không biết Chris có thích nhảy không?

Sau cùng, trong chiếc xe tắc-xi trên đường về nhà, Andrew vui vẻ nói:

- Mấy đứa bạn này chúa đấy chứ! Một tối lý thú quá em nhỉ.

Christine đáp lại bằng giọng nhỏ nhẹ, từ tốn:

- Một tối khó chịu.

- Ơ kìa, sao?

- Em muốn bạn đồng nghiệp của anh là Denny và Hope, chứ không phải những kẻ hào nhoáng này…

Andrew cắt ngang:

- Ơ kìa em, có gì không bằng lòng nào?

Christine trả lời với một cơn giận lạnh lùng:

- Hừ! Anh không thấy được sao? Tất cả: cả bữa ăn, đồ đạc lẫn chuyện trò của họ… tiền, lúc nào cũng tiền. Chắc anh không thấy con mắt chị ta nhìn chiếc áo của em, em muốn nói chị vợ Hamson

ấy. Có thể cảm thấy như là chị ta đang tính chị ta tiêu cho một lần đi sửa sắc đẹp ở mỹ viện còn nhiều hơn em mua sắm quần áo trong cả một năm. Thật khá ngộ lúc ở phòng khách chị ta phát hiện ra em là con nhà tầm thường. Đương nhiên chị ta là con gái của Whitton rồi, Whitton chủ hãng uýt-ki ấy. Anh không thể tưởng tượng nổi câu chuyện trước khi anh vào nó thế nào đâu. Đúng là chuyện ngồi lê đôi mách của giới thượng lưu: ai đi nghỉ cuối tuần với ai, cô thợ uốn tóc kể cho họ nghe được những chuyện gì, vụ phá thai mới nhất trong giới quý phái, không một câu nào tử tế, đứng đắn. Rồi, sao nữa! Chị ta còn nói chị ta thực sự "phải lòng" – đúng chữ chị ta dùng đấy – người chỉ huy dàn nhạc nhảy ở khách sạn Plaza.

Christine chê trách bằng một giọng cay độc. Lầm tưởng đó là lòng ghen tị, Andrew lẩm bẩm:

- Anh sẽ kiếm ra tiền cho em, Chris ạ. Anh sẽ mua cho em thật nhiều quần áo đắt tiền.

Nàng sẵng giọng:

- Em không cần tiền, và em không thích quần áo đắt tiền.

- Ờ… em yêu quý – Loạng choạng say, Andrew giơ tay với nàng.

- Không! – Giọng nàng làm Andrew giật mình. – Anh Andrew, em yêu anh. Nhưng không yêu được khi anh say.

Andrew ngồi lùi lại vào góc, lúng túng, tức tối. Đây là lần đầu tiên từ trước đến nay Christine xua đuổi anh. Anh lầu bầu:

- Thôi được, cô mình… Nếu đã vậy.

Andrew trả tiền tắc-xi rồi đi trước vào nhà. Không nói một lời nào, anh lên gian phòng ngủ bỏ không vẫn dành cho khách. Sau cảnh xa hoa mà anh vừa sống qua, ở đây cái gì trông cũng tồi tàn, bệ rạc. Công-tắc đèn bật lên không được… dây điện trong cả ngôi nhà đã hỏng cả rồi. Quẳng mình xuống giường, Andrew nghĩ:

- Mẹ kiếp! Ta sẽ phải ra khỏi cái ổ này. Ta sẽ cho cô ấy mở mắt ra. Ta sẽ kiếm ra tiền. Không tiền phỏng làm được gì?

Từ ngày hai người lấy nhau đến nay, đây là lần đầu tiên họ ngủ riêng giường.

III

Bữa sáng hôm sau, Christine cư xử với Andrew như thể câu chuyện hôm qua đã quên hẳn rồi. Anh nhận thấy nàng cố đặc biệt ân cần với anh. Cái đó khiến anh thấy thích thú nhưng lại làm anh càng dỗi hơn. Giả vờ chăm chú đọc báo, anh nghĩ: phụ nữ là thỉnh thoảng cứ phải mắng mỏ mới được. Nhưng Andrew càu nhàu được mấy câu thì Christine bỗng từ bỏ thái độ chiều chuộng. Nàng lạnh nhạt bỏ ra bàn ngồi, môi mím chặt, không nhìn Andrew, chờ cho anh ăn xong. Đứng dậy ra khỏi buồng, Andrew nghĩ: cô này bướng bỉnh thật; được rồi, mình sẽ cho cô ta biết tay.

Vào phòng khám bệnh, việc đầu tiên là Andrew giở quyển "Danh bạ ngành y" ra xem. Anh nóng lòng muốn biết thêm chi tiết về những người bạn tối qua. Giở nhanh tay, anh tìm tên Hamson trước. À, đây rồi, Frederick Hamson, bác sĩ nội khoa trung cấp, bác sĩ ngoại khoa trung cấp, phụ tá điều trị bệnh nhân ngoại trú bệnh viện Walthamwood.

Andrew cau mày, khó hiểu. Tối qua, Hamson nói rất nhiều về việc phục vụ tại bệnh viện. Anh ta bảo: đối với một bác sĩ mở phòng khám bệnh tư ở khu Tây Luân Đôn, không gì có ích bằng có tên trong một bệnh viện nào đó. Bệnh nhân sẽ tin tưởng khi biết anh là một bác sĩ làm việc tại một bệnh viện. Nhưng chắc không phải như thế này: một bệnh viện làm phúc, mà lại ở Walthamwood, một trong những khu ngoại ô mới dựng lên. Tuy nhiên, không thể nhầm được, đây là quyển danh bạ mới nhất, anh vừa mới mua được một tháng nay.

Không vội vã nữa, Andrew giở đến các tên Ivory và Deedman, rồi đặt quyển sách đỏ dầy cộp lên gối, đầu óc mung lung, thắc mắc khó hiểu. Cũng như Hamson, Paul Deedman chỉ có bằng bác sĩ nội khoa trung cấp mà không có thêm học vị về ngoại khoa như Hamson. Deedman lại không làm việc tại một bệnh viện nào cả. Còn Ivory, Charles Ivory ở đường New Cavendish không có một học vị nào về ngoại khoa, mà chỉ có một danh hiệu thấp nhất là hội viên Hội phẫu thuật công cộng, và cũng không làm ở một bệnh viện nào hết. Tiểu sử Ivory có nói đến một số kinh nghiệm nghề nghiệp trong thời chiến và một số thời gian phục vụ tại các bệnh viện cho người về hưu. Ngoài ra, không có gì cả.

Nghĩ miên man, Andrew đứng dậy đặt quyển sách vào giá rồi gương mặt anh bỗng có một vẻ cương quyết. Những bằng cấp chứng chỉ của những người bạn giàu có mà anh đã cùng dự tiệc tối qua không thể nào so được với các học vị của anh. Vậy anh cũng sẽ làm được như họ. Cao hơn họ nữa kia. Mặc cho Christine muốn nói gì thì nói, hơn bao giờ hết, anh quyết tâm làm giàu. Nhưng trước hết, anh phải xin vào làm ở một bệnh viện, không phải một bệnh viện ở Walthamwood hay một bệnh viện làm phúc mang tiếng là bệnh viện, mà là một bệnh viện ở Luân Đôn, đúng, phải là một bệnh viện ra trò, đó là mục tiêu trước mắt của anh. Nhưng làm thế nào?

Ba ngày liền, Andrew suy tính, rồi anh run run đến gặp Robert Abbey. Đối với Andrew, nhiệm vụ khó nhất trên đời là đi nhờ vả, nhất là Abbey lại tiếp anh với con mắt nhấp nháy, tử tế.

- Thế nào, ông bạn chuyên gia thống kê về băng của chúng tôi dạo này ra sao rồi? Ông không ngượng khi nhìn thẳng vào mắt tôi à? Tôi nghe nói bác sĩ Bigsby bị cao huyết áp. Ông không biết gì ư? Ông cần gì vậy, tranh luận với tôi hay xin một ghế trong Uỷ ban?

- À, không ạ, thưa ngài Robert. Không biết… nghĩa là… ngài có thể giúp tôi xin vào làm bác sĩ điều trị ngoại trú ở một bệnh viện nào đó được không, thưa ngài?

- Hừm! Cái đó còn khó hơn vào Uỷ ban. Ông có biết hiện giờ có bao nhiêu bác sĩ trẻ tuổi hàng ngày đi nện gót giày ở bờ sông không? Tất cả đều mong có một nơi làm việc không lương đấy. Với lại đối với ông thì cần phải tìm một nơi có điều kiện tiếp tục công việc nghiên cứu của ông về phổi nữa… vì vậy diện tìm việc lại càng bị thu hẹp.

- Tôi… tôi nghĩ là…

- Bệnh viện Victoria, bệnh viện chuyên khoa phổi, đó là mục tiêu của ông. Một trong những bệnh viện lâu đời nhất ở Luân Đôn… Tôi sẽ thử đi hỏi xem… Ồ, tôi không hứa hẹn gì đâu nhé, nhưng tôi sẽ để ý cho… để ý một cách khoa học.

Abbey giữ Andrew ở lại uống trà. Hàng ngày, không sai hôm nào, như một cái lệ, cứ đến bốn giờ chiều là Abbey uống hai tách trà ngay trong phòng làm việc, trà không pha sữa, không cho đường, và không ăn thêm gì cả. Đây là một loại trà đặc biệt có hương vị hoa cam. Abbey nói chuyện thoải mái về mọi vấn đề, từ những chiếc tách sứ Giang Tây đến phản ứng ngoài da của Pirquet. Khi tiễn Andrew ra cửa, ông ta hỏi:

- Vẫn cãi lộn với các sách y học chứ? Đừng bỏ cuộc đấy. Và nhất là, dù cho tôi có chạy được cho anh vào bệnh viện Victoria thì cũng đừng có thái độ ve vãn bệnh nhân nhé – mắt Abbey nhấp nháy – Đó là điều đã làm hại tôi đấy.

Đi về nhà, Andrew cảm thấy như đi trên chín tầng mây. Anh mừng rỡ đến nỗi bỏ cả vẻ kênh kiệu với Christine. Anh buột mồm nói ngay:

- Anh vừa mới đến nhà Abbey xong. Ông ấy sẽ cố chạy cho anh vào bệnh viện phổi Victoria! Việc ấy thực tế sẽ nâng uy tín anh lên rất nhiều! Niềm vui mừng ánh lên trong con mắt Christine làm

Andrew bỗng cảm thấy hổ thẹn, nhỏ nhen. – Chris, em! Gần đây, anh có hơi khó tính. Chúng mình không thật thuận hoà với nhau, hình như thế. Thôi em! Ta làm lành với nhau nhé!

Nàng chạy ào lại với anh, khăng khăng nói rằng đó hoàn toàn là lỗi của nàng. Rồi, vì một lý do lạ lùng nào đó xem ra lại có vẻ hoàn toàn là lỗi của anh. Trong óc Andrew chỉ có một ngóc ngách nào đó còn giữ lại ý định trước đây là làm cho nàng phải ngợp người trước sự thành công lớn lao của mình trên phương diện vật chất.

Andrew lại lao vào công việc với một nghị lực mới, anh cảm thấy dịp may chắc chắn rồi sẽ đến với anh. Trong khi đó khách đến chữa bệnh ở chỗ anh rõ ràng đông lên. Nhưng anh nhủ thầm đây không phải là loại người bệnh mà anh mong có, loại người bệnh trả ba si-linh sáu pen-ni công khám tại phòng khám và năm si-linh khi khám tại nhà. Nhưng đây lại đúng là những người bệnh thật sự. Nhưng người đến phòng khám của anh hoặc mời anh đến khám tại nhà toàn là những người nghèo đến nỗi họ không dám nghĩ đến việc tìm thầy thuốc nếu không phải là thật sự đau ốm. Vì anh đã gặp bệnh bạch hầu trong những gian buồng ngột ngạt thiếu không khí bên trên những chuồng ngựa, bệnh sốt thấp khớp trong những gian buồng ẩm thấp ở tầng hầm cho người hầu kẻ hạ ở, bệnh viêm phổi trong các gian buồng sát mái ở các nhà trọ. Andrew đã có lần chiến đấu với bệnh tật trong những cảnh ngộ bi thảm như: trong một gian buồng có một cụ già sống trơ trọi một mình, nhếch nhác, lôi thôi lếch thếch không có ai dòm ngó trông nom, cả bạn bè lẫn họ hàng thân thiết đều bỏ quên, hàng ngày phải tự nấu lấy những bữa ăn đạm bạc trên bếp cồn. Những trường hợp như vậy có nhiều. Andrew đã gặp một cụ già bảy mươi tuổi nằm liệt giường trong cảnh nghèo khổ mà là bố một nữ diễn viên nổi tiếng, tên tuổi được viết bằng ánh đèn sáng ngời trên đại lộ Shaftesbury. Anh đã đến thăm bệnh cho một phụ nữ quý tộc già lụ khụ, gầy giơ xương, nhăn nheo đến tức cười; bà cụ

ấy đem khoe với anh bức ảnh chụp cụ trong bộ lễ phục thiết triều và kể cho anh nghe về thời cụ đi xe ngựa riêng qua chính những dãy phố này. Có lần anh đã cứu sống – nhưng sau đó lại ân hận – một người bất hạnh, tuyệt vọng, túi không còn một xu, muốn tự tử bằng hơi đốt hơn là phải vào "nhà tế bần".

Trong số những người bệnh đến tay anh, có nhiều trường hợp cấp bách, những trường hợp cấp cứu ngoại khoa cần phải đưa ngay vào bệnh viện. Đó là những lúc khó khăn nhất đối với Andrew. Đưa được người bệnh vào bệnh viện, dù là bệnh hết sức hiểm nghèo, nguy kịch, cũng khó khăn vô cùng. Những trường hợp cấp cứu này lại thường xảy ra ban đêm. Khám xong quay về nhà, áo vét-tông hoặc măng-tô mặc ngoài bộ quần áo ngủ, cổ quấn khăn quàng, mũ còn đội trên đầu, Andrew chạy ngay lại điện thoại gọi cho hết bệnh viện này đến bệnh viện khác, cầu khẩn, van nài, dọa dẫm họ, nhưng bao giờ anh cũng chỉ được nghe một lời cự tuyệt cộc lốc, nhiều khi xấc xược: "Bác sĩ nào đấy? Ai? À không, không được, rất tiếc. Chúng tôi hết chỗ rồi".

Andrew đến chỗ Christine, mặt tái đi, mồm nguyền rủa:

- Không phải là hết chỗ. Ở bệnh viện St. John, chúng hãy còn khối giường để giành cho người của chúng. Ai không quen biết thì chúng từ chối thẳng cánh. Anh chỉ muốn bóp cổ cái thằng chó con ấy. Thế có chó má không, hả em? Anh đang có một người bệnh bị thoát vị nghẹt mà không tìm đâu ra được một giường. Ừ, có thể một số bệnh viện hết giường thật. Mà đây là Luân Đôn đấy, thủ đô của cái đế quốc Anh khốn kiếp. Hệ thống tổ chức bệnh viện ở đây là như vậy. Thế mà tại một bữa tiệc hôm nào, có một tên mặt dày mày dạn dám đứng dậy nói rằng đây là tổ chức y tế tuyệt vời nhất thế giới. Bây giờ lại phải đưa người bệnh khốn khổ kia vào nhà tế bần thôi. Họ phải điền vào những tờ khai: thu nhập bao nhiêu? Tôn giáo nào? Mẹ anh có phải là con trong giá thú không? – mà người bệnh thì bị viêm phúc mạc. Ôi thôi… Chris

này, nhờ em một tí em gọi dây nói hộ anh đến bệnh viện từ thiện.

Dù Andrew có khó khăn vất vả đến đâu, dù cho anh có nguyền rủa những cảnh cơ cực, bẩn thỉu mà anh phải lăn mình vào, Christine bao giờ cũng đáp lại bằng một câu:

- Dù sao, đây thực sự là công việc của người thầy thuốc. Theo em, đó là điều duy nhất đáng kể.

- Nhưng nó không tránh được cho anh khỏi lây rệp vào người. – Andrew làu bàu rồi lên gác tắm để rũ hết rệp.

Christine cười ròn rã. Nàng nay đã trở lại với niềm hạnh phúc xưa kia. Cuộc vật lộn thật vất vả, nhưng cuối cùng nàng đã chế ngự được ngôi nhà. Đôi khi cái nhà nó định ngóc đầu dậy quật lại nàng, nhưng nhìn chung thì nó nằm yên, nó chịu tuân theo ý nàng: sạch sẽ, bóng lộn. Nàng đã có cái bếp hơi mới, những chao đèn mới, nàng đã giặt sạch vải bọc đệm ghế. Thanh chặn thảm cầu thang sánh loáng như khuy áo người lính. Sau nhiều tuần vất vả tìm người giúp việc – ở khu phố này, họ thích đến làm tại các nhà trọ hơn vì thường được thêm tiền thưởng – Christine đã may mắn tìm được một chị tên là Bennett, một phụ nữ goá chồng khoảng bốn mươi tuổi, sạch sẽ, chăm làm. Vì chị còn phải nuôi đứa con gái lên bảy nên hầu như chị không tìm đâu được chỗ làm nào chịu cho cả hai mẹ con cùng ở. Chị Bennett và Christine cùng hợp sức với nhau tiến công vào tầng hầm. Đến nay thì cái đoạn đường hầm xe lửa trước kia đã trở thành một gian phòng tiện nghi, tường dán giấy hoa với đồ đạc mua ở cửa hàng đồ cũ được Christine sơn lại màu kem, dùng vừa làm phòng ngủ vừa làm phòng khách cho chị Bennett và con của chị là cháu Florrie; cháu này bây giờ hàng ngày được cắp sách đến trường Paddington. Sau nhiều tháng sống vất va vất vưởng, nay được một chỗ ăn ở tiện nghi và yên ổn, chị Bennett không sao bày tỏ hết được niềm biết ơn của mình.

Những bông hoa đầu xuân làm tươi vui phòng khách nói lên niềm hạnh phúc trong ngôi nhà của Christine. Nàng mua mất có mấy pen-ni ở ngoài chợ đầu phố khi đi mua bán hồi sáng. Nhiều người bán hàng rong ở phố Mussleburgh đã quen biết nàng. Nàng có thể mua rau quả cá mú của họ với giá rẻ. Christine lẽ ra phải có ý thức hơn về địa vị xã hội của mình là vợ một bác sĩ, nhưng than ôi! Nàng không thể, nàng thường tự mang lấy những thứ mua bán đựng trong chiếc túi lưới xinh xắn, và trên đường về nhà, nàng thường rẽ vào hiệu "Fraud Schmidt" nói dăm ba câu chuyện và mua một khoanh pho-mát Liptauer mà Andrew rất thích.

Buổi chiều, nàng thường hay đi bộ chơi ven hồ Serpentine. Rặng cây hạt dẻ đã ra lá xanh và đàn vịt bơi lội trên mặt nước xao động trước ngọn gió. Cảnh vật ở đây có thể thay thế cho phong cảnh nông thôn thoáng đãng mà nàng xưa nay vẫn xiết bao yêu mến.

Đôi khi, tối đến, Andrew nhìn Christine với một vẻ ghen tuông kỳ quặc, nó có nghĩa là Andrew bực mình vì cả ngày không nhìn thấy nàng.

- Em làm gì cả ngày trong lúc anh bận công việc? Bao giờ mua được xe hơi thì anh phải bắt em lái. Có thế mới giữ em gần anh được.

Andrew vẫn mong chờ những bệnh nhân "khá giả" nhưng họ không đến cho. Anh vẫn nóng lòng muốn biết việc Abbey giúp đỡ anh tiến triển đến đâu rồi và anh bực bội thấy buổi gặp gỡ ở nhà Hamson vẫn chưa đem lại một cơ hội tốt đẹp nào. Trong thâm tâm, Andrew lấy làm mếch lòng là suốt từ hôm đó Hamson và những người bạn của anh ta không hề gặp lại Andrew.

Một tối, khoảng cuối tháng tư, với tâm trạng đó, Andrew vào ngồi trong phòng khám đợi khách đến thăm bệnh. Đến gần chín giờ, anh sắp đóng cửa thì có một phụ nữ trẻ tuổi bước vào.

Người khách nhìn anh ngập ngừng:

- Tôi không biết phải đi cửa này hay cửa trước?

Andrew mỉm cười chua chát:

- Cửa nào cũng vậy, có điều vào cửa này thì chỉ phải trả nửa tiền. Chị bị sao?

- Tôi trả cả tiền cũng được.

Người bệnh nghiêm trang bước lại và ngồi xuống chiếc ghế đệm bọc da. Chị khoảng hai tám tuổi, mặc chiếc áo màu xanh lá cây sẫm, người vạm vỡ, bắp chân to, mặt bè bè và nghiêm nghị. Nhìn chị, người ta phải nghĩ ngay: "Không được bỡn cợt đâu nhé".

Andrew dịu giọng:

- Thôi, không nói về tiền nong nữa. Chị kể bệnh đi.

Người bệnh hình như vẫn muốn giới thiệu về mình với vẻ nghiêm nghị.

- Thưa bác sĩ, bà Smith ở hiệu thực phẩm khuyên tôi đến gặp bác sĩ. Tôi quen biết bà Smith đã lâu, tôi làm việc tại cửa hàng Laurier, ngay gần đấy. Tên tôi là Cramb. Nhưng phải xin thưa ngay rằng, tôi đã nhờ đến nhiều bác sĩ trong khu này rồi mà không khỏi… Tay tôi bị…

Chị rút găng ra. Andrew xem xét hai bàn tay người phụ nữ. Mu bàn tay có những mảng viêm da đỏ, trông như bệnh vẩy nến, nhưng không phải là vẩy nến, vì bờ chỗ viêm không sần sùi. Thấy hấp dẫn, Andrew lấy kính lúp ra soi cho kỹ hơn. Trong khi đó, người bệnh tiếp tục kể bằng một giọng điềm đạm, rắn rỏi:

- Bệnh này làm tôi bị rất nhiều phiền phức trong công việc. Khỏi được thì mất gì tôi cũng bằng lòng. Tôi đã thử đủ mọi loại thuốc mỡ, nhưng không có mảy may tác dụng.

- Không! Thuốc không có tác dụng.

Andrew đặt kính lúp xuống, anh cảm thấy tất cả sự hồi hộp thường nảy sinh khi ta chẩn đoán chính xác được một căn bệnh khó tìm.

- Đây là một thứ bệnh da khá hiếm, chị Cramb ạ. Điều trị khu trú tại chỗ không có ích gì. Nó là do trạng thái máu, vì vậy cách chữa duy nhất là chế độ ăn uống.

- Không cần đến thuốc à? Chưa có ai bảo tôi như vậy – Vẻ nghiêm nghị ở chị chuyển thành ngờ vực.

- Thì bây giờ tôi bảo chị.

Andrew cười, cầm lấy quyển sổ ghi cho người phụ nữ một chế độ ăn uống cần theo, ngoài ra lại còn ghi thêm những thức ăn tuyệt đối phải kiêng.

Người bệnh cầm lấy tờ đơn, do dự.

- Vâng, tôi sẽ thử xem. Bất cứ cách điều trị nào tôi cũng thử.

Chị cẩn thận đếm tiền trả cho Andrew. Chị còn nán lại đôi chút dường như hãy còn hoài nghi rồi mới ra về. Sau đó, Andrew quên ngay người bệnh ấy.

Được mười hôm, chị trở lại, lần này đi đằng cửa trước và bước vào phòng khám chính với một vẻ nồng nhiệt ghìm nén khiến Andrew cố lắm mới khỏi mỉm cười.

- Bác sĩ nhìn hai bàn tay tôi này.

- Ờ nhỉ! – Bây giờ Andrew mỉm cười thật sự. – Tôi chắc chị không tiếc công đã tuân theo chế độ ăn uống ấy chứ?

Chị đưa cả hai bàn tay ra cho Andrew xem với một niềm biết ơn nồng nàn:

- Còn tiếc công ư, hở bác sĩ? Bác sĩ nhìn này, khỏi hẳn rồi. Không còn một vết nào. Ông không thể tưởng tượng nổi nó có ý nghĩa như thế nào đối với tôi. Ôi chao… thật giỏi quá.

Andrew nhẹ nhàng đáp lại:

- Có gì đâu. Nghề nghiệp của tôi là phải biết những chuyện này. Chị về đi và đừng lo ngại nữa. Chị nhớ kiêng những thức ăn mà tôi đã ghi cho chị thì không bao giờ phải lại.

Người bệnh đứng dậy:

- Bây giờ tôi xin gửi tiền bác sĩ.

- Chị đã trả tiền rồi.

Andrew thấy có một rung cảm nhẹ nhàng về cái đẹp. Anh rất có thể sẽ vui vẻ nhận thêm ba si-linh sáu pen-ni hay thậm chí bảy si-linh sáu pen-ni nữa của chị ta song anh không cưỡng nổi ý muốn làm cho sự đắc thắng của tài nghệ mình nổi bật lên.

- Nhưng, thưa bác sĩ… – Người phụ nữ miễn cưỡng để Andrew tiễn chị ra cửa. Đến cửa, chị dừng lại, nghiêm trang nói lần cuối cùng – Có thể tôi sẽ có dịp bày tỏ niềm biết ơn của tôi bằng cách khác vậy.

Nhìn khuôn mặt tròn như cái bánh ngước về phía anh, Andrew thoáng có một ý nghĩ bậy bạ. Nhưng anh chỉ gật đầu rồi khép cửa lại sau lưng chị ta. Lần này nữa, Andrew cũng lại quên ngay người bệnh ấy. Mệt mỏi, anh đã thấy hơi tiêng tiếc là không nhận thêm tiền công. Dù sao, anh cũng không nghĩ xem một cô gái bán hàng thì có thể giúp gì anh được.

Ít ra, ở điểm này, Andrew đã không hiểu được Martha Cramb. Hơn nữa, anh đã hoàn toàn không biết đến một khả năng mà Aesop đã nhấn mạnh, một khả năng mà anh vốn là một nhà triết lý tồi lẽ ra phải nhớ.

IV

Martha Cramb được các cô gái bán hàng trẻ tuổi ở cửa hàng Laurier đặt cho cái tên là "Trung vệ". Phốp pháp, khoẻ mạnh, không duyên, không có cái chất phụ nữ, Martha Cramb xem ra có vẻ là người không thích hợp với công việc tổ trưởng nhân viên bán hàng tại một cửa hàng hết mực sang trọng không đâu sánh

kịp này, một cửa hàng chuyên bán các loại trang phục phụ nữ rất đắt tiền, những quần áo lót của phụ nữ rất tinh xảo và những chiếc áo lông thú rất quý giá tới hàng trăm bảng. Thế nhưng "Trung vệ" lại là một người bán hàng rất giỏi, được khách hàng rất quý mến. Cửa hàng Laurier kiêu hãnh đặt ra một cái lệ đặc biệt là mỗi người "tổ trưởng" có nhóm khách hàng riêng của mình gồm một số nhỏ khách quen của cửa hàng mà người tổ trưởng phục vụ riêng, nghiên cứu, chăm sóc, chọn lựa cách ăn mặc cho khách và "để riêng" cho khách một số hàng khi có những kiểu thời trang mới. Quan hệ giữa khách hàng với nhân viên bán hàng rất thân thiết, nhiều khi tồn tại hàng năm trời. Tính tình thật thà nghiêm túc, "Trung vệ" đặc biệt thích hợp với mối quan hệ ấy.

Martha Cramb là con gái một luật sư ở Kettering. Nhiều nhân viên của cửa hàng Laurier là con gái các viên chức nhỏ ở tỉnh lẻ hay ngoại ô. Được vào làm việc tại cửa hàng Laurier, được mặc chiếc áo đồng phục màu xanh lá cây sẫm của nhân viên bán hàng là một vinh dự. Công việc vất vả mệt nhọc, điều kiện ăn ở tồi kém mà các nhân viên bán hàng ở các cửa hàng khác thường phải chịu đựng là điều hoàn toàn không có ở cửa hàng Laurier. Ở đây, các cô gái bán hàng được sắp xếp nơi ăn ở rất tử tế và có người giám sát cẩn thận. Cụ Winch, nhân viên nam giới độc nhất ở đây, đặc biệt chú trọng đến khoản giám sát này. Cụ đặc biệt có thiện cảm với "Trung vệ" và thường hay chuyện trò nhẹ nhàng với chị. Cụ Winch là một cụ già hồng hào, có dáng dấp như một người mẹ; cụ đã sống bốn mươi năm trong nghề phục vụ phụ nữ này. Ngón tay cái của cụ bị dẹt đi vì sờ vải, lưng lúc nào cũng lom khom cúi chào. Tuy "có dáng dấp bà mẹ" nhưng đối với khách hàng nào mới đặt chân lần đầu vào cửa hàng Laurier, cụ Winch vẫn là người độc nhất mặc quần dài đàn ông trong một biển cả mênh mông toàn là váy phụ nữ kêu sột sà sột soạt. Cụ có con mắt ác cảm đối với những ông chồng nào theo vợ đi mua hàng để ngắm các cô gái mặc hàng mẫu.

Tin Martha Cramb chữa khỏi tay làm cho đám nhân viên cửa hàng Laurier khá xôn xao. Kết quả tức khắc là, do tò mò, một số cô nhân viên trẻ tuổi đã kéo đến phòng khám của Andrew khai bệnh vặt vãnh. Cười khúc khích với nhau, họ bảo nhau đến xem "ông bác sĩ của Trung vệ" mặt mũi thế nào.

Dần dà, các cô nhân viên bán hàng của cửa hàng Laurier đến phòng khám phố Chesborough ngày một nhiều. Theo quy định của pháp luật thì tất cả các cô nhân viên này đều phải đóng tiền bảo hiểm y tế và phải đến chữa bệnh ở những nơi quy định. Nhưng với thái độ kiêu kỳ vốn có của cửa hàng Laurier, các cô chê bai tổ chức y tế ấy. Đến cuối tháng năm, cái cảnh có dăm bảy cô nhân viên cửa hàng Laurier trẻ trung, phấn son, rất lịch sự giống hệt khách hàng của các cô, đến ngồi đợi ngoài phòng khám của Andrew không phải là hiếm. Kết quả là thu nhập của Andrew tăng lên rõ rệt và Christine đã phải đùa một câu:

- Anh đã bỏ bùa gì cho các cô gái đẹp ấy thế? Anh có chắc là các cô ấy không lầm tưởng phòng khám của anh là cái cửa lên sân khấu của các nghệ sĩ không đấy?

Nhưng niềm biết ơn sâu sắc của Martha Cramb – hai bàn tay khỏi hẳn, ôi sung sướng nào bằng – thể hiện như vậy mới chỉ là bắt đầu. Cho đến nay, bác sĩ McLean ở quảng trường Royal – một ông bác sĩ già, phong cách đáng để người bệnh yên tâm – được coi gần như bác sĩ riêng của cửa hàng Laurier. Ông được mời đến những khi có trường hợp cấp cứu, chẳng hạn như khi cô Twig ở phân xưởng may chạm phải bàn là bị phỏng nặng. Nhưng bác sĩ McLean sắp về hưu rồi, người cộng sự và kế tục ông là bác sĩ Benton thì vừa không già, mà phong cách lại không làm cho người ta yên tâm. Thực vậy, nhiều lần, con mắt của bác sĩ Benton hay dừng lại ở các cặp chân đẹp, và thái độ ân cần quá ve vuốt của ông đối với những cô nhân viên xinh xắn nhất đã làm cho cụ Winch da dẻ hồng hào kia phải cau mày. Martha Cramb và cụ Winch đã bàn về vấn đề này trong những lúc hai người trò chuyện

riêng với nhau. Tay chắp sau lưng, đầu gật gù nghiêm trang, cụ Winch nghe cô Cramb nhấn mạnh rằng Benton không phải là người bác sĩ thích hợp, và ở phố Chesborough có một người bác sĩ khác, chững chạc, nghiêm túc, rất giỏi mà không nhiễm phải thói quên mình vì phụ nữ. Vấn đề này hoàn toàn chưa được quyết định dứt khoát vì cụ Winch làm điều gì bao giờ cũng từ tốn, nhưng trong con mắt cụ đã lóe lên một điềm gở đối với bác sĩ Benton khi cụ vội vã chạy ra đón một bà quận chúa.

Đến tuần đầu tháng sáu, khi Andrew bắt đầu hổ thẹn vì trước kia đã coi thường Martha Cramb thì sự giúp đỡ của chị đối với Andrew lại thể hiện bằng một việc khác nữa.

Andrew nhận được một bức thư, viết rất gọn ghẽ, sạch sẽ – lối dùng điện thoại là suồng sã, không thích hợp với người viết bức thư này, về sau anh mới biết – mời anh sáng hôm sau, tức là sáng thứ ba vào khoảng chín giờ, càng đúng giờ càng tốt, đến nhà số 9 khu Park Gardens thăm bệnh cho bà Winifred Everett.

Đóng cửa sớm phòng khám, Andrew đến số nhà nói trên với nhiều dự đoán thầm trong bụng. Đây là lần đầu tiên anh được mời đến thăm bệnh tại một toà nhà ở ngoài các khu phố tồi tàn của các khách bệnh quen. Park Gardens là một khối nhà đẹp đẽ, không hẳn tân kỳ, nhưng đồ sộ và sang trọng, trông ra công viên Hyde rất đẹp. Bấm chuông nhà số 9, anh nôn nao chờ đợi với niềm tin kỳ lạ là vận may của anh cuối cùng đã tới.

Một người giúp việc nhà ra mở cửa mời anh vào. Gian tiền sảnh rộng bày những đồ gỗ cổ, tủ sách và hoa, gợi lại phòng khách của vợ chồng Vaughan. Ngay khi mới đặt chân vào gian phòng, Andrew đã hiểu linh cảm của anh là đúng. Quay người lại khi bà Everett bước vào, anh thấy bà ta nhìn anh chằm chằm với con mắt bình tĩnh, điềm đạm, xét nét.

Winifred Everett là một phụ nữ chưa chồng khoảng năm mươi tuổi, người đẫy đà, tóc sẫm, nước da mai mái, ăn mặc giản dị, dáng điệu hết sức tự tin. Bà ta nói ngay bằng một giọng từ tốn:

- Tôi mới mất người bác sĩ của tôi, thật là không may, vì tôi rất tin tưởng ở ông ta. Cô Cramb có giới thiệu ông. Cô Cramb là một người rất trung thực, và tôi tin cô ấy. Tôi đã hỏi về ông: Ông có bằng cấp cao. – Bà ta ngừng lại, ngang nhiên nhìn anh với con mắt xem xét, cân nhắc. Bà ta có cái vẻ của một người phụ nữ ăn uống đầy đủ, được chăm sóc trông nom chu đáo, không để cho một ngón tay nào mó đến người bà ta mà chưa xem xét kỹ càng đến tận móng tay. Bà ta thận trọng nói tiếp:

- Tôi nghĩ có thể ông sẽ làm tôi ưng ý. Thường thường, cứ vào khoảng thời gian này trong năm tôi phải tiêm một đợt. Tôi bị ho vì phấn cỏ. Chắc ông biết bệnh ho phấn cỏ chứ?

- Có. Bà tiêm thuốc gì ạ?

Winifred Everett nói tên một thứ thuốc rất có tiếng.

- Ông bác sĩ cũ của tôi tiêm cho tôi thứ thuốc ấy. Tôi rất tin tưởng.

- À, thứ thuốc ấy à!

Mếch lòng trước cách đối đãi của người phụ nữ này, Andrew toan bảo thẳng là cái thứ thuốc mà bà ta tin tưởng do ông bác sĩ mà bà ta tin tưởng cấp cho chỉ là một thứ vô dụng, nó sở dĩ có tiếng là nhờ hãng bào chế sản xuất ra nó đã khôn khéo biết quảng cáo và do phần lớn mùa hè ở Anh không có phấn cỏ. Nhưng Andrew cố ghìm mình lại. Đây là một cuộc đấu tranh giữa một bên là tất cả những gì mà anh tin tưởng với một bên là tất cả những gì mà anh mong muốn đạt tới. Anh mạnh dạn nghĩ: nếu mình để cho dịp may này trôi đi mất sau mấy tháng chán ngắt vừa qua thì mình chỉ là một thằng ngốc! Anh bèn nói:

- Tôi nghĩ tôi có thể tiêm cho bà thứ thuốc ấy như bất kỳ ai khác.

- Tốt lắm. Bây giờ về tiền công. Tôi không bao giờ trả bác sĩ Sinclair mỗi lần thăm quá một ghi-ni. Tôi có thể coi là ông bằng lòng với điều kiện đó được chứ?

Một ghi-ni một lần thăm, tức là nó gấp ba lần số tiền công lớn nhất mà anh nhận được từ trước đến nay! Và quan trọng hơn nữa, đây là bước đầu tiên đi vào giới khách bệnh thuộc tầng lớp trên mà anh ao ước bấy lâu. Andrew lại phải dẹp sự phản kháng mạnh mẽ của những niềm tin tưởng trong con người anh. Những mũi tiêm này dù cho vô ích thì có sao. Đó là việc của bà ta chứ đâu phải việc của anh. Anh đã chán ngấy thất bại rồi. Anh muốn tiến thân, giàu có, thành đạt. Anh muốn giàu sang bằng bất cứ giá nào.

Hôm sau, Andrew lại đến vào đúng mười một giờ. Winifred Everett đã nhắc nhở anh, với cách nói nghiêm nghị của bà ta, là anh chớ đến muộn. Bà ta không muốn cuộc đi bộ dạo chơi hàng ngày vào buổi sáng của bà ta bị ảnh hưởng. Andrew tiêm cho bà ta mũi đầu. Sau đó, cứ một tuần hai lần, anh tiếp tục cách điều trị ấy.

Andrew rất đúng giờ, đúng giờ không kém gì bà bệnh nhân của anh, và không bao giờ có thái độ tùy tiện. Cái cách bà này dần dần có thái độ mềm dịu hơn với anh kể cũng tức cười. Winifred Everett là một con người kỳ quặc, bà ta có một cá tính rất đậm nét. Tuy giàu có – bố bà ta trước là một nhà sản xuất dao dĩa lớn ở Sheffield và toàn bộ số tiền bà thừa hưởng của bố được gửi ngân hàng một cách chắc chắn – nhưng bà ta cố tiêu xu nào phải đáng xu ấy. Đây không phải là tính keo bẩn mà là một thứ tính vị kỷ kỳ quặc. Trong cái vũ trụ của mình, bà ta tự coi mình là trung tâm, hết sức chăm chút cho tấm thân trông hãy còn trắng đẹp, và theo đủ mọi cách điều trị mà bà ta cho là có ích. Bà ta dùng cái gì cũng phải là thứ hảo hạng. Bà ta ăn uống không nhiều, nhưng ăn toàn những thức ăn ngon bổ nhất. Khi Andrew đến thăm lần thứ sáu, Winifred Everett đã hạ cố mời anh uống một

cốc rượu nho. Anh để ý thấy đó là loại rượu Amontillado đóng chai từ năm 1819. Quần áo của bà ta đều may tại cửa hàng Laurier. Vải dải giường của bà ta là loại vải mịn nhất mà Andrew được thấy từ trước đến nay. Nhưng, theo lời bà ta, dù sống như vậy bà ta vẫn không tiêu phí một xu nào. Andrew không thể nào nghĩ rằng bà Everett có thể trả cho người lái xe tắc xi một đồng nửa cơ-rao (crown) mà không nhìn kỹ đồng hồ chỉ quãng đường đã đi.

Andrew lẽ ra phải căm ghét người đàn bà ấy, nhưng kỳ lạ thay, anh lại không ghét. Bà này đã nâng tính vị kỷ của mình lên thành một triết lý sống. Và bà ta hết sức nhạy cảm. Andrew thấy bà ta đúng như hệt người phụ nữ trong một bức tranh Hà Lan cổ, một tác phẩm của Terborch mà anh và Christine đã có lần xem. Cũng thân hình phốp pháp, cũng nước da trắng mịn màng, cũng cái miệng nghiêm nghị mà lại đa tình.

Khi Winifred Everett thấy Andrew thật sự vừa ý mình – theo đúng lời bà ta nói – thì bà ta bớt giữ gìn nhiều. Một quy tắc không thành văn bản mà bà ta đặt ra là những lần đến thăm của bác sĩ phải kéo dài hai mươi phút, có thế thì bà ta mới cho là xứng với đồng tiền. Sau một tháng, Andrew đã kéo dài thời gian thăm bệnh đến nửa giờ. Hai người trò chuyện với nhau. Andrew kể với Everett khát vọng thành đạt của anh được bà ta tán thành. Đề tài nói chuyện của bà ta không rộng, song giới quen thuộc của bà ta lại rộng vô cùng và hầu hết bà ta nói chuyện về cái giới đó. Bà ta hay nói với Andrew về cô cháu gái tên là Catharine Sutton, ở Derbyshire, thường vẫn lên Luân Đôn chơi luôn vì đại úy Sutton chồng cô này là nghị sĩ vùng Barnwell.

Everett nói, giọng thản nhiên:

- Bác sĩ Sinclair trước đây là người vẫn thường trông nom sức khỏe cho họ. Tôi nghĩ bây giờ ông có thể thay thế bác sĩ Sinclair săn sóc họ được lắm.

Lần cuối cùng Andrew đến thăm, bà ta lại mời anh một cốc rượu Amontillado nữa, rồi nói rất vui vẻ:

- Tôi rất ghét nhận những giấy tính tiền… Cho tôi thanh toán với ông ngay bây giờ nhé. – Bà ta đưa cho Andrew một ngân phiếu mười hai ghi-ni – Tất nhiên nay mai tôi sẽ lại phải nhờ đến ông. Tôi thường phải tiêm phòng chứng sổ mũi vào mùa đông.

Bà ta tiễn Andrew ra tận cửa buồng và đứng ở đó một lúc, trên gương mặt lần đầu tiên hơi sáng lên một cái gì gần như một nụ cười. Nhưng nụ cười ấy qua đi rất nhanh, và nhìn Andrew với vẻ trách móc, bà ta bảo:

- Ông có muốn nghe lời khuyên của một người phụ nữ có thể bằng tuổi mẹ ông không? Ông hãy tìm một hiệu thợ may giỏi. Hãy đến hiệu vẫn thường may cho đại úy Sutton ấy, hiệu Rogers ở phố Conduit. Ông nói với tôi ông mong muốn thành đạt. Nhưng với bộ quần áo kia ông không bao giờ thành đạt được đâu.

Ra đến phố, Andrew vừa đi vừa nguyền rủa Winifred Everett. Mặt nóng rực lên vì phẫn nộ, anh nguyền rủa với bản tính nóng nảy xưa kia của anh. Một mụ già thích xen chuyện! Việc gì đến mụ ấy cơ chứ! Mụ ấy có quyền gì mà bảo ban anh về cách ăn mặc? Mụ coi anh là con chó bông của mụ hay sao? Sự đầu hàng nhục nhã nhất là xu phụ các quy ước xã hội. Những người bệnh của anh ở Paddington chỉ trả cho anh có ba si-linh sáu pen-ni nhưng họ không yêu cầu anh phải làm một cái giá áo trong hiệu thợ may. Về sau, anh sẽ chỉ khám chữa cho những người bệnh ấy mà thôi để giữ được sự tự chủ của mình.

Nhưng suy nghĩ ấy không tồn tại lâu. Quả là anh chưa hề bao giờ chú ý đến quần áo. Một bộ đồ may sẵn xưa nay đối với anh là rất tốt rồi, nó giữ cho anh đủ ấm nhưng không sang. Christine cũng vậy, không bao giờ để tâm đến ăn mặc, tuy nàng bao giờ cũng gọn gàng. Có một chiếc váy bằng vải tuýt và chiếc áo len tự đan lấy là nàng hài lòng lắm rồi.

Andrew kín đáo nhìn lại mình: chiếc quần dài xô lệch nhàu nhĩ bằng vải len gai, dính bùn ở gấu. Mẹ kiếp, anh bực bội nghĩ, mụ ta nói thế mà đúng. Mình làm sao thu hút được đám khách cao sang nếu mình ăn mặc như thế này. Sao Christine không khuyên bảo gì mình? Đó là việc của nàng, chứ đâu phải việc của mụ già Winifred. Mụ mách mình hiệu thợ may nào nhỉ. À, hiệu Rogers, phố Conduit. Kệ chứ. Mình cứ đến đó.

Về đến nhà Andrew đã trở lại tươi tỉnh. Anh vung vẩy tờ ngân phiếu trước mặt Christine:

- Em xem này, người vợ yêu quý của anh. Em còn nhớ hôm nào anh từ phòng khám chạy vào với mấy đồng si-linh khốn khổ đầu tiên không? Bây giờ anh gọi những đồng tiền ấy là những đồng tiền khốn khổ. Còn đây mới gọi là tiền chứ, tiền thù lao thật sự, xứng với một thầy thuốc hạng nhất có bằng tiến sĩ y khoa và là hội viên Hội y học Hoàng gia. Mười hai ghi-ni trả công cho việc nói chuyện gẫu với mụ Winifred và tiêm cho mụ ấy cái thứ thuốc Eptone vô thưởng vô phạt của Glicker.

- Sao anh? – Christine mỉm cười hỏi. Rồi nàng bỗng đổi giọng ngờ vực – Có phải là thứ thuốc mà anh vẫn hết lời chê bai đấy không?

Andrew tái mặt, anh cau mày nhìn vợ lúng túng. Nàng đã nói đúng những lời mà anh không muốn nghe. Anh bỗng đùng đùng nổi giận, không phải đối với bản thân anh mà đối với Christine.

- Thôi đi! Em không bao giờ thỏa mãn tất cả.

Andrew vùng vằng bỏ ra ngoài, đóng sầm cửa lại. Suốt ngày hôm đó, anh giữ thái độ hậm hực, dằn dỗi. Nhưng hôm sau, trở lại tươi tỉnh, Andrew đến hiệu may Rogers phố Conduit.

V

Nửa tháng sau, ngượng nghịu như một chú học sinh, Andrew mặc một trong hai bộ com-lê mới xuống dưới nhà. Áo vét-tông màu xám kiểu cài chéo theo lời khuyên của chủ hiệu may Rogers mặc

với sơ-mi cổ gập và ca-vát màu sẫm làm tôn thêm màu xám của vải. Không mảy may nghi ngờ gì nữa, hiệu may phố Conduit này may giỏi, và chỉ cần nói đến tên đại úy Sutton là họ may rất cẩn thận.

Sáng hôm ấy Christine lại không được khỏe. Nàng hơi đau họng và phải lấy chiếc khăn quàng cũ quấn kín đầu kín cổ. Nàng đang rót cà phê thì bộ quần áo choáng lộn của Andrew đập vào mắt nàng. Christine ngạc nhiên không nói được đến một lúc. Nàng há hốc miệng.

- Ôi anh Andrew, trông anh sang quá! Anh đi đâu đấy?

- Đi đâu à, đi thăm bệnh nhân, đi làm công việc hàng ngày của anh chứ còn đi đâu nữa. Sao, em thấy ưng ý không? – Ngượng nghịu làm Andrew nói gần như gắt.

- Có – Christine đáp, nhưng nàng không nói nhanh ngay để Andrew có thể lấy thế làm hài lòng. – Bộ này… đẹp lắm lắm… nhưng – nàng mỉm cười – không hiểu sao, anh không có vẻ hoàn toàn là anh.

- Chắc em chỉ muốn anh trông như một kẻ đầu đường xó chợ thôi, phải không?

Christine ngồi lặng đi, tay nàng cầm chiếc tách bỗng bóp chặt lại đến nỗi các đốt ngón tay trắng bệch ra. À, Andrew nghĩ, mình đã nói trúng tim đen cô ta. Anh ăn nốt bữa điểm tâm rồi vào phòng khám.

Năm phút sau, Christine theo Andrew vào phòng khám, khăn quàng vẫn còn quấn quanh cổ, con mắt ngập ngừng, van vỉ.

- Anh ạ, đừng hiểu lầm em. Em vui sướng khi thấy anh mặc một bộ quần áo mới. Em muốn anh có đủ mọi thứ, tất cả những gì hợp nhất với anh. Em ân hận về câu nói khi nãy. Nhưng anh hiểu cho, em đã quen thuộc với anh rồi, ôi! khó nói quá, nhưng em xưa nay vẫn coi anh là… anh ạ, em xin anh, đừng hiểu lầm em…

là người không thèm chú ý gì đến bề ngoài của mình hoặc đến ý nghĩ của người khác về bề ngoài của mình. Anh còn nhớ cái đầu Epstein mà chúng mình đã xem không. Nó sẽ không còn là cái đầu của Epstein nữa nếu… nếu nó được cắt gọt, tu sửa cho đẹp đẽ.

Andrew cộc cằn đáp:

- Tôi không phải là một cái đầu Epstein.

Christine không nói lại câu nào. Từ ít lâu nay, khó bàn cho ra nhẽ được với Andrew, và bị tổn thương vì sự hiểu nhầm này Christine không biết nói thế nào. Nàng quay ra, bước đi vẫn còn ngập ngừng.

Ba tuần sau, khi người cháu gái của Winifred Everett về nghỉ vài tuần ở Luân Đôn, Andrew được thưởng công về việc đã ngoan ngoãn nghe theo lời khuyên của người cô già. Viện ra một cớ nào đó, bà Everett mời Andrew đến Park Gardens; bà nhìn anh chăm chú với một vẻ ưng ý nghiêm trang. Andrew cảm thấy anh bị xét duyệt như một thí sinh mà bà ta thấy có thể giới thiệu được. Hôm sau, Andrew được bà vợ đại úy Sutton cho mời đến. Bệnh ho phấn cỏ hình như lây truyền trong cả gia đình này hay sao ấy cho nên bà này cũng muốn được điều trị như người cô. Lần này, Andrew không còn đắn đo gì khi tiêm cái thứ thuốc Eptone vô tác dụng của ngài Glicker vô dụng kia nữa. Andrew gây được một ấn tượng rất tốt đối với bà Sutton. Và ngay trong tháng đó, anh lại được mời đến khám bệnh cho một người bạn của Winifred Everett cũng tại khu Park Gardens này.

Andrew rất hài lòng về mình. Anh đang tiến, đang tiến. Trong cơn hăng say cố vươn tới chỗ giàu sang, anh quên mất rằng những bước tiến này của anh đi ngược hẳn lại tất cả những gì mà anh tin tưởng từ trước đến nay. Lòng kiêu căng hợm hĩnh của anh đã được mơn trớn. Anh cảm thấy nhanh nhẹn, tự tin. Anh không dừng lại để nghĩ rằng số khách bệnh trong đám thượng lưu của

anh đang tăng lên như một quả cầu tuyết càng lăn càng to, và quả cầu tuyết ấy thoạt đầu được nặn ra bởi bàn tay của người phụ nữ Đức thấp béo đứng sau quầy tính tiền trong một cửa hiệu bán đùi lợn và thịt bò ở gần cái chợ Mussleburgh tầm thường. Thực ra, trước khi Andrew kịp có thời giờ suy nghĩ, quả cầu tuyết ấy đã lại lăn xuống dốc thêm nữa, và một cơ hội mới khác lý thú hơn mở ra trước mắt Andrew.

Một buổi chiều tháng sáu, vào cái giờ trống rỗng giữa hai giờ và bốn giờ thường không diễn ra điều gì quan trọng, Andrew đang ngồi trong phòng khám tính số thu nhập của tháng trước thì bỗng có chuông điện thoại. Ba giây sau, anh đã cầm máy nói:

- Vâng, vâng, bác sĩ Manson đây.

Một giọng hốt hoảng nói hổn hển từ đầu dây đằng kia vọng lại.

- Úi dà, bác sĩ Manson, tìm được ông tôi mừng quá. Tôi là Winch, Winch ở cửa hàng Laurier đây. Một khách hàng của chúng tôi vừa mới bị tai nạn. Ông đến được không? Ông đến được ngay chứ?

- Bốn phút nữa tôi sẽ có mặt.

Andrew đặt máy nói, nhảy bổ với tay lấy chiếc mũ, lao người ra ngoài, nhảy lên một chiếc xe buýt đang chạy qua. Bốn phút rưỡi sau, anh đã đẩy chiếc cửa xoay tròn của cửa hàng Laurier. Martha Cramb ra đón Andrew với vẻ mặt rất lo lắng, đưa anh qua những tấm thảm màu xanh lá cây rộng mông mênh, những tấm gương cao khung mạ vàng, những tấm ván ngăn bằng gỗ sơn tiêu, trên đó như tình cờ người ta thấy treo ở móc một cái mũ xinh xinh, một cái khăn quàng ren hay một cái áo khoác ngoài bằng lông chồn.

Vừa bước vội, Martha Cramb vừa vội vã kể, nghiêm trang:

- Chuyện xảy ra với cô Le Roy, bác sĩ ạ. Một khách hàng của cửa hàng chúng tôi. May mà không phải khách hàng của tôi, cô ấy lúc

nào cũng gây ra những chuyện phiền phức. À, bác sĩ thấy đấy, tôi đã nói với cụ Winch về bác sĩ.

- Cám ơn – Andrew cộc lốc nói. Anh vẫn còn biết tùy lúc tỏ ra cộc lốc. – Có chuyện gì?

- Hình như… thưa bác sĩ, hình như cô ấy bị ngất đi trong phòng thử áo.

Lên đến chiếc cầu thang rộng thênh thang, Martha Cramb giao Andrew lại cho cụ Winch hồng hào. Cụ luống cuống thì thào:

- Đi lối này bác sĩ ạ, lối này. Tôi mong rằng bác sĩ có thể giúp cho… Thật là một chuyện không may ghê gớm…

Trong phòng thử, một gian phòng ấm áp, sàn giải những tấm thảm rất đẹp màu xanh lá cây nhạt hơn, tường bọc gỗ cùng màu kẻ chỉ vàng, có một đám các cô nhân viên bán hàng đang xì xào to nhỏ, một chiếc ghế mạ vàng đổ chổng kềnh, một chiếc khăn mặt vứt trên sàn, một cốc nước bị đổ nghiêng, cảnh tượng bừa bộn, nhốn nháo… Và ở giữa tất cả đám người ồn ào ấy là cô Le Roy đang lên cơn động kinh. Cô Le Roy nằm dài trên sàn, bàn tay co giật hết nắm lại mở và chân cứng đờ. Thỉnh thoảng một tiếng kêu the thé bật ra từ cổ cô đang ưỡn căng.

Vừa lúc Andrew cùng với cụ Winch bước vào thì một nhân viên bán hàng nhiều tuổi đứng trong đám người xúm xít ấy oà khóc, nức nở:

- Không phải lỗi tại tôi. Tôi chỉ có thưa với tiểu thư Le Roy rằng đấy chính là kiểu vẽ mà tiểu thư đã chọn…

Winch lẩm bẩm:

- Trời ơi, trời ơi… khủng khiếp quá. Tôi… tôi có phải gọi xe cứu thương không?

- Đừng, chưa cần. – Andrew nói bằng một giọng khác thường. Anh quỳ xuống bên cạnh cô gái. Cô Le Roy này còn rất trẻ, khoảng hăm bốn tuổi, đôi mắt xanh, mái tóc nhạt mềm mại như

lụa rối tung dưới chiếc mũ méo xệch. Người cô mỗi lúc một cứng hơn, những cơn co giật mỗi lúc một nhiều hơn.

Có một phụ nữ khác, đôi mắt đen lo lắng, quỳ ở phía bên kia cô Le Roy, chắc là bạn. Người này luôn miệng gọi nho nhỏ: "Toppy ơi, Toppy ơi!".

- Xin mời ra hết khỏi phòng. Mời tất cả mọi người ra khỏi phòng. – Andrew đột ngột nói, mắt anh nhìn vào người phụ nữ mắt đen – trừ tiểu thư này.

Các cô nhân viên bán hàng đành lòng đi ra, hơi miễn cưỡng. Nhìn cô Le Roy lên cơn động kinh kể cũng khá thích. Martha Cramb, cả cụ Winch nữa cũng ra ngoài. Khi mọi người ra cả rồi, cô gái càng co giật tợn, đến đáng sợ.

- Đây là một trường hợp vô cùng nghiêm trọng. – Andrew nói rành rọt từng chữ. Mắt cô Le Roy đảo về phía anh – Cho tôi xin một cái ghế.

Chiếc ghế đổ được người phụ nữ kia dựng dậy, đặt ở giữa phòng. Rồi rất nhẹ nhàng, rất thương cảm Andrew đỡ cô Le Roy ngồi thẳng trên ghế. Anh nâng đầu cô dậy.

- Đó. – Andrew nói với giọng thương cảm hơn. Rồi lấy lòng bàn tay anh tát một cái thật kêu vào má cô gái. Đây là hành động dũng cảm nhất của anh từ nhiều tháng nay và than ôi, cũng là hành động dũng cảm nhất trong nhiều tháng sau.

Cô Le Roy hết kêu eng éc, chân tay cô cũng ngừng vật vã, lòng mắt không đảo đi đảo lại nữa. Cô nhìn Andrew với một nỗi đau đớn kinh ngạc, như một đứa trẻ. Cô chưa kịp giở chứng lại thì Andrew đã lấy tay tát cái thứ hai vào má bên kia đánh bốp một cái nữa. Vẻ lo sợ trên gương mặt của cô Le Roy thật tức cười. Cô rùng mình, hình như lại định kêu eng éc, rồi bắt đầu khóc thút thít. Quay sang người bạn gái, cô nói qua hàng nước mắt:

- Chị ơi, cho em về nhà.

Andrew nhìn người thiếu phụ mắt đen có ý xin lỗi. Người phụ nữ ấy bây giờ nhìn anh với một vẻ chăm chú đặc biệt nhưng có ý tứ. Anh khẽ nói:

- Xin lỗi. Đó là biện pháp duy nhất. Đây là bệnh cuồng phẫn ở thể nặng, tay chân vật vã. Cô ấy có thể tự gây thương tích cho mình. Tôi không đem theo một thứ thuốc giảm đau nào. Nhưng dù sao… thế cũng có hiệu quả.

- Vâng, có hiệu quả.

- Cứ để cô ấy khóc cho nhẹ người. Đó là một thứ van bảo hiểm tốt. Vài phút nữa là cô ấy bình phục ngay.

- Nhưng ông cứ nán lại thêm một chút nữa hẵng – rồi nói nhanh – ông phải đưa cô ấy về nhà.

- Được thôi – Andrew trả lời với giọng rất nghề nghiệp.

Năm phút sau, Toppy Le Roy đã sửa sang xong mặt mũi, một việc làm kéo dài xen vài tiếng nấc rời rạc.

- Trông em không quá gớm ghiếc, chứ chị? – Cô Toppy hỏi bạn. Cô tuyệt nhiên không thèm để ý tí gì đến Andrew.

Ba người ra khỏi phòng. Họ gây ra một sự xôn xao lớn khi đi qua gian phòng dài bày hàng mẫu. Nỗi kinh ngạc và tâm trạng nhẹ nhõm sau khi cất bỏ được một gánh nặng khiến cho ông già Winch nghẹn lời. Cụ không biết, và sẽ không bao giờ biết làm sao lại hoá ra thế này, làm sao Andrew đã làm cho người con gái liệt chân tay và quẳn quại kia đứng dậy đi được. Cụ bước chân theo, mồm lẩm bẩm những lời kính cẩn. Khi Andrew theo sau hai người phụ nữ đi qua cửa chính, cụ nồng nhiệt chia tay với anh một bàn tay ướt đẫm mồ hôi.

Chiếc xe tắc-xi đưa ba người qua phố Bayswater về phía Cẩm thạch môn. Không ai nói một lời nào. Cô Le Roy bây giờ ngồi phụng phịu như một đứa trẻ được nuông chiều bị phạt và hãy còn bồn chồn, hay giật mình. Thỉnh thoảng, hai bàn tay và những thớ

thịt trên mặt cô tự nhiên giật nhè nhẹ. Bây giờ, ở trạng thái bình thường hơn, trông cô rất mảnh khảnh, và gần như xinh đẹp trong dáng người nhỏ nhắn gầy gò. Quần áo cô rất đẹp, dẫu vậy, Andrew trông cô thật giống một con gà còm nhom thỉnh thoảng lại bị một luồng điện chạy qua. Nhận thức rõ tình thế kỳ quặc này, Andrew cũng bối rối tuy anh quyết tâm triệt để lợi dụng nó cho mình.

Chiếc xe lượn vòng qua Cẩm thạch môn, chạy dọc công viên Hyde rồi rẽ về bên trái và dừng lại trước một toà nhà ở phố Green. Họ vào ngay trong nhà. Sự trang trí bên trong làm Andrew tưởng chừng nghẹt thở: anh chưa bao giờ tưởng tượng nổi một cảnh xa hoa lộng lẫy đến vậy: gian tiền sảnh rộng lớn, tường bọc gỗ thông dầu, phòng khách bày biện đầy những đồ ngọc bích, trên tường treo độc một bức tranh rất lạ lồng khung làm bằng một thứ gỗ hiếm đắt tiền, ghế dựa sơn mài đỏ và vàng, những chiếc đi-văng rộng, thảm dải sàn màu dìu dịu.

Toppy ngồi phịch xuống một chiếc ghế xô-pha đệm xa-tanh, giật chiếc mũ trên đầu quẳng xuống sàn và vẫn không để ý gì đến sự có mặt của Andrew.

- Chị ơi, chị bấm chuông bảo mang nước uống cho em. Lạy Trời, may quá, Ba em không có nhà.

Một đầy tớ trai nhanh chóng mang đồ giải khát lên. Khi người đầy tớ đi rồi, người bạn của Toppy nhìn Andrew với một vẻ trầm ngâm, trên đôi môi gần như, nhưng không hẳn, nở một nụ cười:

- Có lẽ tôi phải giải thích để bác sĩ hay, sự việc vừa qua xảy ra khá dồn dập. Tên tôi là Frances, bà Frances Lawrence. Cô Toppy đây, Toppy Le Roy đã uất lên vì chuyện cái áo đặc biệt đặt may để mặc trong buổi vũ hội gây quỹ của Hội khuyến khích nghệ thuật. Với lại, dạo này sức khoẻ của cô ấy cũng kém lắm. Toppy là một cô gái nhỏ bé rất hay nóng nảy… Tóm lại là, tuy Toppy có tức về ông đấy, nhưng chúng tôi rất biết ơn ông đã vui lòng đưa

chúng tôi về tới đây. Tôi phải gọi thêm cho tôi một cốc rượu pha nữa.

Toppy nguây nguẩy nói:

- Cho cả em nữa với… Con mụ bán hàng chết dẫm ở cửa hàng Laurier ấy, em sẽ bảo ba em gọi dây đến tống cổ nó đi. Ừ ừ, nhưng thôi, em không thèm. – Uống xong cốc rượu thứ hai, một nụ cười hài lòng dần dần nở trên gương mặt Toppy – Em làm cho họ bị một phen hoảng hồn, có phải không chị Frances? Lúc bấy giờ, em tức điên người lên được. Bộ mặt bà già Whinney khi ấy trông cuồn cười quá. – Thân hình gầy gò của Toppy rung lên vì cười. Cô nhìn vào đôi mắt Andrew không ác cảm – Kìa bác sĩ, cười đi chứ! Không gì tốt bằng cười!

- Không, tôi không thấy đáng buồn cười đến vậy. – Andrew nói nhanh để bày tỏ ý kiến của anh, để xác định cái thế của anh và làm cho Toppy hiểu ra cô ấy có bệnh thực. – cô bị một cơn thần kinh thực sự đấy. Tôi lấy làm tiếc vì đã chữa cho cô theo cách lúc nãy. Nếu tôi đem theo một thứ thuốc an thần thì tôi đã tiêm cho cô rồi. Đỡ… đỡ gây phiền cho cô hơn. Cô đừng nghĩ tôi cho rằng cô đã cố tình tạo ra cơn thần kinh đó. Bệnh cuồng phẫn – đúng nó – là một hội chứng được xác định rõ ràng. Ta chớ nên coi thường. Nó là một trạng thái của hệ thần kinh. Cô thấy đấy, cô hoàn toàn bị kiệt sức. Cô Le Roy, các phản xạ của cô bị căng thẳng đến cùng cực rồi. Cô ở vào một trạng thái rất bồn chồn, nôn nóng.

Frances Lawrence gật đầu:

- Đúng đấy. Thời gian này, em để nó quá rồi đấy, Toppy ạ.

Toppy hỏi Andrew, mặt ngơ ngác như con trẻ:

- Có thật là ông định tiêm chloroform cho tôi không? Thế thì buồn cười quá.

- Nói đứng đắn nào, Toppy – Lawrence bảo – Chị muốn em khoẻ lên.

- Chị cứ nói như ba em ấy – Toppy mất thái độ vui vẻ.

Cả ba người cùng im lặng. Andrew đã uống hết cốc rượu. Anh đặt cốc xuống mặt lò sưởi bằng gỗ thông chạm ở sau anh. Xem ra chẳng còn việc gì ở đây nữa, anh từ tốn nói:

- Thôi, tôi phải về tiếp tục công việc của tôi. Cô Le Roy ạ, cô hãy nghe lời tôi khuyên. Cô ăn gì đi một chút rồi đi ngủ. Tôi không giúp ích cô được gì nữa nên ngày mai, cô mời bác sĩ quen của cô đến. Xin chào cô nhé.

Đưa Andrew ra cửa qua gian tiền sảnh, Frances Lawrence đi khoan thai, chầm chậm khiến Andrew cũng phải chậm lại bước chân ra về vội vã của anh. Người thiếu phụ này có vóc người dong dỏng, thon thả, đôi vai tròn, khuôn mặt nho nhỏ thanh tú. Một vài mớ tóc xam xám lẫn trong mái tóc nâu sẫm lượn sóng đẹp đẽ khiến cho Frances có một vẻ đặc biệt quý phái. Tuy nhiên nàng còn rất trẻ, chưa quá hai mươi bảy. Andrew tin chắc như vậy. Người nàng tuy cao nhưng thon thả, nhất là cổ chân cổ tay rất nhỏ nhắn, xinh xắn, thân hình mềm mại hết sức cân đối như thân hình một nhà kiếm thuật. Frances chìa tay ra với Andrew và con mắt màu hạt dẻ hơi xanh xanh của nàng nhìn anh với một nụ cười nhẹ nhàng trìu mến, dìu dặt.

- Tôi chỉ muốn nói với ông tôi vô cùng khâm phục lối điều trị của ông – Môi nàng hơi bậm lại – Dù thế nào cũng đừng bỏ lối điều trị ấy. Tôi tiên đoán ông sẽ rất thành công với nó.

Đi bộ trên phố Green tìm xe buýt, Andrew ngạc nhiên thấy đã gần năm giờ chiều. Anh đã mất ba giờ bên cạnh hai người phụ nữ này. Anh có thể đòi một số tiền công lớn được lắm. Tuy nhiên mặc dầu có ý nghĩ đáng vui ấy – nó thể hiện cách nhìn mới dũng cảm của anh – Andrew vẫn thấy bối rối, không hiểu sao anh thấy không hài lòng về mình. Anh đã thực sự lợi dụng triệt để dịp may

này chưa? Frances Lawrence xem chừng ưng ý anh. Nhưng đối với những loại người ấy, không bao giờ có thể nói chắc được. Và ngôi nhà thì thật là tuyệt vời!

Bỗng nhiên Andrew nghiến răng, tự giận mình vô cùng. Không những anh quên để lại danh thiếp mà anh thậm chí còn quên nói với họ anh là ai. Lên xe buýt chật như nêm, ngồi cạnh một người thợ già mặc bộ quần áo lao động nhàu bẩn, Andrew cay đắng tự trách mình đã bỏ lỡ một cơ hội đẹp đẽ.

VI

Sáng hôm sau, vào lúc mười một giờ mười lăm, Andrew sắp sửa đi thăm những người bệnh ít tiền ở khu vực gần chợ Mussleburgh thì có tiếng chuông điện thoại. Giọng nói lo lắng của một người hầu phòng nam vọng đến anh.

- Thưa có phải bác sĩ Manson không ạ? A! Thưa bác sĩ, cô Le Roy muốn biết hôm nay bác sĩ đến thăm bệnh cho cô vào giờ nào ạ? A! Xin bác sĩ thứ lỗi, bác sĩ cứ giữ máy nói cho, bà Lawrence sẽ đích thân nói chuyện với chuyện với bác sĩ.

Andrew cầm máy điện thoại nghe, rất hồi hộp và xúc động trong khi Frances Lawrence nói chuyện với anh một cách thân mật, giải thích cho anh hiểu là họ chờ anh đến thăm bệnh và anh thể nào cũng phải đến, không được sai.

Đặt máy nói xuống, Andrew mừng rỡ thấy mình chưa để trôi mất cơ hội chiều hôm qua. Đúng, đúng là anh chưa bỏ lỡ.

Anh bỏ những nơi hẹn thăm bệnh khác, dù có khẩn cấp hay không cũng mặc, anh đi thẳng đến toà nhà phố Green. Tại đây, lần đầu tiên, Andrew chạm trán với Joseph Le Roy. Anh thấy ông này đang nóng ruột chờ anh trong gian phòng bày đầy những đồ ngọc bích. Joseph Le Roy là một người to béo, đầu hói, mặt nặng nề, cử chỉ cục cằn, luôn miệng rít xì gà như một người không có thời gian để phí. Trong một giây, con mắt ông nhìn xoáy vào Andrew dò xét, một cuộc phẫu thuật chớp nhoáng cuối cùng làm

ông hài lòng. Sau đó, ông nói bằng giọng rắn chắc, giọng các quan cai trị thực dân.

- Ông bác sĩ, ông nghe này, tôi đang vội. Bà Lawrence sáng nay vất vả lắm mới tìm ra ông. Tôi biết ông là một bác sĩ trẻ tuổi, tài năng, và không thích chuyện bậy bạ. Ông có vợ rồi phải không? Tốt. Bây giờ, ông chăm sóc cho con gái tôi. Làm cho nó lấy lại sức làm cho nó khoẻ lên, gột sạch những chứng cuồng phẫn chết tiệt kia khỏi con người nó đi. Ông hãy làm tất cả những gì cần làm, không trừ một điều gì. Tôi có khả năng trả tiền ông. Chào ông.

Joseph Le Roy là người Tân Tây Lan. Mặc dù ông ta lắm tiền nhiều của, có nhà tại phố Green và có cô con gái Toppy bé nhỏ kỳ quặc, nhưng một sự thật mà người ta có thể tin được ngay là cụ thân sinh ra ông nội Joseph Le Roy trước kia là một tá điền mù chữ đi làm thuê ở vùng đất xung quanh cảng Greymouth, tên là Michael Cleary mà các bạn bè đồng cảnh thường gọi là Laery. Ông Joseph Le Roy, khi mới lọt lòng mẹ, chắc chắn mang tên Joe Laery, và nghề đầu tiên của cậu bé Laery là đi "vắt sữa" tại các điền trang lớn ở Greymouth. Nhưng, như lời ông ta tự nói, Joe sinh ra không phải chỉ để "vắt" các con bò sữa. Và ba mươi năm sau, trên tầng thượng toà nhà chọc trời đầu tiên ở Auckland, chính Joseph Le Roy là người hạ bút ký tên vào văn bản hợp nhất các trại nuôi bò sữa ở đảo này thành một nhà máy sữa bột lớn.

Công ty Cremogen là kết quả của một kế hoạch kinh doanh kì diệu. Hồi bấy giờ người ta chưa biết đến sữa bột, chưa có một nơi nào sản xuất sữa bột có tính chất thương mại. Le Roy là người đã nhìn thấy triển vọng của thứ hàng hoá ấy, là người dùng nó tiến công vào thị trường thế giới, quảng cáo nó như là một chất thần kỳ đối với trẻ em và những người đau yếu. Cái tinh túy trong sáng kiến này không phải nằm trong các sản phẩm của Joe mà nằm trong sự táo bạo của ông ta. Sữa hớt kem xong còn thừa trước đây thường đem đổ xuống cống hoặc cho lợn ăn tại hàng trăm trang trại ở Tân Tây Lan, bây giờ được đem bán tại các

thành phố trên toàn thế giới, đựng trong những hộp sắt tây dán giấy in màu sắc sặc sỡ mang những tên Cremogen, Cremax hoạc Cremefat với giá gấp ba lần giá sữa tươi.

Đồng giám đốc công ty Le Roy và là người trông coi các chi nhánh của công ty này ở Anh là Jack Lawrence. Điều khá ngược đời là trước khi lao vào công việc kinh doanh ở đô thị, ông này làm sĩ quan trong đội cận vệ. Tuy nhiên, mối gắn bó vợ ông Lawrence với Toppy không phải chỉ là một quan hệ cộng tác kinh doanh. Frances xuất thân giàu có và quen thuộc xã hội thượng lưu ở Luân Đôn hơn Toppy nhiều – Toppy thỉnh thoảng còn để lộ gốc gác của mình từ các đồng cỏ Tân Tây Lan – thấy quyến luyến ưa thích đứa trẻ được nuông chiều kia. Khi Andrew gặp ông Le Roy xong lên gác thì Frances đã chờ anh ở ngoài cửa buồng Toppy.

Những ngày sau, Frances Lawrence thường có mặt vào lúc Andrew đến thăm bệnh Toppy, nàng đỡ đần anh trông nom chăm sóc người bệnh hiếu động và bướng bỉnh đấy, nàng mong ngóng sức khoẻ của Toppy được khá lên, khuyên ép cô ta cứ phải tiếp tục điều trị và bao giờ cũng hỏi Andrew lần sau anh đến vào giờ nào.

Tuy biết ơn Frances, nhưng Andrew vẫn có đủ ý thức thận trọng dè dặt để cảm thấy điều lạ lùng là người phụ nữ quý tộc kiêu kỳ này, chưa cần thấy ảnh đăng trên các họa báo, Andrew đã biết ngay là một người có sở thích rất chọn lọc và khắt khe, lại tỏ ra hơi để ý đến anh. Chiếc miệng rộng với cặp môi hơi bĩu ấy thường buông ra những lời châm chọc cay độc đối với những ai không nằm trong số người thân thiết của nàng, thế mà không hiểu sao, nàng lại không bao giờ tỏ ra khinh miệt anh. Andrew rất khao khát chứ không chỉ tò mò tìm hiểu đến ngọn ngành tính tình nàng, con người nàng. Anh có cảm tưởng anh không biết mảy may điều gì về con người thực của Frances Lawrence. Được nhìn những cử chỉ khoan thai uyển chuyển của cái thân hình ấy đi lại trong phòng là một niềm khoái lạc. Frances bao giờ cũng ung

dung, thoải mái, làm việc gì cũng ý tứ, cái nhìn thân mật dè dặt của nàng bao giờ cũng giữ kín ở đằng sau một ý nghĩ, tuy giọng nói bao giờ cũng tự nhiên dễ thương.

Andrew hầu như không nhận ra rằng chính do gợi ý của Frances, anh đã nóng lòng tự hỏi làm bác sĩ mà không có một chiếc xe hơi sang trọng thì làm sao mà có nhiều khách bệnh trong giới thượng lưu được. Tuy nhiên anh không hé một lời nào cho Christine hay trong khi Christine vẫn vui vẻ tính từng hào từng xu để cân đối các khoản thu chi trong nhà. Cứ nghĩ đến mình đi bộ trên đường phố Green, tay xách cặp giấy bám đầy bụi, chạm trán với người đầy tớ khinh khỉnh ra mở cửa cho một ông khách không có xe hơi là Andrew đã thấy lố bịch rồi. Anh đã có một nhà để xe bằng gạch ở phía sau nhà nên sẽ bớt được tiền gửi xe rất nhiều. Hơn nữa, đã có những hãng chuyên cung cấp xe hơi cho bác sĩ, những hãng rất tên tuổi không ngần ngại bán xe cho các bác sĩ theo điều kiện trả dần.

Ba tuần sau, một chiếc xe hai chỗ mui gập màu nâu mới tinh bóng loáng đỗ xịch trước cửa nhà số 9 phố Chesborough. Từ trên ghế tay lái bước xuống, Andrew nhảy mấy bậc cửa chạy vội vào nhà. Anh gọi to, cố giữ cho giọng khỏi run vì xúc động:

- Christine! Chris, em ra đây xem cái này.

Andrew muốn để cho Christine bị bất ngờ, sửng sốt, và Christine sửng sốt thật.

Nàng bíu lấy tay anh:

- Ôi chao! Của chúng mình đấy à? Ôi, đẹp quá!

- Có đẹp không em? Ấy khéo, em, đừng sờ vào đấy, kẻo xước sơn. – Anh mỉm cười với nàng, như những buổi xưa kia – Một sự bất ngờ thú vị, phải không Chris? Anh mua, rồi lấy bằng lái và làm mọi việc mà không nói với em tí gì nhé. Thưa quý bà, xin mời quý bà lên xe, tôi sẽ cho quý bà xem. Nó chạy như bay…

Christine không có nhiều thời gian ngắm chiếc xe vì Andrew đã đưa ngay nàng, đầu còn để trần, đi một vòng nhẹ nhàng quanh quảng trường. Bốn phút sau, họ trở về nhà, cùng đứng trên hè đường, trong khi Andrew vẫn say sưa vuốt ve bằng mắt báu vật của mình. Những phút gần gũi, thông cảm và hạnh phúc giữa hai người dạo này ít ỏi đến nỗi Christine không muốn để trôi phí mất những giây phút này. Nàng nhỏ nhẹ:

- Bây giờ đi đâu cũng dễ dàng, anh nhỉ – Rồi ngập ngừng – Giá như chúng mình về chơi thôn quê một chút, vào ngày chủ nhật chẳng hạn, về các khu rừng, ôi nếu thế thì tuyệt quá.

- Được chứ. – Andrew trả lời lơ đãng – nhưng cái chính là để đi thăm bệnh. Chúng mình không thể cứ dùng xe đi lung tung bừa bải làm cho nó dính đầy bùn. – Andrew đang mải nghĩ đến ấn tượng mạnh mẽ mà chiếc xe nhỏ chạy nhanh vun vút này sẽ gây cho khách của anh.

Hiệu quả chính của chiếc xe lại vượt quá sự mong đợi của Andrew. Thứ năm tuần sau, Andrew vừa mới đẩy cánh cửa kính dày đằng sau chấn song sắt nhà số 17a phố Green bước ra đường thì anh đụng đầu ngay với Freddie Hamson.

- Chào Hamson. – Andrew lạnh nhạt nói. Anh không khỏi thấy rộn lên một niềm vui thỏa mãn khi nhìn gương mặt Hamson. Ban đầu Hamson hầu như không nhận ra Andrew. Khi nhận ra rồi, nét mặt Hamson biến đổi qua nhiều mức độ ngạc nhiên, bối rối:

- Ồ, cậu đấy à! Cậu làm gì ở đây thế?

Hất đầu ra sau về phía ngôi nhà 17a, Andrew đáp:

- Một người bệnh. Mình chữa bệnh cho cô con gái Joe Le Roy.

- Joe Le Roy à!

Riêng câu cảm thán này đã rất nhiều ý nghĩa đối với Andrew. Anh đặt bàn tay của người chủ lên nắm cửa chiếc xe hơi mới xinh đẹp của mình.

- Cậu đi về phía nào? Mình đưa cậu một quãng.

Hamson trấn tĩnh lại rất nhanh. Hamson ít khi lúng túng, mà có lúng túng thì cũng không bao giờ lâu. Quả có thế, trong ba mươi giây, nhận định của Hamson về Andrew, toàn bộ ý nghĩ lợi dụng Andrew đã thay đổi một cách nhanh chóng và bất ngờ. Hamson nở một nụ cười thân mật.

- Tốt quá! Mình đi về phía Bentinck, lại bệnh xá Ida Sherrington. Đi bộ cho thon người. Nhưng thôi, mình đi xe với cậu cũng được.

Hai người im lặng trong dăm ba phút, trong khi chiếc xe ngoặt vào phố Bond. Hamson nghĩ rất lung trong đầu. Hamson đã sốt sắng lôi kéo Andrew ra Luân Đôn với hy vọng là số khách bệnh của Andrew thỉnh thoảng sẽ đem lại cho Hamson những lần khám bệnh ba ghi-ni một người tại phòng khám phố Hoàng hậu Anne. Nhưng bây giờ, sự biến đổi ở người bạn học cũ, chiếc xe và nhất là câu nói đến tên Joe Le Roy – những chữ ấy đối với Hamson chứa đựng nhiều ý nghĩa vật chất hơn đối với Andrew nhiều – cho thấy Hamson đã nhầm. Lại còn những bằng cấp, danh hiệu của Andrew nữa, cũng có ích, hết sức có ích. Hình dung một cách ranh ma triển vọng sau này, Hamson thấy có một cách cộng tác tốt hơn và nói chung là có lợi hơn giữa mình và Andrew. Cố nhiên là phải tiến hành thận trọng vì Andrew là người hay tự ái, không biết thế nào nói chắc được. Hamson bèn bảo:

- Cậu đi cùng với mình đến gặp Ida được chứ? Ida là người rất nên làm quen, tuy rằng bà ta trông coi cái bệnh xá tồi tệ nhất Luân Đôn. Ồ, thực ra thì ở đấy cũng chẳng thua kém gì nơi khác, có điều chắc chắn là bà ta tính tiền nhiều hơn.

- Thực à?

- Cậu đến cùng thăm một người bệnh của mình. Không ngại gì đâu, mụ Raeburn già ấy mà. Ivory và mình đã làm một vài xét nghiệm cho mụ. Cậu giỏi về phổi phải không? Thì đến khám phổi cho mụ ấy… mụ ấy sẽ sướng rơn. Và cậu thì được năm ghi-ni.

- Sao?… Cậu bảo… Nhưng phổi bà ấy bị làm sao?

- Chẳng làm sao cả. – Hamson cười tủm tỉm – Đừng có vẻ ngạc nhiên thế. Có lẽ là viêm phế quản lão tính nhẹ ấy mà! Mụ ấy chắc sẽ rất mừng được cậu khám. Chúng mình ở đây đều làm như thế, Ivory, Deedman và mình ấy. Cậu cũng phải tham gia, Manson ạ. Bây giờ ta hãy gác chuyện ấy lại hẵng. Phải rồi, nhà đầu tiên ở chỗ rẽ kia kìa… Cậu sẽ phải kinh ngạc khi thấy cách hợp tác này ăn tiền như thế nào.

Andrew đỗ xe trước cửa ngôi nhà Hamson chỉ. Một ngôi nhà để ở bình thường trong thành phố, cao và hẹp, rõ ràng được xây dựng không phải nhằm mục đích sử dụng hiện nay. Quả vậy, nhìn phố xá nhộn nhịp, xe cộ đi lại ầm ĩ, còi bóp inh ỏi, khó lòng tưởng tượng người bệnh nào có thể nghỉ ngơi ở chỗ này. Đây có vẻ chính là nơi gây ra những cơn loạn thần kinh chứ không phải là nơi điều trị những cơn đó. Andrew nói ra nhận xét ấy với Hamson khi hai người bước lên mấy bậc thềm. Hamson thân mật tán thành:

- Mình biết, cậu à. Nhưng mọi bệnh xá đều giống nhau cả. Mấy phố ở khu Tây này đầy những bệnh xá kiểu như vậy. Cậu thấy không, phải để cho những bệnh xá ấy mọc lên ở những nơi thuận tiện đối với chúng mình chứ – Hamson cười hì hì – Để chúng những nơi yên tĩnh là điều lý tưởng rồi, nhưng thử hỏi có bác sĩ nào chịu mỗi ngày đi mười dặm đến thăm năm phút bệnh nhân của mình không. Ối dào, rồi đến lúc nào cậu cũng phải làm quen với những chỗ chữa bệnh nho nhỏ như thế này ở khu Tây, cậu ạ.

Hai người dừng lại một chút ở đầu hành lang hẹp trước khi vào. Hamson tiếp lời:

- Cậu sẽ thấy ở đâu cũng có ba thứ mùi: mùi thuốc tê, mùi bếp núc và xin lỗi, mùi hố xí – một hệ quả tất nhiên. Xin thứ lỗi, cậu nhé. Còn bây giờ, ta vào gặp Ida nào.

Với cử chỉ của một người thông thuộc đường lối, Hamson dẫn Andrew đến một gian phòng nhỏ ở tầng một, trong phòng có một người đàn bà thấp lùn mặc chiếc áo choàng màu nước dưa, đội chiếc mũ trắng hồ bột cứng, đang ngồi tại một cái bàn nhỏ.

- Chào Ida. Đang cộng sổ đấy à? – Hamson nói với giọng nửa thân tình, nửa xuồng xã.

Người đàn bà tên là Ida ngẩng đầu lên, thấy Hamson thì nở một nụ cười hồn nhiên. Bà ta béo lùn, mặt đỏ lự. Nhưng khuôn mặt đỏ bóng ấy lại được trát một lớp phấn dày đến nỗi nó thành ra có màu nước dưa như màu chiếc áo choàng bà ta đang mặc. Ida có vẻ là người hiếu động, ồn ào, biết hài hước một cách ý vị, và táo tợn. Bà ta có hàm răng giả không khớp đúng chỗ, mái tóc lốm đốm bạc. Không hiểu sao, người ta dễ nghĩ người đàn bà ăn nói đáo để này đang trông coi một hộp đêm rẻ tiền.

Tuy vậy, bệnh xá của Ida Sherrington lại là bệnh xá thời thượng nhất ở Luân Đôn. Có đến một nửa số người trong tầng lớp quý tộc đã qua đây – những người phụ nữ thượng lưu, những tay đánh cá ngựa đua, những luật sư và chính khách nổi tiếng. Chỉ cần giở tờ báo buổi sáng ra là có thể đọc được một tin nói rằng lại có một diễn viên trẻ đẹp của màn ảnh hoặc của sân khấu đã an toàn bỏ lại mẩu ruột thừa của mình trong bàn tay mẫu tử của Ida. Bà ta cho tất cả các nữ y tá của bà mặc cùng một màu nước dưa thanh nhã đó, trả người giữ kho của bà một năm hai trăm bảng và trả người đầu bếp gấp đôi số tiền ấy. Tiền viện phí mà bà ta bắt các bệnh nhân phải trả thật là khủng khiếp: giá thông thường là bốn mươi ghi-ni một phòng trong một tuần. Ngoài ra lại có các khoản phụ thu khác: tiền thuốc – thường tính bằng bảng – tiền y tá trực đêm riêng, tiền phòng mổ. Những khi thảo luận về tiền nong, Ida có một câu trả lời mà bà ta thường chêm vào một tính từ thông tục. Bà ta có những nỗi phiền muộn, những khó khăn riêng – những khoản tiền phải chia và bị khấu trừ, và nhiều khi, bà ta cảm thấy chính bà bị người ta rút xương rút tuỷ.

Ida có một mặt mềm yếu là ưa thích giới trẻ trong nghề y. Bà ta niềm nở tiếp đón Andrew trong khi Hamson lải nhải:

- Nhìn ông này cho kỹ nhé. Nay mai, ông ấy sẽ gửi bệnh nhân nhiều vô kể đến nỗi bà phải cho chuyển bớt sang khách sạn Plaza cho mà xem.

- Chính khách sạn Plaza lại chuyển bớt sang tôi thì có. – Ida gật gù cái mũ một cách ý vị.

- Hà, hà – Hamson cười. Cậu khôi hài khá hay đấy. Tôi phải kể lại cho ông bạn Deedman nghe mới được. Thế nào cũng phải khen. Này, Manson, ta lên gác đi.

Buồng thang máy chật hẹp, chỉ đủ đặt chéo một chiếc cáng đẩy, đưa họ lên tầng tư. Hàng lang cũng hẹp, khay thuốc phải đặt cả ngoài cửa, và hoa trong lọ héo rũ xuống trong không khí ngột ngạt nóng bức. Hai người đến buồng người bệnh Raeburn.

Một người đàn bà ngoài sáu mươi tuổi đang ngồi trên giường, dựa lưng vào chồng gối chờ bác sĩ, trong tay cầm một mẩu giấy ghi những triệu chứng đã cảm thấy trong đêm qua cùng với những câu mà bà ta muốn hỏi bác sĩ. Andrew xếp ngay bà này vào loại người bệnh tưởng về già, kiểu "người bệnh với mẩu giấy trong tay" của Charcot [1].

Hamson ngồi xuống giường, vừa hỏi chuyện vừa bắt mạch, và chỉ làm độc có việc bắt mạch thôi. Hamson nghe bà ta kể lể rồi vỗ về an ủi lại với giọng vui vẻ. Hamson bảo với bà ta là đến chiều ông Ivory sẽ đem lại kết quả của một số xét nghiệm rất khoa học. Còn bây giờ Hamson đề nghị bà ta cho phép người đồng nghiệp của anh là bác sĩ Manson, chuyên gia về phổi, được hân hạnh khám bệnh cho bà. Bà Raeburn lấy làm hãnh diện lắm. Bà ta rất thích tất cả những chuyện đó. Qua câu chuyện thì thấy bà này đã nằm trong tay Hamson từ hai năm nay rồi. Bà ta giàu có, không người thân thích, bà ta sống một nửa thời gian tại các khách sạn

[1] Bác sĩ thần kinh Pháp (1825-1893)

sang trọng và nửa thời gian còn lại tại các bệnh xá ở khu Tây Luân Đôn.

- Cha chả! – Hamson thốt lên khi hai người ra khỏi văn phòng. – Cậu không thể tưởng tượng được con mụ già này là một mỏ vàng béo bở đến thế nào đối với bọn mình. Đúng là bọn mình moi được của mụ hàng thỏi vàng.

Andrew không trả lời. Không khí ở đây làm anh lợm giọng. Phổi người đàn bà già kia không sao cả, và chỉ có cái nhìn biết ơn cảm động của bà ta đối với Hamson mới giúp cho việc này khỏi trở thành một việc hoàn toàn bất lương. Andrew cố tự thuyết phục mình. Việc gì anh phải khắt khe đến vậy? Anh sẽ không bao giờ giàu sang được nếu anh cứ tiếp tục cố chấp giữ khư khư lấy những ý kiến ấy. Tạo cho anh cơ hội khám người bệnh này là Hamson tử tế lắm đấy.

Andrew bắt tay Hamson khá thân tình trước khi bước lên xe hơi. Đến cuối tháng, khi nhận được tờ ngân phiếu năm ghi-ni của bà Raeburn gửi đến – kèm theo lời cảm ơn tha thiết – thì Andrew đã có thể cười mũi vào những ý nghĩ đắn đo ngu ngốc của anh. Giờ đây, Andrew rất thích nhận được những ngân phiếu, và anh hết sức vui mừng khi những tờ ngân phiếu theo cách ấy gửi đến anh mỗi ngày một nhiều.

VII

Con số khách bệnh, đã tỏ ra có nhiều triển vọng tốt đẹp từ trước, nay bắt đầu tăng vọt lên như diều theo đủ mọi hướng. Kết quả là Andrew bị cuốn vào dòng thác ngày một nhanh hơn. Về một mặt nào đó, anh trở thành nạn nhân của chính dục vọng của anh. Trước kia anh chỉ biết có cảnh nghèo, cá tính bướng bỉnh của anh chỉ đem lại cho anh những thất bại. Bây giờ anh có thể biện bạch cho mình bằng những bằng chứng đáng kinh ngạc về sự thành công vật chất của anh.

Ít lâu sau lần đến cấp cứu ở cửa hàng Laurier, Andrew có một buổi gặp gỡ rất đáng hài lòng với cụ Winch. Sau đó thì các cô gái bán hàng trẻ tuổi, thậm chí cả một số nhân viên nhiều tuổi ở cương vị phụ trách nữa, đến phòng khám của Andrew ngày một nhiều. Thường họ đến về những chuyện vặt vãnh, nhưng khi các cô gái ấy đã đến khám một lần rồi thì điều lạ lùng, các cô ấy trở lại khám luôn. Andrew có tác phong hoà nhã, vui vẻ hoạt bát. Thu nhập ở phòng khám của anh tăng lên. Ít lâu sau, anh cho sơn lại mặt trước ngôi nhà, và với sự giúp đỡ của một trong những hãng cung cấp thiết bị y tế – các hãng ấy đều rất sốt sắng giúp đỡ những bác sĩ trẻ tăng thu nhập – Andrew đã mua được cho hai phòng khám của anh mỗi phòng một giường khám bệnh mới, một chiếc ghế có khớp xoay ngả, một chiếc xe đẩy xinh xắn lốp cao su và nhiều chiếc tủ nhỏ xinh xinh tráng men trắng có kính, trông rất khoa học.

Công việc làm ăn phát đạt rõ rệt, với những bằng chứng rõ rệt là nước sơn mới màu kem của ngôi nhà, chiếc xe hơi và những thiết bị hiện đại bóng loáng ấy, chẳng mấy chốc đã lan truyền khắp khu anh ở, kéo lại nhiều khách "khá giả" trước kia đã đến khám bác sĩ Foy nhưng về sau đã dần dần bỏ đi khi ông bác sĩ già sa sút và phòng khám của ông ngày càng nhem nhuốc.

Đối với Andrew, đã qua rồi những ngày phải chờ đợi, thừa thời giờ để đi vớ vẩn. Buổi chiều khách đông đến nỗi Andrew gần như không khám xuể: đằng trước chuông réo, đằng sau gõ cửa, bệnh nhân chờ anh cả cửa trước lẫn cửa sau khiến anh phải chạy đi chạy lại như con thoi giữa phòng khám nhỏ và phòng khám lớn. Hệ quả tất yếu là Andrew buộc phải nghĩ ra một kế hoạch tiết kiệm thời giờ. Một hôm, anh bảo Christine:

- Em này. Anh vừa mới nghĩ ra một ý kiến đỡ cho anh được rất nhiều vào những giờ cao điểm. Em biết đấy, khi khám xong một người bệnh ở phòng nhỏ là anh lại phải vào nhà để pha thuốc. Thường là mất năm phút. Đó là một sự phí phạm thời giờ ghê

gớm, trong lúc anh có thể dùng thời giờ ấy khám kỹ hơn một người bệnh "khá giả" đang chờ anh tại phòng khám đằng cửa trước. Vậy thế này, em nhé, em có hiểu kế hoạch của anh không? Từ nay trở đi, em làm dược tá pha thuốc cho anh!

Christine cau mày kinh ngạc nhìn Andrew:

- Nhưng em không biết tí gì về thuốc men.

Andrew mỉm cười vỗ về:

- Không sao, em ạ. Anh đã pha sẵn một vài thứ thuốc chính. Em chỉ việc đổ vào lọ, dán nhãn ra ngoài, rồi gói lại.

- Nhưng… – Đôi mắt Christine lộ vẻ băn khoăn – Vâng, em muốn đỡ anh, duy có điều… anh có thực cho rằng…

- Em không thấy là cần à? – Tránh nhìn vào mắt nàng, anh bực bội uống nốt chỗ cà phê – Anh biết, trước kia ở Aberalaw, anh có ca cẩm nhiều về chuyện thuốc men. Toàn lý thuyết suông cả thôi. Anh bây giờ… là bác sĩ thực hành rồi. Với lại, các cô nhân viên cửa hàng Laurier đều thiếu máu cả. Cho tất cả các cô ấy uống dung dịch sắt cũng không hại gì.

Christine chưa kịp nói gì thêm thì tiếng chuông phòng khám đã làm cho Andrew bật dậy nhào đi.

Giá như ngày trước, nàng đã tranh luận và giữ vững ý kiến của mình. Nhưng bây giờ nàng buồn bã nghĩ đến sự thay đổi trong quan hệ giữa hai người. Nàng không còn có ảnh hưởng gì đối với anh nữa, không khuyên nhủ anh được nữa. Bây giờ Andrew là người cầm lái.

Christine bắt đầu vào đứng ở buồng thuốc nhỏ xíu trong những giờ khám bệnh náo nhiệt, chờ nghe tiếng hét vội vã của Andrew khi anh nháo nhào chạy qua chạy lại giữa những người bệnh "khá giả" ở phòng khám cửa trước và những người bệnh loại thường ở phòng khám nhỏ: "sắt", "An-ba", "Bổ máu", hoặc đôi khi hết cả

dung dịch sắt rồi thì là một tiếng quát giật giọng: "Cái gì cũng được. Khỉ gió, bất kỳ cái gì cũng được".

Nhiều khi mãi đến chín giờ rưỡi tối phòng khám mới hết người. Lúc ấy, họ ngồi tính sổ, trên quyển sổ cái to nặng mà bác sĩ Foy mới dùng hết một nửa khi họ đến mua lại cái nhà này.

Andrew hể hả:

- Chà! Một ngày tốt đẹp làm sao! Chris, em còn nhớ số tiền công khám ba si-linh sáu pen-ni đầu tiên mà anh lấy như một đứa học trò dút dát không? Thế mà hôm nay… hôm nay, riêng tiền mặt chúng mình đã được hơn tám bảng.

Andrew nhét tất cả đống tiền. – hàng chồng những đồng tiền bạc và vài ba tờ tiền giấy – vào cái túi đựng thuốc lá nhỏ mà bác sĩ Foy trước kia dùng để đựng tiền, rồi cho vào ngăn kéo giữa bàn giấy khoá lại. Cũng như chiếc sổ cái, Andrew cứ dùng tiếp cái túi đựng tiền này để tiếp tục vận may của mình.

Bây giờ, quả thực Andrew đã quên hẳn những do dự hoài nghi ban đầu và anh tự khen là sáng suốt mua lại phòng khám này. Anh phớn phở:

- Chúng mình bây giờ mặt nào cũng phất, Chris ạ. Phòng khám lắm khách và có khá nhiều mối quen biết trong giới trung lưu. Ngoài ra, anh còn đang xây dựng cho anh một đám khách bệnh trong giới thượng lưu mà anh sẽ trông nom với tư cách bác sĩ gia đình. Rồi em thấy chúng mình tiến xa đến đâu.

Đến ngày mồng một tháng mười, Andrew đã có thể bảo Christine đi mua sắm đồ đạc mới để thay những đồ cũ trong nhà. Sau buổi khám sáng, bằng một giọng rất thản nhiên nay đã trở thành cách ăn nói mới của anh, Andrew nói:

- Chris ơi, hôm nay em sang khu Tây nhé. Đến cửa hàng Hudson… hay cửa hàng Ostley, tùy em. Nơi nào sang trọng nhất ấy. Em muốn mua bao nhiêu đồ đạc thì mua. Mua lấy hai bộ

giường ngủ mới, một bộ bàn ghế cho phòng khách, tất cả những gì thấy cần.

Nàng im lặng nhìn anh trong khi Andrew châm thuốc mỉm cười.

- Đó là một trong những cái thú khi làm ra tiền. Có thể cho em bất cứ thứ gì em muốn. Đừng có nghĩ là anh keo kiệt nhé. Chà, không đâu. Chris ạ, em đã là một người vợ bé nhỏ đảm đang trong suốt cả thời kỳ gian khổ của chúng mình. Còn bây giờ mới chỉ là bắt đầu hưởng những năm tháng sung sướng của chúng mình mà thôi.

- Bằng cách mua về những đồ gỗ bóng loáng đắt tiền và… những bộ ghế bọc da ở cửa hàng Ostley.

Andrew không để ý thấy vẻ chua chát đượm trong giọng nói của nàng. Anh cười hềnh hệch:

- Đúng thế, em ạ. Đã đến lúc chúng mình phải vứt bỏ những thứ rác rưởi cổ lỗ sĩ thời Nhiếp chính của chúng mình đi.

Mắt rớm lệ, Christine nói lại:

- Anh không coi những thứ ấy là rác rưởi hồi ở Aberalaw. Và bây giờ nữa, đâu có phải là rác rưởi hả anh. Ôi, những ngày tươi đẹp xưa kia, những ngày hạnh phúc xưa kia.

Ghìm lại một tiếng nấc, Christine quay lưng bỏ ra ngoài.

Andrew ngẩn người nhìn theo nàng, thực sự ngạc nhiên. Thời gian gần đây, tính tình nàng có những lúc lạ lùng, khó hiểu: ngơ ngẩn, ủ rũ, thỉnh thoảng lại có những lúc đau khổ không sao hiểu nổi. Andrew cảm thấy hai người mỗi ngày một tách xa nhau, thấy mất đi sự hoà thuận bí ẩn xưa kia, mất đi mối gắn bó kín đáo của tình đồng chí xưa nay vẫn có giữa hai người. Nhưng đâu phải lỗi tại anh. Anh đã làm hết sức mình, đã làm tất cả những gì anh có thể làm. Anh tức giận nghĩ: những thành công của mình không có nghĩa lý gì. Nhưng Andrew không có thời giờ để nghĩ ngợi lâu đến cách cư xử vô lý, không phải, của Christine. Anh có một danh

sách dài những người bệnh phải đi thăm, và hôm nay lại là ngày thứ ba, ngày anh như thường lệ phải ra ngân hàng.

Đều đặn, một tuần hai lần, Andrew ra ngân hàng gửi tiền vào tài khoản của anh vì anh biết để tiền chất đống ở nhà là không có lợi. Andrew không khỏi so sánh những buổi đến ngân hàng thú vị bây giờ với lần anh ra ngân hàng Blaenelly hồi còn là một bác sĩ phụ tá quèn và bị Aneurin Rees làm nhục. Ở đây, ông giám đốc Wade bao giờ cũng chào hỏi anh với một nụ cười kính nể, nhiều khi lại mời anh vào hút một điếu thuốc trong phòng riêng.

- Thưa bác sĩ, tôi xin bạo miệng nói nếu không bị coi là tọc mạch, bác sĩ dạo này phát đạt lắm. Chỗ chúng tôi ở đây là cần có một bác sĩ dám mạnh bạo tiến tới, chỉ bảo thủ vừa đủ mức cần thiết thôi. Đúng như bác sĩ ấy, tôi xin bạo miệng nói vậy. À, còn về số cổ phần của Công ty đường sắt phía nam mà hôm nọ chúng ta đã bàn…

Thái độ kính nể của ông Wade chỉ là một trong những bằng chứng về sự thay đổi của dư luận chung đối với Andrew. Bây giờ anh thấy các bác sĩ khác cùng khu thân mật chào anh khi xe hơi của họ gặp chiếc xe hơi của anh. Tại cuộc họp phân Hội các bác sĩ ở địa phương vào mùa thu, ở đúng gian phòng mà người ta đã làm cho Andrew nhận thức rõ vị trí cùng đinh của anh trong lần xuất hiện đầu tiên thì nay anh được đón tiếp, được trân trọng, lại được bác sĩ Ferrie, phó chủ tịch phân Hội mời hút xì gà.

Người thấp bé, mặt đỏ gay, bác sĩ Ferrie vồn vập:

- Rất vui mừng được ông đến dự cùng với chúng tôi, bác sĩ Manson ạ. Ông có tán thành bài diễn văn của tôi không? Chúng ta phải giữ vững mức tiền công khám bệnh của chúng ta. Nhất là về trường hợp đi khám thêm, tôi kiên quyết lắm. Đêm hôm nọ, có một đứa trẻ, xin nói chỉ là một đứa trẻ mười hai tuổi thôi, nó đến gõ cửa nhà tôi, ấp úng: "Mời bác sĩ đến ngay. Bố cháu đi làm vắng mà mẹ cháu ốm nặng lắm". Ông biết không, lúc ấy là mười

hai giờ đêm rồi. Mà tôi chưa hề gặp thằng nhóc ấy bao giờ. Tôi mới bảo nó: "Cháu này, mẹ cháu không phải là khách bệnh của ta. Chạy về nhà cầm nửa ghi-ni lại đây cho ta thì ta đến". Cố nhiên thằng bé không bao giờ trở lại. Bác sĩ Manson ạ, tôi xin nói với ông là cái khu này nó khiếp lắm…

Một tuần sau cuộc họp ấy, Frances Lawrence gọi dây nói cho Andrew. Xưa nay anh vẫn thích những câu chuyện phù phiếm êm ái của Frances nói qua điện thoại. Nhưng hôm nay, sau khi ông Lawrence đã đi săn cá biển ở Ireland và nàng có thể ít hôm nữa cũng đến đây với chồng, Frances mời Andrew đến ăn trưa tại nhà nàng vào thứ sáu tới, mời một cách nhẹ nhàng coi như không có gì quan trọng.

- Sẽ có mặt Toppy và một hai người nữa mà tôi chắc sẽ không tẻ nhạt như những người ta thường gặp. Quen biết họ có lẽ cũng có ích cho ông đấy.

Andrew đặt máy xuống, nửa mừng rỡ nửa thấy khó chịu là lạ. Trong thâm tâm, anh hơi mếch lòng vì Christine không được mời đến dự cùng. Sau dần dần Andrew tự nhủ đây không phải là một hội hè vui chơi mà thực ra là một cuộc gặp gỡ làm ăn. Anh cần phải tiếp xúc với người này người nọ, nhất là với giới có những người sẽ dự buổi tiếp tân sắp tới. Dù sao, Christine cũng không cần biết gì về việc này.

Đến thứ sáu, Andrew bảo Christine là anh đã nhận lời đi ăn trưa với Hamson, rồi anh nhảy lên xe, người nhẹ nhõm hẳn đi. Anh quên mất anh là người nói dối rất tồi.

Nhà Frances Lawrence ở phố Knightsbridge, một phố yên tĩnh nằm giữa phố Hans và phố Wilton. Tuy không có cái vẻ lộng lẫy của dinh thự Le Roy nhưng những nét thẩm mỹ kín đáo của nó gây một ấn tượng mạnh mẽ không kém về sự giàu sang. Andrew đến muộn, hầu hết các vị khách khác đều đã có mặt: cô Toppy; Rosa Keane, nữ văn sĩ; ngài Dudley Rumbold-Blane, tiến sĩ y

khoa, hội viên Hội y học Hoàng gia, một thầy thuốc nổi tiếng có chân trong ban giám đốc hãng Cremo; Nicol Watson, nhà thám hiểm và nhân chủng học, cộng thêm một vài người khác có những danh hiệu không kêu bằng.

Tại bàn ăn, Andrew ngồi cạnh bà Thornton. Nói chuyện với Andrew, bà ta kể bà ta sống ở Leicestershire, thỉnh thoảng khi về chơi Luân Đôn ít ngày thì nghỉ tại khách sạn Brown. Hiện nay Andrew đã có thể bình thản chịu đựng cực hình của những lời tự giới thiệu, hơn nữa anh còn mừng thầm thấy những lời chuyện trò của bà Thornton là cái bình phong để anh lấy lại bình tĩnh. Bà Thornton kể về cô con gái bà tên là Sybil, học sinh ký túc trường Roedean, đã bị thương ở chân khi chơi khúc côn cầu.

Để một tai nghe bà Thornton – bà này tưởng anh im lăng chăm chú nghe chuyện bà – Andrew vẫn lắng tai nghe được đôi chút trong những câu chuyện ngọt ngào ý vị chung quanh anh: những lời pha trò châm chọc của Rosa Keanen, câu chuyện mê ly hấp dẫn của Watson kể về một chuyến thám hiểm gần đây của ông vào sâu trong nước Paraguay. Andrew cũng khâm phục Frances biết khéo léo nhẹ nhàng giữ cho không khí chuyện trò không bị lắng xuống đồng thời vẫn chịu đựng những lời cố ý ra vẻ thông thái của ngài Rumbold Blane ngồi cạnh. Một đôi lần Andrew cảm thấy con mắt Frances nhìn anh, nửa mỉm cười nửa hỏi han.

Watson kết thúc câu chuyện của ông ta với nụ cười cáo lỗi:

- Dĩ nhiên, sự việc tai hại nhất xảy ra với tôi lại là khi về đến nhà thì bị ngay một trận cúm.

- À, thế ra ông cũng là một nạn nhân của đợt dịch này à? – Rumbold Blane reo lên, rồi đặt chiếc kính kẹp mũi lên chiếc mũi mà Trời đã phú cho ông một cách hào phóng ông ta hắng giọng khiến tất cả mọi người ngồi quanh bàn phải chú ý. Ông ta rất thoải mái trong tình thế ấy, bởi vì từ nhiều năm nay ngài Rumbold Blane đã là người được toàn thể công chúng nước Anh

chú ý. Chính Rumbold là người cách đây một phần tư thế kỷ đã làm cho loài người phải kinh ngạc khi ông tuyên bố có một đoạn nào đó của ruột non trong bụng người ta không những là vô ích mà còn dứt khoát có hại.

Hàng trăm người đã ngay lập tức đổ xô đi cắt bỏ cái đoạn ruột non nguy hiểm ấy. Tuy bản thân Rumbold không nằm trong số người nọ, nhưng tiếng tăm của phẫu thuật ấy mà các nhà phẫu thuật gọi là "sự cắt bỏ Rumbold Blane" đã đưa ông lên thành chuyên gia về chế độ ăn uống. Từ đó, ông bao giờ cũng đi đầu trong lĩnh vực này, lần lượt khuyên bảo thành công dân chúng nước Anh nên lấy cám làm thức ăn, tiêu thụ sữa chua và vi khuẩn lắc-tích. Sau đó, ông lại phát minh ra "cách nhai Rumbold Blane". Và bây giờ, ngoài những hoạt động tích cực trong ban giám đốc của nhiều công ty, ông còn viết thực đơn cho các tiệm ăn thuộc tập đoàn Railey nổi tiếng: "Xin mời quý bà quý ông hãy dừng chân vào bản hiệu đề ngài Rumbold Blane, tiến sĩ y khoa, hội viên Hội y học Hoàng gia Anh, giúp quý bà quý ông chọn lựa số ca-lô-ri cho mình". Trong giới thầy thuốc chân chính hơn, có nhiều tiếng kêu ca đòi gạch bỏ tên ngài Rumbold khỏi danh sách chính thức các bác sĩ. Nhưng câu trả lời hiển nhiên là: bản danh sách ấy còn có nghĩa lý gì nếu không có tên ngài Rumbold nữa?

Bây giờ ngài Rumbold Blane đang nói, mắt nhìn sang Frances âu yếm như con:

- Một trong những khía cạnh đáng chú ý nhất của đợt dịch vừa mới đây là tác dụng điều trị nổi bật của các sản phẩm của công ty Cremogen. Tôi đã có dịp phát biểu ý kiến đó tại cuộc họp của hãng chúng tôi tuần trước. Chúng ta, than ôi, không có phương thuốc nào chống lại bệnh cúm. Vì không có phương thuốc cứu chữa nên cách duy nhất để chống lại sự đột nhập của bệnh. Tôi xin nói, tôi có thể hãnh diện một cách khá chính đáng mà nói rằng chúng tôi đã chứng minh một cách không ai có thể phủ nhận không phải trên chuột lang – ha-ha, ha-ha – như các bạn ở các

phòng thí nghiệm – mà trên con người, chứng minh sức mạnh phi thường của sữa bột Cremogen trong việc tổ chức và tăng cường sức đề kháng của cơ thể.

Watson quay sang Andrew với nụ cười khó hiểu:

- Ông nghĩ gì về các chế phẩm Cremo?

Bị hỏi bất ngờ, Andrew nghe thấy tiếng mình trả lời:

- Một loại sữa đã hớt kem chắc cũng tốt chẳng kém gì các loại khác.

Liếc nhanh con mắt tán thành, Rosa Keanen đã khá tàn nhẫn đến mức bật thành tiếng cười. Frances cũng cười tủm tỉm. Rumbold vội chuyển sang tường thuật lại chuyến đi thăm miền Trossachs gần đây của ông với tư cách khách mời của Hiệp hội y học miền Bắc.

Ngoài sự việc kể trên, buổi tiếp tân diễn ra rất hoà hợp, ăn ý. Andrew cuối cùng thấy mình cũng thoải mái tham gia chuyện trò. Trước khi Andrew từ biệt ra về Frances thì thầm với anh mấy câu tại phòng ngoài:

- Ra ngoài phòng khám, ông thực sự xuất sắc. Bà Thornton cứ mãi kể với tôi về ông đến nỗi không uống được cà phê. Tôi có một linh cảm lạ lùng là ông đã bẫy được bà ta làm bệnh nhân của ông rồi đó – nói thế có đúng không nhỉ?

Trên đường về nhà, với câu nói ấy văng vẳng bên tai, Andrew cảm thấy anh đã được lợi nhiều mà Christine thì chẳng bị mất gì trong buổi hôm nay.

Thế nhưng sáng hôm sau, vào lúc mười rưỡi, Andrew bị một chuyện bất ngờ khó chịu.

Freddie Hamson vui vẻ hỏi anh qua dây nói:

- Bữa tiệc hôm qua có vui không cậu? … Làm sao mình lại biết được à? Ô kìa, ông bạn vàng, ông không đọc tờ "Diễn đàn" sáng nay ư?

Hoảng hồn, Andrew vào ngay phòng khách nơi vẫn thường để báo chí khi anh và Christine đọc xong. Anh đọc lại lần thứ hai tờ "Diễn đàn", một trong những tờ báo hàng ngày có tiếng nhất. Trang dành cho những chuyện nhặt nhạnh trong xã hội thượng lưu có đăng một bức ảnh Frances Lawrence kèm theo một mẩu tin ngắn tường thuật bữa tiệc trưa qua, có ghi tên Andrew trong số các tân khách.

Bực mình, Andrew rút trang báo ấy ra, vo viên lại rồi vứt vào lò sưởi. Sau sực hiểu Christine đã đọc số báo này rồi, Andrew cau mày bực bội. Tuy tin rằng nàng chưa đọc đoạn tin chết tiệt kia, song anh vẫn cau có trở vào phòng khám bệnh.

Nhưng Christine đã đọc đoạn tin ấy rồi. Sau một giây phút bàng hoàng, việc này làm nàng nhói đến tận tim. Tại sao Andrew lại không nói với nàng? Tại sao? Tại sao? Anh có đến dự bữa ăn vô duyên ấy thì đối với nàng cũng chẳng sao. Nàng cố tự lấy lại bình tĩnh: chuyện nhỏ mọn này không đáng để nàng phải băn khoăn đau đớn. Nhưng nàng ngấm ngầm đau khổ mà nhận ra rằng hậu quả của nó không phải là nhỏ.

Khi Andrew đi thăm bệnh, Christine cố tiếp tục làm việc nhà nhưng không nổi. Nàng tha thẩn bước vào phòng khám lớn rồi lại sang phòng khám nhỏ, lòng trĩu nặng. Nàng thẫn thờ phủi bụi các đồ đạc trong phòng. Bên cạnh bàn giấy có chiếc túi thuốc cũ của Andrew, chiếc túi thuốc đầu tiên mà anh đã dùng tại Blaenelly, mà anh đã đeo trên người đi từ phố này sang phố khác hay xuống tầng hầm lò cấp cứu. Nàng đưa tay sờ cái túi trìu mến lạ lùng. Bây giờ anh đã có một cái túi mới, đẹp hơn. Nó phù hợp với loại khách mới giàu sang mà Andrew mải mê theo đuổi, nhưng nàng, trong thâm tâm lại xiết bao ngờ vực. Nàng biết cố tìm cách bày tỏ với anh những nỗi lo ngại về cách sống của anh cũng vô ích.

Andrew bây giờ rất hay nổi nóng – dấu hiệu chính của cuộc đấu tranh trong con người anh – nên một lời nói của nàng cũng có thể làm anh phát khùng, gây ra ngay một cuộc cãi vã. Nàng phải cố tìm cách khác vậy.

Hôm đó là sáng thứ bảy. Christine đã hứa sẽ cho cháu Florrie cùng đi với nàng mua sắm mấy thứ lặt vặt. Florrie là một em bé gái xinh xắn mà Christine rất quyến luyến. Bây giờ Christine đã nghe thấy tiếng cô bé đứng đợi ở đầu cầu thang xuống tầng hầm. Cô bé được mẹ mặc cho chiếc áo mới rất sạch sẽ và bảo lên nhà đợi Christine. Những ngày thứ bảy, hai cô cháu thường hay cùng nhau đi chợ như thế này.

Christine cảm thấy dễ chịu hơn khi nàng bước ra ngoài đường thoáng đãng cùng với cô bé Florrie tay nắm tay đi về phía chợ, chuyện trò với những người bán hàng rong quen biết, mua hoa quả, cố tìm một thứ gì thật thơm ngon mà Andrew thích.

Thế nhưng vết thương trong lòng vẫn không khép miệng. Tại sao, tại sao anh lại không nói với nàng? Và tại sao nàng lại không được đến buổi chiêu đãi ấy? Nàng nhớ lại lần đầu tiên ở Aberalaw khi hai người được vợ chồng Vaughan mời ăn cơm, nàng đã phải nài kéo lắm anh mới đi. Bây giờ thì khác hẳn. Nàng có lỗi chăng? Hay là nàng đã thay đổi, đã co mình lại, ngày càng không thích giao tiếp với xã hội bên ngoài nữa? Nàng không nghĩ như vậy. Nàng vẫn thích gặp gỡ và quen biết mọi người bất kể họ là ai hoặc nghề nghiệp gì. Tình bạn giữa nàng với bà Vaughan vẫn tồn tại trong thư từ đi lại đều đặn giữa hai người.

Nhưng thực ra, tuy cảm thấy bị tổn thương và bị coi thường, Christine lo lắng chính không phải cho nàng mà cho Andrew. Nàng biết là người giàu cũng có thể đau ốm như người nghèo, Andrew cũng có thể làm một bác sĩ giỏi tại phố Green, tại khu Mayfair như tại phố Cefan thị trấn Aberalaw. Nàng không đòi hỏi anh cứ phải kéo dài mãi những nỗi cực nhọc như đi ủng và cưỡi chiếc xe mô-tô "Da đỏ" cũ kỹ. Tuy nhiên, với tất cả tâm hồn nàng

cảm thấy rất rõ rằng thời xưa kia ấy, lý tưởng của Andrew trong sáng và đẹp đẽ, nó rọi chiếu cuộc sống của hai vợ chồng với một ngọn lửa trắng trong. Còn bây giờ ngọn lửa ấy đã vàng đi và bầu đèn đã hoen ố.

Bước vào hiệu "Fraud Schmidt", Christine cố xóa bỏ những nếp nhăn lo âu trên trán. Tuy vậy, nàng nhận thấy bà chủ hiệu chăm chú nhìn nàng. Rồi Fraud Schmidt lẩm bẩm:

- Cô biếng ăn à, cô em thân yêu của tôi. Trông cô khác lắm. Bây giờ hai vợ chồng đã có xe hơi sang trọng, tiền của và đủ mọi thứ rồi cơ mà. Cô này, tôi sẽ cho cô nếm thử món này nhé. Rất ngon!

Cầm con dao lưỡi dài và mỏng, Fraud Schmidt cắt một khoanh đùi lợn ngon có tiếng của cửa hàng rồi bắt Christine phải ăn với một miếng bánh mì mềm. Florrie cũng được ăn một cái bánh ngọt. Fraud Schmidt nói luôn miệng:

- Bây giờ, cô phải lấy một ít pho-mát Liptauer về. Ông bác sĩ của cô đã ăn hàng cân thứ pho-mát ấy mà không giờ biết chán. Hôm nào, tôi phải yêu cầu ông ấy viết cho tôi một mảnh giấy khen để dán ở tủ kính mới được. Đó là thứ pho-mát làm tôi nổi tiếng đấy…

Và bà ta cứ tiếp tục vừa nói vừa cười khúc khích cho đến khi hai cô cháu Christine ra về.

Ra ngoài, Christine và Florrie đứng đợi trên hè cho đến khi người cảnh sát làm nhiệm vụ ở góc đường – chính là Struthers, người bạn thân của hai vợ chồng – ra hiệu cho họ qua đường. Christine phải giữ lấy cánh tay cô bé cứ muốn lồng lên chạy nhảy. Nàng dặn dò:

- Bao giờ cũng phải chú ý đến xe cộ nhé. Nhỡ cháu bị chẹt xe thì mẹ cháu sẽ nói sao?

Mồm đầy bánh ngọt, cô bé coi đó chỉ là một câu nói đùa.

Về đến nhà, Christine giở các thứ đã mua ra. Sang phòng khách cắm vào lọ mấy bông cúc hung hung vừa mới mua về, nàng lại thấy buồn.

Bỗng chuông điện thoại reo.

Christine ra trả lời, gương mặt không hồn, đôi môi hơi xịu xuống. Dễ đến năm phút, nàng cứ giữ vẻ thờ thẫn ấy. Nhưng khi trở lại, gương mặt nàng biến đổi hẳn, đôi mắt sáng ngời, rộn ràng. Thỉnh thoảng nàng lại nhìn về phía cửa mong Andrew về, nỗi chán nản khi nãy đã bay biến đi mất vì tin vui mà nàng mới nhận được, một tin rất quan trọng đối với Andrew. Rất quan trọng đối với cả hai người, đúng thế. Christine tin chắc đây là một điều may không gì bằng: đối với độc tố của một sự thành công dễ dàng không có một kháng thể nào hiệu lực bằng chuyện này. Mà đồng thời lại là một điều thuận lợi cho sự nghiệp của Andrew, thực sự là một bước tiến dài đối với Andrew. Christine ra cửa sổ nóng ruột chờ.

Thấy Andrew về, nàng không ghìm được nữa, chạy ào ra gặp Andrew ở phòng ngoài.

- Anh! Em vừa mới nhận được tin của ông Abbey báo cho anh… ông ấy mới gọi dây nói.

Gương mặt Andrew ủ rũ vì hối hận khi nhìn thấy Christine bỗng sáng lên:

- Thực ư?

- Vâng! Chính ông ấy đích thân gọi dây nói. Ông ấy muốn nói chuyện với anh. Em xưng tên em… úi chà, ông ấy tử tế lắm… ôi chao, em thực sự không biết cách kể lại cho anh nghe. Anh ạ! Anh được nhận vào làm bác sĩ điều trị bệnh nhân ngoại trú ở bệnh viện Victoria rồi đấy… được vào làm ngay.

Andrew dần dần hiểu ra và đôi mắt anh tràn ngập niềm vui sướng:

- Ồ, thế ư? Tin rất mừng đấy, em ạ.

- Đáng mừng lắm, phải không anh? – Christine reo lên sung sướng – Anh lại được trở về với công việc của anh… lại có cơ hội để nghiên cứu… những điều anh đã mong mỏi hồi ở Ủy ban Lao động hầm mỏ mà không có. – nàng quàng tay lên cổ anh, ôm ghì lấy anh.

Andrew cúi xuống nhìn Christine, vô cùng xúc động trước mối tình của nàng, trước tấm lòng rộng rãi của nàng. Anh cảm thấy trong phút chốc một nỗi quặn đau trong lòng.

- Tâm hồn em cao thượng biết bao, Chris ạ. Còn anh… thô bỉ đến nhường nào.

VIII

Ngày mười bốn tháng sau, Andrew bắt đầu đến nhận việc tại khoa điều trị ngoại trú của bệnh viện phổi Victoria. Hàng tuần, anh làm việc vào ngày thứ ba và ngày thứ năm, từ ba đến năm giờ chiều. Giống như hệt hồi ở trạm xá Aberalaw trước kia, duy có điều bây giờ người bệnh của anh chỉ toàn là những người bị bệnh phổi hay phế quản. Và cố nhiên, bây giờ anh không còn là một bác sĩ phụ tá mà là một bác sĩ chính thức làm việc theo chế độ danh dự không ăn lương tại một trong những bệnh viện lâu đời nhất và nổi tiếng nhất ở Luân Đôn, và đó là niềm tự hào to lớn và thầm kín của anh.

Bệnh viện Victoria quả là một bệnh viện rất lâu đời. Nằm ở Battersea giữa một mạng lưới những đường phố nhỏ hẹp sát cạnh sông Thames, nó họa hoằn mới nhận được một tia nắng, ngay cả trong mùa hè. Còn đến mùa đông thì các ban công của nó nơi người ta định đẩy giường bệnh ra để hứng nắng, thì thường chìm trong một màn sương mù từ mặt sông bốc lên. Mặt trước toà nhà, ảm đạm và đổ nát, treo một tấm biển nền trắng chữ đỏ đề: BỆNH VIỆN VICTORIA SẮP ĐỔ – một điều quá thừa vì ai mà chẳng thấy rõ.

Khoa ngoại trú, nơi Andrew làm việc, phần nào là một di vật của thế kỷ 18. Bác sĩ Lintel Hodges đã từng làm bác sĩ danh dự tại khoa này từ 1761 đến 1793, cho nên cái chày và cái cối mà Hodges đã dùng được kiêu hãnh chưng bày trong một chiếc hộp kính đặt ở phòng ra vào. Tường nhà không ốp gạch men mà lại sơn một màu nâu sẫm đặc biệt, hành lang thì gồ ghề khấp khểnh tuy hết sức sạch sẽ, và bí gió đến nỗi tường đổ mồ hôi và trong tất cả các gian phòng chỗ nào cũng có cái mùi mốc meo vốn có của những nơi cổ lỗ.

Ngày đầu tiên, Andrew đi thăm các phòng cùng với bác sĩ trưởng khoa Eustace Thoroughgood. Thoroughgood khoảng năm mươi tuổi, tính tình vui vẻ, cẩn thẩn, vóc người thấp dưới tầm trung bình nhiều; ông có bộ râu chòm nho nhỏ xam xám, cử chỉ dịu dàng, khá giống một người quản lý nhà chung dễ dãi. Ông có những phòng bệnh nhân mà ông phụ trách riêng, và theo cách tổ chức hiện nay rập theo cái truyền thống cũ kỹ mà ông rất chú trọng giữ gìn và am hiểu tinh tường thì ông "chịu trách nhiệm" về Andrew và một bác sĩ trẻ tuổi khác tên là Milligan.

Sau khi đi thăm bệnh viện xong, bác sĩ Thoroughgood đưa Andrew đến một gian phòng dài ở tầng hầm được dùng làm phòng nghỉ chung, ở đó tuy chưa quá bốn giờ chiều mà đã phải thắp đèn. Một ngọn lửa hồng bập bùng trong lò sưởi và trên tường sơn giả màu vải có treo chân dung của những người thầy thuốc ưu tú đã từng phục vụ tại bệnh viện. Bác sĩ Lintel Hodges, rất bệ vệ với bộ tóc giả, được treo ở vị trí danh dự phía trên lò sưởi. Gian phòng này tượng trưng đầy đủ cho một quá khứ dài và đáng kính, và nhìn vào hai cánh mũi nở ra một cách tế nhị của ông, người ta biết ngay bác sĩ Thoroughgood yêu quý gian phòng ấy như con đẻ của mình tuy ông vẫn còn là trai chưa vợ và có dáng dấp một người quản lý nhà chung.

Hai người ngồi uống trà vui vẻ và ăn nhiều bánh mì nướng phết bơ nóng ròn cùng với các bác sĩ khác. Andrew thấy các thầy thuốc

của bệnh viện này là những chàng trai trẻ rất đáng mến. Tuy nhiên, khi để ý đến thái độ tôn trọng của họ đối với bác sĩ Thoroughgood và bản thân anh, Andrew không khỏi mỉm cười nghĩ đến những lần đấu khẩu với những "thằng nhãi láo xược" khác cách đây không lâu thường nổ ra trong những lần anh đấu tranh cho bệnh nhân của anh được vào nằm viện.

Andrew quên hẳn Thoroughgood khi bắt tay vào công việc của mình. Anh tự nhủ, được tiếp tục làm việc sau bao nhiêu năm tháng chờ đợi thật là tuyệt diệu. Ban đầu, Andrew có vẻ đã hoàn toàn lấy lại được sự hăm hở và nhiệt tình xưa kia.

Việc nghiên cứu của anh trước đây về các thương tổn lao do nhiễm bụi đã tất yếu đưa anh đến chỗ nghiên cứu bệnh lao phổi nói chung. Anh dự định chung chung rằng, cùng với sự thử Pirquet, anh sẽ đi tìm những dấu hiệu đầu tiên thể hiện ra ngoài cơ thể của chỗ thương tổn ban đầu. Anh có rất nhiều tài liệu để nghiên cứu: đó là những trẻ em thiếu dinh dưỡng mà mẹ chúng dẫn đến mong nhận được chút ít mạch nha nhờ sự hào phóng nổi tiếng của bác sĩ Thoroughgood.

Tuy nhiên, dù Andrew đã cố ép mình, song tâm trí anh bây giờ không tập trung nổi vào công việc. Anh không thể khôi phục lại nhiệt tình tự phát như hồi anh nghiên cứu bệnh nhiễm bụi. Anh có quá nhiều việc phải bận tâm, có quá nhiều ca quan trọng trong đám khách bệnh của anh đến nỗi anh không thể tập trung tâm trí tìm kiếm những dấu hiệu lờ mờ, thậm chí có thể là không có cũng nên. Không ai biết rõ bằng Andrew khám cẩn thận một người bệnh mất thời giờ đến nhường nào. Mà anh thì bao giờ cũng vội vã. Đây là một lý lẽ không thể bác bỏ được. Chẳng mấy chốc, anh rơi vào một thái độ rất hợp lý là xét hoàn cảnh anh hiện nay, anh không thể nghiên cứu được nữa.

Những người khốn khổ đến phòng thuốc của anh ở bệnh viện không đòi hỏi gì nhiều ở anh. Người đảm nhiệm công việc này trước anh hình như là một tay hay nạt nộ, cho nên miễn là

Andrew ghi đơn rộng rãi và thỉnh thoảng nói đùa một hai câu là anh không bao giờ sợ bị kêu ca. Andrew cũng rất ăn ý với bác sĩ Milligan, người đồng nghiệp cùng khoa với anh, và chẳng bao lâu anh cũng đi theo phương pháp của Milligan đối với các bệnh nhân thường xuyên. Andrew gọi tất cả lại, bảo họ ngồi cả vào một cái ghế dài trước bàn giấy lúc bắt đầu buổi khám rồi ghi đơn cấp thuốc và ký tên nhoáng nhoàng vào y bạ của họ. Lúc anh ghi mấy chữ "theo đơn cũ", anh cũng không có thì giờ nhớ lại trước đây anh đã chế riễu công thức cổ điển ấy đến thế nào. Đúng là Andrew đang trên con đường trở thành một bác sĩ điều trị đáng phục.

IX

Đến đầu kỳ nghỉ lễ Phục sinh, Andrew nhận được thư của bà Thornton nhờ anh đến khách sạn Brown thăm bệnh cho cô con gái bà. Trong thư bà nói vắn tắt là chân Sybil vẫn chưa khỏi, và cảm kích trước sự quan tâm của anh hôm ở nhà Frances Lawrence nên bà rất muốn biết ý kiến của anh. Hãnh diện trước lời phỉnh nịnh ấy, Andrew đến khách sạn Brown ngay tức thì.

Đến khám, Andrew thấy chân cô Sybil không có gì nguy kịch song cũng cần phải được phẫu thuật sớm. Anh đứng thẳng người dậy, mỉm cười với cô Sybil khỏe mạnh, bắp chân để trần, ngồi trên cạnh giường đang kéo chiếc tất dài đen lên, và anh giải thích với bà Thornton:

- Xương đã dầy lên. Có thể bị lồi xương nếu không được điều trị. Tôi khuyên bà nên cho cháu đi chữa ngay.

Bà Thornton không ngạc nhiên:

- Bác sĩ nhà trường cũng bảo vậy. Chúng tôi thực sự sẵn sàng. Có thể cho cháu vào nằm ở một bệnh xá tại đây. Nhưng… vâng, tôi tin tưởng ở ông đấy. Tôi mong ông đứng ra tiến hành mọi việc cần thiết cho. Ông khuyên tôi nên nhờ ai?

Câu hỏi thẳng này làm Andrew khó nghĩ. Anh hầu như chỉ chuyên về nội khoa. Anh có quen nhiều bác sĩ nội có tiếng, nhưng anh không biết một bác sĩ ngoại khoa nào ở Luân Đôn.

Bỗng nghĩ đến Ivory, Andrew vui vẻ nói:

- Ông Ivory có thể giúp được việc này… nếu ông ta có thời giờ.

Bà Thornton đã được biết danh Ivory. Cố nhiên rồi: Ivory là nhà phẫu thuật tháng trước đã được tất cả các báo nói đến khi ông đáp máy bay sang Cairo chữa một bệnh nhân bị say nắng chứ gì? Một người rất tên tuổi. Bà ta coi việc nhờ đến ông ấy chữa cho con gái bà là một ý kiến tốt. Bà chỉ yêu cầu có một điều là cho Sybil vào nằm ở bệnh xá Sherrington. Bao nhiêu bạn bè của bà đều đến điều trị tại đó nên bà không thể nghĩ để cô con gái bà đi đâu khác.

Về nhà, Andrew gọi dây nói cho Ivory, với tất cả những nỗi ngập ngừng của người bắt đầu làm quen. Nhưng giọng nói của Ivory, thân mật, tin cậy, duyên dáng, đã làm anh yên lòng. Hai người hẹn nhau hôm sau cùng đến thăm bệnh nhân. Tuy trong bệnh xá của Ida đã kín chỗ rồi song Ivory cam đoan ông ta có thể thuyết phục Ida dành một giường cho Thornton nếu thấy cần.

Sáng hôm sau, trước mặt bà Thornton, Ivory trịnh trọng tán thành tất cả những ý kiến Andrew đã đưa ra hôm trước. Ivory còn nói thêm là phải cấp thiết phẫu thuật ngay. Sau đó Sybil được đưa đến bệnh xá Sherrington. Và để cho cô gái có thời giờ ổn định, hai hôm sau cuộc phẫu thuật sẽ được tiến hành.

Andrew cũng có mặt. Với cách nói thẳng thắn và thân tình nhất, Ivory một mực yêu cầu Andrew có mặt khi mổ.

Cuộc phẫu thuật không có gì khó. Thực ra, nếu như ở Blaenelly thì Andrew đã mổ lấy. Và Ivory, tuy không có vẻ nhanh nhẹn, song đã tiến hành ca mổ một cách thành thạo, bệ vệ. Ivory trông lạnh lùng, nghiêm nghị trong chiếc áo choàng trắng dài, nổi lên ở phía trên là một gương mặt vuông chữ điền cương nghị, đường

bệ. Không ai giống hình ảnh một nhà phẫu thuật lớn như dân chúng thường hình dung trong óc bằng Ivory. Ông có hai bàn tay nhỏ nhắn mềm mại mà theo óc tưởng tượng của dân chúng, những vị anh hùng trong phòng mổ thường có. Cũng mặc áo choàng trắng, Andrew đứng ở bên kia bàn mổ nhìn Ivory với một niềm kính nể, ghen tị.

Nửa tháng sau, Sybil ra viện rồi, Ivory mời Andrew đến ăn trưa tại câu lạc bộ Sackville. Bữa ăn rất vui. Ivory là người nói chuyện giỏi, khéo léo và nhẹ nhàng thoải mái; ông ta làm vui tai người nghe với vốn hiểu biết của mình về những chuyện đồn đại mới nhất, khiến người nghe chuyện ông cảm thấy mình cũng là người quen thuộc với giới thượng lưu như ông ta. Phòng ăn Sackville cao rộng, trần nhà kiến trúc kiểu Adam với những chùm đèn đế bằng pha lê tảng, rất đông những nhân vật nổi tiếng mà Ivory gọi là những người "ngộ nghĩnh". Andrew cảm thấy hãnh diện được đến ăn ở đây, và đó chắc chắn là dụng ý của Ivory. Nhà phẫu thuật nói:

- Ông phải cho phép tôi ghi tên ông vào buổi họp mặt kỳ tới, ông sẽ gặp khá nhiều bạn bè quen biết. Freddie, Paul, tôi… à, Jackie Lawrence cũng là hội viên câu lạc bộ này đấy. Một cặp vợ chồng khá kỳ quặc. Họ rất hoà thuận với nhau, song mỗi người sống theo cách riêng của mình! Thành thực mà nói, tôi rất sung sướng được đỡ ông một tay. Tôi phần nào cảm thấy ông hơi e ngại gì tôi, ông bạn thân mến ạ. Bản tính dè dặt của người Scottland phải không? Chắc ông biết, tôi không làm việc cho bệnh viện nào cả. Đó là vì tôi muốn làm việc tự do theo ý mình. Với lại, ông bạn thân mến, tôi rất bận. Mấy anh khờ ở bệnh viện, có anh cả tháng không có lấy một ca mổ cho riêng mình. Tôi thì trung bình một tuần mười ca. À, tiện thể, chắc mẹ con nhà Thornton sắp phải thưa chuyện với chúng ta rồi đây. Ông cứ yên tâm để mặc tôi lo liệu. Họ là những người hết sức sang trọng đấy. À, nhân nói đến

chuyện này, ông có thấy là cái cô Sybil cũng cần phải cắt amidan không nhỉ? Ông có để ý đến amidan của nó không?

- Không, tôi không để ý.

- Ồ, lẽ ra ông phải để ý chứ, ông bạn. Sưng to tướng, một túi hút độc lớn đấy. Tôi mạn phép bảo với họ – mong ông không phản đối – là ta có thể cắt bỏ amidan cho nó khi thời tiết ấm hơn.

Trên đường về, Andrew không khỏi nghĩ: Ivory có duyên thật. Mình phải cảm ơn Hamson đã giúp mình quen biết lão ta. Ca mổ hoàn thành mỹ mãn. Mẹ con nhà Thornton hài lòng lắm. Chắc chắn không thể nào làm tốt hơn.

Ba tuần sau, khi Andrew đang ngồi uống trà với Christine thì chuyến thư chiều đem đến một bức thư của Ivory:

Ông Manson thân mến,

Bà Thornton vừa mới thanh toán xong một cách hậu hĩ. Tôi đã gửi cho nhân viên gây mê phần của anh ta, tôi cũng xin gửi ông phần của ông về việc phụ mổ rất tốt đẹp. Cô bé Sybil sẽ đến gặp ông vào cuối học kỳ này. Ông còn nhớ cặp amidan mà tôi đã nói chứ. Bà Thornton mừng lắm.

Thân mến,

C.A.

Kèm theo là một tờ ngân phiếu hai mươi ghi-ni.

Andrew ngạc nhiên nhìn tờ ngân phiếu: anh thật chẳng giúp đỡ được gì Ivory trong ca mổ này… nhưng dần dần thấm vào lòng anh cảm giác ấm áp mà đồng tiền bây giờ lúc nào cũng đem lại cho anh. Một nụ cười hài lòng trên môi, Andrew đưa bức thư và tờ ngân phiếu cho Christine xem.

- Tay Ivory này tử tế nhỉ. Anh đánh cuộc là tháng này, thu nhập của chúng mình sẽ đạt con số kỷ lục.

Christine có vẻ băn khoăn:

- Nhưng em không hiểu… Đây có phải là tiền bà Thornton trả cho anh không?

Andrew cười khúc khích:

- Không, em ngốc lắm. Đây là một chút tiền thù lao thêm… về thời gian anh đã bỏ ra cho ca mổ.

- Anh muốn nói là ông Ivory trả cho anh một phần tiền công của ông ấy à?

Andrew bỗng đỏ mặt, chống chế:

- Cha mẹ ơi. Không phải! Điều ấy thì tuyệt đối cấm. Bọn này không nghĩ đến chuyện đó đâu. Em không hiểu anh được hưởng số tiền thù lao này là do anh đã phụ giúp, đã có mặt tại ca mổ à – giống như người gây mê được hưởng thù lao về việc gây mê ấy. Ivory tính gộp cả lại trong bản thanh toán tiền với bệnh nhân… Và anh đánh cược là bản thanh toán ấy hẳn phải cao…

Christine đặt tờ ngân phiếu xuống bàn, vẻ ủ ê, chịu nhịn.

- Chắc là nhiều tiền lắm.

- Sao không? – Andrew chấm dứt cuộc tranh cãi bằng một cơn giận – Nhà Thornton giàu nứt đố đổ vách. Đối với họ số tiền ấy không hơn gì ba si-linh sáu pen-ni đối với khách đến phòng khám của chúng mình.

Andrew bỏ đi rồi, mắt Christine cứ nhìn mãi vào tờ ngân phiếu với một nỗi lo ngại nặng nề. Nàng không biết Andrew đã cộng tác nghề nghiệp với Ivory. Đột nhiên tất cả nỗi lo lắng trước kia ập trở lại trong lòng nàng. Sao bây giờ anh ấy lại thích tiền đến thế, thích ghê gớm. Công việc của anh tại bệnh viện Victoria xem ra không đáng kể so với khát vọng tiền tài vật chất hừng hực này. Ngay tại phòng khám ở nhà, nàng đã nhận thấy anh mỗi ngày một dùng nhiều đến những loại thuốc pha sẵn từ trước, ghi đơn cho những người hoàn toàn không có bệnh tật gì, và cứ nhắc họ phải đến khám lại, khám lại nữa. – Vẻ lo âu in đậm nét trên

gương mặt Christine làm mặt nàng đâm ra quạu cọ, nhăn nhúm. Những giọt lệ dần dần đọng trên khoé mắt. Nàng phải nói với anh, nhất định nàng phải nói.

Tối hôm đó, sau giờ khám bệnh, Christine rụt rè lại gần Andrew:

- Anh! Anh có bằng lòng chiều em một việc này cho em vui không? Chủ nhật này, anh đưa em đi xe hơi về nông thôn chơi nhé. Anh đã hứa với em từ hồi anh mới mua xe. Dĩ nhiên, cả mùa đông vừa rồi thì không đi đâu được.

Andrew nhìn nàng với con mắt khó chịu.

- Ờ, được.

Đúng như Christine mong mỏi, chủ nhật trời rất đẹp. Một ngày xuân êm dịu. Đến giờ, Andrew đã thăm xong tất cả các bệnh nhân cần đến thăm. Hai vợ chồng lên đường, một mảnh vải và một cái giỏ thức ăn để đàng sau xe.

Christine tươi tỉnh hẳn lên khi chiếc xe qua cầu Hammersmith theo đường Kingston bon bon về phía Surrey. Chẳng mấy chốc, họ đã qua Dorking và rẽ sang phải theo đường đi Shere. Đã lâu lắm, hai vợ chồng Andrew mới được về nông thôn. Bầu không khí êm đềm mát dịu của thôn quê, những cánh đồng xanh rờn, hàng cây du trổ nụ đỏ tía, những hạt phấn vàng của hoa đuôi sóc rơi lả tả, những bụi cây anh thảo vàng nhạt dưới chân gò, tất cả thấm vào cơ thể nàng làm nàng ngây ngất.

- Đừng chạy quá nhanh, anh! – Christine thì thầm với một giọng trìu mến không có ở nàng từ mấy tuần nay – ở đây đẹp quá.

Andrew thì hình như chỉ nghĩ đến chuyện vượt các xe hơi khác trên đường.

Họ đến Shere vào một giờ trưa. Thôn Shere với mấy nếp nhà mái ngói đỏ và con suối lặng lẽ uốn lượn giữa những bụi cải xoong, chưa bị xáo động bởi đám khách du lịch mùa hè. Hai người đến một ngọn đồi sum suê cây cối ở xa xa, để xe gần một con đường

đất cỏ mọc thấp. Họ dải mảnh vải xuống đất trong một mảnh rừng thưa, và cả bầu không khí tịch mịch ở đây thuộc về riêng hai người cùng với những con chim ríu rít trên cây.

Họ đem bánh mì thịt ra ăn ngoài nắng và uống cà phê đựng trong phích. Xung quanh, trong những lùm cây tống quán sủi, anh thảo mọc rất nhiều. Christine rất muốn đi hái về, áp mặt vào đám hoa lá dịu dàng mát rượi đó. Andrew thì nằm dài trên mảnh vải, mắt nửa nhắm nửa mở, đầu sát cạnh nàng. Một sự thanh thản êm đềm đã xua đi những nỗi khắc khoải âm thầm trong tâm hồn nàng. Giá như cuộc sống chung của hai người cứ được mãi mãi như thế này.

Con mắt thiu thiu ngủ của Andrew từ nãy cứ nhìn chiếc xe. Bỗng anh bảo:

- Xe chạy không đến nỗi tồi phải không em? Anh muốn nói là không đến nỗi tồi so với cái giá của nó. Nhưng ta sẽ phải mua một chiếc khác loại mới chưng bày ở triển lãm.

Christine giật mình. Dấu hiệu mới về sự mê mải bon chen đó của Andrew lại khơi lại nỗi lo lắng trong lòng nàng.

- Nhưng chúng mình mới mua chiếc xe này chưa được bao lâu. Em nghĩ không thể mong có cái nào hơn nó được.

- Hừ, nhưng nó chạy hơi chậm. Em không để ý thấy chiếc xe Buick lúc nãy vượt chúng mình à? Anh muốn có một loại xe mới cực nhanh kia.

- Để làm gì, anh?

- Để làm gì à? Chúng mình có khả năng mua mà. Em thấy đấy chứ, chúng mình đang kiếm được. – Andrew châm thuốc và nhìn Christine với vẻ hoàn toàn mãn nguyện – Nếu như em không nhận ra, cô giáo nhỏ bé thân yêu miền Blaenelly của tôi thì tôi xin nói: chúng mình đang giàu rất mau, cô ạ.

Christine không đáp lại nụ cười của Andrew. Nàng cảm thấy cơ thể nàng đang ấm áp yên ổn dưới ánh nắng bỗng lạnh toát. Nàng bứt một túm cỏ, lấy tay xoắn lại với mấy tua vải, chầm chậm nói:

- Anh, chúng mình có thực cần phải giàu có không? Về phần em thì em thấy không cần. Việc gì lúc nào cứ phải nói đến tiền bạc. Hồi chúng mình chẳng có bao nhiêu tiền… chúng mình… đã chẳng vô cùng hạnh phúc đấy sao. Lúc bấy giờ chúng mình không bao giờ nói đến tiền bạc. Còn nay thì chúng mình không nói gì khác ngoài tiền.

Andrew lại cười, vẻ kẻ cả:

- Sau nhiều năm lặn lội trong đống bùn, nhai dồi lợn và cá khô, chịu những lời nhiếc móc của những đứa ngu đần trong cái uỷ ban, hội đồng, phải trông nom các bà vợ thợ mỏ trong các gian buồng xép dơ dáy, anh đề nghị ta hãy đổi đi xem sao nào, cải thiện cuộc sống của chúng ta xem sao nào. Em có gì phản đối không?

- Đừng giễu cợt chuyện đó, anh! Trước đây anh có quen nói thế đâu. Ôi! Anh không thấy sao, anh không thấy sao, anh đang trở thành nạn nhân của chính cái chế độ mà trước đây anh vẫn thường nguyền rủa, đả phá, căm ghét? – Gương mặt Christine trong cơn xúc động thật ái ngại – Anh có còn nhớ trước đây anh vẫn thường hay nói đến cuộc sống, cuộc sống là một cuộc tiến công vào cái chưa biết, là chiếm lĩnh một đỉnh cao…

Andrew khó chịu làu bàu:

- Ôi dào, hồi ấy anh còn trẻ tuổi… điên rồ. Toàn những lời lãng mạn. Thử nhìn xung quanh em xem, ai cũng làm như nhau cả… càng vơ về được nhiều bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Đó là việc duy nhất cần làm.

Christine run run lấy hơi thở. Nàng biết rằng bây giờ là lúc nàng phải nói nếu không thì không bao giờ nói được nữa.

- Anh của em! Đó không phải là việc duy nhất. Em van anh, anh hãy nghe em nói. Em rất khổ tâm trước… trước sự thay đổi ở anh. Anh Denny cũng nhìn thấy… Nó làm cho anh và em xa nhau. Anh không còn là anh Andrew Manson… hồi lấy em nữa. Ôi, giá mà anh trở lại như hồi xưa kia…

Andrew bực tức vặn lại:

- Anh đã làm gì? Anh có đánh đập em không nào, có bê tha rượu chè không nào, có giết người không nào? Thử kể anh nghe một ví dụ về tội lỗi của anh xem nào?

Tuyệt vọng, Christine đáp:

- Không phải là những sự việc cụ thể mà là toàn bộ cách sống của anh, anh ạ. Như tấm ngân phiếu mà Ivory gửi cho anh chẳng hạn. Nhìn bề ngoài có lẽ chỉ là một vấn đề nhỏ mọn, nhưng bên trong, ôi, nếu đi vào sâu bên trong, thì nó đê tiện, tham lam, bất lương.

Christine cảm thấy Andrew sững người ra. Rồi anh ngồi nhỏm dậy, tức tối, day mặt nhìn nàng.

- Trời ơi! Tại sao lại cứ khơi lại chuyện đó mãi. Anh nhận thì có hại gì?

- Anh không hiểu được sao? – Tất cả những cảm xúc tích tụ trong mấy tháng qua cuộn dâng lên trong lòng làm nàng nghẹn lời, nước mắt dàn dụa. Nàng cuồng loạn kêu lên – Lạy Trời, đừng, anh ơi… anh đừng làm mình hèn hạ, anh!

Andrew nghiến răng giận dữ dằn từng tiếng:

- Lần cuối cùng, anh yêu cầu em đừng ngu ngốc và điên rồ nữa. Em không thể tìm cách nào đỡ đần anh mà lại suốt ngày lúc nào cũng ngăn trở anh, đay nghiến anh!

- Em có đay nghiến đâu. – Christine nức nở – Em đã định nói với anh từ lâu nhưng không nói được.

- Thế thì im đi – Rồi đột nhiên nổi nóng, Andrew thét. – Im đi. Chỉ sinh chuyện. Cô làm như thể tôi là một tên lừa đảo đê tiện không bằng. Tôi chỉ muốn nở mày nở mặt mà thôi. Sở dĩ tôi muốn có tiền vì tiền là một biện pháp để đạt tới mục đích. Người ta đánh giá nhau qua địa vị, của cải của nhau. Một xu không dính túi thì chỉ cúi đầu cho người ta sai bảo. Trong đời tôi, tôi đã hiểu quá đi rồi. Từ nay về sau, người sai bảo kẻ khác là tôi. Bây giờ cô hiểu rồi chứ? Đừng có bao giờ giở những câu ngu ngốc ấy ra với tôi nữa.

- Vâng… vâng – Christine sụt sịt – Em sẽ không nói gì nữa. Em chỉ xin nói là… rồi có ngày anh sẽ ân hận.

Đối với họ, nhất là đối với Christine, cuộc đi chơi thế là hỏng. Tuy Christine đã gạt nước mắt hái về một bó anh thảo to, tuy hai người còn ngồi một tiếng nữa trên sườn đồi ngợp nắng và trên đường về dừng lại uống trà ở quán Lavender Lady, tuy họ đã nói với nhau những chuyện thông thường với vẻ thân mật bên ngoài, nhưng ngày hôm đó không có gì đẹp nữa. Gương mặt Christine nhợt nhạt, đờ đẫn trong khi chiếc xe bon bon chạy trong cảnh hoàng hôn tối dần.

Cơn giận của Andrew dần dần chuyển thành sự phẫn nộ. Tại sao chỉ có Christine cứ đay nghiến anh. Những phụ nữ khác, mà toàn là những phụ nữ duyên dáng, thì phấn khởi trước bước vươn lên mau lẹ của anh.

Mấy hôm sau, Frances Lawrence gọi dây nói cho Andrew. Nàng vừa mới đi nghỉ đông ở Jamaica về. Trong hai tháng qua, Andrew đã mấy lần nhận được thư của Frances gửi từ khách sạn Myrtle Bank. Bây giờ Frances đã về, náo nức gặp lại bạn bè và rạng rỡ ánh nắng mặt trời mà nàng đã hấp thu. Frances vui vẻ nói đùa với Andrew là nàng muốn anh gặp nàng trước khi nước da rám nắng của nàng phai đi mất.

Andrew đến nhà Frances vào giờ uống trà. Đúng như nàng nói, nước da nàng có một màu rám rất đẹp, bàn tay cổ tay thon thả, gương mặt thanh thanh với vẻ dò hỏi của nàng như chứa đựng một sức bật mãnh liệt của một con thú. Niềm vui gặp lại Frances ngày càng tăng thêm gấp bội bởi vẻ mừng rỡ ánh lên trong đôi mắt nàng, đôi mắt ấy đối với biết bao nhiêu người khác thì lãnh đạm nhưng lại rất đỗi thân tình với Andrew.

Thật vậy, hai người nói chuyện với nhau như những người bạn lâu năm thân thiết. Frances kể cho Andrew nghe về chuyến đi của nàng, về những vườn san hô, những loài cá mà nàng đã được nhìn qua đáy thuyền bằng kính, về khí hậu thần tiên Nam Mỹ. Ngược lại, Andrew kể cho Frances nghe những bước tiến mới của anh.

Có lẽ Andrew đã để lộ trong lời nói một chút ý gì về những ý nghĩ bên trong của anh nên Frances mới nhẹ nhàng bảo:

- Ông nghiêm nghị đến đáng sợ và buồn tẻ đến đáng thẹn. Đã xảy ra chuyện gì với ông trong lúc tôi đi xa thế? Thành thật mà nói, tôi nghĩ đó là do ông làm việc quá nhiều đấy. Cứ nhất thiết phải tiếp tục mọi việc ở phòng khám đấy ư? Theo tôi, đã đến lúc ông phải có một phòng khám tại khu Tây rồi – ở phố Wimpole hay Welbeck chẳng hạn, rồi đến làm việc tại đó.

Frances nói đến đây thì chồng nàng vào. Jack Lawrence là một người cao lớn, dáng điệu uể oải, cử chỉ quý phái. Ông ta gật đầu chào Andrew mà ông ta đã khá quen biết – hai người đã một đôi lần chơi bridge với nhau tại câu lạc bộ Sackville – và vui lòng nhận một tách trà.

Tuy Jack Lawrence vui vẻ nói, ông ta tuyệt nhiên không có ý định quấy rầy hai người, nhưng dù sao sự xuất hiện của chồng Frances cũng làm cho câu chuyện mất chiều hướng nghiêm túc. Họ bắt đầu nói giễu đến những bữa tiệc mới nhất của Rumbold Blane.

Nhưng nửa giờ sau, khi Andrew lái xe về Chesborough, câu gợi ý của Frances cứ bám riết lấy đầu óc anh. Tại sao anh không đi kiếm một phòng khám tại Welbeck? Rõ ràng đã đến lúc phải làm việc này. Anh sẽ không bỏ số khách ở Paddington đâu. Phòng khám đó bây giờ là một mối lợi quá lớn không thể nhẹ dạ mà bỏ đi được. Song anh có thể dễ dàng kết hợp nó với một phòng khám mới tại khu Tây. Anh sẽ dùng địa chỉ sang trọng hơn để giao dịch thư từ, ghi lên đầu các giấy viết thư, các đơn thuốc của anh.

Ý nghĩ ấy loé lên trong óc Andrew, nó thúc giục anh vươn tới những sự chinh phục lớn lao hơn nữa. Frances là một phụ nữ quý giá vô ngần, nàng đã giúp anh không kém gì bà Everett nhưng nàng lại vô cùng duyên dáng, quyến rủ hơn. Tuy vậy, Andrew vẫn rất thân thiện với chồng nàng. Anh có thể không nao núng nhìn thẳng vào mắt Jack Lawrence. Anh không phải lén lút ra vào ngôi nhà đó như một kẻ hèn mạt cám dỗ phụ nữ. Cha chả! Tình bạn thật là một thứ đẹp đẽ!

Không hé một lời chào với Christine, Andrew bắt đầu để ý tìm một nơi thuận tiện làm phòng khám tại khu Tây. Khoảng một tháng sau, khi tìm được rồi, vô cùng mãn nguyện đấy, nhưng vẫn giả tảng thản nhiên như không, anh bảo với Christine trong lúc tay anh đang cầm tờ báo buổi sáng:

- Tiện đây nói để em biết, anh đã thuê một chỗ ở phố Welbeck làm nơi khám bệnh cho khách thượng lưu.

X

Phòng khám bệnh của Andrew ở số nhà 57a phố Welbeck lại gây ra cho anh một cảm giác đắc thắng mới. Mình đã đến được đây rồi – anh đắc chí nghĩ – cuối cùng đã đến được đây! Gian phòng không rộng nhưng rất sáng sủa nhờ có cửa sổ lồi ra ngoài và lại có ưu điểm lớn là nằm ở tầng dưới vì hầu hết bệnh nhân ngại leo cầu thang lên gác. Ngoài ra, tuy Andrew dùng chung phòng đợi

với mấy bác sĩ khác, nhưng phòng khám này là của riêng anh, và tấm biển bóng loáng đề tên anh đã được treo lên ngoài cửa trước bên cạnh các tấm biển của các bác sĩ kia.

Ngày mười chín tháng tư, ký xong hợp đồng thuê, Andrew rủ Hamson cùng đến nhận nhà với mình. Hamson đã tỏ ra đặc biệt có ích trong mọi công việc sắp xếp ban đầu. Hamson đã tìm cho Andrew một y tá cừ, bạn của chị y tá hiện đang làm cho Hamson ở phố Hoàng hậu Anne. Chị y tá Sharp không đẹp, đứng tuổi vẻ mặt cau có y như bị ai bạc đãi nhưng có vẻ rất được việc. Hamson giải thích tại sao anh ta lại chọn chị này:

- Điều cần tránh đối với các bác sĩ là chọn một cô y tá xinh. Cậu hiểu ý mình nói chứ. Chơi hẳn ra chơi, làm hẳn ra làm. Không được lẫn lộn hai cái với nhau. Chúng ta làm nghề này không phải để chơi bời. Thông minh như cậu, chắc cậu hiểu, à, mình nảy ra ý nghĩ là nay chúng mình đã ở gần nhau rồi, chúng mình có thể cộng tác với nhau khá chặt chẽ.

Trong lúc Hamson và Andrew đứng bàn bạc cách bày biện gian phòng thì Frances Lawrence bất ngờ xuất hiện. Nàng đi qua tiện thể ghé vào xem Andrew chọn được gian buồng như thế nào. Frances có cách đến chơi rất tình cờ mà không bao giờ có vẻ tọc mạch. Hôm nay nàng đặc biệt quyến rũ trong chiếc áo và váy cùng một màu đen, cổ quàng một mảnh lông thú nâu tuyệt đẹp. Nàng không ở chơi lâu, nhưng về cách trang trí, chọn rèm cửa sổ, ri-đô chăng sau bàn giấy, nàng có những ý kiến tinh tế, xác đáng hơn kế hoạch thô kệch của Hamson và Andrew nhiều.

Người đàn bà hoạt bát ấy ra về rồi, gian phòng bỗng vắng hẳn. Hamson thô lỗ:

- Cậu diễm phúc thật. Một thiếu phụ ngon mắt quá. – Hamson nhăn nhở cười ra chiều ghen tị – Gladstone năm 1890 đã nói như thế nào nhỉ về cách chắc chắn nhất bảo đảm cho bước tiến thân trên đường đời?

- Mình không hiểu cậu định nói gì?

Tuy vậy, khi gian phòng được bày biện xong, Andrew phải thừa nhận với Hamson, và với Frances lúc đó vừa rẽ qua xem kết quả những ý kiến của nàng, bày biện như vậy là thích đáng: hiện đại nhưng vẫn nghiêm túc, phù hợp với nghề nghiệp. Khám bệnh trong khung cảnh này thì tính tiền công ba ghi-ni một người là phải chăng và hợp lý.

Ban đầu, Andrew chưa có nhiều khách. Nhưng nhờ ở những bức thư viết rất lịch sự gửi đến tất cả những bác sĩ nào đã chuyển bệnh nhân của họ đến chỗ anh ở bệnh viện Victoria – những bức thư này cố nhiên chỉ nói đến các bệnh nhân ấy và các triệu chứng của họ – chẳng bao lâu, Andrew đã chăng được một mạng lưới rộng khắp Luân Đôn, nó đưa khách bệnh từ khắp các khu phố đến cho anh. Bây giờ, Andrew là một người vô cùng bận rộn, anh cho chiếc xe Vitesse mới mua của anh lao nhanh từ Chesborough đến bệnh viện Victoria rồi lại từ bệnh viện Victoria về Welbeck, lại phải đi thăm biết bao nhiêu bệnh nhân tại nhà, chưa kể đến phòng khám cũ của anh lúc nào cũng đông nghịt, nhiều khi phải khám đến tận mười giờ khuya mới hết người.

Chất men thắng lợi khiến Andrew táo bạo, dám cả nghĩ cả làm, nó sôi sục trong mạch máu anh như một thứ thuốc thần hiệu. Andrew tranh thủ thời gian nhào đến hiệu may Rogers cắt thêm ba bộ nữa rồi lại đến hiệu chuyên may sơ-mi ở phố Jermyn mà Hamson giới thiệu. Uy tín của anh ở bệnh viện Victoria ngày một tăng. Quả thực anh không còn mấy thời giờ để làm việc cho khoa điều trị ngoại trú của bệnh viện, nhưng anh tự nhủ anh có bớt đi bao nhiêu thời gian thì đã bù lại bằng tài năng kinh nghiệm của anh bấy nhiêu. Ngay đối với bạn bè, Andrew cũng có những cử chỉ lời nói vội vã, cộc lốc nhưng vẫn khá hấp dẫn vì trên miệng anh lúc nào cũng sẵn một nụ cười. "Mình phải chuồn đây, cậu ạ, mình đúng là phải quàng chân lên cổ mà chạy".

Phòng khám của Andrew ở phố Welbeck mở đã được năm tuần. Một chiều thứ sáu, có một người đàn bà nhiều tuổi đến khám họng. Bà ta chỉ bị viêm thanh quản thường thôi song là một người cẩn thận, cả lo, bà ta muốn được biết ý kiến của một bác sĩ thứ hai nữa. Hơi bị chạm tự ái, Andrew nghĩ xem nên gửi bà này đến ai. Để cho bà ta đến làm phí thời giờ một người như Robert Abbey thì thật lố bịch. Bỗng gương mặt anh sáng lên khi nghĩ đến Hamson ở ngay gần chỗ anh. Thời gian này, Hamson rất ân cần với anh. Thà để cho cậu ra "nhặt" ba đồng ghi-ni này còn hơn để cho một thằng cha không quen biết, nó sẽ chẳng hàm ơn gì mình. Andrew bèn gửi bà bệnh nhân kia đến Hamson kèm theo mấy chữ.

Bốn mươi nhăm phút sau, bà ta trở lại với tâm trạng khác hẳn, yên tâm và mãn nguyện, hài lòng về Hamson và nhất là về Andrew. Bà ta xin lỗi:

- Bác sĩ thứ lỗi cho tôi lại trở lại đây lần nữa. Tôi chỉ muốn cảm ơn bác sĩ đã nhọc công về tôi. Tôi đã đến gặp bác sĩ Hamson, ông ta đã xác nhận tất cả những ý kiến chẩn đoán của bác sĩ. Ông ta… ông ta bảo tôi là đơn thuốc mà bác sĩ cấp cho tôi hết sức đầy đủ không thể ghi thêm một thứ gì nữa.

Đến tháng sáu thì cặp amidan của cô Sybil Thornton được cắt bỏ. Nó đã sưng lên khá to, và gần đây trên tạp chí "Y học", người ta nghi là sự hút độc của amidan có thể liên quan đến nguồn gốc của bệnh hen. Ivory đã tiến hành phẫu thuật một cách thận trọng, chậm chạp.

Ivory nói với Andrew khi hai người ra rửa tay:

- Tôi muốn là từ từ với những mô bạch huyết này. Chắc ông đã từng thấy có những kẻ xẻo đánh loáng một cái là xong. Tôi thì không làm như vậy.

Lúc Andrew nhận được tấm ngân phiếu của Ivory, cũng lại qua đường bưu điện, thì có mặt Hamson. Hai người bây giờ thường

xuyên đến thăm nhau tại phòng khám của nhau. Hamson đã nhanh chóng trả nợ Andrew bằng cách gửi đến cho Andrew một trường hợp viêm dạ dày khá ngon ăn đáp lại trường hợp viêm thanh quản hôm nọ. Cho đến nay, quả thực đã có nhiều bệnh nhân đã đi lại, kèm theo mấy chữ, giữa hai phòng khám ở phố Welbeck và phố Hoàng hậu Anne.

- Này, Manson này, mình rất mừng là cậu đã bỏ được cái tính câu nệ cổ hủ của cậu. Ngay bây giờ, thực đấy – Hamson liếc nhìn tấm ngân phiếu qua vai Andrew – cậu cũng chưa biết vắt chanh hết nước đâu. Ông bạn ạ, bắt tay với mình rồi cậu sẽ được nếm những quả thơm ngon hơn.

Andrew không nhịn được cười.

Tối hôm ấy, trên đường về nhà, Andrew cảm thấy người lâng lâng khoai khoái khác thường. Hết thuốc, anh đỗ xe lại, vào một hiệu thuốc lá ở phố Oxford. Khi bước ra qua cửa, anh bỗng để ý đến một người đàn bà đang lảng vảng ở cửa hiệu bên cạnh. Người đó là Blodwen Page.

Andrew nhận ra mụ ngay, tuy mụ đã thay đổi nhiều, khác xa bà chủ lăng xăng ở Bryngower. Mụ gầy đi, dáng người ủ rũ, và con mắt mụ ngước lên nhìn Andrew khi anh bước lại gần mụ hỏi chuyện thì thẫn thờ, chán nản.

- Bà Page phải không? Hay đúng hơn bây giờ là bà Rees phải không? Bà không nhận ra tôi à? Bác sĩ Manson đây mà.

Mụ nhận ra bộ quần áo sang trọng của anh, vẻ làm ăn phát đạt của anh. Mụ thở dài:

- Tôi còn nhớ. Ông dạo này mạnh khỏe chứ? – Rồi như sợ phải nán lại lâu, mụ quay lại nhìn về chỗ cách đó vài ba thước, ở trên vỉa hè, có một người đàn ông cao cao hói trán đang sốt ruột đứng chờ. Mụ vội kết thúc, vẻ sợ sệt:

- Tôi xin phép. Nhà tôi đang đợi.

Nhìn theo mụ ta vội vã bỏ đi, Andrew thấy đôi môi mỏng dính của lão Aneurin Rees động đậy trách móc "Làm gì thế, để tôi đứng chờ thế à?" trong khi mụ chỉ cúi đầu với vẻ phục tùng. Andrew cảm thấy con mắt lạnh lùng của lão quản lý ngân hàng ngây ra nhìn anh trong giây phút. Rồi cặp đó bước đi, chìm vào trong đám đông.

Andrew không xua được hình ảnh ấy khỏi đầu. Về đến nhà, bước vào phòng ngoài, anh thấy Christine đang ngồi đan, ấm trà của anh đã đặt sẵn trên khay. Nàng vừa mới bảo mang trà lên khi nghe tiếng xe anh về. Andrew liếc nhanh nhìn Christine thăm dò. Anh muốn kể lại cho nàng nghe cuộc gặp gỡ ban nãy, anh bỗng tha thiết muốn chấm dứt thời kỳ xích mích đi.

Nhưng khi Andrew cầm đến chén trà chưa kịp nói thì Christine đã từ tốn bảo anh:

- Chiều nay, bà Lawrence lại gọi điện thoại hỏi anh. Bà ấy không nhắn gì.

- À – Andrew đỏ mặt – Em định nói gì với chữ "lại"?

- Đây là lần thứ tư bà ấy gọi điện thoại cho anh.

- Ừ, thì sao?

- Không sao. Em có nói gì đâu.

- Nhưng vẻ mặt của em ấy. Anh cấm được bà ấy gọi dây nói cho anh à?

Christine im lặng, đôi mắt cụp xuống nhìn mảnh len đang đan. Nếu như Andrew thấy được cơn bão táp trong lòng nàng dưới bề ngoài yên lặng ấy thì anh đã không nổi nóng thế này.

- Thái độ của em làm như em nghĩ anh là người hai vợ không bằng. Bà ấy là một phụ nữ hết sức tử tế. Chồng bà ấy lại là bạn thân của anh. Họ là những người lịch thiệp, duyên dáng. Đâu có vẻ như chó cụp tai thế này. Rõ khỉ.

Andrew húp vội nốt tách trà, đứng dậy. Nhưng khi ra khỏi phòng anh thấy ân hận. Anh bỏ vào phòng khám, châm thuốc hút, buồn rầu nghĩ đến quan hệ giữa anh và Christine ngày càng xấu đi. Anh không muốn để nó xấu thêm nữa. Sự xa cách ngày một lớn giữa hai người làm anh chán nản, bực dọc, nó là một đám mây đen trên bầu trời thắng lợi trong sáng của anh.

Hai vợ chồng đã có một thời kỳ hạnh phúc vô song sau ngày lấy nhau. Cuộc gặp gỡ bất ngờ với Blodwen Page đã làm sống lại dồn dập những kỷ niệm êm đềm của những ngày tìm hiểu nhau ở Blaenelly. Andrew bây giờ không còn tôn thờ vợ như trước kia nhưng – rõ khỉ, đúng thế, anh vẫn yêu nàng. Có thể là gần đây, anh đã một đôi lần làm nàng bị tổn thương. Anh bỗng muốn giảng hoà với nàng, chiều chuộng nàng, làm lành với nàng. Anh mải mê suy nghĩ, bỗng ánh mắt anh sáng lên. Anh nhìn đồng hồ thấy còn đúng nửa giờ nữa thì cửa hàng Laurier đóng cửa. Một phút sau, Andrew đã ngồi trong xe, lao đi gặp Martha Cramb.

Khi biết được ý định của Andrew, Martha Cramb sốt sắng phục vụ anh ngay. Hai người bàn bạc với nhau rất nghiêm nghị rồi đến gian bán hàng lông thú. Andrew được chỉ cho xem rất nhiều loại hàng. Martha Cramb vuốt ve những bộ da lông với ngón tay nhà nghề, giới thiệu cái nước bóng, cái ánh bạc, những yếu tố mà những bộ da lông loại tốt cần phải có. Một đôi lần, Cramb không tán thành ý kiến của Andrew, nghiêm trang chỉ ra cái nào là quý và cái nào là không quý. Cuối cùng, Andrew chọn được một loại mà Cramb thành thật tán thành. Sau đó, Cramb đi tìm cụ Winch rồi trở lại ngay, hớn hở:

- Cụ Winch bảo chỉ xin bác sĩ trả theo giá xuất xưởng – những từ như "giá vốn" không bao giờ đến làm ô uế đôi môi các cô gái bán hàng ở cửa hàng này – Như vậy tổng cộng năm mươi nhăm bảng. Bác sĩ cứ tin ở tôi. Hàng này quý lắm. Ánh lông rất đẹp. Bà nhà sẽ rất hãnh diện dùng nó.

Thứ bảy sau, vào mười một giờ trưa, Andrew đến lấy về chiếc hộp bìa màu lá cây sẫm có vẻ nhãn hiệu riêng không đâu bắt chước được của cửa hàng Laurier ngoài nắp hộp. Anh đem ngay vào phòng khách.

- Christine, em lại đây một tí nào.

Christine đang ở trên gác cùng với chị Bennett dọn dẹp giường chiếu. Nàng vội xuống ngay, hơi thở gấp, con mắt hơi ngạc nhiên trước lời gọi này.

- Em xem này. – Bây giờ đến giây phút then chốt thì Andrew cảm thấy lúng túng, nghẹn cổ – Anh mua cái này cho em. Anh biết, anh biết chúng mình gần đây không thật hoà thuận với nhau. Nhưng cái này hẳn cho em thấy là… – Andrew nghẹn lại không nói được nữa, và như một chú học trò, anh đưa cho Christine chiếc hộp.

Christine mặt tái đi nhợt nhạt khi mở hộp. Tay nàng cởi nút mà cứ run bần bật.

Rồi nàng reo lên một tiếng nghẹn ngào:

- Ôi, bộ lông thú đẹp quá.

Gấp trong tờ giấy lụa là hai con sóc bạc, hai bộ da lông sóc đẹp mê hồn, khéo léo ghép lại thành một tấm liền. Andrew nhanh nhẹn cầm lên, vuốt vuốt như Martha Cramb vuốt, giọng xúc động.

- Em có vừa ý không, Chris? Em thử quàng xem. Chính cô Cramb tốt bụng đã giúp anh chọn đấy. Loại nhất. Không còn loại nào tốt hơn. Về giá cả cũng vậy. Em có thấy cái mặt bóng và cái ánh bạc này không… đó chính là những tiêu chẩn cần phải chọn.

Nước mắt ràn rụa trên má, Christine quay lại với Andrew, cuồng nhiệt:

- Anh yêu em, có phải không, anh của em. Đó là cái quý duy nhất đối với em trên đời.

Được yên lòng rồi nàng mới quàng thử chiếc khăn lông thú. Quả là đẹp lộng lẫy.

Andrew ngắm nhìn chiếc khăn mãi không chán mắt. Anh muốn làm cho sự hoà giải được hoàn toàn. Mỉm cười anh nói:

- Em này, Chris, tiện đây, chúng mình có thể tổ chức một cái gì nho nhỏ để ăn mừng. Ta đi ăn hiệu nhé. Một giờ trưa, em đến gặp anh tại phòng tiệc nhỏ "Greenroom" khách sạn Plaza nhé.

- Vâng, anh… – nàng nửa như hỏi – Nhưng trưa nay, ở nhà, em đã làm món thịt băm khoai rồi, món anh vẫn thích…

- Thôi thôi. – Tiếng cười của Andrew vui nhất từ mấy tháng nay – Đừng có làm cô gái già rú rú ở nhà. Một giờ nhé. Em hãy đến gặp anh chàng hào hoa đẹp trai tóc đen tại khách sạn Plaza nhé. Em không cần phải gài một bông cẩm chướng lên ngực làm ám hiệu đâu, anh chàng trông thấy chiếc khăn quàng lông sóc của em là nhận ra ngay.

Suốt buổi sáng, Andrew rất vui vẻ, hài lòng. Mình ngốc thật! Chẳng để ý gì đến nàng. Phụ nữ là muốn được chăm chút, chiều chuộng, muốn được đưa đi chỗ này chỗ nọ giải trí. Phòng tiệc thân mật "Greenroom" ở khách sạn Plaza là chỗ thích hợp nhất.

Ở đó, từ một giờ đến ba giờ trưa là có thể gặp toàn thể Luân Đôn, hay nói cho đúng hơn là gặp hầu hết những con người đáng kể nhất của Luân Đôn.

Christine đến muộn, đó là một điều hiếm có, vì vậy Andrew hơi sốt ruột. Trong lúc ngồi đợi ở một hành lanh nhỏ, nhìn qua chiếc tường kính ngăn hành lang với phòng ăn, anh thấy tất cả những chỗ tốt nhất đều nhanh chóng có người đến ngồi. Andrew gọi một cốc Martini thứ hai. Mãi đến 1 giờ 20 mới thấy Christine vội vã đến, ngơ ngác vì tiếng ồn ào, vì đông người, vì những người hầu bàn ăn mặc quá chỉnh tề và vì trong nửa giờ qua nàng đã đứng nhầm phòng.

- Anh, em xin lỗi – Christine hổn hển. Em có hỏi thăm, rồi đợi, đợi mãi. Sau mới biết là đợi nhầm phòng ngồi chơi của khách sạn.

Hai người bị xếp vào ngồi ở một vị trí xoàng, một chiếc bàn kê sát cột, cạnh chỗ đưa thức ăn. Phòng ăn đông đến lố bịch, bàn nọ kê sát bàn kia đến nỗi khách ăn dường như ngồi lên lòng nhau. Các người hầu bàn đi lại như làm xiếc uốn dẻo. Không khí nóng nực như ở miền nhiệt đới. Tiếng huyên náo cứ tăng lên rồi lại dịu xuống như những tiếng hò hét ầm ĩ trong một trận thi đấu thể thao của học sinh.

- Nào, em ăn gì nào? – Andrew hỏi với giọng dứt khoát.

- Tùy anh gọi ạ. – Christine trả lời nhỏ nhẹ.

Andrew gọi một thực đơn nhiều món đắt tiền: trứng cá muối, súp "Quận công xứ Wales", gà đánh sốt, măng tây, dâu ngâm đường. Cả một chai Liebfraumilch năm 1929 nữa.

Andrew cười hềnh hệch, cố làm vui:

- Hồi ở Blaenelly, chẳng được thế này, em nhỉ. Không gì thích bằng được ăn tiêu thoải mái.

Christine cố thích ứng với tâm trạng của Andrew. Nàng khen món trứng cá, cố gắng vượt bậc để thưởng thức món súp béo. Nàng làm ra vẻ chăm chú khi Andrew chỉ tay giới thiệu Glen Roscoe, nữ diễn viên điện ảnh, Mavis Yorke, một phụ nữ Mỹ nổi tiếng vì đã có sáu đời chồng, và những khách giang hồ, những tay chơi tiếng tăm không kém. Sự sang trọng thô bỉ của nơi này làm Christine thấy ghê người. Đàn ông thì ăn mặc quá bảnh bao, mái tóc quá bóng mượt. Người đàn bà nào mà nàng gặp cũng đều tóc vàng hoe, mặc đồ đen, phấn son kệch cỡm, lạnh lùng đanh đá.

Christine bỗng cảm thấy hơi choáng váng. Nàng bắt đầu mất bình tĩnh. Thường ngày, nàng có phong cách mộc mạc, tự nhiên. Nhưng thời gian gần đây, thần kinh của nàng bị căng thẳng quá nhiều. Nàng dần dần nhận thức được sự chênh lệch giữa chiếc

khăn quàng lông thú mới với chiếc áo rẻ tiền cũ của nàng. Nàng cảm thấy những phụ nữ khác nhìn nàng chằm chằm. Nàng biết sự có mặt của nàng ở đây là lạc lõng, như một bông hoa đồng nội lạc vào một căn nhà kính trồng lan.

- Sao thế? Em không thích à? – Andrew đột ngột hỏi.

- Ô, có chứ. – Nàng chống chế, gắng mỉm cười yếu ớt. Nhưng môi nàng bây giờ cứng đờ. Nàng gần như không nuốt trôi được chứ chưa nói gì đến thưởng thức món gà phết đầy kem trước mặt.

Andrew làu bàu:

- Em chẳng nghe anh nói gì cả. Em cũng chẳng đụng đến rượu nữa. Rõ khỉ! Khi người ta đưa vợ đi ăn hiệu…

- Cho em xin ít nước. – Nàng hỏi nhỏ. Nàng chỉ muốn la lên. Nàng không hợp với một chỗ như chỗ này. Tóc nàng không được tẩy bạc thành màu bạch kim, mặt nàng không phết phấn son, không lấy làm lạ là điều cả những người hầu bàn cũng nhìn nàng. Nàng luống cuống gắp một cọng măng tây đưa lên miệng, bỗng đầu cọng măng gãy ra, rơi xuống bàn làm bắn đầy nước sốt vào chiếc khăn da sóc.

Người đàn bà tóc vàng nhạt như bạc ngồi ở bàn bên nhìn sang người bạn cùng bàn với nụ cười thích thú. Andrew thấy nụ cười đó. Anh mất hết ý muốn cố làm vui. Bữa ăn kết thúc trong một không khí im lặng ảm đạm.

Hai người đi về nhà với một vẻ còn ảm đạm hơn. Rồi Andrew lại vội đi thăm bệnh nhân. Hai người xa cách nhau hơn bao giờ. Christine đã bắt đầu mất hết tự tin, nàng tự hỏi nàng có thực là người vợ thích hợp với Andrew hay không. Tối hôm ấy, Christine vòng tay ôm cổ Andrew, hôn anh và cảm ơn anh một lần nữa về bộ lông sóc và bữa ăn hiệu.

- Anh mừng là em bằng lòng! – Andrew bình thản nói rồi vào phòng riêng của mình.

XI

Đến thời gian này xảy ra một sự kiện tạm thời bứt Andrew khỏi những dằn vặt trong cuộc sống gia đình. Anh tình cờ đọc được một mẩu tin trên tờ "Diễn đàn" cho biết Stillman, chuyên gia y tế nổi tiếng ở Portland bang Oregan bên Mỹ đã tới Anh trên con tàu Imperial và hiện đang ở khách sạn Brooks.

Giá như trước kia thì Andrew đã tay cầm tờ báo xúc động chạy đến Christine reo lên: "Này em, Chris! Richard Stillman mới sang đây đấy. Em còn nhớ không. Anh vẫn thư từ với ông ấy suốt thời gian qua. Không biết ông ấy có chịu tiếp anh không. Thành thực mà nói, anh rất tha thiết gặp ông ấy".

Nhưng bây giờ, Andrew đã mất cái nếp chạy đến với Christine rồi. Trái lại, anh trầm ngâm suy nghĩ bên tờ "Diễn đàn", mừng là có dịp tiếp xúc với Stillman không phải trong cương vị bác sĩ phụ tá mà là một bác sĩ có phòng khám hẳn hoi ở phố Welbeck. Andrew cẩn thận đánh máy một bức thư gửi Stillman nhắc lại về mình và mời ông ta đến ăn trưa tại phòng ăn "Greenroom" ở khách sạn Plaza vào thứ tư.

Sáng hôm sau, Stillman gọi dây nói cho Andrew. Giọng ông nhẹ nhàng, thân mật, sôi nổi và rõ ràng.

- Chào bác sĩ Manson. Rất hân hạnh được nói chuyện với ông. Tôi rất vui mừng là chúng ta sẽ ăn trưa với nhau. Nhưng đừng ăn trưa tại khách sạn Plaza. Nó làm tôi phát ghét rồi. Ông lại dùng bữa trưa ở chỗ tôi có hơn không?

Andrew gặp Stillman trong phòng khách của ông tại khách sạn Brooks, một khách sạn đứng đắn, yên tĩnh khiến sự ồn ào của khách sạn Plaza phải hổ thẹn. Hôm đó là một ngày nóng nực, cả sáng Andrew lại phải vất vả xuôi ngược cho nên mới thoạt nhìn người chủ nhà, Andrew gần như ân hận là đã đến. Stillman khoảng năm mươi tuổi, dáng người gầy gò nhỏ nhắn, đầu to quá khổ, cằm lẹm. Nước da ông trắng hồng như da trẻ con, tóc lưa

thưa nhàn nhạt rẽ giữa. Chỉ đến khi Andrew nhìn đến đôi mắt, đôi mắt kiên định, xanh nhạt và lạnh như đá thì anh mới hiểu được và hầu như bị ngợp trước sức mạnh chứa trong thân hình mảnh khảnh này.

- Mong ông không thấy phiền là phải quá bộ đến đây. – Richard Stillman nói với giọng điềm đạm của người mà trong thiên hạ có nhiều kẻ muốn được dịp tiếp xúc. – Tôi biết người ta thường cứ tưởng dân Mỹ chúng tôi thích khách sạn Plaza – Ông mỉm cười, nụ cười của một con người chân thực – Nhưng chỉ có những kẻ tầm thường mới đến đó – Ông dừng lại một lát – Nay được gặp ông, tôi xin thực lòng ca ngợi ông về công trình nghiên cứu xuất sắc đề tài nhiễm bụi. Ông không bực với tôi về việc đã nêu lên với ông chất serecite chứ? Gần đây, ông nghiên cứu gì?

Hai người xuống phòng ăn. Người quản lý khách sạn đích thân ra phục vụ Stillman.

- Ông thích dùng gì? Tôi thì xin một cốc nước cam. – Stillman nhanh nhẩu nói, không nhìn vào bản thực đơn dài bằng tiếng Pháp – và xin hai miếng sườn cừu nấu đậu. Rồi cà-phê.

Andrew gọi những món cho mình rồi quay sang người bạn cùng bàn với một niềm kính nể mỗi lúc một tăng. Không thể ở cạnh Stillman lâu mà không nhận ra sức lôi cuốn của con người ông. Tiểu sử ông mà Andrew đã biết sơ qua cũng là một tiểu sử có một không hai.

Richard Stillman xuất thân trong một gia đình sống lâu đời ở bang Massachusetts, một gia đình có quan hệ với nghề luật tại Boston từ nhiều thế hệ nay. Mặc dầu thừa hưởng truyền thống ấy, anh thanh niên Stillman lại tỏ ra tha thiết với nghề y, và đến năm mười tám tuổi thì anh cuối cùng thuyết phục được cha anh cho phép anh theo học trường đại học Harvard để rồi đi vào ngành y. Stillman theo học chương trình khoa học ở trường này được ba năm thì cha anh đột ngột qua đời, để lại anh, mẹ anh, và người

em gái duy nhất của anh trong một tình cảnh khó khăn, túng thiếu.

Đến lúc đó, cần có người làm chỗ dựa cho gia đình nên cụ John Stillman, ông nội Richard, một mực bắt anh phải vào trường luật theo đúng truyền thống của dòng họ. Mọi lý lẽ đều vô ích – ông cụ là người không ai có thể lay chuyển được – và Richard buộc phải học để thi lấy một cái bằng về luật chứ không phải là một học vị y khoa mà anh mong muốn. Sau đó anh vào làm việc tại các văn phòng luật sư của những người trong họ Stillman tại Boston và sống bốn năm trong nghề này.

Tuy vậy, anh thanh niên Richard Stillman không để hết tâm trí vào nghề luật. Vi khuẩn học và đặc biệt là môn vi sinh vật đã lôi cuốn anh từ những ngày đầu đời sinh viên, và trong gian buồng sát mái của ngôi nhà gia đình tại Beacon Hill, Richard lập một phòng thí nghiệm nhỏ và dành tất cả thời gian rỗi của mình cho những môn học mà anh say mê. Gian phòng sát mái ấy thực tế là tiền thân của học viện Stillman. Richard không phải là một người làm việc tài tử. Trái lại, Richard không những tỏ ra rất thành thạo, khéo léo trong thực hành mà còn có tư chất thông minh hiếm có, gần như một thiên tài. Đến mùa đông năm 1908 sau khi Mary, người em gái mà Richard rất thương mến, chết rất nhanh vì bệnh phổi, Richard bắt đầu tập trung mọi sức lực của mình vào cuộc chiến đấu chống trực khuẩn lao. Richard tìm hiểu những công trình ban đầu của Pierre Louis và môn đệ người Mỹ của Louis là James Jackson con. Việc nghiên cứu công trình cả đời người của Laennec về khoa chẩn đoán đã đưa Richard đến chỗ nghiên cứu sinh lý các lá phổi. Richard sáng chế ta một kiểu ống nghe mới. Với các thiết bị hạn chế có trong tay, Richard bắt đầu tìm cách điều chế huyết thanh máu.

Năm 1910, khi cụ John Stillman qua đời thì Richard, cuối cùng đã tìm ra cách chữa khỏi bệnh lao ở chuột lang. Hai sự kiện đồng thời ấy đem lại ngay một kết quả: bà mẹ Richard từ lâu vẫn bằng

lòng để con theo đuổi khoa học nên Richard đã dễ dàng được thôi việc ở văn phòng luật sư Boston; với tài sản thừa hưởng của ông nội, Richard mua lại một trang trại ở gần Portland, bang Oregan, tại đó ông lao ngay tức khắc vào công việc thực sự của đời ông.

Biết bao nhiêu năm tháng quý báu đã bị bỏ phí rồi nên Richard Stillman không thi lấy bằng y nữa, ông muốn sớm có những bước tiến, những kết quả. Ít lâu sau, ông điều chế được một loại huyết thanh từ loài ngựa hồng và thành công trong việc dùng một loại vắc-xin của bò miễn dịch hàng loạt cho một đàn bò Jersey. Đồng thời ông ứng dụng những điều quan sát cơ bản của Helmholtz, Willard Gibbs ở Yale và của các nhà vật lý như Bisaillon và Zinks trong việc dùng liệu pháp bất động điều trị phổi tổn thương. Rồi từ đó, ông lao thẳng vào trị liệu học.

Công việc điều trị của ông tại Viện nghiên cứu mới chẳng bao lâu làm ông trở thành nổi tiếng với những thắng lợi lớn hơn những kết quả mà ông thu được trong phòng thí nghiệm. Bệnh nhân lao của ông là nhiều người đã đi hết nhà điều dưỡng này đến nhà điều dưỡng khác và bị coi là không thể chữa nổi. Khi ông điều trị khỏi những ca bệnh ấy thì lập tức trong ngành y có những lời dèm pha, tố cáo, và chống đối ông kiên quyết.

Lúc bấy giờ bắt đầu với Stillman một cuộc đấu tranh khác lâu dài hơn, đấu tranh cho những công trình của mình được công nhận. Ông đã đem hết của cải tiền bạc của mình bỏ vào việc xây dựng Viện nghiên cứu. Ông ghét quảng cáo và cưỡng lại mọi lời dụ dỗ dùng các công trình của ông vào mục đích thương mại. Nhiều khi tưởng chừng những khó khăn vật chất và sự chống đối gay gắt mà ông vấp phải làm ông chùn bước. Tuy nhiên, với lòng dũng cảm tuyệt vời, Stillman đã vượt qua mọi khủng hoảng, vượt qua được cả một chiến dịch chống ông trên mặt báo trong cả nước.

Thời kỳ xuyên tạc rồi sau qua đi, những cuộc luận chiến kịch liệt dịu bớt. Dần dần, những kẻ đối lập với Stillman đã phải miễn cưỡng công nhận ông. Năm 1928, một uỷ ban ở Washington đã

đến thăm viện nghiên cứu Stillman và gửi về một báo cáo nồng nhiệt nói về hoạt động của Viện này. Từ đó, Stillman bắt đầu nhận được tiền quyên cúng của các cá nhân, các ban quản trị các công ty, và cả các tổ chức công cộng nữa. Ông dùng tiền ấy vào việc mở mang và hoàn thiện Viện nghiên cứu. Với những trang bị đầy đủ, hiện đại, với đàn gia súc Jersey và đàn ngựa thuần giống Ireland nuôi để lấy huyết thanh, Viện đã trở thành một nơi tham quan của bang Oregan.

Stillman chưa phải đã hết kẻ thù: chẳng hạn năm 1929, những lời kêu ca bịa đặt của một nhân viên phòng thí nghiệm bị sa thải lại làm dấy lên một thời kỳ ầm ỹ nữa. Nhưng ít nhất, Stillman đã được an tâm tiếp tục sự nghiệp của đời mình mà không sợ bị ai gây khó dễ. Thắng lợi không làm ông thay đổi, ông vẫn là con người điềm đạm khiêm tốn trước kia, con người cách đây gần hai mươi năm đã tiến hành những mẻ nuôi cấy vi khuẩn đầu tiên của mình trong một gian phòng sát mái ở Beacon Hill.

Và bây giờ, tại phòng ăn khách sạn Brooks, Stillman chuyện trò với Andrew bằng một giọng từ tốn, thân tình.

- Tôi rất thích sống ở Anh. Tôi yêu mến thôn quê nước ông. Mùa hè bên chúng tôi không được mát mẻ như ở đây.

- Ông sang đây chắc có một đợt thuyết trình?

Stillman mỉm cười:

- Ồ, không đâu. Tôi bây giờ không đi thuyết trình nữa. Bảo rằng để cho các kết quả tôi đã thu được thuyết trình hộ tôi, không biết có quá hợm hĩnh không? Sự thực là tôi sang đây rất lặng lẽ. Do một chuyện tình cờ: ông Cranston của các ông – tôi muốn nói Herbert Cranston, người chế tạo ra những chiếc xe hơi nho nhỏ tuyệt diệu ấy – cách đây một năm có đến thăm tôi ở bên Mỹ. Ông ta bị hen từ nhỏ, và tôi… tại Viện nghiên cứu, chúng tôi đã chữa cho ông ta khỏi. Từ đó, ông ta cứ thúc giục tôi sang đây dựng một bệnh xá nhỏ theo kiểu bệnh viện của chúng tôi ở Portland.

Sáu tháng trước, tôi đã nhận lời. Chúng tôi đã thông qua các kế hoạch và nay cái cơ sở đó – chúng tôi đặt tên là Bellevue – sắp hoàn thành, nằm ở Chilterns, gần Higs Wycombe. Tôi đến khánh thành rồi chuyển giao lại cho Marland, một phụ tá của tôi. Thành thật mà nói, tôi coi đây là một thể nghiệm, một cuộc thể nghiệm nhiều hứa hẹn các phương pháp của tôi, đặc biệt là nhìn từ giác độ khí hậu và chủng tộc. Khía cạnh tài chính không quan trọng.

Andrew nhô người về phía trước:

- Nghe hấp dẫn quá. Ông chủ yếu tập trung vào mặt gì? Tôi muốn được đến thăm cơ sở của ông.

- Ông nên để đến khi chúng tôi hoàn thành xong xuôi hẵng đến. Chúng tôi sẽ có một chế độ điều trị triệt để bệnh hen. Cranston muốn vậy. Ngoài ra, tôi còn điều trị một ít trường hợp sơ nhiễm lao. Tôi nói một ít là bởi vì – Stillman cười tủm tỉm – xin ông nhớ cho, tôi không quên tôi chỉ là một nhà sinh-vật lý học, chỉ biết võ vẽ về bộ máy hô hấp. Nhưng ở Mỹ, cái khó đối với chúng tôi lại là tránh để cho mình bị ngập đầu vì quá nhiều bệnh nhân. Tôi đang nói về cái gì nhỉ? À, phải, những ca sơ nhiễm lao. Vấn đề này chắc làm ông quan tâm. Tôi có một phương pháp bơm khí màng phổi mới. Một bước tiến thực sự.

- Ông muốn nói đến phương pháp Emile-Weil?

- Không, không. Tốt hơn nhiều. Không có nhược điểm về áp lực âm. – Gương mặt Stillman sáng lên – Ông đã biết nhược điểm của loại máy có chai khí đặt cố định rồi chứ gì? Khi áp lực trong màng phổi cân bằng với áp lực của chất lỏng thì dòng khí ngừng hẳn lại. Bây giờ, tại Viện nghiên cứu, chúng tôi thiết kế được một buồng áp lực phụ – tôi sẽ giới thiệu với ông khi ông đến thăm – qua đó, chúng tôi có thể bơm khí vào ở một áp lực âm nhất định, ngay từ đầu.

- Nhỡ tắc mạch khí thì sao?

- Chúng tôi đã loại trừ hoàn toàn nguy cơ ấy. Thế này nhé. Một mẹo rất đơn giản. Lắp một cái áp kế bromoform nhỏ ở sát mũi kim, chúng tôi tránh được hiện tượng loãng khí. Một sự xê dịch 14 cen-ti-mét chỉ làm thay đổi có 1 cen-ti-mét khối khí ở mũi kim. Nhân đây xin nói thêm, kim của chúng tôi có bốn rãnh, như vậy là tốt hơn kim của Sangman.

Tuy là bác sĩ của bệnh viện Victoria, Andrew vẫn có một ấn tượng mạnh mẽ, mặc dầu trái với lòng mình.

- Nếu thế thì ông sẽ giảm khả năng gây sốc màng phổi xuống con số không. Ông Stillman ạ, chắc ông biết… ờ kể cũng lạ, tôi rất ngạc nhiên là tất cả những điều đó lại do ông tìm ra. Ấy, xin lỗi, tôi nói không khéo, nhưng chắc ông hiểu ý tôi… tôi muốn nói là tuy vậy, biết bao nhiêu bác sĩ hiện nay vẫn tiếp tục sử dụng những máy móc cũ.

- Ông bạn bác sĩ thân mến – con mắt Stillman nheo nheo với vẻ thích thú – chớ nên quên rằng Carson, người đầu tiên đề nghị dùng biện pháp bơm khí màng phổi, chỉ là một người viết sách sinh lý học.

Sau đó, hai người đi vào các vấn đề kỹ thuật. Họ thảo luận với nhau về thủ thuật bóc đỉnh phổi và cắt dây hoành, tranh luận với nhau về bốn điểm của Brauer rồi chuyển sang liệu pháp bơm dầu màng phổi và công trình của Bernon ở Pháp – bơm với khối lượng cao vào màng phổi. Họ chỉ dừng lại khi Stillman nhìn đồng hồ, khẽ kêu một tiếng vì thấy quá giờ hẹn với Cranston nửa giờ.

Andrew rời khách sạn Brooks với một tâm trạng kích động và phấn chấn. Nhưng liền ngay sau đó lại diễn ra một phản ứng kỳ quặc: anh thấy ngượng và không hài lòng về công việc của mình. Mình đã để cho ông già ấy lôi cuốn mình, chinh phục mình. – Andrew khó chịu tự nhủ.

Andrew không thật vui khi về đến phố Chesborough. Tuy vậy, lúc đỗ xe trước cửa nhà, anh tạo cho mình một vẻ mặt lãnh đạm.

Quan hệ giữa anh và Christine đã xấu đi đến chỗ đòi anh phải có một bộ mặt hững hờ đó, vì vậy bây giờ nàng bày ra với anh một gương mặt rất đỗi nhẫn nhục và không thần sắc đến nỗi tuy có lúc anh tức điên người nhưng bề ngoài vẫn cứ phải đáp lại bằng một vẻ mặt giống nàng.

Andrew có cảm tưởng Christine đã thu mình lại, biệt lập trong một cuộc sống nội tâm mà anh không len vào được. Nàng đọc rất nhiều, nàng viết thư. Một đôi lần, Andrew về nhà thấy nàng đang chơi với cô bé Florrie những trò chơi trẻ con với những mảnh gỗ màu mua ở cửa hàng bách hoá. Nàng cũng đã bắt đầu đều đặn nhưng kín đáo đi lễ nhà thờ. Đó là điều làm Andrew điên tiết nhất.

Blaenelly, chủ nhật nào Christine cũng cùng với bà Vaughan đi lễ nhà thờ xứ, nhưng hồi bấy giờ Andrew thấy không có gì đáng phàn nàn. Nhưng nay, hai người xa cách và không hoà thuận với nhau, Andrew thấy đó chỉ là thêm một hành động coi thường anh, một cử chỉ sùng đạo chọc tức con người anh đang đau khổ.

Tối nay, lúc Andrew bước vào phòng ngoài thì Christine đang ngồi một mình, dáng người nhỏ bé, khuỷu tay tì lên bàn, mắt đeo đôi kính cận thị mà ít lâu nay nàng đã phải dùng, trước mặt đặt một quyển sách, chăm chú như một cô học trò ngồi học bài. Thấy nàng không để ý gì đến mình, Andrew bỗng nổi nóng. Anh vòng tay qua vai nàng cầm lấy quyển sách mà nàng định dấu đi nhưng không kịp. Anh đọc ở đầu trang: Kinh phúc âm theo thánh Luke.

- Cha mẹ ơi! – Andrew kinh ngạc, hơi cáu. – Đến nước này à? Ngồi học kinh thánh à?

- Thì có sao? Em vẫn đọc từ hồi chưa quen biết anh.

- Thế cơ à?

- Vâng – Mắt nàng biểu lộ một nỗi đau đớn lạ lùng – Có lẽ những người bạn của anh ở khách sạn Plaza thì không thích. Nhưng ít ra đây cũng là quyển sách lành mạnh.

- À, ra thế! Này, xin nói để cô biết, nếu như cô không biết: cô đang trở thành một con mụ loạn thần kinh gớm ghiếc rồi đấy.

- Rất có thể. Điều đó nữa cũng hoàn toàn là tại em. Nhưng em xin nói để anh biết, em là một mụ đàn bà loạn thần kinh gớm ghiếc nhưng linh hồn được cứu rỗi còn hơn là một người đàn ông giàu sang ghê gớm đấy nhưng… linh hồn đã chết!

Christine bỗng im bặt, cắn môi, cố ghìm nước mắt. Nàng cố hết sức giữ bình tĩnh.

Nhìn thẳng vào Andrew, con mắt đau khổ, giọng nho nhỏ nghẹn ngào, nàng nói:

- Anh Andrew! Anh có thấy tốt nhất cho cả hai người là em nên vắng nhà một thời gian không? Bà Vaughan có viết thư mời em về chơi hai ba tuần với bà ấy. Họ vừa mới thuê được một ngôi nhà ở Newquay để nghỉ hè. Anh có thấy là em nên đi không?

- Ừ, thì đi… Đi cho xong.

Nói đoạn, Andrew quay mặt bỏ ra ngoài.

XII

Christine đi Newquay khiến cho Andrew cảm thấy nhẹ người, khoan khoái như được giải phóng – trong ba ngày tròn. Sau đó anh bắt đầu hậm hực, tự hỏi thầm không biết bây giờ nàng đang làm gì và có nhớ anh không, băn khoăn và tức tối không biết bao giờ nàng mới về. Dù anh có tự nhủ bây giờ anh là một con người tự do anh vẫn có cái cảm giác thiếu thốn đã từng khiến anh không làm việc được hồi ở Blaenelly khi nàng đi Bredlington để anh ở nhà một mình chuẩn bị cho kỳ thi.

Hình ảnh nàng hiện lên trước mắt anh, không phải hình ảnh cô gái Christine trẻ trung tươi mát trước kia mà là một gương mặt xanh xao hơn, già hơn, đôi má hơi hóp lại, đôi mắt cận thị đằng sau cặp kính tròn. Không phải là một gương mặt xinh đẹp mà là

một gương mặt có một vẻ nhẫn nhục chịu đựng, và vẻ mặt ấy cứ ám ảnh anh.

Andrew đi chơi rất nhiều, đánh bridge với Ivory, Deedman và Hamson tại câu lạc bộ. Sau buổi gặp gỡ đầu tiên, tuy ở anh có một phản ứng song Andrew vẫn thường xuyên đến chỗ Stillman. Ông này hiện cứ đi đi về về giữa khách sạn Brooks và bệnh xá Bellevue sắp hoàn thành. Andrew viết thư mời Denny lên chơi với anh tại Luân Đôn, nhưng vì mới nhận việc nên Denny không thể nào ra thăm Andrew. Còn Hope ở Cambridge thì không sao bắt liên lạc được.

Nhiều lần, Andrew cố đắm mình vào công việc nghiên cứu tại bệnh viện nhưng không nổi. Anh quá bồn chồn. Với cũng tâm trạng bồn chồn ấy, Andrew đến gặp ông Wade, giám đốc ngân hàng, để kiểm tra lại số tiền gửi của anh. Rất đáng hài lòng, tốt đẹp cả. Anh bắt đầu vạch kế hoạch mua hẳn một ngôi nhà ở phố Welbeck – phải bỏ ra khá nhiều tiền nhưng sẽ rất có lợi – rồi bán lại ngôi nhà ở phố Chesborough, chỉ giữ lại có phòng khám ở mé nhà thôi. Một công ty mua bán nhà cửa sẽ giúp anh việc này. Nhiều đêm nóng bức, anh bừng tỉnh dậy, trong đầu ung dung những kế hoạch và những công việc xoay quanh đám khách bệnh, thần kinh mệt mỏi, nhớ Christine, luôn tay với bao thuốc lá trên bàn ngủ.

Giữa tình hình ấy, Andrew gọi dây nói cho Frances Lawrence.

- Hiện nay tôi đang ở đây có một mình. Frances có định đi chơi đâu tối nay không? Ở Luân Đôn nóng kinh người.

Giọng nói khoan thai của nàng sao dịu dàng mơn trớn lạ lùng đối với anh.

- Thế thì tuyệt quá! Frances đang mong chờ anh gọi dây nói đến nhà. Anh có biết Crossways không? Sợ là đèn ở đấy hơi sáng quá. Nhưng con sông thì mê ly.

Tối hôm sau, Andrew giải quyết xong một số bệnh nhân ở phòng khám trong có bốn mươi nhăm phút. Chưa đến tám giờ, anh đã đến đón Frances tại Knightbridge và cho xe chạy về hướng Chertsey.

Chiếc xe bon bon về phía tây qua các ruộng rau ở ngoài Staines trong ánh ráng đỏ rực rỡ của buổi hoàng hôn. Frances ngồi cạnh anh trong khi anh lái, không nói gì nhiều, nhưng sự có mặt duyên dáng khác lạ của nàng vẫn đầy ắp không gian trong xe. Nàng mặc áo và váy may bằng một thứ hàng mỏng màu vàng nâu, chiếc mũ nâu sẫm ôm sát khuôn mặt nhỏ nhắn. Andrew bị ngợp trước dáng vẻ yêu kiều hết mực thanh cao của nàng. Bàn tay để trần đặt gần anh nói lên đầy đủ vẻ đẹp quý phái ấy: những ngón một hình bầu dục đỏ sẫm đáng yêu. Đài các, cao sang vô cùng!

Như Frances nói, Crossways là một toà nhà mỹ lệ xây dựng theo kiến trúc thời đại Elizabet, nằm giữa một khu vườn tuyệt đẹp bên bờ sông Thames với những cây cảnh xén sửa theo kiểu cổ xưa và những mảnh hồ sen xinh xắn, nhưng tất cả đã bị uế tạp vì những tiện nghi hiện đại và một dàn nhạc thô bỉ đã chuyển toà lâu đài này thành khách sạn. Chiếc xe của hai người vừa lăn vào đến sân thì có ngay một gia nhân giả trang chạy ra đón. Trong sân đã đầy những loại xe sang trọng. Gạch men cổ ốp ngoài những mảnh tường xung quanh sân lấp loáng sau những cây nho leo và những ống lò sưởi gãy khúc cao lêu đêu nhô lên trời.

Họ bước vào phòng ăn. Gian phòng lịch sự đầy ắp người, bàn kê xung quanh một khu để trống hình vuông, sàn gỗ đánh xi bóng lộn. Người quản lý khách sạn ở đây cũng có cùng một dáng dấp như viên đại thần ở khách sạn Plaza. Andrew rất ghét những tay quản lý khách sạn và kiềng mặt họ. Nhưng nay anh mới hiểu ra đó là vì anh chưa bao giờ cùng với một người phụ nữ như Frances đến gặp họ. Chỉ liếc nhanh một cái là hai người được kính cẩn đưa đến một chiếc bàn ở vào vị trí tốt nhất trong phòng rồi một tốp

người hầu bàn xúm ngay lại, trong đó một người khúm núm giở chiếc khăn ăn của Andrew giải ra trên đầu gối anh.

Frances không gọi gì mấy: một đĩa rau trộn, bành mì lát mỏng nướng ròn kiểu Melba, không rượu, chỉ gọi nước đá. Sắc mặt không thay đổi, người quản lý hình như lại coi sự thanh đạm này là một nét xác nhận địa vị xã hội của nàng. Andrew giật mình hoảng hồn nhận thức rằng nếu anh đi cùng với Christine vào nơi thánh đường này mà gọi những món ăn hèn mọn ấy thì chắc người ta đã khinh bỉ xua anh ra đường rồi.

Khi bình tâm lại, Andrew thấy Frances mỉm cười với anh.

- Anh có biết không, chúng mình quen nhau đã khá lâu rồi mà đây mới là lần đầu anh mời em đi chơi với anh.

- Frances có ân hận không?

- Không ân hận nhiều, chắc thế.

Một lần nữa, vẻ thân mật quyến rũ trên gương mặt hơi cười cười của nàng lại nâng con người anh lên, làm anh thấy mình tài hoa hơn, sang trọng hơn và cũng thoải mái hơn. Tuyệt nhiên không có chút nào hợm hĩnh, kênh kiệu lố bịch. Phong thái lịch sự quý phái của nàng như tỏa sang anh, bao trùm lấy anh. Andrew nhận thấy con mắt chăm chú của những khách ăn ở các bàn bên nhìn hai người, vẻ khâm phục của đám mày râu mà Frances tỏ ra hết sức dửng dưng. Anh không khỏi hình dung những say sưa sẽ đến với anh trong quan hệ lâu dài với nàng.

Frances nói:

- Không biết em có làm anh hợm mình không nếu em nói em đã bỏ một buổi đi xem kịch đã nhận lời để đến đây? Nicol Watson – anh còn nhớ ông ta không nhỉ? Ông ấy mời em đi xem vũ kịch, một trong những thứ mà em thích nhất… anh nghĩ thế nào về sở thích trẻ con ấy của em? … Massine hôm nay biểu diễn trong vở "Cửa hàng kỳ quái".

- Còn nhớ chứ, Watson và cuộc hành trình của ông ta qua Paraguay. Một con người tài ba.

- Ông ấy khéo ghê lắm.

- Nhưng chắc vì Frances cảm thấy ở rạp hát quá nóng chứ gì?

Nàng đáp lại bằng một nụ cười, không nói, rút ra một điếu thuốc lá trong hộp thuốc mỏng tráng men, bên ngoài vẽ thu nhỏ một bức tranh màu nhạt tuyệt diệu của Boucher [1].

- Có, tôi có nghe nói Watson theo đuổi Frances – Andrew nói tiếp, giọng bỗng mạnh lên – chồng Frances nghĩ thế nào về chuyện ấy?

Nàng vẫn không nói, chỉ hơi cau trán như trách nhẹ một thái độ thiếu tế nhị.

Giây lát sau nàng nói:

- Chắc anh hiểu chứ? Anh Jack và em rất hoà thuận với nhau. Song mỗi người có những bạn bè riêng. Anh ấy hiện đang đi chơi ở vịnh Juan, nhưng em không hỏi anh ấy đến đấy làm gì. – Rồi nàng nhỏ nhẹ – Chúng mình ra nhảy nhé… chỉ một bài thôi.

Hai người ra nhảy. Frances di động cũng với dáng yêu kiều quyến rũ lạ thường đó; nàng nhẹ lâng lâng trong cánh tay Andrew, như không còn là một người bằng xương bằng thịt nữa.

- Tôi nhảy không được giỏi – Andrew bảo khi hai người trở về chỗ ngồi. Anh đã đi đến chỗ rập theo cả cách nói của Frances… Đã qua rồi, qua rồi cái thời mà anh làu bàu: "Mẹ kiếp, Chris, anh không phải là một tay giỏi nghề múa may quay cuồng".

Frances không đáp. Cả sự im lặng ấy, Andrew cũng cảm thấy là điều đặc biệt của riêng nàng. Người phụ nữ khác thì đã khăng khăng bác lại, khen là anh nhảy giỏi, mà chính ra thế lại làm anh lúng túng, ngượng nghịu. Bỗng tò mò, Andrew tự hỏi:

[1] Boucher (1703-1770): họa sĩ Pháp

- Frances cho tôi biết điều này nhé. Tại sao Frances lại tốt với tôi thế? Lại giúp đỡ tôi như Frances đã làm… trong suốt mấy tháng qua.

Frances nhìn Andrew với vẻ hơi thích thú, nhưng nàng không lẩn tránh câu hỏi.

- Anh có một sức lôi cuốn lạ thường đối với phụ nữ. Và cái quyến rũ nhất ở anh là anh không biết mình có sức lôi cuốn ấy.

- Ấy, không, thực ra… – Andrew ấp úng bác lại, đỏ mặt, rồi lí nhí - Tôi mong rằng tôi còn có vẻ là một bác sĩ nữa chứ.

Frances bật cười khanh khách, tay nhẹ nhàng xua làn khói thuốc lá:

- Anh sẽ không tin. Hoặc lẽ ra em không nên nói cho anh biết. Cố nhiên, anh là một bác sĩ rất giỏi. Mới tối hôm kia, ở phố Green có bàn về anh. Le Roy bắt đầu hơi chán cái ông chuyên gia chế độ ăn uống của công ty rồi. Tội nghiệp Rumbold. Ông ta hẳn phải đau khổ lắm nếu được nghe Le Roy gầm lên: "Chúng ta phải cho ra rìa lão già ấy!" Và anh Jack cũng đồng ý. Họ muốn đưa vào trong ban quản trị công ty một người trẻ hơn, năng nổ hơn – có nên dùng một hình ảnh đã nhàm không nhỉ – "một người có triển vọng". Hình như họ dự định mở một đợt quảng cáo rầm rộ trên các chuyên san y học. Họ thực sự muốn làm cho giới y học chú ý về… phương diện khoa học, như Le Roy nói. Rumbold thì dĩ nhiên đã bị các đồng nghiệp của anh ta coi như một anh hề, không hơn không kém. Ơ kìa, em nói lảm nhảm những gì mãi. Làm hoài phí cả một đêm như đêm nay. Nào, anh đừng có cau mày như sắp sửa giết em, hay giết người hầu bàn hoặc người nhạc trưởng không bằng. Thực ra, em mong anh đập chết hắn ta đi cho rồi, hắn ta thô bỉ quá… Trông anh giống hệt hôm đầu tiên ấy, hôm anh đến phòng thử áo, hết sức kiêu kỳ, hãnh diện và luống cuống… hơi lố bịch nữa. Lại còn… tội nghiệp Toppy! Theo lẽ thường, lẽ ra hôm nay cô ấy phải ở đây mới phải.

- Tôi mừng là không có cô ấy. – Andrew nói, mặt cúi gằm.

- Xin anh đừng cho em là tầm thường. Em không chịu nổi đâu. Chúng mình là những người khá thông minh, em mong vậy… và chúng mình… hay ít ra là em… không tin ở chuyện có những "mối tình lớn". Nói thế không biết có đúng không. Nhưng em nghĩ cuộc đời sẽ tươi vui hơn nhiều nếu ta có… một người bạn… cùng đi với nhau một đoạn đường. – Trong con mắt nàng lại có những chấm sáng riễu cợt nhấp nháy – Em nói đặc giọng Rossetti [1] nhỉ, thế thì đáng sợ quá. – Nàng cầm lấy hộp thuốc lá – Ở đây hơi ngột ngạt, anh ạ, em muốn anh ra nhìn trăng lên trên sông.

Andrew trả tiền rồi đi theo Frances qua chiếc cửa lớn bằng kính mà những kẻ phá hoại các công trình văn hoá lịch sử đã đang tâm đục vào chiếc tường đẹp cổ kính này. Ngoài thềm có hàng lan can bao quanh, vọng ra tiếng nhạc nhè nhẹ của dàn nhạc nhảy. – Trước mắt họ là một lối đi rộng trồng cỏ chạy xuống bờ sông giữa hai hàng thuỷ tùng xén tỉa đen sẫm. Đúng như Frances nói, ánh trăng chiếu xuống rặng thủy tùng đổ thành những bóng dài và phản chiếu yếu ớt trên một dãy bia tập bắn cắm ở cuối bãi cỏ. Xa xa là mặt sông trông như dát bạc.

Hai người đi bộ xuống tận ven sông. Họ ngồi trên một chiếc ghế dài đặt ở ngay mé nước, Frances bỏ mũ xuống, im lặng nhìn dòng nước lờ lững, tiếng rì rầm muôn thuở của nó hoà lẫn với tiếng ù ù xa xa của một chiếc xe hơi khoẻ nào đó phóng nhanh.

Frances thì thào:

- Tiếng đêm mới huyền ảo làm sao!… Cái cổ xưa và cái hiện đại… Ánh đèn pha chiếu qua ánh trăng. Thời đại của chúng mình đó.

Andrew đặt một cái hôn lên môi nàng. Nàng không cử động. Đôi môi nàng khô và ấm.

Một lát sau, nàng bảo:

[1] D.G. Rossetti (1828-1882): họa sĩ và nhà thơ người Anh gốc Ý, có những bài thơ phóng đãng.

- Rất ngọt ngào… Và rất kém.

- Anh có thể làm lại khá hơn. – Andrew lẩm bẩm, mắt cứ đăm đăm nhìn về phía trước, người ngồi ngay như tượng. Andrew vụng về, mất tự tin, ngượng nghịu và luống cuống. Tức mình, anh tự bảo thầm: ngồi ở đây vào một đêm như đêm nay, với một phụ nữ duyên dáng quyến rũ như thế này thì thật là tuyệt diệu. Theo quy tắc của các đêm trăng và những điều viết trong sách thì lẽ ra anh phải điên cuồng, ôm ghì lấy nàng. Nhưng đằng này anh lại thấy chân tay cứng đờ cử động không được, lại muốn hút thuốc và cảm thấy bụng đầy anh ách vì những món ăn khi nãy.

Và không hiểu sao, gương mặt Christine lại hiện ra trên mặt nước trước mặt anh, một gương mặt mệt mỏi, phiền muộn, trên má rầu rĩ một vệt sơn dây ra từ chiếc chổi sơn nàng dùng để sơn lại những cánh cửa gấp nặng nề hồi hai vợ chồng mới dọn đến Chesborough. Hình ảnh ấy làm cho Andrew thấy phiền lòng và đâm ra bực bội. Anh đến đây là do hoàn cảnh bắt buộc. Và anh là một con người, chứ không ư, đâu phải là kẻ muốn trở thành một Voronoff. Với dáng điệu ngang ngạnh, bất cần, anh hôn Frances lần nữa.

Con mắt người đàn bà trẻ vẫn có cái vẻ thích thú, cười cợt và âu yếm:

- Em đã tưởng dễ anh phải mất mười hai tháng mới quyết định được… Bây giờ, bác sĩ đã thấy là ta nên về chưa. Không khí ban đêm này… nó há chẳng là nguy hiểm cho tâm trí người Thanh giáo hay sao?

Andrew đỡ nàng đứng lên. Frances giữ lấy tay anh, nắm nhè nhẹ tay anh khi hai người cùng ra xe. Anh quẳng một đồng si-linh cho người trông xe ăn mặc giả trang, nổ máy cho xe chạy về Luân Đôn. Trên đường về, sự im lặng của Frances cho thấy rõ nàng sung sướng.

Nhưng Andrew thì không sung sướng. Anh cảm thấy mình bỉ ổi và ngu ngốc. Tự căm ghét mình, thất vọng trước những phản ứng của mình, Andrew lo sợ nghĩ đến lúc anh phải trở về gian phòng ngột ngạt của mình, chiếc giường trơ trọi mà anh sẽ không thể nào ngủ yên được trên đó. Tim anh lạnh giá, đầu óc anh đầy những ý nghĩ dằn vặt, giằng xé. Trước mắt anh lại hiện ra hình ảnh dịu dàng của mối tình đầu giữa anh và Christine, niềm hạnh phúc ngây ngất rộn ràng của buổi ban đầu ấy ở Blaenelly. Anh xua mạnh những hình ảnh đó khỏi đầu.

Xe đỗ trước nhà Frances mà trong óc anh vẫn còn đang đấu tranh với vấn đề này. Anh bước xuống đường, mở cửa xe cho Frances. Hai người đứng bên nhau trên vỉa hè trong khi Frances mở ví lấy chìa khoá.

- Anh lên nhà chứ? Em chắc bọn người hầu đi ngủ cả rồi.

Andrew ngập ngừng, lắp bắp:

- Khuya lắm rồi nhỉ.

Dường như không nghe thấy lời anh, nàng cứ bước lên mấy bậc cửa, tay cầm chìa khoá. Len lén bước theo sau nàng, Andrew thấy hiện ra lờ mờ trước mắt hình ảnh Christine cầm chiếc túi lưới đi chợ.

XIII

Ba hôm sau, một buổi chiều nóng nực, Andrew ngồi trong phòng khám bệnh của anh ở phố Welbeck. Tiếng ồn ào khó chịu của xe cộ đi lại bên ngoài theo không khí oi bức lọt vào trong nhà qua tấm màn che ở cửa sổ để ngỏ. Andrew mệt mỏi vì làm việc quá sức. Anh lo sợ ngày về của Christine vào cuối tuần, nhưng vẫn phấp phỏng mong đợi tiếng chuông điện thoại. Anh mướt mồ hôi vì phải giải quyết cho xong sáu bệnh nhân ba ghi-ni trong vòng một giờ và biết rằng sau đó lại phải thanh toán thật nhanh số bệnh nhân đang đợi ở phòng khám cũ để còn đưa Frances đi ăn

tối. Andrew nóng nảy ngẩng đầu lên khi chị y tá Sharp bước vào, vẻ mặt cau có hơn bình thường.

- Ở ngoài kia có một con người đến hỏi ông. Thật là một con người quái gở, không phải bệnh nhân mà lại bảo cũng không phải khách du lịch. Cũng không có thẻ đăng ký chữa bệnh. Tên là Boland.

- Boland à? – Andrew hững hờ nhắc lại, rồi gương mặt anh bỗng sáng lên – Con Boland à? Chị mời ông ấy vào đây, vào ngay.

- Nhưng có một bệnh nhân đang chờ. Và mười phút nữa thì bà Robert…

- Mặc xác bà Robert – Andrew bực tức quát – Làm như tôi bảo.

Chị Sharp nóng mặt khi nghe giọng đó. Chị toan bảo cho Andrew biết chị không quen nghe những giọng như vậy, nhưng chị chỉ chun mũi khịt khịt rồi ngẩng cao đầu đi ra. Một phút sau, Boland vào.

- Kìa Con! – Andrew nói, bật đứng dậy.

- Chào cậu, xin chào, xin chào! – Con Boland reo, lao người về phía trước, nhe răng cười toe toét vui vẻ. Đúng là ông nha sĩ tóc hung, trông vẫn như xưa, không sai một tí nào, vẫn nhem nhuốc trong bộ quần áo xanh bóng nhẫy rộng quá khổ và đôi ủng nâu to tướng như vừa mới ở trong nhà xe bằng gỗ bước ra. Có lẽ có hơi già hơn một đôi chút, nhưng hàng ria hung hung đỏ vành bàn chải không bớt hung hăng, vẫn có vẻ bướng bỉnh nghênh ngang, tóc vẫn rối bù và vẫn ăn nói oang oang – Boland vỗ thùm thụp vào lưng Andrew. – Manson! Nói có quỷ thần chứng giám, gặp lại cậu, mình thật là mừng. Trông cậu oai lắm, oai lắm. Nhưng giữa hàng triệu người mình cũng nhận ra cậu ngay. Chà! chà! Xem nào… chỗ của cậu ở đây chúa thật – Boland quay con mắt tươi hơn hớn sang gương mặt quạu có của chị Sharp đang khinh khỉnh đứng nhìn – Bà này, bà y tá của cậu ấy, đang định không cho mình vào. Mãi đến khi mình bảo mình cũng là người trong ngành

y đây thì mới vào được. Sự thật đúng là như vậy, bà ạ. Anh chàng bảnh choẹ mà bà giúp việc đây là người cùng hội cùng thuyền với tôi cách đây không lâu, ở Aberalaw. Khi nào bà đi đâu qua đấy, mời bà rẽ vào chơi thăm mẹ cháu, tôi sẽ hân hạnh mời bà chén trà. Bạn bè nào của ông bạn Manson, chúng tôi đều ân cần đón tiếp.

Chị Sharp lườm Boland một cái rồi bỏ đi. Nhưng Boland nào có để ý, anh cứ thở phì phò, cười nói bô bô, một niềm vui tự nhiên trong trẻo. Anh quay sang nói với Andrew:

- Không đẹp, có phải không cậu. Nhưng dám chắc là một người đàn bà đúng mực… Tốt! Tốt! Tốt lắm. Cậu dạo này ra sao hả Manson?

Boland không chịu buông bàn tay Andrew ra mà cứ cầm lấy lắc lên lắc xuống như một cái cần bơm nước, toác miệng cười hể hả.

Trong cái ngày chán chường này gặp lại Con Boland đối với Andrew như một liều thuốc bổ hiếm. Mãi sau, rút được tay ra, Andrew ngồi phịch xuống chiếc ghế xoay, cảm thấy mình trở lại là mình. Anh đẩy hộp thuốc lá về phía Boland. Một ngón tay cái cáu bẩn thọc vào trong túi áo, tay kia bóp bóp đầu ướt điếu thuốc vừa mới châm. Con Boland trình bày sơ lược lý do ra chơi của anh.

- Mình được nghỉ vài ngày, cậu ạ, và có hai ba việc phải giải quyết. Thế là vợ mình mới bảo mình sửa soạn hành lý rồi lên đường. Chả là mình có một sáng kiến căng lại lò xo cho những bộ phanh bị chùng. Mình đã để toàn bộ đầu óc của mình vào việc này. Nhưng, khỉ gió, chẳng ma nào thèm để ý đến sáng kiến của mình. Nhưng thôi, kệ xác nó… cái đó không quan trọng bằng vấn đề này. – Boland vẩy tàn thuốc xuống thảm, mặt nghiêm trang hơn – Manson, cậu ạ. Đó là chuyện Mary. Chắc cậu còn nhớ Mary chứ, mình cam đoan nó thì nó nhớ cậu lắm! Dạo này, nó không được khoẻ, không được bình thường. Mình đã đưa nó đến cho Llewellyn xem nhưng chẳng được tích sự gì. – Boland bỗng nổi

nóng, tiếng nói rít lại với nhau, nghe không rõ – Mẹ kiếp, Manson ạ, hắn ta dám cả gan bảo rằng con bé bị lao… như thể là trong dòng họ Boland này hãy còn có người bị lao sau khi chú Dan nó vào nhà điều dưỡng cách đây mười lăm năm. Vậy thế này nhé, cậu ạ, cậu có vui lòng vì tình bạn lâu năm của chúng mình mà giúp mình được không? Chúng mình biết cậu bây giờ oai lắm. Ở Aberalaw, người ta bàn tán về cậu rất nhiều. Cậu có vui lòng khám bệnh cho cái Mary hộ chúng mình được không nhỉ? Chắc cậu không tưởng tượng được con bé nó tin tưởng ở cậu đến thế nào, và cả chúng mình nữa, vợ mình và mình cũng hết sức tin tưởng. Vì vậy, vợ mình mới bảo mình: nhà nó đến gặp bác sĩ Manson đi. Nếu anh ấy bằng lòng xem bệnh cho con bé thì ta sẽ gửi con bé lên chỗ anh ấy khi nào anh ấy thấy tiện. Thế nào, ý cậu thế nào, Manson? Nếu cậu quá bận thì cậu cứ cho mình biết, mình sẽ đi chỗ khác ngay.

Andrew sầm mặt lại:

- Đừng nói thế, Con. Cậu không thấy, gặp cậu mình mừng rỡ thế nào à? Còn Mary, tội nghiệp cô bé. Cậu biết là mình sẽ làm mọi việc có thể làm được cho nó, mọi việc…

Kệ chị y tá thò đầu vào với nhiều hàm ý, Andrew cứ để thời giờ quý báu của mình nói chuyện với Boland cho đến khi chị ta không chịu được nữa:

- Ông hãy còn năm bệnh nhân đang chờ ngoài này, bác sĩ Manson ạ. Mà ông đã chậm hơn một tiếng so với giờ hẹn rồi. Tôi không thể xin lỗi họ mãi được. Tôi không quen đối xử với bệnh nhân như thế.

Dẫu vậy, Andrew vẫn còn nắm chặt tay Boland, tiễn Boland ra tận cửa trước, cố mời Boland về nhà chơi.

- Mình không để cho cậu quay về ngay đâu, Con ạ. Cậu ở đây được bao nhiêu lâu, ba hay bốn ngày? Tốt lắm! Cậu trọ ở đâu? Westland à? Quá Bayswater à? Không được. Sao không ở luôn

đây với mình. Chúng mình có vô số buồng để không. Đến thứ sáu này thì Christine về. Gặp cậu, cô ấy chắc mừng lắm. Chúng mình sẽ được dịp ôn lại với nhau những ngày đã qua.

Và hôm sau, Boland đem va-li đến phố Chesborough…

Và rồi đến ngày đem lại giây phút lạnh lùng, không sao tránh khỏi, khi gặp lại Christine. Andrew kéo Boland, không hay biết có chuyện gì, ra ga. Bực bội nhận thấy mình không bình tĩnh, Andrew lấy Boland làm người cứu nguy cho mình. Khi tàu vào ga, tim Andrew đập thình thịch, bồn chồn. Anh đã phải trải qua một giây phút lo lắng và hối hận kinh khủng khi nhìn thấy gương mặt Christine nhỏ bé thân thuộc đi giữa đám người xa lạ, nhớn nhác tìm anh. Sau anh quên hết cả mọi sự khi anh cố tỏ ra có một thái độ thân thiết, tự nhiên.

- Chris, em! Tưởng em không bao giờ về nữa! Đúng đấy, em nhìn kỹ đi nào. Chính cống Con Boland chứ không phải ai khác. Không già đi tí nào nhỉ. Anh ấy đang ở với chúng mình, Chris ạ, anh sẽ kể cho em nghe trên xe. Anh đưa xe đến, ở ngoài ga kia kìa. Em đi chơi có vui không? Ơ kìa, việc gì em phải xách va-li?

Ngạc nhiên trước sự đón tiếp bất ngờ này ở sân ga – trong khi nàng sợ về đến ga chẳng gặp ai – Christine rũ bỏ được vẻ mặt ủ dột, đôi má trở lại hơi hồng hào. Nàng cũng đã sống trong một tâm trạng bồn chồn lo lắng, mong mỏi một sự bắt đầu mới. Bây giờ lòng nàng gần như tràn ngập hy vọng. Nép mình trên chiếc ghế sau với Boland trong xe, nàng hào hứng nói chuyện, con mắt lúc nào cũng liếc nhìn gương mặt nghiêng nghiêng của Andrew ngồi bên tay lái.

- Chao ôi, về đến nhà thật khoan khoái. – Nàng hít một hơi dài khi đã bước qua cửa ngoài. Rồi nói rất nhanh – Anh nhớ em chứ, anh Andrew?

- Nhớ chứ! Cả nhà nhớ. Chị Bennett này, Florrie này. Con, ô hay, cậu làm gì với cái va-li ấy thế?

Andrew chạy vội ra giúp Boland, lăng xăng một cách không cần thiết bên cạnh mấy cái va-li. Rồi chưa ai kịp nói năng gì thêm, Andrew đã phải đi thăm bệnh rồi. Anh hứa thế nào cũng về vào giờ uống trà.

Ngồi phịch xuống ghế tay lái, Andrew lẩm bẩm:

- Lạy trời! Thế là xong! Nàng trông không khá hơn bao nhiêu sau mấy ngày nghỉ. Ôi chao! Mình chắc nàng không nhận thấy có gì khác. Đó là điều chủ yếu hiện nay.

Andrew về nhà tuy muộn nhưng lại tỏ ra hoạt bát tươi vui quá mức. Boland vô cùng thích thú trước sự vui vẻ ấy.

- Không nói đùa đâu, cậu chưa bao giờ xuất sắc như bây giờ, Manson ạ.

Một đôi lần, Andrew cảm thấy con mắt Christine nhìn anh gần như mong chờ ở anh một dấu hiệu, một cái nhìn thông cảm. Andrew nhận thấy bệnh tật của Mary đã làm nàng bận tâm. Giữa câu chuyện, Christine cho biết nàng đã nói với Boland đánh điện bảo Mary lên ngay tức khắc, ngay ngày mai nếu có thể được. Nàng lo cho Mary. Nàng mong có thể làm ngay được một đôi việc nếu không phải là tất cả mọi việc cho cô gái ấy.

Tình hình diễn ra tốt đẹp hơn Andrew chờ đợi. Mary đánh điện trả lời sáng hôm sau sẽ đến. Thế là Christine bận rộn tíu tít chuẩn bị đón cô gái. Không khí rộn rịp trong nhà che mờ cả sự vui vẻ giả tạo của Andrew.

Nhưng khi Mary đến thì Andrew trở lại ngay cương vị bác sĩ của mình. Thoạt nhìn đã thấy rõ Mary có bệnh. Qua mấy năm, Mary đã lớn hẳn lên thành một cô gái mảnh khảnh, đôi vai hơi xuôi, nước da có một vẻ đẹp gần như không tự nhiên khiến Andrew thấy ngay là một dấu hiệu phải dè chừng.

Cuộc hành trình làm Mary khá mệt nên tuy mừng rỡ gặp lại Andrew và Christine, muốn nán ngồi lại nói chuyện nhưng cô vẫn

bị bắt phải lên giường nằm từ sáu giờ chiều. Sau đó, Andrew lên gác khám cho cô.

Andrew chỉ ở trên gác có mười lăm phút, nhưng khi xuống phòng khách với Christine và Boland, lần đầu tiên anh có vẻ thực sự lo ngại.

- Có lẽ không có gì nghi ngờ nữa: bị ở đỉnh phổi trái rồi. Llewellyn nói rất đúng,

- Con ạ. Nhưng đừng lo. Đây mới là ở thời kỳ thứ nhất. Ta có thể vượt qua được.

- Cậu cho rằng – Boland nói, mặt rầu rầu lo lắng – cậu cho rằng có thể chữa khỏi được à?

- Khỏi chứ. Mình có thể quả quyết như vậy. Cố nhiên là phải chú ý theo dõi cháu thường xuyên, chăm sóc chu đáo. – Andrew suy nghĩ, trán nhăn lại thành những rãnh sâu – Con ạ, theo mình thì Aberalaw có thể là chỗ có hại nhất đối với Mary… Đối với một trường hợp sơ nhiễm lao ở nhà bao giờ cũng là không tốt. Sao không để mình đưa cháu vào bệnh viện Victoria. Mình với bác sĩ Thoroughgood thân với nhau lắm. Chắc chắn mình cho cháu vào viện được. Mình sẽ trông nom cháu cho.

- Manson! – Boland xúc động – Đó là một bằng chứng chân chính của tình bạn. Cậu biết đấy, cháu nó tin tưởng ở cậu lắm. Nếu có ai cứu được nó khỏi bệnh thì chính là cậu.

Andrew ra gọi dây nói ngay cho Thoroughgood. Năm phút sau, anh trở lại cho biết cuối tuần này, Mary sẽ vào nằm viện. Boland yên tâm rõ rệt, và lạc quan nghĩ đến bệnh viện Victoria, sự trông nom của Andrew và sự giám sát của Thoroughgood đến nỗi đối với Boland, Mary coi như đã được chữa khỏi rồi.

Hai hôm sau là hai ngày hết sức bận rộn. Đến thứ bảy, sau khi Mary và Boland lên tàu ở ga Paddington sự tự chủ của Andrew cuối cùng đã thích ứng được với tình thế. Anh đã có thể ghì chặt

Christine vào trong cánh tay và khẽ reo lên trên đường về phòng khám.

- Lại ở bên nhau thật đẹp đẽ biết bao, Chris em! Trời, một tuần hối hả làm sao!

Giọng nói hoàn toàn thích hợp. Nhưng làm như thể anh không nhìn thấy vẻ mặt nàng. Christine về ngồi một mình trong phòng, đầu hơi gục xuống, tay đặt trên đầu gối, không nhúc nhích.

Nàng đã hy vọng biết bao lúc mới trở về. Nhưng bây giờ trong thâm tâm nàng đặt ra câu hỏi đáng sợ: "Trời ơi! Chuyện này đến bao giờ thì chấm dứt, và bằng cách nào?"

XIV

Những thành công của Andrew trong việc làm ăn đến tới tấp như một cơn lũ cuồn cuộn dâng cao, phá tung chiếc đập và cuốn phăng phăng Andrew vào dòng nước mỗi ngày một chảy xiết hơn.

Sự cộng tác giữa Andrew với Hamson và Ivory bây giờ chặt chẽ và có lợi hơn bao giờ. Ngoài ra, Deedman lại còn nhờ Andrew trông nom bệnh nhân ở khách sạn Plaza hộ trong khi anh ta đi chơi gôn một tuần tại Le Touquet. Tiền công chia đôi, mỗi người một nửa. Thông thường, Hamson là người thay chân cho Deedman, nhưng gần đây, Andrew ngờ rằng có chuyện bất hoà giữa hai người.

Andrew hãnh diện biết bao khi phát hiện ra rằng anh có thể lên thẳng buồng ngủ của một nữ tài tử điện ảnh nổi tiếng bị bệnh kịch phát, ngồi trên khăn dải giường bằng xa-tanh của nàng, sờ nắn cơ thể thờ ơ với dục tình của nàng bằng bàn tay thành thạo và có thể hút một điếu thuốc với nàng nếu anh có thời giờ.

Nhưng điều còn đáng hãnh diện hơn nữa là anh được sự tín nhiệm của Joseph Le Roy, người mà anh đã được vinh dự cùng ăn trưa hai lần trong tháng trước. Andrew biết trong đầu ông này nung

nấu những ý nghĩ quan trọng. Lần gặp gỡ gần đây nhất, Le Roy đã thăm dò anh:

- Ông bác sĩ, chắc ông biết tôi đã nghĩ đến ông. Tôi đang chuẩn bị một việc kinh doanh khá lớn và cần đến nhiều ý kiến cố vấn xác đáng về y học. Tôi không muốn những kẻ to đầu chơi hai mặt nữa... Lão Rumbold to xác mà vô tích sự. Chúng tôi sẽ cho xuôi lão ta! Và tôi cũng không muốn có một đống những kẻ gọi là chuyên gia, nhâu nhâu lên nhưng chẳng đưa tôi đi đến đâu cả. Tôi muốn có một người cố vấn y học tự tin và sáng suốt, và tôi đã bắt đầu nghĩ đến ông. Ông thấy đấy, trong công việc kinh doanh, chúng tôi đã với tới một bộ phận dân chúng rộng lớn với những sản phẩm có tính chất quần chúng. Nhưng nay tôi thực bụng tin rằng đã đến lúc phải mở rộng diện hoạt động của chúng tôi ra thêm nữa và sản xuất ra những mặt hàng có tính chất khoa học hơn... Tách biệt các thành phần của sữa bò ra, dùng điện, dùng ánh sáng và máy móc rập thành viên, phun thành bột, kết quả là những viên Cremo có sinh tố B, bột Cremofax và viên Lecithin chữa các bệnh thiếu dinh dưỡng, còi xương, thiếu máu, mất ngủ. Ông hiểu ý tôi chứ, ông bác sĩ? Hơn nữa, tôi tin rằng nếu chúng tôi tổ chức việc sản xuất này theo những phương pháp dược học chính quy hơn thì chúng tôi có thể trông mong ở sự giúp đỡ và thiện cảm của toàn thể giới y học. Chúng tôi có thể làm cho mỗi người bác sĩ, có thể nói như vậy được lắm, trở thành một người chào hàng cho chúng tôi. Nghĩa là cần quảng cáo một cách khoa học, ông bác sĩ ạ, cần đề cập đến vấn đề khoa học. Đó là lý do vì sao tôi tin rằng có một bác sĩ trẻ tuổi đầu óc khoa học trong công ty sẽ giúp chúng tôi được rất nhiều. Bây giờ tôi muốn ông hiểu thật rõ ý tôi. Đây là một vấn đề hoàn toàn công khai và khoa học. Chúng tôi đang thực sự nâng cao vị trí của công ty chúng tôi lên. Xét đến những thứ chiết suất vô giá trị mà các bác sĩ hiện nay khuyên người bệnh dùng như Marrobin C, Vegatog, Bonebran, thì

tôi nghĩ với việc nâng cao tình trạng sức khoẻ chung cho dân chúng, chúng tôi sẽ làm một việc công ích lớn lao cho đất nước.

Andrew không có thời giờ để nghĩ trong một hạt đậu tươi, có lẽ có nhiều sinh tố hơn hàng chục hộp Cremofax. Anh hân hoan không phải vì số lương mà anh sẽ được trả khi tham gia ban quản trị công ty mà vì nghĩ tới sự quan tâm của Le Roy đối với anh.

Chính Frances là người đã bảo cho anh biết anh sẽ được lợi như thế nào qua những hoạt động vang dội của Le Roy trên thị trường. Ôi, thật thú vị biết bao được rẽ qua nhà nàng uống trà với nàng, được cảm thấy người phụ nữ kiều diễm quý phái này có thiện cảm đặc biệt với mình, và dành cho mình một nụ cười thân tình khiêu gợi. Quan hệ với nàng làm Andrew cũng trở nên thanh cao, tế nhị, làm anh thêm tự tin, sự bóng bẩy của anh thêm hào nhoáng. Andrew đã thấm dần cái triết lý của Frances mà không hay. Được tay nàng dìu dắt, anh đang học cách chăm chút những thứ vụn vặt bề ngoài và lãng quên những điều sâu sắc, căn bản.

Andrew bây giờ không còn bối rối khi chạm trán với Christine nữa. Sau một giờ sống bên Frances, anh có thể về nhà với vẻ hết sức tự nhiên. Anh không có thời giờ để ngạc nhiên trước sự thay đổi đáng kinh ngạc ấy. Giả sử có nghĩ đến thì cũng để lập luận rằng anh không yêu vợ Lawrence, Christine thì không biết gì hết, và bất kỳ một người đàn ông nào đến một lúc nào đó trong cuộc đời mà chẳng đi đến cái ngõ cụt này. Cớ sao anh lại tự coi mình khác những người khác.

Để đền bù lại, Andrew cố tỏ ra ân cần với Christine, ăn nói với nàng một cách nể trọng, thậm chí còn bàn bạc các kế hoạch của anh với nàng. Nàng được biết anh dự định đến mùa xuân năm tới sẽ mua hẳn ngôi nhà ở phố Welbeck, và dọn khỏi Chesborough khi nào sắp đặt xong xuôi. Bây giờ Christine không bao giờ lý lẽ với anh nữa, không bao giờ chê trách anh câu gì nữa, và nếu như nàng có bực dọc thì anh cũng không bao giờ nhận thấy. Nàng có vẻ sống một cách hoàn toàn thụ động. Cuộc sống lôi kéo Andrew

quá ào ạt khiến cho anh không có thời giờ dừng lại lâu để suy nghĩ. Nhịp độ ấy làm anh thích thú. Anh có cảm giác giả tạo về sức mạnh của mình. Anh cảm thấy mình giàu sức sống do đó mà ngày một lớn lên hơn, làm chủ bản thân mình và vận mệnh mình.

Thế rồi, từ trên trời cao giáng xuống một lưỡi sét.

Một buổi tối, vợ một người chủ hiệu nhỏ ở gần nhà tên là Vidler đến phòng khám phố Chesborough. Bà Vidler là một người đàn bà đứng tuổi, bé loắt choắt nhưng tinh nhanh, hoạt bát, một người Luân Đôn thực thụ, suốt đời chưa bao giờ đi xa quá Bow Bells. Andrew quen biết khá rõ hai vợ chồng Vidler. Anh đã chăm sóc đứa con trai họ khi nó bị một bệnh xoàng hồi anh mới đến khu phố này. Hồi ấy, anh cũng đã từng đem giày đến nhờ họ vá lại. Chả là hai vợ chồng Vidler đều là những người làm ăn hiền lành chăm chỉ, mở ngay tại nhà họ ở đầu phố Paddington một cửa hiệu mang cái tên rất kêu là "Tân trang, công ty hữu hạn", một bên chữa giày, một bên giặt là. Người ta thường thấy Harry Vidler người rắn rỏi, mặt tai tái, áo không cổ và mặc sơ mi trần, đang kẹp khuông giày giữa hai đầu gối hoặc đang đích thân đẩy bàn là khi bên giặt là việc nhiều tuy ông đã mượn thên hai người làm.

Bà Vidler đến thưa chuyện với Andrew về bệnh của chồng với giọng nhanh nhẩu thường ngày:

- Thưa bác sĩ, ông nhà tôi không được khoẻ. Mấy tuần nay, ông ấy cứ lệt bệt làm sao ấy. Tôi đã giục đi giục lại, bảo ông ấy đi khám nhưng ông ấy không chịu đi. Vậy ngày mai, bác sĩ có thể quá bộ đến nhà tôi được không? Tôi sẽ giữ ông ấy nằm nhà không cho đi đâu.

Andrew hẹn sẽ đến.

Sáng hôm sau, khi Andrew đến, Harry Vidler đang nằm trên giường. Ông cho biết từ ít lâu nay ông đau ngâm ngẩm trong người và bụng mỗi ngày một to. Mấy tháng gần đây, vòng bụng của ông tăng lên một cách khác thường. Như phần lớn những

người cả đời không đau ốm bao giờ, ông tự giải thích tình trạng đó bằng nhiều cách. Ông cho rằng đó là do ông đã uống quá nhiều rượu mạch, hay có lẽ là do công việc cứ ngồi yên một chỗ gây ra.

Nhưng khám xong, Andrew buộc phải bác bỏ những lời giải thích ấy. Anh tin chắc ông Vidler có một cái u nang, tuy không nguy hiểm nhưng cần phải mổ. Anh cố làm cho hai vợ chồng Vidler yên tâm bằng cách giải thích cho họ hiểu một khối u đơn giản như vậy mọc lên trong người như thế nào và gây ra đủ mọi chuyện phiền phức, nhưng những chuyện phiền phức ấy sẽ hết ngay khi khối u đó được cắt bỏ đi. Trong thâm tâm Andrew hoàn toàn tin tưởng ở kết quả phẫu thuật và anh đề nghị ông Vidler nên vào bệnh viện công ngay.

Nhưng ở điểm này, bà Vidler giơ tay lên trời:

- Ấy, không đâu, thưa bác sĩ. Tôi không muốn để ông Harry nhà tôi vào bệnh viện công. – Bà ta cố ghìm cơn xúc động – Tôi đã linh tính trước việc này… Ông ấy làm việc quá sức mà. Nhưng nay đã vậy, nhờ Trời, chúng tôi có khả năng lo liệu được. Chúng tôi chẳng giàu có gì, bác sĩ ạ, ông cũng biết đấy, nhưng chúng tôi cũng đã dành dụm được chút đỉnh. Bây giờ là lúc dùng đến. Tôi sẽ không để cho ông Harry nhà tôi phải quỵ lụy đi xin giấy giới thiệu [1], phải xếp hàng xin vào nằm ở một bệnh viện công cộng như thể ông ta là một người nghéo khó.

- Nhưng bà Vidler ạ, tôi có thể thu xếp…

- Không, bác sĩ ạ, ông cứ cho ông nhà tôi vào một bệnh xá tư cho tôi. Ở gần đây không thiếu gì những bệnh xá tư. Và ông cứ tìm giúp hộ tôi một bác sĩ tư để mổ cho ông ấy. Tôi có thể cam đoan với ông, chừng nào tôi còn sống thì ông nhà tôi sẽ không bước chân vào một bệnh viện công cộng nào hết.

[1] Đây là giấy giới thiệu của những người hảo tâm đã góp tiền xây dựng và bảo dưỡng những bệnh viện làm phúc. Có giấy giới thiệu ấy thì được vào bệnh viện dễ dàng hơn.

Andrew thấy bà ta kiên quyết giữ vững ý kiến. Và Harry Vidler cũng giống ý kiến vợ. Ông ta muốn được hưởng sự trông nom tốt nhất có thể có.

Tối hôm ấy, Andrew gọi dây nói cho Ivory. Nhờ đến Ivory bây giờ đã trở thành một điều tự nhiên đối với Andrew. Nhất là trong trường hợp này, có việc anh cần hắn ta giúp.

- Ông Ivory ạ, tôi muốn nhờ ông giúp một việc. Tôi có một bệnh nhân có một khối u cần cắt bỏ. Người cần cù tử tế nhưng không giàu có gì, ông hiểu chứ. Tôi e rằng ca này không có gì đáng chú ý lắm đối với ông, song tôi sẽ chịu ơn ông nếu ông vui lòng mổ… chẳng hạn với tiền công bằng một phần ba tiền công thông thường.

Ivory rất lịch sự. Không có gì làm hắn ta vui lòng bằng được giúp ông bạn Manson bất kỳ việc gì trong phạm vi khả năng của y. Hai người bàn bạc với nhau về ca mổ trong dăm bảy phút, rồi Andrew gọi dây nói cho bà Vidler.

- Tôi vừa mới nói chuyện xong với ông Charles Ivory, một nhà phẫu thuật ở khu Tây và là bạn thân của tôi. Ngày mai, ông ấy sẽ cùng với tôi lại thăm ông nhà, bà Vidler ạ, vào 11 giờ trưa. Được không? Ông ta bảo rằng… bà có nghe rõ không đấy?… Bà Vidler này, ông ta bảo rằng nếu thấy cần phải mổ thì ông ta chỉ lấy ba mươi ghi-ni. Tiền công thường lệ của ông ta là một trăm ghi-nê cơ đấy. Tôi thấy thế cũng là khá may cho chúng ta.

- Vâng, thưa bác sĩ, vâng – Giọng bà Vidler có vẻ lo nhưng bà cố làm ra vẻ yên tâm. – Ông tử tế với chúng tôi quá. Tôi nghĩ chúng tôi có thể tìm cách nào đó thu xếp được.

Sáng hôm sau, Ivory cùng với Andrew đến thăm người bệnh, và hôm sau nữa thì Vidler được chuyển vào bệnh xá Brunsland ở quảng trường Brunsland.

Đó là một ngôi nhà cổ nhưng tươm tất ở gần phố Chesborough, một trong số nhiều bệnh xá ở khu này với giá tiền thuê buồng

phải chăng nhưng trang bị dụng cụ thì nghèo nàn. Người bệnh phần lớn là những trường hợp chỉ cần có người ở cạnh trông nom thuốc men là đủ: những người bị bại liệt, bị bệnh tim mãn tính, các bà già nằm liệt giường mà vấn đề gay go chủ yếu chỉ là tránh để nằm mãi ở một tư thế cho khỏi mục da. Giống như những bệnh xá khác ở Luân Đôn mà Andrew đã đến, nó hoàn toàn không bao giờ được xây dựng nhằm mục đích hiện nay. Không có cầu thang máy, và phòng mổ là phòng kính trồng hoa trước kia. Nhưng bà Buxton, người chủ bệnh xá này, là một y tá có bằng và là một phụ nữ cần cù. Mặc dầu có những nhược điểm ấy nhưng bệnh xá Brunsland được cái là cọ rửa tẩy trùng sạch sẽ, không còn một vết bẩn nào, ngay cả ở những chỗ khe khẩm của sàn nhà phủ vải sơn bóng loáng.

Cuộc phẫu thuật được ấn định vào hôm thứ sáu, và vì Ivory không đến sớm hơn được nên sẽ bắt đầu vào một giờ muộn khác thường là hai giờ trưa.

Andrew là người đến trước, nhưng Ivory cũng đến rất đúng giờ. Y đi cùng với người gây mê và đứng nhìn người lái xe của y khênh vào trong nhà một túi dụng cụ to tướng. Y không đụng tay đến vì còn để lát nữa bàn tay của y được hoàn toàn chính xác khi cầm dao mổ. Tuy Ivory nói thẳng ra rằng y đánh giá bệnh xá này không được tốt cho lắm, song cử chỉ thái độ của y vẫn dịu dàng như mọi khi. Trong có mười phút, Ivory đã làm cho bà Vidler đợi ở phòng ngoài được yên lòng, đã chinh phục được tình cảm của bà Buxton và các cô y tá. Rồi mặc áo choàng và xỏ găng tay trong phòng mổ bé tí tẹo, y sẵn sàng bắt tay vào việc với vẻ mặt điềm tĩnh.

Bệnh nhân bước vào với dáng điệu tươi tỉnh, tin tưởng, cởi áo ngủ đưa cho một cô y tá đem đi ngay rồi trèo lên chiếc bàn hẹp. Biết là dù sao cũng phải trải qua sự thử thách này nên Vidler đã dũng cảm đương đầu với nó. Trước khi người gây mê áp chiếc mặt nạ vào mặt ông, Vidler còn mỉm cười nói với Andrew:

- Mổ xong chắc tôi sẽ khá hơn.

Giây phút sau, Vidler đã nhắm chặt mắt và gần như hít lấy hít để hơi ê-te. Bà Buxton tháo bỏ chỗ băng ra. Khu vực bôi iod được phơi trần, sưng to khác thường như một cái gò bóng nhẫy. Ivory bắt đầu mổ.

Với dáng điệu trịnh trọng, Ivory tiêm một vài mũi sâu vào cơ lưng và nghiêm trang bảo Andrew:

- Để chống sốc. Bao giờ tôi cũng phải phòng xa.

Mũi dao của Ivory rạch một đường dài, và ngay lập tức, gần như một việc đáng buồn cười, chỗ đau lộ ra. Cái u nhô lên qua khe mổ như một quả bóng cao su căng phồng sũng nước. Sự chẩn đoán chính xác của Andrew làm anh thêm hài lòng về mình. Anh nghĩ Vidler nhất định sẽ khỏe lên ngay sau khi cắt bỏ cái phần thừa phiền toái này, rồi anh nghĩ tiếp sang những người bệnh khác của anh, tay rút đồng hồ ra xem giờ.

Trong khi đó, với dáng điệu của nhà phẫu thuật bậc thầy, Ivory đang loay hoay với quả bóng, bình thản tìm cách vòng tay ra đằng sau nó tìm đến chỗ cuống nối nhưng lần nào cũng trật. Mỗi lần y định giữ lấy nó thì quả bóng lại trượt đi. Đã cố một lần không được rồi, y có cố đến hai mươi lần nữa chắc cũng vậy thôi.

Andrew bực bội nhìn sang Ivory, nghĩ: “Lão này làm cái gì vậy?”. Khoang bụng không rộng nhưng cũng có đủ chỗ để làm việc. Andrew đã từng thấy Llewellyn, Denny và hàng chục người khác ở bệnh viện cũ của anh trước kia có những động tác khéo léo chính xác trong những trường hợp chật chội hơn nhiều. Cái khéo của người bác sĩ ngoại khoa là phải biết sử dụng các dụng cụ của mình trong những hoàn cảnh vướng víu, thiếu không gian. Bỗng Andrew nhận ra rằng đây là ca mổ khoang bụng đầu tiên mà Ivory làm cho anh từ trước đến nay. Anh bất giác cất lại đồng hồ vào túi, nhích lại gần bàn mổ, vẻ mặt khá căng thẳng.

Ivory vẫn đang cố đưa dụng cụ ra đằng sau khối u, vẫn điềm nhiên, bình tĩnh và sắc sảo. Bà Buxton và một cô y tá trẻ đứng cạnh với dáng điệu tin tưởng, không biết gì mấy về công việc. Người gây mê, một người có tuổi, tóc lốm đốm bạc, đăm chiêu lấy ngón tay cái gõ gõ vào đáy cái chai bịt nút. Trong phòng mổ nhỏ bé mái bằng kính, không khí êm ả, hết sức yên tĩnh. Người ta không cảm thấy có chuyện gì căng thẳng hay có một tấn bi kịch ghê gớm nào, chỉ có Ivory nhô một bên vai lên, cử động hai bàn tay đi găng, cố vòng ra đằng sau quả bóng cao su trơn nhẫy. Không hiểu sao, Andrew bỗng thấy lạnh người.

Anh nhận ra mình đang cau mày căng thẳng theo dõi. Anh lo sợ điều gì? Không có gì phải lo sợ, hoàn toàn không có gì. Đây là một ca mổ đơn giản, trong vài phút là xong.

Với một nụ cười yếu ớt như hài lòng, Ivory bỏ ý định tóm lấy cái cuống khối u. Cô y tá trẻ khúm núm nhìn Ivory khi y hỏi đưa con dao. Y từ từ đưa tay cầm lấy con dao. Trong đời nghề nghiệp của y, có lẽ chưa bao giờ y giống một nhà phẫu thuật vĩ đại trong tiểu thuyết bằng lúc này. Con dao cầm trong tay, trong lúc Andrew chưa kịp hiểu ra y định làm gì thì y đã rạch một rạch dài vào thành khối u trơn bóng.

Ngay sau đó, mọi sự việc xảy ra dồn dập.

Khối u vỡ ra đánh ục một cái, bắn lên trời một cục máu đen, rồi tất cả những gì chứa trong khối u đổ ùa vào khoang bụng. Một giây trước còn là một quả cầu căng tròn, một giây sau đã là một túi mô nhão nhoẹt nằm bẹp giữa một vũng máu ùng ục chảy. Bà Buxton cuống quýt tìm gạc trong hộp.

Người gây mê ngồi bật ngay dậy. Cô y tá trẻ trông như muốn ngất xỉu. Ivory nghiêm trang bảo:

- Kẹp nào.

Andrew choáng váng kinh hoàng. Anh đã nhận ra rằng, không tóm được cuống khối u để thắt nó lại, Ivory đã mù quáng, bừa bãi rạch khối u… Mà đây lại là một khối u xuất huyết.

- Gạc nào. – Ivory nói bằng một giọng không hề xúc động. Y loay hoay mò mẫm trong đống bầy nhầy, cố kẹp lấy cuống u, cố hút chỗ máu ngập đầy khoang bụng, cố bịt bịt, đắp đắp, nhưng vẫn không làm sao kìm được máu cứ ồng ộc tuôn ra. Như một ánh chớp loé lên trong óc, Andrew bỗng hiểu ra: "Trời ơi! Lão này không biết mổ. Lão này không biết tí gì về mổ!".

Người gây mê đặt ngón tay lên động mạch cảnh, thì thào nho nhỏ như có lỗi:

- Hình như nó sắp đi… ông Ivory ạ.

Ivory bỏ cái kẹp, lấy những miếng gạc đẫm máu nhét đầy khoang bụng rồi bắt đầu khâu lại vết rạch dài khi nãy.

Bây giờ không còn sưng phồng nữa, bụng Vidler có vẻ lõm xuống, tím bầm, trống rỗng, lý do là Vidler đã chết rồi.

- Nó đi rồi. – Người gây mê cuối cùng nói.

Ivory khâu nốt mũi cuối cùng, cẩn thận cắt đầu dây khâu, quay sang khay dụng cụ đặt kéo xuống. Thẫn thờ, Andrew không cử động được chân tay. Như người mất hồn, bà Buxton, mặt trắng bệch như tờ giấy, kéo những chai nước nóng ra khỏi chăn. Hết sức cố gắng, bà ta có vẻ trấn tĩnh lại và bước ra khỏi phòng mổ. Người hộ lý, không biết chuyện đã xảy ra, đẩy xe cáng vào. Một phút sau, xác Harry Vidler được đưa lên gác, vào phòng ông ta.

Cuối cùng Ivory cất tiếng nói với một giọng điềm tĩnh trong khi cởi áo choàng.

- Rất không may. Tôi chắc là bị sốc. Ông Gray, ông có nghĩ như vậy không?

Gray, người gây mê, lẩm bẩm đáp lại. Ông ta đang bận thu dọn dụng cụ.

Andrew vẫn không nói ra lời. Trong cơn bàng hoàng, sững sờ, anh bỗng nhớ đến bà Vidler đứng đợi dưới nhà. Hình như Ivory đọc được ý nghĩ ấy. Y bảo:

- Đừng ngại, ông Manson ạ. Tôi sẽ xuống nói với người đàn bà bé nhỏ ấy. Lại đây. Tôi sẽ giải quyết cho ông xong ngay bây giờ.

Như một cái máy, như một người không còn khả năng cưỡng lại được nữa, Andrew theo chân Ivory xuống cầu thang vào phòng đợi. Anh vẫn còn thẫn thờ, thấy lờm lợm buồn nôn ở cổ, không nói được câu nào với bà Vidler. Chính Ivory là người vươn lên thích nghi với tình thế.

- Bà Vidler thân mến, – y nói với giọng thương cảm bề trên, nhẹ nhàng đặt tay lên vai bà ta – đáng tiếc, đáng tiếc là chúng tôi đem lại cho bà những tin không hay.

Bà Vidler chắp hai tay đi đôi găng da dê nâu sờn cũ lại với nhau, nỗi kinh hoàng và vẻ cầu khẩn lẫn lộn trong con mắt:

- Thưa sao ạ?

- Ông nhà, thật tội nghiệp, bà Vidler ạ, mặc dầu chúng tôi đã làm tất cả mọi việc có thể làm cho ông ấy…

Bà ta khuỵu xuống ghế, mặt tái nhợt, hai bàn tay đi găng vẫn chắp lại với nhau, thì thào bằng một giọng xé lòng:

- Harry! Anh Harry ơi!

- Thay mặt cho bác sĩ Manson, bác sĩ Gray, bà Buxton và bản thân tôi – Ivory nói tiếp, giọng rầu rầu – Tôi chỉ có thể đoan quyết với bà là không có một thế lực nào trên đời này có thể cứu được ông nhà. Và dù cho ông nhà có qua được cuộc phẫu thuật này… – Y nhún vai một cách có ý nghĩa.

Bà Vidler ngẩng đầu lên nhìn y, cố hiểu lời y nói, ngay cả trong giây phút bàng hoàng này vẫn nhận ra được thái độ hạ cố, tử tế của y đối với bà. Bà nói qua hàng nước mắt:

- Xin cảm ơn lời an ủi của bác sĩ.

- Tôi sẽ bảo chị y tá xuống với bà. Bà hãy cố chịu đựng. Cảm ơn bà, cảm ơn về sự can đảm của bà.

Ivory ra khỏi phòng và một lần nữa Andrew lại đi theo hắn. Đến cuối phòng chờ là văn phòng, bên trong không có ai, cửa vẫn để ngỏ. Y bước vào, tìm hộp thuốc lá, châm một điếu và hít một hơi dài. Gương mặt y hơi tái so với lúc bình thường, nhưng cái cằm y, bàn tay y không hề run, y vẫn điềm nhiên như không. Y lạnh lùng nói:

- Thế là xong. Tôi rất tiếc, ông Manson ạ. Tôi không ngờ khối u này lại xuất huyết. Nhưng những chuyện như vậy vẫn cứ xảy ra, dù ta có chuẩn bị chu đáo đến đâu đi nữa, ông biết đấy.

Gian phòng nhỏ có độc chiếc ghế đút dưới bàn. Andrew buông mình ngồi phịch xuống cái bệ bọc da chạy bao quanh lò sưởi, lòng nôn nao, nhìn vào cái cây cảnh trồng trong một cái chậu màu xanh ngả vàng đặt ở trên ghi lò sưởi trống trơ. Anh cảm thấy người khó chịu, bải hoải, sắp ngã khuỵu mất. Anh không xua nổi hình ảnh Harry Vidler, một mình không cần ai đỡ đi đến bàn mổ… "Mổ xong chắc tôi sẽ khá hơn nhỉ"… rồi mười phút sau thì nằm sõng sượt trên cáng thành một cái xác không hồn, thân hình bị băm nát. Anh nghiến hai hàm răng lại với nhau kêu kèn kẹt, lấy tay ôm mặt.

Ivory nhìn chăm chú đầu điếu thuốc:

- Cố nhiên hắn ta không chết trên bàn mổ. Tôi mổ xong rồi hắn ta mới chết. Mọi chuyện diễn ra bình thường. Không phải điều tra cái gì cả.

Andrew ngẩng đầu lên. Người anh run bắn, tức sôi lên trước sự yếu đuối của mình trong cảnh huống kinh khủng này mà Ivory đã đương đầu một cách thản nhiên. Anh nói như phát điên:

- Trời ơi, đừng nói nữa. Ông biết rõ là ông đã giết chết người ta rồi. Ông không phải là một nhà phẫu thuật. Ông chưa bao giờ và sẽ không bao giờ là một nhà phẫu thuật, ông là một tên đồ tể bỉ ổi nhất mà tôi gặp trong đời tôi.

Không khí im lặng. Ivory nhìn Andrew một cách lạnh lùng, nghiêm khắc.

- Tôi khuyên ông không nên nói năng kiểu đó, ông Manson.

- Ông không thích à? – Toàn thân Andrew run lên trong một tiếng nấc điên cuồng

– Tôi biết là ông không thích! Nhưng đó là sự thật. Tất cả những ca mổ mà tôi giao cho ông từ trước đến nay chỉ là trò chơi trẻ con. Nhưng lần này, ca mổ thực sự đầu tiên mà tôi với ông cùng làm… ôi, lạy Trời, lẽ ra tôi phải biết từ trước mới phải. Tôi cũng khốn nạn không kém gì ông.

- Bình tĩnh lại đi, ông điên à? người ngoài có thể nghe thấy.

- Nghe thấy thì có sao? – Lại một cơn giận yếu ớt khác nổi lên. Andrew nghẹn ngào – Ông cũng biết không kém gì tôi đó là sự thật: ông vụng về vô cùng… gần như một vụ giết hại!

Có lúc tưởng chừng như Ivory sẽ đấm cho Andrew một quả lăn từ bệ lò sưởi xuống ngã quay ra bất tỉnh. Với vóc người và sức lực ấy, y có thể dễ dàng làm như vậy được lắm. Nhưng y cố hết sức ghìm lại. Y không nói thêm một lời nào nữa, quay lưng bỏ ra ngoài. Nhưng gương mặt lạnh lùng tàn nhẫn của y có một vẻ căm tức biểu lộ một mối thù sẽ không bao giờ quên.

Andrew cứ ngồi yên như thế trong văn phòng, tì trán vào thành đá lạnh lẽo của lò sưởi trong bao nhiêu lâu anh không biết nữa. Sau cùng anh đứng dậy, buồn rầu nhớ đến việc phải làm. Tai họa khủng khiếp này đã giáng cho anh một đòn choáng váng như với sức mạnh tàn phá của một quả đạn. Anh có cảm tưởng chính anh bị mổ phanh bụng, bị moi hết ruột gan. Nhưng anh vẫn cử động

như một cái máy, chân bước như một người lính đã bị trọng thương, buộc lòng phải làm những công việc mà người ta trông chờ ở anh với những động tác đã thành nếp.

Trong tâm trạng đó, Andrew cố làm cho xong buổi đi thăm bệnh. Rồi lòng nặng trĩu, đầu rức như búa bổ, anh trở về nhà. Chiều đã muộn, đã gần bảy giờ. Anh về vừa kịp cho buổi khám tối.

Phòng khám cửa trước đã chật ních bệnh nhân. Phòng khám nhỏ cũng đông nghịt, người ngồi ra tận ngoài cửa. Như người sắp chết, Andrew nặng nhọc nhìn khắp lượt các bệnh nhân của anh: buổi tối mùa hè hôm nay mát mẻ đẹp đẽ, thế mà họ vẫn tụ tập lại đây để sùng bái điệu bộ của anh, con người anh: hầu hết là phụ nữ trong đó số đông là các cô nhân viên cửa hàng Laurier, những người đã đến khám ở chỗ anh từ bao nhiêu tuần nay, đã được những nụ cười, những cử chỉ khéo léo của anh khuyến khích, khuyên nhủ cứ nên tiếp tục điều trị. Anh thẫn thờ nghĩ: vẫn là cái phường cũ, trò hề cũ.

Anh buông mình xuống chiếc ghế xoay trong phòng khám, bắt đầu những nghi thức hàng ngày đằng sau một thứ mặt nạ phủ ngoài mặt:

- Cô thấy thế nào? Ừ, tôi thấy có hơi khá hơn. Mạch đập tốt hơn. Thuốc ấy dùng có hiệu quả đấy, cô em thân mến. Dùng nó cô không thấy khó chịu chứ?

Anh sang chỗ Christine đang đứng đợi, đưa cho nàng lọ thuốc không, đi qua hành lang sang phòng khám chính để lại tuôn ra vẫn những câu hỏi nhạt nhẽo đó, bày tỏ vẫn sự thiện cảm giả tạo đó, rồi quay lại hành lang, cầm lọ thuốc đã đổ đầy trở về phòng khám nhỏ, cứ thế đi qua đi lại mãi cái vòng luẩn quẩn ghê rợn trong đó anh tự giam mình.

Một buổi tối ngột ngạt. Andrew cảm thấy người đau như dần nhưng vẫn cố tiếp tục khám, nửa để dầy vò thân mình nửa vì tâm trạng trống rỗng không hồn nó làm anh không thể dừng lại được.

Chân cứ đi đi lại lại mãi trong cơn đau đớn ê chề, Andrew không ngừng tự hỏi: "Mình đi đâu thế này? Trời ơi, mình đi đâu thế này?".

Sau cùng, muộn hơn mọi ngày, đến mười giờ kém mười lăm thì hết bệnh nhân. Andrew đóng cửa ngoài phòng khám nhỏ sang phòng khám lớn, tại đó theo lệ thường Christine đã chờ sẵn, chuẩn bị đọc lại tên những người đã đến khám bệnh để ghi vào sổ cái.

Lần đầu tiên từ bao nhiêu tuần nay, Andrew thực sự nhìn người vợ mình, chăm chú ngắm nhìn gương mặt nàng trong khi nàng cúi đầu xem bảng danh sách cầm ở tay. Mặc dầu bản thân anh đang trong tâm trạng thẫn thờ ngây dại, anh vẫn phải sững sốt khi thấy nàng đã thay đổi đến nhường nào. Gương mặt nàng đờ đẫn, miệng nàng xịu xuống. Tuy nàng không nhìn anh nhưng anh cũng thấy được đôi mắt nàng chứa chất một nỗi buồn ảm đạm.

Ngồi vào bàn, trước mặt là quyển sổ cái nặng nề, Andrew cảm thấy một bên sườn đau nhói. Nhưng thể xác anh, cái vỏ bên ngoài vô tri vô giác đó không để lộ một tí nào sự xáo động ấy ra bên ngoài. Anh chưa kịp nói thì Christine đã bắt đầu đọc tên.

Andrew cứ tiếp tục ghi, đánh dấu vào trong quyển sổ cái: đến thăm tại nhà thì đánh một dấu gạch chéo, khám tại phòng khám thì đánh dấu tròn, rồi ghi tổng số những tội lỗi của anh.

Khi xong, Christine hỏi bằng một giọng mà chỉ đến hôm nay anh mới nhận thấy sự mỉa mai run rẩy trong lời nói:

- Hôm nay được bao nhiêu?

Andrew không trả lời, anh không trả lời nổi. Nàng đi ra khỏi phòng. Anh nghe thấy tiếng chân Christine lên gác về phòng nàng, nghe thấy tiếng khép cửa nhè nhẹ của nàng. Anh ngồi lại một mình: cổ khô khấc, bàng hoàng, đờ đẫn.

- Mình đi đâu thế này? Trời ơi, mình đi đâu thế này?

Bỗng nhiên, mắt anh chợt nhìn vào cái túi thuốc lá chứa đầy tiền, căng phồng lên với số tiền thu được trong ngày. Một cơn điên nữa rần rật trong người. Anh cầm lấy cái túi quẳng vào góc phòng. Nó rơi đánh phịch một cái.

Anh đứng bật dậy. Anh thấy ngột ngạt, tức thở.

Anh chạy ra khỏi phòng khám, ra mảnh sân nhỏ sau nhà, một cái giếng nhỏ của bóng tối giữa các vì sao. Anh yếu ớt dựa người vào mảnh tường gạch và nôn oẹ dữ dội.

XV

Andrew trở mình trên giường suốt đêm, mãi đến sáu giờ sáng mới thiếp đi. Dậy muộn, hơn chín giờ anh mới xuống dưới nhà, người xanh xao, mắt hùm hụp. Christine đã ăn sáng và ra phố rồi. Thông thường, việc đó không có gì làm anh phải băn khoăn. Nhưng, hôm nay, nó làm cho anh đau đớn, lo lắng, cảm thấy hai vợ chồng đã xa cách nhau đến nhường nào.

Chị Bennett dọn lên cho Andrew đĩa trứng đúc thịt rán vàng nhưng anh không ăn nổi, các cơ ở họng anh không chịu nuốt. Anh uống một tách cà phê, rồi như bị một cái gì thúc đẩy, anh pha một cốc uýt-ki với xô-đa uống luôn. Sau đó, anh chuẩn bị bắt tay vào công việc trong ngày.

Tuy Andrew làm việc vẫn còn như cái máy, song động tác của anh đã bớt thẫn thờ hơn hôm trước. Một ánh sáng lờ mờ, một tia sáng đùng đục đã bắt đầu chiếu rọi vào tâm trí mung lung mê muội của anh. Anh biết anh đang ở bên bờ một cuộc khủng hoảng khủng khiếp. Anh cũng biết rằng một khi đã rơi xuống vực thẳm ấy rồi thì anh sẽ không bao giờ ngoi lên được. Cố trấn tĩnh, Andrew mở cửa nhà xe lấy xe ra. Cố gắng ấy làm lòng bàn tay anh đẫm mồ hôi.

Mục đích chính của anh sáng nay là đến bệnh viện Victoria. Anh đã hẹn với bác sĩ Thoroughgood khám cho Mary. Ít ra đây là một lời hẹn mà anh không muốn lỡ. Anh cho xe chạy từ từ đến bệnh

viện. Thực ra, ngồi trên xe, anh cảm thấy dễ chịu hơn khi đi bộ. Anh lái đã quen rồi nên nó trở thành một thứ phản xạ tự nhiên.

Đến bệnh viện Victoria, anh cho xe vào bến đỗ, rồi lên phòng bệnh nhân. Gật đầu chào người xơ trông nom trong bệnh viện, anh đến thẳng giường Mary sau khi rẽ qua phòng y vụ lấy bệnh án. Anh ngồi xuống mé giường trải khăn đỏ, biết cô gái mỉm cười với anh và biết có bó hồng to bên cạnh giường, nhưng mắt anh vẫn chăm chú xem biểu đồ bệnh án mà anh không thấy hài lòng.

- Chào chú Andrew – Mary nói – Chú xem hoa của cháu có đẹp không. Cô Christine đem đến cho cháu hôm qua đấy.

Andrew nhìn cô gái. Má không ửng hồng nữa, nhưng hơi gầy so với hôm mới vào viện.

- Ừ, hoa đẹp nhỉ. Mary, cháu thấy thế nào?

- Tốt lắm chú ạ. – Mắt cô gái ngoảnh đi một lát rồi quay lại, chan chứa một niềm tin tưởng nồng nhiệt – Cháu chắc sẽ không lâu nữa đâu. Chú sẽ thấy nay mai là cháu khỏi thôi.

Niềm tin tưởng ấy trong lời nói và nhất là trong ánh mắt làm Andrew thấy nhói trong lòng. Anh nghĩ: "Trong chuyện này nhỡ xảy ra điều gì rủi thì đó sẽ là ngọn đòn cuối cùng giáng xuống mình".

Vừa lúc ấy, bác sĩ Thoroughgood đi thăm bệnh nhân qua. Thấy Andrew, ông đi ngay về phía anh, vui vẻ nói:

- Chào anh Manson. Sao thế kia anh ốm à?

Andrew đứng dậy:

- Không, tôi khoẻ, cảm ơn ông.

Bác sĩ nhìn Andrew với con mắt là lạ, rồi quay sang giường Mary:

- Nào, rất hân hạnh được anh yêu cầu cùng tôi hội chẩn bệnh nhân này. Xơ ơi, đặt giúp tôi cái bình phong.

Hai người cùng khám cho Mary trong mười phút, rồi Thoroughgood lại chỗ tường hõm cạnh cửa sổ cuối cùng, ở đó họ có thể quan sát khắp phòng mà không ai nghe được câu chuyện giữa hai người. Thoroughgood hỏi:

- Ý kiến anh thế nào?

Trong tâm trạng nửa tỉnh nửa mê, Andrew nghe thấy tiếng mình trả lời:

- Tôi chưa biết ý kiến của ông, thưa bác sĩ Thoroughgood, song tôi thấy sự tiến triển của trường hợp này không thật đáng hài lòng.

Thoroughgood giật giật hàng ria mép:

- Có một hai triệu chứng…

- Tôi thấy hình như bệnh hơi phát triển…

- Tôi không nghĩ như vậy, anh Manson ạ.

- Nhiệt độ thất thường hơn.

- Hừm, có thể.

- Xin thứ lỗi cho tôi về ý kiến đề xuất này. Tôi hiểu rõ vị trí giữa ông và tôi, nhưng trường hợp này đặc biệt hệ trọng đối với tôi… Xét tình trạng hiện nay, ông thấy có nên áp dụng liệu pháp bơm khí màng phổi không? Chắc ông còn nhớ, tôi rất mong được áp dụng liệu pháp ấy ngay từ khi Mary… từ khi người bệnh này mới vào đây.

Thoroughgood liếc ngang mắt nhìn Andrew. Vẻ mặt ông đổi khác, nét mặt đanh lại.

- Không, anh Manson ạ, tôi nghĩ đây không phải là một trường hợp cần bơm khí. Trước đây và bây giờ, tôi cũng nghĩ như vậy.

Hai người cùng im lặng. Andrew không nói thêm được một lời nào. Anh đã biết tính Thoroughgood ngang bướng, không ai lay chuyển nổi. Anh cảm thấy mệt mỏi rã rời, cả về thể chất lẫn tinh

thần, không đủ sức tiếp tục một cuốc tranh luận mà nó có thể chẳng đem lại kết quả gì. Gương mặt ngay đờ, anh nghe Thoroughgood tiếp tục nói lên quan điểm của ông ta về trường hợp này. Khi Thoroughgood nói xong và đi thăm tiếp các giường bệnh thì Andrew trở lại với Mary, bảo Mary anh sẽ sớm lại thăm cô sau rồi ra về. Ra đến cổng, Andrew nhờ người gác cổng gọi dây nói về nhà báo anh không về ăn trưa.

Bây giờ mới hơn một giờ. Tâm trạng Andrew vẫn còn nặng nề, anh đau đớn ngẫm nghĩ về mình và hoa mắt vì đói. Đến gần cầu Battersea, anh dừng xe ở một phòng trà bình dân nho nhỏ. Anh gọi cà phê và mấy khoanh bánh mì phết bơ nóng. Nhưng anh chỉ uống được có cà phê, bụng anh không chịu ăn mấy khoanh bánh. Anh cảm thấy cô gái bán hàng nhìn anh lấy làm lạ.

- Ông không ưng à? Tôi đổi nhé.

Andrew lắc đầu, bảo cô gái tính tiền. Trong khi cô gái viết biên lai, anh bỗng nhận ra mình đang đần độn đếm những chiếc khuy đen bóng trên ngực áo cô. Đã có lần, rất lâu lắm rồi, anh đã nhìn đăm đăm ba cái khuy ngọc trai trong một lớp tiểu học ở Blaenelly. Bên ngoài, một lớp sương mù vàng ệch giăng kín mặt sông. Từ cõi xa xăm trong óc, anh nhớ có hai người bệnh hẹn gặp chiều nay ở phố Welbeck. Anh từ từ lái xe về phố đó.

Chị y tá Sharp đang cáu kỉnh, đó là sự thường ở chị mỗi khi Andrew yêu cầu chị đến làm việc vào ngày thứ bảy. Tuy vậy, chị cũng phải hỏi anh có ốm không. Rồi, dịu giọng lại – vì chị bao giờ cũng đặc biệt kính nể bác sĩ Hamson – chị báo với Andrew là Hamson đã gọi dây nói cho anh hai lần từ trưa đến giờ.

Sau khi chị Sharp ra khỏi phòng, Andrew ngồi một mình ở bàn giấy, mắt trân trân nhìn về đằng trước. Người bệnh đầu tiên đến vào lúc hai rưỡi – một người bị bệnh tim, một nhân viên trẻ tuổi làm việc ở Uỷ ban Lao động hầm mỏ mà ông Gill gửi đến cho anh. Anh ta thực sự có vấn đề ở van tim. Andrew dành rất nhiều thời

gian cho người bệnh này, khám rất kỹ và dặn dò anh ta thật cho đáo.

Sau cùng, khi người ấy lục túi rút ra cái ví mỏng tang, Andrew vội nói ngay:

- Đừng trả tiền tôi bây giờ. Đợi tôi gửi giấy thanh toán tiền lại nhà hẵng hay.

Andrew cảm thấy khoan khoái lạ thường khi nghĩ anh sẽ không bao giờ gửi giấy đòi tiền người bệnh ấy, anh đã mất đi rồi cơn khát vọng tiền tài và bây giờ anh có thể lại khinh rẻ đồng tiền.

Tiếp đến, người bệnh thứ hai là bà Basden, một người đàn bà khoảng bốn mươi nhăm tuổi, chưa chồng, một trong những bệnh nhân trung thành nhất của anh. Tim Andrew giật thót lại khi thấy bà ta. Giàu có, vị kỷ, bệnh tưởng, bà ta thuộc cùng một loại người với bà Raeburn mà anh đã có lần cùng Hamson khám tại bệnh xá Sherrington, duy có điều bà này còn trẻ người hơn và chăm chút đến bản thân mình nhiều hơn.

Andrew ngồi nghe chán chường, tì trán vào lòng bàn tay, trong khi bà Basden tươi tỉnh kể lể tất cả những gì đã xảy ra đối với cơ thể bà từ buổi anh khám cho bà cách đây mấy hôm.

Bỗng Andrew ngẩng đầu lên:

- Bà đến gặp tôi làm gì, bà Basden?

Bà ta đang nói dở chừng một câu bỗng im bặt, nửa mặt bên trên vẫn còn giữ vẻ vui thích, nhưng mồm thì từ từ há ra. Andrew nói tiếp:

- Ồ, tôi biết là tại tôi. Tôi bảo bà đến. Nhưng thực ra mà nói, người bà không sao cả.

- Ơ kìa, bác sĩ Manson! – Bà ta thật sự há hốc mồm, không tin ở tai mình.

Hoàn toàn đúng như vậy. Với cái nhìn thấu suốt tàn nhẫn, Andrew biết rằng mọi triệu chứng của bà ta đều do tiền bạc mà ra. Cả đời, bà ta chưa hề lao động một ngày nào, cơ thể bà ta mềm nhũn, được nâng niu chiều chuộng, được nhồi nhét thức ăn quá mức. Bà ta ngủ không được là do bà ta không chịu vận động các bắp thịt. Thậm chí bà ta cũng không vận động bộ óc bà ta nữa. Bà ta không có việc gì làm ngoài việc xé các tờ ngân phiếu, nghĩ đến tiền lãi, mắng mỏ người làm và nghĩ xem bà ta và con chó bông của bà nên ăn gì. Giá như bà ta chịu ra khỏi căn phòng của mình và làm một việc gì thật sự, giá như bà ta đình chỉ những viên thuốc nho nhỏ, xinh xinh, thuốc giảm đau, thuốc ngủ, thuốc nhuận tràng, và tất cả những thứ đáng vứt sọt rác khác, giá như bà ta đem một ít tiền của mình cho người nghèo, giúp đỡ người khác và đừng nghĩ về bản thân mình nữa thì có hơn không. Nhưng bà ta sẽ không bao giờ, không bao giờ làm những việc ấy, có yêu cầu bà ta cũng chẳng có ích gì. Bà ta chết về phần hồn rồi. Cũng như Andrew vậy, cầu Trời tha tội cho anh!

Andrew nặng nhọc nói:

- Rất tiếc tôi sẽ không giúp ích bà được gì thêm nữa, bà Basden ạ. Tôi… có lẽ tôi sẽ đi xa. Nhưng tôi cầm chắc bà sẽ tìm được các bác sĩ khác ở quanh quẩn đây, họ sẽ quá sung sướng được hầu hạ bà.

Bà ta há hốc mồm mấy lần như con cá đớp hơi, rồi một vẻ sợ hãi thực sự hiện trên gương mặt. Bà ta chắc chắn, chắc chắn một trăm phần trăm là Andrew đã mất trí. Không nán lại cãi lý với anh nữa, bà ta đứng dậy, hấp tấp thu vén túi xách và vội vã rút lui.

Chuẩn bị về nhà, Andrew đóng sập các ngăn kéo bàn giấy của anh lại với một cử chỉ kết thúc. Nhưng anh chưa kịp đứng lên thì chị Sharp đã nhảy bổ vào, nụ cười tươi tỉnh:

- Bác sĩ Hamson đến gặp ông. Ông ấy đích thân đến chứ không gọi dây nói nữa.

Ngay phút sau, Hamson đã có mặt trong phòng, vui vẻ châm một điếu thuốc, ngả người vào lòng ghế; trong ánh mắt có một ý định rõ rệt. Giọng nói anh ta chưa bao giờ thân mật như hôm nay:

- Xin lỗi đến quấy rầy cậu vào một ngày thứ bảy. Nhưng mình biết là cậu đang ở đây, vì vậy mình đưa quả núi đến gặp Mahomet. Này, Manson ạ, mình đã được nghe hết về chuyện ca mổ hôm qua. Và xin nói với cậu mình khoái chí lắm. Đã đến lúc cậu nên mở mắt ra với ông bạn vàng Ivory.

Hamson bỗng đổi sang giọng hiểm độc:

- Tưởng cũng nên để cậu biết từ ít lâu nay mình đã hơi tách khỏi Ivory và Deedman rồi. Họ không cùng một cánh với mình nữa. Trước đây, ba đứa cộng tác với nhau, rất có lợi, nhưng bây giờ mình khá chắc chắn là hai đứa chúng nó xà xẻo phần của mình. Ngoài ra, mình cũng chán cả cái khía cạnh đồ tể của Ivory nữa. Nó có phải là nhà phẫu thuật đâu; cậu nói không sai tí nào. Nó chỉ là một tên phá thai ghê tởm mà thôi. Cậu không ngờ phải không? Cậu cứ tin ở lời mình. Có mấy cái bệnh xá ở cách đây chưa đến một trăm dặm không làm việc gì khác ngoài cái việc ấy – ồ, trông rất xinh xắn và công khai hẳn hoi – và Ivory là tên trùm nạo. Deedman cũng không hơn gì. Nó chỉ là một tên buôn lậu ma tuý, mà lại không láu cá bằng Ivory. Một ngày kia, thế nào nó cũng vào ngồi nhà pha cho mà xem. Còn bây giờ, ông bạn ạ, mình muốn nói với cậu một vấn đề có lợi cho cậu. Mình muốn để cậu biết tất cả mặt trái của những tay bợm ấy vì mình muốn cậu tẩy chay chúng nó và đi với mình. Cậu hãy còn ngây thơ quá. Cậu chưa hưởng đủ cái phần xứng đáng với cậu. Chẳng lẽ cậu lại không biết là khi Ivory kiếm được một trăm ghi-ni về một ca mổ thì lẽ ra nó phải trao lại cho đứa giới thiệu năm mươi ghi-ni à? Thế mà nó đưa cho cậu bao nhiêu? Chỉ có mười lăm hoặc cùng lắm là hai mươi ghi-ni. Thế không được, Manson ạ. Sau cái việc tai hại hôm qua, ở vào địa vị cậu thì mình không chịu được. Mình chưa nói gì với chúng nó đâu, mình phải khôn chứ. Nhưng kế

hoạch của mình là như thế này nhé. Bỏ rơi mẹ chúng nó đi, cậu với mình hai đứa hợp thành một nhóm nhỏ riêng. Với lại chúng mình đã là bạn thân với nhau từ hồi còn đi học cơ mà, có phải không? Cậu hợp với mình lắm. Xưa nay mình bao giờ cũng thấy cậu rất ăn ý với mình. Mình còn có thể bày vẽ cho cậu nhiều điều hay.

Hamson ngừng lời để châm điếu thuốc khác, rồi mỉm cười với vẻ thân tình, tâm sự và khoe những việc y có thể làm được trên phương diện người cộng sự:

- Cậu có lẽ không tin được những trò xiếc mà mình đã làm đâu. Cậu có biết trò ảo thuật gần đây nhất của mình là gì không? Mỗi mũi tiêm ba ghi-ni, mà là tiêm nước lã. Một hôm có bệnh nhân đến hỏi thuốc. Mình quên khuấy đi mất chưa đi mua loại thuốc quái quỷ đó. Không muốn làm cho bà ta thất vọng, mình hút luôn nước lã vào bơm tiêm. Hôm sau bà ta trở lại bảo bà ta cảm thấy dễ chịu hơn so với tất cả các lần tiêm trước. Thế là mình cứ tiếp tục. Sao lại không? Bao giờ, chung quy lại thì cũng là lòng tin và lọ nước pha màu. Nói thế chứ mình có thể tiêm cho họ tất cả các loại dược phẩm có trên đời, nếu cần. Mình không phải là một tay không biết nghề. Ơn Trời, không phải! Chỉ có điều là mình khôn, và nếu cậu với mình ăn cánh với nhau, Manson ạ, cậu với bằng cấp của cậu và mình với tài khôn khéo của mình, thì chúng mình sẽ hốt ra bạc. Phải cần hai người, cậu hiểu không? Bao giờ người ta cũng muốn hỏi thêm ý kiến người thứ hai nữa. Mình có nhắm một tay phẫu thuật trẻ tuổi khá lắm. Cừ hơn Ivory nhiều! Mình sẽ kéo hắn ta nhập bọn với chúng mình sau. Rồi ra chúng mình thậm chí sẽ có bệnh xá riêng nữa chứ. Đến lúc đó thì tha hồ giàu có.

Andrew ngồi yên không nhúc nhích, gương mặt trơ trơ. Anh không giận gì Hamson mà chỉ ghê tởm bản thân mình. Không có lời lẽ nào vạch ra cho anh thấy rõ hơn cách sống của anh hiện

nay, những việc anh làm, con đường anh đã đi, bằng lời rủ rê này của Hamson.

Sau cùng, thấy tình thế đòi hỏi anh phải có câu trả lời, Andrew lẩm bẩm:

- Mình không thể nhập bọn với cậu được, Freddie ạ. Mình bỗng nhiên thấy ghê tởm. Mình nghĩ có lẽ mình sẽ dừng lại ở đây một thời gian. Trên mỗi dặm vuông ở thành phố này đã có quá nhiều tên lang thú rồi. Cũng có người lương thiện, cố làm việc cho tốt, hành nghề một cách đúng đắn, trung thực, nhưng còn lại chỉ toàn là loài lang thú. Chính những tên lòng lang dạ thú ấy đã tiêm những mũi tiêm không cần thiết kia, đã xẻo những cặp amidan và những mẩu ruột thừa không nguy hại gì hết, chuyền cho nhau bệnh nhân như chuyền cho nhau quả bóng, chia nhau tiền công, đi phá thai, khuyên người ta dùng những thuốc khoa học giả hiệu, lúc nào cũng chạy theo đồng tiền.

Bộ mặt Hamson đỏ dần lên. Y ấp úng:

- Nói quái quỷ gì thế hử? Thế còn cậu?

Andrew nặng nhọc nói:

- Mình biết, Freddie ạ. Mình không hơn gì. Mình thực không muốn có sự xích mích nào giữa hai chúng mình. Cậu đã là người bạn tốt nhất của mình.

Hamson bật dậy:

- Cậu mất trí rồi hay sao hả?

- Có lẽ. Nhưng mình đang cố không nghĩ đến tiền bạc, đến sự thành đạt vật chất nữa. Đó không phải là điều nói lên chân giá trị của một người bác sĩ. Người bác sĩ nào một năm kiếm được năm nghìn bảng thì không phải là một người bác sĩ tốt. Tại sao, tại sao người ta cứ phải tìm cách kiếm tiền trên đau khổ của loài người?

- Đồ ngốc. – Hamson sẵng giọng nói, rồi bỏ ra về.

Andrew lại ngồi yên như tượng ở bàn giấy một mình, vô cùng sầu muộn. Mãi sau anh mới đứng dậy về nhà. Về gần đến nhà, anh nhận thấy tim anh đập mạnh. Bây giờ đã quá sáu giờ. Tất cả cái ngày mệt mỏi hôm nay hình như cốt hướng về điểm tột cùng này. Tay anh run run bần bật khi anh xoay chìa khoá mở cửa.

Christine đang ở trong phòng khách. Gương mặt xanh xao thẫn thờ của nàng làm Andrew phải rùng mình. Anh ao ước nàng hỏi anh một câu, tỏ ra quan tâm muốn biết anh đã sống ra sao trong mấy giờ vừa qua ở xa nàng.

Nhưng nàng chỉ nói với giọng đều đều, thờ ơ:

- Anh hôm nay nhiều việc quá. Anh có dùng trà trước giờ mở cửa phòng khám không?

Andrew trả lời:

- Tối nay không khám bệnh nữa.

Nàng nhìn anh:

- Nhưng hôm nay là thứ bảy, tối đông khách nhất của anh cơ mà!

Thay cho câu trả lời, Andrew viết một tấm biển đề phòng khám tối nay đóng cửa, rồi đem ra đính ở ngoài cửa. Tim anh đập dữ dội khéo đến vỡ mất. Khi anh trở lại nhà thì Christine đang ở trong phòng khám đẳng cửa trước, gương mặt nhợt nhạt hơn, con mắt ngơ ngác. Nàng hỏi bằng một giọng lạ lùng:

- Chuyện gì đấy hở anh?

Andrew nhìn nàng. Nỗi đau đớn trong tim giằng xé con người anh, bật mạnh ra, cuốn phăng anh theo, không ghìm giữ nổi.

- Christine. – Mọi điều chứa chất trong lòng anh dồn cả vào tiếng gọi này. Rồi anh quỳ xuống bên chân nàng, nức nở.

XVI

Sự hoà giải giữa hai người là sự việc kỳ diệu nhất xảy ra với họ kể từ ngày họ bắt đầu yêu nhau. Sáng hôm sau, chủ nhật, nằm cạnh

Christine, Andrew ngỏ hết nỗi lòng với nàng, anh cứ kể lể, kể lể mãi như thể trước kia anh đã quên mất những năm tháng đã qua. Bên ngoài là không khí yên tĩnh của ngày chủ nhật, tiếng chuông nhà thờ êm ái thanh bình. Nhưng tâm trạng Andrew thì không được thanh bình. Anh không ngừng rên rỉ:

- Tại sao anh lại hư đốn đến thế? Anh đã hoá điên hay sao, hả em, Chris? Anh không tưởng tượng nổi khi anh nhìn ngoảnh lại. Ai lại đi câu kết với bọn ấy... sau khi đã được biết Denny và Hope. Trời! Anh đáng tội chết lắm.

Christine khuyên giải anh:

- Chuyện ấy xảy ra như một cơn lốc, anh ạ. Ai cũng có thể bị nó cuốn đi.

- Không phải thế, em ạ. Nhưng anh phải thành thực nói rằng anh cứ điên đầu lên khi nghĩ đến chuyện ấy. Lại còn làm khổ em biết bao nhiêu trong suốt thời gian đó. Trời, anh đáng bị chết băm chết vằm.

Christine mỉm cười, thực sự nhoẻn miệng cười. Được thấy gương mặt nàng rũ bỏ vẻ dửng dưng lạnh lùng, lại trìu mến hân hoan và ân cần, đối với anh thật là tuyệt vời. Anh nghĩ: ôi, lạy Trời, cả hai vợ chồng đều sống lại.

- Chỉ có một việc cần làm. – Andrew nhíu hai hàng lông mày giao nhau với vẻ quyết tâm. Tuy người còn nôn nao song bây giờ anh cảm thấy vững mạnh, rũ sạch được mọi ảo vọng đã làm cho đầu óc anh u mê và sẵn sàng hành động. – Chúng mình phải đi khỏi đây. Anh bị lún quá sâu, Chris ạ, quá sâu rồi. Bất kỳ góc phố nào ở đây cũng nhắc nhở anh đến những việc làm bậy bạ của anh, và biết đâu anh lại chẳng bị lôi kéo lại. Chúng mình có thể dễ dàng nhượng lại phòng khám cho một người khác. Úi cha, Chris ạ, anh vừa mới nảy ra một ý nghĩ tuyệt diệu!

- Sao, anh của em?

Nét căng thẳng trên vầng trán dịu bớt, Andrew nở một nụ cười ngập ngừng, trìu mến với nàng.

- Em đã không gọi anh như vậy từ bao lâu rồi? Anh thích em gọi anh như thế biết chừng nào. Ừ, anh biết, đáng đời anh lắm... nhưng thôi em nhé. Đừng để anh lại nghĩ đến những chuyện cũ mãi, Chris ạ. Cái ý nghĩ mà anh vừa nói với em, cái kế hoạch ấy, nó nảy ra trong óc anh lúc anh tỉnh dậy sáng nay. Anh đang kinh tởm nghĩ lại việc Hamson nó rủ rê anh lập ra cái nhóm hợp tác bất lương của nó... thì bỗng anh nảy ra ý nghĩ, tại sao lại không lập ra một nhóm hợp tác chân chính?... Em hiểu không, Chris, ngay ở một thị xã nhỏ, ta cũng có thể lập ra một bệnh viện, một nhóm bác sĩ hợp tác với nhau, mỗi người làm việc theo sở trường của mình. Vậy thì, em ạ, anh đã không đi với bọn Hamson, Ivory và Deedman, thì tại sao anh lại không đi với Denny và Hope lập ra một nhóm ba người làm ăn trung thực? Denny sẽ chịu trách nhiệm về mọi công việc phẫu thuật – em biết là anh ấy giỏi ngoại khoa lắm chứ? Còn anh thì đảm đương phần nội khoa, và Hope là nhà vi khuẩn học của nhóm! Em có thấy cái lợi không, mọi người làm việc theo sở trường của mình và phối hợp các hiểu biết của mỗi người lại với nhau. Chắc em còn nhớ những ý kiến của Denny – và của anh nữa – chỉ trích chế độ bác sĩ đa khoa ở nước ta chứ: người bác sĩ đa khoa lúc nào cũng phải mò mẫm và lảo đảo vì phải gánh đủ mọi thứ trên vai. Không cách nào giải quyết sao? Tổ chức các bác sĩ lại làm việc thành từng nhóm, đó là giải pháp, giải pháp tốt nhất. Nó là hình thức trung gian giữa tổ chức y tế nhà nước và những cố gắng lẻ loi đơn độc. Ở nước ta, sở dĩ không có hình thức đó chỉ là do những kẻ ăn trên ngồi chốc muốn nắm mọi thứ trong tay... Em thử nghĩ xem có tuyệt vời không, nếu như chúng mình có thể lập một đơn vị xung kích nho nhỏ... không chê trách vào đâu được về mặt khoa học... và cả về mặt đạo đức nữa. Nó là một đội ngũ những người tiên phong tìm cách phá vỡ những định kiến, lật nhào những điều nhảm nhí đã ngự trị từ trước đến

nay; nó có thể là một cuộc cách mạng đối với toàn bộ các tổ chức y tế ở nước ta.

Má áp vào gối, Christine nhìn Andrew với đôi mắt long lanh.

- Nghe anh nói làm em nhớ lại những năm tháng xa xưa. Em không nói hết được nỗi vui mừng của em. Ôi! Như là làm lại tất cả từ đầu. Em sung sướng quá, anh yêu ạ, hết sức sung sướng.

- Anh có nhiều lỗi lầm phải chuộc lại. – Andrew rầu rầu nói – anh đã sống như một kẻ ngu ngốc. Tồi tệ hơn một kẻ ngu ngốc. – Andrew áp tay lên trán. – anh không thể quên được ông Harry Vidler tội nghiệp, và thực ra anh cũng không muốn quên, cho đến khi nào anh thực sự làm được một việc gì chuộc lại lỗi lầm của anh. – Andrew bỗng lại rên rỉ – Em ạ, trong việc này, anh có tội không kém gì Ivory. Anh không khỏi nghĩ rằng anh đã rũ tay một cách quá dễ dàng. Rũ tay như vậy xem ra là điều không phải. Nhưng anh sẽ làm việc cật lực, em ạ. Anh tin rằng Denny và Hope sẽ đến giúp sức anh. Em biết tư tưởng họ đấy. Denny khao khát trở lại cuộc đời vất vả sôi nổi của người thầy thuốc thực hành. Còn Hope, nếu chúng mình dành cho anh ta một phòng thí nghiệm nho nhỏ để anh ta có thể nghiên cứu riêng ngoài việc điều chế huyết thanh cho chúng mình thì anh ta sẽ đi theo chúng mình đến bất kỳ chỗ nào.

Andrew nhảy xuống giường và sải dài chân đi lại trong phòng với dáng điệu sôi nổi trước kia, bị giằng xé giữa hai tâm trạng, hân hoan nghĩ đến tương lai và hối hận nghĩ đến quá khứ, cân nhắc các ý kiến, trong đầu đầy những nỗi lo lắng, những niềm hy vọng, những ý đồ, kế hoạch.

- Anh có nhiều việc phải giải quyết lắm, Chris ạ, và nhất là có một việc phải rất chú trọng. À, em này, đợi anh viết mấy bức thư xong... và chúng mình ăn trưa xong... em có thích về nông thôn với anh một buổi không?

Christine ngước mắt hỏi:

- Nhưng anh còn bận?

- Bận cũng đi được, em ạ. Thực thà mà nói, anh có một gánh nặng ghê gớm trong lương tâm về bệnh tật của Mary. Ở bệnh viện Victoria, nó không khá lên và anh chưa chú ý thật đầy đủ đến nó. Thoroughgood không quan tâm đến nó một chút nào và không hiểu đúng bệnh nó, ít ra là không hiểu giống anh. Cha mẹ! Nếu xảy ra chuyện gì với Mary sau khi anh đã nhận trách nhiệm với Con về nó thì anh sẽ phát điên lên mất. Nói về bệnh viện của mình như vậy thật đáng sợ, nhưng sự thực, Mary sẽ không bao giờ khỏi bệnh tại bệnh viện Victoria này đâu. Phải đưa nó về nông thôn, về nơi có không khí trong lành, về một nhà điều dưỡng tốt.

- Thực hả anh?

- Vì vậy, anh muốn chúng mình cùng đến chỗ Stillman. Bệnh viện Bellevue là một cơ sở xinh xắn nhất, tuyệt vời nhất mà người ta có thể hy vọng tìm thấy. Anh mà thuyết phục được ông ta nhận Mary vào viện, thì anh không những hài lòng mà còn cảm thấy mình đã thực sự làm được một việc có ý nghĩa.

- Thế thì chúng mình sẽ lên đường ngay khi anh chuẩn bị xong. – Christine nói với giọng dứt khoát.

Mặc quần áo xong, Andrew xuống dưới nhà, viết một bức thư dài cho Denny và một bức thư cho Hope. Anh chỉ còn phải đến thăm ba bệnh nhân có bệnh thật sự nữa thôi. Anh bỏ thư trên đường đi thăm các bệnh nhân đó. Rồi ăn sáng vài miếng lót dạ xong, Andrew và Christine lên đường đi Wycombe.

Mặc dầu tâm trí Andrew còn căng thẳng, xúc động, song anh cảm thấy hạnh phúc với chuyến đi này. Hơn bao giờ hết, anh có một niềm tin vững chắc rằng hạnh phúc là một trạng thái bên trong của con người, thuần túy về tinh thần và không phụ thuộc vào những của cải vật chất – dù cho có kẻ nào chế nhạo thì cứ mà chế nhạo. Suốt trong những năm tháng gần đây, thời gian anh bon chen theo đuổi tiền tài địa vị và đã thành đạt trên mọi mặt

vật chất, anh tưởng rằng anh có hạnh phúc. Nhưng thực ra, anh không hạnh phúc. Anh đã sống trong một tâm trạng mê sảng, cái gì cũng thèm khát, cũng muốn có ngày một nhiều hơn. Tiền bạc – anh cay đắng nghĩ – tất cả chỉ vì đồng tiền bẩn thỉu! Ban đầu, anh nghĩ chỉ muốn kiếm được một năm một nghìn bảng. Khi đạt được số tiền đó, anh vội ấn định ngay con số gấp đôi coi là con số tối đa. Nhưng khi con số tối đa ấy cũng đã đạt được, anh vẫn thấy chưa thỏa mãn. Và cứ thế tiếp tục, lòng ham muốn mỗi ngày một tăng và cuối cùng nó đã làm hại anh.

Andrew nhìn sang Christine. Nàng đã phải khổ sở bao nhiêu vì anh! Nhưng bây giờ, giả sử anh muốn có sự xác nhận quyết định của anh là đúng, thì anh chỉ cần nhìn gương mặt ngời sáng đã đổi khác của nàng là đủ rõ. Nay không còn là một gương mặt xinh tươi nữa vì đã in những dấu vết của thời gian và nước mắt, vì đã có những vết nhăn quầng đen ở đuôi mắt và một chỗ hõm mờ mờ trên đôi má trước đây đầy đặn tươi mát. Nhưng đây là một gương mặt bao giờ cũng êm đềm và ngay thật. Vẻ ngời ngời hiện trên gương mặt ấy tươi sáng và xúc động đến nỗi Andrew cảm thấy lòng quặn đau vì hối hận. Anh thề suốt đời sẽ không bao giờ có một hành động gì khiến nàng phải sầu muộn thêm nữa.

Đến Wycombe vào khoảng ba giờ chiều, hai người rẽ vào một con đường nhỏ đi lên mỏm đồi qua Lacey Green. Vị trí của bệnh viện Bellevue thật đẹp: nằm trên một quả đồi nhỏ mà lại được chắn gió phương bắc, nhìn xuống hai thung lũng hai bên.

Stillman thân mật đón tiếp họ. Con đường nhỏ nhắn này kín đáo, không khoa trương và ít khi bộc lộ nhiệt tình. Tuy nhiên, ông tỏ sự vui mừng được Andrew đến thăm bằng cách giới thiệu với hai vợ chồng anh tất cả vẻ đẹp và giá trị của bệnh viện do ông sáng lập.

Sau khi đưa hai vợ chồng Andrew đi xem hết một lượt, Stillman mời họ ngồi uống trà. Lúc bấy giờ Andrew mới đột ngột đưa ra đề nghị của mình.

- Ông Stillman ạ, tôi rất ngại phải nhờ vả ai – Christine không giữ được một nụ cười khi nghe câu nói lâu nay không được dùng đến này – nhưng tôi buộc lòng phải đến nhờ ông nhận cho tôi một bệnh nhân vào nằm ở đây, không biết có được không. Một trường hợp lao sơ nhiễm có thể phải chữa bằng cách bơm khí màng phổi. Đây là con gái một người bạn thân của tôi, một người cũng trong ngành y, một nha sĩ... Ở chỗ cô ấy điều trị hiện nay thì bệnh không mấy thuyên giảm...

Một vẻ gì như thích thú ánh lên trong con mắt xanh nhạt của Stillman.

- Có thực ông nói ông muốn gửi một người bệnh đến chỗ tôi phải không? Tôi nghe không nhầm đấy chứ? Các bác sĩ thường không gửi bệnh nhân của họ đến đây đâu. Ông quên mất rằng ở đây tôi là ông lang băm quản lý một nhà điều dưỡng bịp bợm, loại thầy thuốc bắt bệnh nhân của mình phải đi chân đất trong sương trước khi cho họ ăn sáng món cà-rốt sống à?

Andrew không cười.

- Tôi không muốn ông giễu tôi, ông Stillman ạ. Tôi nói hết sức nghiêm túc về trường hợp cô gái này. Tôi rất lo ngại cho bệnh cô ấy.

- Nhưng e rằng cơ sở của tôi kín chỗ mất rồi, ông bạn ạ. Mặc dầu các hội y học nước ông không có thiện cảm với tôi, song danh sách những người chờ vào nằm ở đây đã dài tới một sải tay. Kể cũng lạ! Người ta muốn tôi chữa cho họ bất chấp cả ý kiến của các bác sĩ.

- Thôi được! – Andrew lẩm bẩm. Lời cự tuyệt của Stillman làm anh vô cùng thất vọng – Tôi trông đợi nhiều ở ông. Nếu Mary được vào đây thì chúng tôi cảm thấy nhẹ nhõm, yên tâm. Nói thật chứ, chỗ ông là cơ sở điều trị tốt nhất ở Anh. Tôi không nói nịnh ông đâu. Tôi hiểu rõ điều tôi nói. Cứ nghĩ đến cái phòng mà cháu

Mary hiện đang nằm tại bệnh viện Victoria, dán chạy sột soạt trong lớp gỗ bọc chân tường thì...

Stillman cúi xuống cầm một khoanh bánh mì cặp thịt và dưa chuột để trên chiếc bàn thấp trước mặt. Ông có những điệu bộ khác người, gần như kiểu cách, khi cầm đến vật gì, như thể ông vừa mới rửa tay hết sức cẩn thận xong nên sợ bẩn tay.

- Đây có phải là một vở hài kịch ngộ nghĩnh nho nhỏ ông diễn cho tôi xem không?... Không, không nên nói thế nhỉ. Tôi thấy rõ ông đang lo lắng. Vậy tôi sẽ giúp ông, tuy ông là bác sĩ, song tôi vẫn nhận bệnh nhân của ông – Stillman hơi nhếch môi trước vẻ mặt ngơ ngác của Andrew. – Ông thấy đấy, tôi là người rộng rãi. Tôi không e ngại giao dịch với giới nhà y khi cần thiết. Tại sao ông không cười? Tôi đùa đấy mà. Không sao. Dù cho ông không có ý thức hài hước, nhưng ông vẫn sáng suốt hơn hầu hết các đồng nghiệp của ông nhiều. Để tôi xem nào... Phải một tuần nữa thì tôi mới có giường trống. Hôm nay là thứ tư, vậy thứ tư tuần sau, ông đưa cô gái ấy đến đây, tôi hứa sẽ làm tất cả những gì tôi có thể làm cho cô ta.

Mặt Andrew ửng đỏ vì biết ơn.

- Tôi không biết nói thế nào để cảm ơn ông.

- Vậy xin ông đừng cảm ơn nữa. Và đừng có lễ độ quá thế. Tôi thích ông những khi ông sắp sửa muốn quăng quật một cái gì. Này, bà Manson ơi, ông ấy ở nhà có hay ném bát đĩa vào bà không? Tôi có một người bạn thân ở Mỹ, chủ của mười sáu tờ báo. Mỗi lần ông ta nổi nóng là y như rằng ông ta đập vỡ một cái đĩa năm xu. Thế rồi một hôm...

Ông ta kể cho hai vợ chồng nghe một câu chuyện dài mà Andrew thấy hết sức nhạt nhẽo.

Nhưng trên đường về nhà, trong không khí mát mẻ buổi tối, Andrew trầm ngâm nói với Christine:

- Dù sao, thế cũng là xong được một việc, Chris ạ, và anh cũng bớt được một nỗi nặng trĩu trong lòng. Anh tin rằng đó là nơi thích hợp với Mary. Stillman là một tay cừ khôi. Anh rất thích ông ta. Bề ngoài không có gì đáng chú ý, nhưng bên trong là thép cứng đấy. Anh không biết liệu bọn anh – Hope, Denny và anh – có bao giờ có được bệnh viện kiểu đó không... dù là nhỏ hơn. Một ước mơ viễn vông, em nhỉ. Nhưng biết đâu đấy. Anh đang nghĩ rằng, nếu Denny và Hope đến hợp lực với anh, và tất cả chúng mình kéo nhau về tỉnh nhỏ, thì chúng mình có thể ở khá gần một khu mỏ nào đó để anh có dịp lại tiếp tục công cuộc nghiên cứu bệnh nhiễm bụi của anh. Ý kiến em thế nào hả Chris?

Thay cho câu trả lời, nàng ngả người sang phía Andrew, và làm một điều rất nguy hiểm trong lúc đi xe trên đường – nàng hôn anh thắm thiết.

XVII

Sáng hôm sau, Andrew dậy sớm sau một đêm được ngủ ngon. Anh cảm thấy người đầy sức sống, sẵn sàng bắt tay vào mọi việc. Đến thẳng máy điện thoại, anh nhờ công ty môi giới chuyển nhượng các cơ sở chữa bệnh "Fulger và Turner" ở phố Adam đứng ra tìm người mua lại mấy cơ sở của anh. Gerald Turner, hiện là giám đốc công ty lâu đời này, đích thân trả lời và sẽ đến ngay phố Chesborough theo yêu cầu của Andrew. Sau khi xem xét kỹ sổ sách trong suốt buổi sáng, Turner nói Andrew có thể dễ dàng nhượng lại nhanh chóng.

- Bác sĩ Manson ạ, chúng tôi có thế nào cũng phải nêu lý do trong lời quảng cáo – Turner nói, gõ chiếc bút chì máy vào hàm răng – Người mua nào cũng nhất định sẽ đặt câu hỏi: vì lẽ gì mà một bác sĩ lại đi từ bỏ một mỏ vàng thế này. Tôi xin lỗi đã dùng chữ đó, vì quả thực, đúng nó là một mỏ vàng. Lâu nay, tôi chưa thấy một nơi nào thu được tiền nhiều như ở đây. Hay là ta nói là vì lý do sức khoẻ?

- Không – Andrew xẵng giọng – Cứ nói sự thật. Nói là... – anh nghĩ lại – thôi, nói là vì lý do riêng.

- Được lắm, bác sĩ Manson ạ – Và Gerald Turner viết đè lên trên bản nháp lời quảng cáo: "Nhượng lại vì lý do riêng, không liên quan gì đến khách bệnh".

Andrew kết thúc:

- Xin ông nhớ rằng, tôi không đòi một số tiền thật lớn, chỉ cần một cái giá phải chăng. Có thể khá nhiều mèo cái sẽ không theo chữa ở người kế chân tôi đâu.

Đến giờ ăn trưa, Christine đưa cho Andrew hai bức điện mới nhận. Andrew yêu cầu Denny và Hope trả lời hai bức thư anh viết cho họ hôm trước bằng điện tín.

Bức điện thứ nhất, của Denny, chỉ viết:

"Mê lắm. Tối mai sẽ đến".

Bức điện thứ hai viết với giọng chớt nhả đặc biệt:

"Tôi sẽ phải suốt đời sống với những kẻ loạn trí chăng? Đặc điểm của các tỉnh nhỏ ở Anh là quán rượu, hiệu tạp hoá, nhà thờ và chợ bán lợn. Ông nói đến phòng thí nghiệm ư? Ký tên: một người dân nộp thuế căm phẫn".

Sau bữa trưa, Andrew lại bệnh viện Victoria. Không đúng giờ đi tua thăm bệnh của bác sĩ Thoroughgood, nhưng thế lại hợp ý anh. Anh không muốn có chuyện ồn ào không hay, lại càng không muốn làm mếch lòng cấp trên của anh. Vì mặc dầu tính tình cố chấp, thủ cựu, chỉ quan tâm đến những giai thoại về những tay thợ cạo kiêm nhà phẫu thuật thời xửa thời xưa nhưng Thoroughgood bao giờ đối xử với anh cũng rất tốt.

Ngồi bên giường Mary, Andrew nói rõ ý định của anh cho cô gái hiểu:

- Trước hết là do lỗi của chú. Lẽ ra chú phải thấy trước đây không phải là chỗ thích hợp với cháu. Cháu sẽ thấy khác hẳn khi đến bệnh viện Bellevue này,... rất khác, Mary ạ. Nhưng ở đây, người ta đối với cháu rất tốt cho nên không việc gì phải làm mất lòng ai. Cháu chỉ nói là đến ngày mười lăm này, cháu muốn ra viện thôi. Nếu cháu ngại nói thì chú sẽ bảo bố cháu viết thư lên xin cho cháu về nhà. Có bao nhiêu người đang chờ giường nên dễ thôi mà. Thế là đến thứ tư, chú sẽ đem xe đến, tự chú sẽ đưa cháu đến Bellevue. Chú sẽ đem theo một cô y tá và mọi thứ cần dùng. Thật rất đơn giản, và sẽ rất có lợi cho sức khoẻ của cháu.

Andrew về nhà với cảm nghĩ đã hoàn thành thêm một việc nữa: anh cảm thấy anh đã bắt đầu bứt được mình ra khỏi cuộc sống hỗn tạp mà anh đã sa chân vào. Tối hôm ấy, trong phòng khám, anh bắt đầu nhổ bỏ những con bệnh kinh niên, từ bỏ không thương tiếc phong cách mơn trớn quyến rũ của anh. Để đến mười hai lần trong vòng một tiếng đồng hồ, Andrew nói với giọng dứt khoát:

- Đây là lần khám bệnh cuối cùng đối với bà. Bà đã đến điều trị ở đây lâu rồi. Bây giờ bà đã khá hơn rất nhiều, không việc gì mà phải uống thuốc nữa.

Kỳ lạ thật, nói xong, anh cảm thấy người nhẹ nhõm hơn nhiều. Được nói ra những ý nghĩ của mình, nói ra một cách trung thực, mạnh bạo, là một thứ xa hoa mà từ lâu anh không cho mình được hưởng. Anh đi gặp Christine, nhảy chân sáo như trẻ con.

- Bây giờ, anh đỡ cảm thấy mình là người bán rong thuốc muối pha nước tắm rồi. Ôi, cha mẹ ơi! Sao anh lại có thể nói năng giọng ấy? Anh đã quên mất những gì đã xảy ra... chuyện Vidler... quên hết những chuyện anh đã gây ra rồi sao?

Lúc đó có tiếng chuông điện thoại. Christine ra nghe. Andrew thấy hình như nàng bên máy nói khá lâu. Khi trở lại, gương mặt nàng có một vẻ gượng gạo là lạ:

- Có người hỏi anh ở dây nói.

- Ai?... – Andrew bỗng hiểu ra là Frances Lawrence gọi cho anh. Một không khí im lặng nặng nề trùm xuống gian phòng. Rồi rất nhanh, anh nói – Em ra bảo với bà ấy là anh không có nhà. Bảo là anh đi vắng rồi. À thôi, gượm hẵng. – Gương mặt anh biểu lộ một ý định kiên quyết, anh đột ngột bước lên – Để anh tự ra nói với bà ấy.

Năm phút sau, trở lại, Andrew thấy Christine đã cầm đồ đan ngồi ở góc phòng quen thuộc của nàng, chỗ có ánh sáng. Anh nhìn trộm nàng rồi quay mặt đi ra đứng bên cửa sổ, rầu rầu nhìn ra ngoài, tay đút túi. Tiếng que đan kêu lách tách đều đều của nàng làm anh cảm thấy mình ngu xuẩn quá chừng, như một con chó ngu si trốn nhà đi chơi nay lem luốc, ủ rũ, cụp đuôi lê chân về. Mãi sau, không chịu được lâu thêm nữa, anh nói, lưng vẫn quay về phía nàng:

- Chuyện ấy nữa, cũng xong rồi. Có lẽ em nên biết, tất cả chỉ là do thói hợm hĩnh ngu xuẩn của anh thôi... và thói vị kỷ nữa. Xưa nay, bao giờ anh vẫn chỉ yêu có mình em... – Bỗng Andrew rền rĩ – Khốn nạn cho anh, Chris ạ. Tất cả chỉ là do lỗi lầm của anh. Những người ấy, họ tưởng ai cũng như họ cả, nhưng anh đâu có như họ. Anh rút chân ra một cái quá dễ dàng... quá dễ dàng em ạ. Nghe anh nói thêm này. Vừa rồi, ở máy điện thoại, anh đã gọi luôn cho Le Roy. Kể ra anh vẫn có thể hợp tác với họ được lắm. Song, hãng Cremo cũng đừng trông chờ gì ở anh nữa. Anh cũng xoá tên mình khỏi danh sách của họ rồi, Chris ạ. Lạy Trời! Anh sẽ không bao giờ để cho những việc ấy tái diễn.

Christine không đáp, song trong gian phòng yên lặng, tiếng que đan của nàng đập vào nhau thành một thứ tiếng lách tách nhanh nhẹn vui vẻ. Andrew cứ đứng đấy khá lâu, hổ thẹn nhìn xe cộ đi lại ngoài phố, nhìn xuống những chấm sáng dần dần bật loé lên trong đêm hè. Mãi sau, khi anh quay lại, gian phòng đã chìm trong bóng tối nhưng Christine vẫn ngồi đó tiếp tục đan, thân

hình mảnh khảnh nhỏ nhắn của nàng lẫn vào bóng hình chiếc ghế chìm trong tối không còn nhìn thấy nữa.

Đêm ấy, Andrew bừng tỉnh dậy, người bải hoải đẫm mồ hôi, anh quay sang Christine nhưng chưa nhìn thấy gì, tâm trí hãy còn hoảnh hốt vì những điều hãi hùng trong giấc mộng, anh đã nói:

- Em ở đâu, Chris? Anh hối hận lắm. Anh thành thực hối hận. Từ nay về sau anh sẽ hết sức tử tế, đúng mực với em. – Rồi giọng dịu xuống, đã hơi ngái ngủ – Bán xong chỗ này chúng mình sẽ đi nghỉ ngơi ít ngày. Thần kinh anh rệu rã cả rồi. Thế mà có lần anh gọi em là con điên! Khi chúng mình chọn được một chỗ ở nào yên ổn, bất kỳ là ở đâu, thể nào em cũng sẽ có mảnh vườn, Chris ạ. Anh biết em thích có một mảnh vườn đến nhường nào. Em còn nhớ... còn nhớ "Sơn cốc" không nhỉ?

Sáng hôm sau, Andrew mua về cho nàng một bó hoa cúc vạn thọ to. Anh cố biểu lộ niềm yêu thương nàng với tất cả lòng hăm hở như thời trước, không phải bằng sự hào phóng khoa trương mà nàng rất ghét – cứ nghĩ đến bữa ăn ở khách sạn Plaza mà anh rùng mình – mà bằng những sự săn sóc nho nhỏ gần như đã quên.

Đến giờ uống trà, Andrew mua về một loại bánh xốp mà Christine xưa nay vẫn thích, rồi lại còn lặng lẽ ra tủ kê ở cuối hành lang lấy đôi giầy vải đi trong nhà đem lại cho nàng khiến Christine phải giãy nảy lên, nhăn mặt nhẹ nhàng phản đối:

- Đừng, đừng thế, anh. Nếu không thì chắc chắn em sẽ lại khổ vì nó. Sang tuần sau, anh lại vò đầu bứt tai, xua đuổi em chạy khắp nhà như anh vẫn làm hồi nào cho mà xem.

Andrew thốt lên, gương mặt sững sờ, đau khổ:

- Chris, em không thấy là mọi việc đã thay đổi rồi sao? Từ nay trở đi anh sẽ sửa chữa mọi sai lầm đối với em.

- Có chứ, có chứ, anh của em ạ. – Nàng lấy tay quết nước mắt, miệng nhoẻn cười – Rồi với một vẻ nồng nàn, mãnh liệt mà anh chưa bao giờ ngờ có ở nàng – Em không cần gì hết chừng nào chúng mình sống bên nhau. Em không muốn anh phải chiều chuộng em. Em chỉ có một điều mong muốn là anh đừng đeo đuổi ai khác.

Tối hôm ấy, Denny đến vừa kịp giờ ăn tối cùng với hai vợ chồng bạn như Denny hẹn. Hope đã gọi điện đường dài từ Cambridge cho Denny nhờ Denny nói lại là Hope không về được Luân Đôn tối nay.

Tay vỗ tẩu, Denny nói thêm:

- Cậu ta bảo phải ở lại vì công việc. Nhưng mình nghĩ là anh bạn Hope nhà ta sắp lấy vợ... Thế là nhà vi khuẩn học của chúng ta đã bị thuần hoá rồi.

- Cậu ấy có ý kiến gì về ý định của mình không?

- Có, cậu ấy hào hứng lắm. Song, có hay không thì cũng không quan trọng, chúng mình có thể cứ tóm cổ cậu ấy lôi theo chúng mình. Vì thú thật, mình cũng thấy rất hào hứng... Mình không hình dung nổi làm sao cái kế hoạch tuyệt diệu ấy lại nảy ra được trong đầu óc điên rồ của cậu. Nhất là khi mình tưởng tượng cậu sắp ngoi lên làm anh bán xà phòng ở khu West End. Kể đầu đuôi cho mình nghe nào.

Andrew kể hết lại cho Denny nghe, càng kể càng sôi nổi. Hai người quay sang bàn bạc đến tận những chi tiết thực tế của đề án.

Họ bỗng nhận ra họ đã đi xa đến nhường nào khi Denny đưa ra ý kiến:

- Theo mình, ta không nên ở một đô thị quá lớn. Một thị trấn không quá hai vạn dân là thích hợp nhất. Ở những nơi như vậy chúng mình có thể làm ăn ra trò. Nhìn vào bản đồ miền trung du

miền tây, ta thấy có biết bao nhiêu thị trấn công nghiệp, nơi nào cũng có dăm bảy bác sĩ hầm hè nhau một cách rất chi là lịch sự, hay là có những thầy thuốc già hôm nay cắt một nửa cái amidan của con người ta rồi mai mới bơm thuốc sát trùng. Đó chính là những nơi chúng mình có thể thao diễn chủ trương hợp tác chuyên môn của chúng mình. Chúng mình sẽ không mua lại khách bệnh của ai. Coi như là chúng mình tự nhiên đến. Chà! Mình muốn nhìn bộ mặt của họ, ý mình muốn nói của các ngài bác sĩ Brown, bác sĩ John, bác sĩ Robinson, vân vân. Chúng mình sẽ phải nghe hàng tràng lời nhiếc móc đấy, có khi bị treo cổ cũng nên. Thôi, nói nghiêm chỉnh, chúng mình sẽ phải có một bệnh viện trung tâm, như cậu nói, phòng thí nghiệm của Hope ở liền ngay cạnh. Thậm chí chúng mình cũng có thể đặt vài ba giường nằm cho bệnh nhân ở trên gác. Ban đầu, chưa cần thật lớn... chủ yếu là cải tổ chứ không phải xây dựng. Nhưng mình đã cảm thấy chúng mình sẽ đứng vững – Bỗng để ý đến đôi mắt long lanh của Christine theo dõi câu chuyện, Denny mỉm cười – Thưa quý phu nhân, quý phu nhân nghĩ sao? Điên rồ, có phải không?

- Đúng – Christine trả lời, giọng khàn khàn – Nhưng chính những điều điên rồ ấy mới đáng kể.

- Đúng đấy! Cái đó mới đáng kể – Andrew nắm tay đập xuống bàn làm nảy tung dao thìa đĩa bát – Đành rằng kế hoạch là tốt, song cái chính là tư tưởng đằng sau cái kế hoạch ấy. Đây là một cách hiểu mới về lời thề của Hippocrat [1]. Một sự trung thành tuyệt đối với lý tưởng khoa học, không có lối làm việc kinh nghiệm chủ nghĩa, không có những phương pháp kiểu thầy lang vườn, không có lối kê đơn hàng loạt, cho những thứ thuốc vô dụng, chạy theo tiền công, ve vãn những người bệnh tưởng!

Họ nói chuyện đến tận một giờ sáng. Bầu nhiệt huyết của Andrew đã làm sôi động cả con người Denny vốn trơ như đá. Chuyến tàu cuối cùng trong ngày đã chạy từ lâu. Đêm đó, Denny ngủ lại ở

[1] Lời tuyên thệ của những người sắp làm thầy thuốc thề sẽ hành nghề một cách trung thực.

phòng ngủ bỏ không. Sáng hôm sau, ăn lót dạ xong, Denny vội ra tàu, hẹn sẽ trở lại vào thứ sáu tuần tới. Từ nay đến ngày ấy, Denny sẽ đi gặp Hope và – bằng chứng cuối cùng về sự hào hứng của Denny – anh sẽ mua một tấm bản đồ lớn vùng trung du miền Tây.

- Ổn lắm, Chris ạ, ổn lắm. – Andrew ở ngoài cửa đi vào, hớn hở – Denny "say" lắm rồi. Anh ấy không nói gì nhiều nhưng anh biết.

Cũng ngày hôm ấy, lần đầu tiên có người đến hỏi mua phòng khám bệnh. Ban đầu mới đến một người, sau thì nhiều. Gerald Turner đi cùng với những ai có nhiều ý định mua nhất. Ông ta tuôn ra hàng tràng những câu văn hoa đẹp đẽ, nói đến cả kiến trúc của nhà để xe. Đến thứ hai thì có bác sĩ Noel Lowry lại hai lần, buổi sáng lại một mình, buổi chiều đi cùng với nhân viên môi giới. Sau đó, Turner gọi dây nói cho Andrew:

- Bác sĩ Lowry thích chỗ của ông đấy. Có thể nói là rất thích. Ông ta chỉ sợ chưa kịp đưa bà vợ đến xem thì ông đã bán mất. Bà ấy hiện nay đang dẫn con cái đi nghỉ ngoài bãi biển, đến thứ tư này thì về.

Thứ tư là đúng ngày Andrew phải đưa Mary đến Bellevue. Anh nghĩ có thể giao phó hoàn toàn việc này cho Turner được.

Tại bệnh viện mọi chuyện đều diễn ra như anh đã dự kiến. Mary sẽ ra viện vào lúc hai giờ chiều. Andrew đã hẹn với chị y tá Sharp cùng đi xe hơi với Mary đến Bellevue.

Một rưỡi, vừa lúc Andrew đưa xe đến phố Welbeck đón Sharp thì trời mưa to. Khi Andrew đến nơi, chị ta trông có vẻ khó chịu, chị ta vẫn đợi Andrew nhưng với thái độ miễn cưỡng. Từ hôm Andrew báo trước là đến cuối tháng này anh phải cho chị nghỉ việc thì chị lại càng cau có hơn mọi khi. Chị ừ hữ đáp lại lời chào của Andrew rồi lên xe.

May là Andrew không vấp phải khó khăn gì khác với Mary. Andrew đỗ xe vừa đúng lúc Mary đi qua phòng thường trực bệnh

viện, và một phút sau Mary đã ngồi ở ghế sau với chị y tá Sharp, quanh người quấn một cái chăn ấm, dưới chân ủ một chai nước nóng. Thế nhưng đi chưa được mấy quãng đường, Andrew đã ân hận trót đem theo chị y tá cảu nhảu càu nhàu và đa nghi này. Rõ ràng chị ta coi chuyến đi này hoàn toàn vượt ra ngoài nhiệm vụ của mình. Andrew tự hỏi không biết làm sao anh đã chịu đựng được chị ta lâu đến thế.

Xe đến Bellevue vào lúc ba rưỡi. Trời đã tạnh, và mặt trời đã ló sau những đám mây khi xe lên đồi. Mary nhô người ra phía trước, đôi mắt bồn chồn hơi pha một chút lo lắng nhìn cái nơi mà người ta đã làm cô mong đợi rất nhiều.

Andrew gặp Stillman tại văn phòng. Anh muốn cùng ông khám ngay cho Mary và óc anh vẫn bị vấn đề bơm khí màng phổi ám ảnh. Andrew đề cập đến vấn đề ấy khi hút thuốc và uống trà với Stillman.

- Được được, – Stillman gật đầu khi Andrew nói xong – ta sẽ lên gác thăm bệnh cho cô gái ấy ngay bây giờ.

Stillman dẫn đường đến buồng Mary. Cô gái đang nằm trên giường, mặt còn nhợt nhạt sau cuộc hành trình và có vẻ lo lắng, mắt nhìn chị y tá Sharp đang đứng ở đầu phòng gấp quần áo cho cô Mary hơi giật mình khi Stillman vào.

Stillman khám rất tỉ mỉ. Phương pháp chẩn đoán của Stillman – từ tốn, lặng lẽ, hết sức tỉ mỉ – là một điều mới mẻ đối với Andrew. Hoàn toàn không có lối ve vuốt hoặc nạt nộ người bệnh. Quả thực, trông Stillman không giống một người thầy thuốc đang chẩn đoán bệnh. Ông như một nhà kinh doanh đứng trước một máy tính phức tạp bị trục trặc. Tuy Stillman có dùng ống nghe song phần lớn ông chẩn đoán bằng tay, sờ nắn các khoảng liên sườn và trên xương đòn gánh như thể qua những ngón tay tinh tế của mình, ông có thể thực sự cảm thấy thể trạng của những tế bào phổi đang sống, đang thở bên trong.

Chẩn đoán xong, Stillman không nói gì với Mary, ông kéo Andrew ra ngoài cửa bảo:

- Phải bơm khí màng phổi, không còn bàn cãi gì nữa. Hai lá phổi này lẽ ra phải ép từ mấy tuần trước. Tôi sẽ tiến hành ngay bây giờ. Ông quay lại nói cho cô ấy biết đi.

Trong khi Stillman đi chuẩn bị dụng cụ, Andrew trở vào phòng báo cho Mary biết quyết định của hai người. Anh nói hết sức nhẹ nhàng, song hiển nhiên việc bơm khí vào màng phổi này làm Mary thêm lo lắng. Cô gái hỏi, giọng băn khoăn:

- Chú bơm chứ? Ứ, cháu muốn chú bơm cơ.

- Không sao đâu, Mary ạ. Cháu sẽ không cảm thấy đau một chút nào. Chú cũng đứng ở đây. Chú sẽ giúp ông ấy. Chú sẽ chú ý không để cháu bị làm sao đâu.

Thực ra, Andrew đã định để Stillman tiến hành hoàn toàn một mình. Nhưng vì Mary quá lo lắng, chỉ tin tưởng ở Andrew, và quả Andrew cũng cảm thấy có trách nhiệm trong việc đưa Mary đến đây nên anh đến phòng phẫu thuật giúp Stillman một tay.

Mười phút sau hai người đã sẵn sàng. Khi Mary được đưa vào, Andrew gây tê khu vực cho cô gái. Rồi anh đứng cạnh cái áp kế trong khi Stillman khéo léo đưa mũi kim vào lồng ngực, theo dõi dòng khí ni-tơ vô trùng bơm vào màng phổi. Chiếc máy bơm khí cực kỳ tinh vi, và không ai có thể phủ nhận Stillman là bậc thầy về liệu pháp này. Ông điều khiển cái kim với bàn tay thành thạo, từ từ thọc dần vào một cách hết sức khéo léo, mắt chăm chú theo dõi cái áp kế, rình tiếng kêu đánh sật một cái báo hiệu kim đã chọc qua màng phổi.

Sau những phút ban đầu hoảng hốt, Mary đã dần dần bớt lo. Cô chịu đựng cuộc phẫu thuật với một niềm tin tưởng ngày một vững vàng và sau cùng, hoàn toàn thoải mái, cô mỉm cười được với Andrew. Trở về buồng cũ, Mary nói:

- Chú nói đúng. Không sao cả. Cháu không cảm thấy gì sất cả.

- Thực à? – Andrew nheo một bên mắt rồi lại bật cười – Phải như vậy: không rối rít, không cảm thấy có chuyện gì ghê gớm xảy ra với mình... chú mong ca phẫu thuật nào cũng êm thấm như vậy. Thế là hai lá phổi của cháu đã bị làm cho bất động rồi đó. Bây giờ phổi của cháu sẽ được nghỉ ngơi. Khi nào nó bắt đầu thở lại thì nó sẽ khỏi. Cháu cứ tin ở chú!

Mary nhìn Andrew rồi nhìn khắp gian phòng vui mắt, nhìn qua cửa sổ xuống thung lũng nằm xa xa.

- Với lại ở đây cháu thấy thích lắm. Ông ấy không cố làm ra vẻ tử tế đâu, ông Stillman ấy, nhưng dù sao vẫn cảm thấy ông ấy tốt lắm... Cháu uống trà được chưa, chú?

XVIII

Andrew ở Bellevue ra về thì đã gần bảy giờ. Anh đã ở đấy lâu hơn dự định. Vừa cho xe chạy anh vừa thấy lan dần trong người một cảm giác êm đềm yên tĩnh kỳ lạ. Đó là nhờ Stillman. Cá tính Stillman, dáng điệu ung dung thư thái của ông, thái độ dửng dưng đối với những thứ vặt vãnh nhỏ mọn trong cuộc sống, đã có một ảnh hưởng tốt đối với bản tính hăng bốc của Andrew. Hơn nữa, Andrew bây giờ đã yên tâm về Mary rồi. Anh so sánh hành động hấp tấp của anh khi trước – đưa ngay cô gái vào một bệnh viện lạc hậu – với tất cả những việc anh đã làm cho cô gái chiều nay. Việc này quả có gây cho anh nhiều phiền phức, mất nhiều công sức dàn xếp mà nó lại không đúng nguyên tắc nữa! Tuy Andrew chưa hỏi Stillman về tiền nong, song anh biết Boland không thể trả nổi viện phí ở Bellevue vì vậy anh sẽ là người phải gánh chịu. Nhưng những vấn đề ấy không có nghĩa lý gì so với niềm phấn khởi, sung sướng khi hoàn thành được một việc đáng kể. Lần đầu tiên từ nhiều tháng nay, Andrew cảm thấy anh đã làm được một việc theo anh là có giá trị. Cảm nghĩ ấy làm anh

khoan khoái, nó là một cảm nghĩ quý báu, bước đầu của sự hồi phục trong con người anh.

Andrew cho xe chạy từ từ thưởng thức không khí êm ả chiều tối. Chị y tá Sharp vẫn ngồi ở ghế sau nhưng chẳng có gì để nói, còn anh thì đắm mình trong những ý nghĩ riêng, hầu như không biết đến sự có mặt của chị ta. Gần về đến Luân Đôn, anh hỏi chị ta muốn xuống đâu, rồi theo ý chị ta, anh đỗ ở bến xe điện ngầm Notting Hill. Anh mừng đã tống khứ được chị ta. Chị ta là một y tá tốt nhưng phải cái khó tính, hay cau có. Chị ta chưa hề bao giờ ưa thích Andrew. Anh quyết định ngày mai sẽ trả ngay tiền lương tháng này cho chị ta bằng đường bưu điện, như vậy đỡ phải giáp mặt chị ta lần nữa.

Có cái lạ là tâm trạng Andrew thay đổi khi về đến phố Paddington. Anh thấy xót xa mỗi lần đi qua nhà vợ chồng Vidler. Anh liếc mắt nhìn cửa hiệu "Tân trang, hữu hạn". Một người phụ việc đang thả rèm cửa ngoài mặt hàng. Động tác đóng cửa đơn giản ấy mang một ý nghĩa tượng trưng sâu sắc đến nỗi nó làm anh rùng mình. Anh về đến nhà ủ rũ và cho xe vào nhà xe, trong lòng nặng trĩu một nỗi buồn kỳ lạ.

Christine hớn hở chạy ra gặp anh ở phòng ngoài. Trái ngược với Andrew, mặt nàng tươi roi rói, đôi mắt sáng ngời vì tin vui mà nàng đem ra kể với anh:

- Bán xong rồi, anh ạ! Sạch sành sanh, cả nhà lẫn hầm! Họ chờ anh mãi, họ vừa mới đi xong. Hai vợ chồng bác sĩ Lowry ấy. Ông ta sốt ruột lắm vì mãi không thấy anh về. Em mời họ anh tối. Rồi lại ngồi nói chuyện một lúc nữa. Sau em nhận thấy hình như bà Lawry cho là anh gặp tai nạn xe hơi. Em bắt đầu lo nhé. Nhưng bây giờ, anh đã về đến nhà, anh yêu của em, thế là mọi việc tốt đẹp cả. Mười một giờ mai, anh phải đến gặp ông Lawry tại văn phòng ông Turner để ký giấy bán. Và... à, vâng, ông ấy đã đặt cọc tại chỗ ông Turner rồi đấy.

Andrew theo chân Christine vào phòng ăn: bàn ăn đã thu dọn sạch sẽ. Dĩ nhiên anh mừng thấy phòng khám của anh đã bán xong, tuy vậy trong lúc này anh không thể nào tỏ ra phấn khởi được.

- Giải quyết xong xuôi nhanh chóng như vậy là tốt chứ anh? Em chắc ông Lawry sẽ không để lâu đâu. Ôi, em đã nghĩ rất nhiều trước khi anh về. Giá chúng mình lại đi nghỉ ở Val André một lần nữa trước khi bắt tay vào việc mới, anh nhỉ... Ở đấy tươi đẹp biết bao, phải không anh, và chúng mình đã sống ở đấy những ngày thần tiên... – Nàng bỗng im bặt, nhìn anh, rồi hỏi – sao, anh có chuyện gì đấy?

- Chuyện gì đâu, – Andrew mỉm cười, ngồi xuống ghế – anh chỉ hơi mệt một chút thôi, chắc thế. Có lẽ là tại anh chưa ăn tối.

- Ơ! – Thất kinh, nàng thốt lên – Em cứ đinh ninh là anh ăn tối ở Bellevue rồi mới về. – nàng đưa mắt đảo quanh một lượt. – em đã dọn sạch cả, và lại cho chị Bennett đi xem chiếu bóng mất rồi.

- Thôi, không cần, em ạ.

- Cần chứ. Thảo nào anh không nhảy lên khi em kể việc nhượng lại nhà. Bây giờ anh ngồi chờ em một phút để em bưng khay lên. Anh thích ăn món gì nhất hả anh? Em có thể hâm lại súp, hoặc tráng mấy quả trứng cho anh, hay món gì được nhỉ?

Andrew cân nhắc:

- Trứng, được đấy, em ạ. Nhưng em nhọc sức làm gì. Thôi được, nếu em muốn thì... có lẽ sau đó cho anh thêm một miếng pho-mát.

Loáng một cái, Christine đã đem lên một cái khay bên trên để một đĩa trứng tráng, một nhát cần tây đặt trong một cái cốc, bánh mì, bánh qui, bơ và đĩa pho-mát. Nàng đặt khay lên bàn. Trong khi Andrew kéo ghế ngồi htì nàng lấy ở tủ bát đĩa bên cạnh ra một chai rượu mạnh. Rồi nàng âu yếm ngồi nhìn anh ăn.

- Này anh, giá chúng mình về ở phố Cefan nhỉ, chỉ cần một gian bếp và một phòng ngủ, thế là vừa vặn. Cuộc sống xa hoa không hợp với chúng mình. Nay em sắp lại trở thành vợ một người lao động, em thấy sung sướng vô cùng.

Andrew ăn sang đĩa trứng. Ăn được một chút, anh thấy dễ chịu hơn.

- Anh ơi, anh biết không, – Christine nói tiếp, tay đỡ cằm trong dáng ngồi quen thuộc. – Mấy hôm nay, em nghĩ ngợi nhiều lắm. Trước kia, đầu óc em mụ mẫm, cứ u u mê mê, nhưng từ khi chúng mình lại gần gũi nhau, từ khi chúng mình lại như cũ thì cái gì em cũng thấy rõ ràng, dễ hiểu. Những cái gì mà mình phải phấn đấu mới giành được thì mới có giá trị. Cái gì cứ tự nhiên rơi vào lòng thì nó sẽ không đem lại cho mình một niềm vui nào. Anh còn nhớ thời gian chúng mình ở Aberalaw không, những ngày ấy lại hiện ra rõ mồn một trong óc em suốt ngày hôm nay... những ngày chúng mình đã cùng nhau vượt qua bao nhiêu khó khăn gian khổ. Bây giờ em cảm thấy chúng mình sắp lại bắt đầu một cuộc sống y như vậy. Đó là cuộc sống hợp với chúng mình, anh của em ạ. Chúng mình là thế đó. Ôi, nghĩ đến là em thấy sung sướng quá.

Andrew ngẩng mặt nhìn nàng:

- Em sung sướng thực chứ, Chris?

Nàng đặt một cái hôn nhẹ lên má anh:

- Chưa bao giờ sung sướng như bây giờ.

Hai người im lặng một lúc, Andrew phết bơ vào một miếng bánh qui rồi nhấc nắp đậy đĩa pho mát để cắt một miếng. Nhưng tay anh chững lại vì không phải là thứ pho mát Liptauer ưa thích của anh, chỉ là một mẩu pho mát thường, khô cứng mà chị Bennett vẫn dùng để nấu ăn còn sót lại. Nhìn thấy thế, Christine bật lên một tiếng kêu tự trách mình.

- Hôm nay em đã định đến hiệu Fraud Schmidt rồi lại quên.

- Thôi, thế này cũng được, em ạ.

- Cũng được thế nào. – Nàng cất vội đĩa pho-mát đi không để cho Andrew kịp lấy.

– Em thì cứ ngồi đây nghĩ vẩn vơ như một cô học trò đa sầu đa cảm, chẳng dọn gì cho anh ăn, trong khi anh đi về mệt mỏi, đói mềm người ra. Vợ người lao động như em thì đẹp nhỉ! – Nàng đứng phắt ngay dậy, mắt nhìn đồng hồ – Em còn đủ thời gian ra hiệu Fraud Schmidt trước giờ đóng cửa.

- Đừng mất công nữa em, Chris!

- Nghe em nào, anh! Em muốn thế. Em thích thế... bởi vì anh thì yêu chuộng món pho-mát hiệu Fraud Schmidt, còn em thì yêu quý anh.

Andrew chưa kịp phản đối một lần nữa thì Christine đã chạy ra ngoài. Anh nghe thấy tiếng chân mau mau của nàng ở gian tiền sảnh, tiếng cửa ngoài khép lại nhè nhẹ. Con mắt của anh vẫn còn thoáng đọng một ánh cười... thật đúng là tính tình nàng. Anh lấy một miếng bánh quy nữa phết bơ ăn trong khi chờ đợi thứ pho-mát Liptauer đặc biệt, chờ đợi nàng về.

Ngôi nhà rất yên tĩnh, Florrie chắc đã ngủ ở dưới nhà và chị Bennett chắc đi xem chiếu bóng rồi. Andrew mừng khi thấy chị Bennett theo hai vợ chồng anh trong bước phiêu lưu mới. Chiều nay, Stillman cừ quá. Mary chắc bây giờ đã trở lại bình thường. Rất đẹp là đến chiều thì trời tạnh, và chuyến về đi qua các xóm làng tươi mát và êm ả sau cơn mưa thật tuyệt diệu. Ơn trời! Không lâu nữa, Christine lại sẽ có một mảnh vườn riêng. Dù cho anh, Denny và Hope có bị năm bảy tay bác sĩ ở thị trấn X nào đó treo cổ lên thì Christine vẫn phải có mảnh vườn của nàng.

Andrew bắt đầu ăn một miếng bánh qui, trí óc vẫn để ở đâu đâu. Anh ăn sẽ mất ngon nếu nàng không về nhanh. Chắc nàng lại

đang nói chuyện với Fraud Schmidt. Người đàn bà tốt bụng này đã giới thiệu đến chỗ anh những người khách đầu tiên của anh. Giá như anh cứ tiếp tục đi theo con đường chân chính chứ không như... Ôi, thôi, chuyện ấy bây giờ xong rồi. Ơn Trời! Christine và anh đã lại hoà thuận, lại gần gũi thương yêu nhau rồi, lại có hạnh phúc hơn bất kỳ thời gian nào trước đây. Thật là tuyệt diệu được nghe nàng nói ra điều đó vừa cách đây một phút xong. Andrew châm một điếu thuốc.

Bỗng chuông cửa giật mạnh. Anh ngẩng đầu lên, bỏ điếu thuốc. Đi ra phòng ngoài. Anh chưa tới nơi, chuông cửa đã giật mạnh lần nữa. Anh mở cửa.

Andrew nhận ra ngay tức khắc sự nhốn nháo ở ngoài phố: người đứng đông trên vỉa hè, những khuôn mặt, nhưng cái đầu chen chồng lên nhau trong bóng tối. Anh chưa nhận rõ được gì thì người cảnh sát vừa giật chuông xong hiện ra trước mặt. Chính là Struthers, người bạn thân của anh làm nhiệm vụ giao cảnh ở phố Fife. Lạ chưa! Struthers nhìn anh với con mắt chỉ toàn lòng trắng. Struthers thở hổn hển như người mới chạy gấp:

- Bác sĩ Manson... Chị nhà bị nạn... Chị ấy lao... lạy Chúa tôi... chị ấy lao vào đầu xe buýt khi vừa ra khỏi cửa hiệu.

Một bàn tay lạnh buốt bóp chặt tim Andrew. Anh chưa kịp nói gì thì đám người đã xô đến sát anh. Phòng ngoài bỗng nhiên đầy người, cuốn theo vào một không khí ghê sợ. Fraud Schmidt khóc sướt mướt, một người lái xe buýt, một người cảnh sát khác và những người lạ mặt chen nhau xô đẩy Andrew lùi lại vào tận trong phòng khám. Rồi đám đông rẽ ra, hai người đàn ông khiêng thi thể Christine đến. Đầu nàng ngửa ra sau, kéo căng chiếc cổ trắng mảnh khảnh. Hãy còn vướng vào ngón tay nàng nhờ ở mấy sợi dây cái gói mua ở hiệu Fraud Schmidt. Người ta đặt nàng lên chiếc giường khám bệnh trong phòng khám.

Nàng chết hẳn rồi.

XIX

Andrew quỵ hẳn, nhiều ngày liền anh mê muội không biết gì. Thỉnh thoảng có đôi lúc tỉnh táo là lúc anh nhận ra chị Bennett, Denny hoặc một hai lần nhận ra Hope. Còn hầu như trong suốt một thời gian, anh hoàn toàn như cái máy làm những động tác mà người ta đòi hỏi ở anh. Tất cả con người anh bị chìm sâu trong một cơn ác mộng dài. Thần kinh anh rã rời, gây ra những ảnh ảo chết chóc, những cơn hối hận ghê rợn khiến anh luôn mê sảng, la hoảng, người đẫm mồ hôi. Sự mất mát vì thế càng thêm đau đớn.

Andrew chỉ lờ mờ biết đến những thủ tục sầu thảm của cuộc điều tra tai nạn, nhưng lời khai quá tỉ mỉ, quá vô ích của các nhân chứng. Con mắt anh đờ đẫn nhìn gương mặt bè bè giàn giụa nước mắt của bà Smith.

- Cô ấy cứ cười, cười suốt thời gian đứng ở hiệu tôi. Nhanh lên, bà ơi – cô ấy cứ giục tôi – tôi không muốn để nhà tôi phải đợi lâu.

Khi nghe thấy nhân viên điều tra ngỏ lời chia buồn với bác sĩ Manson về sự tổn thất đau đớn thì Andrew biết là đã xong. Anh đứng dậy như một cái máy, nhận ra mình đang đi cùng với Denny trên vỉa hè xám xịt.

Đám tang được tổ chức như thế nào, Andrew cũng không biết nữa. Mọi việc diễn ra một cách bí hiểm, anh chẳng hay biết một cái gì. Trên đường đi đến nghĩa trang Kensal Green, trí óc anh cứ vơ vẩn đâu đâu, nghĩ ngược lại những năm tháng đã qua. Giữa những bức tường bi thảm của nghĩa trang, anh nhớ lại những vạt mênh mông gió thổi đằng sau khu nhà của anh và nàng tại Aberalaw, nơi có những đàn ngựa rừng, nhởn nhơ chạy đi chạy lại. Nàng đã rất thích dạo chơi ở đó để cảm thấy làn gió mơn trớn lên má. Thế mà bây giờ nàng lại nằm ở cái nghĩa trang thành phố bẩn thỉu này.

Đêm ấy, bị thần kinh hành hạ ghê gớm, Andrew cố uống rượu cho tê mụ người đi. Nhưng rượu hình như chỉ khơi dậy cơn giận dữ đối

với bản thân. Andrew lồng lộn đi lại trong phòng đến tận khuya, nói to một mình, tự nhiếc móc mình với giọng say rượu.

- Mày tưởng mày có thể thoát được à? Mày tưởng mày đang thoát được đấy à? Có quỷ thần chứng giám, mày không thoát nổi đâu. Tội lỗi và trừng phạt, tội lỗi và trừng phạt. Chuyện xảy ra với nàng cũng là do mày. Mày phải gánh lấy đau khổ.

Andrew đi hết phố này đến phố khác, đầu không mũ, chân bước loạng choạng, con mắt tê dại thẫn thờ nhìn hiệu Vidler cửa đóng kín mít rồi trở về, làu bàu qua hàng nước mắt cay đắng:

- Trời có mắt! Christine chả đã có lần bảo: Trời có mắt chứ, anh!

Andrew lảo đảo lên gác, ngập ngừng rồi bước vào phòng nàng, gian phòng lạnh ngắt, lạnh lẽo, hoang vắng. Ví nàng để trên bàn phấn. Anh cầm lấy áp vào má rồi run rẩy mở ra. Trong túi có vài ba đồng tiền kẽm, một chiếc mùi xoa nhỏ, một tờ giấy tính tiền của cửa hàng thực phẩm. Ở ngăn giữa, anh thấy có mấy tờ giấy, một bức ảnh đã bạc màu chụp anh hồi ở Blaenelly và... anh hồi hộp đau đớn nhận ra... những mảnh giấy mà các bệnh nhân của anh ở Aberalaw gửi đến mừng anh nhân ngày Chúa giáng sinh: "Với lời cảm ơn chân thành"... Nàng đã giữ những thứ đó trong suốt những năm qua như những báu vật. Ngực anh bật ra một tiếng nấc nặng nề. Anh quỳ xuống bên giường, nước mắt như mưa.

Denny không tìm cách ngăn Andrew uống rượu. Andrew cảm thấy như ngày nào Denny cũng đến nhà. Không phải để khám bệnh hộ anh vì bác sĩ Lawry đã đến làm việc rồi. Lawry ở chỗ khác nhưng ngày nào ông cũng đến khám bệnh và xem danh sách những người mời đi thăm. Andrew không biết gì, không biết tí gì về việc đã diễn ra, và anh cũng không muốn biết. Anh tránh mặt Lawry. Thần kinh anh đã kiệt quệ. Tiếng chuông cửa cũng làm anh giật bắn người. Một bước chân vang lên bất thình lình là làm lòng bàn tay anh vã mồ hôi. Anh ngồi trong phòng anh ở trên gác, một

chiếc mùi xoa cuộn tròn giữa các ngón tay, thỉnh thoảng lau mồ hôi lòng bàn tay, mắt đờ đẫn nhìn ngọn lửa biết rằng đêm đến lại thức trắng. Andrew đang ở trong tình trạng như vậy thì một buổi sáng Denny đến bảo:

- Ơn Trời, cuối cùng mình đã được tự do. Bây giờ chúng mình có thể đi được rồi.

Không có chuyện từ chối, Andrew hoàn toàn không có sức chống cự. Anh cũng không hỏi hai người đi đâu. Im lặng, thẫn thờ, anh nhìn Denny xếp va-li cho anh. Một giờ sau, hai người ra ga Paddington.

Họ đi tàu suốt buổi chiều qua các huyện miền tây nam, đổi tàu tại Newport và đi thẳng đến Monmouthshire. Họ xuống ga Abergavenny. Ra khỏi ga, Denny thuê một chiếc xe hơi. Trong khi chạy khỏi thị trấn, qua sông Usk rồi đi qua miền thôn quê rực rỡ màu sắc mùa thu, Denny bảo:

- Đây là một nơi hẻo lánh mà trước đây mình vẫn thường đến câu cá. Tu viện Llantony. Mình nghĩ chỗ này hợp với chúng mình.

Đi hết những con đường đất hai bên trồng phỉ, hai người đến nơi vào lúc sáu giờ chiều. Trên một khoảng đất vuông vắn rậm cỏ ngổn ngang những tàn tích của tu viện, những tảng đá xám trơn nhẵn, một vài khung cửa vòm vẫn còn đứng. Bên cạnh là nhà khách, xây toàn bằng đá cũ của tu viện. Gần đó có một con suối nhỏ, tiếng suối lúc nào cũng rì rào êm dịu. Khói củi đốt bay lên trời thành một luồng khói xanh thẳng đứng trong không khí êm ả buổi chiều tối.

Sáng hôm sau, Denny kéo Andrew đi bộ chơi. Trời khô ráo, mát mẻ, nhưng sau một đêm không ngủ, các bắp thịt của Andrew mỏi rời khi leo ngọn đồi thứ nhất khiến anh đã phải ngỏ ý muốn quay về khi cả hai người mới đi được một quãng đường ngắn. Tuy vậy, Denny vẫn kiên quyết. Ngày đầu tiên ấy, Denny bắt Andrew đi tám dặm, hôm sau đi mười dặm. Đến cuối tuần thì mỗi ngày họ đi

được hai mươi dặm cho nên đến tối, Andrew lê chân về phòng mình là lăn ngay vào giường ngủ mê mệt.

Không có ai quấy rầy họ tại tu viện này. Ở đây chỉ còn lại vài người đánh cá vì mùa cá hồi cũng sắp hết. Denny và Andrew ăn tại phòng lát đá, trên chiếc bàn gỗ sồi dài đặt trước một bếp lửa đốt bằng mấy khúc củi. Thức ăn đơn giản nhưng ngon miệng.

Trong những buổi đi chơi bộ ấy, hai người không nói chuyện. Nhiều khi suốt cả ngày đi bộ, họ chỉ nói với nhau vài lời. Ban đầu, Andrew hoàn toàn không để ý gì đến cảnh vật những vùng thôn quê mà bước chân anh đi qua, nhưng dần dần vẻ đẹp của những khóm rừng và những dòng sông, những ngọn đồi dương xỉ mọc kín thấm dần từng tí từng tí một vào con người anh qua những giác quan đã tê dại.

Andrew hồi sức không thật nhanh, song đến cuối tháng thứ nhất anh đã chịu đựng được cái mệt sau những chặng đường đi bộ dài, đã ăn ngủ bình thường, sáng nào cũng tắm nước lạnh và không co mình lại khi nhìn về tương lai nữa. Andrew nhận ra không thể tìm một chỗ nào tốt hơn cho sự hồi phục của anh bằng nơi hẻo lánh này, không có nếp sống nào tốt hơn đối với anh bằng cuộc sống khắc khổ, tu hành này. Khi những đợt băng giá đầu tiên phủ lên mặt đất, Andrew đã bất giác cảm thấy trong mạch máu rần rật một niềm khoan khoái.

Andrew bất ngờ bắt đầu trò chuyện. Ban đầu, hai người chỉ nói với nhau những chuyện vụn vặt. Như một vận động viên làm động tác khởi động đơn giản trước khi bắt đầu lập những thành tích to lớn hơn, trí óc Andrew còn giữ một thái độ dè dặt khi tiếp xúc với cuộc đời. Nhưng từng tí một, Andrew được Denny cho biết về những sự việc đã qua.

Danh sách các khách bệnh của Andrew đã được nhượng lại cho bác sĩ Lawry không phải với số tiền Turner đã ấn định mà chỉ được xấp xỉ số tiền đó vì trong tình cảnh lúc bấy giờ, Andrew

không thể giới thiệu lại các khách bệnh của anh cho người kế chân anh. Hope cuối cùng đã hết thời kỳ hưởng học bổng và hiện về sống ở quê là Birmingham. Denny cũng được tự do rồi. Anh đã xin nghỉ việc trước khi về Llantony. Andrew hiểu ngay những điều ấy ám chỉ gì, anh ngẩng phắt đầu lên:

- Mình sẽ đủ sức làm việc vào đầu năm tới.

Hai người bắt đầu bàn bạc nghiêm chỉnh và trong vòng một tuần, vẻ đờ đẫn trì độn trên nét mặt của Andrew đã biến mất. Anh cảm thấy tâm trí con người ta có thể hồi phục sau một đòn choáng váng như anh đã phải chịu, kể cũng kỳ lạ và đáng buồn. Tuy nhiên, anh chẳng làm thế nào được, sự hồi phục đã diễn ra ở anh. Mấy hôm trước, anh còn lê chân như một cái máy với một vẻ thờ ơ lạnh lùng. Nhưng bây giờ anh đã hít không khí mát lạnh vào lồng ngực với một vẻ cường tráng, cầm chiếc gậy phạt mạnh vào đám dương xỉ, nhận lấy từ tay Denny những thư từ báo chí do bưu điện chuyển đến, và rủa ầm lên khi người ta không đem đến cho anh tờ "Tạp chí y học".

Đến tối Denny và Andrew nghiên cứu một tấm bản đồ cỡ lớn. Dựa vào một quyển danh bạ, hai người lập một bảng ghi tên các thị trấn rồi gạch bớt dần đi và sau cùng đặt chung sự lựa chọn vào tám thị trấn, hai thị trấn nằm ở hạt Staffordshire, ba ở Northamptonshire và ba ở Warwickshire.

Sang thứ hai tuần sau, Denny đi vắng một tuần. Trong bảy ngày ấy, Andrew cảm thấy niềm khát khao làm việc trước kia trỗi dậy trở lại, khát khao được làm một công việc thật sự mà anh có thể cùng với Hope và Denny thực hiện. Anh nôn nóng đứng ngồi không yên. Chiều thứ bảy, anh đi bộ ra tận Abergavenny đón chuyến tàu cuối cùng trong tuần. Thất vọng trở về, Andrew tưởng sẽ phải chịu đựng thêm hai đêm một ngày tròn chờ đợi một lần nữa, nhưng về đến nhà, anh đã thấy một chiếc xe Ford nhỏ màu đen đậu ở ngoài nhà khách. Chạy vội vào, anh thấy trong phòng

anh sáng đèn Denny và Hope đang ngồi uống trà với trứng đúc thịt, kem đánh bọt và đào đóng hộp.

Trong ngày nghỉ cuối tuần đó chỉ có riêng ba người sử dụng cả ngôi nhà. Bản báo cáo của Denny đọc tại bữa ăn xôm trò này là lời mở màn nồng nhiệt cho buổi thảo luận hăng say giữa ba người. Bên ngoài trời mưa to kêu rào rào vào cửa kính. Thời tiết cuối cùng đã xấu đi, nhưng đối với họ thì không hề gì.

Trong số những thị trấn Denny đã đến thăm có hai thị trấn, theo cách nói của Hope, đã chín muồi cho việc mở mang ngành y. Frenton và Stanborough đều là những thị trấn nửa nông nghiệp vừa mới được ghép thêm một ngành công nghiệp mới. Ở Stanborough mới mọc lên một nhà máy sản xuất vòng bi cho động cơ. Frenton thì mới có một nhà máy đường lớn, nhà cửa mọc lên san sát chung quanh, dân số tăng lên. Nhưng ở cả hai nơi, các cơ sở y tế còn bị thụt lùi đằng sau. Frenton chỉ có một cái bệnh xá con con, còn Stanborough thì chẳng có gì cả. Những trường hợp cấp cứu, đưa lên Coventry cách đó mười lăm dặm.

Những chi tiết ít ỏi ấy đã đủ để họ lao theo như đàn chó săn đánh hơi thấy con mồi. Nhưng Denny còn có những tin tức đáng khích lệ hơn nữa. Denny giở ra một tấm bản đồ Stanborough xé ở quyển chỉ dẫn đường vùng trung du của câu lạc bộ xe hơi. Denny bảo:

- Mình lấy làm tiếc là đành phải xé trộm bản đồ này ở khách sạn Stanborough. Theo mình, đây là một nơi bắt đầu khá tốt đẹp.

- Này, cái dấu này chỉ cái gì thế, nói ngay cho chúng mình biết đi – anh chàng Hope thích riễu cợt bây giờ cũng nôn nóng hỏi.

- Đây là khu chợ, – Denny nói trong khi ba người chụm đầu trên tấm bản đồ – hay ít ra thực chất nó là khu chợ, vì không hiểu vì lý do gì người ta lại gọi đấy là "bãi vòng". Nó nằm ở chính giữa thị trấn, ở một vị trí khá cao, một địa thế rất tốt. Các cậu biết không, một dãy nhà, cửa hiệu và văn phòng, nửa là nhà ở, nửa là hiệu

buôn lâu đời, kiến trúc thời kỳ George, cửa sổ thấp và cửa kính khung vòm. Viên thầy thuốc chính của thị trấn – một lão to béo như cái vại, mình đã gặp lão ta, mặt đỏ gay, uy nghi lẫm liệt, hai mái tóc mai như hai miếng sườn cừu – thế mà lão ấy cũng lại dùng hai người phụ tá. Nhà lão ấy ở ngay "bãi vòng" này. Đối diện với nhà lão ấy, ở phía bên kia vòi nước xinh xắn bằng đá Gra-nít nằm ở giữa "bãi vòng" là hai ngôi nhà bỏ trống, có nhiều phòng rộng, sàn nhà tốt nguyên, mặt nhà tươi tắn và lại treo biển đề "nhà bán". Theo mình thì...

- Theo cả mình nữa – Hope nói liền một hơi – mình xin nói ngay: đối với mình, không có gì thích bằng một phòng thí nghiệm nho nhỏ đối diện với cái vòi nước này.

Họ tiếp tục bàn bạc. Denny tiếp tục cung cấp thêm nhiều chi tiết thú vị. Anh kết luận:

- Cố nhiên, có lẽ chúng mình ai cũng thấy mê rồi. Nhưng chúng mình không ai có nhiều tiền. Chắc chúng mình sẽ phải làm việc như tù khổ sai thì mới xong được. Nhưng dù sao...

- Cầu Trời phù hộ cho lão thầy thuốc tóc mai dài kia! Hope nói rồi vươn vai đứng dậy.

Chủ nhật, họ đẩy kế hoạch của họ đi xa thêm một bước nữa. Họ quyết định ngày mai, trên đường về nhà, Hope sẽ đi vòng qua Stanborough. Denny và Andrew sẽ đến Stanborough gặp Hope vào hôm thứ tư tại khách sạn, rồi một trong ba người sẽ kín đáo đến hỏi nhân viên giao dịch nhà cửa ở đó.

Với một ngày bận rộn bày ra trước mắt, hôm sau Hope lên đường rất sớm, phóng chiếc xe Ford vụt đi khi hai người bạn kia chưa kịp ăn xong bữa sáng. Trời còn đầy mây, nhưng gió thổi mạnh báo hiệu một ngày vui vẻ, lộng gió. Ăn sáng xong, Andrew đi ra ngoài một tiếng. Thật khoan khoái khi thấy mình lại sung sức, sự nghiệp của anh một lần nữa lại đến với anh trong cuộc phiêu lưu

đẹp đẽ này. Mãi cho đến bây giờ, lúc kế hoạch của anh sắp được thực hiện, anh mới hiểu hết ý nghĩa của nó đối với anh.

Andrew về nhà vào lúc mười một giờ thì người đưa thư đã đem đến cho anh một chồng thư gửi từ Luân Đôn. Anh ngồi vào bàn, sung sướng giở thư ra đọc. Denny đang đọc tờ báo buổi sáng bên cạnh lò sưởi.

Bức thư thứ nhất là thư của Mary Boland. Một nụ cười ấm áp hiện lên trên đôi môi của Andrew khi anh đọc những trang giấy viết xin xít. Đầu thư, cô gái bày tỏ niềm thương cảm với anh, mong anh nay đã hồi phục hoàn toàn. Rồi cô kể với Andrew tóm tắt về cô. Cô đã khoẻ hơn rất nhiều, gần khỏi hẳn. Trong năm tuần qua, nhiệt độ của cô đã trở lại bình thường. Cô đã ngồi dậy, tập thể dục dần dần, mỗi ngày thêm một ít. Cô lên cân nhiều đến nỗi chú Andrew khó có thể nhận ra cô. Mary hỏi chú Andrew bao giờ đến thăm cô. Ông Stillman đã về Mỹ từ mấy tháng nay, để lại người phụ tá là ông Marland chịu trách nhiệm trông nom bệnh viện. Mary không thể nào nói hết được lòng biết ơn chú Andrew về việc gửi cô đến Bellevue.

Andrew đặt thư xuống, mặt hãy còn tươi tỉnh với ý nghĩ Mary khỏi bệnh. Sau đó, gạt sang một bên một loạt những tờ thông tin và giấy quảng cáo, tất cả đều gửi trong phong bì mềm dán tem nửa pen-ni, Andrew nhặt lấy bức thư thứ hai. Đây là một chiếc phong bì khổ lớn thuộc loại công văn. Anh mở phong bì, rút ở trong ra một tờ giấy cứng.

Đến lúc này, nụ cười trên môi anh không còn nữa. Anh đờ người ra nhìn bức thư mà không tin ở mắt mình. Mắt anh trợn tròn, mặt tái nhợt. Anh lặng người dễ đến mười phút, mắt cứ nhìn trừng trừng vào bức thư.

- Denny, xem đây này. – Andrew nói với giọng trầm trầm.

XX

Hai tháng trước, sau khi Andrew đỗ xe lại để chị y tá Sharp xuống, chị ta đi xe điện ngầm đến Oxford Scott rồi rảo chân về phía đường Hoàng hậu Anne. Sharp đã hẹn với bạn là Trent, làm y tá cho Hemson, cùng đi xem diễn viên Louis Savory mà hai người rất mê thích biểu diễn trong vở "Tâm tình bà quận chúa" tại rạp Hoàng hậu. Nhưng bây giờ đã 8 giờ 15. 8 giờ 45 thì buổi diễn bắt đầu cho nên không còn mấy thời gian để Sharp đến đón chị bạn rồi lại đến rạp hát. Chưa kể đáng lẽ được ăn một bữa tối nóng hổi ngon lành tại quán Corner như họ đã tính trước, có thể họ buộc lòng phải vừa đi vừa nhai một mẩu bánh mì thịt hay có khi chẳng kịp ăn nữa. Vì vậy, trên đường đến phố Hoàng hậu Anne, tâm trạng Sharp là tâm trạng một người đã bị lạm dụng một cách xấu xa, bỉ ổi. Nghĩ lại những sự việc ban chiều, Sharp tức lộn ruột. Chị ta bước nhanh mấy bậc cửa nhà số 17c và hấp tấp bấm chuông.

Trent ra mở cửa với vẻ trách móc nhưng không nóng ruột. Trent chưa kịp nói gì thì Sharp đã siết chặt cánh tay bạn:

- Cậu ơi, mình xin lỗi cậu nhé. Ngày hôm nay, mình gặp toàn những chuyện bực mình. Mình sẽ kể với cậu sau. Để mình vào nhà bỏ bớt những thứ đồ này hẵng. Có lẽ phải đi luôn ngay bây giờ, không sửa sang mặt mũi gì nữa thì may ra mới kịp.

Vừa lúc đó, trong khi hai chị y tá đứng với nhau ở hành lang ra vào thì Hemson ở trên gác xuống, bảnh bao sang trọng trong bộ lễ phục. Hemson đứng lại khi nhìn thấy họ vì y không bao giờ chịu bỏ qua một cơ hội bày tỏ sức quyến rủ của con người y. Điều đó nằm trong mánh khóe sống của y: làm cho mọi người yêu thích y rồi lợi dụng họ triệt để.

- À, chào chị Sharp. – Giọng Hemson vui vui, vừa nói vừa lấy một điếu thuốc lá trong hộp thuốc bằng vàng – Trông chị sao mệt mỏi thế. Mà sao cả hai chị lại đi muộn thế? Có đúng chị Trent bảo với tôi là tối nay hai chị đi xem hát phải không?

- Thưa bác sĩ, vâng – Sharp nói – Nhưng tôi... tôi bị mắc bận vì một người bệnh của bác sĩ Manson ạ.

- Thế à? – Giọng Hemson hơi có vẻ hỏi han. Thế là đủ với Sharp rồi. Tức tối vì cảm thấy bị đối xử bất công, oán ghét Andrew và khâm phục Hemson, chị ta tuôn ra hết đầu đuôi sự việc:

- Trong đời tôi, chưa bao giờ gặp chuyện như vậy, bác sĩ Hemson ạ. Chưa bao giờ. Lấy một bệnh nhân ở Victoria rồi lén lút chuyển đến một nơi tên là Bellevue và bắt tôi đợi hết ba giờ đồng hồ trong khi ông ta, ông bác sĩ Menson ấy ạ, bơm khí màng phổi cùng với một người không có chuyên môn...

Chị ta kể hết những sự việc diễn ra hồi trưa, khó khăn lắm mới nén nổi những giọt nước mắt bực tức.

Sharp kể xong, cả ba người cùng im lặng một lúc, trong con mắt Hemson ánh lên một vẻ khó hiểu. Cuối cùng, Hemson bảo:

- Rõ lôi thôi quá nhỉ. Nhưng tôi mong hai chị không bị lỡ mất buổi xem hát. Chị Trent này, chị cứ gọi tắc xi mà đi, tôi sẽ chịu tiền cho. Cộng khoản tiền ấy vào sổ chi tiền của chị. Còn bây giờ, xin lỗi nhé, tôi phải đi đây.

- Thế mới là con người lịch sự – Sharp lẩm bẩm, con mắt kính phục nhìn theo Hemson – Thôi, cậu ơi, ta gọi tắc xi đi.

Lái xe đến câu lạc bộ, Hemson mải mê suy nghĩ. Sau hôm cãi cọ với Andrew, vì hoàn cảnh bó buộc Hemson phải gạt tự ái sang một bên quay lại hợp tác chặt chẽ hơn với Deedman và Ivory. Tối nay, cả ba cùng hẹn đến ăn tối với nhau. Trong lúc ăn, chỉ vì muốn có câu chuyện mua vui và để nhích lại gần hơn hai tay bạn kia chứ không phải độc ác gì, Hemson lơ đãng nói:

- Menson hình như lại giở trò từ khi nó bỏ chúng mình. Mình nghe nói nó bắt đầu cung cấp bệnh nhân cho thằng cha Stillman.

- Hử? – Ivory buông đĩa xuống.

- Và hợp tác với thằng cha ấy nữa, hình như thế.

Rồi Hemson vui vẻ kể. Hemson kể xong, Ivory hỏi giật giọng:

- Có đúng thế không?

- Ông bạn thân mến ơi – Hemson mếch lòng đáp – Tôi vừa mới nghe được từ cửa mồm con y tá của nó cách đây mới có nửa tiếng.

Không khí im lặng một lúc. Ivory cúi xuống tiếp tục ăn. Nhưng dưới vẻ ngoài thản nhiên, Ivory mừng rơn trong bụng. Y không bao giờ tha thứ cho Andrew về câu nói cuối cùng của anh hôm mổ cho Vidler. Tuy không phải là kẻ hay tự ái, song y có tính kiêu ngạo của kẻ biết rõ mặt yếu của mình và bo bo giữ cho thật kín. Trong thâm tâm, y biết y là kẻ bất tài, nhưng chưa bao giờ có ai nói thẳng vào mặt y tất cả sự bất tài của y một cách đốp chát mạnh mẽ như Andrew. Vì vậy mà y thâm thù Andrew.

Hai gã kia nói chuyện với nhau được một lúc thì Ivory ngẩng đầu lên, hỏi giọng bâng quơ:

- Này, cái đứa y tá của thằng Manson, cậu có địa chỉ không, Freddi?

Hemson ngừng lời, quay mặt lại nhìn Ivory:

- Có chứ.

Ivory trầm ngâm nói tiếp một cách lạnh lùng:

- Tớ thấy cần phải làm cho ra nhẽ chuyện này. Thực thà mà nói giữa cậu và tớ, Freddie ạ, tớ chưa bao giờ ưa thằng cha Menson của cậu, nhưng đây không phải là vấn đề ưa hay không ưa. Tớ chỉ nói đến khía cạnh thuần túy đạo đức. Vừa hay Gadsby mới nói với tớ về lão Stillman tối hôm kia, hôm tớ và ông ta cùng được mời đến dự tiệc ở Mayfly. Các báo đã bắt đầu nói đến lão ấy, lão Stillman ấy. Có một đứa ngu ngốc nào đó ở phố Fleet [1] đã lập một bản danh sách ghi tên những bệnh nhân gọi là được lão Stillman này chữa khỏi sau khi các bác sĩ khác chịu bó tay. Toàn

[1] Một phố nổi tiếng ở Luân Đôn, trung tâm của giới báo chí.

là trò nhảm nhí, các cậu biết đấy. Gadsby khá bực về chuyện ấy. Mình chắc Churston đã có thời gian là bệnh nhân của Gadsby rồi sau mới chuyển sang lão thầy vườn này. Tình thế sẽ ra sao nếu có những kẻ cùng trong ngành y mà lại đi bợ đỡ tên ngoài ngành đó? Mẹ kiếp. Tớ càng nghĩ càng tức. Tớ sẽ đi gặp Gadsby ngay bây giờ. Nhỏ! Tìm xem bác sĩ Maurice Gadsby tối nay có đến câu lạc bộ không. Nếu không có, ra bảo người gác cổng gọi điện thoại lại nhà riêng xem ông ấy có nhà không.

Hemson, ít nhất trong lần này, có vẻ khó chịu, ngần ngại. Hemson không có điều gì thù hằn với Andrew mà xưa nay y vẫn ưa thích theo cách hời hợt và vị kỷ của y.

Hemson lẩm bẩm:

- Chớ kéo tớ vào đấy nhé.

- Đừng ngốc, Freddie. Chúng mình cứ để cho thằng ấy nó trát trấu vào mặt mà ngồi yên được à?

Người hầu bàn trở lại cho biết bác sĩ Gadsby hiện đang ở nhà. Ivory cảm ơn.

- Thế là tối nay tớ mất buổi chơi bridge, các cậu ạ. Trừ phi Gadsby lại mắc bận việc gì thì không kể.

Gadsby không bận gì, và ít phút sau, Ivory đến nhà gặp Gadsby. Hai người không hẳn là bạn bè với nhau nhưng cũng khá quen biết nhau để Gadsby có thể đem thứ rượu porto ngon thứ nhì và xì gà hảo hạng ra mời. Không biết Gadsby có biết gì về tên tuổi Ivory không, song ít nhất Gadsby cũng biết địa vị của Gadsby, kẻ lúc nào cũng muốn bắt thân với những người thuộc các tầng lớp quyền quý giàu sang, đối xử với Ivory một cách thân tình thích đáng.

Khi Ivory nói đến mục đích buổi đến thăm, Gadsby không cần phải giả vờ chăm chú nữa. Ngả hẳn người về phía trước trong

chiếc ghế bành, con mắt ti hí dán chặt vào Ivory, Gadsby nghe như nuốt từng lời câu chuyện.

- Hừ! Chết cha thật! – Gadsby thốt lên với giọng hùng hổ ít thấy khi Ivory kể xong. – Tôi biết tay Manson này. Tôi với hắn đã có thời cùng làm việc tại Ủy ban Lao động hầm mỏ. Và tôi xin quả quyết với ông rằng chúng tôi rất mừng khi tống khứ được hắn đi. Tên này không thể nào cho nhập bọn được, điệu bộ hệt như một tên sai vặt. Này ông, có thực ông bảo rằng hắn đã tẩu một người bệnh khỏi Victoria đem đến cho Stillman không? Chắc một bệnh nhân của Thoroughgood hẳn thôi. Ta sẽ xem Thoroughgood có ý kiến gì về chuyện này...

- Còn hơn thế, hắn đã thật sự phụ giúp Stillman làm phẫu thuật.

- Nếu đúng như vậy – Gadsby dè dặt nói – trường hợp này thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử y học trung ương.

Cũng lấy vẻ ngập ngừng cho thích hợp, Ivory nói:

- Ấy tôi cũng nghĩ như vậy. Nhưng tôi lại ghìm lại. Chả là có thời gian tôi có quan hệ chặt chẽ với hắn hơn ông, cho nên tôi không muốn đích thân đưa đơn khởi tố.

Gadsby nói dứt khoát:

- Tôi sẽ khởi tố cho. Nếu như điều ông nói với tôi là sự thật thì tôi sẽ đích thân khởi tố. Tôi nghĩ tôi sẽ không làm tròn phận sự của mình nếu tôi không hành động ngay tức khắc. Đây là vấn đề hệ trọng, ông Ivory ạ. Stillman là một mối đe dọa, đối với dân chúng không nghiêm trọng bằng đối với những người trong ngành y chúng ta. Hình như tối hôm kia, trong bữa tiệc dự cùng với ông, tôi đã kể cho ông nghe những gì tôi được biết về lão ấy rồi nhỉ. Lão ấy là một mối đe dọa đối với địa vị của chúng ta, đối với học lực của chúng ta, đối với truyền thống của chúng ta. Lão ấy là một mối đe dọa đối với tất cả những gì mà chúng ta đại diện. Chúng ta chỉ có một cách tự vệ là tẩy chay lão ấy. Rồi thì sớm muộn thế nào lão ấy cũng vấp phải vấn đề cấp giấy chứng tử.

Ông Ivory này, có một điều này ông nên chú ý. May mà chúng ta giữ được riêng đặc quyền cho ngành chúng ta. Chỉ có chúng ta mới có quyền ký giấy chứng tử. Nếu như Stillman và những kẻ khác như lão ấy được sự cộng tác của những người trong ngành y thì hỏng rồi! May thay, Hội đồng y học trung ương xưa nay bao giờ cũng rất mạnh tay đối với những sự việc như vậy. Ông còn nhớ vụ Javis, tên thầy thuốc chuyên nghề nắn xương, cách đây mấy năm đã nhờ được một tên bác sĩ vô lại nào gây tê cho hắn. Tên bác sĩ ấy đã bị gạch tên ngay tức khắc khỏi ngành y. Càng nghĩ đến thằng cha đùa dai Stillman này, tôi càng quyết đem vụ này ra làm gương răn kẻ khác. Ông chờ tôi một phút, tôi ra gọi điện thoại cho Thoroughgood. Rồi ngày mai tôi phải đến hỏi chị y tá ấy.

Gadsby đứng dậy ra máy nói gọi đến Thoroughgood. Hôm sau, có mặt Thoroughgood, Gadsby nhận của chị y tá một bản khai chính thức có ký tên. Lời chứng của chị y tá rõ rệt đến nỗi Gadsby đến gặp ngay các luật sư của ông ta là Boon và Everton ở quảng trường Bloomsbury. Gadsby căm ghét Stillman, đó là điều cố nhiên. Song Gadsby còn thích thú nhìn thấy trước được những cái lợi sẽ đến với người đứng ra công khai bệnh vực đạo đức của ngành y.

Khi Andrew, không hay biết gì cả, về sống tại Llantony thì việc khởi án kiện Andrew đang được chuẩn bị ráo riết. Quả có một lúc Hemson chợt đọc được một mẩu tin trên báo nói về việc điều tra trường hợp tai nạn của Christine, đã e ngại bèn gọi dây nói cho Ivory tìm cách đình lại vụ án. Nhưng khi ấy đã quá muộn. Đơn khởi tố đã gửi đi rồi.

Ít lâu sau, Ban kỷ luật của Hội đồng y học trung ương xét đơn kiện này và gửi giấy gọi đến Andrew yêu cầu anh phải có mặt tại phiên họp của Hội đồng trong tháng mười một để trả lời những điều cáo buộc anh. Đó là bức thư mà Andrew hiện đang cầm ở

tay, mặt tái đi vì lo sợ trước những câu cú đấy hăm họa của luật pháp.

"Xét thấy ông Andrew Manson, ngày mười lăm tháng tám, đã chủ tâm và hữu ý trợ giúp một người không có thẩm quyền làm nghề y tên là Richard Stillman làm một việc thuộc lĩnh vực y học, như vậy ông Andrew Manson đã cộng tác nghề nghiệp với một người ngoài ngành y, và với việc ấy, ông Andrew Manson đã vi phạm quy chế của ngành nghề...".

XXI

Vụ kiện sẽ được xét xử vào ngày mười tháng mười một. Andrew có mặt ở Luân Đôn trước một tuần. Anh đi một mình, yêu cầu Denny và Hope cứ để mặc anh. Với tâm trạng buồn rầu, cay đắng, Andrew đến ở tại khách sạn Museum.

Tuy bề ngoài có vẻ bình tĩnh song thực ra Andrew ở trong một tâm trạng tuyệt vọng, hết trải qua những lúc bi quan chán nản, chua xót, lại đến những lúc khắc khoải lo lắng không những vì không biết tương lai sẽ ra sao mà còn vì tất cả quãng đời bác sĩ của anh đã qua lại hiện lên rất rõ trong óc. Nếu như cơn khủng hoảng này xảy ra vào sáu tuần trước thì lúc ấy tâm trí anh còn tê dại sau cái chết của Christine, anh sẽ không cảm thấy gì hết, không chú ý gì hết. Nhưng nay đã hồi phục, sẵn sàng và háo hức trở lại làm việc thì anh cảm thấy đầy đủ sự tàn nhẫn của ngọn đòn choáng váng này.

Lòng nặng trĩu đau buồn, Andrew biết rằng mọi hy vọng đã được nhen lại của anh lần này mà bị bóp chết nữa thì bản thân anh có còn sống cũng như chết rồi.

Những ý nghĩ ấy cùng với những ý nghĩ đau đớn khác nữa luôn luôn ám ảnh Andrew, có những lúc làm đầu óc anh mơ hồ, hỗn độn. Anh không thể tin được rằng chính anh, Andrew Manson, lại rơi vào cảnh ngộ khủng khiếp này, vấp phải đúng cơn ác mộng ghê gớm mà người bác sĩ nào cũng khiếp sợ. Tại sao anh lại bị gọi

ra trước Hội đồng kỷ luật? Tại sao họ lại muốn gạch tên anh khỏi ngành y. Anh không làm một điều gì ô nhục, không mắc một tội phản nghịch nào, không có một hành động phi pháp nào. Anh chỉ làm có một việc là chữa cho Mary Boland khỏi bệnh.

Việc bào chữa cho mình, Andrew giao cho phòng luật sư "Hopper và công ty" ở Lincoln Inn Fields mà Denny đã nồng nhiệt giới thiệu với anh. Thoạt nhìn, Thomas Hopper không gây ấn tượng mạnh mẽ cho người tiếp chuyện ông. Ông có vóc người nhỏ bé, mặt mũi hồng hào, đeo kính trắng gọng vàng, dáng điệu kiểu cách. Do có một nhược điểm trong bộ máy tuần hoàn nên nét mặt ông hay bị ửng đỏ khiến ông có một vẻ ngượng nghịu lúng túng, nó chắc chắn không giúp ông gây lòng tin với người khác. Hopper đã có ngay nhận định dứt khoát về chiều hướng của vụ kiện. Khi Andrew trong cơn phẫn uất ban đầu định đến cầu cứu Robert Abbey, chỗ quen biết có thế lực duy nhất của anh ở Luân Đôn, thì Hopper đã nhăn mặt, nhắc anh rằng Abbey chính là một thành viên trong Hội đồng. Cũng với thái độ không tán thành, nhà luật sư kiểu cách này đã gạt bỏ ý định điên rồ của Andrew đánh điện mời Stillman ở Mỹ sang. Họ đã có trong tay mọi bằng chứng mà Stillman có thể cung cấp và sự có mặt của người thầy thuốc không bằng cấp kia chỉ càng làm cho các thành viên Hội đồng kỷ luật thêm tức giận. Cũng vì lý do ấy mà Marland, hiện là người trông nom bệnh viện Bellevue, cũng phải gạt ra ngoài, không được xuất hiện.

Dần dà, Andrew bắt đầu hiểu rằng khía cạnh pháp lý của vụ này hoàn toàn khác với cách nhìn nhận của anh. Cách lập luận của anh, như lúc anh còn minh oan cho mình trong văn phòng của Hopper, khiến người luật sư phải nhăn mặt. Cuối cùng, Hopper buộc lòng phải bảo:

- Bác sĩ Manson ạ, có một điều tôi phải yêu cầu ông là ông không được phát biểu những lời như vậy trong buổi xét xử hôm thứ tư

này. Tôi quả quyết không có gì tai hại cho ông bằng những lời nói đó.

Andrew im bặt, hai bàn tay nắm chặt lại, con mắt nảy lửa.

- Nhưng tôi muốn vạch ra cho họ biết sự thật. Tôi muốn chỉ ra cho họ hiểu rằng chữa cho cô gái kia khỏi bệnh là việc làm tốt đẹp nhất của tôi từ bao nhiêu năm nay. Sau bao nhiêu tháng trời làm toàn những chuyện bậy bạ để lấy tiền của thiên hạ, tôi đã thực sự làm được một việc đẹp đẽ thì... chính việc đó mà họ truy tố tôi.

Con mắt Hopper đằng sau chiếc kính trắng tỏ ra hết sức lo ngại. Cơn bực làm máu ông dồn lên mặt.

- Tôi xin ông đấy, ông Manson ạ. Ông không hiểu hoàn cảnh của ông nghiêm trọng đến mức nào. Nhân đây, tôi phải nói thẳng với ông rằng giỏi lắm thì khả năng thắng của chúng ta cũng rất mỏng manh. Mọi tiền lệ đều hại ta: Kent năm 1909, Louden năm 1912, Foulger năm 1919, đều bị gạch tên vì tội cộng tác đối với những kẻ không có bằng cấp. Cả vụ Hexam nổi tiếng năm 1921 nữa. Hexam đã bị khai trừ khỏi bác sĩ đoàn vì đã gây mê giúp Javis, người làm nghề nắn xương. Bây giờ, điều mà tôi van nài ông là: ông chỉ trả lời các câu hỏi "có" hay "không" thế thôi, hoặc nếu không nói được như vậy thì trả lời càng ngắn càng tốt. Tôi trịnh trọng nhắc nhở ông rằng nếu ông lao vào những bài nói tràng giang đại hải lạc đề như vừa rồi ông nói với tôi thì ông sẽ bị trục xuất khỏi bác sĩ đoàn chắc chắn như tên tôi là Thomas Hopper vậy.

Andrew lờ mờ hiểu rằng anh phải cố ghìm mình. Như người bệnh nằm trên bàn mổ, anh phải chịu đựng những sự mổ xẻ hình thức của Hội đồng. Thái độ thụ động ấy thật khó đối với anh. Chỉ nghĩ rằng anh phải từ bỏ mọi cố gắng tự bào chữa và chỉ được trả lời một cách tẻ nhạt "có" hay "không" đã là quá sức chịu đựng.

Tối thứ ba, ngày mồng chín tháng mười một, bồn chồn đến cùng2 cực không biết ngày mai sẽ đem lại những gì, tự nhiên chân anh đưa anh tới phố Paddington, đi về phía hiệu Vidler, như bị một sự thúc đẩy kỳ lạ nào trong tiềm thức. In sâu trong trí óc anh không xua đi nổi là ý nghĩ bệnh hoạn tưởng tượng rằng tất cả những tai họa xảy ra với anh trong mấy tháng qua là sự trừng phạt về cái chết của Vidler. Đó là một sự suy diễn tự nhiên, thiếu suy nghĩ, song nó cứ tồn tại, bắt nguồn sâu xa từ những nguồn tin xa xưa nhất của anh. Anh cảm thấy bước chân cứ lôi kéo anh không cưỡng nổi về phía nhà người đàn bà goá Vidler, tưởng như chỉ cần trông thấy bà ta là đã có thể làm dịu bớt nỗi đau khổ của anh một cách nhiệm màu.

Trời tối đen, ẩm ướt, ngoài phố không còn mấy ai đi lại. Andrew có một cảm giác lạ lùng khi đi giữa những phố phường rất quen thuộc xưa kia mà không một ai nhận ra mình. Hình dáng tối sẫm của anh cũng trở thành một cái bóng đen giữa các bóng ma khác đang vội vã bước đi dưới trời mưa nặng hạt. Andrew đến hiệu Vidler đúng vào lúc sắp đóng cửa. Do dự một chút rồi vừa lúc một khách hàng đi ra, anh vội bước vào.

Bà Vidler đứng một mình sau quầy giặt là, đang gấp một chiếc áo choàng phụ nữ khách vừa mới đem lại. Bà ta mặc một chiếc váy đen, chiếc áo cũ cũng nhuộm đen, hơi hở một tí ở cổ. Y phục màu tang này có phần nào làm người bà nhỏ đi. Bỗng bà ta ngẩng đầu và nhận ra Andrew.

- A, bác sĩ Manson! – Gương mặt sáng lên, bà ta reo – Dạo này ông có mạnh khoẻ không?

Andrew trả lời ngượng nghịu. Anh nhận thấy bà Vidler không biết gì về những nỗi dằn vặt trong anh hiện nay. Anh vẫn đứng ở ngang cửa, người ngay đơ, trong khi mấy giọt nước mưa từ từ rơi từ vành mũi của anh xuống đất.

- Mời ông vào trong nhà. Ơ kìa, ông ướt hết cả rồi. Thời tiết tồi tệ quá...

Andrew ngắt ngang lời bà ta, giọng lạc hẳn đi:

- Tôi muốn đến thăm bà từ lâu, bà Vidler ạ. Tôi vẫn thường tự hỏi không biết dạo này bà sống ra sao...

- Cũng cố thu xếp mà sống thôi, bác sĩ ạ. Không đến nỗi khổ cho lắm. Tôi mới thuê được một anh thợ giày trẻ. Anh này được cái làm ăn tốt. Ấy, mời ông vào nhà để tôi pha trà...

Andrew lắc đầu:

- Tôi đi qua đây nhân tiện rẽ vào một tí. – Rồi anh nói tiếp, giọng gần như tuyệt vọng – Chắc bà thương nhớ ông nhà lắm nhỉ.

- Ôi! Có chứ! Nhất là lúc đầu. Nhưng kể cũng lạ – Bà Vidler thậm chí mỉm cười được với Andrew – người ta rồi cũng quen cả.

Andrew nói nhanh, ấp úng:

- Tôi tự trách mình mãi... trên một phương diện nào đó. Ồ, chuyện ấy xảy ra quá đột ngột với bà, tôi nhiều khi cảm thấy chắc bà phải oán trách tôi...

- Oán trách bác sĩ ư? – Bà Vidler lắc đầu – Sao ông lại nói thế khi ông đã làm mọi việc, tìm cho cả bệnh xá, cả người phẫu thuật giỏi nhất...

Andrew vẫn cố nói, giọng khản lại, toàn thân lạnh toát, cứng đờ:

- Nhưng, bà biết không, nếu bà làm khác, có lẽ nếu ông nhà chịu vào bệnh viện công...

- Chắc rồi cũng thế thôi, bác sĩ ạ. Ông Harry nhà tôi đã được hưởng tất cả những gì tốt nhất mà đồng tiền có thể đem lại. Cả đám tang cũng vậy, giá ông được thấy các vòng hoa... Còn trách móc ông... ấy, đã bao nhiêu lần tôi nói ngay tại cửa hiệu này là ông nhà tôi không thể nào nhờ được một bác sĩ nào tốt hơn, tử tế hơn và tài giỏi hơn ông...

Trong lúc bà Vidler nói, Andrew đau đớn lần chót nhận thấy dù cho anh có công khai thú tội thì bà ta cũng sẽ chẳng bao giờ tin. Bà ta đã có những ảo tưởng về cái chết yên ổn, không tránh khỏi, và tốn kém của chồng. Lôi bà ta ra khỏi cái cột mà bà ta đang sung sướng bíu lấy là một điều nhẫn tâm. Ngừng một lát, Andrew nói:

- Bà Vidler ạ, tôi rất vui mừng được gặp lại bà và được biết tình hình sinh sống hiện nay của bà.

Nói xong, anh bắt tay bà Vidler, chúc bà ta ngủ ngon rồi ra về.

Cuộc gặp gỡ này không làm anh khuây khỏa hoặc yên lòng mà chỉ làm tăng thêm nỗi đau khổ của anh. Tâm trạng anh thay đổi hẳn. Anh đã mong chờ cái gì? Sự tha thứ, theo nếp cổ truyền đẹp đẽ nhất chỉ có trong trí tưởng tượng của người ta chăng? Sự lên án? Anh chua chát nghĩ bây giờ có khi bà Vidler lại quý trọng anh hơn bao giờ. Trở về nhà qua những đường phố ngập nước, Andrew bỗng tin rằng ngày mai thế nào anh cũng bị thua kiện. Cái điều tin ấy vững mạnh lên thành một điều chắc chắn đáng sợ.

Trong một ngách phố yên tĩnh cách khách sạn anh ở không xa, anh đi qua một nhà thờ còn ngỏ cổng. Lại có một sức mạnh nào đó chi phối con người anh, bảo anh dừng chân, đi lộn lại và vào trong nhà thờ. Nhà thờ tối om, vắng vẻ và ấm áp, tưởng như buổi lễ vừa mới kết thúc không lâu. Andrew không biết nhà thờ này thuộc giáo phái nào, anh cũng không coi đó là điều quan trọng. Anh ngồi ngay xuống hàng ghế cuối cùng, đôi mắt lờ đờ nhìn lên gian hậu tối như bưng, màn buông kín. Anh nhớ lại, trong thời gian hai vợ chồng lạnh nhạt với nhau Christine đã trở về với tôn giáo. Xưa nay anh chưa đi lễ nhà thờ bao giờ nhưng bây giờ anh lại ngồi ở đây, trong nhà thờ xa lạ này. Những nỗi thống khổ đưa con người đến chốn này, đưa con người trở về với ý thức của mình, đưa con người đến ý nghĩ về Thượng đế.

Andrew cứ ngồi đó, đầu gục xuống, như một lữ khách ngồi nghỉ sau một chặng đường dài. Ý nghĩ của anh bay đi không phải thành một lời cầu nguyện có suy tính nào, mà bay bằng đôi cánh do sự mong mỏi của linh hồn anh chắp cho. Hỡi Thượng đế! Xin Thượng đế phù hộ cho con, đừng bắt con bị khai trừ! Xin Thượng đế đừng bắt con bị khai trừ! Andrew cứ đắm mình trong sự suy tưởng lạ lùng ấy dễ đến nửa giờ, rồi anh đứng dậy về thẳng khách sạn.

Sáng hôm sau, tuy đã ngủ được một giấc nặng nề, nhưng lúc dậy anh cảm thấy nỗi khắc khoải còn đau đớn hơn trước. Anh mặc quần áo mà tay cứ rung rung. Anh lại thầm tự trách mình đã đến ở khách sạn này làm anh nhớ lại thời gian thi vào Hội y học Hoàng gia. Tâm trạng anh hiện nay đúng như nỗi lo sợ trong những ngày trước kỳ thi dạo ấy, nhưng nhân lên gấp một trăm lần.

Xuống nhà, anh không ăn sáng được miếng nào. Buổi xét xử anh bắt đầu vào lúc mười một giờ và Hopper đã dặn anh phải đến sớm. Anh ước tính đi bộ từ đây đến phố Hallam chắc không mất quá hai mười phút nên anh ngồi lại phòng đợi của khách sạn, giở mấy tờ báo giả vờ đọc để che nỗi bồn chồn cho đến mười giờ rưỡi. Nhưng chiếc xe tắc xi của anh lại bị nghẽn đường ở phố Oxford nên lúc anh tới trụ sở Hội đồng y học trung ương thì vừa đúng mười một giờ.

Andrew vội vã vào phòng Hội đồng, chỉ có một cảm giác lờ mờ về kích thước gian phòng, chiếc bàn cao mà Hội đồng ngồi xét xử và trong ghế Chủ tịch là ngài Jenner Halliday. Ngồi ở cuối phòng là những người liên quan đến vụ xét xử, trông giống lạ những diễn viên chờ ám hiệu đến lượt mình ra diễn. Andrew thấy có Hopper, Mary Boland đi cùng với bố, chị y tá Sharp, bác sĩ Thoroughgood, ông Boon, xơ Myles, hộ lý bệnh viện Victoria... Con mắt Andrew nhìn một lượt khắp dãy ghế, rồi anh vội vã ngồi xuống bên cạnh Hopper.

- Tôi tưởng đã dặn ông đến sớm cơ mà. – Hopper bực tức – Vụ trước đã gần xử xong. Để Hội đồng phải chờ là không hay đâu.

Andrew không đáp. Như Hopper nói chủ tịch Hội đồng hiện đang tuyên bố quyết định về vụ xử trước vụ Andrew. Bị cáo bị gạch tên khỏi danh sách bác sĩ đoàn. Andrew không thể dứt mắt anh khỏi bị cáo. Chắc đây là một bác sĩ đã mắc phải một hành phạm pháp nào đấy. Trông ông ta sa sút, quần áo sờn cũ, xem chừng đã phải vật lộn nhọc nhằn lắm với cuộc sống. Vẻ tuyệt vọng hoàn toàn trên mặt người bác sĩ ấy khi nghe bản án mà các đồng nghiệp của ông ta trong tổ chức oai nghiêm kia đọc lên, khiến Andrew phải rùng mình.

Nhưng Andrew không có thời giờ nghĩ ngợi nhiều, ngoài một chút thương hại thoáng qua. Ngay phút sau đã là vụ án của anh. Tim anh quặn lại khi thủ tục xét xử bắt đầu.

Bản cáo trạng được chính thức đọc lên từ đầu đến cuối. Sau đó, George Boon, luật sư của nguyên cáo đứng dậy nói. Người mảnh khảnh, gọn ghẽ, râu mày nhẵn nhụi, mặc áo thùng, chiếc kính kẹp mũi được giữ bằng một dải ruy-băng đen rộng bản, Boon nói thong thả, khoan thai.

- Thưa ngài chủ tịch, thưa quý ngài, trường hợp mà quý ngài sắp xét xử, theo tôi, không liên quan gì đến bất kỳ một thuyết y học nào như quy định trong mục 28 của luật y. Ngược lại, đây là một trường hợp rất rõ ràng về việc cộng tác nghề nghiệp với một người không có thẩm quyền làm nghề y, một chiều hướng, tôi xin mạn phép nói, đã khiến quý Hội đồng gần đây phải phàn nàn.

Vụ này diễn ra như sau: bệnh nhân là cô Mary Boland, bị lao phổi đỉnh và được nhận vào điều trị tại bệnh viện Victoria ở khoa bác sĩ Thoroughgood vào ngày mười tám tháng bảy. Cô ấy được sự chăm sóc của bác sĩ Thoroughgood đến ngày mười lăm tháng tám thì xin ra viện, lấy cớ muốn về nhà. Tôi nói "lấy cớ" là vì vào ngày cô ta ra viện, lẽ ra trở về nhà thì bệnh nhân đã được bác sĩ

Manson đến đón tại phòng thường trực bệnh viện đưa ngay đến một cơ sở tên là Bellevue, một cơ sở, theo tôi biết, có cao vọng chữa các bệnh phổi.

Khi đến địa điểm này, bệnh nhân được xếp vào phòng và được bác sĩ Manson khám với sự phối hợp của chủ cơ sở tên là Richard Stillman, một người không bằng cấp và theo tôi hiểu – và lại là một người ngoại bang. Khám xong, sau khi trao đổi ý kiến với nhau – tôi đặt biệt lưu ý Hội đồng đến câu này: sau khi trao đổi ý kiến với nhau – bác sĩ Manson và ông Stillman quyết định tiến hành phẫu thuật bệnh nhân, bơm khí vào màng phổi bệnh nhân. Tiếp đến, bác sĩ Manson gây tê khu vực và việc bơm khí do bác sĩ Manson và ông Stillman cùng thực hiện.

Thưa quý ngài, sau khi đã trình bày sơ lược các sự việc, bây giờ tôi xin phép dẫn ra thêm bằng chứng. Bác sĩ Thoroughgood, xin mời ông.

Thoroughgood đứng dậy, bước lên phía trước. Nhấc bỏ chiếc kính đeo mũi nhưng vẫn cầm ở tay để nhấn mạnh vào những điểm trọng yếu, Boon bắt đầu hỏi các nhân chứng.

- Thưa bác sĩ Thoroughgood, tôi hoàn toàn không muốn làm phiền ông. Chúng tôi đều biết rõ tên tuổi ông, có thể nói là tiếng tăm lừng lẫy của ông trên phương diện bác sĩ chuyên khoa phổi, và tôi tin chắc ông sẽ có thái độ khoan dung đối với người đồng nghiệp cấp dưới của ông. Nhưng dù sao, bác sĩ Thoroughgood, xin ông cứ cho biết, có đúng là sáng thứ bảy, ngày mồng bốn tháng tám, bác sĩ Manson đã đến đòi trao đổi ý kiến với ông về bệnh nhân Mary Boland không?

- Đúng.

- Và có đúng là trong quá trình trao đổi ý kiến này, bác sĩ Manson đã nài ép ông áp dụng một hướng điều trị mà ông cho là không nên không?

- Ông ta muốn tôi áp dụng liệu pháp bơm khí màng phổi đỉnh.

- Đúng thế! Và vì lợi ích của bệnh nhân, ông đã từ chối

- Đúng vậy.

- Thái độ của bác sĩ Manson có gì đặc biệt khi ông từ chối không?

- Ờ... – Thoroughgood ngập ngừng.

- Xin ông cứ nói thẳng thắn. Chúng tôi đều thông cảm với sự miễn cưỡng tự nhiên của ông.

- Sáng hôm đó, ông ấy xem chừng có vẻ không bình thường. Ông ấy hình như bất đồng với quyết định của tôi.

- Cám ơn ông, bác sĩ Thoroughgood. Ông không có căn cứ gì để nghĩ rằng bệnh nhân không hài lòng với cách điều trị ở bệnh viện chứ? – nghĩ đến giả thuyết này, một nụ cười ướt át hiện trên gương mặt khô cằn của Boon – Và bệnh nhân không có lý do gì để phàn nàn về ông hoặc về các nhân viên bệnh chứ?

- Không có mảy may lý do gì. Bệnh nhân dường như lúc nào cũng rất vui vẻ, sung sướng và hài lòng.

- Cám ơn ông, bác sĩ Thoroughgood. – Boon cầm lấy tờ giấy sau – Bây giờ xin mời xơ Myles, hộ lý ở phòng bệnh nhân.

Thoroughgood ngồi xuống. Xơ Myles bước lên. Boon lại hỏi:

- Xơ Myles, chiều thứ hai, ngày mồng sáu tháng tám, hai hôm sau lần trao đổi ý kiến giữa bác sĩ Thoroughgood và bác sĩ Manson, bác sĩ Manson đã đến thăm bệnh nhân, có phải không?

- Có đến.

- Ông ấy đến thăm có vào giờ thông thường không?

- Không.

- Ông ấy có khám bệnh nhân không?

- Không. Sáng hôm ấy phòng không đặt bình phong. Ông ấy chỉ ngồi nói chuyện với bệnh nhân thôi.

- Rất đúng, xơ ạ. Một câu chuyện dài, nghiêm trang – tôi xin phép nhắc lại nguyên văn lời khai chính thức của xơ. Nhưng xơ hãy cho chúng tôi biết, bây giờ bằng chính lời xơ, đã diễn ra những gì ngay sau khi bác sĩ Manson về?

- Khoảng nửa giờ sau, giường 17, tức bệnh nhân Mary Boland bảo với tôi: Xơ ạ, cháu đã suy nghĩ kỹ và quyết định xin ra viện. Xơ rất tốt với cháu. Nhưng cháu muốn xin ra vào thứ tư tuần sau.

Boon vội cắt ngang:

- Thứ tư tuần sau. Cám ơn xơ. Đó là điều tôi muốn nêu bật. Ta hãy tạm dừng ở đây.

Xơ Myles trở về chỗ ngồi.

Người thầy cãi khoa bàn tay cầm chiếc kính đính ruy-băng với một cử chỉ hài lòng lịch sự.

- Bây giờ xin mời chị y tá Sharp... Chị Sharp, chị có thể xác nhận lời đã khai về các hành động của bác sĩ Manson trong chiều hôm thứ tư, ngày mười lăm tháng tám chứ?

- Thưa vâng, tôi có mặt ở đó mà lại.

- Chị Sharp, qua giọng chị, tôi hiểu chị có mặt ở đấy một cách miễn cưỡng.

- Khi tôi phát hiện ra nơi đến là đâu và ông Stillman này là ai, không phải là bác sĩ, chẳng phải là cái gì cả, thì tôi...

- Căm phẫn. – Boon mớm lời.

- Vâng, tôi căm phẫn. – Sharp vội nói – Trong đời, tôi chỉ quan hệ với các bác sĩ thực thụ, những chuyên gia chân chính, chứ không hề quan hệ với ai khác.

- Rất đúng. – Boon nói dẻo như kẹo – Bây giờ, chị Sharp, còn một điểm mà tôi mong chị nói lại cho một lần nữa để Hội đồng thấy thật rõ. Bác sĩ Manson có thực sự cộng tác với ông Stillman trong... trong ca phẫu thuật ấy không?

- Có cộng tác – Sharp trả lời với giọng oán hờn.

Đến lúc đó, Abbey ngả người về phía trước, hỏi nhẹ nhàng một câu thông qua Chủ tịch Hội đồng.

- Chị Sharp, có phải là lúc diễn ra những sự việc đang được nói đến này, chị đã được bác sĩ Manson báo trước sẽ cho chị nghỉ việc phải không?

Chị y tá đỏ mặt, bình tĩnh, ấp úng:

- Vâng, có nhẽ thế.

Phút sau, khi chị y tá ngồi xuống, Andrew cảm thấy một đôi chút ấm áp: ít nhất Abbey vẫn có thiện cảm với anh.

Boon quay sang bàn Hội đồng, hơi bực mình trước câu hỏi xen ngang vừa rồi.

- Thưa ngài Chủ tịch, thưa quý ngài, tôi còn có thể tiếp tục hỏi các nhân chứng, song tôi hiểu quá rõ thời gian của Hội đồng là quý báu. Vả lại, tôi đã cung cấp đủ để kết luận về vụ này. Không có mảy may nghi ngờ gì nữa, với sự thông đồng của bác sĩ Manson, bệnh nhân Mary Boland đã bị kéo ra khỏi sự trông nom điều trị của một nhà chuyên môn xuất sắc tại một trong những bệnh viện tốt nhất ở Luân Đôn rồi bị đem đến cái cơ sở đáng ngờ kia – riêng việc đó đã là một hành vi sai phạm nghiêm trọng quy tắc nghề nghiệp – và tại cơ sở ấy, bác sĩ Manson đã chủ tâm hợp tác với người chủ cơ sở, một người không có bằng cấp làm nghề y, tiến hành một ca mổ nguy hiểm mà bác sĩ Thoroughgood, nhà chuyên môn có trách nhiệm một cách đạo đức đối với bệnh nhân, đã phải chỉ định. Thưa ngài Chủ tịch, thưa quý ngài, trong vấn đề này, tôi nghĩ không phải chúng ta xét đến một trường hợp cá biệt, một hành sai trái ngẫu nhiên như thoạt nhìn ta có thể tưởng, mà là một sự sai phạm có tính toán, cân nhắc và hầu như có hệ thống đối với y luật.

Boon ngồi xuống, tự mãn, và bắt đầu lau kính. Gian phòng im lặng một lúc. Andrew vẫn cúi gằm mặt xuống sàn. Phải nghe người ta trình bày xuyên tạc trường hợp của anh là một cực hình. Andrew chua chát nghĩ thầm họ đối xử với anh như đối với một tên tội phạm lén lút xấu xa. Vừa vặn lúc đó, luật sư của anh đứng lên chẩn bị nói.

Như mọi lần, Hopper có vẻ lúng túng, mặt đỏ ửng, loay hoay mãi mới sắp xếp được giấy tờ. Thế nhưng, có điều lạ là sự lúng túng ấy hình như lại tranh thủ được cảm tình của Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng khích lệ:

- Nào, mời ông Hopper.

Hopper hắng giọng:

- Thưa ngài Chủ tịch, thưa quý ngài. Tôi không tranh cãi về những bằng chứng ông Boon dẫn ra. Tôi không muốn đi sâu tìm hiểu động cơ của các sự việc. Nhưng hiểu những sự việc ấy như thế nào là điều rất hệ trọng đối với chúng ta. Ngoài ra, còn có một số điểm phụ cho thấy dưới một ánh sáng thuận lợi cho khách hàng của tôi hoàn cảnh xảy ra việc này.

Người ta chưa nói rõ cô Boland trước hết là bệnh nhân của bác sĩ Manson, bởi vì ngày mười một tháng bảy cô ấy đã đến nhờ bác sĩ Manson khám cho cô trước khi đến gặp bác sĩ Thoroughgood. Hơn nữa, bác sĩ Manson còn có những lý do riêng để chú ý đến người bệnh nhân này vì cô Boland là con gái một người bạn thân của mình. Do đó, trong suốt quá trình điều trị, bác sĩ Manson tự coi mình là người có trách nhiệm về sức khoẻ của cô Boland. Chúng tôi phải thẳng thắn thừa nhận hành động của bác sĩ Manson là hoàn toàn sai lầm. Nhưng tôi xin trân trọng thưa rằng hành động ấy không có gì là nhục nhã hoặc ác ý.

Chúng ta đã biết bác sĩ Thoroughgood và bác sĩ Manson có ý kiến hơi khác nhau về cách điều trị. Bác sĩ Manson rất quan tâm đến người bệnh này nên việc ông muốn nhận lại người bệnh để tự

mình trông nom là điều bình thường. Cố nhiên, ông ấy không muốn làm cho đồng nghiệp của mình phải khó chịu. Đó là lý do, chứ không có lý do nào khác, khiến bác sĩ Manson đã dùng đến mưu mẹo mà ông Boon đã ra sức nhấn mạnh. – Đến đây, Hopper dừng lại, rút mùi xoa ho mấy tiếng. Trông ông ta như một người sắp phải đụng đầu với một trở ngại khó khăn hơn. – Và bây giờ, chúng tôi xin nói đến vấn đề cộng tác với ông Stillman ở Bellevue. Tôi chắc rằng các vị trong Hội đồng không phải không biết đến tên tuổi ông Stillman. Tuy không có bằng cấp, nhưng ông ta đã phần nào có tiếng tăm và thậm chí nghe nói đã chữa được một số căn bệnh khó hiểu.

Chủ tịch Hội đồng cắt ngang bằng một giọng nghiêm khắc:

- Ông Hopper, là một người không ở trong ngành y, làm sao ông hiểu vấn đề này?

- Thưa ngài, quả vậy – Hopper vội nói ngay – Ý tôi muốn nói là ông Stillman xem chừng là một người có nghĩa khí. Ông ấy đã tiếp xúc với bác sĩ Manson cách đây nhiều năm, đó là lần ông ấy viết thư ca ngợi bác sĩ Manson về một công trình nghiên cứu các lá phổi. Về sau, hai người có dịp gặp nhau trên một lĩnh vực hoàn toàn không có tính chất nghề nghiệp là khi ông Stillman sang đây lập bệnh xá của ông ta. Vì vậy, tuy là một việc làm thiếu suy nghĩ, nhưng không phải là trái với lẽ thường, khi cần tìm kiếm một nơi để tự mình điều trị cô Mary Boland, bác sĩ Manson đã nhờ đến những phương tiện mà bệnh xá Bellevue này có thể dành cho mình. Ông Boon, người đồng nghiệp của tôi, đã đánh giá Bellevue là một cơ sở "đáng ngờ". Về điểm này, chắc Hội đồng vui lòng nghe lời khai của nhân chứng. Mời cô Boland.

Khi Mary đứng dậy, các thành viên Hội đồng đều chăm chú nhìn cô với vẻ tò mò rõ rệt. Tuy lúng túng, mắt không lúc nào rời Hopper và không hề nhìn sang Manson, nhưng Mary trông khoẻ mạnh, sức khoẻ bình thường. Hopper hỏi:

- Cô Boland, cô hãy thẳng thắn cho chúng tôi biết, cô có điều gì đáng phàn nàn trong thời gian điều trị ở Bellevue không?

- Không. Không những không đáng phàn nàn mà còn đáng hài lòng.

Andrew thấy ngay là Mary đã được dặn dò, chỉ bảo kỹ từ trước. Cô trả lời một cách có chừng mực, ý tứ.

- Cô có bị biến chứng xấu gì không?

- Trái lại, tôi khoẻ lên.

- Thực tế cách điều trị áp dụng cho cô, chính là cách điều trị mà bác sĩ Manson đã chủ trương ngay từ buổi đầu cô đến gặp ông ta vào ngày... xem nào... ngày mười một tháng bảy, có phải không?

- Vâng ạ.

- Nó có thích hợp không? – Chủ tịch Hội đồng hỏi.

- Tôi đã hỏi xong nhân chứng này, thưa ngài – Hopper vội nói. Trong khi Mary ngồi xuống, Hopper chìa tay về phía bàn Hội đồng với cử chỉ cáo lỗi quen thuộc của ông – Thưa quý ngài, điều mà tôi muốn nêu lên là cách điều trị áp dụng tại Bellevue thực tế là cách điều trị của bác sĩ Manson và được thực hiện – có thể là sai nguyên tắc – bởi những người khác. Tôi thấy rằng, cứ xét theo ý nghĩa của hành động ấy thì không có sự cộng tác trên phương diện nghề nghiệp giữa ông Stillman và bác sĩ Manson. Tôi xin phép hỏi bác sĩ Manson.

Andrew đứng lên, có ý thức rõ về cảnh ngộ mình, biết rõ mọi con mắt đều đổ dồn vào mình. Nét mặt anh xanh xao mệt mỏi, lòng trống rỗng lạnh buốt. Anh nghe thấy tiếng Hopper hỏi anh:

- Bác sĩ Manson, ông có được lợi lộc gì về tiền tài trong cái gọi là sự cộng tác với ông Stillman không?

- Không một xu nào.

- Ông không có một động cơ che đậy nào, một mục đích xấu xa nào khi làm công việc ông đã làm, phải không?

- Không.

- Ông không có ý định chê bai người đồng nghiệp cấp trên của ông là bác sĩ Thoroughgood, phải không?

- Không. Hai chúng tôi quan hệ với nhau rất tốt. Chúng tôi chỉ không giống ý kiến nhau về trường hợp này thôi.

- Rất đúng – Hopper vội cắt ngang ngay. – Như vậy, ông có thể trung thực và thành thực cam đoan với Hội đồng rằng ông không có mảy may ý định vi phạm các điều luật của ngành y và tuyệt nhiên không nghĩ việc làm của ông có gì đáng chê trách, có phải không?

- Sự thật hoàn toàn như vậy.

Hopper nén lại một tiếng thở dài nhẹ nhõm khi ông gật đầu bảo Andrew về chỗ. Tuy buộc lòng phải lấy những lời khai đó, song Hopper vẫn e ngại tính xốc nổi của Andrew. Nay Andrew đã khai xong yên ổn, Hopper cảm thấy nếu ông tóm tắt được vấn đề này ngắn gọn thì họ có thể có đôi chút khả năng thắng.

Hopper nói với vẻ ân hận:

- Tôi không muốn để Hội đồng phải mất thời giờ thêm nữa. Tôi đã cố gắng chứng minh bác sĩ Manson chẳng qua đã phạm phải một sai lầm đáng tiếc. Tôi xin kêu gọi, không chỉ công lý, mà cả sự khoan dung của Hội đồng. Sau cùng, tôi xin lưu ý Hội đồng đến năng lực của khách hàng tôi. Khách hàng tôi đã có một quá trình mà bất kỳ ai cũng có thể lấy làm tự hào. Chúng ta đều biết đã xảy ra những trường hợp trong đó những người xuất sắc đã chẳng may phạm phải có một sai lầm độc nhất, nhưng vì không được hưởng sự khoan hồng mà tương lai và sự nghiệp của họ bị tan nát. Tôi mong rằng, có thể nói tôi cầu mong trường hợp mà quý ngài sắp xét xử sẽ không như những trường hợp kể trên.

Lời chịu lỗi và giọng nói khiêm nhường của Hopper đã tác động rõ rệt đến Hội đồng. Nhưng liền ngay sau, Boon lại đứng lên, xin Chủ tịch Hội đồng cho hỏi thêm:

- Thưa ngài, nếu được phép, tôi xin có một hai câu muốn hỏi bác sĩ Manson. – Boon quay sang Andrew, tay cầm kính ra hiệu bảo Andrew đứng dậy.

- Bác sĩ Manson, câu trả lời cuối cùng của ông, theo tôi, không được rõ ràng cho lắm. Ông nói ông không biết hành động của ông có gì đáng chê trách. Nhưng ông có biết Stillman là một người không có bằng cấp nào về y học, phải không?

Mặt vẫn cúi gằm, Andrew chỉ ngước mắt lên nhìn Boon. Từ đầu buổi xét xử đến nay, thái độ của viên luật sư tủn mủn này làm Andrew như cảm thấy anh đã phạm phải một hành động xấu xa, đáng hổ thẹn. Một ngọn lửa nhỏ bùng lên trong sự trống rỗng giá lạnh ở con người anh. Andrew sang sảng nói:

- Vâng, tôi biết ông ta không phải là bác sĩ.

Một nụ cười hài lòng lạnh lùng hé mở trên gương mặt Bun. Với giọng trêu tức, Boon hỏi tiếp:

- Ra thế. Ra thế. Dẫu vậy điều đó vẫn không ngăn ông lại.

- Dẫu vậy, vẫn không ngăn tôi. – Andrew lặp lại, đột nhiên lấy giọng mỉa mai. Anh biết anh không làm chủ được mình nữa rồi. Anh hít một hơi dài rồi nói tiếp:

- Thưa ông Boon, tôi đã nghe ông đặt rất nhiều câu hỏi... Ông có thể cho phép tôi hỏi ông một câu được không? Ông có nghe nói đến Louis Pasteur không?

Boon giật mình đáp:

- Có. Ai mà không biết.

- Đúng thế! Có ai mà không biết Louis Pasteur. Nhưng thưa ông Boon, có điều này chắc ông không biết, vậy tôi xin mạn phép nói

với ông rằng Louis Pasteur, người vĩ đại nhất trong tất cả các bậc vĩ nhân của y học khoa học, lại không phải là bác sĩ. Cả Ehrlich cũng không, tuy chính Ehrlich là người đã cống hiến cho y học liệu pháp hiệu quả nhất và đặc hiệu nhất trong toàn bộ lịch sử y học. Cả Haffkine nữa, người đã chiến đấu với bệnh hạch ở Ấn Độ với kết quả to lớn hơn bất kỳ một bác sĩ có bằng nào từ trước đến nay. Và cả Metchnikoff nữa, người mà sự vĩ đại chỉ thua kém có Pasteur. Tôi xin lỗi đã kể ra với ông những điều sơ đẳng đó. Song, thưa ông Boon, những điều ấy có thể chứng minh với ông rằng những người chiến đấu với bệnh tật mà không chính thức nằm trong bác sĩ đoàn không phải đều là những kẻ bất lương hay những kẻ bất tài.

Không khí im lặng căng thẳng. Từ đầu đến phút này, buổi xét xử diễn ra buồn tẻ, rỗng tuếch, trong một bầu không khí nhạt nhẽo cũ rích, như một phiên toà xử lấy lệ vì mọi việc đã được định sẵn từ trước. Nhưng bây giờ, tất cả những người ngồi tại bàn Hội đồng đều nhỏm dậy. Đặc biệt Abbey nhìn Andrew chằm chằm với con mắt lạ lùng. Gian phòng im lặng một lúc.

Hopper lấy tay che mặt, thở dài chán nản. Ông biết vụ kiện này đối với khách hàng của ông thế là hỏng rồi. Còn Boon, tuy hết sức bối rối, nhưng cố trấn tĩnh.

- Đúng, đúng, đó là những tên tuổi lẫy lừng. Chúng ta đều biết. Nhưng chắc ông không định so sánh Stillman với những bậc vĩ nhân đó chứ?

- Tại sao không? – Bừng bừng căm phẫn, Andrew gay gắt vặn lại – Họ lừng lẫy chỉ vì họ qua đời rồi. Virchow đã chế riễu, lăng mạ Koch lúc sinh thời Koch. Nay chúng ta không lăng mạ Koch nữa, mà chúng ta lăng mạ những người như Spahlinger và Stillman. Đây lại là một ví dụ nữa để ông thấy: Spahlinger, một nhà tư tưởng khoa học vĩ đại và độc đáo. Ông ta không phải là bác sĩ. Ông ta không có bằng cấp y học nào. Nhưng ông ta đã cống hiến cho y học nhiều hơn hàng nghìn người khác có bằng cấp, học vị,

những người đi một bước là một bước xe hơi, muốn bắt bệnh nhân phải trả bao nhiêu tiền thì bắt, trong khi đó người ta công kích giềm pha Spahlinger, để mặc ông ta tiêu cả gia sản của mình vào việc nghiên cứu và điều trị, rồi phải tiếp tục đấu tranh trong cảnh nghèo khổ.

- Có lẽ chúng tôi phải hiểu rằng – Boon cười khẩy – ông cũng khâm phục Stillman như vậy.

- Đúng. Đó là một con người lớn lao, một người đã hiến dâng tất cả cuộc đời mình cho loài người. Ông ta đã phải đấu tranh với thói đố kỵ, với những thành kiến và những lời xuyên tạc. Nhưng tôi tin rằng ông ta đã đóng góp vào cuộc chiến đấu chống bệnh lao nhiều hơn bất kỳ một người nào ở Anh. Stillman không phải là người trong ngành y, đúng. Nhưng có biết bao nhiêu người trong ngành y cả đời chữa bệnh lao mà chưa hề bao giờ đem lại một chút gì hữu ích cho cuộc chiến đấu chống căn bệnh này.

Cả gian phòng cao rộng xôn xao. Con mắt Mary bây giờ nhìn Andrew ánh lên một niềm khâm phục xen lẫn lo âu. Hopper buồn bã từ từ thu dọn giấy tờ đút vào cặp da.

Chủ tịch Hội đồng hỏi:

- Ông có ý thức về những điều ông vừa mới nói không?

- Tôi hoàn toàn có ý thức về những điều tôi nói. – Andrew nắm chặt lưng ghế, tự biết anh đã để mình bị lôi cuốn vào một việc hớ hênh, dại dột, nhưng anh kiên quyết giữ vững ý kiến. Anh thở hổn hển, thần kinh căng thẳng cao độ, một sự táo bạo kỳ lạ nào đó bỗng dậy lên trong người. Nếu như họ nhất quyết gạch tên anh thì cứ cung cấp cho họ đủ lý do để gạch. Anh nói tiếp: – Nghe tất cả những lời buộc tội và bào chữa nói về tôi hôm nay, tôi luôn luôn tự hỏi tôi đã làm gì sai trái, có hại. Tôi không muốn cộng tác với những tên lang băm. Tôi không tin ở những phương thuốc bịp bợm. Chính vì vậy mà tôi đã không thèm giở ra xem một nửa số tờ quảng cáo thuốc có vẻ rất khoa học thường xuyên

gửi đến hòm thư tôi. Tôi biết tôi nói quá mạnh. Nhưng tôi không ghìm được. Người nước ta không có những người không phải là những người có đầu óc khá tự do. Nếu chúng ta cứ tiếp tục cố tình coi mọi việc làm của những người ngoài ngành y đều sai và mọi việc làm của những người trong ngành y là đúng thì không thể nào có tiến bộ trong khoa học. Chúng ta sẽ thực sự trở thành một cái hội nhỏ mọn chỉ biết bênh che nghề nghiệp của chúng ta. Đã đến lúc chúng ta phải kịp dọn dẹp lại nội bộ của chúng ta đi thôi. Tôi không muốn nói về những sự việc bề ngoài. Hãy đi từ điểm khởi đầu, hãy nghĩ đến cách đào tạo bác sĩ cực kỳ cổ hủ hiện nay. Khi nhận bằng bác sĩ là tôi trở thành một kẻ nguy hiểm đối với xã hội hơn bất kỳ một loại người nào khác. Toàn bộ kiến thức của tôi chỉ vỏn vẹn có vài ba tên bệnh và mấy thứ thuốc mà người ta bảo tôi phải dùng cho những bệnh ấy. Đến cái cặp thai hộ sinh tôi cũng không biết cầm như thế nào. Những điều hiểu biết của tôi hiện nay là những điều tôi đã học hỏi được từ sau ngày nhận bằng. Nhưng những bác sĩ học được thêm những kiến thức ngoài những điều sơ đẳng thu nhặt trong khi điều trị bệnh nhân, phỏng có được bao nhiêu? Họ không có thời gian, những người vô phúc đáng thương ấy. Họ bị ngập đầu trong công việc. Toàn bộ cách tổ chức của chúng ta thối nát ở chỗ đó. Chúng ta cần phải được sắp xếp thành những đơn vị khoa học. Phải có những lớp bồi dưỡng bắt buộc sau khi nhận bằng tốt nghiệp. Phải có một nỗ lực lớn để đẩy khoa học lên hàng đầu, từ bỏ lối chữa bệnh cổ hủ cho những lọ thuốc pha sẵn, phải tạo cho mọi người thầy thuốc có khả năng học tập, cộng tác với nhau trong nghiên cứu. Lại còn mặt tiền tài nữa! Những cách điều trị vô bổ, chỉ cốt chạy theo đồng tiền, những ca mổ không cần thiết, những thứ biệt dược khoa học giả hiệu, vô giá trị mà chúng ta bắt bệnh nhân phải dùng... phải chăng đã đến lúc phải loại bỏ bớt đi một ít? Toàn bộ ngành y chúng ta đều có thái độ khắt khe, cố chấp và tự mãn quá đáng. Về mặt cơ cấu mà nói, chúng ta dậm chân tại chỗ, không tiến lên được. Chúng ta không hề bao giờ nghĩ đến chuyện

tiến lên, thay đổi cách tổ chức của chúng ta. Chúng ta cứ nói sẽ làm việc này, việc nọ, nhưng chẳng làm gì cả. Từ bao nhiêu năm nay, chúng ta đã phải lải nhải nói mãi về điều kiện làm việc khổ cực của y tá, về đồng lương chết đói mà chúng ta trả cho họ. Thế nhưng sao họ vẫn cứ vất vả, nhọc nhằn, vẫn cứ phải nhận những đồng lương chết đói? Đấy chỉ là một ví dụ. Điều mà tôi muốn nói còn tệ hơn nữa. Chúng ta không tạo điều kiện cho những ai muốn nghiên cứu, tìm tòi. Hexam, người bác sĩ đã dũng cảm gây mê giúp người chuyên nghề nắn xương Javis hồi Javis mới bắt đầu hành nghề, đã bị khai trừ khỏi bác sĩ đoàn. Mười năm sau, khi Javis chữa khỏi hàng trăm bệnh nhân mà những nhà phẫu thuật giỏi nhất ở Luân Đôn chịu bó tay, khi ông ta được phong tước hầu, khi tất cả những người "quyền quý" đều coi ông ta là một thiên tài thì chúng ta quay lại tặng Javis bằng tiến sĩ y khoa danh dự. Khi ấy Hexam đã chết mất rồi, vì một cơn đau tim. Tôi biết tôi đã phạm nhiều sai lầm, những sai lầm nghiêm trọng trong thời gian điều trị bệnh nhân của tôi. Tôi rất ân hận về những sai lầm đó. Nhưng tôi đã không sai lầm khi đánh giá Richard Stillman. Và tôi không ân hận về những việc tôi đã làm với Stillman. Xin các ngài hãy nhìn vào cô Mary Boland. Khi cô ấy đến gặp Stillman thì cô ấy đang bị lao phổi đỉnh. Bây giờ cô ấy đã khỏi bệnh. Nếu như cần có một bằng chứng bào chữa cho hành động sai trái của tôi thì bằng chứng ấy ở ngay trong gian phòng này, ngay trước mắt các ngài.

Andrew đột ngột ngừng lời và ngồi xuống. Ở bàn Hội đồng trên cao, gương mặt Abbey bừng lên một thứ ánh sáng lạ lùng. Boon vẫn đứng, nhìn Andrew với những cảm xúc lẫn lộn. Sau đó, căm tức nghĩ bụng ông ta chí ít cũng đã đem lại cho tay bác sĩ huênh hoang này nhiều mẩu thừng khá dài đủ để tự treo cổ, ông ta bèn cúi đầu chào Chủ tịch Hội đồng và ngồi xuống.

Một bầu không khí im lặng đặc biệt bao trùm lên gian phòng trong một phút rồi Chủ tịch Hội đồng đọc lời tuyên bố thường lệ:

- Tôi yêu cầu mọi người ra ngoài.

Andrew ra ngoài cùng với mọi người khác. Sự táo bạo của anh bây giờ đã tan đi rồi, và đầu óc anh, toàn thể con người anh, rần rật như một cỗ máy chạy quá sức. Không khí trong phòng Hội đồng làm anh ngạt thở. Anh không chịu nổi sự có mặt của Hopper, Boland, Mary và các nhân chứng khác. Anh đặt biệt sợ vẻ buồn rầu trách móc trên gương mặt người luật sư của anh. Anh biết mình đã xử sự như một kẻ ngu ngốc, một tên bẻm mép cực kỳ ngu ngốc. Bây giờ, anh nhận ra sự thành thực của anh là hoàn toàn rồ dại. Đúng, định thuyết phục Hội đồng như cách anh vừa làm thật là điên rồ. Anh không có vẻ một bác sĩ mà là một diễn giả ba hoa ở công viên Hyde. Cũng đúng thôi! Chẳng mấy chốc, anh sẽ không còn là bác sĩ nữa. Họ sẽ thẳng cánh gạch tên anh.

Andrew ra phòng gửi mũ áo, muốn được một mình. Anh ngồi xuống gờ một cái chậu rửa, thọc tay vào túi tìm thuốc lá trong lúc đầu óc nghĩ miên man đâu đâu. Miệng khô đắng, cảm thấy khói thuốc không có vị gì, anh lấy gót giày dập tắt điếu thuốc. Kể cũng lạ: mặc dầu những điều tàn nhẫn, những điều chân thật mà anh vừa mới nói ra về ngành y khi nãy, sao anh vẫn cảm thấy vô cùng khổ cực nếu bị gạt ra khỏi cái ngành này. Anh biết anh có thể được nhận vào làm với Stillman. Nhưng đó không phải là loại việc anh mong muốn. Không! Anh muốn làm việc với Denny và Hope, đi theo chiều hướng riêng của mình, thực hiện đề án của mình, dùng nó như một mũi nhọn xuyên thủng lớp vỏ ngoài che chở cho thái độ hờ hững và bảo thủ. Nhưng muốn làm những việc ấy thì anh phải nằm trong ngành y. Ở nước Anh này, những việc như vậy không bao giờ và không thể nào làm được từ ngoài ngành. Bây giờ chỉ còn Denny và Hope chung sức dựng lên con ngựa thành Troje. Một nỗi cay đắng mênh mông tràn ngập người anh. Một tương lai trơ trọi trải ra trước mắt anh. Anh đã cảm thấy cảm giác đau khổ nhất trong mọi thứ cảm giác: bị gạt ra ngoài lề.

Và kèm theo nó là ý thức biết rằng đời anh thế là xong, không còn gì nữa. Chấm hết rồi.

Tiếng chân người đi ngoài hành lang làm anh mệt mỏi đứng dậy. Đi cùng với mọi người trở lại phòng Hội đồng, anh nghiêm khắc tự nhắc nhở anh chỉ còn có một điều phải giữ là không được quỳ gối. Anh cầu mong không để lộ ra một dấu hiệu quỵ luỵ yếu đuối nào. Anh ngồi không nhúc nhích, mắt dán xuống sàn, vào ngay chỗ trước mặt anh, không nhìn ai, không nhìn một cái nào về phía chiếc bàn cao của Hội đồng. Những tiếng động linh tinh trong gian phòng vọng lại âm vang xung quanh anh làm anh phát điên: tiếng ghế cọt kẹt, tiếng ho, tiếng thì thào, cả đến tiếng quái gở của ai đó lơ đãng gõ bút chì.

Nhưng bỗng nhiên tất cả đều im lặng. Andrew cứng đờ người. Anh nghĩ: đến lúc rồi đó.

Chủ tịch Hội đồng lên tiếng. Giọng ông khoan thai, đĩnh đạc.

- Ông Andrew Manson. Tôi báo để ông rõ Hội đồng đã xem xét hết sức thận trọng lời buộc tội ông và những bằng chứng hậu thuẫn cho lời buộc tội đó. Ý kiến của Hội đồng là, mặc dầu vụ này xảy ra trong tình huống đặc biệt và cách trình bày của ông đặc biệt khác thường, ông đã hành động với thiện ý và đã thành thực mong muốn làm theo đúng tinh thần của luật lệ đòi người làm nghề y phải tỏ ra có một tiêu chẩn đạo đức thật cao. Do đó, tôi báo để ông biết Hội đồng thấy không nên chỉ thị xoá tên ông khỏi danh sách chính thức bác sĩ đoàn.

Trong một giây sững sờ, Andrew chưa kịp hiểu. Rồi anh bỗng rùng mình, lảo đảo. Họ không xoá tên anh. Anh được tự do, vô can.

Andrew run run ngẩng đầu lên nhìn về phía bàn Hội đồng. Trong tất cả các gương mặt bị nhoè đi lạ lùng đang nhìn về phía anh, gương mặt anh nhận ra rõ nét nhất là gương mặt Robert Abbey. Sự thông cảm trong con mắt Abbey làm Andrew càng choáng

váng. Như một tia sáng loé lên trong óc, Andrew chợt hiểu chính Abbey là người đã cứu anh thoát nạn.

Bây giờ anh không còn làm ra vẻ thờ ơ nữa. Anh lẩm bẩm yếu ớt, tuy nói với ông Chủ tịch Hội đồng nhưng chính là nói với Abbey:

- Xin cảm ơn ngài.

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố: Phiên họp bế mạc.

Andrew đứng dậy và lập tức các bạn bè anh, Con Boland, Mary, ông Hopper kinh ngạc, những người anh chưa hề gặp vây quanh lấy anh, nồng nhiệt siết chặt tay anh. Rồi tự nhiên, Andrew thấy mình đang đi ngoài phố, bàn tay Con Boland vẫn còn vỗ vỗ lên vai anh. Không hiểu sao trong lúc nôn nao rối trí này, cảnh tượng xe cộ và khách qua đường đi lại làm anh yên tâm và thỉnh thoảng anh lại thấy trào lên trong lòng một niềm say sưa sung sướng khi nghĩ anh đã được tự do.

Bất ngờ nhìn xuống, Andrew gặp đôi mắt nhòa lệ của Mary ngước lên anh.

- Nếu họ định làm gì chú, sau tất cả những gì mà cháu phải chịu ơn chú, thì cháu... có thể giết chết ông Chủ tịch già kia.

Con Boland không ghìm mình nổi, thốt lên:

- Mẹ kiếp! Tôi không biết các người lo ngại cái gì cơ chứ. Khi anh chàng Manson này bắt đầu nói thì tôi đã tin chắc trăm phần trăm anh chàng sẽ cho tất cả bọn kia biết tay.

Andrew mỉm cười yếu ớt, dè dặt, nhưng vui vẻ.

Ba người về đến khách sạn Museum vào một giờ trưa. Denny đã ngồi tại phòng đợi của khách sạn. Denny nhảy bổ về mấy người, miệng mỉm cười nhưng nét mặt vẫn còn nghiêm trang. Hopper đã gọi dây nói báo tin.

Denny không bình phẩm câu gì, anh chỉ bảo:

- Mình đói rồi. Nhưng ta không ăn được ở đây. Lại đằng này, tất cả, đi ăn với tôi...

Họ ăn trưa tại hiệu Connaught. Tuy Denny không để lộ một chút xúc cảm nào trên nét mặt, tuy anh chủ yếu chỉ nói chuyện xe hơi với Con Boland, nhưng anh đã biến bữa ăn này thành một bữa tiệc mừng Andrew.

Sau đó, Denny nói với Andrew:

- Tàu về chỗ chúng mình khởi hành vào lúc bốn giờ chiều. Hope hiện nay đang ở Stanborough, nằm ở khách sạn chờ chúng mình. Chúng mình có thể mua được ngôi nhà ấy với một cái giá rất rẻ. Bây giờ chúng mình phải đi mua sắm một vài thứ. Ta sẽ gặp nhau tại ga Euston vào bốn giờ kém mười nhé.

Andrew nhìn Denny đăm đắm. Anh hiểu rõ tình bạn thân thiết của Denny, hiểu rõ tất cả những gì Denny đã giúp anh trong cuộc sống từ buổi đầu tiên gặp nhau tại cái y xá cỏn con ở Aberalaw.

Andrew đột nhiên hỏi:

- Giả sử mình bị xoá tên thì sao?

Denny lắc đầu:

- Không thể nào xoá tên được. Mình sẽ không bao giờ để cho chuyện ấy xảy ra với cậu.

Sau khi Denny tạm chia tay đi mua mấy thứ cần dùng, Andrew tiễn Con Boland và Mary ra ga Paddington. Trong lúc chờ tàu ngoài sân ga bây giờ đã hơi yên lặng, Andrew nhắc lại lời mời anh hồi nãy.

- Cậu phải đưa gia đình đến chơi với chúng mình ở Stanborough.

- Thể nào tụi mình cũng sẽ đến chơi. Sang xuân, khi chiếc xe buýt con ở nhà được sửa xong...

Tàu chạy rồi, Andrew còn rỗi một giờ nữa. Anh không phải suy tính xem nên làm gì bây giờ. Khác nào hành động theo bản năng,

anh nhảy lên một chiếc xe buýt. Chẳng mấy chốc anh đã đến Kensal Green. Anh vào trong nghĩa trang, đứng lặng một lúc lâu trước mộ Christine, óc miên man nghĩ đến biết bao nhiêu điều. Chiều hôm nay sáng đẹp, mát mẻ, ngọn gió nhè nhẹ gây một cảm giác khoan khoái mà Christine xưa kia vẫn thích. Phía trên đầu anh, trên một cành cây bụi rậm có một con chim sẻ đang kêu chiêm chiếp vui vui.

Sau cùng, khi Andrew trở ra, rảo bước sợ chậm tàu, trên bầu trời trước mặt anh lảng bảng một vầng mây mang hình dáng một bức tường thành rạn nứt.